

KINH

**ĐẠI PHẬT ĐẢNH
NHƯ LAI MẬT NHON
TU CHÚNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH**

THỦ LĂNG NGHIÊM
ŚŪRAMGAMA-SŪTRA

NĂM MƯƠI HIỆN TƯỢNG ÁM MA

QUYỂN IX - X

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

KINH

ĐẠI PHẬT ĐẢNH
NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH

首楞嚴經

THỦ LĂNG NGHIÊM
ŚŪRAMGAMA-SŪTRA

NĂM MƯƠI HIỆN TƯỢNG ẤM MA
QUYỂN IX - X

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

KHAI KINH KỆ

無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇。
我今見聞得受持
願解如來真實義。

*Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*



*Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Con nay nghe được chuyên trì tụng
Nguyện rõ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.*

TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN



- ❁ Dịch giả phải thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.
- ❁ Dịch giả phải tu thân dưỡng tánh, dứt bỏ thói cao ngạo.
- ❁ Dịch giả phải tự chế, không được tự khen ngợi mình mà chê bai kẻ khác.
- ❁ Dịch giả không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp kẻ khác bằng cách tìm lỗi lầm nơi tác phẩm của họ.
- ❁ Dịch giả phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
- ❁ Dịch giả phải dùng trích pháp nhãn để phân xét đâu là chân lý.
- ❁ Dịch giả phải cung kính cầu thỉnh Cao tăng, Đại đức mười phương chứng minh cho bản dịch.
- ❁ Dịch giả phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa nhà Phật bằng cách in Kinh, Luật, Luận một khi phần phiên dịch của mình được chứng minh là đúng.

LỜI GIỚI THIỆU

Nam mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Tại Ấn Độ ngày xưa, Kinh Thủ-lăng-nghiêm được xem như một thứ quốc bảo, rất hạn chế việc truyền bá ra nước ngoài. Sự thận trọng như vậy rất cần thiết, vì hành giả tự tu tự học Kinh Thủ-lăng-nghiêm mà thiếu sự hướng dẫn của các bậc chân sư thì khó tránh khỏi mạng lưới tà kiến, những hiện tượng quái dị.

Năm Mươi Hiện Tượng Ám Ma là phần cuối của bộ Kinh Thủ-lăng-nghiêm được Đức Phật mô tả rõ ràng về trạng thái tâm lý của hành giả; về phạm vi giới hạn của mỗi ám; về những biến tướng quái dị làm mê hoặc hành giả, và sau cùng là lời cảnh giác thiết thực.

Sở dĩ có những trở ngại này (ma; s: mara) là do tâm lý nôn nóng về danh lợi, về ý hướng muốn thành Phật tức khắc của các hành giả còn non kém. Đó là hậu quả tai hại của nhận thức sai lầm về tinh thần “sự-lý viên dung” trong đạo Phật.

Để chữa trị căn bệnh này, Đức Thế tôn đã dạy rõ:

*“Lý tắc đôn ngộ, thừa ngộ tinh tiêu,
Sự phi đôn trừ, nhơn thứ đệ tận.”*

(Kinh Thủ-lăng-nghiêm Q.10)

Nghĩa là:

Phần lý tánh thì có thể giác ngộ ngay tức khắc, nhờ sự giác ngộ này mà các nhận thức sai lầm đều tiêu tan. Nhưng phần sự tướng (hành động) thì không thể trừ diệt ngay lập tức mà phải lần lượt theo thứ lớp mới hết sạch.

Nguyên tác tiếng Anh của bản dịch này có tựa đề: “The Shurangama Sūtra—The Fifty Skandha Demon States” của Hòa Thượng THÍCH TUYẾN HÓA nhằm mục đích truyền bá chánh pháp, tiêu trừ tà kiến, giúp hành giả đạt được kết quả chân thật trong việc tu hành.

Đại đức Thích Nhuận Châu trong thời gian tu học tại Tịnh thất Từ Nghiêm đã phát tâm dịch tác phẩm này ra Việt ngữ để tỏ lòng biết ơn trong muôn một đối với đại nguyện truyền bá chánh pháp của Hòa Thượng giữa thời đại “nhiều chuyện” này.

Cùng với ý hướng ấy, tôi xin trân trọng viết lời giới thiệu để tán dương công đức. Chắc rằng bản dịch đầu tay này khó tránh khỏi sự vụng về thiếu sót. Kính mong Chư Tôn đức hoan hỷ sửa sai và có lời chỉ giáo cần thiết để các bản in sau được hoàn chỉnh hơn.

Chùa Phổ Hiền

Mạnh Xuân, Kỷ Mão 1999

THÍCH QUẢNG HẠNH

PHẦN CHÁNH VĂN

và

GIẢNG GIẢI

PHẦN CHÁNH VĂN VÀ GIẢNG GIẢI

Kinh văn:

即時如來將罷法座。於師子床，攬七寶几¹，迴紫金山再來凭倚。普告大眾及阿難言。汝等有學緣覺聲聞。今日迴心趣大菩提無上妙覺。吾今已說真修行法。

Túc thời Như Lai tương bãi pháp tòa. Ư sư tử sàng, lãm thất bảo kỷ, hồi tử kim sơn, tái lai bằng y, phổ cáo đại chúng, cập A-nan ngôn: Nhữ đẳng hữu học Duyên giác Thanh văn, kim nhật hồi tâm thú đại bồ-đề vô thượng diệu giác. Ngô kim dĩ thuyết chân tu hành pháp.

Việt dịch:

Lúc bấy giờ Đức Như Lai sắp rời pháp tòa. Từ tòa sư tử, ngài vin chiếc ghế bảy báu, xoay thân hình như sắc núi vàng tía, rồi lại tựa lưng vào ghế, bảo đại chúng cùng A-nan rằng: Các ông là hàng Thanh văn, Duyên giác hữu học, ngày nay hồi tâm hướng về Vô thượng bồ-đề. Như Lai đã dạy pháp tu chọn chánh cho các ông rồi.

¹ Bản Vạn Phật Thánh Thành (VPTT) dùng chữ 几. Bản Taishō dùng 机.

Giảng:

Lúc bảy giờ Đức Như Lai sắp rời pháp tòa: là khi Đức Phật giảng gần xong hội Kinh Thủ-lăng-nghiêm.

Từ tòa sư tử, ngài vin ghé bảy báu. Đức Phật đang ngồi trên pháp tòa, tức tòa sư tử. Pháp âm của Như Lai ví như tiếng gầm của sư tử. Khi sư tử gầm lên, tất cả các loài thú đều sợ hãi. Nên chỗ Như Lai ngồi giảng pháp được gọi là tòa sư tử. Chiếc ghé mà Như Lai ngồi được làm bằng bảy thứ báu để trang nghiêm.

Như Lai xoay thân hình như sắc núi vàng tía, rời lại tựa lưng vào ghé. Thân của Đức Phật như núi bằng vàng tía, ánh sáng rực chiếu khắp mọi nơi, bảo khắp đại chúng cùng A-nan rằng: **các ông là hăng Thanh văn, Duyên giác hữu học.** Trước khi đạt được bốn quả vị dành cho hàng A-la-hán, họ vẫn được coi là hàng hữu học.

Thanh văn là những vị được giác ngộ do tu tập pháp “Tứ diệu đế.” Duyên giác là những vị được giác ngộ do tu tập pháp “mười hai nhân duyên.” Nay **hồi tâm hướng về Vô thượng bồ-đề.** A-nan và hàng Thanh văn bây giờ đã hồi tâm, từ quả vị Tiểu thừa hướng về Đại thừa. A-nan cùng hàng Nhị thừa đã phát tâm cầu Vô thượng bồ-đề, không có gì để sánh với sự giác ngộ nhiệm mầu này.

Như Lai đã chỉ dạy pháp tu chân chính cho các ông rồi. Đức Phật đã chỉ dạy rõ ràng phương pháp tu hành chơn chánh cho các vị rồi.

Kinh văn:

汝猶未識修奢摩他，毘婆舍那微細魔事。魔境現前，汝不能識。洗心非正，落於邪見。

Nhữ do vị thức tu xa-ma-tha, tỉ-bà-xá-na vi tế ma sự. Ma cảnh hiện tiền, nhữ bất năng thức. Tẩy tâm phi chính, lạc u tà kiến.

Việt dịch:

Do các ông vẫn còn chưa biết những ma sự nhỏ nhiệm xảy ra lúc tu chỉ và quán. Nếu các ông không nhận ra ma cảnh khi nó hiện ra là do việc thanh tịnh tâm ý của ông không đúng với pháp chân thật, nên bị rơi vào tà kiến.

Giải:

Nhưng các ông vẫn còn chưa biết những ma sự nhỏ nhiệm sẽ xảy ra khi tu tập chỉ quán.

Trước đây A-nan đã thưa thỉnh xin Đức Phật chỉ dạy cách thức tu hành. Ngài đã vì chúng sanh trong đời vị lai mà thỉnh cầu giáo pháp.

Dù bây giờ Ngài A-nan đã hiểu được đạo lý tu hành rồi nhưng vẫn chưa có kinh nghiệm tu tập. Ngài đã hiểu được lý thuyết, nhưng do thiếu kinh nghiệm, nên Ngài không biết được những gì xảy ra trong khi hành trì nên Đức Phật mới chỉ dạy như vậy. Tu *chỉ*¹ tức

¹ Chỉ: Śamatha 奢摩他. Ý dịch là Chỉ quán 止觀, định huệ 定慧, tịch chiếu 寂照, minh tịnh 明靜.

là tu tập Thủ-lăng-nghiêm đại định. Tu quán¹ là một pháp quán chiếu rất vi mật. Các ma sự nhỏ nhiệm sẽ xuất hiện vào lúc này. Trong tiến trình tu tập, rất nhiều ma cảnh sẽ hiện ra. Không phải hiện tượng nào cũng hiển bày rõ ràng, nhưng chúng rất vi tế.

Nếu các ông không nhận ra ma cảnh khi nó hiện ra. Khi các ông công phu theo phương pháp *phản vấn vấn tự tánh* (hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh vốn có của mình) thì ma cảnh sẽ xuất hiện. Nếu các ông không nhận ra ma và không biết ma là gì, là do việc thanh tịnh tâm ý của ông không đúng với pháp chân thật.

Vì ông đã tự thanh tịnh tâm ý mình, nhưng có hơi sai lệch, không phù hợp với chánh tri kiến. Do đó bị rơi vào tà kiến. Nếu chánh tri kiến của các ông không được chân chánh (không đúng với chánh pháp) thì các ông sẽ bị dính mắc vào các ma cảnh.

Kinh văn:

或汝陰魔，或復天魔。或著鬼神，或遭魘魅。心中不明，認賊為子。

Hoặc nhữ âm ma, hoặc phục thiên ma. Hoặc trước quỷ thần, hoặc tao quỷ mị. Tâm trung bất minh, nhận tặc vi tử.

¹ Quán: s: Vipasyana 毘鉢舍那 tỳ-bát-xá-na.

Việt dịch:

Ông sẽ bị quấy nhiễu bởi một loài ma từ ngũ âm của ông. Hoặc là thiên ma, hoặc bị dính mắc bởi quỷ thần, hoặc gặp loài ly, my. Nếu tâm ông không sáng suốt, ông sẽ nhận làm kẻ giặc làm con mình.

Giảng:

Ông sẽ bị quấy nhiễu bởi một loài ma từ ngũ âm của ông.

Đó là một loại ma phát sinh từ chính tâm thức của mình. Hay là một trong mười loại ma phát sinh từ sắc âm, cũng là do từ tâm ông mà có.

Hoặc là thiên ma. Tại sao một loại ma từ trên trời lại đến quấy phá ông được? Là vì ông tu mà nhắm tới mục đích để đạt được định lực.

Đạt được chút định lực trong khi tu tập chẳng phải là điều quan trọng, nhưng có thể làm cho cung điện của Ma vương rung động giống như qua một cơn động đất. Vì Ma vương có được thần thông, nên ngay khi cung điện của nó bị rung động, nó liền tìm hiểu “tại sao cung điện của ta bỗng nhiên rung động.” Nó khám phá ra ai đó nơi thế gian sắp sửa thành tựu đạo nghiệp. Định lực của người ấy sẽ phá nát cung điện của nó, Thiên ma mới suy nghĩ: “Ông muốn phá hủy cung điện của tôi, thì tôi sẽ làm tiêu hủy định lực của ông trước.” Thế là nó đến phá hoại định lực của người đang tu hành.

Hoặc bị dính mắc bởi quỷ thần: Khi quỷ thần thấy ông sắp đạt được kết quả tu tập, nó ghen tức, nó nghĩ: “Ồ! vậy là ông sắp chứng đạo.” Nên trước hết nó

đến phá hủy công phu tu tập của ông. Thế là nó nhập vào tâm thức ông hay chiếm đoạt thân xác ông, khiến cho định lực của ông không thể hoàn mãn.

Nó làm cho ông sẽ bị “tẩu hỏa nhập ma” và lệ thuộc vào nó. Từ trước tôi đã giảng về việc bị dính mắc vào quỷ thần rồi phải không? Điều đó rất quan trọng. Tại sao ông lại trở thành vật sở hữu của ma? Vì **Việc thanh tịnh tâm ý của ông không chân chánh, không đúng với chánh pháp** và bởi vì động cơ không chơn chính, dù chỉ một niệm tà ý nhỏ nhoi, ông cũng sẽ bị dính mắc với quỷ thần. Điều đó được gọi là “tẩu hỏa nhập ma” vậy.

Hoặc gặp loài ly mị. Hoặc là vọng lượng. Các loại ma này đều là những loại yêu quái. **Nếu tâm ông không sáng suốt. Ông sẽ nhận làm kẻ giặc làm con.** Nếu ông gặp dạng ma này mà không nhận ra hoặc không hiểu gì về nó thì ông sẽ đi đến chỗ “nhận giặc làm con mình.” Hãy suy nghĩ kỹ về điều này. Để nó khỏi đánh cắp tài sản của mình. Nếu mình để cho kẻ trộm vào nhà, thì những thứ tài sản quý báu trong nhà đều bị nó lấy sạch.

Cái gì là tài sản quý báu nhất trong nhà mình?

Tôi sẽ nói một cách chân thành mộc mạc để cho các ông phải nhớ thật kỹ điều này, các ông phải tin lời tôi nói. Bất cứ ông làm điều gì, cũng đừng có quên lời tôi nói mà bỏ qua. Sao vậy? Vì đây là điều quan trọng đối với tương lai và sinh mệnh của chính ông.

Cái gì là kho tàng quý giá của chính mình? Đó là kho tàng Chân tánh Như Lai vốn sẵn có nơi ông. Tánh Như Lai tạng¹ ấy, ông để mất được hay sao? Các ông không nhớ tôi đã từng nói đến bản chất, năng lực cùng tinh thần của Như Lai tạng ở trước rồi hay sao? Nếu ông muốn khôi phục lại Như Lai tạng của chính mình, trước hết ông phải bảo trì **tâm tánh, khí chất và tinh thần** (tinh, khí, thần) của mình. Nếu ông không chăm sóc bảo dưỡng chu đáo ba yếu tố này, thế là ông để cho tài sản của mình bị cướp đoạt. Hãy hết sức cẩn trọng (1).²

Kinh văn:

又復於中得少為足。如第四禪無聞比丘妄言證聖。天報已畢，衰相現前，謗阿羅漢，身遭後有。墮阿鼻獄。

Hựu phục ư trung đắc thiểu vi túc. Như đệ tứ thiền Vô Văn ti-khuru vọng ngôn chứng thánh. Thiên báo dĩ tất, suy tướng hiện tiền, báng A-la-hán, thân tao hậu hữu. Đọa a-tì ngục.

Việt dịch:

Lại nữa, do trong khi tu tập, cảm thấy hài lòng, thỏa mãn khi có chút ít thành quả. Như tỳ-khuru Vô

¹ S: Tathāgatagarbha.

² Những số trong ngoặc từ (1) đến (42), là những giải thích rất quan trọng của Hòa thượng dành cho những người gặp phải những vướng mắc trong khi hành trì. Xin xem thật kỹ ở phần *Khai thị và Tham vấn* phía sau, từ trang 492.

Văn, đã đạt được Tứ thiên, vọng ngôn cho rằng mình đã chứng Thánh. Khi phước báo ở cõi trời hết, tướng suy xuất hiện, nên phỉ báng rằng chúng quả a-la-hán còn phải chịu sanh tử. Ông liền đọa vào địa ngục a-tỳ.

Giảng:

Lại nữa do trong khi tu tập, cảm thấy hài lòng thỏa mãn khi có chút ít thành quả.

Trong khi tu tập, dù nếu ông không bị dính mắc với quỷ thần, ông cũng phải cần có trí tuệ chân chính và có con mắt *trạch pháp nhãn*. *Trạch* là sự tuyển chọn, *pháp* là Phật pháp, *nhãn* là con mắt của chính mình. Nếu ông nhận ra được Phật pháp, thì tự ông sẽ biết mình tu tập đến trình độ nào. Đừng tự thấy mình có chút ít hiểu biết đạo lý rồi cảm thấy thỏa mãn.

Như tỳ-khưu Vô Văn, đạt đến Tứ thiên, vọng ngôn cho rằng mình đã chứng thánh.

Gọi là tỳ-khưu Vô Văn¹ vì ông ta không hiểu biết nhiều. Ông ta chỉ biết chút ít Phật pháp. Tại sao lại gọi ông ta là Vô Văn. Căn bản là khi chứng được bốn quả vị a-la-hán thì được sanh lên cõi trời Tứ thiên. Đức Phật dạy: vị nào chứng được tứ quả a-la-hán thì không còn chịu sanh tử luân hồi nữa. Khi chứng được quả vị thứ hai được gọi là Nhất lai, phải còn thọ sanh một lần

¹ P: Assutavā-bhikkhu: Chỉ cho hàng tỳ-khưu phạm phu thiếu trí huệ. Tự ức đoán về giáo lý của Phật, nhưng kết quả tu tập thì không tương ứng với những gì họ đã tin, bèn phỉ báng chư Phật. Vô Văn tỳ-khưu là chỉ chung cho hạng tỳ-khưu có loại tà kiến này.

trên cõi trời và một lần trở lại trong cõi người. Còn phải trải qua một lần sinh tử nữa. Vị Thánh đạt quả vị thứ nhất (trong bốn quả vị a-la-hán) còn phải chịu trải qua bảy lần sanh tử.¹ Tất cả những cảnh giới này đều vượt hơn cõi trời Tứ thiên.

Vô Văn tử-khuru chỉ mới đạt đến cảnh giới Thiên thứ tư trong quá trình tu tập của ông thôi, nhưng ông ta tưởng rằng ông đã chứng được quả vị thứ tư của a-la-hán. Thực ra ở trình độ cảnh giới Thiên thứ tư, vẫn chưa chứng được quả vị gì, và vẫn còn là phàm phu (vì chỉ có định lực mà chưa phát huệ).

Nhưng tử-khuru Vô Văn tuyên bố rằng ông ta đã chứng được quả vị thứ tư của hàng a-la-hán. Thế mà hiện nay vẫn có người cho rằng quả vị thứ tư của hàng a-la-hán vẫn còn thấp so với họ. Họ trơ tráo tuyên bố rằng chính họ là Phật. Nhưng một Đức Phật thì có đủ tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông.² Quý vị có thể hỏi những người tự tuyên bố mình là Phật xem họ có được mấy món thần thông. Chắc chắn là thiếu *lậu tận thông*. Tôi tin chắc những người tự cho rằng mình là Phật thì

¹ Gọi là Thất lai, tức Tu-đà-hoàn (s: Srota-āpana). Cựu dịch Nhập lưu 入流, nghịch lưu 逆流.

² Tam thân: Pháp thân, Báo thân, Ứng hóa thân.

Tứ trí: Thành sở tác trí, Diệu quán sát trí, Bình đẳng tánh trí, Đại viên cảnh trí.

Ngũ nhãn: Nhục nhãn, Thiên nhãn, Huệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn.

Lục thông: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mệnh thông, Thần túc thông, Lậu tận thông.

chẳng có được dù chỉ là một món thần thông, chứ đừng nói năm hoặc sáu. Chỉ có những người không có thần thông mới muốn khoe mình là Phật. Những người quả thật chỉ có dù một món thần thông, họ sẽ không bao giờ dám đưa ra lời đại vọng ngôn như thế.

Khi phước báo cõi trời hết. Khi đời sống của họ ở cõi trời kết thúc, và những tướng suy xuất hiện. Các ông có nhớ năm tướng suy xuất hiện không? Các ông có nhớ năm tướng suy tôi đã giảng phần trước không? Khi đời sống của một chúng sanh ở cõi trời kết thúc và sắp mạng chung, thì có năm dấu hiệu xuất hiện, gọi là năm tướng suy: một là vòng hoa trên đầu (vương miện) héo rũ, hai là áo quần trở nên dơ bẩn, ba là ở nách thoát ra mồ hôi, bốn là thân thể trở nên hôi thối dơ bẩn, năm là không thích ngồi lâu.

Ông ta phải báng rằng chúng quả a-la-hán còn phải chịu sanh tử. Ông liền đọa vào địa ngục a-tỳ.¹

Khi phước báo ở cõi trời sắp hết, năm tướng suy sẽ xuất hiện, báo hiệu cuộc sống ở cõi trời đã đến lúc chấm dứt. Tỷ-khuru Vô Văn nổi giận. Ông ta tức giận điều gì? Ông ta nghĩ: “Ta đã bị Phật lừa dối, Đức Phật là một kẻ bịp bợm. Đức Phật nói rằng người nào chúng được tứ quả a-la-hán thì không còn phải kinh qua sinh

¹ S: Avīci. Hán dịch: Vô gián địa ngục 無間地獄. Là một trong ba địa ngục nóng. Địa ngục này ở tầng cuối cùng trong các tầng địa ngục, có 7 lớp thành sắt, 7 tầng lưới sắt, trong 7 lớp thành có 7 rừng gươm, dưới có 18 phòng giam, 7 lớp bao quanh đều là rừng đao.

tử luân hồi nữa. Tại sao cuộc sống của tôi lại sắp kết thúc? Tại sao tôi phải chịu tái sinh? Tại sao tôi phải chịu luân hồi? Tại sao tôi phải chịu sinh ra một lần nữa? Đức Phật là một kẻ nói dối.” Chúng ta biết ngay điều gì xảy ra khi ông phỉ báng Đức Phật như thế. Ông ta đọa ngay vào địa ngục A-tì.

Địa ngục A-tì còn gọi là địa ngục vô gián. Vốn là do không chúng được quả vị a-la-hán, mà tuyên bố đã chúng được, nên khi hưởng phước báo ở cõi trời xong, khi chấm dứt mạng sống ở đó, liền rơi vào cảnh giới thấp kém hơn. Ông ta không nhận ra lỗi lầm của mình mà còn cho rằng Đức Phật giảng pháp không đúng. Thực sự Đức Phật đã nói rằng: “Ông chưa chúng được quả vị thứ tư của hàng a-la-hán. Nếu ông đã chúng được, ông chẳng còn sinh tử luân hồi nữa.”

Tại sao lại có năm tướng suy hiện ra? Vì hủy báng Đức Phật. Do vậy, Vô Văn tử-khuru liền rơi vào địa ngục vô gián.

Các ông có thể tưởng tượng được những người tự tuyên bố mình là Phật sẽ đi về đâu. Tôi không biết rồi họ sẽ kết thúc sinh mạng ở nơi nào nữa?

Kinh văn:

汝應諦聽，吾今為汝，仔細分別。

Nhữ ung đế thính, ngô kim vị nhữ, tử tế phân biệt.

Việt dịch:

Các ông nên lắng nghe kỹ. Như Lai sẽ giảng giải chi tiết cho các ông.

Giảng:

Các ông nên lắng nghe kỹ. A-nan, ông nên đặc biệt lưu ý, hãy lắng nghe cho kỹ. **Như Lai sẽ giảng giải chi tiết cho các ông**, giảng giải cho A-nan cùng đại chúng tường tận từng chi tiết. Vậy nên đừng có thất vọng, đừng sanh tâm cô phụ.

Kinh văn:

阿難起立，并其會中，同有學者，歡喜頂禮，伏聽慈誨。

A-nan khởi lập, tịnh kì hội trung, đồng hữu học giả, hoan hỉ đảnh lễ, phục thính từ hối.

Việt dịch:

A-nan đứng dậy, cùng hàng hữu học trong chúng hội vui mừng đảnh lễ, im lặng lắng nghe lời chỉ dạy từ bi của Đức Phật.

Giảng:

A-nan đứng dậy, cùng hàng hữu học trong chúng hội. Đó là các vị Bồ-tát, các vị Đại a-la-hán, các vị Đại tỳ-khưu, các vị hữu học, những người đã chứng được sơ quả, đệ nhị, và đệ tam quả A-la-hán.

Vui mừng đảnh lễ. Vì Đức Phật sắp sửa giảng giải vấn đề rất chi tiết, nên mọi người đều hớn hở. Cùng nhau vui mừng đảnh lễ Đức Phật. Họ tự nhiếp phục tâm ý của mình, **im lặng lắng nghe lời chỉ dạy từ bi của Đức Phật.** Không để cho một niệm tưởng lăng xăng nào khuấy khởi. Như vậy mới có thể lắng nghe với sự chú tâm trọn vẹn giáo pháp mà Đức Phật sắp chỉ dạy.

Kinh văn:

佛告阿難及諸大眾：汝等當知，有漏世界十二類生，本覺妙明覺圓心體，與十方佛無二無別。

Phật cáo A-nan cập chư đại chúng: Nhữ đẳng đương tri, hữu lậu thế giới thập nhị loại sanh, bản giác diệu minh, giác viên tâm thể, dữ thập phương Phật, vô nhị vô biệt.

Việt dịch:

Đức Phật bảo ngài A-nan và mọi người trong chúng hội: Các ông nên biết, mười hai loại chúng sanh trong thế giới hữu lậu đều vốn có bản tâm sáng suốt nhiệm màu, là tâm thể giác ngộ trọn vẹn, không khác tâm thể mười phương chư Phật.

Giảng:

Đức Phật bảo ngài A-nan và mọi người trong chúng hội. Tất cả các ông nên biết mười hai loài chúng sinh trong thế giới hữu lậu đều vốn có bản tâm sáng suốt nhiệm màu, là tánh giác sẵn có xưa nay, là chân tâm vốn sáng suốt, nhiệm màu là tâm thể giác ngộ hoàn toàn, không khác tâm thể mười phương chư Phật. Hoàn toàn giống nhau, chẳng khác chút nào. Chư Phật mười phương cũng có bản tâm sáng suốt nhiệm màu ấy, và trong mười hai loại chúng sanh¹

¹ Mười hai loại sanh: thai, noãn, thấp, hóa; hữu sắc, vô sắc, hữu tướng vô tướng; phi hữu sắc, phi vô sắc; phi hữu tướng, phi vô tướng.

cũng thừa hưởng được tâm thể hoàn toàn giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu (*bản giác diệu minh—giác viên tâm thể*) và còn được gọi là Tánh Như Lai tạng.

Kinh văn:

由汝妄想，迷理為咎，癡愛發生，生發徧迷，故有空性。化迷不息有世界生。則此十方微塵國土非無漏者，皆是迷頑妄想安立。

Do nhữ vọng tưởng, mê lí vì cữu, si ái phát sanh, sanh phát biến mê, cố hữu không tính. Hóa mê bất tức, hữu thể giới sanh. Tắc thử thập phương vi trần quốc độ phi vô lậu giả, giai thị mê ngoan vọng tưởng an lập.

Việt dịch:

Do ông vọng tưởng, mê mờ chân lý nên phát sinh si ái, khiến gây ra mê làm cùng khắp, nên có hư không. Cái mê biến hóa không dừng nên có thế giới. Do vậy, các cõi nước nhiều như vi trần trong mười phương chẳng phải là vô lậu, đều dựng lập nên từ mê muội, vọng tưởng.

Giải:

Do ông vọng tưởng, mê mờ chân lý. Nay A-nan, tự tánh của ông và tự tánh của mười hai loại chúng sinh cùng với chư Phật chẳng khác. Là một, là như nhau. Tuy nhiên, nương nơi chân mà ông dấy khởi vọng tưởng sai lầm, trở nên mê muội chân lý. Mê lầm sai trái từ đó phát sinh.

Nên si ái phát sinh.

Lỗi lầm lớn nhất là gì? Là si và ái. Có thể nói si và ái là hai thứ, cũng có thể gom nó lại thành một thứ: si ái. Vô minh che lấp mọi hiểu biết, chỉ biết đến ái dục, chỉ nghĩ đến ái dục từ sáng đến tối. Chẳng thể buông bỏ được ái dục dù chỉ trong chốc lát. Nếu quý vị chú tâm nghiên cứu Phật pháp cũng như khi say mê ái dục vậy thì sẽ thành Phật rất chóng. Nhưng tiếc thay, quý vị không thể chuyển đổi ý thích dục lạc thành ý thích Phật pháp. Ông càng học Phật pháp, ông càng thấy chán. Ông cho rằng: “Tôi có quá nhiều lỗi lầm. Phật pháp vạch ra cho thấy hết thảy, tôi chẳng muốn học nữa. Phật pháp kêu gọi tôi thay đổi tập khí, làm sao mà tôi có thể thay đổi được điều ấy? Đó là một ví dụ về si ái. Ở trên, kinh văn đã nói: Do vọng tưởng nên mê lầm chân lý. Nay tôi có thể nói rằng mọi lỗi lầm đều phát khởi từ si ái.

Khiến gây ra mê lầm cùng khắp.

Si ái gây nên sự mê lầm cùng khắp. Ông trở nên mê mờ lầm lẫn về tất cả mọi việc. Khi ông trở nên si ái, ông không hiểu biết gì cả về mọi việc. Không có việc gì đáng để ông quan tâm cả. Ông còn ngoan cố cho rằng: “Nếu tôi có đọa địa ngục thì kệ tôi, việc gì phải bận tâm.” Ông chẳng còn bận tâm đến việc gì nữa cả.

Nên có hư không.

Từ si ái mà ông gây nên lỗi lầm. Vì người đàn ông cứ nhớ nghĩ đến người đàn bà suốt từ sáng đến tối, và người đàn bà lại nhớ tưởng tới người đàn ông suốt ngày. Nên phát sinh một thứ hư vọng.

Cái mê biến hóa không cùng nên có thế giới.

Cái mê muội được nhân lên nhiều lần, một cái mê trở thành hai, hai thành ba. Cái mê xoay chuyển không có chỗ dừng. Người thông minh nên thận trọng ở điểm này. Nên khắc ghi ý nghĩa sâu sắc vào trong xương cốt. Nó đã chỉ rõ cho ông toàn bộ sự mê lầm.

Do vậy, các cõi nước nhiều như vi trần trong mười phương đều được dựng lập từ mê muội và vọng tưởng.

Thế giới khắp mười phương không thể tiêu hủy được. Đó chẳng phải là thế giới vô lậu vì nó không có thể tánh riêng biệt của nó. Nó chỉ là sự dựng lập của vọng tưởng sai lầm. Mê lầm cùng với thiếu hiểu biết. Mê muội cùng với ngoan cố, không biết cách chuyển hóa, nên thế giới được dựng lập từ những vọng tưởng mê lầm này.

Kinh văn:

當知虛空，生汝心內，猶如片雲點太清裏。況諸世界在虛空耶？

Đương tri hư không, sanh như tâm nội, do như phiến vân điểm thái thanh lí. Huống chư thế giới tại hư không da?

Việt dịch:

Nên biết hư không sanh trong tâm ông ví như phiến mây điểm trên nền trời xanh. Huống nữa là các cõi nước ở trong hư không thì nhỏ đến cỡ nào?

Giảng:

A-nan, đừng mê ngủ. Ông phải biết khi tôi nói đừng ngủ, có nghĩa là đừng có mê mờ. Đừng có bị si ái một lần nữa, đừng có nhầm lẫn chân lý nữa.

Đức Phật bảo A-nan đừng mê ngủ, nay tôi bảo quý vị cũng hoàn toàn đừng mê ngủ.

Vấn đề chủ yếu ngay bây giờ là phải **nên biết: Hư không sanh trong tâm ông ví như đám mây điểm trên trời xanh**. Tất cả hư không đều sanh từ tâm ông. Đem phiến mây trên bầu trời để so sánh với tâm ông. Một phiến mây trên bầu trời thì nhỏ, nhưng bầu trời biểu hiện cho tâm ông thì lớn mênh mông. Trong đoạn kinh trước (quyển 6) đã nói:

*Không sanh đại giác trung,
Như hải nhất âu phát.*

Nghĩa là: Hư không sanh trong biển lớn giác ngộ, giống như hòn bọt nổi lên trong biển cả. Bây giờ lại nói: Hư không trong tâm ông giống như đám mây điểm trên nền trời xanh. **Hướng nữa là các cõi nước ở trong hư không thì nhỏ đến cỡ nào?** Tất cả hư không hiện hữu đó đều nhỏ cả, thế thì tâm ông lớn biết chừng nào? Tất cả thế giới so với cõi hư không ắt là nhỏ. Nếu hư không ở trong tâm ông thì thế giới ắt còn phải nhỏ hơn nữa. Điểm này mô tả tánh giác trùm khắp mọi nơi.

Kinh văn:

汝等一人，發真歸元，此十方空皆悉銷殞。云何空中，所有國土，而不振裂？

Nhữ đấng nhất nhân, phát chân quy nguyên, thử thập phương không, giai tất tiêu vẫn. Vân hà không trung, sở hữu quốc độ, nhi bất chân liệt?

Việt dịch:

Nếu chỉ có một người trong các ông phát minh chân lý và quay về bốn tánh, thì mười phương hư không đều tiêu mất. Làm sao các cõi hư không kia lại không bị hủy diệt?

Giảng:

Nếu chỉ có một người trong các ông phát minh chân lý và quay về bốn tánh. Phát minh chân lý và quay về bốn tánh có nghĩa là thành Phật. Chứng quả vị thứ tư của hàng A-la-hán, cũng có thể được gọi là nhận ra chân tánh, quay về bốn tâm. A-nan, nếu một người trong các ông thành Phật, thì mười phương hư không đều tiêu mất. Làm sao mà các cõi hư không kia không bị hủy diệt?

Hư không không còn nữa thì làm sao thế giới còn tồn tại được? Thế giới cũng đều tiêu trầm luôn vậy. (Hư không do si ái mà thành, khi phát minh bốn tánh thành Phật thì si ái cũng không còn, nên hư không tiêu mất).

Có người nói: “Nếu có nhiều người đã thành quả vị Phật rồi, thì lẽ ra hư không phải hoàn toàn tiêu diệt hết, thế tại sao hư không chưa biến hẳn đi?”

Từ cái nhìn của hàng phàm phu thì hư không còn tồn tại, nhưng chư Phật thì nhìn thấy chẳng còn có hư không. Đó là cái nhìn sai biệt. Thế nên các ông không

nên luận bàn theo lối khái quát. Ví dụ như người đạt được ngũ nhãn¹ thì có thể nhìn thấy được những gì đang xảy ra ở nước này và nước khác cách xa ngàn dặm. Ông là người chưa có được Phật nhãn, liệu có thể nhìn thấy được những việc này chăng? Do vậy ta không thể nói: Tôi thấy được nó nên nó phải hiện hữu. Quý vị có thể thấy như nó đang tồn tại, nhưng qua tầm nhìn của Đức Phật thì không có gì tồn tại cả. Ngay cả hư không cũng chẳng có.

Kinh văn:

汝輩修禪，飾三摩地。十方菩薩及諸
無漏大阿羅漢，心精通叻²，當處湛然。

*Nhữ bối tu thiền, sức tam ma địa. Thập phương
bồ-tát cập chư vô lậu đại A-la-hán, tâm tinh thông vãn,
đương xử tràm nhiên.*

Việt dịch:

Các ông tu thiền, đạt được chánh định. Tâm ông thông suốt, hợp với tâm của chư vị Bồ-tát, và

¹ S: pañca cakṣūṃṣi; p: pañca cakkhūni; tib: spyen- lña): 1. nhục nhãn 肉眼 (māṃsa-cakṣus); 2. thiên nhãn 天眼 (divya-cakṣus), 3. huệ nhãn 慧眼 (prajña-cakṣus), 4. pháp nhãn 法眼 (dharma-cakṣus), 5. Phật nhãn 佛眼 (buddha-cakṣus).

² Bản VPTT chép chữ 叻 (vãn). Bản Taishō chép [惣-心+目]. Bản Tống chép 泐 (dẫn, mẫn). Bản VPTT chép chữ 叻 (vãn), không được sát nghĩa với kinh văn lắm. Chúng tôi vẫn phiên âm đúng theo nguyên bản của VPTT, nhưng ở đây nên đọc hiểu theo chữ 泐 (dẫn, mẫn), có nghĩa là thông suốt, rỗng rang, vắng lặng.

các vị vô lậu đại A-la-hán trong mười phương đã an trụ trong trạng thái vắng lặng.

Giảng:

Khi các ông tập trung vào tu thiền, đạt được chánh định, chân tâm ông thông suốt, hợp với chân tâm của chư vị bồ-tát và các vị vô lậu đại A-la-hán trong khắp mười phương đã an trụ trong trạng thái vắng lặng.

Ông không còn phải tìm kiếm sự thanh tịnh vắng lặng ở đâu nữa, mà nó ngay ở nơi ông. Sự thanh tịnh vắng lặng ở ngay nơi thân tâm ông đó chính là Như Lai tạng tánh. Nó trùm khắp cả pháp giới.

Tại sao tâm của chư vị bồ-tát và các vị A-la-hán lại thông hợp với những người tu tập thiền định? Vì cùng tu tập đại định như nhau, họ đều dùng pháp “*phản văn văn tự tánh*.” Nghĩa là hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình cho đến khi thành Phật đạo.

Quý Ngài đều tu tập hành trì Thủ-lăng-nghiêm đại định. Vì vậy nên tâm thức họ hoàn toàn thông suốt, ngầm hợp. Như thể có dòng điện nối liền giữa họ với nhau.

Sự liên quan này không chỉ xảy ra ở cảnh giới của chư Phật, chư bồ-tát và các vị A-la-hán, mà nó cũng thường xảy ra đối với hàng phàm phu. Ví dụ khi quý vị nghĩ về một người nào đó, thì tư tưởng của quý vị sẽ liên lạc với người ấy, giống như đánh điện tín. Người kia có biết không? Quý vị thử hỏi bản tánh của người ấy thì biết rõ, dù tâm thức của họ có thể không hề biết.

Trên bình diện bản thể thì hoàn toàn có thể biết được tâm thức của người khác.

“Như vậy nếu tôi nghĩ về một người nào đó thì người ấy cũng nghĩ về tôi như vậy hay sao?”

Ông có thể suy nghĩ cho đến khi chết mà chẳng có ích gì cả. Giống như tánh si ái mà tôi giảng trước đây. Nếu một người si ái, anh ta sẽ nghĩ về những cảnh đam mê tình ái suốt ngày, không lúc nào dừng lại được những vọng tưởng ấy. Tự một mình anh ta suy nghĩ cho đến chết. Anh ta chết như thế nào? Anh ta nghĩ đến một người phụ nữ cho đến khi hai người cùng nhau kết hôn. Khi kết hôn rồi họ trở nên lộn xộn, rối loạn. Sau một thời gian sống trong hỗn độn rối loạn rồi họ chết. Kết hôn có nghĩa là sống trong hỗn độn rối loạn, không sáng suốt được chút nào cả.

Trong Hán văn, quý vị có thể suy luận về nghĩa của hai chữ *kết hôn* 結婚. *Hôn* 婚 có nghĩa là mờ tối.

Kinh văn:

一切魔王，及與鬼神，諸凡夫天，見其宮殿無故崩裂，大地振坼，水陸飛騰，無不驚懼。凡夫昏暗，不覺遷訛。

*Nhất thiết ma vương, cập dĩ quỷ thần, chư phàm phu thiên, kiến kỳ cung điện vô cố băng liệt, đại địa chấn sách, thủy lục phi đằng, vô bất kinh khiếp.*¹ *Phàm phu hôn ám, bất giác thiên ngoa.*

¹ 懼 Một âm là *chiếp*, một âm là *triệp*, *điệp*.

Việt dịch:

Tất cả ma vương, cùng các loài quỷ thần, các cõi trời phàm phu đều thấy cung điện của mình vô có bị tiêu hủy, đất đai rung động, các loài thủy lục không hành thủy đều kinh sợ. Hàng phàm phu mê muội thì chẳng hay biết những biến động này.

Giảng:

Khi một người đạt được đại định Thủ-lăng-nghiêm, là chân đại định, thì ma quân rung động vì run sợ. **Tất cả ma vương, cùng các loài quỷ thần, các cõi trời phàm phu** của sáu cõi Dục và cõi trời Tứ thiên đều **thấy cung điện của mình vô có bị tiêu hủy**. Tình trạng này thực là không hiểu nổi. Không rõ nguyên nhân gì mà cung điện của chúng bỗng dưng hủy hoại dần.

Tôi đã từng kể cho quý vị nghe chuyện một chú đệ tử trẻ tuổi của tôi ở Mãn-châu (Manchuria). Chú ấy chỉ khoảng mười bốn tuổi, mặc dù chú nhỏ tuổi nhưng thần thông chẳng phải tầm thường. Chú có thể lên trời xuống đất tùy ý. Tuy đã được khai ngũ nhãn nhưng chưa chứng được lục thông. Chú đã được năm món thần thông, chỉ thiếu lậu tận không. Khi một người đạt được lậu tận thông thì được gọi là a-la-hán.

Một hôm, chú lên trời chơi. Khi lên trên đó, thiên ma rất vui mừng và dụ chú ta vào trong cung điện của chúng. Đó là một tòa lầu đài tuyệt đẹp làm bằng ngọc lưu ly trong suốt. Chú sa-di đã bị mắc vào bẫy.

Do chú có được ngũ nhãn, nên chú có thể thấy được pháp thân của mình đã bị cầm giữ bởi Tha hóa

Tự tại vương. Tuy nhiên chú ta cũng tìm cách báo cho tôi biết: “Thưa thầy, con lên trời chơi, nay không thể về được nữa.”

“Thế là chú bị kẹt trên trời rồi! Hừ! thế trước kia ai đã chỉ cho chú lên đó?”

“Con nghĩ là ở đó sẽ rất vui nên con lên để xem cho biết. Bây giờ người ở đây không muốn cho con trở lại.”

Tôi bảo: “Nếu chú muốn tiêu khiển, thì đừng có lên đó tìm vui. Các thiên ma ở các tầng trời cõi Dục đều muốn tìm cơ hội để phá hủy định lực của người tu đạo.” Tôi giải thích: “Đừng sợ, Thầy sẽ đưa con về.”

Tôi cố gắng đưa chú về, nhưng ma vương không muốn cho chú đi. Đến lúc đó, chú thật sự hoảng sợ và nói: “Nó không cho con về. Làm sao bây giờ?” Tôi bảo: “Đừng lo, thầy sẽ có cách đưa con về ngay.”

Rồi tôi dùng chú Thủ-lăng-nghiêm, là năm bộ tâm chú để trừ ma chướng mà tôi đã giảng cho quý vị nghe trước đây. Cung điện của ma vương tức khắc tan rã, và chú sa-di trở về ngay lúc ấy. Đây là một câu chuyện có thực.

Bây giờ cung điện của ma vương hủy hoại rồi sụp đổ. **Mặt đất chấn động**, nứt nẻ nhiều nơi. **Các sinh vật ở dưới nước, trên không thấy đều kinh sợ.**

Tất cả những loài sinh vật ở dưới nước, trên mặt đất, các loài bay nhảy, sợ hãi trở nên hoảng loạn không còn kiểm chế mình được nữa.

Hàng phàm phu mê muội thì chẳng hay biết những biến đổi này.

Hàng phàm phu chẳng có được tri giác bén nhạy, họ không nhận ra được quả đất đang kinh qua những sự biến đổi như thế. Họ không có đủ sự nhạy bén để nhận biết sáu tướng chấn động¹ đang xảy ra trong trái đất.

Kinh văn:

彼等咸得五種神通，唯除漏盡，戀此塵勞。如何令汝摧裂其處？是故鬼神²及諸天魔，魍魎妖精，於三昧時僉來惱汝。

Bi đặng hàm đắc ngũ chủng thần thông, duy trừ lậu tận, luyến thủ trần lao. Như hà linh nhữ tòi liệt kỳ xú? Thị cố quỷ thần cập chư thiên ma, vãng lượng yêu tinh, ư tam muội thời thêm lai nã nhữ.

Việt dịch:

Các loài sinh vật ấy đều có năm thứ thần thông, trừ lậu tận thông, đương luyến tiếc cảnh trần lao. Làm sao nó chịu để cho các ông phá hoại chỗ ở của nó? Vậy nên các loài quỷ thần, thiên ma, ly mi,

¹ Lục chủng chấn động: Sáu tướng chấn động. Theo Kinh Hoa Nghiêm, đó là: 1. Động (lay động), 2. Khởi (nhô dần từ thấp lên cao), 3. Dững (đột nhiên vọt lên), 4. Chấn (phát ra tiếng động âm i), 5. Hống (tiếng gầm rống của loài thú), 6. Kích, diêu (phát ra tiếng dội âm ăm). Động, Khởi, Dững là hình thức của địa chấn; còn Chấn, Hống, Kích là âm thanh địa chấn.

² Bản VPTT chép 鬼神. Bản Taishō chép 神鬼. Bản Minh (明) chép 鬼神.

võng lượng, yêu tinh... trong khi ông tu pháp tam-muội, chúng đều muốn đến phá ông.

Giảng:

Bây giờ các ông hiểu rồi chứ? Vì sao ma lại đến phá? Chỉ vì các **loài sinh vật ấy đều có năm thứ thần thông**: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm không, túc mạng thông, thần túc thông, chỉ trừ **lậu tận thông** mà thôi. Nếu nó có lậu tận thông, nó sẽ không quấy rầy ông nữa đâu. Nhưng vì không có lậu tận thông, nên nó vẫn là kẻ ác, vẫn muốn đến phá hoại người tu đạo... Điều đó nghĩa là sao? Tôi sẽ giảng rất tường tận về điều này.

Gọi là *lậu* tức là những suy nghĩ lan man. Đàn ông nghĩ về đàn bà, đàn bà nghĩ đến đàn ông. Nếu quý vị không kết thúc những suy nghĩ lan man này, thì chẳng thể nào tự mình thoát khỏi lậu hoặc được.

Bây giờ tôi sẽ giảng điều này sâu hơn, và tôi sẽ nói rất chân thực. Nếu tôi nói không chân thực thì ông chẳng bao giờ biết được *lậu hoặc* thật sự liên quan đến mình như thế nào. Thoát khỏi mọi *lậu hoặc* có nghĩa là còn giữ được nguyên vẹn bản chất của mình. Nếu đánh mất bản chất của mình có nghĩa là bị lậu hoặc.

Bây giờ tôi sẽ nói rõ bí ẩn của trời đất. Nếu quý vị giữ được bản chất của mình thì sẽ không bị lậu hoặc. Hơn thế nữa, không những ngăn ngừa được bản tính của mình khỏi bị mất mát, mà còn có khả năng dứt được những ý tưởng dâm dục ngay trong tâm niệm rất vi tế. Được như thế thì thật sự quý vị đã thoát khỏi mọi

lậu hoặc. Bây giờ quý vị hiểu rồi chứ? Tại sao thiên ma không được tự tại thoát khỏi mọi lậu hoặc? Vì chúng còn niệm tướng dâm dục. Quý thân cũng còn niệm tướng dâm dục ấy.

Vì nó đang còn **luyện tiếc cảnh trần lao**.

Trần lao, đơn giản là một dạng của dâm dục. Đó là những gì nó đang tham luyện.

Làm sao nó lại chịu để các ông phá hoại chỗ ở của nó?

Vì nó vẫn còn tham luyện dâm dục, nên nó không muốn nhìn thấy các ông đoạn tuyệt với chúng. Chúng nó muốn ông cũng tham đắm vào sắc dục. Nó sẽ nói:

“Hai chúng ta là bạn thân của nhau, ta sẽ không đoạn tuyệt với sắc dục đâu. Vậy, ông không nên từ khước nó.”

Đó là lý do tại sao ma quỷ lại đến. Nó đều không muốn các ông vượt qua cảnh trần lao này.

Nên các loài quỷ thần, thiên ma, ly my, yêu tinh sẽ đến phá hoại khi ông tu tập pháp tam-ma-đề.

Khi tôi đề cập đến chữ yêu tinh trước đây, các ông chưa được rõ nghĩa, bây giờ tôi sẽ giải thích. Ông có biết chữ *yêu* 妖 trong tiếng Hán được viết gồm bộ *nữ* 女 bên cạnh chữ *yêu* 夭 (sống ngắn ngủi). Có nghĩa là chết trước ba mươi tuổi. Các ông có thể hiểu rõ được nghĩa chữ *yêu*, từ đó không cần phải giảng nhiều. Tóm lại, người nào chết *yêu*, sẽ trở thành yêu tinh. (Chết *yêu* vì dục lạc).

Khi ông tu tập tam-muội (định), nó đều đem hết cả lũ đến quấy nhiễu ông. Mục đích của chúng như nó thường nói là: *ăn thịt Đường tăng*. Đường tăng tức là Đại Pháp sư Huyền Trang. Rất nhiều yêu tinh muốn ăn thịt ngài. Nghĩa là chúng nó muốn tiêu hủy định lực của ngài. Nếu ông tu tập đạt được định lực thì yêu ma quỷ quái đều muốn ăn thịt ông cho bằng được. Thực ra nó đâu chỉ muốn ăn thịt thôi đâu. Tôi sẽ hết sức chân thực trình bày cho quý vị được rõ mà chẳng giữ lại điều gì. Điều gì thực sự sẽ xảy ra khi tinh, khí, thần của ông sung mãn? Vì ông không nghĩ đến dâm dục, những loài ma quỷ này đều muốn cưỡng đoạt kho tàng của ông. Đó là lý do tại sao nó đến quấy rầy ông. Nếu các ông có một người bạn gái và các bà có một người bạn trai, thì những người ấy cũng sẽ cướp đi kho báu của quý vị đi vậy. Quý vị thử nghĩ có điều gì khác nữa sẽ xảy ra?

Quý vị sẽ nói:

“Phật pháp dạy cho tôi biết bồ thí, vậy nên tôi đem cả kho tàng của mình bồ thí cho người khác.”

Thế thì tốt lắm! Trong tương lai ông sẽ chuyển thân thành loài ngựa quý (quỷ đỏi). Khi điều đó xảy ra, người đã cướp mất kho tàng của quý vị sẽ không nói:

–Đây này, tôi trả lại cho ông một ít của báu, để ông có thể thoát ra khỏi cảnh giới ngựa quý này.”

Lúc đó hoàn toàn chẳng có ai giúp quý vị cả. Hãy nghĩ kỹ lại đi.

Kinh văn:

然彼諸魔雖有大怒，彼塵勞內。汝妙覺中，如風吹光，如刀斷水了不相觸。汝如沸湯¹，彼如堅冰，煖氣漸隣，不日銷殞。徒恃神力，但為其客。

Nhiên bỉ chư ma tuy hữu đại nộ, bỉ trần lao nội. Nhữ diệu giác trung, như phong xuy quang, như đao đoạn thủy, liễu bất tương xúc. Nhữ như phát thang, bỉ như kiên băng, noãn khí tiệm lân, bất nhật tiêu vãn. Đồ thị thân lực, đãn vi kì khách.

Việt dịch:

Các loài ma ấy tuy có oai lực lớn, nhưng vẫn còn ở trong trần lao. Trong khi ông ở trong tánh giác vi diệu, ma chẳng ảnh hưởng gì đến ông, như gió thổi chẳng làm lay động ánh sáng, hoặc như dao chẳng cắt được nước. Ông như nước sôi, trong khi ma vương giống như tảng băng, khi gần hơi nóng, băng sẽ tiêu tan. Chúng nó dựa vào ma lực, nhưng đó chỉ là khách thôi!

Giải:

Khi ông đạt được ít định lực trong công phu, ma vương sợ hãi nên đến phá hủy. Nó không muốn ông đạt được định lực.

¹ Bản VPTT chép 湯. Bản Taishō chép 浪. Bản Tống, Nguyên, Minh đều chép 湯.

Các loài ma ấy đến để quấy nhiễu ông và tuy có oai lực lớn, nhưng nó vẫn còn ở trong trần lao. Nó bị sai sử bởi tình thức ô nhiễm.

Trong khi ông ở trong tánh giác vi diệu. Ma chẳng ảnh hưởng gì đến ông, như gió thổi chẳng làm lay động ánh sáng hoặc như dao chẳng cắt được nước.

Nó chẳng làm gì được ông cả, chỉ như gió không đủ làm ánh sáng lay động, và chỉ như dao, dù bao nhiêu lần chém nước, nước chẳng hề hấn gì.

Ông như nước sôi, định lực phát sanh từ công phu tu tập của ông được ví như nước sôi. Trong khi ma vương giống như tảng băng, ma vương được ví như tảng băng giá lạnh trong mùa đông. **Khi gần hơi nóng, băng sẽ tiêu tan.** Cứng như băng nhưng sức nóng của nước sôi cũng sẽ dần dần làm băng tan chảy, **chúng nó dựa vào ma lực, nhưng nó chỉ là khách thôi.**

Nó chỉ trông mong vào ma lực của chính nó nên nó chẳng bao giờ được gọi là chủ, nó chỉ là “khách” (chẳng ở được lâu). Nó không thể thành công trong nỗ lực quấy phá ông.

Kinh văn:

成就破亂，由汝心中五陰主人。主人若迷客得其便。

Thành tựu phá loạn, do nhữ tâm trung ngũ âm chủ nhân. Chủ nhân nhược mê khách đắc kì tiện.

Việt dịch:

Nó có thể phá rối được, là do người chủ của ngũ âm trong tâm ông. Nếu chủ nhân mê lầm thì khách mới được dịp quấy phá.

Giảng:

Nó có thể phá rối được, là do người chủ của ngũ âm trong tâm ông: Căn bản là nó chẳng thể phá rối được. Tuy nhiên, nếu chủ nhân mê lầm, nếu tâm ông là chủ nhân của ngũ âm mà mê lầm, thì khách mới được dịp quấy phá.

Khách sẽ được dịp quấy phá. Còn nếu như ông, là chủ nhân mà không mê lầm thì nó không thể làm được điều gì hại ông cả. Ai là chủ? Đó là tự tánh của ông, nếu tự tánh của ông bị mê lầm, thì ma quỷ có cách để hại ông. Còn nếu tự tánh của ông không bị mê lầm, thì nó đành chịu bó tay, chẳng làm gì được ông.

Kinh văn:

當處禪那，覺悟無惑，則彼魔事無奈汝何？陰銷入明，則彼群邪咸受幽氣。明能破暗，近¹自銷殞。如何敢留擾亂禪定？

Đương xử thiền-na, giác ngộ vô hoặc, tắc bỉ ma sự vô nại nhữ hà? Âm tiêu nhập minh, tắc bỉ quần tà hàm thụ u khí. Minh năng phá ám, cận tự tiêu vãn. Như hà cảm lưu nhiễu loạn thiền định?

¹Bản VPTT chép 近. Bản Taishō chép 近. Bản Tống chép chữ 迷, Nguyên chép chữ 摧.

Việt dịch:

Khi trong thiền định, sáng suốt không mê lầm, thì các ma sự kia không làm gì được ông. Khi năm ám tiêu trừ, ông có thể nhập vào bản tánh sáng suốt, mà tà ma kia đều nương vào ám khí. Do sáng phá được tối, nên bọn chúng sẽ bị tiêu hủy khi đến gần ông. Sao còn dám đến gần ông để phá rối thiền định?

Giảng:

Khi trong thiền định, ông làm cho tâm ý mình được thanh tịnh, đạt được chánh định, ông được sáng suốt không mê lầm, các ma sự kia chẳng làm gì ông được. Ma quỷ không thể nhiễu loạn ông bằng cách của nó được, khi năm ám tiêu trừ, ông có thể nhập vào bản tánh sáng suốt. Ma quỷ thuộc về bóng tối (âm). Bóng tối có thể bị xua tan như băng bị tan trong nước sôi. Trí huệ của ông rất sáng suốt nên ông hoàn toàn thể nhập vào với ánh sáng.

Bọn tà ma kia gồm ma quỷ, ngoại đạo, đều nương vào ám khí. Mọi chiến thuật (phá hoại) của nó đều nương vào bóng tối, do ánh sáng phá được tối. Nếu ông đạt được định lực và trí tuệ chân chánh thì năng lực của ánh sáng trí huệ sẽ chiếu sáng và xua tan mọi u ám (2). Nên bọn chúng sẽ bị tiêu hủy khi đến gần ông, sao còn dám đến gần ông để phá rối thiền định? Còn nếu nó muốn đến gần thì cứ việc, nhưng nó không dám quấy nhiễu ông.

Kinh văn:

若不明悟，被陰所迷，則汝阿難必為魔子。成就魔人。

Nhược bất minh ngộ, bị âm sở mê, tắc như A-nan tất vi ma tử, thành tựu ma nhân.

Việt dịch:

Nếu không tỏ ngộ, bị ngũ âm làm mê lầm, thì chính A-nan ắt phải làm con của ma, sẽ thành loài ma.

Giảng:

Nếu không tỏ ngộ. Nếu ông không hiểu biết và thức tỉnh mà lại bị mê lầm bởi ma của ngũ âm, thì chính ông, A-nan, ắt phải làm con của ma, sẽ thành loài ma. Ông sẽ gia nhập vào đoàn tùy tùng của quân ma.

Kinh văn:

如摩登伽，殊為眇劣。彼雖¹呪汝破佛律儀。八萬行中，祇²毀一戒。心清淨故，尚未淪溺。

Như Ma-dăng-già thù vi miểu liệt. Bĩ tuy chú như phá Phật luật nghi. Bát vạn hạnh trung, kì hủy nhất giới. Tâm thanh tịnh cố, thượng vị luân nịch.

¹ Bản VPTT chép 惟. Bản Taishō chép 雖. Bản Tống, bản Nguyên, bản Minh, đều chép chữ 唯.

² Bản VPTT chép 祇 (chỉ). Bản Taishō chép 祇. Bản Nguyên chép chữ 只.

Việt dịch:

Như ông gặp nạn Ma-đăng-già, là việc nhỏ nhất. Cô ta dùng chú thuật bắt ông phá hủy luật nghi của Phật. Nó mong trong số tám vạn bốn ngàn¹ tế hạnh, ông chỉ hủy phạm một giới. Nhưng vì tâm ông thanh tịnh nên không bị chìm đắm.

Giảng:

Như ông gặp nạn con gái của Ma-đăng-già, là việc nhỏ nhất. Đó chỉ là một việc dính líu đến ma sự bình thường. Cô ta dùng chú thuật bắt ông phá hủy luật nghi của Phật, cô ta dùng chú thuật của Tiên Phạm thiên để mê hoặc ông và bắt ông phải hủy phạm luật nghi của Phật. Nó mong trong số tám vạn bốn ngàn tế hạnh, ông chỉ hủy phạm một giới. Nhưng vì tâm ông thanh tịnh nên không bị chìm đắm. Vì ông đã chứng được quả vị đầu tiên của hàng A-la-hán, ông hoàn toàn không bị nó quấy phá, nên ông không bị đọa lạc.

Kinh văn:

此乃隳汝寶覺全身。如宰臣家忽逢籍沒，宛轉零落無可哀救。

Thử nãi huy nhữ bảo giác toàn thân. Như tế thần gia hốt phùng tịch một, uyển chuyển linh lạc vô khả ai cứu.

¹ 84.000. Gồm 250 giới tỷ-khuru X 4 oai nghi = 1000 x 3 thời (quá khứ hiện tại, vị lai) = 3000 x 7 (thất diệt tội: thân 3 + khẩu 4) = 21.000 x 4 (tứ đẳng phần; thâm, sân, si, đẳng phần) = 84.000.

Việt dịch:

Đây là nỗ lực muốn phá hoại hoàn toàn sự giác ngộ quý báu của ông. (Nếu nó thành công) ông sẽ như quan Tể tướng bỗng nhiên bị truất quyền, gia đình ông ta trở nên bơ vơ, tuyệt vọng không ai thương xót cứu giúp.

Giảng:

Đây là nỗ lực muốn phá hoại hoàn toàn sự giác ngộ quý báu của ông. Đó là hành vi nỗ lực làm cho ông bị đọa lạc. (Nếu nó thành công) ông sẽ như quan Tể tướng bỗng nhiên bị mất quyền. Khi một quan chức cao cấp bị Vua tịch thu tài sản của gia đình, gia đình ông ta trở nên bơ vơ không ai thương xót cứu giúp. Ông hoàn toàn bị cô đơn, vô phương kêu cứu, không ai thương xót giúp đỡ.

SẮC ÁM

A. TRẠNG THÁI TÂM LÝ THANH TỊNH TRƯỚC KHI VÀO CẢNH GIỚI SẮC ÁM

Kinh văn:

阿難當知汝坐道場，銷落諸念其念若盡。則諸離念，一切精明。動靜不移，憶忘如一。

A-nan đương tri, nhữ tọa đạo tràng, tiêu lạc chư niệm. Kì niệm nhược tận. Tác chư li niệm nhất thiết tinh minh. Động tĩnh bất di, ức vọng như nhất.

Việt dịch:

A-nan nên biết, ông ngồi nơi đạo tràng, phải dứt sạch các vọng niệm. Khi vọng niệm đã dứt sạch, thì các ly niệm¹ sáng tỏ rõ ràng. Động tịnh không đổi dời, nhớ quên đều như một.

Giải:

A-nan nên biết, khi ông ngồi nơi đạo tràng, phải tiêu trừ các vọng niệm. A-nan ông nên biết rằng: Ông chỉ là người đang tu pháp *phản văn văn tự tánh* (hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình).

Khi công phu như vậy thì ông đã làm tiêu trừ mọi vọng niệm. Khi các vọng niệm đã hết sạch, chẳng còn

¹ 諸離念: Bản Anh ngữ: *There will be nothing on his mind*. Có thể hiểu là bản tâm đã rõ ràng, vọng niệm không còn và cái niệm muốn dứt trừ vọng niệm ấy cũng vắng bật luôn.

niệm phân biệt trong tâm ông. **Trạng thái thanh tịnh, sáng suốt, đầy trí huệ và định lực này, sẽ an trú trong ông. Khi động tịnh không đổi đời, nhớ quên đều như một, tâm ông không thay đổi, dù ông nhớ hay quên trạng thái đó đều như nhau, không sai không khác.**

B. PHẠM VI SẮC ÁM

Kinh văn:

當住此處，入三摩提，如明目人，處大幽暗。精性妙淨，心未發光。此則名為色陰區宇。

Đương trụ thử xứ, nhập tam-ma-đề, như minh mục nhân xử đại u ám. Tinh tính diệu tịnh, tâm vị phát quang. Thử tắc danh vi sắc ám khu vũ.

Việt dịch:

Khi an trú trong trạng thái đó mà vào được chánh định, như người sáng mắt ở nơi tối tăm. Dù chân tánh nhiệm mầu thanh tịnh, nhưng tâm chưa tỏa phát được trí huệ sáng suốt. Đây gọi là phạm vi của Sắc ám.

Giảng:

Khi an trú trong trạng thái đó mà vào được chánh định.

A-nan nên biết, khi tu tập chánh định này, an trú trong trạng thái thanh tịnh, động tịnh không thay đổi, nhớ

quên đều như một. **Như người sáng mắt** nhận ra được chính mình ở **nơi tối tăm**. Như người có đôi mắt sáng tỏ, sống trong ngôi nhà tối tăm, dù bản tánh thanh tịnh sáng suốt nhiệm màu, nhưng tâm chưa tỏ phát trí huệ sáng suốt. **Dù chân tánh thanh tịnh nhiệm màu, nhưng tâm chưa phát** sanh được sự chiếu sáng của **trí huệ sáng suốt** chân thực. Thì đây gọi là **phạm vi của Sắc âm**.

C. KHI VƯỢT QUA SẮC ÂM, THẤY ĐƯỢC CỘI GỐC CỦA SẮC ÂM

Kinh văn:

若目明朗，十方洞開，無復幽黯名色陰盡。是人則能超越劫濁。觀其所由，堅固妄想以為其本。

Nhược mục minh lãng, thập phương đổng khai, vô phục u ám, danh sắc âm tận. Thị nhân tắc năng siêu việt kiếp trược. Quán kì sở do, kiên cố vọng tướng dĩ vi kì bản.

Việt dịch:

Như mắt sáng tỏ, rõ thấu mười phương, không còn tối tăm, gọi là dứt sạch sắc âm. Người ấy có thể vượt ra khỏi kiếp trược. Xem kỹ nguyên do của sắc âm, nhận ra vọng tướng kiên cố chính là cội gốc.

Giải:

Như mắt sáng tỏ, rõ thấu mười phương, không còn tối tăm. Trạng thái này gọi là gì? Gọi là dứt sạch

sắc ám. Trong năm ám: sắc, thọ, tưởng, hành, thức; sắc ám đã tiêu trừ. **Người này có thể vượt ra khỏi kiếp trước.**¹ Xem kỹ nguyên do của sắc ám, nhận ra vọng tưởng kiên cố chính là cội gốc. Khi hành giả vượt qua kiếp trước, mới thấy mọi hành vi của mình đều phát xuất từ vọng tưởng kiên cố (3)².

D. MƯỜI CẢNH GIỚI SAI BIỆT CỦA SẮC ÁM (NẾU BỊ MÊ LÀM KHÔNG VƯỢT QUA ĐƯỢC SẮC ÁM)

1. TÂM THOÁT NGẠI

Kinh văn:

阿難，當在此中，精研妙明，四大不織。少選之間，身能出礙。此名精明流溢前境。斯但功用暫得如是，非為聖證。不作聖心名善境界。若作聖解，即受群邪。

A-nan, đương tại thử trung, tinh nghiên diệu minh, tứ đại bất chức. Thiểu tuyển chi gian, thân năng xuất ngại. Thử danh tinh minh lưu dật tiền cảnh. Tư đản công dụng tạm đắc như thị, phi vi thánh chứng.

¹ Một trong Ngũ trước; Kiếp trước, Kiến trước, Phiền não trước, Chúng sinh trước, Mạng trước.

² Các phần có đánh số như trên, xin xem ở Phần phụ lục và Khai thị phía sau, từ trang 401.

Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải tức thọ quả tà.

A-nan, ngay trong định ấy, quán xét thật kỹ bản tánh diệu minh, thấy tứ đại không còn đan dệt với nhau nữa. Trong chốc lát, thân thoát ra khỏi sự ngăn ngại. Trạng thái này gọi là *trình minh trôi vào tiền cảnh*. Đó chỉ là trạng thái nhất thời do dụng công, không phải là biểu hiện sự chứng quả thánh. Nếu không khởi tâm chứng thánh thì đó là cảnh giới tốt. Nhưng nếu nghĩ mình chứng thánh, liền rơi vào tà kiến.

Giải:

Bây giờ chúng ta sẽ đề cập đến sự liên hệ của ma sự và ngũ uẩn (ám)¹: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Có mười loại ma trong mỗi uẩn. Nên có tất cả là *Năm mươi hiện tượng âm ma*. Hành giả phải có sự hiểu biết rõ ràng về *Năm mươi hiện tượng âm ma* này. Nếu quý vị không biết rõ những hiện tượng này, quý vị sẽ dễ dàng kết thúc huệ mạng của mình trong quyền thuộc của ma vương mà vẫn không hay biết tại sao mình lại rơi vào đó? Đó là lý do tại sao quý vị phải hết sức thận trọng khi tu tập.

A-nan, ngay trong định ấy, quán xét thật kỹ bản tánh diệu minh, khi sắc âm sắp sửa tiêu dung,

¹ 蘊 (uẩn) hoặc 蔭 (ám) đều là dịch nghĩa từ Skandha. Uẩn: cách dịch do ngài Huyền Trang và phái tân dịch chủ xướng. Ngài Cưu-ma-la-thập dịch là ám.

ông sẽ thấy mười phương rỗng rang, và cảm nhận được một loại ánh sáng. Do vì ông đã dụng công cứu xét trạng thái vi tế nhiệm màu và sáng suốt.

Tứ đại không còn đan dệt với nhau nữa, trong chốc lát thân có thể thoát ra khỏi mọi ngăn ngại.

Tứ đại sẽ không còn kết hợp với nhau, không còn tác dụng ngăn ngại. Chẳng bao lâu thân thể trở nên không bị chướng ngại, như hư không rỗng rang. Đó được gọi là *ý sanh thân*, nghĩa là có một thân khác tách rời khỏi thân vật chất (sự hiện thân tùy ý, không bị vật chất làm chướng ngại).

Trước đây tôi đã kể chuyện về chú đệ tử của tôi đến các cung trời bằng pháp thân¹ của chú ấy, thân ấy cũng được gọi là *ý sanh thân*. Ý đây liên quan đến thức, nó là một trong sáu thức: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Như sắc thân được tạo nên bằng tâm thức, thì cũng có khả năng vượt ra khỏi chướng ngại của sắc thân kết hợp bằng tứ đại.

Trạng thái này gọi là *tinh minh trôi vào tiền cảnh*.

Tánh diệu minh cũng trôi vào cảnh giới bên ngoài (4).

Đó chỉ là trạng thái nhất thời, do dụng công

Cảnh giới này, bất quá chỉ do dụng công tu tập mà thôi, nó không thường, chỉ là sự ngẫu nhiên thôi. Quả thật, tùy mọi lúc có thể vào ra cảnh giới ấy, muốn đến

¹ Còn gọi là Định thân. Do sức thiền định mà tâm thức vượt thoát khỏi sự ràng buộc của sắc ấm (thân vật chất). Dùng từ Định thân để tránh sự hiểu lầm về Pháp thân vô khứ lai.

nơi nào liền đến nơi ấy, muốn trở về lúc nào là trở về lúc ấy. Hoàn toàn được tự tại:

Phóng chi tắc di lục hợp

Quyển chi tắc thối tàng u mật.

Nếu phóng thả ra, nó sẽ tràn ngập khắp cả trời đất. Và rồi người ta có thể thu lại bất kỳ lúc nào. Nếu ông không thể làm được việc này bất kỳ lúc nào ông muốn, thì việc của ông chỉ là sự dụng công nhất thời. Đó là một trạng thái mà ông sẽ đạt được khi mức độ tu tập của ông chín muồi. Tuy nhiên trạng thái này chỉ là tạm thời. Ông sẽ không thường xuyên có được một sắc thân vượt qua mọi sự chướng ngại, đây **không phải là sự biểu hiện chứng quả thánh**.

Ông chưa phải đã đạt được quả vị Thánh. Người chưa đạt được quả vị không phải có trạng thái như vậy.

Nếu không khởi tâm chứng thánh, thì đó là trạng thái tốt. Nghĩa là ông không nên nói: “Ồ tôi đã có chút ít công phu tu hành, tôi có thể thoát hồn ra khỏi thân từ một điểm trên đỉnh đầu.” Nếu ông trở thành kẻ tự mãn như vậy thì điều gì sẽ xảy ra? Hoàn toàn do ở nơi ông cả. Tuy nhiên, nếu ông không xem cảnh giới này như một bằng chứng của sự chứng đạt quả Thánh, thì cảnh giới ấy không phải là một chướng ngại to lớn, và cũng chẳng có gì sai lầm nghiêm trọng.

Nhưng một khi nghĩ rằng mình đã chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.

Nếu như ông nghĩ: công phu tu tập của mình hiện nay quá siêu tuyệt rồi. Ta thật là kỳ diệu, ta là Thánh

nhân xuất thế, ta là a-la-hán. Nếu ông nghĩ như thế, ma quỷ sẽ tấn công ông ngay. Một khi ma quỷ đến phá, thì ông là người đầu tiên bị đọa vào địa ngục.

2. NHẬT TRÙNG SÁN TRONG THÂN

Kinh văn:

阿難，復以此心精研妙明，其身內徹。是人忽然於其身內拾出蟻蚘，身相宛然，亦無傷毀。此名精明流溢形體。斯但精行暫得如是，非為聖證。不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。

A-nan, phục dĩ thử tâm tinh nghiên diệu minh, kì thân nội triệt. Thị nhân hốt nhiên ư kì thân nội thiệp xuất nhiêu hòi, thân tướng uyển nhiên, diệc vô thương hủy. Thử danh tinh minh lưu dật hình thể. Tư đãn tinh hành tạm đắc như thị, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

Việt dịch:

Lại nữa, A-nan, nếu dùng tâm ấy cứu xét tánh diệu minh, thấy rõ suốt khắp thân. Bỗng nhiên có thể lượm ra những con trùng, con sán từ trong thân mình, mà thân thể vẫn nguyên vẹn, không bị tổn thương. Trạng thái này gọi là *tinh minh tràn ra hình thể*. Đây chỉ là trạng thái nhất thời do tinh tấn công phu, chẳng phải là chứng thánh. Nếu người ấy

không nghĩ mình chứng thánh thì đó là trạng thái tốt. Nhưng nếu nghĩ mình chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.

Giảng:

Đây gọi là cảnh giới thứ hai của hiện tượng *Ngũ âm ma*. Ma cảnh này xuất hiện vì ông tinh tấn tu tập, nếu ông không tinh tấn trong việc hành trì, thì ông chẳng thể nào thu hút ma sự này. Dù ông muốn, ma cũng chẳng thêm để ý tới ông. Dưới mắt nó ông chỉ là một kẻ nghèo nàn, nó chẳng có cơ thuận tiện để quấy phá ông.

Nhưng nay vì ông đang lúc công phu. Ông vừa tích trữ được chút ít của cải quý báu. Đó là lý do ma theo ông để quấy rối.

Vậy ông phải làm gì khi nó đến? Ông cần phải an trụ trong trạng thái như như bất động và tỉnh giác, sáng suốt; không dính mắc, không phan duyên với những hình tướng hiện ra bên ngoài. Hoàn toàn không dính mắc vào mọi chuyện. Cũng đừng nên nghĩ: “Cảnh giới ấy quá tuyệt vời, ước gì nó lại hiện ra.”

Đừng mong ngóng nó, cũng đừng ruồng rẫy xua đuổi nó, mà chỉ xử sự như không có chuyện gì xảy ra cả. Nếu quý vị không tự xem mình là bậc thánh, thì đó là tình trạng tốt. Còn nếu quý vị nghĩ rằng mình đã là Thánh nhân. Bỗng nhiên thốt lên:

“Ồ! Ta là người phi thường, ta có thể nhật từng loài chúng sanh từ trong thân mình ra.”

Nếu ông nghĩ rằng mình đã đạt được thần thông tự tại thì quý vị thực sự mê lầm. Chỉ với một niệm tự

mãn ấy, ma quỷ liền len vào tâm và cai quản, nó điều khiển ông cho đến khi ông mất hết định lực.

Do đó, ông phải hiểu thật rõ những đạo lý của việc tu hành. Chỉ như thế mới có thể giữ cho ông khỏi bị rơi vào bẫy ma hay lạc vào đường tà. Nếu ông không hiểu Phật pháp thì rất dễ bị lạc đường. Ông có chút nào công phu không? Chuyện ấy chẳng thành vấn đề. Nhưng khi công phu có được chút ít định lực rồi thì ma vương liền luôn luôn để mắt tới ông, chỉ cần có được dịp thuận tiện thì nó liền đến quấy phá ông.

Lại nữa A-nan, nếu có người dùng tâm xét lại tánh diệu minh, sẽ thấy rõ suốt khắp thân.

Nếu ông siêng năng miệt mài trong việc tu tập, cuối cùng ông sẽ có khả năng thấy được mọi thứ bên trong thân ông. Đó là chuyện thường, nếu ông muốn thấy được như thế. Nhưng nếu ông chỉ có khả năng thấy được cảnh giới này trong phút chốc thôi, thì đó là trạng thái của sắc ấm.

Bỗng nhiên có thể lượm ra những con trùng, con sán từ trong thân mình, mà thân thể vẫn nguyên vẹn, không bị tổn thương.

Trong cảnh giới này, bỗng nhiên ông có thể lượm trùng sán từ trong bụng mình ra, đủ loại dài ngắn, lớn, nhỏ. Ông chỉ cần đặt tay vào là lòi nó ra được. Những loại trùng được lòi ra là có thực mà chẳng tổn thương đến khoang bụng. Ông nghĩ loài trùng được lấy ra như thế nào? Nếu ông đưa tay vào trong bụng để lấy được

trùng sán ra thì khoang bụng sẽ bị tổn thương, nhưng khoang bụng hoàn toàn không bị rách bẻ, thân thể còn toàn vẹn. Trường hợp này có thể giải thích theo hai cách:

Một, có thể hiểu là: thân thể của nó vẫn còn toàn vẹn, nghĩa là: thân thể của loài trùng sán vẫn còn toàn vẹn chẳng bị tổn thương chút nào và vẫn sống khỏe mạnh. Còn hiểu theo cách thứ hai là: khoang bụng trong thân thể mình vẫn toàn vẹn không bị tổn thương.

Trạng thái này gọi là: *tinh minh tràn ra hình thể.*

Một loại ánh sáng rất trong suốt tràn ngập khắp thân thể của ông. Thực ra ông chẳng đưa tay vào khoang bụng mình để nhặt những con trùng sán ra, mà trùng sán tự thoát ra.

Đây chỉ là trạng thái nhất thời do tinh tấn công phu, chẳng phải là chứng thánh. Trạng thái này không phải như một việc gì đó thường xảy ra. Nếu đây là cảnh giới xảy ra thường xuyên thì tình huống khác hẳn. Đây không phải cảnh giới khi chứng quả thánh.

Nếu không nghĩ mình chứng thánh thì đó là trạng thái tốt.

Sẽ là tốt đẹp, không gây nên vấn đề gì nghiêm trọng. **Còn nếu nghĩ mình đã chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.**

Nếu quý vị cho rằng: “Ta vừa chứng quả vị thánh, ta có thể lấy những trùng sán này từ trong bao tử mình ra. Chẳng tuyệt diệu hay sao? Các người đâu được như thế!”

Nếu quý vị trở nên tự mãn, đắm chấp vào trạng thái vừa xảy ra thì quý vị sẽ bị ma vương quyền rũ thành quyền thuộc của nó.

3. NGHE TIẾNG THUYẾT PHÁP GIỮA HU KHÔNG

Kinh văn:

又以此心，內外精研。其時魂魄，意志精神，除執受身，餘皆涉入，互¹為賓主。忽於空中，聞說法聲。或聞十方，同敷密義。此名精魄²，遞相離合，成就善種。暫得如是，非為聖證。不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。

Hữu dĩ thử tâm, nội ngoại tinh nghiên. Kỳ thời hồn phách, ý chí tinh thần, trừ chấp thọ thân, dư giai thiệp nhập, hỗ vi tân chủ. Hốt ư không trung, văn thuyết pháp thanh, hoặc văn thập phương, đồng phu mật nghĩa. Thử danh tinh phách, đệ tương li hợp, thành tựu thiện chủng, tạm đắc như thị, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

¹ Bản VPTT chép 互. Bản Taishō chép chữ 若. Bản Tống, Nguyên, Minh đều chép chữ 若.

² Bản VPTT chép 魄. Bản Taishō chép 魂. Bản Tống, Nguyên, Minh đều chép chữ 魂.

Việt dịch:

Lại nữa, nếu đem tâm ấy quán xét tinh tường cả trong lẫn ngoài. Khi ấy hôn phách, ý chí, tinh thần, trừ ra sắc thân, đều giao tiếp lẫn nhau thay phiên làm khách chủ. Rồi bỗng dừng nghe giữa hư không có tiếng thuyết pháp, hoặc nghe mười phương đồng diễn bày nghĩa lý thâm mật. Cảnh giới này gọi là: “Tinh thần hôn phách thay phiên nhau khi rời xa, khi kết hợp để cùng nhau thành tựu những hạt giống tốt.” Nhưng đó chỉ là trạng thái nhất thời, chẳng phải là chứng thánh. Nếu chẳng nghĩ mình đã chứng thánh thì đó là cảnh giới tốt. Nếu nghĩ mình đã chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.

Giảng:

Lại nữa nếu có người đem tâm ấy quán xét tinh tường cả trong lẫn ngoài, cứ xét tinh sâu mãi không thôi, trong và ngoài nỗ lực đạt đến chỗ tuyệt đỉnh, không ngừng cố gắng tinh luyện tiến trình ấy. **Hôn, phách** trải qua một sự thay đổi. Có ba hôn và bảy phách (vía) ở trong thân thể con người. Tôi đã đề cập đến mười anh em này trước rồi. Một số trong mười hôn vía ấy, chỉ có tai hoặc mắt, có trường hợp chỉ có mũi nhưng không có môi, mắt, tai. Mỗi trường hợp chỉ làm chủ một giác quan, thiếu năm giác quan kia, thế nên nó không có tác dụng riêng lẻ, độc lập. Nó phải hợp tác hỗ tương với nhau như một đội bóng. Những ai có tai sẽ giúp cho người không có tai, ai có mắt giúp cho người không có mắt. Nó hỗ trợ giúp đỡ cho nhau.(5)

Mười thứ hùn phách ấy cùng với ý chí, tinh thần sẽ xen vào nhau, thay phiên làm khách, làm chủ. Nó thay đổi vai trò hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau. Nó thay nhau đóng vai chủ và khách.

Rồi bỗng dừng nghe giữa hư không có tiếng thuyết pháp. Có người đang thuyết pháp giữa hư không. Ai vậy? Ông nghe được tiếng nhưng không thấy được hình. Thực ra đó chỉ là ý chí, tinh thần của chính ông. Nó thay phiên nhau đóng vai chủ và khách để giảng pháp. **Hoặc nghe mười phương đều diễn bày nghĩa lý thâm mật.** Ông có thể nghe tiếng giảng pháp từ giữa không trung. Sao vậy? Vì sự công phu tu tập của ông trong những đời trước. Ông đã từng nghe giảng rất nhiều kinh pháp, nên trong tinh thần, ý chí, tư tưởng của ông không thể nào phai mờ được. Thế nên trong đời này, khi ông dụng công tu tập đạt đến đỉnh cao nhất thì những kinh nghiệm trong quá khứ trào ra.

Cảnh giới này gọi là: Tinh thần thay phiên nhau khi rời xa, khi kết hợp để cùng nhau gieo trồng những hạt giống tốt.

Nó cùng hợp tác với nhau, cùng lập thành một dây, cùng nhau kết nhóm, cùng nhau tách rời ra. Chúng có thể giảng nói Phật pháp khiến cho ông có thể hiểu được những điều mà trước nay ông chưa hiểu. Vậy nên ông có thể gieo trồng những chủng tử tốt cho đời sau.

Đó chỉ là trạng thái nhất thời, không phải là thường xuyên, không phải là chứng thánh. Đừng khởi ý tưởng cho rằng trạng thái này rất vi diệu, rồi

nói: “Hãy xem ta đây, ta chẳng cần đến nơi pháp hội, ta có thể nghe giảng pháp ở trong không trung bất kỳ khi nào ta muốn.” Ông có thể được nghe giảng pháp nhưng cũng không có nghĩa là ông đã chứng thánh.

Nếu chẳng nghĩ mình đã chứng thánh thì đó là cảnh giới tốt, nếu ông không trở nên tự mãn, không tự cho rằng mình là kẻ phi thường, nếu không muốn đối gạt mọi người thì đó là trạng thái tốt. Giả sử như ông nói “Ồ ta có thể nghe pháp ngay cả khi chẳng ai giảng nói cả. Ai có được điều ấy chẳng? Không! Thế mà chuyện ấy lại đến với ta.”

Nhưng nếu ông quảng cáo, khoe khoang trạng thái đó để mong có người tin ông, thì điều gì sẽ xảy ra?

Nếu ông nghĩ rằng mình đã chứng Thánh thì liền rơi vào tà kiến.

4. PHẬT HIỆN THÂN

Kinh văn:

又以此心，澄露皎徹，內光發明。十方遍作，閻浮檀色。一切種類，化為如來。於時忽¹見毘盧遮那，居天光臺，千²佛圍繞，百億國土，及與蓮華俱時出現。

¹ Bản VPTT chép 於時忽見. Bản Taishō chép 于時忽然見. Bản Tổng, Nguyên, Minh đều chép 忽然見。

² Bản VPTT chép 千. Bản Taishō chép 千. Bản Tổng, chép chữ 十.

此名心魂，靈悟所染，心光研明照諸世界。暫得如是，非為聖證。不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。

Hư dĩ thử tâm, trùng lộ hiệu triệt, nội quang phát minh. Thập phương biến tác, diêm-phù-đàn sắc. Nhất thiết chủng loại, hóa vi Như Lai. Ư thời hốt nhiên, kiến Tỳ-lô giá-na, cư thiên quang đài, thiên Phật vi nhiều, bách ức quốc độ, cập dĩ liên hoa câu thời xuất hiện. Thử danh tâm hồn, linh ngộ sở nhiễm, tâm quang nghiên minh, chiếu chư thế giới. Tạm đắc như thị, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

Việt dịch:

Lại đem tâm ấy lóng sạch, thấu triệt, bên trong hào quang tỏa chiếu sáng ngời. Mười phương biến thành sắc diêm-phù-đàn.¹ Tất cả loài hữu tình đều hóa làm Như Lai. Lúc ấy bỗng thấy Đức Phật Tỳ-lô-giá-na ngồi trên đài thiên quang, có ngàn Đức Phật nhiều quanh trăm ức cõi nước, cùng với hoa

¹ Diêm-phù-đàn: 閻浮檀 (s: jambūdana-suvarṇa). Hán dịch là Lưu kim diêm phù 流金閻浮. Do chữ Jambū: diêm phù, có nghĩa là dòng sông chảy qua rừng cây; Dana 檀: là sinh ra loại vàng quý Thăng kim. Ở giữa núi Hương tuyền (s: Gandhamadana) và dãy Hy-mã-lạp-sơn có sông chảy qua rừng cây Diêm phù, vàng phát ra từ sông này gọi là Diêm-phù-đàn kim. Theo thần thoại Ấn Độ, sông Diêm-phù là một trong 7 nhánh của sông Hằng, sông này không có thật, nên Diêm-phù-đàn kim và Diêm-phù đại thọ là những vật tượng tượng cho thuyết Tu-di bốn châu.

sen đồng thời hiện ra. Cảnh giới này gọi là *tâm hồn được truyền dẫn bởi sự linh ngộ, khi tập trung tham cứu đến tận nguồn tâm thì ánh sáng từ trong tâm chiếu khắp cõi nước*. Đây chỉ là trạng thái tạm thời, không phải là chứng thánh. Nếu không nghĩ mình chứng thánh gọi là cảnh giới tốt, nếu tự cho mình đã chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.

Giảng:

Lại đem tâm ấy lóng sạch, thấu triệt, bên trong hào quang tỏa chiếu sáng ngời, khi tâm lặng yên, thanh tịnh, hiển bày, tỏ lộ sáng suốt tột bậc. Ánh sáng từ trong tâm chiếu khắp cả, **mười phương biến thành sắc diêm-phù-đàn**. Ánh sáng rực rỡ tỏa chiếu từ trong tâm, khắp mười phương cõi nước đều phủ màu diêm-phù-đàn. **Tất cả các loài hữu tình** (thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, noãn sanh) và tất cả các loài chúng sanh khác **đều hóa làm Như Lai**.

Lúc ấy, bỗng thấy Đức Phật Tỳ-lô-giá-na.¹ Tỳ-lô-giá-na nghĩa là “suốt khắp mọi nơi,” là danh hiệu của Đức Phật. Ngài không hiện hữu riêng ở một nơi nào, vậy nên chẳng nơi nào mà ngài không có. Thân thể của ngài trùm khắp mọi nơi. Người này bỗng nhiên thấy được Đức Phật Tỳ-lô-giá-na. Vì Đức Phật có thân trùm khắp mọi nơi.

Ngồi trên đài thiên quang, làm bằng ánh sáng của cõi trời, hiển bày thân cao ngàn trượng. Đức Phật

¹ Vairocana: Tỳ-lô-giá-na 毘盧遮那; Tên dịch âm của Đại Nhật Phật.

Tỳ-lô-giá-na được ngàn Đức Phật vây quanh cùng trăm ức cõi nước cùng với hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng đồng thời hiện ra.

Cảnh giới này gọi là: *“tâm hồn được truyền dẫn bởi sự linh ngộ*, ông đừng cho rằng cảnh giới này là thật. Tâm thức ông bị ảnh hưởng bởi một dạng linh cảm sự giác ngộ. Do vậy nó không thật. Do *khi tập trung tham cứu đến tận nguồn tâm thì ánh sáng từ trong tâm chiếu khắp các cõi nước*.

Khi tâm ông được sáng suốt, nó sẽ chiếu khắp tất cả mọi thế giới.

Đây chỉ là trạng thái tạm thời, không phải là chứng thánh. Những gì đang diễn ra không phải là lâu dài vĩnh viễn. Ông chẳng phải là đã chứng Thánh quả. Nếu không nghĩ mình chứng thánh thì gọi là cảnh giới tốt. Còn nếu tự cho mình chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.

Nếu ông nói: “Thật tuyệt diệu! Ta vừa thấy Đức Phật Tỳ-lô-giá-na. Ông có thấy chẳng? Công phu của ông chẳng sâu bằng tôi, tôi thật là đã đạt được điều ấy.” Một khi ông khởi lên niệm như vậy thì ma vương liền đến lôi kéo ông vào địa ngục.

5. SẮC BÁU ĐẦY HƯ KHÔNG

Kinh văn:

又以此心，精研妙明，觀察不停。抑按降伏，制止超越。於時忽然，十方虛空，成七寶色，或百寶色。同時遍滿，不

相留礙。青黃赤白，各各純現。此名抑按，功力踰¹分。暫得如是，非為聖證。不作聖心名善境界。若作聖解即受群邪。

Hựu dĩ thủ tâm, tinh nghiên diệu minh, quán sát bất định. Ưc án, hàng phục, chế chỉ siêu việt. Ư thời hốt nhiên, thập phương hư không, thành thất bảo sắc, hoặc bách bảo sắc. Đồng thời biến mãn, bất tương lưu ngại. Thanh hoàng xích bạch, các các thuần hiện. Thủ danh ức án, công lực du phận. Tạm đắc như thị, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

Lại đem tâm ấy, cứu xét tinh ròng mẫu nhiệm sáng tỏ. Quán sát không ngừng. Đề nén, hàng phục ngăn dứt quá phần. Bảy giờ bỗng dừng thấy hư không mười phương biến thành màu sắc bảy loại châu báu, hoặc màu sắc của trăm loại châu báu. Xuất hiện đồng thời đầy khắp, không ngăn ngại lẫn nhau. Những màu xanh, vàng đỏ, trắng hiện ra rõ ràng. Cảnh giới này gọi là “Sức công phu hàng phục vọng tâm quá phần.” Mới được cảnh giới như vậy, chẳng phải chứng thánh. Không khởi thánh tâm là trạng thái tốt. Còn nếu nghĩ rằng mình đã chứng Thánh thì liền rơi vào tà kiến.

¹ Bản VPTT chép 逾. Bản Taishō chép 踰. Bản Nguyên, Minh chép chữ 逾.

Giảng:

Lại đem tâm ấy, cứu xét tinh ròng màu nhiệm sáng tỏ. Quán sát không ngừng. Đè nén, hàng phục ngăn dứt quá phần. Cố gắng kiềm chế hàng phục vọng tâm của mình đến nỗi nó không đạt đến chỗ siêu việt.

Bổn dụng hư không trong mười phương biến thành màu sắc của bảy loại báu, hoặc màu sắc của trăm loại châu báu, xuất hiện đồng thời khắp trong không gian mà không ngăn ngại lẫn nhau, mà nó không hề chướng ngại lẫn nhau.

Những loại màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng đều hiện ra rõ ràng. Mỗi thứ đều phô bày màu sắc riêng biệt của nó. Cảnh giới này gọi là: “sức hàng phục vọng tâm quá mức.”

Ông dụng công tu tập chế ngự vọng tâm, không để cho vọng tưởng xen vào, không để cho nó đẩy khởi những tạp niệm. Sau khi sự kiềm chế ấy xảy ra một thời gian dài, trở nên căng thẳng quá mức. Đó là ông đã vượt quá mức độ bình thường lẽ ra nên có.

Mới được cảnh giới như vậy, chẳng phải chứng thánh. Ông chỉ tạm thời thấy được sắc màu bảy báu trong không trung thôi. Vậy nên trạng thái này không có nghĩa là ông đã chứng được thánh quả.

Không khởi thánh tâm là trạng thái tốt. Còn nếu nghĩ rằng mình đã chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.

Sẽ là hoàn toàn tốt đẹp, không phải là tình trạng xấu. Còn nếu nghĩ rằng mình là bậc thánh, liền rơi vào tà kiến. Ông sẽ bị bao vây bởi bè lũ tà kiến và ông sẽ đọa lạc.

6. BAN ĐÊM NHƯ BAN NGÀY

Kinh văn:

又以此心，研究澄徹，精光不亂。忽於夜半¹，在暗室內，見種種物，不殊白晝，而暗室物，亦不除滅。此名心細，密澄其見，所視洞幽。暫得如是，非為聖證。不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。

Hựu dĩ thử tâm, nghiên cứu trừng triệt tinh quang bất loạn. Hốt ư dạ bán, tại ám thất nội, kiến chủng chủng vật, bất thù bạch trú, nhi ám thất vật, diệc bất trừ diệt. Thử danh tâm tế, mật trừng kỳ kiến, sở thân đồng u. Tạm đắc như thị, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

Việt dịch:

Lại đem tâm ấy, cứu xét tinh ròng, sáng suốt không loạn. Bỗng nhiên giữa đêm có thể thấy các

¹ Bản VPTT chép 半. Bản Taishō chép chữ 合.

thứ hiện ra trong phòng tối không khác gì ban ngày, mà các thứ ở trong phòng tối cũng không biến mất. Đó gọi là: “**Định tâm lặng đứng cái thấy, nên thấy suốt chỗ tối tăm.**” Tạm được như thế, không phải chứng thánh. Nếu không khởi tâm chứng thánh, đó là cảnh giới tốt. Nếu nghĩ là chứng thánh, liền rơi vào tà kiến.

Giảng:

Lại đem tâm ấy, cứ xét tinh ròng, sáng suốt không loạn.

Lại nữa khi người ấy định tâm để quán sát mọi cảnh giới, cho đến khi linh quang từ bản tâm sáng suốt trở nên rất lắng đọng, và đạt được định lực.

Bỗng nhiên giữa đêm có thể thấy các thứ hiện ra trong phòng tối.

Trong ngôi nhà có ánh sáng, ban đêm không khác gì ban ngày, mà các vật ở trong phòng tối cũng không biến mất.

Không những ông chỉ có thể thấy các vật ở trong nhà mà ông còn có thể thấy được các vật ở bên ngoài ngôi nhà. Không những ông chỉ thấy được đồ vật đã có sẵn trong nhà, mà ông còn thấy được rất rõ ràng những vật đang từ bên ngoài đến hiện ra trong nhà.

Cảnh giới này gọi là: “**Định tâm lặng đứng cái thấy, nên thấy suốt chỗ tối tăm.**”

Tâm ông được tinh lọc đến chỗ cực điểm và cái thấy của ông được thanh tịnh đến mức tột cùng. Với

cái nhìn trong suốt ấy, ông có thể nhìn được mọi vật ngay trong bóng tối.

Tạm được như thế, không phải chứng thánh

Nhưng đó chỉ là trạng thái tạm thời, không phải là chứng thánh. Ông không nên nghĩ đó là quả vị của bậc thánh. Chắc chắn quả vị thánh không phải là như vậy.

Nếu không khởi tâm chứng thánh, đó là cảnh giới lành. Nếu nghĩ mình chứng thánh, liền mắc vào tà kiến.

Nếu ông khởi tâm tự cao tự mãn, nghĩ rằng mình đã đạt được công phu lớn lao trong khi tu hành, thì ông sẽ tự rước lấy ma chướng vào mình.

Một số người tu đạo khi đạt đến trạng thái cực điểm vô cùng thanh tịnh và trong suốt như thế, đột nhiên họ thấy được mọi vật. Đó là vì họ đã mở được con mắt Phật (Phật nhãn). Tuy thế, không phải ai cũng có thể mở được Phật nhãn. Ngay cả nếu có người đạt được Phật nhãn, cũng không phải là có được mãi mãi. Cảnh giới được mô tả ở đây là hành giả chỉ được khai mở Phật nhãn trong nhất thời, khiến hành giả có thể nhìn thấy đồ vật trong nhà tối, y như ở đó có ánh sáng vậy.

Tôi lưu ý thêm là hành giả có thể thấy đồ vật từ bên ngoài đến hiện ra trong nhà. Sẽ thấy được cái gì? Ví dụ ông có thể thấy thần, ma quỷ, Bồ-tát hay Đức Phật từ bên ngoài đến hiện ra trong nhà tối, không nhất định là hình ảnh nào.

Không phải ai cũng trải qua cảnh giới này, nhưng có một số người sẽ có. Đây là cảnh giới sẽ hiện ra tại

một thời điểm nào đó trong khi hành giả dụng công tu tập. Nhưng đừng nghĩ rằng tất cả mọi người tu đạo đều phải trải qua những cảnh giới giống nhau. Vì nó không phải là một dạng nhất định.

Có người được mở Phật nhãn thường xuyên. Điều đó được gọi là “thần thông có được như một phước báo.” Đó là những người trong đời trước đã tinh tấn tu tập pháp môn nghìn tay nghìn mắt (thiên thủ thiên nhãn), và kết quả dĩ nhiên là họ có thể mở được Phật nhãn đời này cho đến đời sau. Những người khác chỉ có thể mở được Phật nhãn¹ nhất thời thôi, vì tâm họ không ở trong trạng thái hằng thanh tịnh. Nếu tâm họ thường thanh tịnh và họ đã tu tập pháp môn Đại bi trong những đời trước, họ cũng có thể mở được Phật nhãn thường trực. Đó là những trường hợp khác biệt trong khi tu hành.

7. THÂN KHÔNG CÒN CẢM GIÁC, ĐỒNG NHƯ CÂY CỎ

Kinh văn:

又以此心，圓入虛融，四肢²忽然同於草木，火燒刀斫，曾無所覺。又則火光，不能燒爇，縱割其肉，猶如削木。

¹ 佛眼 s: Buddha-cakṣus; e: Buddha-eye.

² Bản VPTT chép 肢. Bản Taishō chép 肢, bản Minh chép chữ 體.

此名塵併，排四大性，一向入純。暫得如是非為聖證。不作聖心名善境界。若作聖解即¹受群邪。

Hựu dĩ thử tâm, viên nhập hư dung, tứ chi hốt nhiên đồng u thảo mộc, hỏa thiêu đao chước, tăng vô sở giác. Hựu tắc hỏa quang, bất năng thiêu nhiệt, tưng cát kì nhục, do như tước mộc. Thử danh trần tịnh, bài tứ đại tính, nhất hướng nhập thuần. Tạm đắc như thị, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

Việt dịch:

Lại đem tâm ấy, hoàn toàn nhập vào tánh hư dung, tứ chi bỗng nhiên đồng như cây cỏ, lửa thiêu đao cắt cũng không hay biết. Lửa đốt không cháy thân, dù bị lóc thịt cũng như chẻ cây. Đó gọi là: *trần cảnh và tính tứ đại đều sạch hết, chỉ một hướng thuần chơn*. Tạm được như thế, không phải là chứng thánh. Nếu không nghĩ mình chứng thánh, là cảnh giới tốt. Nếu nghĩ mình chứng thánh, liền rơi vào tà kiến.

Giảng:

Lại đem tâm ấy, hoàn toàn nhập vào tánh hư dung.

Lại nữa, khi tâm ấy hoàn toàn thể nhập vào tánh hư dung.

¹ Bản VPTT chép 即. Bản Taishō chép 即, bản Minh chép chữ 則.

Tròn khắp đầy đủ mà lại hư dung. Tâm đó có rồi lại không đó. Quý vị có thể nói tâm đó không có, nhưng tôi biết là có.

Tứ chi bỗng nhiên đồng như cỏ cây, lửa thiêu dao cắt cũng không hay biết. Nếu ông lấy dao cắt hay lấy lửa đốt tay chân mình, sẽ không có một chút cảm giác nóng hay khó chịu nào cả. Lửa đốt không cháy thân. Khi ông có **đốt thân, thân vẫn không thấy nóng. Dù bị lóc thịt cũng giống như chẻ cây.** Nếu ông lóc thịt ra khỏi tay chân, thì cũng chỉ như bóc vỏ cây, chẳng thấy đau đớn hay kinh động gì cả.

Cảnh giới này gọi là: ***trần cảnh và tính tứ đại đều sạch hết, chỉ một hướng thuần chơn.***

Tướng tiền trần cùng nhau gom lại, và tánh đất, nước, gió, lửa hợp lại thành một thể. **Tạm được như thế, không phải là chứng Thánh.** Tuy vậy, đó chỉ là cảnh giới tạm thời, một kinh nghiệm ngẫu nhiên, không phải là cảnh giới vĩnh viễn, không phải là chứng Thánh. Đừng nghĩ rằng ông đã chứng được quả vị Thánh.

Nếu không nghĩ mình chứng Thánh, gọi là cảnh giới tốt. Nếu nghĩ là mình chứng Thánh, trở nên tự mãn, đại ngã mạn, khởi tâm kiêu ngạo liền rơi vào tà kiến, sẽ bị tán công và bao vây bởi bè lũ ác kiến.

8. BIẾN THÀNH CẢNH GIỚI CHƯ PHẬT

Kinh văn:

又以此心，成就清淨，淨心功極。忽見大地，十方山河，皆成佛國，具足七

寶，光明遍滿。又見恒沙諸佛如來，遍滿空界，樓殿華麗。下見地獄，上觀天宮，得無障礙。此名欣厭凝想日深，想久化成，非為聖證。不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。

Hựu dĩ thủ tâm, thành tựu thanh tịnh. Tịnh tâm công cực, hốt kiến đại địa, thập phương sơn hà, giai thành Phật quốc, cụ túc thất bảo, quang minh biến mãn. Hựu kiến hằng diêu chư Phật Như Lai, biến mãn không giới lâu điện hoa lệ. Hạ kiến địa ngục, thượng quán thiên cung, đắc vô chướng ngại. Thủ danh hân yểm, ngưng tưởng nhật thâm, tưởng cửu hóa thành, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

Việt dịch:

Lại đem tâm ấy, thành tựu tánh thanh tịnh, công phu tịnh tâm đến mức cùng tột. Bỗng thấy núi sông, đất liền khắp mười phương biến thành cõi Phật, đầy đủ bảy loại báu, ánh sáng chiếu khắp mọi nơi. Lại thấy chư Phật Như Lai nhiều như cát sông Hằng, khắp cõi hư không đầy lâu đài tráng lệ. Dưới thấy địa ngục, trên xem thấy thiên cung mà không ngăn ngại. Đó gọi là: *tư tưởng thích, chán ngưng lắng ngày càng sâu*, tưởng lâu mà thành như vậy, không phải là chứng thánh. Không khởi tâm chứng

thánh, gọi là cảnh giới tốt. Nếu nghĩ mình đã chứng thánh liền rơi vào tà kiến.

Giảng:

Lại đem tâm ấy, thành tựu tánh thanh tịnh, công phu tịnh tâm đến mức cùng tột. Chuyên chú tâm mình vào công phu tu tập, thực hành pháp tu tam-muội (chánh định), đạt được trạng thái cực kỳ thanh tịnh.

Lúc đó bỗng thấy núi sông, đất liền, suốt khắp mười phương biến thành cõi Phật, có đầy đủ bảy loại châu báu, ánh sáng chiếu khắp mọi nơi.

Mỗi cung điện đều được trang hoàng bằng bảy loại châu báu: Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, xích châu, mã não, san hô. Các loại châu báu này phát ra ánh sáng chiếu khắp mười phương.

Lại thấy chư Phật Như Lai nhiều như cát sông Hằng, khắp cõi hư không đầy lâu đài tráng lệ. Dưới thấy địa ngục.

Nhìn xuống dưới thấy được toàn cõi địa ngục. Nhìn lên phía trên có thể xem thấy được những gì xảy ra ở thiên cung mà không ngăn ngại. Có thể thấy bất kỳ cung điện, lâu đài nào mà mình thích thấy.

Cảnh giới này gọi là: *tư tưởng thích, chán ngưng lắng ngày càng sâu, tưởng lâu mà thành như vậy.*

Tại sao ông lại có thể thấy được những cảnh này? Là vì ông thường có tâm yêu và ghét. Ông muốn lên cõi trời, cõi Phật và ghét việc xuống địa ngục.

Ông tập trung tư tưởng vào những niệm yêu, ghét này. Chú tâm vào đó như gà mái ấp trứng, như mèo

ình chuột, như rồng nuôi ngọc vậy. Chẳng nghĩ đến chuyện gì khác, mà chỉ nghĩ về những cảnh giới tốt đẹp ở cõi Phật và cảnh khổ đọa đày nơi địa ngục. Tâm ưa thích những nơi chốn an vui thánh thiện và ghét nơi đau khổ bất hạnh... Cuối cùng những tư tưởng ấy đã tạo nên loại cảnh giới này.

Đó không phải là chứng thánh. Không nên nghĩ rằng mình đã chứng được quả vị Thánh và đạt được nhiều năng lực lớn trong công phu.

Nếu không khởi tâm chứng thánh, gọi là cảnh giới tốt. Thế thì không phải là xấu. Nếu nghĩ là chứng thánh, và nói: “Cảnh giới này thật tuyệt, ta đang ở với chư Phật. Thực vậy, chính ta là Phật.”

Liên rơi vào tà kiến. Nếu nghĩ như vậy thiên ma và ngoại đạo liền đến lôi kéo ông làm bạn đồng hành với nó. Ông nói ông đang ở nơi chư Phật phải không? Tốt lắm, chúng ta cùng kết bạn và chúng tôi sẽ theo thân cận với ông.

9. BAN ĐÊM NHÌN THẤY XA

Kinh văn:

又以此心，研究深遠。忽於中夜，遙見遠方。市井街巷，親族眷屬，或聞其語。此名迫心，逼極飛出，故多隔見。非為聖證，不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。

Hựu dĩ thử tâm, nghiên cứu thâm viễn, hốt ư trung dạ diêu kiến viễn phương. Thị, tỉnh, nhai hạng, thân tộc, quyền thuộc, hoặc văn kì ngữ. Thử danh bách tâm, bức cực phi xuất, cố đa cách kiến, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiên cảnh giới. Nhược tác thánh giải tức thọ quần tà.

Việt dịch:

Lại đem tâm ấy, cứu xét sâu xa, bỗng nhiên giữa khuya thấy được những nơi chốn xa xôi. Thấy chợ, giếng nước, đường phố, ngõ hẻm, bà con thân quyến, cùng nghe họ đang nói chuyện với nhau.

Cảnh giới này gọi là: “Do dồn ép tâm đến mức cùng tột, nên tâm phóng vọt ra thấy được nhiều thứ ở xa và cách ngại như vậy,” chứ không phải là chứng thánh.

Nếu không nghĩ mình chứng thánh, là cảnh giới tốt. Còn nếu cho mình chứng thánh, liền rơi vào tà kiến.

Giảng:

Lại đem tâm ấy, cứu xét sâu xa. Khi dụng tâm nghiên cứu sâu xa, bỗng nhiên giữa khuya thấy được những nơi chốn xa xôi. Bỗng dung có thể thấy được những hiện tượng, những cảnh huống khác nhau ở những nơi chốn xa xôi vào lúc giữa đêm khuya. Thấy chợ, giếng nước, đường phố, ngõ hẻm, bà con thân quyến, cùng nghe họ đang nói chuyện với nhau. Có

thể thấy được phố chợ, nơi hàng hóa được bán đầy trên phố, giếng nước công cộng, nơi mọi người lấy nước dùng đường phố lớn, ngõ hẻm nhỏ. Có thể thấy được luôn cả bà con, quyến thuộc họ hàng thân tộc, cùng nghe được những lời họ nói chuyện với nhau. Có thể nghe được họ bàn bạc nói chuyện với nhau.

Cảnh giới này gọi là: “Do dồn ép tâm đến mức cùng tột, nên tâm phóng vọt ra thấy được nhiều thứ ở xa và cách ngại như vậy.”

Trong công phu ông đã chế ngự tâm phóng túng buông thả theo vọng tưởng, thúc ép tâm mình đến mức cùng tột. Rồi trải qua cảm giác tâm được phóng vọt ra và thấy hết mọi vật bất kể nó ở bao xa, những cảnh vật mà khi bình thường dù cố gắng nhìn cũng không thể thấy được. Nhưng bây giờ bỗng dưng tâm ông vỡ rời ra và ông có thể thấy được mọi vật.

Đó không phải là chứng thánh, không nên nghĩ rằng đây là cảnh giới tốt.

Nếu không nghĩ mình đã chứng thánh thì đó là cảnh giới tốt. Còn nếu tự xem mình là thánh, liền rơi vào tà kiến.

Nếu quý vị tuyên bố rằng mình đã chứng được thánh quả, trong khi mình chẳng hề chứng được, hoặc quý vị tuyên bố đã chứng được những gì mình không thể chứng được. Thì quý vị sẽ thấy mình bị bao vây bởi quân ma.

10. THẤY THIỆN TRI THỨC BIẾN DẠNG MÀ KHÔNG HIỂU NGUYÊN NHÂN

Kinh văn:

又以此心，研究精極，見善知識，形體變移。少選無端種種遷改。此名邪心，含受魑魅，或遭天魔，入其心腹，無端說法，通達妙義，非為聖證。不作聖心，魔事銷歇。若作聖解，即受群邪。

Hựu dĩ thử tâm, nghiên cứu tinh cực, kiến thiện tri thức, hình thể biến di. Thiểu tuyển vô đoan, chủng chủng thiên cải. Thử danh tà tâm, hàm thọ li mị, hoặc tao thiên ma, nhập kì tâm phúc, vô đoan thuyết pháp, thông đạt diệu nghĩa, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, ma sự tiêu yết. Nhược tác thánh giải, tức thọ quân tà.

Việt dịch:

Lại đem tâm ấy, cứu xét tinh ròng, thấy hình thể của các vị thiện tri thức bị biến dạng. Chỉ trong chốc lát, thân họ biến thành nhiều dạng khác nhau mà không biết vì có gì.

Đó gọi là: “Tà tâm bị loài lỵ my hay bị thiên ma nhập vào, vô có thuyết pháp, rất thông suốt diệu lý,” chứ không phải là chứng thánh.

Nếu không nghĩ mình chứng thánh thì các ma sự liền tiêu mất. Còn nếu nghĩ mình đã chứng thánh, liền rơi vào tà kiến.

Giải:

Đây là trạng thái ma sự thứ mười của sắc âm, gọi là “vọng kiến” và “vọng thuyết.”

Lại đem tâm ấy, cứu xét tinh ròng, thấy hình thể của các vị thiện tri thức bị biến dạng. Người mà ông đã theo học giáo pháp trong quá khứ. **Chỉ trong chốc lát, thân họ biến thành nhiều dạng khác nhau mà không biết vì có gì.**

Vị thiện tri thức ấy biến đổi hình dạng ngay trước mặt ông, chợt biến thành một ông lão, lát sau vị ấy biến thành một người trung niên, lát sau nữa vị ấy biến thành một người thiếu niên. Còn nếu thiện tri thức vốn là người nam biến thành người nữ, ông sẽ nghĩ rằng: Ô người thiện tri thức của ta đời trước là một người phụ nữ. Thực ra, những gì ông thấy đều không có thực. Những sự biến đổi này là kết quả từ vọng tưởng của ông. Chỉ trong chốc lát, nhiều sự biến chuyển xảy ra mà không giải thích được. Mọi việc đều biến đổi và trở nên khác với bình thường.

Điều này tương tự với những gì mà người sử dụng ma túy¹ đã trải qua. Đối với họ, mọi vật trở nên có màu sắc sáng chói, họ không thể nhìn rõ các vật thể ấy. Họ vẽ lên nhưng bức tranh kỳ quái không ai hiểu nổi, vì họ chỉ làm văng tung tóe bừa bãi các màu sắc trên khung vải. Sau khi họ vẽ xong, có người nói: “Ồ thật là một

¹ LSD: *lysergic acid diethylamide*, một loại dược phẩm gây ảo giác cực mạnh.

danh họa.” Có người đã khen thật. Quý vị thấy đó! Đó là một loại.

Quý vị thắc mắc: “Nhưng đây có phải là trường hợp của người tu đạo đã dùng ma túy không?”

Không. Cảnh giới này gây nên do ma vương. Khi ông dùng ma túy, ma vương cũng có việc làm. Nó cũng làm cho mọi cảm giác trong quý vị biến đổi theo (6).

Những cảnh giới trong sắc âm có thể biến chuyển thành tốt hoặc trở nên xấu đi. Nếu hành giả có đầy đủ thiện căn, thì sự chuyển biến sẽ theo chiều hướng tốt đẹp. Nếu hành giả có ít thiện căn, sẽ hướng sang chiều bất thiện. Đó là tất cả các dạng biến đổi.

Đó gọi là: “Tà tâm bị loài ly my hay bị thiên ma nhập vào, vô cơ thuyết pháp, rất thông suốt diệu lý.”

Khi loài ly mị hoặc thiên ma nhập vào, ông sẽ tự cho rằng: Mình biết giảng kinh, biết thuyết pháp. Tự cho mình đã được khai ngộ, tự cho mình là bậc Trưởng lão. Những người này bắt đầu giảng pháp mà không có nguyên nhân, và họ không biết mình nói điều gì nữa. Họ nói rằng họ đã thông đạt diệu nghĩa của Phật pháp, nhưng thật sự chẳng thông đạt được diệu nghĩa. Họ cũng chẳng phải đang diễn nói Phật pháp nữa. Họ đã lấy những điều sai, diễn nói thành đúng rồi tuyên bố rằng pháp của họ là vi diệu. Họ tự khen ngợi mình còn hủy báng người khác. Nó tự xưng là bậc Trưởng lão.

Chứ không phải là chứng thánh. Đây là một trạng thái không tốt.

Nếu không nghĩ mình chứng thánh, các ma sự liền tiêu tan. Bọn quân ma sẽ tự biến mất.

Còn nếu nghĩ mình đã chứng thánh, liền rơi vào tà kiến. Nếu ông nghĩ mình đã đạt được quả vị Thánh, ông sẽ nhận thấy mình đang ở địa ngục. Ông sẽ đạt được quả vị của mình ở nơi địa ngục.

E. LỜI KHUYÊN RĂN TỔNG KẾT CỦA ĐỨC THẾ TÔN VỀ SẮC ÁM

Kinh văn:

阿難，如是十種，禪那現境，皆是色陰，用心交互，故現斯事。

A-nan, như thị thập chủng, thiền-na hiện cảnh, giai thị sắc âm, dụng tâm giao hồ, cố hiện tư sự.

Việt dịch:

A-nan, mười cảnh giới hiện ra trong thiền định như vậy, là do sắc âm và tâm dụng công giao xen với nhau mà có.

Giải:

A-nan, mười cảnh giới đã được mô tả ở trên hiện ra khi tập trung quán chiếu trong thiền định. Do sắc âm và tâm nôn nóng dụng công giao xen nhau mà hiện ra. Cảnh giới này có liên quan với sắc âm, khi tâm dụng công hồ tương với sự tham cứu về sắc âm đến cùng cực. Người tu đạo ai cũng có thể trải qua cảnh giới này.

Kinh văn:

眾生頑迷，不自忖量。逢此因緣，迷不自識，謂言登聖，大妄語成，墮無間獄。

Chúng sanh ngoan mê, bất tự thốn lượng. Phùng thử nhân duyên, mê bất tự thức, vị ngôn đặng thánh, đại vọng ngữ thành, đọa vô gián ngục.

Việt dịch:

Chúng sanh mê muội không tự xét kỹ. Gặp nhân duyên này, mê muội không tự biết, tự cho là chứng thánh, thành tội đại vọng ngữ, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng:

Chúng sanh mê muội không tự xét kỹ. Chúng sanh ngoan cố khó chuyển hóa, ngu mê khó thức tỉnh. Họ không tự duyệt xét lại mình để kiểm chứng lại mức độ tu học của mình ngay từ đầu. **Gặp nhân duyên này,** gặp các cảnh giới ma sự, **mê muội không tự biết mình, tự cho là chứng thánh.**

Chúng tuyên bố: “Ồ! Ta là Phật. Ta giác ngộ rồi. Ta đã chứng được thánh quả rồi.”

Như vậy **thành tội đại vọng ngữ,** chúng thật sự đã nói những lời đại vọng ngữ, chắc chắn chúng sẽ đọa vào địa ngục vô gián. (7)

Kinh văn:

汝等當依如來滅後，於末¹法中，宣示斯義，無令天魔，得其方便。保持覆護，成無上道。

¹ Bản VPTT chép 末. Bản Taishō chép 末. Bản Tổng, Nguyên, Minh đều chép chữ 末.

Nhữ đấng đương y, Như Lai diệt hậu, ư mặt pháp trung, tuyên kì tư nghĩa. Vô linh thiên ma, đắc kì phương tiện. Bảo trì phúc hộ, thành vô thượng đạo.

Việt dịch:

Các ông phải nương theo, sau khi Như Lai nhập diệt, trong đời mạt pháp, phải truyền bá giáo pháp này. Đừng để cho thiên ma có cơ hội quấy phá. Giữ gìn che chở cho mọi chúng sanh, khiến họ được thành đạo vô thượng.

Giảng:

Các ông phải nương theo, sau khi Như Lai nhập diệt, trong đời mạt pháp, phải truyền bá giáo pháp này.

A-nan, ông nên hết lòng nương theo và thực hành giáo pháp mà tôi đã giảng dạy cho các ông. Trong đời mạt pháp, sau khi Như Lai diệt độ, các ông phải truyền bá giáo pháp này.

Đừng để cho thiên ma có cơ hội quấy phá. Giữ gìn che chở cho mọi chúng sanh, khiến họ được thành đạo vô thượng. Phải nên duy trì và bảo hộ Phật pháp chân chính, mới mong được thành tựu đạo quả vô thượng.

THỌ ÁM

A. TÂM LÝ TRƯỚC KHI VÀO CẢNH GIỚI THỌ ÁM

Kinh văn:

阿難，彼善男子，修三摩提，奢摩他中，色陰盡者，見諸佛心，如明鏡中，顯現其像。

A-nan, bi thiện nam tử, tu tam-ma-đề, xa ma tha trung, sắc âm tận giả, kiến chư Phật tâm, như minh kính trung, hiển hiện kì tượng.

Việt dịch:

A-nan, thiện nam tử ấy tu tập chánh định, trong khi tu xa-ma-tha (chỉ), sắc âm dứt sạch, thấy tâm chư Phật như bóng hiện ra trong gương.

Giải:

A-nan, thiện nam tử ấy tu tập chánh định.¹

Tu tập công phu “*phản văn văn tự tánh*,” hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra bản tánh của mình – Tu tam-ma-đề tức tu tập chánh định, là tu *nhĩ căn viên thông*, tức tu tập công phu “*phản văn văn tự tánh*,” hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra bản tánh của mình, là công phu để đạt được trí huệ viên

¹ s: p: samādhi. Còn gọi là Tam-muội 三昧, tam-ma-đề 三摩提, tam-ma-đế 三摩帝. Ý dịch là Đẳng trì 等持, Chánh định 正定, Điều trực định 調直定. Chánh tâm hành xứ 正心行處, Định ý 定意.

mãn thông qua nhĩ căn. Khi tu pháp xa-ma-tha¹ làm thanh tịnh tâm ý, chuyển hóa tất cả mọi vọng tưởng để tập trung vào việc quán chiếu. Khi trừ diệt các sắc âm hết sạch rồi, có thể thấy tâm của chư Phật như bóng hiện ra trong gương.

Điều gì xảy ra thì ông tiêu trừ hết các sắc âm? Ông có thể thấy được pháp môn tâm ấn của chư Phật như thể ông nhìn thấy được chính mình trong gương.

B. PHẠM VI CỦA THỌ ÁM

Kinh văn:

若有所得，而未能用。猶如魘人，手足宛然見聞不惑，心觸客邪而不能動。此則名為受陰區宇。

Nhược hữu sở đắc, nhi vị năng dụng. Do như yểm nhân, thủ túc uyển nhiên kiến văn bất hoặc, tâm xúc khách tà, nhi bất năng động. Thủ tắc danh vi thọ âm khu vũ.

Việt dịch:

Như có chỗ sở đắc, nhưng chưa dùng được. Ví như người bị bóng mộc đê, tay chân còn y nguyên, thấy nghe không lầm, nhưng tâm bị khách tà, không cử động được. Đó gọi là phạm vi của thọ âm.

¹ Samatha: Còn gọi xá-ma-tha 舍摩他, xa-ma-đà 奢摩陀. Một trong các tên gọi của thiền định. Ý dịch là chỉ 止, tịch tĩnh 寂靜, năng diệt 能滅.

Giảng:

Như có chỗ sở đắc, nhưng chưa dùng được. Ví như người bị bóng mộc đề.

Trước tôi đã nói về loài quỷ Cưu-bàn-trà.¹ Là một loài yểm quỷ thường dùng bùa chú để ếm cho người bệnh chết. Khi một người bị loài quỷ này ám, chân tay còn y nguyên, không bị mất đi, thấy nghe không lầm hay mê muội nhưng tâm bị chế ngự bởi quần tà, đến mức không cử động được. Đây gọi là phạm vi của *thọ ám*.

C. CỘI GỐC CỦA THỌ ÁM**Kinh văn:**

若魔咎歇，其心離身，返觀其面，去住自由，無復留礙，名受陰盡。是人則能超越見濁。觀其所由，虛明妄想，以為其本。

Nhược yểm cữu yết, kì tâm li thân, phản quán kì diện, khứ trụ tự do, vô phục lưu ngại. Danh thọ ám tận. Thị nhân tắc năng siêu việt kiến trược. Quán kì sở do, hư minh vọng tưởng, dĩ vi kì bản.

¹ S: Kumbhāṇḍa; p: Kumbhaṇḍa; t: Grul-bum. Là một trong hai bộ loại quỷ của Tăng trưởng thiên. Còn có tên là Yểm mi quỷ 厭眉鬼 hoặc Ứng hình 瓮形. Còn gọi là Đông qua quỷ 冬瓜鬼. Có khả năng biến hóa khôn lường, ở nơi rừng vắng, chuyên ăn tinh huyết của người.

Viết dịch:

Khi mộc đê lắng dịu rồi thì tâm rời khỏi thân, trở lại thấy được mặt mày, đi ở tự do, không còn ngăn ngại. Đây gọi là hết thọ âm. Người ấy có thể vượt qua kiến trực. Xét kỹ nguyên do, thì vọng tưởng hư minh là gốc của thọ âm.

Giảng:

Khi tình trạng tê liệt bởi bóng mộc đê lắng dịu rồi thì tâm rời khỏi thân, trở lại thấy được mặt mày.

Khi ông còn ở trong phạm vi thọ âm, giống như bị loài quỷ Cưu-bàn-trà làm cho tê liệt, do đó ông không thể có được sự tự tại. Nếu tình trạng này biến mất và thọ âm được trừ sạch rồi, thì tâm sẽ thoát khỏi thân và ông có thể nhìn thấy được mặt ông, và đi ở tự do. Ông có thể đi hay không đi tùy ước muốn, hoàn toàn không bị trói buộc nữa, không bị ngăn ngại. Đây gọi là hết thọ âm.

Khi thọ âm đã tiêu dung, người ấy có thể vượt qua kiến trực. Đó là một trong năm món ngũ trực ác thế.

Xét lại nguyên do, thì vọng tưởng hư minh là cội gốc của thọ âm. Khi thọ âm được phá sạch rồi thì cái gốc của nó cũng tiêu tan luôn.

D. 10 CẢNH GIỚI CỦA THỌ ÂM**1. SỰ BI LUY QUÁ ĐỘ (MA BI LUY)****Kinh văn:**

阿難，彼善男子，當在此中，得大光耀，其心發明，內抑過分。忽於其處，

發無窮悲，如是乃至，觀見蚊虻，猶如赤子，心生憐愍，不覺流淚。

A-nan bi thiện nam tử, đương tại thử trung, đắc đại quang diệu, kỳ tâm phát minh, nội ức quá phần. Hốt ư kì xú, phát vô cùng bi, như thị nãi chí, quán kiến văn manh, do như xích tử, tâm sinh lân mẫn, bất giác lưu lệ.

Việt dịch:

A-nan, hành giả khi ở trong trạng thái này, tâm rất sáng suốt, do bên trong đè nén quá phần. Bỗng dưng phát sanh tâm thương cảm vô cùng, cho đến xem muỗi mòng như là con mới sinh, tâm thương xót bất giác rơi lệ.

Giảng:

A-nan, hành giả khi ở trong trạng thái này, tâm rất sáng suốt, do bên trong đè nén quá phần. Một loại cảm xúc đột nhiên sanh khởi. Ông ta đã liên tục ức chế tư tưởng quá trớn. Khi sự dồn nén bên trong quá mức, bỗng dưng phát sanh tâm thương cảm vô hạn và lòng thương mến các loài chúng sanh, đến nỗi xem muỗi mòng như là con mới sanh. Tiếng Hán gọi con mới sanh là *xích tử*, do da của trẻ mới sanh có màu đỏ.

Tâm sinh thương xót, bất giác rơi lệ, không biết tại sao mà ông bật khóc.

Kinh văn:

此名功用抑摧過越。悟則無咎非為聖證。覺了不迷久自銷歇。若作聖解則有

悲魔入其心腑¹，見人則悲啼泣無限。失於正受當從淪墜。

Thử danh công dụng ức tội quá việt. Ngộ tắc vô cứu, phi vi thánh chứng. Giác liễu bất mê, cửu tự tiêu yết. Nhược tác thánh giải, tắc hữu bi ma nhập kì tâm phủ, kiến nhân tắc bi đê khắp vô hạn. Thất ư chánh thọ, đương tòng luân trụ.

Việt dịch:

Đây gọi là đè nén tâm quá mức trong khi công phu. Nhận ra điều đó thì không có gì sai trái, chẳng phải là chứng thánh. Nếu biết rõ như vậy không còn mê lầm, trạng thái đó dần tự tiêu vong. Nếu nghĩ là mình chứng thánh thì bị loài ma bi lụy nhập vào trong tâm phủ, mỗi khi thấy người thì thương xót kêu khóc không thôi. Nếu mất chánh định sẽ bị chìm đắm.

Giải:

Đây gọi là đè nén tâm quá mức trong khi công phu.

Trạng thái này có thể sanh khởi trong khi dụng công tu tập. Nó xảy ra vì ông đã đè nén tâm thái quá, nhận ra điều đó thì không có gì sai trái, chẳng phải là chứng thánh. Nếu biết rõ như vậy không còn mê lầm, trạng thái đó dần tự tiêu vong, nếu ông hiểu ra

¹ Bản VPTT chép 腑. Bản Taishō chép 府. Bản Tống, Minh chép chữ 腑.

mình đã sai lầm và tự nhủ thăm tại sao ta lại khóc lóc vô cớ như vậy, thì phải thay đổi ngay. Hiểu rõ như vậy rồi sẽ không còn trạng thái căng thẳng nữa.

Cảnh giới này không phải chứng thánh. Đó không có nghĩa là ông đã chứng được tâm *đồng thể đại bi*. Đừng nghĩ rằng thương xót các loài muỗi mòng và các loài côn trùng nhỏ nhít như là con mồi đẻ của mình là tâm *đồng thể đại bi*.

Nếu biết rõ như vậy, không còn mê lầm nữa, trạng thái căng thẳng đó tự tiêu vong. **Nhưng nếu nghĩ là mình đã chứng thánh**, nếu ông nghĩ: “Ồ! Bây giờ ta đã có được tâm *đồng thể đại bi*, công phu tu tập của ta thực sự đã thành tựu” thế là **bị loài ma bi lụy nhập vào trong tâm phủ**, nghĩa là gặp bất cứ người nào cũng đều vô cớ bật khóc. Loài ma này **mỗi khi gặp người thì thương xót kêu khóc không thôi**, khóc mà chẳng biết tại sao buồn thảm như thế.

Khi còn ở Mãn-châu (Manchuria), tôi biết một người phụ nữ tên là Lưu Kim Đồng đã gặp phải trạng thái như vậy. Bất kỳ khi gặp người nào, cô đều bật khóc và nói: “Trong tiền kiếp ngươi là con tôi. Bây giờ con đã trở lại. Con đã tìm gặp được mẹ rồi đó.” Bằng nước mắt, bà ta hết sức làm cho người ta bối rối, để họ phải tin rằng mình thực sự đã gặp được mẹ. Thực ra người đó đã gặp ma. (8)

Nếu mắt chánh định sẽ bị chìm đắm, nếu ông nghe theo ma vương, ông sẽ rơi vào địa ngục.

2. SỰ TÁO BẠO QUÁ MỨC

Kinh văn:

阿難，又彼定中，諸善男子，見色陰銷，受陰明白，勝相現前，感激過分。忽於其中，生無限勇，其心猛利，志齊諸佛，謂三僧祇，一念能越。

A-nan, hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc âm tiêu, thọ âm minh bạch, thắng tướng hiện tiền, cảm kích quá phần. Hốt ư kì trung, sanh vô hạn dũng, kỳ tâm mãnh lợi, chí tề chư Phật. Vị tam tăng kì, nhất niệm năng việt.

Việt dịch:

Lại nữa A-nan, khi hành giả ở trong trạng thái định này, thấy sắc âm đã tiêu dung, thọ âm tỏ rõ, cảnh giới thù thắng hiện ra, cảm kích quá phần. Bỗng dung trong đó sinh tâm rất dũng mãnh, thông minh bén nhạy, sánh đồng như Phật, cho rằng có thể vượt qua ba a-tăng-kỳ kiếp chỉ trong một niệm.

Giải:

Lại nữa A-nan, khi hành giả, bao gồm tất cả những thiện nhân đang tu tập Phật pháp, khi ở trong trạng thái định này, thấy sắc âm đã tiêu dung, thọ âm tỏ rõ. Trong năm uẩn, biết rõ sắc âm đã tiêu rồi và hoàn toàn biết rõ, sáng suốt về thọ âm.

Lúc ấy cảnh giới thù thắng hiện ra. Một nhãn quan đặc biệt và hiếm có xuất hiện trong tâm.

Hành giả cảm thấy rất là khoan khoái dễ chịu. Tuy nhiên, thái quá như bất cập. Có một chút khác nhau giữa người đi quá xa và người đi khá xa mà chưa đến đích. Cả hai trường hợp đó đều không hợp với nghĩa *trung đạo*. Ví như khi đi du lịch, nếu ông đi vượt quá nơi ông muốn đến thì cũng đồng như chưa đến đích vậy. Vậy nên, trong cảnh giới thiền định này người ấy cảm kích quá phân, rồi **bồng dung, phát ra tâm chí đồng mãnh, thông minh bén nhạy, sánh đồng như Phật,**

Dũng mãnh tinh tấn một cách đáng sợ chưa từng có. Tự cho rằng mình đồng như chư Phật, nói rằng Đức Phật và mình như nhau. Cho rằng mình có thể vượt qua ba a-tăng-kỳ kiếp kiếp chỉ trong một niệm.

Cho rằng có thể vượt qua a-tăng-kỳ¹ kiếp thứ nhất, thứ hai, thứ ba chỉ trong một niệm. Do đó anh ta nói mình là Phật. Không những nói mình là Phật, mà anh ta còn nói mọi người là Phật. Loại người như thế là đã rơi vào tà tri tà kiến.

Thực ra, mỗi người đều có một Đức Phật trong tâm, nhưng phải nhờ công phu tu tập mới nhận ra Phật tánh. Ngay cả khi quyết tâm tu hành, cũng không thể trở thành Phật chỉ trong một niệm, mà phải cần một

¹ S: Asaṃkhyā, Asaṃkhyeyā. Hán dịch Bất khả toán kể, vô lượng số, vô ương số. Là một trong những số mục của Ấn Độ, có nghĩa là con số rất lớn. Trong 60 đơn vị số mục của Ấn Độ thì a-tăng-kỳ là số mục thứ 52. Theo cách đọc là 1 triệu vạn ức (10 lũy thừa 47).

thời gian rất lâu xa. Dù thời gian ấy có thể rút ngắn lại nhờ hiểu biết và thực hành đúng chánh pháp, vẫn khó có thể thành Phật chỉ trong một niệm. Người nếu có tu hành nhưng không được thiện tri thức hướng dẫn chỉ dạy cho, dù có tu tập cần khổ cách mấy đi nữa, anh ta cũng chỉ tăng trưởng tà kiến trong suốt thời gian tu mà thôi. Tự thấy rằng trải qua một thời gian tu tập lâu dài như vậy cũng không ngoài việc thành Phật, nên anh ta tự xác định rằng mình là Phật. Đây là tự nâng mình lên ngang như chư Phật. Tình trạng này xảy ra khi thọ âm tan rã. Anh ta nói rằng mình đồng như chư Phật. Thực vậy, chỉ một niệm sai lầm đó, anh ta liền dính mắc vào quyền thuộc của ma vương.

Kinh văn:

此名功用，凌率過越。悟則無咎，非為聖證。覺了不迷，久自銷歇。若作聖解，則有狂魔入其心腑，見人則誇，我慢無比。其心乃至，上不見佛，下不見人。失於正受，當從淪墜。

Thử danh công dụng, lăng suất quá việt. Ngộ tắc vô tặc, phi vi thánh chứng. Giác liễu bất mê, cửu tự tiêu yết. Nhược tác thánh giải, tắc hữu cuồng ma, nhập kì tâm phủ, kiến nhân tắc khoa, ngã mạn vô tỉ. Kỳ tâm nãi chí, thượng bất kiến Phật, hạ bất kiến nhân. Thất ư chánh thọ, đương tông luân truy.

Việt dịch:

Đây gọi là dụng công lấn lướt quá mức. Nếu nhận biết thì không sai lầm, đó không phải là chứng thánh. Nếu biết rõ như vậy và duy trì sự sáng suốt, thì trạng thái ấy sẽ tiêu mất. Nhưng nếu nghĩ mình chứng thánh, liền có ma cuồng nhập vào tâm phủ, khi gặp người sẽ khoe khoang về mình, cực kỳ ngả mạn. Tâm họ đến mức trên không còn thấy chư Phật, dưới không thấy có ai. Nếu bỏ mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Giảng:

Nay quý vị đang nghe giảng *Kinh Thủ-lăng-nghiêm*. Bây giờ chúng ta đã đến chương rất quan trọng nói về năm mươi hiện tượng ma sự phát sinh từ ngũ âm. Nếu những người tu hành mà không hiểu *Năm mươi hiện tượng âm ma* này, họ sẽ dễ dàng lạc đường công phu. Nếu quý vị nhận ra được những hiện tượng ngũ âm ma này, thì sẽ không bị mất tự chủ mà liêu lĩnh khoác lác làm ra vẻ mình là nhân vật quan trọng. Do vậy tôi khuyên quý vị nên khuyến khích bà con bạn bè của mình đến để nghe giảng phần *Năm mươi hiện tượng âm ma* này, sẽ giúp cho quý vị biết được từng loại cảnh giới khi tu hành.

Đây gọi là dụng công lấn lướt quá mức. Trạng thái này xảy ra như một kết quả nỗ lực của hành giả trong khi tu hành. Vì hậu quả từ công phu thái quá chuyển hóa bên trong tự tánh khiến ông trở nên đồng mãnh như vậy. Chẳng có gì lầm lỗi trong sự đồng

mãnh, tinh tấn, nếu quý vị dùng nó trong việc nâng cao năng lực tu tập chánh pháp. Nhưng quý vị không nên tự phụ nói rằng: “Ồ! Ta chính là Phật!.” Vậy ông là Phật? Đức Phật đã giảng Tam tạng và mười hai bộ kinh,¹ còn ông đã nói được bao nhiêu bộ kinh, bao nhiêu tạng kinh? Ông còn chưa hiểu được kinh tạng, thì còn nói gì đến chuyện ông là Phật? Vậy có phi lý không? Đức Phật đã giảng nói toàn bộ kinh tạng, còn ông chưa từng nói được một kinh một tạng nào cả. Thế thì sao ông lại dám tuyên bố rằng Ông thành Phật được. Ngay cả khi ông có thể thông hiểu từng đạo lý và giảng giải rành mạch Tam tạng mười hai bộ kinh, thì cao nhất là ông có thể gọi mình là một đệ tử của Đức Phật chứ không phải là Phật. Nhưng người này cảm thấy mọi người trên thế gian đều kính mến, quý trọng Đức Phật nên muốn mình cũng thành như Phật, để sau khi chết người ta sẽ cúng dường. Thật ra sau khi chết người ấy sẽ được vùi sâu trong lòng đất, sẽ thành tro bụi, sẽ chẳng còn gì ở lại với ông ta cả.

Nếu nhận biết thì không sai lầm, đó không phải là chứng thánh.

Hoàn toàn tốt đẹp nếu có được sự tinh tấn dũng mãnh như thế. Miễn ông hiểu rằng: Đó chỉ là một cảnh giới, và đó không có nghĩa là ông đã chứng quả Thánh. Trạng thái đó không phải là chứng Thánh. **Nếu ông**

¹ Thập nhị bộ kinh: chỉ cho các thể loại trong các kinh mà Đức Phật đã giảng nói.

nhận rõ như vậy và duy trì sự sáng suốt, lâu rồi trạng thái ấy sẽ tự tiêu mất.

Nhưng nếu tự cho mình chứng thánh. Nói rằng: Ô! Ta đã thành Phật. Liền bị ma cuồng ngông nhập vào tâm phủ.

Nên quý vị thấy đó, nếu khi vẫn chưa hiểu rõ *Năm mươi hiện tượng ám ma*, thì làm sao mà thành Phật được. Loại ma này là một trong những loại ma ngông cuồng, cống cao, ngã mạn. Nó len vào tâm ông, chiếm ông làm sở hữu của nó, điều khiển tâm tánh người bị nó chiếm. Khi chiếm được rồi, ma vương sẽ kiểm soát và hành động như người ấy.

Khi gặp bất luận người nào, liền khoe khoang về mình, cho mình là đúng và mọi người khác đều sai. Nó dèm pha bôi nhọ người khác và tự tán dương mình. Mọi người đều sai trái hết thảy chỉ có riêng mình nó là đáng trọng thôi. Nó nghĩ nó đã thành Phật.

Người ấy trở nên cực kỳ ngã mạn đối với mọi người, Tâm họ đến mức trên không còn thấy chư Phật, dưới không thấy có ai. Vì sao? Vì tự nghĩ chính hần ta là Phật. Và không còn thấy người nào dưới mình nữa.

Thế thì anh ta thấy cái gì? Anh ta nói mọi người đều là Phật. Chính anh ta cũng là Phật. Chẳng có vị Phật nào ở trên anh ta nữa. Trong tương lai cũng không có vị Phật nào hơn. Đó là cảnh giới mà anh ta không còn thấy ai ở dưới mình nữa.

Nếu bỏ mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Nếu không duy trì chánh định, chắc chắn sẽ bị đọa lạc.

3. SỰ CHÁN NẢN QUÁ MỨC (MA TRÁM ỨC)

Kinh văn:

又彼定中，諸善男子，見色陰銷，受陰明白。前無新證，歸失故居。智力衰微，入中墮地，迥無所見。心中忽然，生大枯渴。於一切時，沈憶不散。將此以為勤精進相。

Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc âm tiêu, thọ âm minh bạch. Tiền vô tân chứng, quy thất cố cư. Trí lực suy vi, nhập trung đọa địa, quỳnh vô sở kiến. Tâm trung hốt nhiên, sanh đại khô kiệt. Ư nhất thiết thời, trầm ức bất tán. Tương thử dĩ vi cần tinh tiến tướng.

Việt dịch:

Lại nữa khi hành giả ở trong trạng thái định này, thấy sắc âm đã tiêu dung, thọ âm tỏ rõ. Trước không không thấy có cảnh giới mới để chứng, lui về thì mất chỗ cũ. Trí lực suy yếu, rơi vào nơi cùng cực, không còn gì để trông mong. Bỗng dung có cảm giác đơn điệu, khao khát trở dậy. Trong mọi lúc đều thâm nhớ không quên. Làm cho như vậy là tướng tinh tấn.

Giải:

Lại khi hành giả ở trong trạng thái định này, thấy sắc âm đã tiêu dung, thọ âm tỏ rõ. Trước không không thấy có cảnh giới mới để chứng, lui về

thì mất chỗ cũ. Trí lực suy yếu. Không thấy có cảnh giới để tu chứng ngay. Lui về thì mất trạng thái đã tự chứng được, vậy nên năng lực trí huệ yếu dần.

Tiến lên, chẳng có gì để chứng đắc. Sau lưng hành giả, cảnh giới xưa nay mình hằng an trụ đã biến mất. Trí huệ bây giờ trở nên yếu kém. Hành giả không còn vững mạnh, sắc bén như lúc đầu nữa. Đây là trường hợp bồng dung đang tiến bộ rồi thành linh dừng lại. **Bị rơi vào nơi cùng cực**, là nơi mà hành giả gần như đọa lạc, thấy **không có gì để trông mong**. Hành giả không có cảm giác hoặc cảm nhận được điều gì nữa cả.

Bồng dung có cảm giác đơn điệu, khao khát trời dậy.

Cảm giác của hành giả lúc này là thấy quá đơn điệu, khô khan, khao khát. Thấy mọi việc đều vô nghĩa và chán ngán, thấy khao khát vì anh ta cần thấm nhuần nước của Phật pháp. Anh ta cảm thấy khô cằn, héo úa vì chẳng thấy còn điều gì hơn nữa. Trạng thái này tương tự như người sơ cơ không chịu tu tập, luôn luôn cảm thấy cô độc và chán nản. Sự cô độc và chán nản ấy chắc chắn sẽ dẫn đến phiền não. Cái phiền não cố hữu.

Tôi không có dự tính nêu điều này ra, nhưng vì tôi sợ có người không hiểu. Hơn thế nữa: nó giống như khi người nữ nhớ về người nam. Cô ta mơ tưởng cho đến khi cô ta thấy bồn chồn và bất an. Cũng như khi người nam mơ tưởng đến người nữ, họ cũng có cảm giác bất an tương tự. Họ đều cô đơn và buồn tẻ như thể bị mất một điều gì mà không bao giờ tìm lại được.

Trong mọi lúc hành giả đều thầm nhớ không quên.

Đó là cảnh người nam, người nữ tương tư lẫn nhau, mơ tưởng về nhau không bao giờ quên.

Làm cho như vậy là tướng trạng tinh tán.

Trạng thái này bám chắc trong tâm tưởng đến nỗi không tiêu tán, khiến anh ta làm tưởng đó là một dạng tinh tấn trong công phu.

Kinh văn:

此名修心，無慧自失，悟則無咎，非為聖證。若作聖解，則有憶魔，入其心腑。旦夕撮心，懸在一處。失於正受當從淪墜。

Thử danh tu tâm, vô huệ tự thất, ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng. Nhược tác thánh giải, tắc hữu ức ma, nhập kì tâm phủ. Đán tịch toát tâm, huyền tại nhất xứ. Thất ư chánh thọ đương tòng luân trụy.

Việt dịch:

Đây gọi là tu tâm mà thiếu trí huệ, nên tự gây ra lầm lạc. Nếu nhận biết được thì không lầm lỗi, không phải là chứng thánh. Nếu tự cho mình chứng thánh, liền bị loài ma nhớ nhập vào tâm. Ngày đêm giữ tâm treo vào một chỗ. Bỏ mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Giải:

Đây gọi là tu tâm mà thiếu trí huệ, nên tự gây ra lầm lạc. Trong phạm vi của thọ âm, điều này được gọi là tu tập mà thiếu trí huệ, nên tự gây ra sai lạc.

Quý vị chưa được phát trí huệ, nhưng đừng bận tâm vì chưa phát trí huệ. **Nếu nhận biết được thì không làm lỗi.** Nếu quý vị hiểu ra đó chỉ là một cảnh giới, thì không có chuyện gì. Nhưng nếu không hiểu được thì quý vị luôn luôn vướng vào “*chấp không*” và ngưng trệ trong sự tĩnh lặng. Nếu quý vị luôn luôn tán tâm trong sự mơ tưởng, thì quý vị sẽ bị tiêu trầm, và sẽ không thành tựu được đạo nghiệp.

Trạng thái này **không phải là chứng thánh.** Điều này không có nghĩa là anh vừa chứng đạt được một điều gì hay tự nhận mình là thánh. Đừng nhận giặc làm con.

Nếu tự cho mình đã chứng ngộ, thì sẽ bị loài ma nhớ nhập vào tâm.

Ông có nghe chằng? Điều này thật là nguy hiểm. Nếu ông xem đó là cảnh giới tốt lành, một loại ma nhớ sẽ đến và giúp cho ông nhớ kỹ mọi việc. Còn nếu ông không thể nhớ được điều gì hết thì sao? Nó sẽ giúp cho ông nhớ. Nó biết ông muốn nhớ nhiều việc đến chừng nào, nó liền nhập vào tâm ông để giúp cho ông nhớ. Đến chừng đó.

Ngày đêm như giữ tâm treo vào một chỗ.

Tâm ông sẽ bị thu hút và giữ vào một điểm.

Bỏ mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Khi thiếu chánh định (không dễ đạt được chánh định) sẽ bị chìm đắm, trong tương lai sẽ đọa vào địa ngục.

4. SỰ TỰ MÃN (ĐƯỢC ÍT CHO LÀ ĐỦ)

Kinh văn:

又彼定中，諸善男子，見色陰銷，受陰明白。慧力過定，失於猛利。以諸勝性懷於心中。自心已疑，是盧舍那，得少為足。

Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc âm tiêu, thọ âm minh bạch. Huệ lực quá định, thất ư mãnh lợi. Dĩ chư thắng tánh, hoài ư tâm trung. Tự tâm dĩ nghi, thị Lô-giá-na, đắc thiểu vi túc.

Việt dịch:

Lại nữa khi hành giả ở trong trạng thái định này, thấy sắc âm đã tiêu dung, thọ âm tỏ rõ. Sức huệ hơn định, mắc lỗi do trí mạnh mẽ sắc bén. Ôm giữ tánh siêu việt trong tâm. Ngỡ mình là Đức Phật Lô-xá-na, được chút ít sở đắc tự cho là đủ.

Giải:

Lại nữa khi hành giả ở trong trạng thái định này, thấy sắc âm đã tiêu dung, thọ âm tỏ rõ.

Sức huệ hơn định. Năng lực trí huệ vượt quá năng lực của định.

Mắc lỗi do trí mạnh mẽ sắc bén, lầm lẫn do trí có được sự sắc bén, mạnh mẽ, là trải qua cảm giác liễu lĩnh, hấp tấp. Thích ôm giữ tánh siêu việt của mình trong tâm. Ngỡ mình là Đức Phật Lô-xá-na, tưởng mình là Đức Phật Lô-xá-na.

Ở cảnh giới này hành giả xem bản tánh của mình siêu việt và thường luôn luôn nhớ nghĩ về nó. Ôm ấp mơ tưởng về thắng tánh, lầm cho chính mình là Đức Phật Lô-xá-na.

Lô-xá-na,¹ gốc tiếng Phạn có nghĩa là “Ánh sáng chiếu khắp mọi nơi.” Hành giả dùng tưởng rằng mình đã là Phật Lô-xá-na.

Được chút ít sở đắc tự cho là đủ. Tự hài lòng với chút ít sở đắc của mình.

Hành giả có được chút ít tiến bộ trở nên hài lòng. Thật ra định lực ấy khác hẳn năng lực đại định của Đức Phật rất xa. Mà anh ta lại tuyên bố là mình đã thành Phật Lô-xá-na.

Kinh văn:

此名用心，亡失恒審，溺於知見。悟則無咎，非為聖證。若作聖解，則有下劣，易知足魔，入其心腑。見人自言，我得無上第一義諦。失於正受，當從淪墜。

Thử danh dụng tâm, vong thất hằng thẩm, nịch u tri kiến. Ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng. Nhược tác thánh giải, tắc hữu hạ liệt, di tri túc ma, nhập kì tâm phủ. Kiến nhân tự ngôn, ngã đắc vô thượng đệ nhất nghĩa đế. Thất u chánh thọ, đương tòng luân trụy.

¹ Trong bản tiếng Anh của VPTT, ghi *Nyshyanda Buddha*.

Việt dịch:

Trạng thái này gọi là “*dụng công mà quên mất tánh suy xét thường xuyên, ngưng trệ nơi tri kiến.*” Nếu biết thì không mắc sai lầm. Đó chẳng phải là chứng thánh. Nếu cho là chứng thánh thì loài ma hạ liệt chuyển tính thấy đủ, nhập ngay vào tâm phủ, khi gặp người liền tự xưng *Ta đã được Vô thượng đệ nhất nghĩa đế.* Khi mất chánh định, chắc chắn bị chìm đắm.

Giảng:

Trạng thái này gọi là “*dụng công mà quên mất tánh suy xét thường xuyên, ngưng trệ nơi tri kiến.*” Ông không thường công phu ngay việc thường thường thâm sát lại chính mình, trở nên ngưng trệ nơi tri kiến, do không thể phân biệt những gì ông biết và suy nghĩ, nên ông bị ngưng trệ và kẹt vào những ý tưởng và quan niệm riêng tư của ông.

Nếu biết thì không mắc sai lầm, sẽ chẳng có vấn đề gì xảy ra.

Trạng thái đó chẳng phải là chứng thánh. Nhưng nếu nghĩ là chứng thánh. Nếu nghĩ rằng ông đã chứng được cảnh giới siêu việt nào đó, thì loài ma hạ liệt, là loại ma thấp kém, suy đồi ghê tởm nhất, chuyển tính thấy đủ, nhập ngay vào tâm phủ, sẽ thấy hài lòng, trong bất kỳ tình huống nào, nhập ngay vào tâm phủ ông, ma ấy sẽ bám vào tâm ông, chiếm tâm ông làm sở hữu của nó. Nó đuổi tinh thần của ông ra khỏi thân ông. Mọi thứ còn lại chỉ là cái

xác thân mê lầm, nhưng ông vẫn không nhận thức được điều đó.

Mỗi khi gặp người liên tự xưng: *Ta đã được Vô thượng đệ nhất nghĩa đế*. Hiện nay có một người thường đứng trên đại lộ Grand Avenue, thuộc phố Hoa kiều (Chinatown) ngay tại khu trung tâm thương mại của San Francisco. Người ấy mặc y phục, đủ màu sắc lòe loẹt, thường nói với khách bộ hành:

“Tôi tu trong rừng núi đã năm năm, nay đã chứng ngộ. Giờ đây tôi đã có những thần thông như thế, như thế...”

Trước đây anh ta đã lạy tôi làm sư phụ, và trở thành đệ tử của tôi. Nhưng anh ta không tuân theo những gì tôi dạy. Trước khi tôi đến Hoa Kỳ, quý vị có thể đoán được ông ta đã làm những gì? Ông ta đeo một quả bầu có một vạch sơn trên vai, anh ta tuyên bố là đệ tử của tôi, và đã học được rất nhiều công phu nơi tôi. Lại nữa ông ta tuyên bố là có thể giải đáp bất kỳ vấn đề gì khi có ai đến hỏi. Anh ta đã dùng tên tôi để lừa đảo mọi người. Bây giờ tôi đã đến Hoa Kỳ, anh ta vẫn còn lừa đảo mọi người. Nhưng anh ta không sử dụng tên tôi để lừa bịp nữa. Đây chính là loại ma mà đoạn kinh này đang đề cập đến. Hẳn ta tuyên bố đã đạt được Đệ nhất nghĩa đế.

Khi mất hết chánh định, chắc chắn sẽ bị chìm đắm.

Anh ta đã mất sạch chánh định, không còn tuân theo những gì tôi đã dạy nữa. Từ khi tôi đến đây, anh ta không bao giờ đến nghe giảng kinh hay nghe thuyết

pháp mà chỉ tuyên bố là đã đạt đạo, đã được giác ngộ, đã có thần thông. Rốt cục anh ta có được thần thông gì? Các bạn không bao giờ ngờ tới được! Đó là tiền, tiền, tiền. Cho nên anh ta chắc chắn sẽ bị đọa lạc.

5. SỰ LO SỢ BUỒN BÃ (GIAN HIỂM MA)

Kinh văn:

又彼定中，諸善男子，見色陰銷，受陰明白。新證未獲，故心已亡。歷覽二際，自生艱險。於心忽然，生無盡憂，如坐鐵床，如飲毒藥。心不欲活，常求於人，令害其命，早取解脫。

Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc âm tiêu, thọ âm minh bạch. Tân chứng vị hoạch, cố tâm dĩ vong. Lịch lãm nhị tế, tự sanh gian hiểm. Ư tâm hốt nhiên, sanh vô tận ưu, như tọa thiết sàng, như ẩm độc dược. Tâm bất dục hoạt, thường cầu ư nhân, linh hại kì mạng, tảo thú giải thoát.

Việt dịch:

Lại nữa khi hành giả ở trong định ấy, thấy sắc âm đã tiêu dung, thọ âm tỏ rõ, chỗ chứng mới chưa được, còn tâm cũ đã mất. Xem xét kỹ hai bên, thấy mình như gặp hiểm nạn. Tâm bỗng nhiên thấy buồn vô hạn, như thể ngồi trên giường sắt, như uống thuốc độc. Không muốn sống nữa, thường mong người khác hủy hoại thân mình để chóng giải thoát.

Giảng:

Lại nữa, khi hành giả ở trong định ấy.

Bây giờ hành giả đã có chút định lực sâu hơn. **Thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ, chỗ chứng mới chưa được, còn tâm cũ đã mất.** Hành giả thấy không có điều gì để chứng đạt nữa, cảnh giới tâm chứng từ trước đã biến mất. **Xem xét kỹ hai bên, thấy mình như gặp hiểm nạn.** Khi quán sát kỹ hai bờ mé quá khứ và tương lai, thấy cả hai đều biến mất, cảm thấy mình như đang gặp hiểm nạn lớn.

Anh ta nghĩ: “Ồ không! Đây thực là nguy hiểm! khủng khiếp quá!”

Tâm bỗng nhiên thấy buồn vô hạn. Anh ta thấy lòng tràn ngập ưu sầu, phiền não về mọi việc. Chính ưu phiền đã đưa đến phiền não. Phiền não như thế nào? **Như thể ngồi trên giường sắt.** Từ sáng đến tối anh ta tự nghĩ:

“Ồ ta như đang ngồi trên giường sắt trong địa ngục. Ta phải làm gì bây giờ? Có thân này thật là khổ”

Như uống thuốc độc và thấy như sắp chết. Không muốn sống nữa.

Suốt ngày anh ta tự nghĩ: Ta chết đi thì tốt hơn.

Ở Trung Hoa có ngôn ngữ: “Tốt hơn là nên chết đi, đỡ tốn quần áo.”

Người này có lẽ đã suy nghĩ như thế, nên anh ta nói: “Chết đi thì tốt hơn! Chết đi thì tốt hơn!”

Trong hầu hết những trường hợp tự tử, thường có sự can dự của ma. Ma hướng về nạn nhân khâu đầu

đánh lễ rồi đọc chú. Nhưng nạn nhân không nghe được ma đọc chú gì. Nghĩa của câu chú mà Ma thường đọc là: “Anh nên chết thì tốt hơn, anh nên chết thì hay hơn! Hãy nhanh lên, càng kết thúc sự sống càng sớm càng tốt!”

Vì nạn nhân quá chú tâm vào việc tụng sớ nên không thể nghe được bằng tai, nhưng qua tiềm thức, lời chú của ma đã chiếm trọn tâm hồn. Vì ma có tha tâm thông nên nó có thể khiến ma lực len vào tâm nạn nhân và xúi dục tụng sớ. Tâm nạn nhân nghe lời ma dụ dỗ và tin những gì ma nói: Thế là họ uống thuốc độc, tự treo cổ, hoặc trảm mình xuống biển, hay nhảy từ trên cầu Kim Môn (Golden Gate Bridge—Mỹ) xuống sông. Đó là cách mà nạn nhân tụng sớ. Có rất nhiều ma ở quanh cầu Kim Môn. Nó chẳng dám quấy rầy bạn nếu trong bạn tràn đầy dương khí. Nhưng nếu có ai đi qua chỗ ấy mà dương khí yếu kém, cả tinh, khí, thần của người ấy đều yếu thì ma liền nói: “Ông chết đi là hơn, tốt hơn là ông nên chết đi!...,” và người ấy nhảy xuống sông. Hầu hết mọi trường hợp tự tử đều do ma kích động.

Thường mong người khác hủy hoại thân mạng mình để sớm được giải thoát.

Anh ta thường hay bảo người khác rằng: Xin hãy giết tôi đi! Nếu anh có cách nào giúp tôi kết liễu mạng sống, thì rất tốt. Tôi sẽ được giải thoát.

Kinh văn:

此名修行，失於方便。悟則無咎，非為聖證。若作聖解，則有一分，常憂愁

魔，入其心腑。手執刀劍，自割其肉，欣其捨壽，或常憂愁，走入山林，不耐見人。失於正受當從淪墜。

Thử danh tu hành, thất u phương tiện. Ngô tắc vô cữu, phi vi thánh chứng. Nhược tác thánh giải, tắc hữu nhất phần, thường ưu sâu ma, nhập kì tâm phủ. Thủ chấp đao kiếm tự sát kì nhục, hân kì xả thọ, hoặc thường ưu sâu, tẩu nhập sơn lâm, bất nại kiến nhân. Thất u chánh thọ, đương tòng luân trụ.

Việt dịch:

Đây gọi là tu hành sai mất phương tiện. Nếu biết được, thì không làm lỗi, đó không phải là chứng thánh. Nếu nghĩ mình đã chứng thánh thì sẽ bị loài ma ưu sâu nhập vào tâm phủ. Tay dùng dao kiếm tự sát thịt mình, thích được tự sát, hoặc thường ưu sâu, chạy vào rừng sâu, không thích thấy người. Khi thiếu chánh định, chắc chắn sẽ bị đọa lạc.

Giảng:

Đây gọi là tu hành sai mất phương tiện.

Vì hành giả không hiểu rõ pháp môn phương tiện nên mới phát sinh sự chấp trước sai lầm này. Sau khi phát sanh sự dính mắc, nếu hành giả **biết được thì không làm lỗi**, không có vấn đề gì, **không phải là chứng thánh**. Điều này không có nghĩa là anh ta đã chứng thánh. Nay quý vị đã được nghe đạo lý từ Kinh này rồi, quý vị phải nên cực kỳ thận trọng, đừng buông thả tâm ý tha hồ trôi trong vọng tưởng. Đừng khởi lên

suy nghĩ muốn chết. Hoặc khởi tâm ý là mình không thể đạt được những điều mình mong muốn. Nếu ông vẫn còn giữ suy nghĩ như vậy, ông sẽ thu hút loại ma này đến ngay. Trong thế giới này, chúng nó có mặt rất nhiều. Vì thế nên ông không nên buông thả tâm mình trong vọng tưởng, hoặc nói năng bất cần, tùy tiện. Nếu ông làm như thế, loại ma này sẽ xâm chiếm ông ngay. Khi điều ấy xảy ra, ông sẽ không thể nào chịu đựng nổi. Ông sẽ mất tự do, ngay cả khi ông không muốn chết, cũng không có cách nào tránh được cái chết.

Nhưng nếu nghĩ mình chứng Thánh, thì sẽ bị một loại ma ưu sầu. Ông nghĩ rằng ông buồn rầu thất vọng. Sự lo thất vọng ấy cũng có liên quan đến một loại ma. Tại sao quý vị lại thất vọng hay giận dữ. Nếu quý vị mở được con mắt Phật (Phật nhãn) nơi chính mình, quý vị sẽ thấy rằng nếu người ta không nóng giận, thì không có loài ma nào cả, nhưng ngay khi người ta nóng giận, ma liền trêu tức: “Hãy nổi nóng lên đi, hãy cuồng nộ lên đi! Hãy làm loạn lên đi!”

Đằng sau cảnh tượng này, nó thúc giục quý vị nổi nóng. Cho dù quý vị không tin tôi, thì những gì tôi nói vẫn là sự thật, còn nếu quý vị không tin lời tôi nói, chỉ còn cách phí mất thì giờ. Hãy thử xem!

Nhập vào tâm phủ, xâm chiếm lấy thân ông, tay dùng dao kiếm tự cắt thịt mình.

Tôi đã từng nói về Vương Hiếu Tử (người con chí hiếu họ Vương) rồi phải không? Ngài chính là Thường Nhân Đại Sư, Ngài đã từng thực hành hạnh hiếu bên

cạnh mộ của cha mẹ. Một hôm ngài đang trong định, thấy bọn cướp bắt đứa cháu của ngài đi và sắp bắn nó ở nơi cách ngài Thường Nhân chừng năm dặm, nhưng ngay khi tên cướp sắp bóp cò súng, thì từ trong định, ngài Thường Nhân dùng tay gạt khẩu súng làm viên đạn không trúng người cháu, nên nó chạy thoát được. Đằng sau sự kiện này, có một con ma muốn cướp mạng sống của người cháu. Chính nó đã khiến tên cướp đến bắt trói và tìm cách giết đứa cháu.

Đó là những liên hệ nhân quả. Ma tìm cách giết đứa cháu, nhưng ngài Thường Nhân cản trở nên ma chỉ biết đứng sau lưng ngài chứ không làm gì được ngài. Nó liền tìm đến người em trai ngài là Vương Nhị Gia, chiếm đoạt người này thế người anh. Vương Nhị Gia tay cầm dao, đến mộ tìm ngài Thường Nhân, nó định tự sát trước mặt ngài.

Ma muốn giết người em, nhưng lạ thay, khi nó cầm dao sẵn sàng đâm vào đầu, thì ma không thể hạ độc thủ xuống được. Trong khi đó, ngài Thường Nhân đang tụng kinh Kim Cang. Trong khi Ngài đang tụng niệm thì sư phụ tôi (Thường Trí Đại Sư), lúc ấy ngài chưa xuất gia, cảm thấy bồn chồn trong dạ như thể có điều gì khủng khiếp lắm. Ngài Thường Trí thấy lo lắng và bất an. Ngài tự hỏi có việc gì xảy ra với Vương Hiếu Tử ở ngoài mộ chằng. Ngài vội vã đi ngay ra nghĩa địa để xem sao. Quả nhiên Ngài thấy Vương Nhị Gia đang cầm dao sắp tự đâm mình.

Vương Hiếu Tử (Sư Thường Nhân) đã viết sẵn mấy

chữ cho thầy tôi (Thường Trí Đại Sư): “Ngài đi mua cho một ít giấy vàng mã (theo phong tục của người Trung Hoa, người ta đốt giấy vàng mã cúng cho người chết). Tôi sẽ tụng Kinh Kim Cang cầu nguyện cho hồn ma này được siêu độ. Có một con ma liên quan đến chuyện này. Ước nguyện của tôi như vậy đó. Sau khi Vương Hiếu Tử trì kinh để cầu siêu cho hồn ma thì không có việc gì xảy ra nữa.

Tuy nhiên, đây chỉ là ví dụ về một loài ma mà ta đang bàn luận. Nhưng trong trường hợp này, ma đến vì nó muốn đoạt mạng người, không phải vì công phu tu tập. Vì Vương Hiếu Tử trong khi tu tập vẫn còn quan tâm đến duyên sự của người trong thân quyến. Ngài đã ngăn chặn được việc loài ma này muốn giết người em trai. Ma không thể giết được Vương Hiếu Tử vì ngài có định lực và không khởi vọng tưởng, nên ma không thể làm gì được ngài mà lại đến hại người em.

Thích được tự sát. Thích được chết đi.

Hoặc thường ưu sầu. Giờ đây quý vị đã được nghe giảng đoạn kinh này rồi, hãy cẩn trọng đừng âu sầu suốt ngày nữa. Đừng luôn miệng kêu than và cảm thấy phiền muộn nữa. Nếu quý vị cứ cảm thấy buồn nản, thất vọng thì loài ma này sẽ đến chiếm đoạt thân xác quý vị ngay. Điều này xảy ra là do một phần năng lực của loài ma và một phần do chính tâm quý vị. Ma lợi dụng tinh thần của quý vị mà hành động. Nếu tâm quý vị an trụ trong chánh kiến, thì sẽ không có vấn đề gì xảy ra, nhưng nếu tư duy của quý vị không được

chân chính, thì sẽ bị ma sai sử. Nếu nó nói với quý vị hãy buồn rầu đi, quý vị trở nên buồn rầu, cho đến khi chày trốn vào chốn thâm sâu, lẩn tránh hết mọi người.

**Chạy vào rừng sâu, không thích gặp người.
Khi thiếu chánh định sẽ bị đọa lạc.**

Người như vậy chắc chắn trong tương lai sẽ bị rơi vào địa ngục.

6. SỰ VUI MỪNG VÔ HẠN (MA HỖ DUYỆT)

Kinh văn:

又彼定中，諸善男子，見色陰銷，受陰明白。處清淨中，心安隱後。忽然自有，無限喜生。心中歡悅，不能自止。

Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc âm tiêu, thọ âm minh bạch. Xử thanh tịnh trung, tâm an ổn hậu. Hốt nhiên tự hữu, vô hạn hỷ sanh. Tâm trung hoan duyệt, bất năng tự chỉ.

Việt dịch:

Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc âm đã tiêu dung, thọ âm tỏ rõ. Trong chỗ thanh tịnh, tâm được an ổn. Bổng sanh niềm vui vô hạn. Trong tâm mừng rỡ, không thể kềm chế.

Giảng:

Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc âm đã tiêu dung, thọ âm tỏ rõ. Lại nữa hành giả khi ở trong định, thấy sắc âm tiêu trừ, nhận rõ thọ âm. Khi ở trong chỗ thanh tịnh của chánh định tâm được an ổn. Tâm tuyệt đối an tĩnh và ổn định, không còn chút tán loạn

và vọng tưởng nào. Ngay tại điểm ấy, thọ ẩm lại phát sanh tác dụng khác.

Bồng dung phát sanh niềm vui vô hạn trong tâm. Cảm thấy dâng tràn niềm vui và biết niềm vui ấy vô bờ bến, mức độ của nó không thể hạn lượng được. **Trong tâm mừng rỡ, không thể kèm chế.** Không thể tự ngăn được. Cho dù ông có muốn chấm dứt niềm hoan lạc ấy, cũng không thể được.

Kinh văn:

此名輕安，無慧自禁。悟則無咎，非為聖證。

Thử danh khinh an, vô huệ tự cấm. Ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng.

Việt dịch:

Đây gọi là tâm khinh an, nhưng thiếu trí tuệ để tự điều phục. Nếu hiểu rõ thì không lầm lỗi, không phải là chứng thánh.

Giải:

Đây gọi là tâm khinh an nhưng thiếu trí tuệ để tự điều phục trạng thái vui mừng ấy. Hành giả không có trí tuệ để điều khiển cảm giác vui mừng này.

Nếu hiểu rõ thì không lầm lỗi, không phải là chứng thánh.

Điều này không có nghĩa là ông đã trở thành một bậc thánh.

Kinh văn:

若作聖解，則有一分，好喜樂魔，入

其心腑，見人則笑，於衢路傍，自歌自舞。自謂已得，無礙解脫。失於正受，當從淪墜。

Nhược tác thánh giải, tắc hữu nhất phân, hảo hi lạc ma nhập kì tâm phủ, kiến nhân tắc tiếu, ư cù lộ bàng, tự ca tự vũ. Tự vị dĩ đắc, vô ngại giải thoát. Thất ư chánh thọ, đương tòng luân trụy.

Việt dịch:

Nhưng nếu tự xem mình đã chứng thánh, thì có loài ma thích vui vẻ nhập vào tâm, gặp người liền cười, cùng ca hát nhảy múa trên đường. Tự xưng đã được vô ngại giải thoát. Sai lạc chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Giảng:

Nhưng nếu tự xem mình đã chứng thánh.

Nếu ông nói: “Ồ! Bây giờ ta đã nhập vào nơi Hoan hỷ địa,¹ ta là Bồ-tát Hoan hỷ địa đây!” thì có loài ma thích vui sẽ nhập vào tâm ông. Mỗi khi gặp người liền cười, cùng ca hát nhảy múa trên đường. Giống như một gã hippie đã hoàn toàn mất tự chủ. Vẫy hai tay, dậm hai chân, hát và nhảy múa cùng ca hát hết thảy các loại nhạc.

Tự xưng đã được vô ngại giải thoát. Thiếu chánh định chắc chắn sẽ bị chìm đắm.

¹ Hoan hỷ địa (s: pramuditā): Giai vị đầu tiên trong Thập địa của hàng Bồ-tát. Còn gọi Cực hỷ địa 極喜地.

Đánh mất hết thầy chánh định, chánh tri kiến và mất hết năng lực của lý trí. Cuối cùng rơi vào địa ngục.

7. ĐẠI NGÃ MẠN (MA NGÃ MẠN)

Kinh văn:

又彼定中，諸善男子，見色陰銷，受陰明白，自謂已足。忽有無端，大我慢起，如是乃至，慢與過慢，及慢過慢，或增上慢，或卑劣慢，一時俱發。心中尚輕，十方如來，何況下位，聲聞緣覺。

Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc âm tiêu, thọ âm minh bạch, tự vị dĩ túc. Hốt hữu vô đoan, đại ngã mạn khởi, như thị nãi chí, mạn dữ quá mạn, cập mạn quá mạn, hoặc tăng thượng mạn, hoặc ti liệt mạn, nhất thời câu phát. Tâm trung thượng khinh, thập phương Như Lai, hà huống hạ vị, Thanh văn Duyên giác.

Việt dịch:

Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc âm đã tiêu dung, thọ âm tỏ rõ, tự cho là đủ rồi. Bỗng không nguyên do, khởi tâm đại ngã mạn, như thế cho đến khởi tâm kiêu mạn, tâm mạn quá mạn, tâm tăng thượng mạn, hoặc ty liệt mạn, đều cùng phát ra một lúc. Tâm khinh thường cả mười phương Như Lai, huống gì các bậc thấp như Thanh văn, Duyên giác.

Giải:

Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc âm đã tiêu dung, thọ âm tỏ rõ, tự cho là đủ rồi.

Thấy mình đã có đầy đủ mọi thứ, đã chứng được các quả vị, đã chứng ngộ, đã thành Phật.

Bổn không nguyên do, khởi tâm đại ngã mạn. Ngã mạn là một hình thức của kiêu mạn. Nó chẳng kính trọng người nào, xem thường tất cả. Nghĩ rằng chẳng có ai được như hấn ta.

Như thế cho đến khởi tâm kiêu mạn, công cao ngã mạn. Một loại ngã mạn rất cao. **Tâm mạn quá mạn,** cực kỳ ngã mạn. **Tâm tăng thượng mạn** không còn lối ngạo mạn nào cao hơn loại này nữa – ngã mạn chồng lên tăng thượng mạn và **ty liệt mạn.** Cảm thấy mọi người đều thấp hèn hơn anh ta và khinh thường hết thảy mọi người. Đây là những tướng trạng khác nhau của ngã mạn, **đều cùng phát ra một lúc.**

Trong tâm khinh thường cả mười phương các **Đức Như Lai.**

Anh ta ngã mạn đến mức độ nào? Không chỉ ngã mạn đối với người mà còn ngã mạn đối với chư Phật. Thế nên anh ta xem thường các đức Như Lai, thấy các ngài không được như anh ta. Nghiêm trọng biết bao khi quý vị thốt ra lời này.

Huống gì nữa là những quả vị **thấp như là Thanh văn, Duyên giác.** Anh ta càng xem thường những vị này. Thái độ của anh ta là: “Các ông chẳng là gì cả, chỉ là một vị A-la-hán tu hạnh tiểu thừa, các ông có gì hay ho lắm đâu?”

Anh ta đã nghĩ mình cao hơn chư Phật, nhưng đáng tiếc là anh ta chẳng được tên gọi như vậy.

Kinh văn:

此名見勝，無慧自救。悟則無咎，非為聖證。

Thử danh kiến thắng, vô huệ tự cứu. Ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng.

Việt dịch:

Đây gọi là kiến giải quá cao, nhưng thiếu trí huệ để tự cứu. Nếu nhận ra thì không sai lầm, đó không phải là chứng thánh.

Giảng:

Đây gọi là kiến giải quá cao, cứu, một trạng thái xảy ra ngẫu nhiên trong thọ ẩm, nhưng thiếu trí huệ để tự cứu.” Người ấy không có trí huệ để tự cứu hộ lấy mình. Nếu nhận ra thì không sai lầm. Nếu nhận ra đây là do mê lầm của mình thì ma sẽ không có dịp phát huy tác dụng. Như người ta thường nói: Nếu anh hiểu biết tức không lầm lẫn, nếu anh lầm lẫn tức thiếu hiểu biết. Nếu anh hiểu biết, cũng giống như nắm thanh kiếm trí huệ chặt đứt mọi mê lầm.

Đó không phải là chứng thánh. Cảnh giới này không phải là chứng thánh. Trường hợp ấy không phải là ông đã chứng được quả vị thánh.

Kinh văn:

若作聖解，則有一分，大我慢魔，入其心腑，不禮塔廟，摧毀經像。謂檀越言：此是金銅，或是土木；經是樹葉，或

是疊花¹; 肉身真常, 不自恭敬, 却崇土木, 實為顛倒。其深信者, 從其毀碎, 埋棄地中。疑誤眾生, 入無間獄。失於正受, 當從淪墜。

Nhược tác thánh giải, tác hữu nhất phần, đại ngã mạn ma, nhập kì tâm phủ, bất lễ tháp miếu, tồ hủy kinh tượng. Vị đàn việt ngôn, thử thị toàn đồng, hoặc thị thổ mộc; kinh thị thụ diệp, hoặc thị chiêm hoa; nhục thân chân thường, bất tự cung kính, khước sùng thổ mộc, thật vi điên đảo. Kì thâm tín giả, tòng kì hủy toái, mai khí địa trung. Nghi ngộ chúng sanh, nhập vô gián ngục. Thất u chánh thọ, đương tòng luân trụ.

Việt dịch:

Nếu hành giả nhận là chứng thánh, thì có loại ma đại ngã mạn nhập vào tâm phủ. Không lễ chùa tháp, phá hủy kinh tượng. Nói với đàn việt rằng: tượng chỉ là đồng, hoặc là gỗ đất; kinh chỉ là lá hoặc là giấy lụa; thân xác thịt là chân thường mà không quý trọng, lại sùng bái gỗ đất, thật là điên đảo.

Những kẻ đã quá tin, theo lời đập phá kinh tượng hoặc chôn trong đất. Do gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh, nên sẽ đọa vào vô gián địa ngục. Thiếu mất chánh định sẽ bị đọa lạc.

¹ Bản VPTT chép 氎華. Bản Taishō chép 疊花.

Giảng:

Nếu hành giả nhận là chứng thánh. Nếu như ông cho rằng: “Đây là cảnh giới tốt,” thì có loài ma đại ngã mạn sẽ nhập vào tâm phủ, chiếm đoạt thân xác ông. **Không lễ chùa, tháp.** Nó không lạy Phật hay tháp, cũng chẳng lạy Phật khi vào trong chùa. **Phá hủy kinh, tượng.** Nó sẽ đốt kinh đập phá tượng Phật. Đốt kinh, hủy tượng là những chướng nạn dẫn đến địa ngục. Nhưng nó lại nói: “những thứ này đều là thứ giả.”

Nói với đàn việt. Nó có những đệ tử thân tín và nó bảo với đệ tử như vậy. *Đàn* (s: *dāna*) nghĩa là bố thí, *việt* (越 s: *pati*) nghĩa là vượt qua. Nên trong Phật giáo, những người cúng dường Tam bảo được gọi là *đàn việt*. Ma cũng có những kẻ đàn việt và đệ tử riêng. Ma nói với những người này rằng:

Tượng này chỉ là vàng, đồng, đất, gỗ... Kinh chỉ là lá, giấy, lụa.

Tượng Phật thì được làm bằng vàng, đồng hoặc được nhồi bằng đất hoặc tạc bằng gỗ. Kinh thì được viết trên lá hay trên vải, lụa, có gì đáng giá để thờ phụng? Sao các ông lại lạy các vật đó? Đó chỉ là những vật không có ý thức.

Thân xác thịt này là chân thực. Cái thân thịt của tôi là có thực vĩnh cửu mà không quý trọng, ông không quý trọng thân tôi đây, **lại đi sùng bái gỗ đất.**

Ông thích lạy gỗ, đất hơn thì có được ích lợi gì? Có ích lợi gì khi lễ lạy những ngẫu tượng ấy. Tốt hơn là các ông nên lễ lạy tôi hơn là những vị ấy.

Thật là hoàn toàn điên đảo. Ông lay những ngẫu tượng ấy, nhưng nó chỉ là những mảnh gỗ, nó đâu có tri giác, ông thật là điên rồ khi lay chúng! **Những kẻ đã quá tin vào ma.** Những người đã tin sâu vào ma sẽ theo lời nó, **đập phá tượng Phật, đốt kinh và chôn sạch dưới đất.** Qua hành vi này. **Do gây nghi ngờ và làm lạc cho chúng sanh,** khiến họ không tin vào Phật pháp, thay vào đó lại nghi ngờ hoang mang. Nó gây nghi ngờ cho chúng sanh như vậy nên nó nhất định sẽ **đọa vào Vô gián địa ngục.** **Khi thiếu chánh định sẽ bị đọa lạc.**

8. SỰ NHE NHÀNG SÁNG KHOÁI (MA KHINH AN)

Kinh văn:

又彼定中，諸善男子，見色陰銷，受陰明白。於精明中，圓悟精理，得大隨順。其心忽¹生無量輕安。已言成聖，得大自在。此名因慧獲諸輕清。悟則無咎，非為聖證。

Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc âm tiêu, thọ âm minh bạch. Ư tinh minh trung, viên ngộ tinh lí, đắc đại tùy thuận. Kỳ tâm hốt sanh vô lượng

¹ Bản VPTT chép 忽. Bản Taishō chép 忽. Bản Tống, Nguyên, Minh chép chữ 忽.

khinh an. Dĩ ngôn thành thánh, đắc đại tự tại. Thử danh nhân huệ, hoạch chư khinh thanh. Ngô tắc vô cữu, phi vi thánh chứng.

Việt dịch:

Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc âm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ. Từ trong chỗ sáng suốt tinh anh, giác ngộ được chân lý vi diệu, mọi thứ đều tùy thuận theo sở nguyện. Tâm bỗng nhiên được khinh an vô bờ bến. Tự cho mình đã thành thánh, được đại tự tại. Đây gọi là nhân trí tuệ mà đạt được khinh thanh (nhẹ nhàng thanh thoát). Nếu rõ biết thì không sai lầm, đó không phải là chứng thánh.

Giải:

Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc âm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ. Từ trong chỗ sáng suốt tinh anh.

Giác tri trở nên sáng suốt tinh anh hơn lúc nào hết. Giác ngộ được hoàn toàn chân lý vi diệu. Lúc này hành giả đạt được sự hiểu biết thông suốt những chân lý nhiệm mầu vi diệu. Mọi thứ đều tùy thuận theo sở nguyện. Tâm bỗng nhiên đạt được sự khinh an không bờ bến, tự cho mình đã thành bậc thánh, thành Phật, đạt được đại tự tại, đạt được niềm an lạc tối thượng hơn cả.

Đây gọi là: Nhân trí huệ mà đạt được khinh thanh (nhẹ nhàng thanh thoát). Vừa khai mở được chút ít trí huệ, liền đạt đến trạng thái nhẹ nhàng, thanh thoát và đó là tất cả. Chắc chắn nó chẳng đáng kể so như cảnh giới rất ráo.

Nếu rõ biết thì không sai lầm, không có vấn đề gì. Không phải chứng quả vị thánh. Ông không nên cho rằng trạng thái này là chứng quả vị thánh, vì nó vốn không phải như vậy.

Kinh văn:

若作聖解，則有一分，好清輕¹魔，入其心腑，自謂滿足，更不求進。此等多作，無聞比丘，疑謗²後生墮阿鼻獄。失於正受當從淪墜。

Nhược tác thánh giải, tắc hữu nhất phần, hiếu thanh khinh ma, nhập kì tâm phủ. Tự vị mãn túc, cánh bất cầu tiến. Thử đẳng đa tác, Vô Văn tử-khuru, nghi ngộ hậu sanh, đọa a-tì ngục. Thất u chánh thọ, đương tông luân trụ.

Việt dịch:

Nếu nhận là chứng thánh, thì có loại ma thích khinh thanh nhập vào tâm phủ, tự thấy đã thỏa mãn, không cần tiến bộ nữa. Phần nhiều những người này làm như tử-khuru Vô Văn, gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh, đọa vào ngục a-tì. Thiếu mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

¹ Bản VPTT chép 輕清. Bản Taishō chép 清輕. Bản Tống, bản Nguyên, Minh chép chữ 輕清.

² Bản VPTT chép 疑誤. Bản Taishō chép 疑謗. Bản Nguyên, Minh chép chữ 誤眾.

Giảng:

Nhưng **nếu nhận là chứng thánh**, nếu như khi có được trạng thái khinh thanh này, nghĩ là mình đã được quả vị thánh thì có loại ma thích khinh thanh nhập vào tâm phủ. Loại ma này cũng đã trải qua trạng thái khinh thanh, sẽ chiếm đoạt người này. **Tự cho là đã thỏa mãn**, là nó đã hoàn thành mọi việc. **Không mong cầu tiến bộ nữa**. Trên nó không có quả vị Phật để đạt đến, vì nó đã thành Phật rồi. Cũng chẳng cần cứu độ chúng sanh, vì nó đã hoàn tất việc cứu độ rồi. Nó đã đạt được quả vị Phật như đã mong muốn, và cũng đã cứu độ chúng sanh trong ý nghĩa nó muốn cứu độ. Do vậy nó không mong cầu sự tiến bộ nào cả.

Phần nhiều những kẻ tu hành này, đều **làm giống như tử-khuru Vô Văn** đã được đề cập trước đây. Do thiếu trí huệ, ông ta tưởng cảnh giới tứ thiên là quả vị thứ tư của a-la-hán.

Gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh. Vì vậy nên họ không nhận ra được con đường chân chánh (chánh đạo) và không hiểu biết Phật pháp. Do làm mê lầm và chướng ngại cho chúng sanh nên sẽ **đọa vào địa ngục a-tì**. Trong tương lai loại người này sẽ rơi vào vô gián địa ngục. Sao vậy? Thiếu mất chánh định sẽ bị chìm đắm. Vì khi đã bị lạc mất chánh định, nhất định phải rơi vào địa ngục vô gián.

9. CHẤP ĐOẠN DIỆT, BÀI BÁC NHÂN QUẢ

Kinh văn:

又彼定中，諸善男子，見色陰銷，受陰明白。於明悟中，得虛明性。其中忽然，歸向永滅，撥無因果，一向入空。空心現前，乃至心生長斷滅解。此名定心沉沒，失於照應。悟則無咎，非為聖證。

Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc âm tiêu, thọ âm minh bạch. Ư minh ngộ trung, đắc hư minh tánh. Kỳ trung hốt nhiên, quy hướng vĩnh diệt, bát vô nhân quả, nhất hướng nhập không. Không tâm hiện tiền, nãi chí tâm sanh trưởng đoạn diệt giải. Thử danh định tâm trầm một, thất ư chiếu ứng. Ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng.

Việt dịch:

Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc âm đã tiêu dung, thọ âm tỏ rõ. Trong chỗ tỏ ngộ, đạt được tánh hư minh. Bỗng dung trong ấy hành giả bỗng xoay lại theo hướng đoạn diệt, bài bác nhân quả, cho mọi việc đều là không. Tâm rộng không hiện tiền, cho đến tăng trưởng nhận định đoạn diệt vĩnh viễn. Nếu biết thì không sai lầm, không phải là chứng thánh. Đây gọi là định tâm phân tán, mất đi sự chiếu diệu. Nếu rõ biết được thì không sai lầm, đó không phải là chứng thánh.

Giảng:

Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc âm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ. Lúc đó trong chỗ tử ngộ, khi ông tưởng như rõ ràng rồi nhưng chưa chân thực giác ngộ, đạt được tánh hư minh. Trong chỗ minh ngộ ấy đạt được một loại ánh sáng suốt hư vọng mà không xác định được thực tại. **Bỗng dung trong ấy hành giả bỗng xoay lại theo hướng đoạn diệt, bài bác nhân quả, cho mọi việc đều là không.** Trong ấy, trong chỗ hư minh ấy, bỗng dung xảy ra một sự thay đổi. Đó là gì? Hành giả có khuynh hướng đoạn diệt, bài bác nhân quả, cho mọi pháp đều là không.

Nó nói: “Khi chết, người đó ra đi vĩnh viễn. Do vậy, nói về nhân quả là sai lầm. Chẳng có nhân quả, khi chết chẳng có gì tồn tại nên làm sao mà có nhân quả. Mọi pháp đều là không, tạo tội cũng là không, mà làm việc phước thiện cũng là không, tất cả đều là không.”

Tâm rộng không hiện tiền, cho đến tăng trưởng nhận định đoạn diệt vĩnh viễn.

Càng nghĩ nó càng cảm thấy nó đúng:

“Ồ! Đúng nó là không. Một khi ông chết là hết tất cả, mọi việc đều là không!” Lúc ấy nó trở nên tin tưởng rằng: Mọi người đều vĩnh viễn biến mất sau khi chết. Trong kinh vẫn nói: “Nếu rõ được thì không sai lầm, đó không phải là chúng Thánh quả.” Một câu được trích ra từ một bộ kinh mỗi khi nó được in từ nguyên bản. Chúng ta nên in dính kèm theo câu này.

Đây gọi là: “Định tâm phân tán, mất đi sự chiếu diệu.”

Lúc này định tâm không còn nữa, vậy nên phát sanh tư tưởng chấp không, mất đi khả năng nhận biết điều gì là đúng đắn. **Nếu rõ biết được thì không sai lầm. Đó không phải là chứng thánh.**

Đây không phải là cảnh giới khi chứng được quả vị thánh.

Kinh văn:

若作聖解，則有空魔，入其心腑。乃謗持戒，名為小乘。菩薩悟空，有何持犯。其人常於，信心檀越，飲酒噉肉，廣行婬穢。因魔力故，攝其前人，不生疑謗。鬼心久入，或食屎尿，與酒肉等，一種俱空。破佛律儀，誤入¹人罪。失於正受，當從淪墜。

Nhược tác thánh giải, tắc hữu không ma, nhập kì tâm phủ. Nãi bánh trì giới, danh vi tiểu thừa, bô-tát ngô không, hữu hà trì phạm. Kì nhân thường ư, tín tâm đàn việt, ẩm tửu đạm nhục, quảng hành dâm uế. Nhân ma lực cố, nhiếp kì tiền nhân, bất sanh nghi bánh. Quý tâm cửu nhập, hoặc thực thí niệu, dự tửu nhục đẵng,

¹ Bản VPTT chép 入人. Bản Taishō chép 入人. Bản Nguyên chép chữ 人入.

nhất chủng câu không. Phá Phật luật nghi, ngộ nhập nhân tội. Thất u chánh thọ, đương tông luân trụ.

Việt dịch:

Nếu nhận là chứng thánh, liền có loại ma không nhập vào tâm phủ. Nó liền phỉ báng người giữ giới, gọi họ là “tiểu thừa,” cho rằng “bồ-tát đã ngộ tánh, không có gì là giữ, là phạm.”

Người này ở nhà đàn việt uống rượu, ăn thịt, phóng đăng dâm ô. Do ma lực nên nó nhiếp phục được mọi người không khởi tâm nghi báng nó. Sau khi ma nhập vào tâm rồi nó khiến hành giả ăn phân uế, uống nước tiểu, ăn thịt, uống rượu, cho những thứ này đều là không. Nó phá hoại luật nghi của Phật, làm cho người khác mê lầm phạm tội. Lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Giảng:

Nếu nhận là chứng thánh. Nếu xem đây như là sự chứng đạt quả vị thánh, liền có loại ma không nhập vào tâm phủ. Ma nhập vào chiếm hữu xác thân hành giả. Ma liền phỉ báng những người giữ giới coi họ là “tiểu thừa.” Ma nói:

“Đừng giữ giới làm gì, đó là pháp tiểu thừa. Hàng Bồ-tát Đại thừa không nên bị phiền toái trong những câu thúc ấy. Các ông không nên quá quan tâm đến những giới ấy.”

Hoặc ma nói: “Voi lớn không đi đường thỏ. Kẻ đại ngộ không nên câu chấp tiểu tiết. Một khi ông là người đại ngộ rồi chẳng còn việc gì quan hệ đến ông nữa hết.

Mọi pháp đều là không. Ta chẳng nói điều này trước đây hay sao? Rượu thịt trôi qua bụng, còn Phật ở tại tâm. Mọi pháp đều do tâm, tâm chính là Phật, Phật chính là tâm.”

Đó là những gì ma nói. Ma còn phỉ báng những người giữ giới:

“Chỉ có những người chấp dính vào Tiểu thừa mới giữ giới. Đệ tử của Đại thừa không bận tâm đến chuyện này.”

Thực ra, Phật tử tu tập theo Đại thừa giữ giới rất tinh nghiêm, hiếm có người hủy phạm giới cấm. Ma chỉ lừa dối những người kém hiểu biết thôi. Thực ra những người ấy không bao giờ chịu học hỏi Phật pháp và không tìm hiểu kỹ những đạo lý mà Đức Phật đã giảng giải. Đó là lý do tại sao, bất luận những gì ma nói, nó đều xem như một mệnh lệnh buộc người khác phải tuân theo, buộc mọi người phải tin theo lời ma nói là đúng. Tại sao họ lại tin lời ma nói? Chỉ vì chưa bao giờ họ được nghe giảng dạy Phật pháp, và dù có nghe không hiểu được Phật pháp là gì?

Nói rằng: Hàng Bồ-tát Đại thừa đã ngộ tánh không của các pháp, có gì là giữ, là phạm? Sao lại cứ giữ mãi giới điều hay lo sợ việc hủy phạm giới điều. Chẳng có các việc như vậy. Người này đã bị ma xâm chiếm, ở nơi nhà đàn việt, những vị Phật tử thường hộ trì Phật pháp và tin tưởng nó uống rượu ăn thịt, phóng đãng, dâm dục.

Ý trong kinh văn, phóng đãng, dâm dục rất là quan trọng. Vì đạo Phật dạy người không nên có tâm

dâm dục, mà tâm dâm dục của nó lại tăng trưởng. Má còn khuyến khích làm việc dâm ô, và người ta vẫn tin vì nó có ma lực. **Do ma lực nên nó vẫn nhiếp phục được mọi người không khởi tâm nghi ngờ hủy báng nó.** Họ tin tưởng nó một cách cuồng nhiệt.

Sau khi ma nhập vào tâm rồi, nó khiến người ấy ăn phân ứ, uống nước tiểu, ăn thịt uống rượu. Cho những thứ này đều là không.

Vì hành giả đã bị ma nhập rồi nên không biết được phân là thứ bất tịnh, và nó thường uống nước tiểu. Nó nói rằng phân ứ, nước tiểu là thứ bất cấu, bất tịnh." Nó dùng ý từ Kinh Bát-nhã để ngụy biện. Đó là chỗ hiểu sai ý nghĩa của kinh điển. Ma sẽ cư xử bằng cách biểu hiện sự bất cần mọi việc dù nó sạch sẽ hay dơ bẩn. Nó sẽ tuyên bố ăn thịt, uống rượu là không, ăn phân ứ và uống nước tiểu là không. Nói tóm lại, nó cho tất cả đều là không.

Nó phá hoại luật nghi của Phật, làm cho người khác mê lầm, phạm tội. Thế rồi lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

10. THAM ÁI CUỒNG LOẠN (MA THAM ÁI)

Kinh văn:

又彼定中，諸善男子，見色陰銷，受陰明白。味其虛明，深入心骨。其心忽有無限愛生。愛極發狂，便為貪欲。此

名定境，安順入心，無慧自持，誤入諸欲。悟則無咎，非為聖證。

Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc âm tiêu, thọ âm minh bạch. Vị kì không minh, thâm nhập tâm cốt. Kì tâm hốt hữu vô hạn ái sanh. Ái cực phát cuồng, tiện vi tham dục. Thử danh định cảnh, an thuận nhập tâm, vô huệ tự trì, ngộ nhập chư dục. Ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng.

Việt dịch:

Lại nữa, khi hành giả ở trong định, thấy sắc âm tiêu trừ, thọ âm tỏ rõ. Thích nghiên ngắm trạng thái hư minh, khắc sâu vào tâm cốt. Trong lòng bỗng phát sanh lòng yêu thương vô hạn. Thương quá phát cuồng, thích việc đắm dục. Đây gọi là *cảnh định an thuận, thâm nhập vào tâm mà thiếu trí tuệ để tự điều phục mình*, nên mê lầm, đắm nhiễm ngũ dục. Nếu hiểu rõ điều này thì không sai lầm. Đó không phải là chứng thánh.

Giảng:

Lại nữa, khi hành giả ở trong định, thấy sắc âm tiêu trừ.

Khi hành giả đã đạt được định từ trong phạm vi thọ âm. Thấy sắc âm tiêu trừ, sắc âm không còn nữa. Thọ âm tỏ rõ, nhận thức rõ ràng về thọ âm. Thích nghiên ngắm trạng thái hư minh, cảnh giới mà hành giả đã chứng được, và nay khắc sâu vào tâm cốt. Có một sự chuyển biến tâm lý đột nhiên xảy ra. Trong lòng bỗng

phát sanh lòng yêu thương vô hạn. Điều này giống như một người nào đó nói rằng: “Mình yêu thương tất cả mọi người và tính mình thích bàn tán về loại chuyện ấy.”

Thương quá phát cuồng, thích việc dâm dục. Khi lòng yêu thương và ham muốn dâng lên đến cực điểm, hành giả phát cuồng, thích việc dâm dục. Hành giả không thể kiềm chế được cảm xúc của mình. Khi trở nên điên cuồng, hành giả giống như người phụ nữ tên Lưu Kim Đồng mà tôi đã nói từ trước. Khi gặp đàn ông, cô ta ôm chầm lấy họ, khóc và thể hiện những cử chỉ quyến rũ. Cô ta là một ví dụ điển hình cho loại ma này. Làm sao mà một người đàn ông bình thường còn giữ được lòng mình không xúc động trước sự dụ dỗ này. Sau khi mê hoặc giới đàn ông. Cô ta bảo “Lấy món tiền này mua cho em món nữ trang ấy.” Anh ta liền đáp “Vâng, Vâng!” rồi cô ta bảo lấy món tiền này mua cho cô ta món khác và anh ta cũng vâng lời làm theo. Tại sao vậy? Đơn giản là vì cô ta thỏa mãn tình dục cho người đàn ông, và anh ta bị mê muội bởi ma lực. Khi tình yêu lên đến cực điểm, người đàn ông trở nên điên cuồng vì tham lam và dâm dục. Dâm dục phát sanh từ tâm tham lam.

Đây gọi là cảnh định an thuận, thâm nhập vào tâm mà thiếu trí tuệ để tự điều phục mình, nên mê lầm, đắm nhiễm ngũ dục.

Khi trong định, có trạng thái khinh an, hài lòng, nhập vào trong tâm, nhưng thiếu trí tuệ để tự kiềm chế cảm xúc và ham muốn của mình. Kết thúc là buông thả vào trong các thứ ham muốn dâm dục.

Nếu hiểu rõ điều này thì không sai lầm.

Đây chỉ là trạng thái nhất thời và ngẫu nhiên. Hành giả nên nhận ra trạng thái này là một cảnh giới ma, và **không phải là chứng thánh**. Nếu ông hiểu ra thì rất tốt, chỉ đáng sợ là khi quý vị không nhận ra ma cảnh mà mình đang chìm đắm. Quý vị sẽ bị rơi vào mê hồn trận, không cách nào thoát khỏi được.

Kinh văn:

若作聖解則有欲魔入其心腑。一向說欲，為菩提道。化諸白衣，平等行欲，其行婬者，名持法子。神鬼力故，於末世中。攝其凡愚，其數至百，如是乃至，一百二百，或五六百，多滿千萬。魔心生厭離其身體。威德既無，陷於王難。疑誤眾生，入無間獄。失於正受當從淪墜。

Nhược tác thánh giải, tắc hữu dục ma nhập kì tâm phủ. Nhất hương thuyết dục, vi bồ-đề đạo. Hóa chư bạch y, bình đẳng hành dục, kì hành dâm giả, danh trì pháp tử. Thần quỷ lực cố, ư mạt thế trung, nhiếp kì phàm ngu, kì số chí bách, như thị nãi chí, nhất bách nhị bách, hoặc ngũ lục bách, đa mãn thiên vạn. Ma tâm sanh yếm, li kì thân thể. Oai đức kí vô, hãm ư vương nạn. Nghi ngộ chúng sanh, nhập vô gián ngục. Thất ư chánh thọ, đương tòng luân trụ.

Viết dịch:

Nếu tự nhận mình là bậc thánh thì loại ma tham dục sẽ nhập vào tâm. Một mặt cho rằng dâm dục là đạo bồ-đề, dạy hàng bạch y bình đẳng hành dâm dục, gọi những người hành dâm là *trì pháp tử*. Do ma lực trong thời mạt pháp, khiến nó thu hút giới phàm phu đến cả trăm, cho đến hai trăm, năm trăm, sáu trăm, nhiều đến mức có cả ngàn, vạn người. Khi ma chán rồi, nó sẽ bỏ rơi người ấy. Khi sức quyến rũ của ma hết, người ấy bị rơi vào vòng lao lý. Do gieo sự nghi lầm cho chúng sanh nên đọa vào ngục vô gián. Thiếu mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Giảng:

Nếu tự nhận mình là bậc thánh, thì loại ma tham dục sẽ nhập vào tâm. Nếu hành giả xem đây là sự chứng đạt quả thánh, vì quan niệm sai lầm nên loại ma dâm và tham dục sẽ nhập vào tâm và chiếm hữu thân ông. Một mặt cho rằng dâm dục là đạo bồ-đề, nó sẽ trở thành người hết mình ủng hộ cho việc dâm dục, gọi đó là đạo bồ-đề.

Nó sẽ nói rằng: “Ngoài dâm dục ra chẳng có gì cả.”

Cũng giống như ở nước Mỹ, có một giáo phái chủ trương đa thê chủ nghĩa. Họ cho rằng “càng có nhiều vợ càng tốt.” Giáo phái này hoàn toàn giống như loài ma kia vậy. Khuyến khích và quyến rũ sự ham muốn dâm dục bằng cách nói “Rất tốt khi có nhiều vợ, chẳng có gì nghiêm trọng cả. Đó là đạo bồ-đề, càng có nhiều vợ càng hay.”

Nó dạy hàng bạch y bình đẳng hành dâm dục, gọi những người hành dâm là *trì pháp tử*. Nó dạy đệ tử bình đẳng hành dâm dục. Nó nói: “Đừng phân biệt giữa người này với người khác, hãy cùng nhau hưởng sự hoan lạc.” Chẳng bận tâm vợ của mình hay vợ của kẻ khác, họ chỉ việc hành xử theo sở thích. Ở nước Mỹ, có một thứ sở thích đổi vợ thật là kỳ quặc (*wife swapping fad*). Có một nơi mọi người đến đổi vợ cho nhau. Việc này tương tự như việc làm của loài ma đang đề cập trong kinh.

Gọi những người hành dâm là *trì pháp tử*. Những người tham gia vào việc hành dâm với y được gọi là người giữ gìn pháp tử, là người nối pháp do ma trao truyền.

Do ma lực trong thời mạt pháp, khiến nó thu hút và mê hoặc đồ đệ từ giới phàm phu đến cả trăm, cho đến năm trăm, sáu trăm, đến cả ngàn vạn người. Cuối cùng khi ma vương chán rồi các bạn nghĩ điều gì sẽ xảy ra? Nó bỏ rơi người ấy. Điều gì sẽ xảy ra khi ma bỏ rơi? Người ấy sẽ không còn thần thông nữa.

Khi sức quyền rũ của ma đã hết, người ấy bị rơi vào vòng lao lý.

Sức quyền rũ của nó có được là nhờ vào thần thông. Ma vương có được thần thông. Nhưng bây giờ ma vương đã bỏ đi rồi, vì thế người ấy không còn thần thông nữa. Bạn biết điều gì xảy ra không? Nó vi phạm luật pháp quốc gia. Trước đây, khi nó còn thần thông ma vương có thể giúp đỡ nó thoát khỏi luật pháp quốc

gia và ngăn chặn không cho nhà chức trách biết sự việc ấy. Nhưng khi ma vương bỏ đi, kẻ phạm phu này trở lại như một người bình thường, thì anh ta là một kẻ phạm pháp. Người ta sẽ nhận ra anh ta là một ông thầy thuộc giới bàng môn tả đạo. Chuyên bịp bợm, lừa dối học trò bằng bùa ngải kỳ dị. Vì vi phạm luật pháp nên bị bắt và tống giam.

Do gieo sự nghi lầm cho chúng sanh, nên không gặp được chánh đạo, sẽ đọa vào ngục vô gián. Cũng sẽ nhất định rơi vào ngục a-tì. Sao vậy? Vì lạc mất chánh định, nên sẽ bị chìm đắm.

E. LỜI KHUYẾN RĂN TỔNG KẾT CỦA ĐỨC THẾ TÔN VỀ THỌ ÁM

Kinh văn:

阿難，如是十種禪那現境，皆是受陰，用心交互，故現斯事。眾生頑迷，不自忖量，逢此因緣，迷不自識，謂言登聖，大妄語成墮無間獄。

A-nan, như thị thập chủng thiền-na hiện cảnh, giai thị thọ ám, dụng tâm giao hô, cố hiện tư sự. Chúng sanh ngoan mê, bất tự thốn lượng, phùng thử nhân duyên, mê bất tự thức, vị ngôn đặng thánh, đại vọng ngữ thành đọa vô gián ngục.

Việt dịch:

A-nan, mười trạng thái trên hiện ra trong thiền định như thế, đều do thọ ám và tâm dụng công giao

xen nhau, nên hiện ra như vậy. Chúng sanh ngu mê lầm lẫn, không biết tự lượng xét, gặp nhân duyên này mê muội không tự biết, bảo là chứng thánh, thành tội đại vọng ngữ, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng:

A-nan, mười trạng thái trên hiện ra trong thiên định như thế, đều do thọ âm và tâm dụng công giao xen nhau, nên hiện ra như vậy.

A-nan! Những trạng thái biểu hiện trong khi tu tập thiên định như thế, đều ở trong phạm vi của thọ âm giao xen với nỗ lực dụng công khi tu tập. Những sự kiện này là kết quả của những biến tướng khác nhau xảy ra trong khi hành giả nỗ lực công phu tu tập.

Chúng sanh ngu mê lầm lẫn không biết tự lượng xét.

Chúng sanh do mê lầm, không biết quay trở lại tự quán xét bên trong mình.

Gặp nhân duyên này mê muội không tự biết.

Chúng sanh không nhận ra được mình là ai.

Bảo là mình đã chứng được bậc thánh.

Rồi họ bảo rằng họ đã đạt được những điều mà họ chưa từng đạt được và chứng được những gì chưa từng chứng được. Họ tuyên bố đã đạt đạo và chứng được thánh vị, trong khi họ chưa hề đạt được những điều ấy.

Thành ra mắc vào tội đại vọng ngữ. Chắc chắn sẽ bị đọa vào vô gián địa ngục.

Kinh văn:

汝等亦當，將如來語，於我滅後，傳

示末法。遍令眾生，開悟斯義。無令天魔得其方便。保持覆護，成無上道。

Nhữ đấng diệc đương, tương Như Lai ngữ, u ngã diệt hậu, truyền thị mật pháp, biến linh chúng sanh khai ngộ tư nghĩa. Vô linh thiên ma đắc kì phương tiện. Bảo trì phúc hộ, thành vô thượng đạo.

Việt dịch:

Sau khi Như Lai nhập diệt độ, các ông nên lưu truyền lời dạy của Như Lai, để cho chúng sanh trong thời mật pháp đều tỏ ngộ được ý chỉ này. Chớ để cho thiên ma có cơ hội quấy phá. Giữ gìn, hộ trì chúng sanh tu tập cho đến khi thành tựu quả vị vô thượng.

Giảng:

Sau khi Như Lai nhập diệt độ, các ông nên lưu truyền lời dạy của Như Lai, để cho chúng sanh trong thời mật pháp đều tỏ ngộ được ý chỉ này.

A-nan sau khi Như Lai nhập niết-bàn, các ông nên lưu truyền lời dạy của Như Lai. Hãy truyền đạt những lời Như Lai đã dạy.

Để cho chúng sanh trong thời mật pháp đều tỏ ngộ được ý chỉ này. Khiến cho chúng sanh nghe được đạo lý, hiểu và giác ngộ được.

Chớ để cho thiên ma có cơ hội quấy phá. Đừng để cho loài ma có dịp thuận tiện phá rối người tu hành.

Giữ gìn hộ trì cho chúng sanh tu tập đến khi thành tựu đạo Vô thượng.

TƯỜNG ÁM

A. TRẠNG THÁI TÂM LÝ TRƯỚC KHI VÀO CẢNH GIỚI TƯỜNG ÁM

Kinh văn:

阿難，彼善男子，修三摩提受陰盡者，雖未漏盡，心離其形，如鳥出籠。已能成就，從是凡身上歷菩薩，六十聖位，得意生身隨往無礙。

A-nan, bĩ thiện nam tử, tu tam-ma-đề, thọ âm tận giả, tuy vị lậu tận, tâm li kì hình, như điểu xuất lung. Dĩ năng thành tựu, từng thị phàm thân, thượng lịch bồ-tát lục thập thánh vị, đắc ý sanh thân, tùy vãng vô ngại.

Việt dịch:

A-nan, hành giả kia tu tập pháp tam-ma-địa, khi thọ âm tiêu dung, tuy chưa hết mê lầm, nhưng tâm người ấy có thể rời thoát khỏi thân như chim ra khỏi lồng. Đã thành tựu điều ấy, từ thân phàm phu đã có khả năng vượt qua 60 thánh vị của hàng Bồ-tát, đạt được ý sanh thân, đến đi tự tại, không bị ngăn ngại.

Giải:

A-nan, hành giả kia tu tập pháp tam-ma-địa, khi thọ âm tiêu dung. Khi thọ âm đã sạch. Tuy chưa hết mê lầm, nhưng tâm người ấy có thể rời thoát khỏi thân như chim ra khỏi lồng. Tuy chưa hết mê, nhưng đã có chút ít thần thông rời, tâm có thể thoát

khỏi thân như chim ra khỏi lồng.

Trước kia hành giả đạt chỉ mới đến mức tiêu dung thọ âm, họ như người bị nhốt kín trong xác thân của họ. Giống y như con chim bị nhốt trong lồng. Bây giờ, chim mới có thể thoát ra khỏi lồng.

Đã thành tựu điều ấy, từ thân phàm phu đã có khả năng vượt qua 60 thánh vị của hàng Bồ-tát,

Từ thân phàm phu đã thành tựu điều ấy, có nghĩa là có chút ít thần thông, đã có khả năng vượt qua sáu mươi thánh vị của hàng Bồ-tát. Ngay nơi thân phàm phu, hành giả có thể trở thành Bồ-tát, chứng được sáu mươi thánh vị của hàng Bồ-tát.

Đạt được ý sanh thân, đến đi tự tại, không bị ngăn ngại.

Hành giả phải xác lập rõ ràng sự tha thiết, miệt mài trong công phu tu tập trước khi có được năng lực thần thông của *ý sanh thân*. Đạt được thân này, hành giả có thể đi lại bất kỳ nơi đâu mình muốn.

Sáu mươi thánh vị của hàng Bồ-tát¹ là gì? Đó là năm mươi lăm vị đã giảng nói ở phần trước; cộng ba vị

¹ Giai vị của hàng Bồ-tát: Có khác nhau theo sự sắp xếp của nhiều kinh luận: Theo *Kinh Thủ-lăng-nghiêm*, có 57 giai vị. Đó là Càn huệ địa (01), Thập tín (10), Thập trụ (10), Thập hạnh (10), Thập hồi hướng (10), Tứ thiện căn (4), Thập địa (10), Đẳng giác (01), Diệu giác (01). Theo *Kinh Hoa Nghiêm* thì có 41 giai vị: Thập phạm hạnh (Thập tín) (10), Thập trụ (10), Thập hạnh (10), Thập hồi hướng (10), Phật địa (01). Theo *Tông Thiên Thai* thì có 52 giai vị: Thập tín (10), Thập trụ (10), Thập hạnh (10), Thập hồi hướng (10), Thập địa (10), Đẳng giác (01), Diệu giác (01).

tiệm thứ, thêm Càn huệ địa và Diệu giác. Thành tất cả là sáu mươi thánh vị.

B. PHẠM VI TƯỚNG ẨM

Kinh văn:

譬如有人，熟寐寢言。是人雖則，無別所知，其言已成，音韻倫次，令不寐者，咸悟其語。此則名為想陰區宇。

Thí như hữu nhân, thục寐寢言. Thị nhân tuy tắc, vô biệt sở tri, kì ngôn dĩ thành, âm vận luân thứ, linh bất寐 giả, hàm ngộ kì ngữ. Thứ tắc danh vi, tướng âm khu vũ.

Việt dịch:

Như người ngủ say nói mơ. Tuy người ấy không biết mình nói gì, nhưng lời nói kia vẫn có âm vận mạch lạc rõ ràng, khiến những người thức đều biết rõ. Đó là phạm vi của tướng ẩm.

Giảng:

Như người ngủ say nói mơ. Đây là một sự so sánh. Phạm vi của tướng ẩm tương tự như người nói mơ trong khi mê ngủ. Khi ngủ mê anh ta bắt đầu nói những gì anh ta muốn nói. Tuy người ấy không biết mình nói gì, nhưng lời nói kia vẫn có âm vận và mạch lạc rõ ràng, dù hành giả không biết mình nói gì trong khi ngủ mê nhưng những gì anh ta nói đều mạch lạc, trôi chảy theo một trình tự hợp lý, có ý nghĩa rõ

ràng. Nhưng anh ta không hề biết mình đã nói những gì. Nhưng **những người thức điều biết rõ.**

Thí dụ như người ấy nói “Hôm nay tôi muốn ăn đậu phụ nên tôi đi ra tiệm mua mười tấm. Trở về nhà, tôi hấp bánh lên rồi ăn.”

Anh ta không hề biết mình đã nói những gì. Nhưng những người khác đang thức đều biết rất rõ: “Ồ hôm nay anh ta ăn đậu phụ.”

Tại sao anh ta lại nói những điều như thế? Vì anh ta chưa quên những gì anh ta đã ăn, anh ta vẫn còn nhớ chuyện ăn, nên anh ta còn nhắc nhở chuyện ấy ngay trong giấc mơ.

Đây là phạm vi của tướng ám.

Đó là điều tương tự như lãnh vực của tướng ám. Nhưng quý vị đừng tưởng điều này đơn giản như thế mà cho rằng: “Tướng ám chỉ là như nói sáng mờ trong khi ngủ mê” thật là sai lầm khi suy diễn như vậy. Đây chỉ là một sự so sánh tương tự.

C. CỘI GỐC CỦA TƯỚNG ÁM

Kinh văn:

若動念盡，浮想銷除。於覺明心，如去塵垢。一倫死生¹首尾圓照，名想陰

¹ Bản VPTT chép 生死. Bản Taishō chép 死生. Bản Tống, Nguyên, Minh chép 生死.

盡。是人則能，超煩惱濁。觀其所由，融通妄想，以為其本。

Nhược động niệm tận, phù tướng tiêu trừ. Ư giác minh tâm, như khứ trần cấu. Nhất luân sanh tử, thủ vĩ viên chiếu, danh tướng ám tận. Thị nhân tắc năng, siêu phiền não trược. Quán kì sở do, dung thông vọng tưởng, dĩ vi kì bản.

Việt dịch:

Nếu hết động niệm, tiêu trừ sạch vọng tưởng thô phù. Trong tâm giác ngộ sáng suốt, như rửa bỏ hạt bụi dơ. Một dòng sanh tử trước sau soi chiếu tròn khắp, gọi là tiêu dung tướng ám. Người ấy có thể vượt khỏi phiền não trược.

Quán sát lại nguyên do của tướng ám, thấy nguồn gốc của nó là vọng tưởng dung thông.

Giảng:

Nếu hết động niệm, tiêu trừ sạch vọng tưởng thô phù. Vọng tưởng cực kỳ vi tế là ở thức thứ sáu, và tiêu trừ hết vọng tưởng thô phù. Do vì các thức tướng vi tế này trong thức thứ sáu đã được tiêu trừ, nên các tướng hư vọng thô phù này cũng được tiêu trừ theo.

Trong tâm giác ngộ sáng suốt, như rửa bỏ hạt bụi dơ. Tâm giác ngộ sáng suốt này là thức thứ tám. Giờ đây rõ ràng là thức thứ tám đã thanh tịnh hóa mọi dơ bẩn của vọng trần.

Một dòng sanh tử trước sau soi chiếu tròn khắp. Có mười hai loại chúng sanh; từ loài thai sanh,

noãn sanh cho đến loài phi vô tướng. Hành giả biết được rõ ràng nhân từ trước đã gây ra và kết quả sau này phải thọ nhận của tất cả mọi loài chúng sanh.

Đó gọi là **tiêu dung tướng âm**. Vào lúc hành giả đạt được túc mạng thông, người ấy có thể vượt qua **phiền não trước**.

Quán xét lại nguyên do của tướng âm. Quán xét lại nguyên do sâu xa mọi tạo tác của hành giả. **Nguồn gốc của nó là vọng tướng dung thông**.

Đến lúc này, các vọng tướng trở nên dung thông với nhau, mỗi vọng tướng trở thành nguồn gốc của chính nó.

D. CẢNH GIỚI CỦA TƯỚNG ÂM

1. THAM CẦU THIỆN XẢO

Kinh văn:

阿難，彼善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明，三摩地中。心愛圓明，銳其精思，貪求善巧。

A-nan, bi thiện nam tử, thọ âm hư diệu, bất tao tà lự, viên định phát minh, tam ma địa trung, tâm ái viên minh, nhuệ kì tinh tư, tham cầu thiện xảo.

Việt dịch:

A-nan, khi thọ âm đã hư diệu, không còn vướng mắc các tà lự, phát minh tính viên định, trong tam-ma-đề, tâm mong muốn có được sự sáng suốt viên mãn, thúc bách tư tưởng tham cầu thiện xảo.

Giảng:

A-nan, khi thọ ẩm đã hư diệu, không còn vương mắc các tà lự, không còn một niệm tưởng xấu ác nào có thể khuấy động hành giả được nữa. (9), (10).

Phát minh được viên định, trong tam-ma-đề, tâm mong muốn có được sự sáng suốt viên mãn nên thúc bách tư tưởng, tham cầu thiện xảo.

Thúc bách có nghĩa là quá sức tinh rờng trong việc quán chiếu lại nội tâm, đó cũng là trạng thái viên minh. Hành giả mong cầu có được phương tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sanh. Tâm tham cầu do vậy mà phát sinh (11).

Kinh văn:

爾時天魔，候得其便，飛精附人，口說經法。

Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc kì tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch:

Khi ấy thiên ma chờ được cơ hội thuận tiện, cho tinh thần gá vào người khác, dùng miệng người đó giải thuyết kinh pháp.

Giảng:

Khi ấy thiên ma (Lục dục thiên) chờ được cơ hội thuận tiện. Biết hành giả tu tập định lực gần hoàn chỉnh, nó đợi dịp thuận tiện để gá vào. Nó rình rập một vài cá tính của hành giả để mở đường thâm nhập. Khi định lực của hành giả thiếu kiên cố thì lồi vào hiển bày. Một khi hành giả sanh khởi vọng niệm, thì định lực

không còn kiên cố nữa và thiên ma liền có dịp may để gá vào. Vậy nên nói ma được cơ hội thuận tiện. (12)

Cho tinh thần gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng thuyết kinh pháp. (13), (14)

Thiên ma ra lệnh cho đồ chúng của nó “Đến nơi đó phá hủy định lực của người tu hành kia.” Trước khi sắc âm và thọ âm hết sạch, Thiên ma chiếm đoạt và quấy rối người tu hành. Nhưng sau khi sắc âm và thọ âm tiêu dung, hành giả đến phạm vi tướng âm, thì thiên ma không thể chiếm đoạt hành giả được nữa. Nó phải chiếm đoạt thân xác của người khác, rồi giảng pháp cho hành giả ấy nghe thông qua miệng người mà ma đoạt được thân xác. Người ấy giảng Kinh, nhưng pháp người ấy giảng lại là tà pháp, nên các ông phải nhận thức cho được điều sai lạc ấy.

Kinh văn:

其人不覺，是其魔著，自言謂得無上涅槃。來彼求巧善男子處敷座說法。其形斯須或作比丘，令彼人見，或為帝釋，或為婦女或比丘尼，或寢暗室，身有光明。

Kì nhân bất giác, thị kỳ ma trược, tự ngôn vị đắc vô thượng niết-bàn. Lai bỉ cầu xảo thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp. Kỳ hình tư tu, hoặc tác tỷ-khưu, linh bỉ nhân kiến, hoặc vi Đế Thích, hoặc vi phụ nữ, hoặc tỷ-khưu ni, hoặc tẩm ám thất, thân hữu quang minh.

Việt dịch:

Người này không biết bị ma gá vào. Tự tuyên bố chứng được Vô thượng niết-bàn. Ma đến nơi hành giả đang móng tâm tham cầu thiện xảo, nó trải tòa rồi thuyết pháp. Trong chốc lát nó hiện thân tử-khuru, khiến cho hành giả được thấy, hoặc hóa làm Đế thích, làm phụ nữ, hoặc tử-khuru ni, hoặc hiện thân phát ra ánh sáng khi nằm trong phòng tối.

Giảng:

Các ông có thể thấy được tệ hại ra sao khi gặp phải ma cảnh này.

Người này thật không biết bị ma gá vào. Thật là vô lý khi ma lại đến giúp đỡ anh ta. Tự mình tuyên bố chứng được Vô thượng niết-bàn. Anh ta tuyên bố đã được diệu quả niết-bàn. (15)

Khi ma đến nơi hành giả đang tham cầu thiện xảo, nó trải tòa rồi thuyết pháp, cho hành giả đang mong cầu thiện xảo nghe.

Trong chốc lát, rất nhanh chóng, nó có thể hóa hiện làm tử-khuru, khiến cho hành giả được thấy, hóa làm Đế thích (vua Trời), làm phụ nữ, hoặc tử-khuru ni. Khi hành giả tham cầu thiện xảo, thấy thế sự biến hóa như vậy bèn nghĩ: “Ông ta ắt hẳn là Quán Thế Âm Bồ-tát.” Mà không hề biết đó là thiên ma. Đó là lý do tại sao các ông không nên dính mắc với bất kỳ cảnh giới nào mà các ông chứng được, không bất luận đó là cảnh giới gì.

Hoặc hiện thân phát ra ánh sáng khi đang nằm trong phòng tối. Khi người không hiểu Phật pháp nhìn thấy vậy, liền thán phục: “Ồ thân thể ông ta phát ra ánh sáng. Nếu ông ta không là Phật, thì ít nhất phải là Bồ-tát hay A-la-hán.” Họ không nhận ra rằng người ấy đã bị ma vương gá vào, nó thi thố thần thông để đánh lừa người tu hành.

Do vậy khi hành giả chưa hiểu rõ ràng tướng tặc Phật pháp một cách chân chính thì không nên để mình bị xoay chuyển bởi cảnh giới mình đã thấy được, dù cảnh giới ấy là gì đi nữa. Đừng trở nên dao động bởi những cảnh giới ấy. Quý vị nên xử trí thế nào khi gặp cảnh giới như vậy? Hãy xem như không có gì tồn tại cả. Xem cảnh giới ấy như chưa từng thấy vậy. Nếu quý vị trở nên phấn chấn khi thấy ma, thì quý vị sẽ bị xoay chuyển bởi ma cảnh. Vậy quý vị nên hành xử ra sao? Chỉ nên duy trì tinh thần trung đạo, không thích mà cũng không ghét, thấy như chưa từng thấy, nghe như chưa hề nghe. Quý vị không nên nghĩ rằng: “Thật là kỳ diệu, ước gì ta gặp lại lần nữa.” Nếu quý vị có tư tưởng ấy, là liền mắc vào sai lầm (16).

Kinh văn:

是人愚迷惑為菩薩。信其教化，搖蕩其心，破佛律儀，潛行貪欲。

Thị nhân ngu mê, hoặc vi bồ-tát. Tín kì giáo hóa, diêu dăng kì tâm, phá Phật luật nghi, tiềm hành tham dục.

Việt dịch:

Hành giả ngu mê, làm cho đó là Bồ-tát, tin lời giáo hóa của ma, tâm bị dao động, nên phá luật nghi của Phật, lén lút làm chuyện tham dục.

Giảng:

Hành giả. Người tu tập chánh định, **ngu mê**, lúc này, **làm cho đó là Bồ-tát**. Khi thấy một người có thể hiện làm tử-khuru, Đế thích hoặc nữ cư sĩ, hoặc tử-khuru ni, hoặc bỗng chốc biến hóa từ người này sang người khác. Hành giả cho rằng người này ắt hẳn là một vị Bồ-tát. Rồi anh ta **tin lời giáo hóa của ma, khiến tâm bị dao động, nên phá hủy luật nghi của Phật chế**.

Ta nên quán sát điều gì nơi người tu hành? Hãy xem họ có giữ giới luật của Phật chế không? Nếu họ không trì giữ thì đó chắc chắn là ma. Nếu người ấy tinh nghiêm gìn giữ giới luật thì đó chân thực là một vị Bồ-tát. Thế mà có người tự xưng là Phật tử, tự gọi mình là Trưởng lão Hòa thượng, tự khoác thêm vào nhiều danh hiệu khác.

Và lén lút làm chuyện tham dục. Nó lén lút làm chuyện dâm dục mà cố gắng dấu giếm không cho mọi người biết.

Kinh văn:

口中好言，災祥變異，或言如來，某處出世，或言劫火，或說刀兵。恐怖於人，令其家資，無故耗散。

Khẩu trung hảo ngôn tai tường biến dị, hoặc ngôn Như Lai, mỗ xứ xuất thế, hoặc ngôn kiếp hỏa, hoặc thuyết đao binh. Khủng bố ư nhân, linh kì gia tư, vô cố hao tán.

Việt dịch:

Người ấy ưa nói những chuyện tai ương quái dị, hoặc nói Như Lai xuất hiện chỗ nọ chỗ kia. Hoặc nói có kiếp hỏa, hoặc nói có đao binh. Dọa cho người sợ hãi, khiến họ vô cơ tiêu tán của cải, tài sản.

Giải:

Người ấy, người bị ma gá ưa nói những việc tai ương quái dị, những biến chuyển lạ kỳ.

Người bị ma gá thường thích nói những điều gì? Họ thích nói về những tai họa, những biến cố thảm khốc. Họ có thể nói về mọi tai ương chắc chắn sẽ xảy ra chính xác ở một nơi nào đó, hay một điềm lành sẽ xảy ra ở một nơi nào đó, hay một biến động bất thường sẽ xảy đến.

Hoặc nói Như Lai xuất hiện ở một nơi nào đó.

Anh ta nói: “Ông có biết gì không, Đức Phật đó, danh hiệu ấy đã xuất thế ở nơi kia rồi!”

Hoặc nói đến thảm khốc của kiếp hỏa, hoặc nói đến chiến tranh đao binh. Anh ta nói: “Tam tai: thủy, hỏa, phong và bát nạn¹ đã đến với chúng ta rồi!”

¹ Tám nạn 八難; E: difficulties: Tám hoàn cảnh trong đó khó được gặp Phật và nghe Phật pháp:

1. Sống trong địa ngục.
2. Sinh làm ngựa quý (quý đỏi).
3. Chịu thân súc sinh.

Hoặc nói: “Kiếp này sắp hoại diệt rồi.” Hoặc dọa chiến tranh sắp sửa xảy ra nơi đây. Hoặc nói Liên Xô sắp khai chiến với nước ấy, nước kia.

Dọa cho người sợ hãi khiến họ vô có tiêu tán của cải gia sản.

Anh ta luôn luôn nói những điều để thu hút sự chú ý của mọi người, rồi khiến họ bị dao động. Một khi mọi người nghe tin này, họ hốt hoảng lên” Ô! Không! Chiến tranh sắp xảy ra, mạng sống ta nguy rồi!”

Hoặc ma nói: “Chiến tranh sắp xảy ra. Nếu các ông nộp tiền cho tôi ngay, tôi sẽ bảo đảm sinh mạng cho ông an toàn. Nếu ông không đưa tiền cho tôi, ông sẽ bị mất mạng.” Nó luôn nói như thế để lừa đảo mọi người.

Nếu ông muốn xác định ai là người chân chính hay giả dối, dù người ấy là bò-tát hay thiên ma, ông chỉ cần nhìn vào các điểm sau: Trước hết xem xét người đó có tâm tham dục không? Thứ hai xem người ấy có tham tiền không. Nếu người ấy lừa lọc mọi người để thỏa mãn lòng tham lam tài sản, lòng hiếu sắc, thì người ấy không phải là người chân chính. Thế nào là tham tài? Ví dụ. Người ấy có thể nói: “Có một tai họa

4. Sinh trong cõi trời Trường thọ (mạng sống lâu dài, đời sống dễ chịu).
5. Sinh vào Uất-đan việt (s: Uttara-kuru; Bắc Câu lư châu), nơi cuộc sống rất thoải mái.
6. Làm người bị đui mù, điếc, câm, ngọng.
7. Thế trí biên thông.
8. Sinh trước hay sau thời Đức Phật.

lớn sắp xảy ra nơi chúng ta, thế giới sắp đến hồi tận diệt. Một quả bom nguyên tử sắp nổ ở nơi kia. Một quả bom H sắp thả vào chỗ kia.”

Nó nói những chuyện như vậy, làm cho mọi người hoang mang, rồi đem tiền bạc đến dâng cho nó. Nếu các ông tỉnh giác với mẹo lừa của nó. Ngay cả khi nó phóng ra ánh sáng, nó làm cho đất chấn động, hay làm những việc kỳ đặc khác nữa, các ông cũng không nên tin nó, vì nó có tâm tham. Một người không có tâm tham, mới là người chân chánh. Một người tham lam là người giả dối. Phương pháp tôi dạy hiện nay là thực hành và khảo nghiệm thực tế. (17)

Kinh văn:

此名怪鬼，年老成魔，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師，俱陷王難。

Thử danh quái quỷ, niên lão thành ma, nảo loạn thị nhân. Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể. Đệ tử dữ sư, câu hãm vương nạn.

Việt dịch:

Đây gọi là giống quỷ quái, tuổi già thành ma, quấy rối người tu hành. Sau khi quấy phá chán rồi, nó rời bỏ thân người vừa gá vào. Nên cả thầy trò đều rơi vào lưới pháp luật.

Giải:

Đây gọi là giống quỷ quái, sống một thời gian dài, tuổi già thành ma. Nó chuyên quấy rối người tu hành.

Sau khi quấy phá chán rồi, nó rời bỏ thân người vừa gá vào. Cuối cùng, nó chán trò chơi này. Nó đã thấy đủ rồi nên nó thôi gá vào người khác. Khi điều này xảy ra. **Cả thầy trò đều rơi vào lưới pháp luật.** Nó bị chính quyền truy nã, bị tố cáo là kích động quần chúng, có thể bị tử hình hoặc những án tù tương đương như thế. (18), (19)

Kinh văn:

汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch:

Ông phải nên biết trước, để khỏi rơi vào luân hồi. Nếu mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng:

Ông phải nên biết trước, để khỏi rơi vào luân hồi, các ông phải nên sớm tỉnh ngộ điều này, và đừng sa vào vòng sinh tử của ma vương.

Nếu mê lầm không biết, trong tương lai sẽ đọa vào ngục vô gián.

2. THÍCH ĐI DU LỊCH

Kinh văn:

阿難，又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮。圓定發明，三摩地中，心愛遊蕩，飛其精思，貪求經歷。

A-nan, hựu thiện nam tử, thọ âm hư diệu, bất tao tà lự. Viên định phát minh, tam-ma-địa trung, tâm ái du dăng, phi kì tinh tư, tham cầu kinh lịch.

Việt dịch:

A-nan, lại hành giả kia, thụ âm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm thích dạo chơi, cho tư tưởng bay ra, tham cầu đi nhiều nơi.

Giảng:

A-nan, lại hành giả kia, thụ âm đã hư diệu, không mắc các tà lự. Trong cảnh giới rộng suốt vi diệu, có được sau khi thọ âm đã tiêu dung. Hành giả đang tu tập tam-ma-địa không còn các tà lự nữa, phát minh, an trụ trong định sáng suốt tròn đầy. Trong tam-ma-địa, tâm đã có những vọng tưởng thích dạo chơi.

Đó là “Ra khỏi đỉnh đầu và lang thang theo linh hồn” có nghĩa là linh hồn đi lang du khắp mọi nơi. Nên tư tưởng phóng vọt ra tham cầu lang du. Cho tinh thần phóng vọt ra ngoài và mong muốn đi khắp nơi đâu đó để ngắm cảnh tiêu dao.

Kinh văn:

爾時天魔，候得其便，飛精附人，口說經法。

Nhĩ thời thiên ma, hầu đắc kì tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch:

Khi ấy, thiên ma chờ được cơ hội thuận tiện,

đem tinh thần, gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng kinh pháp.

Giảng:

Khi ấy thiên ma chờ được cơ hội thuận tiện. Ma vương ở cõi trời lại trở nên ghen tức và chờ đợi sơ hở để gá vào.

Đem tinh thần nó gá vào người khác. Nó lại cho tùy tùng thân tín gá vào người kia. **Dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp.** Nó đến để quấy nhiễu người tu. Vì sao người tu lại bị ma gá vào? Đơn giản là vì ông ta tham cầu lãng du, mong ước được đi du lịch, đi lang thang đây đó. Ngay khi ông ta vừa móng niệm mong cầu du lãng, tức liền cung cấp cho thiên ma cơ hội thuận tiện để nã loạn mình ngay. Ma không thể gá vào đâu được nếu như người tu đạo không khởi vọng tưởng tham cầu như vậy.

Kinh văn:

其人亦不覺知魔著，亦言自得，無上涅槃。來彼求遊，善男子處，敷座說法，自形無變。其聽法者，忽自見身，坐寶蓮華，全體化成，紫金光聚。一眾聽人，各各如是，得未曾有。

Kì nhân diệc bất giác tri ma trược, diệc ngôn tự đắc, vô thượng niết-bàn. Lai bỉ cầu du, thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp, tự hình vô biến. Kì thánh pháp giả, hốt tự kiến thân, tọa bảo liên hoa, toàn thể hóa

thành, tử kim quang tỵ. Nhất chúng thánh nhân, các các như thị, đắc vị tăng hữu.

Việt dịch:

Người ấy thật không biết bị ma gá vào, còn tự nói rằng mình đã được vô thượng bồ-đề. Ma đến nơi người mong cầu lãng du kia, trải tòa ngồi thuyết pháp. Hình người giảng pháp thì không biến đổi, nhưng những người nghe pháp bỗng dưng thấy mình đang ngồi trên những tòa sen báu, toàn thân hóa thành khối vàng tía chói sáng. Mỗi người đang nghe pháp đều cảm thấy như vậy, cho rằng mình đạt được chuyện chưa từng có.

Giảng:

Người ấy thật không biết bị ma gá vào, còn tự nói rằng mình đã được vô thượng bồ-đề, tự tuyên bố mình đã đạt đến quả vị nhiệm mầu của Vô thượng niết-bàn. Khi ma đến nơi người mong cầu lãng du kia, đó là hành giả đã khởi vọng niệm mong muốn thần thức mình thoát ra khỏi đỉnh đầu rồi đi rong chơi đây đó.

Ma trải tòa ngồi giảng pháp. Tự thân hình người giảng pháp thì không biến đổi.

Trong đoạn kinh văn tôi đã giảng trước, thì thân thể của người bị gá vào biến thành tử-khuru, tử-khuru ni, Đế thích, nữ cư sĩ hay vô số hình dạng khác. Nhưng trường hợp này thì thân người bị ma gá lại không biến đổi. Có nhiều loại ma khác nhau, và các ông không nên xem những sự tình tâm thường thành ra thiện pháp. Nếu chuyện đó xảy ra mà các ông không nhận thức chính xác, thì ma sẽ gá vào ông ngay.

Nhưng những người nghe pháp bỗng đứng thấy mình đang ngồi trên tòa sen báu, toàn thân hóa thành khối sắc vàng tía chói sáng.

Thình lình mọi người thấy như mình đang ngồi trên tòa sen báu, và toàn thân mình hóa thành khối sắc vàng tía chói ngời.

Mọi người đang nghe giảng pháp đều cảm thấy như vậy, cho rằng mình đạt được việc chưa từng có.

Kinh văn:

是人愚迷，惑為菩薩，婬逸其心，破佛律儀，潛行貪欲。

Thị nhân ngu mê, hoặc vi bồ-tát, dâm dật kì tâm, phá Phật luật nghi, tiềm hành tham dục.

Việt dịch:

Hành giả ngu mê, lầm cho đó là bồ-tát, tâm hóa dâm dật, phá hủy luật nghi của Phật, lén làm chuyện tham dục.

Giảng:

Hành giả ngu mê, lầm cho người ấy là bồ-tát.

Không những người này mà tất cả những người đang nghe giảng pháp đều rất u mê, tâm họ trở nên nghi hoặc và nghĩ rằng: “Ông ấy chắc hẳn là một vị bồ-tát, ông ta có thể làm cho mình ngồi trên tòa sen bằng bảy báu, và biến thân mình thành khối sắc vàng tía chói ngời.”

Quý vị nên tự hỏi lại mình rằng: “Mình thực sự có ngồi trên tòa sen và tỏa chiếu sắc vàng tía được chăng?” Làm sao mà quý vị với thân tướng phàm phu mà lại có

trạng thái như thế? Phải chăng đây là thiên ma đến đê mê hoặc? Tại sao một vị bồ-tát lại hiện bày cảnh giới như vậy? Vị bồ-tát ấy gá vào nơi quý vị để làm gì?

Tâm hóa âm dật.

Tâm của những người nghe nó giảng kinh pháp trở nên dao động, bắt đầu sinh khởi tâm âm dật.

Phá hủy giới luật Phật chế.

Họ không còn giữ gìn giới luật của Phật chế nữa. Quý vị đều phải nhớ, sau khi quý vị thọ nhận giới pháp rồi thì chớ nên bị lừa dối bởi những cảnh giới mê hoặc này. Ngay cả khi vị Pháp sư thi triển đại thần thông đi nữa, thì quý vị cũng phải quán xét ông ta cẩn thận xem ông ta có tâm tham cầu hay không. Nếu ông ta tham tiền hoặc có tâm tham dục, thì ông ta chẳng phải là người có tâm chân chính. Ông ta là kẻ giả mạo. Còn nếu người ấy không còn tâm âm dật, tham lam. Không có che dấu ý đồ bên trong thì ông ta là người chân chính. Nếu ông ta là người hủy phá giới luật Phật chế thì đó là kẻ dối gạt.

Lén lút làm chuyện âm dật.

Nó phóng túng, âm loạn một cách lén lút.

Kinh văn:

口中好言，諸佛應世。某處某人，當是某佛，化身來此。某人即是，某菩薩等，來化人間。其人見故，心生渴仰，邪見密興，種智銷滅。

Khẩu trung hảo ngôn, chư Phật ứng thể. Mỗ xĩ mỗ nhân, đương thị mỗ Phật, hóa thân lai thử. Mỗ nhân tức thị, mỗ bồ-tát đặng lai hóa thân gian. Kỳ nhân kiến cố, tâm sanh khát ngưỡng, tà kiến mật hưng, chủng trí tiêu diệt.

Việt dịch:

Người ấy ra nói chư Phật ứng hiện ra đời. Người đó, chỗ đó, chính là vị Phật ấy, hóa thân thị hiện. Hoặc nói người kia là bồ-tát hóa thân đến đây giáo hóa nhân gian. Hành giả nghe vậy, tâm sanh khát ngưỡng, tà kiến âm thầm lớn mạnh, chủng trí bị tiêu diệt.

Giảng:

Người ấy ra nói chư Phật ứng hiện ra đời. Miệng ma ưu nói chư Phật hiện thân nơi này, nơi kia.

Người bị ma gá ưa thích đi lang thang đây đó. Rồi lợi dụng vào việc lãng du ấy nói về những việc huyền hoặc kỳ bí, những chuyện nó nói quá ư là huyền hoặc khiến người ta khó tin. Anh ta nói: “Nay chư Phật đang ứng hiện thân ở thế gian để cứu độ chúng sanh.”

Anh ta nói người đó, chỗ đó, chính là vị Phật ấy, hóa thân thị hiện, vị Phật ấy đã ứng hiện thân ra đời nơi người ấy, ở tại chỗ ấy.

Nó nói ông ấy chính là Đức Phật như vậy, như vậy... Đã hóa thân đến nơi ấy để cứu độ muôn loài. Hoặc nói người kia chính là bồ-tát hóa thân đến đây để giáo hóa nhân gian.

Thí như có người đệ tử của tôi tên Cát-lợi (Gary) kể lại rằng: Đệ tử Sa Ma Lôu Tát bảo rằng: Thầy mình (Sa Ma Lôu Tát) là một vị Bồ-tát. Thật là lỗ bịch. Đó là loại bồ-tát gì? Bồ-tát ma chẳng? Họ chỉ được lừa dối người. Tôi sẽ nói cho quý vị rõ. Một Đức Phật hay một vị Bồ-tát không bao giờ nhận mình là Phật hay Bồ-tát, lại càng không bao giờ để đệ tử mình đi quảng cáo mình.

“Thầy tôi là Bồ-tát.” Quý vị đừng bao giờ nói về Thầy của quý vị như vậy cả. Tại sao quý vị lại đi nói rằng Thầy của mình là Phật? Quý vị không bao giờ được nói về tôi như vậy. Chẳng phải tôi đã từng nói với quý vị rằng tôi là con ma hay sao? Chỉ nên nói về thầy của quý vị là một con ma. Tôi không muốn được gọi là Phật hay Bồ-tát. Thật đáng thương xót cho những người này! Ở đây họ lại nói rằng: “Đây là một vị Bồ-tát hiện thân đến để giáo hóa chúng sanh trong thời mạt pháp.”

Người tu hành thấy vậy, tâm sanh khát ngưỡng.

Vì những người ấy có hiểu biết còn non nớt, không thực hiểu về Phật pháp. Họ nghĩ rằng:

“Ồ! Ông ta là một vị Bồ-tát, hay quá, hãy nhanh chóng đến nghe ông ta giảng pháp và xin làm đệ tử.”

Ví như ngày hôm qua có vài người đến nghe trộm pháp. Tôi hỏi ai là thầy của họ, họ trả lời người ấy, người ấy... Đó là một trường hợp liên quan đến điều đang nói. Tâm họ ngập tràn sự khát ngưỡng, hâm mộ.

“Ta nên lại xin vị bồ-tát ấy làm thầy, và xin thân cận học hỏi pháp bồ-tát nơi thầy.”

Vì ông ta là bò-tát nên tất nhiên những đệ tử học pháp với ông ta cũng thành bò-tát. Như một kết quả tất yếu.

Tà kiến âm thầm lớn mạnh. Dần dần tà kiến trở nên dày cộm hơn và chủng trí bị tiêu hủy.

Chủng trí của Phật và các loại trí tuệ đều bị tiêu hủy. Hạt giống của trí tuệ **bị tiêu diệt** rồi, thật là nguy hiểm. (20)

Kinh văn:

此名魅鬼，年老成魔，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師，俱陷王難。

Thử danh bạt quý, niên lão thành ma, nảo loạn thị nhân, yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể. Đệ tử dĩ sư, câu hãm vương nạn.

Việt dịch:

Đây là loại *bạt quý*, tuổi già thành ma, quấy rối người tu hành. Đến khi nó đã nhàm chán, liền rời khỏi thân người mà nó đã gá vào. Khi ấy cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật.

Giải:

Đây là loại *bạt quý*, tuổi già thành ma.

Bất kỳ nơi đâu mà loại *bạt quý* này đến, nơi đó không có mưa, hạn hán kéo dài ít nhất sáu tháng và có khi kéo dài đến một, hai hoặc năm năm. Hễ loại ma này đến nơi nào nơi đó sẽ không có mưa. Khi còn trẻ nhỏ, nó được gọi là ma, khi đã nhiều tuổi nó càng trở

nên độc ác, đều giả, nên nó biến thành quỷ. Có câu ngạn ngữ của cổ nhân như sau:

“*Lão nhi bất tử thị vi tặc*” nghĩa là: Già mà không chết là kẻ tinh quái. Lại càng tinh quái hơn đối với loài quỷ. Nếu ma già mà không chết nó trở thành quỷ.

Nó quấy rối người tu hành. Đến khi đã nhàm chán.

Sau khi nó chơi trò lừa bịp một thời gian dài, ma trở nên chán việc ấy, không có gì thú vị nữa. **Liền rời khỏi thân người mà nó đã gá vào. Khi ấy cả thầy và trò đều rơi vào lưới pháp luật.** Cả hai đều bị bắt và bị bỏ tù. Có thể bị xử tử hình hoặc án tù chung thân. Đời sống như thể đang ở địa ngục.

Kinh văn:

汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch:

Các ông nên biết trước, thì khỏi bị luân hồi. Nếu ông mê làm không biết, sẽ rơi vào địa ngục vô gián.

Giải:

Các ông nên biết trước, thì khỏi bị luân hồi, trong vòng của ma vương, không bị làm quyến thuộc của ma vương. Nếu ông mê làm không biết. Nếu ông không nhận ra những việc làm của ma vương, thì ông sẽ theo ma vương rơi vào địa ngục vô gián.

3. THAM CẦU SỰ KHẾ HỢP

Kinh văn:

又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明。三摩地中，心愛綿吻，澄其精思，貪求契合。

Hựu thiện nam tử, thọ âm hư diệu, bất tao tà lự. Viên định phát minh, tam-ma-địa trung, tâm ái miên vãn, trùng kì tinh tư, tham cầu khế hợp.

Việt dịch:

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ âm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm ưa sự thâm hợp, lóng lạng tư tưởng, tham cầu khế hợp.

Giải:

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ âm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh.

Lại nữa trong cảnh giới rộng suốt vi diệu, có được sau khi thọ âm đã tiêu dung, hành giả không còn tà lự nữa, an trú trong định sáng suốt tròn đầy. Trong tam-ma-địa, tâm ưa sự thâm hợp, tâm thích sự hợp nhất tinh thần.

Tâm muốn thân cận với các bậc Hiền Thánh. Lóng lạng tư tưởng, tham cầu sự khế hợp. Hành giả nỗ lực lắng đọng tâm tư, đạt đến sự tinh thuần. Do vì ả dẫu một niệm tham cầu sự khế hợp, nên hành giả đã cho ma vương một cơ hội tốt để phá anh ta.

Kinh văn:

爾時天魔，候得其便，飛精附人，口說經法。

Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc kì tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch:

Lúc ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện, dùng tinh thần nó gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng thuyết kinh pháp.

Giảng:

Lúc ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện. Dùng tinh thần nó gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng thuyết kinh pháp.

Thiên ma thấy được cơ hội thuận tiện, vậy nên nó phóng tinh thần nhanh chóng chiếm đoạt người ấy và dùng miệng người ấy để giảng nói kinh pháp.

Kinh văn:

其人實不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求合善男子處，敷座說法。其形及彼，聽法之人，外無遷變，令其聽者，未聞法前，心自開悟。念念移易，或得宿命。或有他心。或見地獄，或知

人間，好惡諸事。或口說偈，或自誦經。各各歡娛¹，得未曾有。

Kì nhân diệc bất giác tri ma trước, diệc ngôn tự đắc, vô thượng niết-bàn. Lại bị cầu hợp thiện nam tử xú, phu tòa thuyết pháp. Kì hình cập bỉ, thính pháp chi nhân, ngoại vô thiên biến, linh kì thính giả, vị văn pháp tiền, tâm tự khai ngộ. Niệm niệm di dịch, hoặc đắc túc mệnh, hoặc hữu tha tâm, hoặc kiến địa ngục, hoặc tri nhân gian, hảo ác chư sự, hoặc khẩu thuyết kệ, hoặc tự tụng kinh. Các các hoan ngu, đắc vị tăng hữu.

Việt dịch:

Người ấy thật không biết bị ma gá vào, lại tự cho rằng mình đã chứng được vô thượng niết-bàn. Khi nó đến nơi người mong cầu sự hợp nhất tinh thần ấy, liền trải tòa ngồi giảng pháp. Thân hình người đó và những người ngồi nghe pháp, bên ngoài không có gì thay đổi, nhưng lại khiến cho thính giả trước khi nghe pháp có cảm giác trở nên được “khai ngộ,” nên họ thấy được từng niệm từng niệm đổi đời. Hoặc họ được túc mạng thông, hoặc có tha tâm thông, hoặc thấy địa ngục, hoặc biết được những việc tốt xấu trong cõi người, hoặc nói kệ, tụng kinh. Mọi người đều vui vẻ, như được việc chưa từng có.

¹ Bản VPTT chép 娛. Bản Taishō chép 喜. Bản Tống, Nguyên, Minh chép chữ 娛.

Giảng:

Người bị gá ấy thật không biết bị ma gá vào, lại tự cho rằng mình đã chứng được diệu quả vô thượng niết-bàn. Khi nó đến nơi người mong cầu sự hợp nhất tinh thần ấy, liền trải pháp tòa bước lên rồi ngồi giảng pháp. Thân hình người đó và những người phe pháp bề ngoài thì không có gì thay đổi.

Thân tướng của nó cùng với những người nghe pháp không có gì biến đổi. Không có gì xảy ra phía bên ngoài thân xác của họ. Ý nghĩa đoạn này khác với đoạn kinh trước, là người nghe pháp bỗng thấy mình ngồi trên tòa sen báu, hoặc thấy thân mình phát ra ánh sáng màu vàng tía rực rỡ. Cũng không như khi họ thấy người giảng pháp biến hóa thành Đê thích, tử-khuru, tử-khuru ni, phụ nữ. Trường hợp này không có sự biến hóa như thế.

Nhưng thay vào đó, lại khiến cho thánh giả trước khi nghe pháp có cảm giác trở nên được “khai ngộ.” Sau cảm giác khai ngộ ấy, họ thấy như vừa trải qua một cơn say rượu hay vừa trải qua một giấc mơ mà trong đó mình được giàu có. Cảm giác khai ngộ này không phải là khai ngộ chân thực, nó chỉ là một loại huyền cảnh. Cũng giống như khi xem phim, hoặc uống thuốc *Hallucinogenic*-huyền giác hoàn vậy thôi. Họ thấy mọi chuyện đều ở trong cơn biến hóa huyền ảo, nên tâm họ thấy được từng niệm từng niệm đổi dời.

Hoặc họ có được túc mạng thông, nhưng thật ra túc mạng thông ấy cũng không thực. Những gì nó thấy

đều là huyễn ảo. Hoặc họ có tha tâm thông, hoặc thấy được tất cả cảnh giới ở địa ngục, hoặc biết được những việc tốt xấu ở cõi người, hoặc có thể tùy việc nói kệ theo lối riêng của nó, hoặc tùy hứng tụng kinh. Mọi người đều vui vẻ, cảm thấy như được việc chưa từng có.

Họ đều nói: “Ông ấy thực là một vị Bồ-tát, ông ta chính là Phật, ông ta đã làm cho tôi khai ngộ, ông ta đã khiến cho tôi có túc mạng thông.” Tuy nhiên cảm giác ấy chỉ có được khi họ đang nghe ma giảng pháp. Đó là điềm then chốt cho ta biết pháp ấy chẳng thật. (21)

Kinh văn:

是人愚迷，惑為菩薩，綿愛其心，破佛律儀，潛行貪欲。

Thị nhân ngu mê, hoặc vi bồ-tát, miên ái kì tâm, phá Phật luật nghi, tiềm hành tham dục.

Việt dịch:

Hành giả ngu mê, làm cho người ấy là bồ-tát. Tâm trở nên vương mắc chuyện yêu đương, nên hủy phạm luật nghi của Phật Lén lút làm chuyện tham dục.

Giảng:

Hành giả ngu mê, làm cho người ấy là bồ-tát. Hành giả ấy cực kỳ mê muội, nghĩ tưởng kẻ đang bị gá vào là bồ-tát. Tâm trở nên vương mắc chuyện yêu đương. Anh ta giao tình với ma, nên hủy phạm luật nghi của Phật, không còn tuân giữ giới luật nữa. Lén

lút làm chuyện tham dục. Âm thầm làm chuyện dâm dục.

Kinh văn:

口中好言，佛有大小；某佛先佛，某佛後佛。其中亦有，真佛假佛，男佛女佛；菩薩亦然。其人見故，洗滌本心，易入邪悟。

Khẩu trung hiếu ngôn, Phật hữu đại tiểu; mỗ Phật tiên Phật, mỗ Phật hậu Phật. Kỳ trung diệc hữu chân Phật giả Phật, nam Phật nữ Phật; bồ-tát diệc nhiên. Kỳ nhân kiến cố, tẩy địch bản tâm, dị nhập tà ngộ.

Việt dịch:

Nó ưa nói có Phật lớn, Phật nhỏ; vị Phật này trước, vị Phật này sau; trong đó còn có Phật thật, Phật giả, Phật nam, Phật nữ; bồ-tát cũng như thế. Người tu hành nghe vậy liền tin, tẩy sạch bản tâm, dễ rơi vào tà ngộ.

Giảng:

Nó ưa nói có Phật lớn, Phật nhỏ.

Ma thích nói những chuyện gì? Nó nói: “Các ông đã học Phật pháp, vậy các ông có biết Phật là gì không? Có các Phật lớn và các Phật nhỏ, Phật già, Phật trẻ.” Nó còn giải thích chi tiết hơn.

Vị Phật này là trước, vị Phật này là sau, vị Phật này là thật, vị Phật kia là giả. Ma tuyên bố rằng chính nó là Phật thật, trong khi các vị khác là Phật giả.

Nó còn nói có **Phật nam, Phật nữ**. Nó khẳng khẳng “Quan hệ giữa các vị nam và nữ tạo ra các vị Phật. Đó là nguồn gốc các vị Phật, đó là bồ-đề tâm.”

Dĩ nhiên điều này gây cho người ta mê lầm. Họ nghĩ rằng: “Ồ đó là cách mà người ta thành Phật.” Thế rồi họ buông thả vào cuộc sống trác táng trụy lạc. Họ thà chết còn hơn là không được sống thác loạn trong dâm dục.

Nó phân biệt **các vị bồ-tát cũng như vậy**.

Ma vẫn nói rằng: “Có bồ-tát lớn, có bồ-tát nhỏ, bồ-tát nam, Bồ-tát nữ.” Thực ra, trừ phi quý vị không muốn thành Phật thì thôi, còn nếu quý vị muốn thành Phật, thì quý vị phải có thân người nam. Thân nữ không thể thành Phật được. Quý vị muốn thành bồ-tát cũng phải là thân nam, thân nữ không thể thành bồ-tát được.

Người tu hành nghe vậy liền tin, tẩy sạch bản tâm, dễ rơi vào tà ngộ.

Khi nghe ma nói những điều ấy và nghĩ: “Ông ấy nói đúng thật. Tôi luôn thấy Bồ-tát Quán Thế Âm được mô tả như một phụ nữ. Đó là bằng chứng xác định vậy.” Những người ấy không thấu hiểu Phật pháp. Bồ-tát Quán Thế Âm chẳng phải nam cũng chẳng phải nữ. Ngài tùy nguyện lực của các loại chúng sanh mà ứng hiện. Ngài tùy theo từng loại căn cơ của chúng sanh mà giáo hóa họ. Rất khó phân biệt được sơ ứng hiện của Bồ-tát, trừ thần lực của ma vương. Vì ma vương cũng

có thân thông, nó có thể tự hóa hiện thành. Các ông làm sao mà biết được ai là ma? Hãy quán xét họ xem có tham dục hay không?

Niềm tin ban đầu bị biến mất hẳn. Tâm tu hành chân chính ban đầu nay đã bị xóa sạch hẳn...

Đễ bị rơi vào hiểu biết tà vạy.

Kinh văn:

此名魅鬼，年老成魔，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師，俱陷王難。

Thử danh mị quỷ, niên lão thành ma, nảo loạn thị nhân. Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể. Đệ tử dĩ sư, câu hãm vương nạn.

Việt dịch:

Đây là loại mị quỷ, tuổi già thành ma, nó khuấy rối người tu hành. Khi đã nhàm chán, nó rời khỏi thân người mà nó đã gá vào. Cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật.

Giải:

Đây gọi là mị quỷ. Một loại ma trong các loại ly, mị, vông, lợng. Tuổi già thành ma. Nó khuấy phá người tu hành, tu tập chánh định. Khi đã nhàm chán, nó rời khỏi thân người mà nó đã gá vào. Cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật.

Khi tâm ma đã nhàm chán việc đó rồi, cuối cùng không gá thân người nữa. Cả đệ tử và thầy đều rơi vào lưới pháp luật. Họ đều bị bắt và tổng giam.

Kinh văn:

汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch:

Các ông nên giác ngộ sớm để khỏi bị luân hồi. Nếu mê lầm không biết, sẽ rơi vào địa ngục vô gián.

Giải:

Các ông nên giác ngộ sớm để khỏi bị luân hồi. Các ông nên thức tỉnh ngay lúc ban sơ để khỏi rơi vào vòng sanh tử của ma vương, nếu thiếu trí huệ và mê lầm không biết những gì đang xảy ra, sẽ rơi vào địa ngục vô gián.

4. THAM CẦU SỰ HIỂU BIẾT**Kinh văn:**

又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明。三摩地中，心愛根本，窮覽物化，性之終始。精爽其心，貪求辨¹析。

Hựu thiện nam tử, thọ âm hư diệu, bất tao tà lự, viên định phát minh. Tam-ma-địa trung, tâm ái căn

¹ Bản VPTT chép 辨. Bản Taishō chép 辯. Bản Nguyên, Minh chép chữ 辨.

bản, cùng lã vật hóa, tánh chi chung thủy. Tinh sáng kì tâm, tham cầu biện tích.

Việt dịch:

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ âm đã hư diệu, không mắc các tà lục, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm ưa thích được biết nguồn gốc của các sự vật, nên cứu xét cùng tột bản chất của sự vật cùng sự biến hóa từ gốc đến ngọn. Niệm tưởng tinh ròng bén nhọn do vì tham cầu phân tích rõ sự vật.

Giảng:

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ âm đã hư diệu, không mắc các tà lục, tính viên định phát minh.

Lại nữa, trong cảnh giới rộng suốt vi diệu sau khi thọ âm đã tiêu dung, hành giả người tu tập chánh định không còn tà lục nữa, an trú trong định sáng suốt tròn đầy. Trong tam-ma-địa, tâm ưa thích biết được nguồn gốc của sự vật. Anh ta quyết định: Mình sẽ nghiên cứu nguồn gốc vật lý của vụ trụ thế giới.

Nên hành giả cứu xét cùng tột bản chất của sự vật, cùng sự chuyển hóa từ gốc đến ngọn, để tìm xem rốt ráo chúng là gì? Làm cho niệm tưởng tinh ròng bén nhọn do vì tham cầu phân tích rõ sự vật.

Kinh văn:

爾時天魔，候得其便，飛精附人，口說經法。

Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc kì tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch:

Lúc đó thiên ma có được cơ hội thuận tiện. Phóng tinh thần nó đến gá vào người khác, dùng miệng người bị gá giảng nói kinh pháp.

Giảng:**Lúc đó thiên ma có được cơ hội thuận tiện**

Lúc đó thiên ma biết được và nói: “A ha! Ông vừa khởi dậy tâm tham, quá tuyệt! Bây giờ ta có thể đưa đệ tử ta đến cám dỗ ông.” Như thế nó có được cơ hội thuận tiện. Lần nữa ma vương gởi một trong số đồ đệ của nó và phóng tinh thần nó ra đến gá vào người khác và dùng miệng người bị gá vào giảng nói kinh pháp của ma vương. (22)

Kinh văn:

其人先不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求元善男子處，敷座說法。身有威神，摧伏求者，令其座下，雖未聞法，自然心伏。是諸人等，將佛涅槃，菩提法身，即是現前，我肉身上。父父子子，遞代相生，即是法身，常住不絕。都指現在，即為佛國，無別淨居，及金色相。

Kì nhân tiên bất giác tri ma trước, diệc ngôn tự đắc vô thượng niết bàn. Lai bỉ cầu nguyên thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp. Thân hữu oai thần, tởi phục cầu giả, linh kì tòa hạ, tuy vị văn pháp, tự nhiên tâm

phục. Thị chư nhân đặng, tương Phật niết-bàn bồ-đề pháp thân, tức thị hiện tiền, ngã nhục thân thượng. Phụ phụ tử tử, đệ đại tương sanh, tức thị pháp thân thường trụ bất tuyệt. Đô chỉ hiện tại, tức vi Phật quốc, vô biệt tịnh cư, cập kim sắc tướng.

Việt dịch:

Người này không biết mình bị ma gá vào, lại còn cho mình đã được vô thượng niết-bàn. Ma liền đến gặp người mong cầu biết cội nguồn sự vật kia, nó trải tòa ngồi thuyết pháp. Thân nó có oai thần hàng phục được người cầu pháp, khiến cho thính chúng tự nhiên kính phục dù chưa nghe pháp. Nó nói bồ-đề, niết-bàn, pháp thân của Phật đều là thân xác thịt hiện tiền. Nó nói: “Cha con cùng sinh ra nhau từ đời này đến đời khác chính là pháp thân thường trụ không mất. Tất cả đều chỉ là hiện tại, đó chính là cội Phật, chẳng có cội Tịnh cư riêng biệt nào, và cũng chẳng có thân tướng sắc vàng nào cả.

Giảng:

Người này không biết mình bị ma gá vào, lại còn cho mình đã được vô thượng niết-bàn

Đây là một trường hợp ma thường hay nói: “Mọi người là Phật.” Đó chỉ là một chiêu bài mà thiên ma thường dùng. Người này thật không biết bị ma gá vào. Anh ta hoàn toàn không có một ý niệm nào là anh ta bị ma vương gá vào, bởi vì anh ta đã trở nên mê muội, mất hết tri giác khi bị ma nhập. Ma nắm toàn bộ sự kiểm soát và trở thành phát thanh viên của người bị gá.

Nó tự bảo đã đạt được diệu quả vô thượng niết-bàn. Khi ma liền đến gặp người mong cầu biết được cội nguồn sự vật kia, mong tìm biết được toàn bộ hiểu biết các hiện tượng vật lý về vũ trụ. Nó trải tòa ngồi thuyết pháp. Thân nó (ma vương) có oai thần, nên hàng phục được người cầu pháp, người tham cầu nguồn gốc vũ trụ vạn vật. Khiến cho thính chúng tự nhiên kính phục dù chưa nghe pháp. Tâm họ đã bị hàng phục rồi và rất kính trọng.

Nó nói bồ-đề, niết-bàn, pháp thân của Phật đều là thân xác thịt hiện tiền của ma. Nó nói: “Bồ-đề niết-bàn là gì? Nó ở ngay đây, nơi xác thân thịt của ta.”

Nó nói cha con cùng sinh ra nhau từ đời này đến đời khác chính là pháp thân thường trụ không mất.

Cha sinh ra con, con lớn lên trở thành cha rồi trở lại sinh con. Sự tương tục của những thế hệ là thường hằng, là pháp thân thường trụ bất diệt. Những gì ông thấy được bây giờ chính là cõi Phật. Nơi đây bây giờ chính là cõi Phật. Chẳng có cõi Tịnh cư riêng biệt nào khác và cũng chẳng có thân tướng sắc vàng nào cả.

Chẳng có cõi tịnh độ nào để cư trú, hoặc thân sắc vàng nào khác, những thứ đó đều là giả dối. Từ lời nói, biết rõ đó là đặc trưng của ma, và đặc trưng của quý. Tôi thường dùng từ ma khí để nói về ma. Đây là những gì gọi là ma khí, là năng lực tiềm tàng của ma do ma gá vào nó, nên mọi người đều tiếp nhận những gì ma đã giảng nói.

Kinh văn:

其人信受亡¹失先心，身命歸依得未曾有，是等愚迷惑為菩薩。推究其心，破佛律儀，潛行貪欲。

Kì nhân tín thọ, vong thất tiên tâm, thân mạng quy y, đắc vị tàng hữu. Thị đẳng ngu mê hoặc vi bồ-tát. Suy cứu kì tâm, phá Phật luật nghi, tiềm hành tham dục.

Việt dịch:

Người ấy tin vào những điều ma nói, bỏ mất tín tâm ban đầu, đem hết thân mạng mình quy y với ma, cảm thấy được việc chưa từng có. Ngu mê tự cho mình là bồ-tát. Theo đuổi ảo tưởng như vậy, nên phá hủy luật nghi của Phật chế, lén lút làm việc tham dục.

Giải:

Người ấy tin vào những điều ma nói, bỏ mất tín tâm ban đầu.

Khi nghe ma nói những điều như vậy, hành giả nghĩ rằng: “Nói quá đúng, cha sinh con, con lớn lên làm cha, trở lại sinh ra con, thế hệ này tiếp nối thế hệ khác. Đó là pháp thân thường trụ bất diệt, xưa nay vốn như vậy.” Hành giả hoàn toàn tin điều ấy.

Bỏ mất tín tâm ban đầu, hành giả quên mất chánh tri kiến. Hành giả tin vào ma mạnh hơn tin vào chánh

¹ Bản VPTT chép 亡. Bản Taishō chép 忘. Bản Tổng, Nguyên, Minh chép chữ 亡.

pháp. Khi thiên ma và ngoại đạo bảo anh ta phải làm những gì, anh ta không dám trái lời. Khi một vị đạo sư chân chính dạy anh ta làm việc tốt lành thì anh ta hoang mang giữa nghi ngờ và tin tưởng. Ma vương quấy nhiễu anh ta bằng năng lực tiềm tàng của ma, cho nên anh ta tin vào bất kỳ những gì ma nói.

Nếu các ông yêu cầu ma vương giảng kinh này (Kinh Thủ-lăng-nghiêm), nó sẽ không giảng được. Vì sao, vì ngay khi nó nói thì căn tướng của nó liền hiển lộ. Đó là lý do tại sao tôi nói ở Mỹ quốc, nếu các ông yêu cầu người nào tự tuyên bố mình tinh thông Phật học giảng nói bộ kinh này, thì họ sẽ không giám giảng. Họ sợ bị lộ hình tướng.

Đem hết thân mạng quy y với ma, cảm thấy như được việc chưa từng có. Hành giả ngu mê, tự cho mình là bồ-tát. Anh ta thật là đáng thương xót, anh ta nghĩ rằng ma chính là bồ-tát, theo đuôi ảo tưởng như vậy, nên anh ta thọ giáo với ma và học các pháp thuật. Anh ta không còn giữ giới luật nữa, thay vì vậy, anh ta phá hủy luật nghi Phật chế, lén lút làm chuyện dâm dục. Nó bí mật buông thả trong dục lạc mà không ai biết.

Kinh văn:

口中好言眼耳鼻舌，皆為淨土；男女二根，即是菩提涅槃真處。彼無知者，信是穢言。

Khẩu trung hảo ngôn nhãn nhĩ nhĩ tử thiệt, giai vi tịnh

độ. Nam nữ nhị căn, tức thị bồ-đề niết-bàn chân xú. Bỉ vô tri giả, tín thị uế ngôn.

Viết dịch:

Ma thường ưa nói: mắt, tai, mũi, lưỡi đều là tịnh độ; nam căn, nữ căn, đích thật là bồ-đề, niết-bàn. Bọn người vô tri kia đều tin lời nói dơ bản ấy.

Giảng:

Loại ma vương này thật là tệ hại! Ma thường ưa nói: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều là tịnh độ, các ông chẳng cần phải tìm pháp môn tịnh độ. Ở nơi nào khác. Nó bảo mọi người: “Pháp môn ấy ngay nơi sáu căn của mình.” Nó cũng nói nam căn, nữ căn, đích thật là bồ-đề, niết-bàn, là hạt giống bồ-đề, là chón bồ-đề, niết-bàn chân thật. Quý vị có tưởng tượng nổi những lời ấy chẳng?

Bọn người vô tri kia đều tin lời nói dơ bản ấy. Những người thiếu tri thức, thiếu trí huệ nghe vậy nói rằng: “Ồ! Trước đây ta chưa từng nghe hoặc thấy chuyện gì giống như vậy, bồ-đề, niết-bàn chỉ là như thế.”

Với sự coi thường toàn bộ cuộc đời của mình, họ xem việc phóng chạy trên con đường đưa đến cõi chết là việc đáng làm nhất trên đời, vì họ đã tin vào lời nói dơ bản ô uế ấy.

Kinh văn:

此名蠱毒，魘勝惡鬼，年老成魔，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師，俱陷王難。

Thử danh cổ độc, yểm thẳng ác quỷ, niên lão thành ma, nảo loạn thị nhân. Yểm túc tâm sanh, khí bị nhân thế. Đệ tử dĩ sư, câu hãm vương nạn.

Việt dịch:

Đây là giống quỷ *cổ độc* và quỷ *ác thẳng*, tuổi già thành ma, quấy rối người tu hành. Đến khi nhàm chán, nó rời khỏi thân người đã gá vào. Khi ấy cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật.

Giảng:

Đây là giống quỷ *cổ độc* và quỷ *ác thẳng*, còn được gọi là quỷ cru-bàn-trà,¹ tuổi già thành ma. Nó khuấy phá người tu hành, người tu tập chánh định. Nhưng đến khi nhàm chán rồi, nó rời khỏi thân người đã gá vào, nó không gá vào thân người nữa. Nên đệ tử và thầy đều rơi vào lưới pháp luật. Họ bị chính quyền can thiệp, hạn chế sinh hoạt, cả thầy và trò bị bắt giữ và tống giam vào tù.

Kinh văn:

汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知墮無
間獄

Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục

¹ Cru-bàn-trà 鳩槃荼 (Kumbhāṇḍa). Hán dịch: *ứng hình quỷ* 甕形鬼, loại quỷ này có bộ phận sinh dục như cái hũ.

Còn có các phiên âm: 究槃荼, 恭畔荼, 拘槃荼, 俱槃荼, 吉槃荼.

Việt dịch:

Các ông nên giác ngộ sớm để khỏi bị luân hồi.
 Nếu mê lầm không biết, sẽ rơi vào địa ngục vô gián.

Giảng:

Các ông nên giác ngộ sớm để khỏi bị luân hồi.
 Nếu mê lầm không biết, sẽ rơi vào địa ngục vô gián.

Các ông nên sớm tỉnh giác, để khỏi rơi vào luân hồi. Đừng rơi vào cám dỗ của ma vương. Nếu ông mê lầm không biết chắc chắn sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

5. THAM CẦU SỰ THÂM CẢM**Kinh văn:**

又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明，三摩地中，心愛懸應，周流精研，貪求冥感。

Hựu thiện nam tử, thọ âm hư diệu. bất tao tà lự, niên định phát minh, tam-ma-địa trung, tâm ái huyền ứng, chu lưu tinh nghiên, tham cầu minh cảm.

Việt dịch:

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ âm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm ưa thích biết việc trước sau, soi xét cùng khắp, tham cầu sự thâm cảm.

Giảng:

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ âm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh.

Lại nữa, trong cảnh giới rộng suốt vi diệu sau khi

thọ ám tiêu dung, hành giả, người tu tập chánh định không còn tà lự nữa, an trú trong chánh định sáng suốt tròn đầy.

Lúc này hành giả không còn bị tà ma ngoại đạo nhiều hại được nữa. **Trong tam-ma-địa, tâm bỗng dung mong cầu được biết các việc trước sau, những việc huyền bí, xảy ra ở những nơi rất xa. Ví dụ như quý vị đang ở San Francisco và muốn biết những gì đang xảy ra ở New York. Nếu quý vị có khả năng biết được việc ấy, là quý vị đã đạt được cái gọi là “huyền ứng” (biết được các việc bí ẩn từ xa).**

Nên soi xét cùng khắp, tham cầu sự thâm cảm. Đồn hết tâm lực tinh ròng nghiên cứu, tham cầu sự thâm cảm.

Anh ta dồn hết sức nghiên cứu vào vấn đề huyền bí này, mong cầu có được sự cảm ứng huyền bí. Ví dụ ngay khi anh ta ngồi thiền ở San Francisco, anh ta có thể thấy rõ ràng những người bà con họ hàng và bạn bè đang làm việc ở New York, và nghe rõ ràng những gì họ đang nói chuyện. Sau đó anh ta khám phá ra những gì mình nghe được đều xảy ra rất chính xác vào thời gian ấy. Đó là loại *huyền ứng* mà anh ta muốn chứng đạt được.

Kinh văn:

爾時天魔，候得其便，飛精附人，口說經法。

Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc kì tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch:

Vào lúc đó thiên ma có được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần gá vào người khác, dùng miệng người bị gá giảng nói kinh pháp.

Giảng:

Vào lúc đó thiên ma có được cơ hội thuận tiện. Vào lúc ấy thiên ma để ý thấy được định lực của hành giả sắp được hoàn mãn, nó trở nên ganh tức. Có được cơ hội thuận tiện nó phải con cháu đến rình chờ sơ hở. Ngay khi nó thấy cơ hội, phóng tinh thần gá vào người khác, dùng miệng người bị gá giảng nói kinh pháp.

Kinh văn:

其人元不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求應善男子處敷座說法。能令聽眾，暫見其身，如百千歲。心生愛染，不能捨離。身為奴僕，四事供養，不覺疲勞。各各令其，座下人心，知是先師，本善知識，別生法愛，粘如膠漆，得未曾有。

Kì nhân nguyên bất giác tri ma trước, diệc ngôn tự đắc vô thượng niết-bàn. Lại bỉ cầu ứng thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp. Năng linh thỉnh chúng, tạm kiến kì thân, như bách thiên tuế. Tâm sanh ái nhiễm, bất năng xả li. Thân vi nô bộc, tứ sự cúng dường, bất

giác bì lao. Các các linh kì, tòa hạ nhân tâm, tri thị tiên sư, bốn thiện tri thức, biệt sanh pháp ái, niêm như giao tất, đắc vị tăng hữu.

Viết dịch:

Người ấy vốn không biết mình bị ma nhập, còn nói mình chứng vô thượng niết-bàn. Ma liền đến nơi người mong cầu huyền ứng kia, trải tòa thuyết pháp. Trong chốc lát, khiến cho thính chúng thấy mình hiện thân thành người già trăm ngàn tuổi. Họ sinh lòng ái nhiễm, không thể rời người ấy. Họ tự thân làm như nô bộc, đem cúng dường cho ma bốn thứ mà không hề mệt mỏi. Thính chúng ở dưới pháp tòa đều tin rằng người ấy là vị thầy trong đời trước của mình, phát khởi lòng riêng yêu mến pháp sư, dính chặt như keo sơn, như được điều chưa từng có.

Giảng:

Người ấy vốn không biết mình bị ma nhập, còn nói mình chứng vô thượng niết-bàn. Ma liền đến nơi người mong cầu huyền ứng kia, trải tòa thuyết pháp.

Hành giả, người đã bị ma gá vào, trong chốc lát, khiến cho thính chúng thấy mình hiện thân thành người già trăm ngàn tuổi.

Quý vị nên biết cái cảm quan ấy là nhất thời. Khi một người trong chúng hội thấy anh ta với đầu tóc bạc phơ của một ông lão trong thân xác một đứa trẻ con, họ sẽ nghĩ rằng đó là một người tu hành lão luyện, một lão tử-khuru.

Họ sinh lòng ái nhiễm, không thể rời người ấy. Lòng yêu mến không trong sáng này, sự vướng mắc và nhiễm ô, khi nó đã phát khởi thành tình yêu, liền có sự vẩn đục. Với sự nhiễm ô, liền đánh mất sự thanh tịnh.

Tất cả những người đến nghe ma giảng pháp đều muốn theo nó suốt đêm ngày. Vì sao vậy? Họ đã bị mê hoặc bởi sự thu hút của riêng chúng. **Họ tự thân làm như nô bộc, đem cúng dường cho nó bốn thứ không hề mệt mỏi.**

Bốn thứ cúng dường là: 1. Thức ăn uống, 2. Y phục, 3. Giường nằm và tọa cụ, 4. Thuốc men, y dược. Họ không bao giờ cảm thấy chán ngán, mệt mỏi khi cúng dường những vật này cho ma (23). Có người ngạc nhiên tự hỏi sao lại làm như vậy? Người chân chính tu hành, một đệ tử đích thực của Phật, sẽ không bao giờ thân cận và cúng dường như thế này. Đó chỉ là vì thiên ma có một sức thu hút, quyến rũ riêng khiến mọi người thích thân cận bên nó.

Thính chúng ở dưới pháp tòa tin rằng người ấy (ma) là vị thầy trong đời trước của mình. Nó gây nên tình trạng mập mờ đến nỗi mọi người tin rằng người bị ma nhập kia là thiện tri thức đời trước của họ. Họ nghĩ rằng: “Ông ấy là thầy tôi từ kiếp trước.”

Họ phát khởi lòng riêng yêu mến vị pháp sư của mình, dính chặt với vị ấy như keo sơn. Cảm thấy như được điều chưa từng có. Họ nghĩ rằng: Từ trước đến nay chưa từng được như vậy.

Kinh văn:

是人愚迷，惑為菩薩。親近其心，破佛律儀，潛行貪欲。

Thị nhân ngu mê, hoặc vi bồ-tát. Thân cận kì tâm phá Phật luật nghi, tiềm hành tham dục.

Việt dịch:

Hành giả mê lầm, cho rằng kẻ kia là bồ-tát. Bị cuốn hút vào tâm ma, phá hủy luật nghi của Phật chế, lén lút làm chuyện dâm dục.

Giảng:

Hành giả mê lầm, đến mức cực điểm, cho rằng kẻ kia là người có thể tự biến hóa được, nên ắt hẳn là một vị Phật hoặc là bồ-tát. Hồ ly tinh và các loại yêu ma quý quái khác đều có thể biến hóa được. Nhưng anh ta không thể suy nghĩ thấu đáo được rằng người biến hóa tài tình thì không nhất thiết người ấy là bồ-tát hoặc Phật. Ông đã từng gieo trồng những thiện căn gì không? Mà bây giờ mong gặp được chư Phật, chư Bồ-tát.

Bị cuốn hút vào tâm ma. Người ấy thân cận với người bị ma gá vào. **Phá hủy luật nghi của Phật chế.** Đây là điểm rất quan trọng. Làm thế nào để ta biết được người ấy là ma? Ta có thể nêu ra ngay là nó đã phá hủy giới luật Phật chế và lén lút làm chuyện dâm dục.

Kinh văn:

口中好言，我於前世，於某生中，先度某人，當時是我妻妾兄弟，今來相

度，與汝相隨，歸某世界，供養某佛。或言別有，大光明天，佛於中住，一切如來，所休居地。彼無知者，信是虛誑，遺失本心。

Khẩu trung hảo ngôn, ngã u tiên thế, u mô sanh trung, tiên độ mô nhân, đương thời thị ngã, thế thiếp huynh đệ, kim lai tương độ, dĩ như tương tùy, quy mô thế giới, cúng dường mô Phật. Hoặc ngôn biệt hữu, đại quang minh thiên, Phật u trung trụ, nhất thiết Như Lai, sở hưu cư địa. Bĩ vô tri giả, tín thị hư cuồng, di thất bản tâm.

Việt dịch:

Ma thích nói rằng: “Ta vào kiếp trước đã độ người kia, lúc đó là vợ, hoặc là huynh đệ của ta, nên nay lại đến để độ nhau, ta sẽ cùng các người theo nhau đến cảnh giới kia để cúng dường Đức Phật họ.” Hoặc nó nói: “Có cõi trời Đại Quang Minh, nơi đức Phật và các đức Như Lai đang nghỉ ngơi.” Những người mê muội tin vào lời phỉnh gạt ấy, đánh mất bản tâm.

Giảng:

Bất kỳ lúc nào nó gặp được người, ma thích nói rằng: “Ta vào kiếp trước đã độ người kia, lúc đó là vợ, hoặc là huynh đệ của ta, nên nay lại đến để độ nhau

Giống như chuyện của Lưu Kim Đồng mà tôi đã kể trước đây. Cô ta thường nói với nạn nhân của cô ta rằng:

Họ đã từng là con của cô ta từ đời trước và là chồng của cô ta ở một kiếp khác trong quá khứ. Nay người ấy lại nói:

“Từ kiếp trước vào đời nọ: Đôi khi vào đời thứ một trăm lẻ một hay một trăm lẻ hai nào đó.

Ta đã độ người kia, lúc đó là vợ hoặc là huynh đệ của ta. Cứ nói như thế. Nay ta đến để độ nhau, ta sẽ cùng các người theo nhau không tách rời. **Ta sẽ cùng các người theo nhau đến cõi giới kia để cúng dường Đức Phật nọ.**

Hoặc nó nói: “**Có cõi trời Đại Quang Minh, chúng ta sẽ đến đó.**” Thực ra cõi trời mà nó đề cập đến là nơi ma vương đang cư ngụ. Nó nói: **Đó là nơi nơi đức Phật và các đức Như Lai đang nghỉ ngơi.** Đó là nơi Đức Phật đời này, tất cả chư Phật hiện đời mà ông đang tin kính đều là giả, và các đức Như Lai đang nghỉ ngơi trong đó. Khi chư Phật đã mệt mỏi vì việc giáo hóa chúng sanh ở thế gian, thì họ trở về cõi trời Đại Quang Minh để nghỉ ngơi.”

Khi những người mê muội tin vào lời phỉnh gạt ấy, kết quả là họ đánh mất bản tâm, tín tâm ban đầu của mình.

Kinh văn:

此名厲鬼，年老成魔，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師俱陷王難。

Thử danh lệ quỷ, niên lão thành ma, nảo loạn thị nhân. Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể. Đệ tử dữ sư câu hãm vương nạn.

Việt dịch:

Đây là loại *lệ quỷ*, tuổi già thành ma, khuấy rối người tu hành. Đến khi nhàm chán, không gá thân vào người kia nữa. Cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật.

Giảng:

Đây là một loại *lệ quỷ*, sau hơn ba ngàn đến năm ngàn năm, tuổi già hóa thành ma. Nó khuấy rối, *nhĩều loạn* người tu hành, nỗ lực phá hủy định lực của người tu. Nhưng sau một thời gian, khi nó đã giờ hết tất cả các trò chơi lừa phỉnh rồi, và các món chơi không có gì mới nữa. Nó đã **nhàm chán**, không gá thân vào người kia nữa. Khi ấy cả thầy trò đều rơi vào lưới pháp luật.

Một khi thiên ma rời khỏi xác thân người ấy. Nó không còn ma lực thu hút hấp dẫn nữa, thế nên mọi người bắt đầu nghi ngờ về nó. Cuối cùng nó bị thừa kiện và tống giam.

Kinh văn:

汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch:

Các ông nên rõ biết trước, để khỏi rơi vào luân hồi. Nếu mê làm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng:

Các ông nên biết rõ trước những việc này, các ông nên sớm giác ngộ đạo lý này để khỏi rơi vào vòng luân hồi, đừng rơi vào lưới cám dỗ của ma. Đừng rơi vào vòng luân hồi sinh tử của ma vương. Nếu mê lầm không biết đạo lý này, sẽ đọa vào địa ngục vô gián chắc chắn.

6. THAM CẦU TĨNH LẶNG**Kinh văn:**

又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明。三摩地中，心愛深入，尅己辛勤，樂處陰寂，貪求靜謐。

Hựu thiện nam tử, thọ âm hư diệu, bất tao tà lự, viên định phát minh. Tam-ma-địa trung, tâm ái thâm nhập, khắc kỉ tân cần, nhạo xú âm tịch, tham cầu tĩnh mật.

Việt dịch:

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ âm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm thích đi vào sự tĩnh cần khắc khổ, thích sống nơi vắng vẻ, tham cầu yên lặng.

Giảng:

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ âm đã hư diệu, không mắc các tà lự,

¹ Bản VPTT chép 尅. Bản Taishō chép 克. Bản Tống, Nguyên, Minh chép chữ 尅.

Lại nữa, trong cảnh giới vi diệu rộng suốt sau khi thọ âm tiêu dung, hành giả người tu tập chánh định không còn tà lự nữa, **tính viên định phát minh**, an trụ trong định sáng suốt tròn đầy. Trong tam-ma-địa, tâm phát khởi tham muốn ưa **thích đi sâu vào công phu tinh cần khắc khổ, thích sống nơi vắng vẻ**.

Hành giả tự kiểm chế mình rất chặt chẽ và đặt hết sức lực vào công phu tu tập. Thích sống nơi có nhiều âm khí, ít ánh sáng mặt trời, anh ta ưa thích những nơi ít người, như hang động hay núi sâu hoặc thung lũng hẻo lánh, anh ta chọn một nơi để sống ẩn dật. Do vì anh ta **quá ham sự tĩnh lặng**, nên ma vương liền đến.

Trong công phu tu tập, không nên quá tham cầu. Đừng nên mong cầu việc tốt, cũng đừng tham việc chẳng lành, *Bình thường tâm thị đạo*. Chủ yếu là giữ cho tâm được bình thường, đừng có móng khởi một tâm niệm nào cả. Bất luận quý vị tham cầu việc gì, đều là chẳng phải.

Kinh văn:

爾時天魔，候得其便，飛精附人，口說經法。

Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc kì tiện. Phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Khi ấy thiên ma có được cơ hội, phóng tinh thần gá vào người khác, dùng miệng người đó giảng nói kinh pháp.

Giảng:

Trạng thái này cũng giống như trường hợp trước. **Khi ấy thiên ma có được cơ hội, khi thời cơ thuận tiện đến. Liền phóng tinh thần gá vào thân người khác, và dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp.** Ma sai khiến đồ đệ của nó gá vào một người khác, rồi khiến người đó đến nơi hành giả đang móng tâm tham cầu để giảng nói kinh pháp.

Kinh văn:

其人本不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求陰善男子處，敷座說法。令其聽人，各知本業。或於其處語一人言。汝今未死，已作畜生。勅使一人，於後踏尾，頓令其人，起不能得。於是一眾，傾心欽伏。有人起心，已知其肇。佛律儀外，重加精苦，誹謗比丘，罵詈徒眾，訐露人事，不避譏嫌。口中好言，未然禍福，及至其時，毫髮無失。

Kì nhân bốn bát giác tri ma trước, diệt ngôn tự đắc vô thượng niết-bàn. Lại bị cầu âm thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp. Linh kì thánh nhân, các tri bản nghiệp. Hoặc ư kì xứ, ngữ nhất nhân ngôn. Nhữ kim vị tử, dĩ tác súc sanh. Sắc sử nhất nhân, ư hậu đạp vĩ, đốn linh kì nhân, khởi bát năng đắc. Ư thị nhất chúng,

khuyh tâm khâm phục. Hữu nhân khởi tâm, dĩ tri kì triệu. Phật luật nghi ngoại, trùng gia tinh khổ. Phỉ báng tỷ-khuru, mạ li đồ chúng, kiết lộ nhân sự, bất tị cơ hiềm. Khẩu trung hảo ngôn, vị nhiên họa phúc, cập chí kì thời, hào bị vô thất.

Việt dịch:

Người này vốn không biết mình bị ma gá vào, còn tự tuyên bố mình đã chứng vô thượng niết-bàn. Nó đến bên hành giả tham câu tịch tịnh, trải tòa ngồi thuyết pháp. Nó khiến mọi người nghe đều biết rõ nghiệp đời trước của mình. Hoặc nó bảo với một người ở đó rằng “Ông nay chưa chết mà đã làm súc sanh.” Rồi bảo người ở phía sau đập lên *đuôi* người phía trước, bỗng nhiên người kia không đứng dậy được. Lúc bấy giờ cả hội chúng đều hết lòng kính phục. Nếu có người móng khởi tâm niệm nghi ngờ, ma liền biết ý. Ngoài luật nghi của Phật, nó tinh chuyên khổ hạnh, phỉ báng tỷ-khuru, mắng chửi đồ chúng, rao lời người khác, không ngại chê bai tị hiềm. Miệng ưa nói họa phúc chưa đến, khi việc xảy ra, quả nhiên chẳng sai mảy may.

Giảng:

Người này vốn không biết mình bị ma gá vào. Anh ta tự tuyên bố như ma vương nói, là mình đã chứng vô thượng niết-bàn.

Lấy cái gì làm bằng chứng để xét đoán người nào là ma vương? Ở điểm hầu như phần nhiều là ma rất thích tự khen ngợi mình.

Nó nói “Các ông có biết chăng? Ta vừa chứng được niết-bàn..” Hay có thể nó nói: “Ta vừa chứng được quả vị đầu tiên của hàng A-la-hán.” Hay là: “Ta đã được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán rồi.” Hoặc ta nay đã thành một vị bồ-tát, các ông có nhận ra không?”

Ngay khi một người nào tự tuyên bố như vậy, các ông không cần phải hỏi cũng đã biết người ấy là ma rồi. Đức Phật không bao giờ nói:

“Ta là Phật, hãy nhanh chóng đến đánh lễ ta. Nếu các ông không lạy ta, là các ông đã bỏ lỡ một dịp may, vì ta đã là Phật, nên các ông thật đần độn khi không lạy ta.”

Bất kỳ kẻ nào tự tuyên bố mình là Phật, là Bồ-tát, là A-la-hán, thì người ấy là ma chứ chẳng phải là gì khác. Quý vị có thể nhận biết ngay, chẳng cần phải hỏi han gì cả. Đó là lời của ma. Một Đức Phật không bao giờ tự cho mình là Phật. Một vị bồ-tát hiện thân nơi thế gian không bao giờ tự xưng mình là bồ-tát. Ngay cả khi có người nào tôn xưng họ là bồ-tát, họ cũng không thừa nhận điều ấy.

Ngay cả khi nếu người ấy là Phật và có người bảo: “Tôi biết ngài là Phật.” Họ cũng không công nhận điều ấy. Người đã thật sự giác ngộ không bao giờ thừa nhận với người khác việc mình đã giác ngộ. Nếu có người nói “Tôi là người giác ngộ” thì đừng có bận tâm với người ấy, người ấy không xứng đáng so sánh ngay cả một con vật. Đừng có nghe lời khoác lác và tự đề cao mình như thế.

Nghe giảng kinh là để tự trang bị cho mình một cái kính chiếu yêu. Nên một khi yêu, ma, quỷ quái hiện hình, các ông liền biết rõ ngay về nó. Còn nếu các ông không hiểu rõ Phật pháp, thì sẽ không biết được những gì nó nói, nên liền bị nó đánh lừa.

Nó đến bên hành giả tham cầu tịch tịnh, trải tòa ngồi thuyết pháp.

Khi anh ta (người đã bị ma gá) đến bên hành giả tham cầu tịch tịnh, nó trải tòa thuyết pháp. (24), (25). **Nó khiến cho mọi người nghe đều biết rõ nghiệp đời trước của mình.**

Mọi người đều có cảm giác biết rõ được mình như trong giấc mơ, mình là gì, là ai trong đời trước. Có người nói: “Trong một kiếp xa xưa, tôi là con chó giữ nhà.” Có người nói: “Tôi là con mèo.” Có người khác nói: “Tôi là một con gà.” Người khác nữa lại nói: “Đời trước tôi là một con bò.” Chẳng có ai là người cá.

Hoặc nó (ma vương) bảo với một người ở đó rằng: “Ông nay tuy chưa chết, mà đã làm súc sanh.” Nó muốn nói điều gì? Điều ấy là: “Ông đã là chó trong kiếp trước, nay dù ông chưa chết ông cũng hóa thành chó lại rồi. Ông không tin tôi sao?” **Rồi bảo một người khác ở phía sau đập lên đuôi người phía trước.** Nó bảo với mọi người: “Ông ấy không tin những gì tôi nói. Hãy ra sau lưng nó và dẫm lên cái đuôi của nó xem thử nó đứng dậy được không?”

Rồi nó đập mạnh chân lên mặt đất và nói nó đang đập lên đuôi của người phía trước. **Bỗng nhiên người**

kia không đứng dậy được. Chắc hẳn các ông sẽ cho rằng người ấy có thần thông thật rồi. Sau khi ma nói người kia có *đuôi*, rồi bảo người khác dẫm lên, người kia không đứng dậy được. Người ấy không còn cách nào khác hơn là phải tin vào nó. “Ông ta bảo tôi là súc vật, bây giờ thật sự tôi đã có một cái đuôi, nếu không tại sao có người dẫm lên sau đuôi thì tôi không thể nào đứng dậy được.”

Lúc bấy giờ, cả chúng hội đều hết lòng kính phục.

“Thật là thần diệu!” Họ nói: “Ông ta biết trước người ấy sẽ hóa thành súc vật ngay khi còn sống. Ông ta chắc phải là một vị Phật hay bồ-tát sống.” Thật ra họ đã bị ma lừa bịp mà không nhận ra điều ấy. Họ gặp quý hay ma vương mà nhận lầm là bồ-tát. Đó thật là các điên đảo của chúng sanh.

Nếu có người móng khởi tâm niệm nghi ngờ, ma liền biết ý.

Trong chúng hội nếu có người hoài nghi, nghĩ rằng: “Sao lại như thế được? Thật là không hợp lý.” Ngay khi móng khởi tâm niệm nghi ngờ, ma liền biết và trả lời: “Thế là các ông không tin ta hay sao?” Những người này nhìn lại nó một lát rồi nói: “Ồ! Ông ta thật sự là một vị bồ-tát. Tôi không nói ra những gì tôi nghĩ trong tâm vậy mà ông ta biết rất rõ, ông ta đã bóc trần ra mọi nghi ngờ của tôi. Thật là kỳ lạ.” Từ đó anh ta không dám tỏ ra bất tín nữa.

Ngoài luật nghi của Phật, nó tinh chuyên khổ hạnh,

Nó nói: “Luật nghi của Phật chưa đủ đối với tôi, tôi sẽ lập nên một giới luật mới cho các ông. Tôi muốn các ông trở thành những vị Phật mới, và ta sẽ sáng lập ra một đạo Phật mới. Đạo Phật hiện nay đã quá lỗi thời và không còn thích hợp nữa. Bây giờ là kỷ nguyên của khoa học, kỷ nguyên hạt nhân, mọi việc đều phải được hiện đại hóa và phải được cải thiện. Lối suy nghĩ xưa kia không còn ích lợi nữa. Phật giáo cổ xưa ấy không còn ứng dụng gì được nữa.”

Đó là cách nó biến đổi đạo Phật. Nó nói rằng mọi người đều có thể biến thành các bậc tôn túc hoặc là các vị tử-khuru, hay thành bất kỳ ai mà họ muốn.

Nó **phỉ báng tử-khuru**.

Nó nói rằng: Tử-khuru à! Tử-khuru là gì? Nó đùa bỡn danh xưng ấy. Nó nói: “Ông gọi người ấy là tử-khuru hả? Tôi gọi đó là con cá trạnh – tiếng Trung Hoa, chữ tử-khuru và *nê thu* 泥 鯪 (cá trạnh) có âm cuối đọc giống nhau. (26)

Nó **mắng chửi đồ chúng, rao lỗi người khác**,

Nó mạ lỵ mắng nhiếc đồ chúng của nó bất kỳ lúc nào nó thích. Nó mắng họ rằng: “Các ông là chó, là mèo, các ông là heo, là thỏ...” Đồ chúng nghe nó mắng nhiếc, chấp nhận những lời sỉ vả ấy vì nghĩ rằng đó là bô-tát. “Ông ấy bảo ta là heo, vậy thì ta là heo cũng được, ông ta bảo mình là chó, thì ta là chó cũng vậy.” Họ không dám cãi lại. Ma vương có một năng lực dữ dội làm mê hoặc mọi người, khiến mọi người đều tin vào những gì nó nói.

Nó rao lỗi người khác. Thí dụ một người nam và một người nữ có làm điều gì thiếu lịch sự chút ít, nó liền nói với người phụ nữ: “Cô đã làm việc ấy với người đàn ông ấy ở chỗ ấy.” Người phụ nữ liền tự nghĩ: “Làm sao ông ta lại biết được.” Hoặc là nó rao lỗi trước công chúng: “Ở đây có hai kẻ bất hảo, họ đã làm những việc thiếu đốn chính, những việc nói ra thật bất tiện, tại nơi đó nơi kia vậy. Hãy hỏi cô ta về việc ấy, cô ta sẽ không dám chối đâu!” Nó muốn đưa ra điều mà thực sự họ đã làm, nên họ không dám chối. Nó làm thế để chứng tỏ cho mọi người biết rằng: Nó có thần thông, nó biết cả mọi việc sắp sửa xảy ra. Nó phơi bày lỗi lầm riêng tư của người khác mà **chẳng ngại cách chê bai hay ty hiềm**. Nó tiết lộ từng bí mật của cá nhân mà không sợ bị họ khinh bỉ.

Miệng ưa nói họa phước chưa đến, khi việc xảy ra, quả nhiên chẳng sai mấy may.

Nó ưa tiên đoán việc họa phước. Nó thích nói những chuyện như: “Ông nên thận trọng, ngày mai là một ngày xấu cho ông, có người muốn đầu độc ông, ông phải xem kỹ thức ăn, nếu không sẽ bị chết vì thuốc độc.”

Nó ưa nói trước cả việc tốt và việc xấu. Khi việc ấy xảy ra, quả nhiên chẳng sai mấy may. Khi sự việc xảy ra, tỏ bày chính xác những gì nó đã tiên đoán. Đó là lý do vì sao mà mọi người đều tin vào nó. Loại ma vương như thế khiến người ta dễ tin hơn cả một vị bồ-tát.

Kinh văn:

此大力鬼，年老成魔，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師，俱¹陷王難。汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

Thử đại lực quỷ, niên lão thành ma, nảo loạn thị nhân. Yếm túc tâm sanh, khứ bĩ nhân thể. Đệ tử dữ sư, đa hãm vương nạn. Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch:

Đây là loại đại lực quỷ, loài ma sống lâu mà thành, quấy rối người tu hành. Khi nó đã nhàm chán, liền rời khỏi thân người nó đã gá vào. Khi ấy cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật. Các ông nên rõ biết trước những việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu mê làm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giải:

Đây là loại đại lực quỷ, là loài ma sống lâu mà thành. Ma hóa thành quỷ khi về già. Cũng giống như những người không tu tập, gieo trồng nhân đức thì đến tuổi già sẽ trở thành tinh quái. Như tôi thường hay nói

¹ Bản VPTT chép 俱. Bản Taishō chép 多. Bản Tống, Nguyên, Minh chép chữ 俱.

với quý vị. Người Trung Hoa có câu: “Già mà không chết thì thành giặc –*Lão nhi bất tử thị vi tặc...*”

Khi người sống lâu và trải qua nhiều kinh nghiệm, họ thường làm nhiều chuyện kỳ quái. Cũng thế làm ma lâu năm thì thành quý.

Nó khuấy rối người tu hành. Nó ghen tức với công phu tu tập của người tu hành, ma thích phá hủy định lực của người tu.

Khi nó đã nhàm chán, liền rời khỏi thân người mà nó đã gá vào. Khi ấy cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật. Điều đó cũng tương tự như đọa vào địa ngục. Nên có lời nói:

*Mông đồng truyền mông đồng
Nhất truyền lưỡng bất đồng
Sư phụ hạ địa ngục
Đồ đệ vãng lý cùng.*

Tạm dịch:

*Kẻ ngu dạy người ngu
Học rồi càng mờ mịt
Thầy rơi vào địa ngục
Trò nói gót theo sau.*

Lời ấy cũng giống như đạo lý trong kinh, do không gặp được bậc minh sư, đệ tử cũng thuộc hạng độn căn, nên khi thấy thầy vào địa ngục thì mình cũng theo thầy vào đó luôn. Thầy thấy thế quay lại hỏi: “Ông đến đây làm gì?”

Đệ tử trả lời: “Con thấy thầy vào đây, dĩ nhiên là con phải theo thầy.”

Thầy bảo: “Ồ! Không nên. Đây không phải là nơi an ổn. Đáng lẽ ra ông không nên đến đây!

Đệ tử đáp lại:

- Nhưng thầy đã vào trước rồi! Làm sao con lại không theo thầy. Con đã thọ giáo với thầy, Thầy đi đâu con theo đó.

Thầy nghĩ: “A! Chính ta là người bị dọa vào địa ngục, mang theo luôn cả đệ tử của ta vào đây. Ta thực là có lỗi với ông. Rất tiếc!”

Các ông nên rõ biết trước những việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu mê lầm không biết, sẽ dọa vào địa ngục vô gián.

7. THAM CẦU HIỂU BIẾT TỨC MẠNG

Kinh văn:

又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明。三摩地中，心愛知見，勤苦研尋，貪求宿命。

Hựu thiện nam tử, thọ âm hư diệu, bất tao tà lự, viên định phát minh. Tam-ma-địa trung, tâm ái tri kiến, cần khổ nghiên tâm, tham cầu tức mạng.

Việt dịch:

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ âm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm thích được thêm nhiều hiểu biết, siêng năng khổ nhọc truy tìm, mong biết được đời sống trong kiếp trước.

Giảng:

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ám đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong cảnh giới vi diệu rỗng suốt, sau khi thọ ám tiêu dung, hành giả không còn tà lự nữa. An trụ trong định sáng suốt tròn đầy. Trong tam-ma-địa, tâm ưa thích được thêm nhiều sự hiểu biết.

Trong định, hành giả ham muốn hiểu biết thêm nhiều vấn đề, mong có được sự thông hiểu về đời sống trong những kiếp trước. Anh ta dùng hết nỗ lực để công phu, không sợ khó nhọc.

Nên siêng năng khổ nhọc truy tìm, mong biết được đời sống trong kiếp trước.

Kinh văn:

爾時天魔，候得其便，飛精附人口說經法。其人殊不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求知善男子處，敷座說法。

Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc cầu tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp. Kì nhân thù bất giác tri ma trước, diệc ngôn tự đắc vô thượng niết-bàn. Lai bỉ cầu tri thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp.

Việt dịch:

Khi ấy thiên ma có được cơ hội thuận tiện, liền phóng tinh thần gá vào thân người ấy và dùng miệng người đó giảng nói kinh pháp. Người này không biết mình bị ma gá vào, còn tự tuyên bố mình đã chứng

được vô thượng niết-bàn. Nó đến bên hành giả tham cầu hiểu biết, trải tòa ngồi thuyết pháp.

Giảng:

Khi ấy thiên ma có được cơ hội thuận tiện, liền phóng tinh thần gá vào thân người khác và dùng miệng người đó giảng nói kinh pháp. Người này không biết mình bị ma gá vào. Hoàn toàn không biết rằng thân xác mình đã bị ma chiếm đoạt sai khiến.

Tự tuyên bố mình đã chứng được vô thượng niết-bàn. Nó đến bên hành giả tham cầu hiểu biết, trải tòa ngồi thuyết pháp.

Kinh văn:

是人無端，於說法處，得大寶珠。其魔或時化為畜生，口銜其珠，及雜珍寶。簡策¹符牘，諸奇異物。先授彼人，後著其體。或誘聽人，藏於地下，有明月珠，照耀²其處。是諸聽者，得未曾有。多食藥草，不食嘉膳³。或時日食，一麻一麥，其形肥充，魔力持故。誹謗比丘，罵詈徒眾，不避譏嫌。

¹ Bản VPTT chép 策. Bản Taishō chép 策. Bản Minh chép chữ 冊.

² Bản VPTT chép 耀. Bản Taishō chép 耀. Bản Tổng, chép chữ 曜.

³ Bản VPTT chép 膳. Bản Taishō chép 膳. Bản Tổng, Nguyên, Minh chép chữ 饌.

Thị nhân vô đoan, u thuyết pháp xír, đắc đạì bảo châu. Kì ma hoặç thời, hóa vi súc sanh, khẩu hàm kì châu, cập tạp trôn bảo, giản sách phù đợc, chư kì dị vật. Tiên thụ bì nhân, trước kỳ thể. Hoặç dụ thính nhân, tàng u địa hạ. hữu minh nguyệt châu, chiếu diệu kỳ xír. Thị chư thính giả, đắc vị tàng hữu. Đa thực đượç thảo, bất xan gia thiện.

Hoặç thời nhật xan, nhất ma nhất mạch, kỳ hình phù sung, quý lực trì cố. Phi báng tỳ-khuru, mạ lệ đồ chúng, bất tị kì hiêm.

Việt dịch:

Trong pháp hội, người ấy bỗng đứng như đượç viên ngọc to lớn. Có khi ma hóa thành súc vật, miệng ngậm châu báu, thẻ tre bùa chú và những vật quái dị khác. Trước trên, đến trao cho người ấy rồi sau rồi mới gá vào thân họ.

Hoặç là ma mê hoặç người đến nghe pháp, bằng cách chôn một vật xuống đất rồi nói rằng: Có một hạt “minh châu” đang tỏa sáng ở nơi đó. Nên các người nghe đều cảm thấy mình đượç việc chưa từng có. Ma thường chỉ ăn các loại đượç thảo chứ không dùng thực phẩm có sẵn. Hoặç nó chỉ dùng ngày một hạt mè, một hạt lúa mạch mà vẫn thấy khỏe mạnh, là nhờ sự duy trì của ma lực. Nó phi báng các tỳ-khuru, mắng chửi đồ chúng, không ngại dùng cả lời chê bai tị hiêm.

Giảng:

Trong pháp hội, người ấy bỗng đứng như đượç

viên ngọc to lớn, đó có thể là kim cương hay là viên ngọc như ý.

Có khi ma hóa thành súc vật, miệng ngậm châu báu, thẻ tre bùa chú và những vật quái dị khác, nói rằng các vị bồ-tát có thể biến hóa thân mình thành mọi thứ. Miệng con vật mà ma đã hóa thân thành ngậm châu báu, thẻ tre bùa chú.

Thẻ tre (giản sách) là những vật để dùng cho việc ghi chép vào thời cổ đại. Chữ được viết trên một mặt, rồi người ta tách đôi thẻ tre ra, nên chữ hiện rõ ở trên bề mặt của mỗi thẻ tre. Khi cần dùng các thẻ tre này đã làm chứng từ, người ta đem ghép hai thẻ lại với nhau. Nếu trùng hợp thì thẻ tre ấy được xem như một chứng từ, nếu hai phần của thẻ tre đã được ghi chữ không trùng hợp, có nghĩa là không đáng tin.

Phù độc tức bùa chú, là thứ dùng để hàng phục, bắt giữ yêu ma quỷ quái và con vật mà ma hóa thân có thể mang những vật quái dị khác. Những thứ này đều kỳ dị, hiểm có và rất giá trị.

Trước trên, đến trao cho người ấy rồi sau rồi mới gá vào thân họ.

Hoặc là ma mê hoặc người đến nghe pháp, bằng cách chôn một vật xuống đất rồi nói rằng: **Có một hạt “minh châu” đang tỏa sáng ở nơi đó.**

Nó chôn hạt châu xuống đất rồi lừa bịp người đến nghe pháp. Nói rằng: “Ở dưới này có một viên minh châu, ánh sáng nó giống như mặt trăng phát ra ánh sáng nơi đây.”

Nên các người nghe đều cảm thấy mình được việc chưa từng có.

Họ thán phục: “Ồ! Người này đúng là chân thực. Ông ta không thể nào là ma được!”

Đích thị kẻ ấy là ma, mà họ cứ khẳng khẳng cho là không phải. Thương thay cho những người đến nghe nó giảng pháp.

Ma thường chỉ ăn các loại dược thảo chứ không dùng thực phẩm có sẵn.

Nó thường chỉ ăn các loại dược thảo, không dùng những thực phẩm thông thường. Nó không dùng những thức ăn ngon. Nó dùng nhân sâm và một số thuốc bổ.

Khi tôi ở Hồng Kông, có gặp một người nói rằng không bao giờ dùng những thức ăn thông thường. Anh ta làm xác đồng trung gian (*medium*) cho những người cầu sống lâu, cầu con trai, cầu tài lộc và những thức khác. Bất kỳ lúc nào anh ta ở nhà người khác, anh đều thông báo là không ăn những thực phẩm thông thường. Thế anh ta ăn gì? Anh ta ăn trái óc chó (*walnut* - trái hạnh đào). Trong quả óc chó có nhân, chứa rất nhiều chất dầu, rất bổ cho não, chỉ cần ăn chút ít cũng đủ cho cơ thể hoạt động rồi. Nếu thường ăn một bát cơm, thì chỉ ăn nửa bát quả óc chó là đủ rồi. Hoặc là nó cũng ăn nhân hạt thông. Nói tóm lại nó toàn ăn những thứ bổ dưỡng nhất.

Hoặc nó chỉ dùng ngày một hạt mè, một hạt lúa mạch mà vẫn thấy khỏe mạnh. Còn mập hơn heo nữa. Đó là nhờ sự duy trì của ma lực. (27)

Nó phỉ báng các tỷ-khuru và mắng chửi đồ chúng, không ngại dùng lời chê bai và tị hiềm.

Nó chuyên mạ ly những Hòa thượng, những người xuất gia. “Người xuất gia ư? Họ xuất gia để làm gì? Họ chẳng tu hành gì cả, người xuất gia không tham tiền hay sao? Với họ thì càng nhiều càng tốt!”

Hoặc nó nói: “Tại sao các ông lại tin vào các ông ấy? Họ cũng chỉ là người, rốt cục các ông thật là đồ khùng.”

Khi có người tin vào các vị tỷ-khuru, nó gọi họ là “đồ khùng” nó mắng chửi đồ chúng của nó là súc vật. Và những thứ đại loại tệt hại như thế, nó hoàn toàn không ngại dùng những lời vu cáo.

Kinh văn:

口中好言，他方寶藏，十方聖賢，潛匿之處。隨其後者，往往見有，奇異之人。

Khẩu trung hảo ngôn, tha phương bảo tạng, thập phương thánh hiền, tiềm nặc chi xứ. Tùy kỳ hậu giả, vãng vãng kiến hữu, kì dị chi nhân.

Việt dịch:

Nó ưa nói về kho báu ở nơi xa lạ, hoặc nơi ẩn cư của các bậc Thánh hiền. Những người đi theo nó thường thấy những nhân vật kỳ lạ.

Giải:

Nó ưa nói về kho báu ở nơi xứ lạ. Nó thích nói về những chuyện gì? Nó nói: “Ở nơi đó, nơi kia có vàng, bạc và những loại châu báu, ông có muốn lấy

không?” Nó tung lời đồn đãi như vậy để mê hoặc mọi người, hoặc nó thích nói nơi ẩn cư của mười phương các vị Thánh hiền. Nó nói với mọi người: “Có chư Phật và Bồ-tát đang tu hành ở nơi ấy mà ông hoàn toàn không biết được.”

Những người đi theo nó thường thấy những nhân vật kỳ lạ, nó có thể làm phát ra ánh sáng hoặc hiển bày những đặc điểm rất kỳ lạ.

Kinh văn:

此名山林，土地城隍，川嶽鬼神，年老成魔。或有宣淫，破佛戒律。與承事者，潛行五欲，或有精進，純食草木，無定行事，惱亂是¹人。厭足心生，去彼人體。弟子與師多陷王難。

Thử danh sơn lâm, thổ địa thành hoàng, xuyên nhạc quỷ thần, niên lão thành ma. Hoặc hữu tuyên dâm, phá Phật giới luật, dữ thừa sự giả, tiếm hành ngũ dục; hoặc hữu tinh tiến, thuần thực thảo mộc, vô định hành sự, nảo loạn bỉ nhân. Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể. Đệ tử dữ sư, đa hãm vương nạn.

Việt dịch:

Đây gọi là một loại ma, hoặc thần núi rừng, thổ địa, thành hoàng, sông núi, tuổi già thành quỷ.

¹ Bản VPTT chép 是. Bản Taishō chép 彼. Bản Tống, Nguyên, Minh chép chữ 是.

Người bị ma gá vào, tán thành việc dâm dục, phá hủy giới luật Phật chế. Nó lén lút hành dâm với đệ tử, hoặc nó lại tinh tấn ăn toàn thảo mộc, hành xử thất thường, quấy rối người tu hành. Đến khi chán rồi, không gá vào người nữa. Cả đệ tử và thầy đều rơi vào lưới pháp luật.

Giải:

Đây là loại sinh vật gì? Đây là một loại ma, hoặc thần núi rừng, thổ địa, thành hoàng sông núi, tuổi già sau một thời gian dài thành quý. Người bị ma gá tán thành việc dâm dục, phá hủy giới luật Phật chế. Niệm tưởng dâm dục khiến nó phá hủy giới luật. Nó lén lút hành dâm với đệ tử, những người cùng thích năm thứ dục lạc: tài, sắc, danh, thực, thù.

Hoặc nó lại tinh tấn ăn toàn thảo mộc, hành xử thất thường. Nó không ngồi thiền hay công phu tu tập gì cả, nó chỉ theo lối tu khổ hạnh vô ích thôi.

Khuấy rối người tu hành, khiến cho họ không thể tu đạo được nữa.

Nhưng sau một thời gian khi chán rồi, nó không gá vào người nữa, cả thầy và trò đều rơi vào lưới pháp luật.

Kinh văn:

汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知墮無間獄。

Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch:

Các ông nên biết rõ trước việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu các ông mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng:

Các ông nên biết rõ việc này, để khỏi rơi vào luân hồi.

Tỉnh giác sớm trước tình trạng này để khỏi rơi vào bẫy của ma. Đừng rơi vào lưới luân hồi sinh tử của ma giăng ra.

Nếu các ông mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

8. THAM CẦU CÓ THẦN LỰC

Kinh văn:

又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明三摩地中。心愛神通，種種變化。研究化元，貪取神力。

Hưu thiện nam tử, thọ âm hư diệu, bất tao tà lự, viên định phát minh. Tam-ma-địa trung, tâm ái thần thông, chủng chủng biến hóa. Nghiên cứu hóa nguyên, tham thủ thần lực.

Việt dịch:

Lại nữa thiện nam tử kia, thọ âm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm thích thần thông và các loại biến hóa, nên nghiên cứu căn nguyên các phép ấy, tham cầu có thần lực.

Giảng:

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệt, trong cảnh giới vi diệu, rốt suốt sau khi thọ ấm tiêu dung, không mắc các tà lục, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm thích thần thông. Anh ta có một vọng tưởng khác. Nhất định muốn có được thần thông và các khả năng biến hóa, để có thể thi thố mười tám loại biến hóa trong không trung. Anh ta muốn trên thân bắn ra nước, dưới thân phóng ra lửa dưới thân phóng ra nước, trên thân phóng ra lửa. Anh ta nóng lòng được như các vị a-la-hán để có thể thi triển mười tám món thần thông này lơ lửng trên không.

Nên nghiên cứu căn nguyên các phép ấy, nghiên cứu nguồn gốc căn bản của các phép biến hóa, tham cầu có thần lực.(28)

Kinh văn:

爾時天魔，候得其便，飛精附人，口說經法。

Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc kì tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch:

Lúc ấy thiên ma có được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần đến gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp.

Giảng:

Lúc ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần đến gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp.

Thiên ma đã từ lâu chờ cơ hội thuận tiện, liền phóng tinh thần của nó gá vào người khác, rồi sai sử người ấy giảng Kinh pháp.

Kinh văn:

其人誠不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求通善男子處，敷座說法。是人或復，手執火光，手撮其光，分於所聽，四眾頭上，是諸聽人頂上火光皆長數尺，亦無熱性，曾不焚燒。或水上¹行，如履平地。或於空中，安坐不動。或入瓶內，或處囊中。越牖透垣，曾無障礙。唯於刀兵，不得自在。自言是佛，身著白衣，受比丘禮。誹謗禪律，罵詈徒眾，訐露人事，不避譏嫌。

Kì nhân thành bất giác tri ma trước. Diệc ngôn tự đắc vô thượng niết-bàn. Lai bỉ cầu thông thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp. Thị nhân hoặc phục, thủ chấp hỏa quang, thủ toát kì quang, phân ư sở thính, tứ chúng đầu thượng, thị chư thính nhân, đĩnh thượng hỏa quang, giai trường sở xích, diệc vô nhiệt tánh, tăng bất phần thiêu. Hoặc thượng thủy hành, như lí bình

¹ Bản VPTT chép 水上. Bản Taishō chép 上水. bản Nguyên, bản Minh chép chữ 水上.

địa, hoặc u không trung, an tọa bất động, hoặc nhập bình nội, hoặc xử nang trung, việt dữ thâu viên, tăng vô chướng ngại. Duy u đao binh, bất đắc tự tại. Tự ngôn thị Phật, thân trước bạch y, thọ tử khuru lễ, phi báng thiên luật, mạ li đồ chúng, yết lộ nhân sự, bất tị cơ hiềm.

Việt dịch:

Người ấy không biết bị ma gá vào, còn tự bảo mình đã được vô thượng niết-bàn. Nó đến nơi người tham cầu thần thông, trải tòa ngồi thuyết pháp. Người đó hoặc nắm lửa trên tay, gom lửa lại rồi trải ra trên đầu tử chúng đang nghe pháp, lửa trên đầu họ tỏa cao vài thước, mà họ không thấy nóng hoặc bị đốt cháy. Hoặc nó có thể đi trên nước như đi trên mặt đất, hoặc có thể ngồi bất động trên không, hoặc có thể đi vào trong bình hay trong túi xách, hoặc vượt qua cửa sổ, đi qua tường vách mà không ngăn ngại. Duy chỉ đối với binh đao thì không được tự tại. Nó tự tuyên bố đã thành Phật, nhưng mặc y phục cư sĩ, để cho ti-khuru lễ lạy. Nó hủy báng thiên định và giới luật, mạ ly đệ tử và rao bày lỗi người khác, không ngại cả cách chê bai và hiềm ty.

Giảng:

Người ấy không biết bị ma gá vào, còn tự bảo mình đã chứng được quả vị vi diệu vô thượng niết-bàn. Nó đến nơi hành giả tham cầu thần thông, trải tòa ngồi thuyết pháp.

Người đó hoặc nắm được lửa trên tay, nắm lửa trong một bàn tay, gom lửa với tay kia lại rồi rải lửa

ra trên đầu của tứ chúng đang nghe pháp. Nó bỏ lửa trên đầu từng người một trong thính chúng đến nghe pháp. **Lửa trên đầu họ tỏa cao vài thước.** Khi bỏ lửa lên đầu, thì còn nhỏ rồi lửa cao dần dần cho đến vài feet.¹ **Mà họ không thấy nóng hoặc bị đốt cháy,** dù họ không dùng bất kỳ vật gì cách ly với lửa.

Hoặc nó (người bị ma giá) có thể đi trên nước như đi trên mặt đất, hoặc có thể ngồi bất động trên không. Chẳng có gì giữ cho anh ta lơ lửng trong không nhưng anh ta có thể ngồi yên trên đó...

Hoặc có thể đi vào trong bình hay trong túi xách, hoặc vượt qua cửa sổ, đi qua tường vách mà không ngại. Cửa sổ cửa lớn dù bị đóng, nhưng nó có thể đi qua một cách dễ dàng mà không cần mở mà chẳng vướng chút chướng ngại nào.

Duy chỉ đối với binh đao (vũ khí) thì không được tự tại. Nó sợ bị đâm bằng dao hoặc thương kiếm. Đó là vì nó vẫn còn thân vật chất đang ngăn ngại. Cho dù đã có năm thứ thân thông, nó vẫn sợ bị thương tích do các loại binh đao gây nên.

Nó tự tuyên bố là đã thành Phật, nhưng mặc y phục của hàng cư sĩ chứ không mặc y phục của hàng xuất gia.

Để cho các tử-khuru lễ lạy. Mặc y phục cư sĩ nhưng lại nhận sự lễ lạy của các vị tử-khuru. **Nó hủy**

¹ 1 foot = 30,48cm.

báng thiên định và giới luật xem đây là loại vô ích và không hợp lý.

Nó **mạ ly đệ tử và rao bày lỗi của người khác**. Nó phoi trần lỗi lầm riêng tư của người khác. **Không ngại cả cách chê bai và hiềm ty.**

Kinh văn:

口中常說，神通自在，或復令人，傍見佛土。鬼力惑人，非有真實。讚歎行婬，不毀麁行。將諸猥媠，以為傳法。

Khẩu trung thường thuyết, thần thông tự tại, hoặc phục linh nhân, bàng kiến Phật độ. Quỷ lực cảm nhân, phi hữu chân thực. Tán thán hành dâm, bất hủy thô hạnh. Tương chư ôi tá, dĩ vi truyền pháp.

Nó thường nói đến thần thông và tự tại, hoặc khiến cho người khác thấy được cõi Phật. Cõi ấy không thật, chỉ hiện ra do ma lực để huyễn hoặc người ta. Nó tán thán tham dục, không từ bỏ những việc thô tục. Làm những hạnh bất tịnh, cho đó là truyền pháp.

Giảng:

Nó thường nói đến các loại khác nhau của thần thông và tự tại, hoặc khiến cho người khác thấy được cõi Phật trong suốt khắp cả mười phương. Cõi ấy không thật chỉ hiện ra do ma lực để huyễn hoặc người ta. Thực ra chính nó không có được năng lực công phu gì cả, điều mà nó tán thán nhất là tham dục. Nó nói: “Đó thật là điều kỳ diệu nhất, đó là nguồn cội

của bồ-đề và niết-bàn.” Nó không từ bỏ những việc thô tục. Nó nói: “Chẳng có gì sai trái với việc ấy cả, đừng bận tâm với việc giữ giới làm gì.”

Làm những hạnh bất tịnh, cho đó là truyền pháp. Nó sử dụng tất cả những việc bất tịnh, cho đó như là phương tiện để truyền pháp.

Kinh văn:

此名天地，大力山精，海精風精，河精土精，一切草木¹，積劫精魅。或復龍魅，或壽終仙，再活為魅。或仙期終，計年應死，其形不化，他怪所附。年老成魔惱亂是人。厭足心生去彼人體。弟子與師多陷王難。

Thử danh thiên địa, đại lực sơn tinh, hải tinh phong tinh, hà tinh thổ tinh, nhất thiết thảo mộc, tích kiếp tinh魅. Hoặc phục long mị, hoặc thọ chung tiên, tái hoạt vi mị. Hoặc tiên kì chung, kế niên ưng tử, kì hình bất hóa, tha quái sở phụ. Niên lão thành ma, nảo loạn thị nhân. Yém túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể. Đệ tử dữ sư, đả hãm vương nạn.

Việt dịch:

Đây gọi là những giống sơn tinh, hải tinh, phong tinh, hà tinh, thổ tinh, và những loài tinh mị

¹ Bản VPTT chép 木. Bản Taishō chép 樹. Bản Tống, Nguyên, Minh chép chữ 木.

của tất cả cỏ cây đã sống nhiều kiếp, có sức rất mạnh trong trời đất. Hoặc là loại long mỵ (yêu quái rỗng), hoặc là các vị tiên tuổi thọ đã hết, tái sinh làm yêu quái. Hoặc là những vị Tiên quả báo đã hết, đáng ra phải chết, nhưng thân thể không bị hủy hoại, nên loài yêu quái khác đến gá vào. Các loài này sống lâu thành quý, quý nhiều người tu hành. Khi chán rồi không gá thân người nữa. Cả đệ tử và thầy đều rơi vào lưới pháp luật.

Giải:

Đây gọi là những giống sơn tinh, hải tinh, phong tinh, hà tinh, thổ tinh, và những loài tinh mị của tất cả cỏ cây đã sống nhiều kiếp, có sức rất mạnh trong trời đất. Hoặc là loại long mỵ (yêu quái rỗng), hoặc là các vị tiên tuổi thọ đã hết, tái sinh làm yêu quái, có khi cả ngàn, hai ngàn, ba ngàn hoặc đến năm ngàn năm tuổi thọ đã hết, tái sinh làm yêu quái. Hoặc là những vị tiên quả báo đã hết, đáng ra phải chết, nhưng thân thể của tiên sau khi chết không bị hủy hoại, hay biến đổi, nên bị loài yêu quái khác đến gá vào.

Các loài này sống lâu thành quý, quý nhiều định lực của người tu hành. Cuối cùng khi chán rồi, nó không gá thân người nữa.

Hễ ma còn gá vào thân, thì người bị gá có một định lực phi thường. Nhưng một khi nó không gá vào nữa thì cả đệ tử và thầy đều rơi vào lưới pháp luật.

Kinh văn:

汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

Nhữ đương tiên giác bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri đọa vô gián ngục

Việt dịch:

Các ông nên biết rõ trước việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu các ông mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giải:

A-nan, các ông nên biết rõ trước việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi của ma vương. Đừng để mình rơi vào sự cám dỗ của ma vương.

Nếu các ông mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

9. THAM CẦU SỰ RỘNG KHÔNG SÂU LẮNG (MA TRÁM KHÔNG)

Kinh văn:

又善男子。受陰虛妙，不遭邪慮。圓定發明。三摩地中，心愛入滅，研¹究化性，貪求深空。

Hựu thiện nam tử, thọ âm hư diệu, bất tao tà lự, viên định phát minh. Tam-ma-địa trung, tâm ái nhập

¹ Bản VPTT chép 研. Bản Taishō chép 妍. Bản Tống, Nguyên, Minh chép chữ 研.

diệt, nghiên cứu hóa tánh, tham cầu thâm không.

Việt dịch:

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm ưa vào nơi tịch diệt, nghiên cứu tánh biến hóa, mong cầu tánh rỗng không sâu lắng.

Giảng:

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong cảnh giới vi diệu, rỗng suốt sau khi thọ ấm tiêu dung, hành giả không còn tà lự nữa. An trụ trong định sáng suốt tròn đầy. Trong tam-ma-địa, tâm ưa vào nơi tịch diệt, nghiên cứu tánh biến hóa, mong cầu tánh rỗng không sâu lắng.

Hành giả nghiên cứu trạng thái chuyển biến của một vật thể từ khi hiện hữu đến khi trở thành không, và làm thế nào mà từ không lại chuyển biến thành có. Hành giả nghiên cứu cách biểu hiện của sự biến hóa này, mong cầu được trải qua một cảnh giới rỗng không nhiệm mầu.

Kinh văn:

爾時天魔，候得其便，飛精附人口說
經法。

Nhĩ thời thiên ma hậu đắc kì tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch:

Lúc ấy thiên ma có cơ hội thuận tiện, liền phóng

tinh thần bay đến gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp.

Giảng:

Lúc ấy thiên ma có cơ hội thuận tiện, thiên ma trông chờ khi nó thấy được cơ hội thuận tiện liền phóng tinh thần bay đến gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp.

Ma giảng pháp bằng miệng của người mà nó đã gá vào.

Kinh văn:

其人終不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求空善男子處，敷座說法。於大眾內其形忽空。眾無所見，還從虛空，突然而出，存沒自在。或現其身，洞如瑠璃，或垂手足，作旃檀氣。或大小便，如厚石蜜。誹毀戒律，輕賤出家。

Kì nhân chung bất giác tri ma trước, diệt ngôn tự đắc vô thượng niết-bàn. Lại bỉ cầu không thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp. Ư đại chúng nội, kì hình hốt không, chúng vô sở kiến, hoàn tùng hư không, đột nhiên nhi xuất, tồn một tự tại. Hoặc hiện kì thân, đồng như lưu li, hoặc thùy thủ túc, tác chiêm đàn khí, hoặc đại tiểu tiện, như hậu thạch mật. Phỉ hủy giới luật, khinh tiện xuất gia.

Việt dịch:

Người ấy thật không biết bị ma gá vào, còn tự tuyên bố mình được vô thượng niết-bàn. Nó đến nơi người tham cầu không tịch, trải tòa ngồi thuyết pháp. Ở trong đại chúng, thân hình nó bỗng dung biến thành không, chẳng ai thấy được, rồi từ hư không bỗng dung nó lại hiện ra, khi còn, khi mất một cách tự tại. Hoặc hiện thân trong suốt như ngọc lưu ly, khỉ duỗi tay chân, thơm mùi hương chiên đàn. Hoặc đại tiểu tiện ra chất cứng như đường phèn. Nó phỉ báng, hủy phạm giới luật, khinh thường các vị xuất gia.

Giảng:

Người ấy thật không biết bị ma gá vào, còn tự tuyên bố mình được vô thượng niết-bàn. Nó đến nơi người tham cầu không tịch, đến nơi hành giả tham cầu thần thông, trải tòa ngồi thuyết pháp.

Ở trong đại chúng, thân hình nó bỗng dung biến thành không, chẳng ai thấy được.

Ma lực làm cho thân thể người bị gá đột nhiên biến mất. Nó đang ngồi nói pháp ở đó bỗng dung không còn ai thấy nó nữa. Đây là một dạng “*nhân không, pháp không*.” Người và pháp đều không. Rồi từ hư không bỗng dung nó lại hiện ra, khi còn, khi mất một cách tự tại.

Rồi một vài phút sau, từ ma lực làm cho thân thể của người bị gá đột nhiên biến mất. Nó đang ngồi nói pháp ở đó, bỗng dung nó lại hiện ra. Khi hiện ra, khi

biến mất tùy ý muốn. Nếu nó muốn hiện ra thì nó hiện, nếu muốn biến mất thì nó biến. Nó đều tự điều khiển theo ý của nó.

Hoặc hiện thân trong suốt như ngọc lưu ly, pha lê đến nỗi các ông có thể nhìn suốt qua thân thể của nó. Khi duỗi tay chân ra thơm mùi hương chiên đàn. Hoặc đại tiểu tiện ra chất cứng như đường phèn. Nó phỉ báng giới luật. Nó nói: “Đừng bận tâm với việc giữ giới luật. Đó là việc của hàng tiểu thừa, các ông cần gì phải giữ nó. Giới luật chẳng có gì quan trọng cả.”

Khinh thường các vị xuất gia. Nó nói: “Không cần phải xuất gia. Nếu muốn tu hành, thì cứ việc tu, cần gì phải xuất gia mới tu được? Có gì khác nhau giữa cư sĩ với người xuất gia nào?” Đó là cách nó khinh tiện giới xuất gia.

Kinh văn:

口中常說無因無果。一死永滅無復後身，及諸凡聖，雖得空寂，潛行貪欲。受其欲者，亦得空心，撥無因果。

Khẩu trung thường thuyết vô nhân vô quả. Nhất tử vĩnh diệt, vô phục hậu thân, cập chư phạm thánh, tuy đắc không tịch, tiềm hành tham dục. Thọ kì dục giả, diệt đắc không tâm, bát vô nhân quả.

Việt dịch:

Nó thường nói không có nhân quả. Khi chết là hoàn toàn mất hẳn. Chẳng có đời sau, chẳng có

thánh phàm, dù các vị ấy đã được không tịch, nhưng vẫn lén lút làm chuyện dâm dục. Người cùng nó làm chuyện dâm dục cũng được tâm rộng không và bài bác nhân quả.

Giảng:

Nó thường nói không có nhân quả “Đừng tin vào luật nhân quả.” Nó nói: “Chuyện ấy hoàn toàn sai lầm, chẳng bao giờ có việc ấy.” Nó nói: **Khi chết là hoàn toàn mất hẳn.** Một khi đã chết đi là mình vĩnh viễn không trở lại, giống như ngọn đèn đã hoàn toàn tắt ngấm.”

Nó nói: **Chẳng có đời sau, chẳng có người phàm kẻ thánh.** Bất quá chỉ là những lời nói mà thôi. Mặc dù các vị ấy đã được không tịch, nhưng vẫn lén lút làm chuyện dâm dục mặc dù đã chứng được vài nguyên lý về không, họ vẫn lén lút hành dâm. Người cùng nó làm chuyện dâm dục cũng được tâm rộng không và bài bác nhân quả. Nó có cảm tưởng không cần phải tin vào luật nhân quả nữa.

Kinh văn:

此名日月，薄蝕精氣，金玉芝草，麟鳳龜鶴。經千萬年，不死為靈，出生國土，年老成魔，惱亂是人。厭足心生，去彼人體。弟子與師，多陷王難。

Thử danh nhật nguyệt, bạc thực tinh khí, kim ngọc chi thảo, lân phượng quy hạc. Kinh thiên vạn niên, bất

tử vi linh, xuất sanh quốc độ, niên lão thành ma, nã loạn thị nhân. Yếm túc tâm sanh, khứ bi nhân thế. Đệ tử dĩ sư, đa hãm vương nạn.

Việt dịch:

Đây là tinh khí do nhật thực, nguyệt thực tụ vào các loại vàng ngọc, các loại nấm quý hiếm, kỳ lân, phụng hoàng, rùa hạc. Tinh khí ấy giúp cho các sinh vật đó sống hàng ngàn, hàng vạn năm không chết, rốt cuộc thành tinh linh, sinh ra nơi cõi nước này, tuổi già thành ma, phá rối người tu hành. Đến khi chán rồi, không gá vào người nữa, cả thầy trò đều rơi vào lưới pháp luật.

Giảng:

Đây là tinh khí do nhật thực, nguyệt thực tụ vào các loại vàng ngọc, các loại nấm quý hiếm, kỳ lân, phụng hoàng, rùa hạc.

Đây là loại quý gì? Đây là những giống quý được tạo nên từ tinh khí do nhật thực, nguyệt thực. Khi có sự giao hòa giữa mặt trăng, mặt trời, đó gọi là hiện tượng nhật thực, nguyệt thực. Có luồng tinh khí tỏa khắp mặt đất tụ vào các loại vàng ngọc, và một vài loại nấm quý hiếm, loại kỳ lân, phụng hoàng, rùa hạc. **Tinh khí ấy giúp cho các sinh vật đó sống hàng ngàn, hàng vạn năm không chết, rốt cuộc thành tinh linh, sinh ra nơi cõi nước này, tuổi già thành quý.** Nó phá rối người tu hành, người đang tu tập chánh định (29). Nhưng cuối cùng đến khi chán rồi, không gá vào người nữa, nó chấm dứt không gá vào người nữa.

Cả thầy trò đều rơi vào lưới pháp luật. Nó sẽ bị pháp luật truy tố.

Kinh văn:

汝當先覺，不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch:

Các ông nên biết rõ trước việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu các ông mê làm không biết sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giải:

Các ông nên biết rõ trước việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi của ma vương. Nếu các ông mê làm không biết. Nếu các ông không giác ngộ lẽ này, sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián.

10. THAM CẦU SỐNG LÂU

Kinh văn:

又善男子，受陰虛妙，不遭邪慮，圓定發明。三摩地中，心愛長壽，辛苦研幾，貪求永歲，棄分段生。頓希變易，細相¹常住。

¹ Bản VPTT chép 相. Bản Taishō chép 相. Bản Nguyên chép chữ 想.

Hư thiện nam tử, thọ âm hư diệu, bất tao tà lục, viên định phát minh. Tam-ma-địa trung, tâm ái trường thọ, tân khổ nghiên cơ, tham cầu vĩnh diệt, khí phân đoạn sanh. Đốn hi biến dị, tế tướng thường trụ.

Việt dịch:

Lại nữa thiện nam tử kia, thọ âm đã hư diệu, không mắc các tà lục, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm ưa sống lâu, khổ nhọc nghiên cứu tinh vi, mong cầu được bất tử, thoát khỏi sự sống chết nơi thân xác (phần đoạn sanh tử). Nôn nóng tham cầu tướng vi tế biến dịch sinh tử, mong được thường trụ lâu dài trong ấy.

Giảng:

Lại nữa thiện nam tử kia, thọ âm đã hư diệu, không mắc các tà lục, tính viên định phát minh. Trong cảnh giới vi diệu, rộng suốt sau khi thọ âm tiêu dung.

Bây giờ thọ âm đã trở nên rộng suốt và vi diệu, hành giả, người tu tập chánh định, không còn tà lục nữa. An trụ trong định sáng suốt tròn đầy. Trong tam-ma-địa, vi diệu viên mãn, có một sự đột biến chợt xảy ra. Việc gì vậy? Tâm ưa sống lâu. Đột nhiên hành giả suy nghĩ” Sẽ kỳ diệu làm sao nếu được sống mãi mãi không chết.”

Nên khổ nhọc nghiên cứu tinh vi, mong cầu được bất tử. Nên hành giả khổ nhọc, tinh chuyên nghiên cứu tinh tế những phép bí mật và vi diệu nhất, để mong cầu được bất tử, anh ta muốn trẻ mãi không già.

Thoát khỏi và từ bỏ sự sống chết (phần đoạn sanh tử) nơi thân xác.

Nghĩa của từng chữ “*phần đoạn sanh tử*” có liên quan đến sự sống chết của riêng từng người. Mỗi người có một phần, và mỗi người có riêng một đoạn. Nghĩa của chữ *phần* là gì? Các ông có thân tôi cũng có thân. Các ông là người tôi cũng là người. Các ông có phần của các ông và tôi cũng có phần của riêng tôi. *Đoạn* là gì? Là thời gian sống, là khoảng cách thời gian từ khi sống đến khi chết. *Đoạn* cũng có nghĩa là tâm vóc của thân thể, từ đầu đến chân.

Nôn nóng tham cầu tướng vi tế biến dịch sanh tử.

Kẻ phàm phu phải trải qua phần đoạn sanh tử. Còn các vị đã chứng được bốn quả vị a-la-hán thì không còn trải qua trạng thái này nữa. Nhưng vẫn còn phải trải qua tình trạng “*biến dịch sanh tử*.” Nghĩa là từng niệm, từng niệm đổi dời, nghĩa là trải qua sự sống chết trong từng niệm. Thay đổi trong từng niệm nên gọi là biến dịch. Đó gọi là *biến dịch sanh tử* vậy. Điều này liên quan đến sự tương tục không ngừng của tâm niệm. Niệm niệm tương tục là niệm này vừa sanh khởi thì niệm kia liền tàn hoại như trong một dòng chảy vô tận. Khi hành giả không còn bị *phần đoạn sanh tử* nữa, đột nhiên anh ta mong cầu đạt được *biến dịch sanh tử*.

Đề được thường trụ mãi trong tướng vi tế ấy. Đó là một dạng rất tinh tế và vi diệu. Thường trú mãi mãi trong ấy có nghĩa là đạt được đời sống vĩnh cửu.

Kinh văn:

爾時天魔，候得其便，飛精附人，口說經法。

Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc kì tiện. Phi tinh phụ nhân khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch:

Lúc ấy thiên ma có được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần bay đến gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp.

Giảng:

Ngay khi hành giả áp ủ ảo tưởng tham cầu đời sống vĩnh cửu.

Lúc ấy, thiên ma có được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần bay đến gá vào người khác. Thiên ma liền sai một số trong đồ đệ của chúng đến gá vào một người khác, dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp cho hành giả đang tu tập chánh định nghe.

Kinh văn:

其人竟不覺知魔著，亦言自得無上涅槃。來彼求生善男子處，敷座說法。好言他方，往還無滯，或經萬里，瞬息再來。皆於彼方取得其物，或於一處在一宅中。數步之間令其從東詣至西壁，是人急行累年不到。因此心信，疑佛現前。

Kì nhân cánh bất giác tri ma trước, diệc ngôn tự đắc vô thượng niết-bàn. Lai bỉ cầu sanh thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp. Hảo ngôn tha phương, vãng hoàn vô trệ, hoặc kinh vạn lí, thuấn tức tái lai. Giai u

bỉ phương, thủ đắc kì vật. Hoặc u nhất xứ, tại nhất trạch trung, xúc bộ chi gian, linh kì tòng đông, nghệ chí tây bích, thị nhân cấp hành, luy niên bất đáo. Nhân thử tâm tín, nghi Phật hiện tiền.

Viết dịch:

Người này thật không biết bị ma gá, còn tự tuyên bố đã chứng được vô thượng niết-bàn. Nó đến bên người tham cầu sống lâu, trải tòa ngồi thuyết pháp. Nó thích khoe việc có thể đi lại mọi nơi, rồi trở về mà không ngăn ngại, có thể dạo chơi ngàn dặm rồi trở về trong chớp mắt. Nó có thể lấy đem về những đồ vật từ những nơi nó đã đến. Hoặc nó có thể bảo một người đi từ phía đông sang phía tây của một căn phòng trong khoảng cách chỉ cần đi vài bước, thế mà người ấy có đi hết năm cũng không đến được. Do đó mọi người đều tin lời người bị ma gá, lầm cho đó là Phật.

Giảng:

Do tâm của người này hoàn toàn bị chế ngự bởi thiên ma nên chính anh ta thật không biết bị ma gá, còn tự tuyên bố đã chứng được quả vị vi diệu vô thượng niết-bàn. Nó đến bên hành giả tham cầu sống lâu, trải tòa ngồi thuyết pháp.

Nó thích khoe việc có thể đi lại mọi nơi, rồi trở về mà không ngăn ngại. Ma thích nói những gì? Nó nói: “Trong khoảnh khắc rất ngắn, tôi có thể đến một nơi nào đó cách xa cả ngàn vạn dặm rồi trở về ngay lập tức. Tôi có thể qua Nhật Bản mà không cần đi máy

bay, và mua hàng hóa về. Nếu ông không tin, tôi sẽ biểu diễn cho các ông xem.”

Nó luôn biểu diễn thần thông cho người xem. Nó thích được mọi người nhìn thấy những kỳ tích không thể nghĩ bàn mà nó biểu diễn. Nó nói: “Ta có thể đi lại tùy ý chỉ trong vòng chớp mắt.”

Nó có thể dạo chơi ngàn dặm rồi trở về trong chớp mắt. Nó nói: “Ta có thể đi về trong khoảng ông hít vào thở ra thôi.”

Nó có thể lấy đem về những đồ vật từ những nơi nó đã đến.

Không chỉ như thế, nó có thể lấy về những đồ vật từ những nơi nó đã đến. Nó có thể mua hàng hóa đem về rồi hỏi: “Các ông không tin tôi hay sao? Hãy nhìn những món hàng này, tôi đã mua nó từ công ty... Ở Nhật Bản, đó là loại hàng mẫu đặc biệt, chỉ dành riêng bán cho khách quen...” Rồi nó đưa ra cho mọi người cái máy cassette hoặc radio do Nhật chế tạo, không qua thuế hải quan hay thuế nhập khẩu, mà thực sự được chế tạo ở một công ty của Nhật Bản.

Hoặc nó có thể bảo một người đi từ phía Đông sang phía Tây của một căn phòng trong khoảng cách chỉ cần đi vài bước (có thể đi chừng bảy tám bước chân). Thế mà dù người ấy có đi hết năm cũng không thể hết được. Nó không thể đàn trải khoảng không gian của sàn nhà đến mức tối đa bằng thời gian một năm. Thấy nó biểu diễn như vậy. Do đó mọi người đều tin lời người bị ma gá, làm cho đó là Đức Phật.

Họ nghĩ: “Ồ đó là một Đức Phật đến để giảng pháp cho chúng ta nghe.”

Kinh văn:

口中常說，十方眾生，皆是吾子。我生諸佛，我出世界。我是元佛，出生自然，不因修得。

Khẩu trung thường thuyết, thập phương chúng sanh, giai thị ngô tử. Ngã sanh chư Phật, ngã xuất thế giới, ngã thị nguyên Phật, xuất sanh tự nhiên, bất nhân tu đắc.

Việt dịch:

Nó thường nói: Chúng sanh trong mười phương đều là con của ta. Ta sinh ra chư Phật, ta tạo ra thế giới. Ta là Phật đầu tiên, ta tạo dựng thế giới này một cách ngẫu nhiên, không do tu mà thành.

Giảng:

Nó thường nói: Các ông biết không? Chúng sanh trong mười phương đều là con của ta, ta sinh ra chư Phật. Nó huênh hoang không biết xấu hổ nói rằng nó sinh ra chư Phật.

Ta tạo ra thế giới, ta là Phật đầu tiên. Ta là Phật trước nhất không có Phật nào trước ta cả. Ta tạo ra thế giới này một cách ngẫu nhiên. Không do tu mà thành. **Ta tạo nên thế giới này một cách tự nhiên, không do tu mà thành,** và ta đã là Phật khi đến thế giới này. Ta chẳng cần phải tu tập mới trở thành Phật.”

Kinh văn:

此名住世，自在天魔，使其眷屬，如遮文茶，及四天王，毘舍童子，未發心者，利其虛明，食彼精氣。或不因師，其修行人，親自觀見，稱執金剛，與汝長命。現美女身，盛行貪欲。未逾年歲，肝腦枯竭，口兼獨言，聽若妖¹魅。前人未詳，多陷王難。未及遇刑，先已乾死。惱亂彼人，以至殂殞。

Thử danh trụ thế tự tại thiên ma, sử kì quyền thuộc, như giá-văn-trà cập Tứ thiên vương, Tì xá đồng tử, vị phát tâm giả, lợi kì hư minh, thực bỉ tinh khí. Hoặc bất nhân sư, kì tu hành nhân, thân tự quan kiến, xung chấp kim cương, dĩ nhữ trường mệnh. Hiện mĩ nữ thân, thịnh hành tham dục. Vị du niên tuế, can não khô kiệt, khẩu kiêm độc ngôn, thính nhược yêu mị. Tiền nhân vị tường, đa hãm vương nạn. Vị cập ngộ hình, tiên dĩ càn tử. Não loạn bỉ nhân, dĩ chí tồ vân.

Việt dịch:

Đây gọi là Trụ thế tự tại thiên ma, khiến loại quyền thuộc chưa phát tâm như giá-văn-trà, hay

¹ Bản VPTT chép 妖. Bản Taishō chép chữ [魅-未+夭]. Bản Tống, Nguyên, Minh chép 妖.

Tỳ-xá đồng tử¹ ở cõi Tứ thiên vương, thích hư minh, đến ăn tinh khí của người tu hành. Hoặc không nương nơi thầy (người bị ma gá vào) mà chính hành giả thấy, bọn đó tự xưng là thần Chấp kim cương² đến cho sống lâu. Hoặc bọn đó biến thành phụ nữ xinh đẹp, cùng hành giả cuồng nhiệt làm việc dâm dục. Nên chưa đầy một năm, gan não hành giả khô kiệt, miệng lảm nhảm một mình, nghe như tiếng của loài yêu quỷ. Người ngoài chưa rõ nguyên nhân, nên phần nhiều người bị như thế đều rơi vào pháp luật. Chưa kịp chịu hình phạt, đã bị chết khô. Ma quấy phá người tu, cho đến phải chết.

Giải:

Đây gọi là Trụ thể trụ tại thiên ma, khiến loại quyền thuộc chưa phát tâm như giá-văn-trà

Giá-văn-trà (s: chamunda), nghĩa là “*lệ quý: quý nô lệ*.” Là loại ma quý làm việc như nô lệ. Nó cũng có nghĩa *Tật đố quý*, là loại quý luôn luôn ghen tức với mọi điều tốt lành mà mọi người khác đạt được. Nó luôn tìm cách ngáng trở mọi người muốn học Phật pháp. Nếu có người nào muốn trở thành người lương thiện thì nó lôi kéo họ trở về phía xấu ác. Đó là một

¹ Tỳ-xá đồng tử: Quý Tỳ-xá-già (piśāca): Hán dịch *đạm tinh khí*, loại quý thần này chỉ dùng tinh khí của người và các loại ngũ cốc. Là quyền thuộc của Đông phương Trì Quốc Thiên vương Đề-đầu-sắc-tra 東方提頭賴吒 (s: Dhṛta-rāṣṭra).

² Chấp kim cương thần: Vị thần hộ pháp tay cầm chày bằng kim cương.

loại ác ma. Thiên ma ở cõi trời Trụ thế tự tại¹ sai loại ma này đến để quấy phá công phu tu tập chánh định của người tu hành. Hoặc là nó sai loài **Tỳ-xá đồng tử** từ cõi trời **Tứ thiên vương**.

Quý **Tỳ-xá-giá** đặc biệt rất thích ăn tinh khí. Nó ăn tinh khí của thảo mộc, thực vật và ăn của người được thì càng tốt. Khi nam nữ giao hợp làm chuyện dâm dục, có một loại tinh khí tiết ra, nó sẽ ăn thứ tinh khí này. Có rất nhiều loại quỷ chờ đợi bên cạnh để ăn thứ tinh khí này nên rất nguy hiểm.

Thích hư minh, đến ăn tinh khí của người tu hành.

Lợi dụng hư minh của người kia, đến ăn tinh khí của người tu hành. Những loài quỷ này chưa phát tâm (có nghĩa là bị Thiên ma sai khiến). Như loại quỷ **Tỳ-**

¹ Trụ thế tự tại thiên: Còn gọi Đại Tự tại thiên 大自在天, Tự tại thiên vương 自在天王, Thiên chủ 天主, (s: Maheśvara; p: Mahissara). Phiên âm là Ma-hê-thủ-la 摩醯首羅, Mạc-hê-y-tháp-phạt-la 莫醯伊濕伐羅. Là một trong 3 vị chủ thần của đạo Bà-la-môn, tức chủ thần Tháp-bà 濕婆 (s: Śiva). Theo truyền thuyết, vị này là thân phần nộ của trời Lỗ-nại-la 嚕捺羅 (s: Rudra), còn có các tên khác như Thương-yết-la (Śaṅkara), Y-xá-na (Īśāna). Ban đầu, vị này và trời Nala-diên đều được xếp dưới Phạm thiên. Về sau địa vị được tăng dần, và trở thành vị thần có thần cách tối cao, được xem là Bản thể thường trụ, đầy khắp vũ trụ, có tính cách phiếm thân, lấy hư không làm đầu, lấy đất làm thân. Hình tượng thần này có 3 mắt, 8 tay, cõi râu trắng, tay cầm phát trần trắng. Phật giáo tiếp nhận vị này thành thần thủ hộ Phật pháp, trụ ở tầng trời Đệ tứ thiên. Mật giáo xem vị này đồng với trời Y-xá-na (Īśāna), là một trong 12 vị trời.

xá-giá và những loại khác, thích lợi dụng hư minh của người tu hành. Nó thích ăn tinh khí của người tu hành, nhưng hành giả vẫn không biết điều ấy.

Hoặc không nương nơi thầy (người bị ma gá vào) mà chính hành giả thấy, bọn đó tự xưng là thần Chấp kim cương đến cho sống lâu.

Hoặc không nhờ nơi thầy (người bị ma gá vào), mà hành giả thấy có người tự xưng: “Ta là thần Chấp kim cương (thần Hộ pháp), đến ban cho ông được sống lâu.” Nào bây giờ ta đến để ban cho ông được sống trường thọ, ông sẽ được sống vĩnh viễn.

Hoặc bọn đó biến thành phụ nữ xinh đẹp, cùng hành giả cuồng nhiệt làm việc dâm dục.

Hoặc sau khi nói xong người ấy biến thành phụ nữ xinh đẹp, cùng hành giả cuồng nhiệt làm việc dâm dục. Có nghĩa là cả hai thường xuyên làm việc ấy không dừng nghỉ.

Nên chưa đầy một năm, gan não hành giả khô kiệt. miệng lẩm nhẩm một mình, nghe như tiếng của loài yêu my.

Nên trong một năm sinh lực cạn kiệt bởi sự tham dâm vô độ ấy. Sinh lực, tinh khí thần chưa đầy một năm đã bị khô kiệt. Bởi vì thái quá. Chữ quan trọng nhất là “*mãn hành*.” Từ này khó diễn tả bằng sự kiện thông thường. Có điều chắc chắn là người đàn bà nói rằng: “Ông càng say đắm trong tình dục thì ông càng được sống lâu, ông sẽ sớm đạt được cuộc sống vĩnh cửu.” Bằng sự tham cầu có được mạng sống vô tận, nó

không nhận ra mạng sống của mình đang bị vắt kiệt, rút ngắn dần từng phút. Trải qua chưa đầy một năm là mạng sống kết thúc.

Miệng lầm nhảm một mình. Lúc ấy miệng nó lầm nhảm một mình. Thực ra không phải nó nói chuyện với chính nó mà nói chuyện với ma. **Nghe tiếng như của loài yêu my.** Nó nói chuyện với ma nhưng người ở xung quanh không thấy ma.

Trước đây tôi cũng đã gặp loài ma này. Có lần tôi gặp một người đàn ông. Ông ta được người phụ nữ đến thăm vào mỗi đêm. Cô ta không bao giờ đến thăm lúc ban ngày. Nhưng nếu mỗi tối cô ta đến, mọi người trong căn hộ đều nghe tiếng lạch cạch từ đôi guốc của cô ta gõ xuống sàn gỗ. Họ nghe thấy tiếng nó đi, nhưng không thấy được hình. Bất kỳ khi nào người phụ nữ đến, thì anh ta cởi áo quần rồi bò lóp ngóp lên giường. Anh ta làm việc ấy chẳng cần biết có người xung quanh hay không. Đó là một ví dụ về loài ma này.

Sau đó một vị thần linh lâu năm ở vùng ấy nhập vào một xác đồng chữa bệnh đến đó để trừ yêm con ma nữ ấy. Đêm đó, khi ma nữ đến, nó được nói chuyện với vị thần ấy. Ma nói: “Tốt! Ông muốn chữa trị cho người đàn ông này? Được rồi, từ nay ông ấy sẽ khỏi. Nhưng từ đây, tôi sẽ đến chỗ ông. Ta sẽ thi đấu pháp thuật với nhau.”

Sau đó quả là nó đến tìm vị thần, nó không đến với người đã cùng nó làm chuyện bất chính suốt từ sáng đến tối nữa.

Tôi đã nói với quý vị nhiều lần là loại ma quý này rất lợi hại.

Người ngoài chưa rõ nguyên nhân, nên phần nhiều người bị như thế đều rơi vào pháp luật. Chưa kịp chịu hình phạt, đã bị chết khô. Ma khuấy phá người tu, cho đến phải chết.

Người ngoài không hiểu được những gì xảy ra. Họ hoàn toàn không biết được tình trạng này. Trong mọi trường hợp, những người như thế đều bị rơi vào pháp luật. Hành động ấy của ma sẽ bị pháp luật bắt giữ.

Nhưng trước khi nó chịu hình phạt. Trước khi nó bị đem ra xét xử, nó bị chết khô. Trong khi bị giam ở lao ngục nó chết vì toàn thể tinh khí thần của nó bị khô kiệt. Ma khuấy phá mê hoặc người tu cho đến khi chết. Nó đã phá hủy định lực của người tu hành cho đến khi người ấy chết khô.(30)

Kinh văn:

汝當先覺不入輪迴。迷惑不知，墮無間獄。

Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch:

Các ông nên biết rõ tình trạng này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu các ông mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giải:

A-nan, các ông nên biết rõ tình trạng này, hiểu rõ tường tận tình trạng này để khỏi rơi vào vòng luân

hồi. Nếu các ông nhận biết rõ trạng thái ma sự này, thì các ông sẽ tránh được bẫy của thiên ma. Các ông khỏi phải làm quyền thuộc nhà ma nhưng **nếu các ông mê lầm không biết sẽ đọa vào địa ngục vô gián.** Dù có chút may mắn ân huệ được làm người cũng bị mất hẳn.

E. LỜI KHUYÊN RĂN CỦA ĐỨC THẾ TÔN TỔNG KẾT VỀ TƯỚNG ẨM

Kinh văn:

阿難當知，是十種魔，於末世時。在我法中，出家修道。或附人體，或自現形。皆言已成，正遍知覺。

A-nan đương tri, thị thập chủng ma, u mạt thế thời, tại ngã pháp trung, xuất gia tu đạo, hoặc phụ nhân thể, hoặc tự hiện hình. Giai ngôn dĩ thành chánh biến tri giác.

Việt dịch:

A-nan nên biết, trong thời mạt pháp mười thứ ma ấy, hoặc xuất gia tu tập theo giáo pháp của Như Lai, hoặc chúng gá vào thân người, hoặc tự biến thành nhiều dạng khác nhau. Chúng đều tự xưng đã thành bậc chánh biến tri.

Giải:

A-nan nên biết, đặc biệt trong thời mạt pháp mười thứ ma ấy. Những thứ xuất hiện trong mười cảnh giới ma liên quan đến tướng ẩm, hoặc xuất gia tu tập trong giáo pháp của Như Lai, hoặc chúng gá

vào thân người. Ma vương có thể gá vào thân người khác **hoặc tự biến thành nhiều dạng khác nhau**. Nó có thể biểu diễn thần thông như ma vương và hiện ra đủ loại hình dạng. Nó có thể hiện ra Phật, Bồ-tát, A-la-hán hoặc người ở cõi trời. Ma vương có thể hiện ra bất kỳ hình dạng nào.

Chúng đều tự xưng đã thành bậc chánh biến tri. Chánh biến tri là một trong mười danh hiệu của Đức Phật. Đức Phật là người có đầy đủ *chánh tri* và *biến tri*. *Chánh tri* nghĩa là biết rằng *tâm bao hàm vạn pháp* và *biến tri* nghĩa là biết rằng *vạn pháp đều chỉ là tâm*. Khi mọi người có được sự hiểu biết chân chánh đích thực như thế, thì người ấy sẽ được thành Phật, thành một bậc *Chánh biến tri*.

Thiên ma ngụy tạo cho mình là Phật, và giả tạo tuyên bố đã đạt được *Chánh biến tri*. Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni sắp nhập niết-bàn, Ngài triệu tập các ma vương lại và dạy: “Các ông từ ngay bây giờ phải an trú trong giới luật, chớ nên hủy phạm.”

Ma vương đáp lời: “Thế Ngài muốn chúng tôi thực hành theo giới luật ngài chế ra. Được thôi! Đến thời mạt pháp tôi sẽ đáp y của ngài, ăn thực phẩm của ngài rồi đại tiện vào trong bình bát của ngài.”

Lời nói đó có nghĩa là chúng nó sẽ hủy phạm giáo pháp từ ngay bên trong.

Khi Đức Phật nghe như thế, Đức Phật bảo: “Thế thì chẳng còn cách nào cứu giúp được cho các ông, phương cách hành xử của các ông quá độc ác và tàn hại.”

Nên nói rằng: “Trùng trong thân sư tử ăn thịt sư tử.” Có nghĩa là trong thời mạt pháp, ma thì mạnh và pháp thì yếu. Do vậy, người tu hành phải rất cẩn trọng. Ma vương giống như loại gì? Thông thường nó khác hẳn với mọi người. Nó có ma khí bên trong, có một số hiện tượng khác thường nó biểu hiện ở bên ngoài, để chúng tỏ nó là ma vương. (31)

Kinh văn:

讚歎婬欲，破佛律儀。先惡魔師，與魔弟子，婬婬相傳。如是邪精，魅其心腑，近則九生，多踰百世。令真修行，總為魔眷。

Tán thán dâm dục, phá Phật luật nghi. Tiên ác ma sư, dữ ma đệ tử, dâm dâm tương truyền. Như thị tà tinh, mị kì tâm phủ, cận tắc cửu sanh, đa du bách thế. Linh chân tu hành, tổng vi ma quyến.

Việt dịch:

Chúng nó khen ngợi dâm dục, phá luật nghi của Phật chế. Thầy trò ma truyền dạy nhau về dâm dục. Tinh thần tà vạy như thế, mê hoặc tâm ý người tu hành, trải qua ít nhất chín đời, nhiều thì cả trăm thế hệ. Khiến kẻ chân tu đều rơi vào quyền thuộc của ma.

Giảng:

Chúng nó khen ngợi dâm dục.

Bằng cách nào mà ta có thể kết luận người đó là ma? Đó là: ma thì không bao giờ tán thán phương pháp

tu hành chân chánh. Nó tán dương dâm dục, và công khai tuyên truyền việc dâm dục.

Phá hủy luật nghi Phật chế.

Nó nói: “Giới luật của Phật thật là vô dụng, đừng giữ làm gì. Giới luật ấy chỉ để cho hàng đệ tử Tiểu thừa thực hành mà thôi. Còn chúng ta là hàng Bồ-tát Đại thừa nên chẳng cần giữ gìn làm gì!”

Thầy trò ma, đệ tử của ma vương, truyền dạy nhau việc dâm dục. Họ thực tập việc dâm dục với nhau và khen ngợi việc ấy. Nói rằng: “Đó là pháp môn vi diệu, tuyệt vời nhất. Lý chân không diệu hữu đều ở ngay trong đó.”

Tinh thần tà vạy như thế, đó là tán dương dâm dục. Mê hoặc tâm ý người tu hành. Do vì tâm ý của người tu hành đã bị tà ma gá vào mê hoặc rồi, họ đắm mình trong dâm dục và công khai tán dương. Họ làm tất cả chuyện ấy vì ma đã chiếm đoạt làm chủ toàn bộ tâm ý.

Trải qua ít nhất chín đời, nhiều thì cả trăm thế hệ. Khiến kẻ chân tu đều rơi vào quyền thuộc của ma.

Ít nhất là trải qua chín đời. Đời có nghĩa là sao? Có phải là khoảng thời gian sống của một người, từ khi sinh ra đến khi chết đi không? Không phải, mà còn hơn thế nữa. Đó là một thời gian khoảng một trăm năm. Do vậy chín đời là chín trăm năm, và nhiều nhất là trải qua một trăm thế hệ. Một thế hệ là ba mươi năm, một trăm thế hệ là ba ngàn năm. Người tu hành chân chính bị lạc

vào quyền thuộc ma vương ít nhất là chín đời (chín trăm năm), lâu nhất là một trăm thế hệ (ba ngàn năm).

Kinh văn:

命終之後，必為魔民。失正遍知，墮無間獄。

Mệnh chung chi hậu, tất vi ma dân. Thất chánh biến tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch:

Sau khi chấm dứt mạng sống, **ắt phải đọa làm dân của ma. Đánh mất chánh biến tri, và đọa vào địa ngục vô gián.**

Giảng:

Sau khi chấm dứt mạng sống. Khi đã mãn phần, bất kỳ khoảng thời gian nào đó trong chín đời đến một trăm thế hệ, người tu hành bị chết đi, **ắt phải đọa làm dân của ma.** Người ấy không thể làm ma vương, nó chỉ có thể làm một ma dân xoàng xĩnh, một công dân bình thường trong đám dân ma.

Đánh mất chánh biến tri. Nó bị mất chánh tri kiến, chỉ còn lại tà tri, tà kiến, nó sẽ chấp hành theo việc ma vương sai sử. Và cuối cùng nó sẽ bị **đọa vào địa ngục vô gián.** Sau khi nó hưởng hết phước làm ma, mạng sống của ma dân chấm dứt, nó sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián.

¹ Bản VPTT chép 必. Bản Taishō chép 畢. Bản Tống, Nguyên, Minh chép chữ 必.

Kinh văn:

汝今未須，先取寂滅，縱得無學。留願入彼，末法之中，起大慈悲，救度正心深信眾生，令不著魔，得正知見。我今度汝已出生死。汝遵佛語，名報佛恩。

Nhữ kim vị tu, tiên thủ tịch diệt, túng đắc vô học. Lưu nguyện nhập bỉ mạt pháp chi trung, khởi đại từ bi, cứu độ chánh tâm thâm tín chúng sanh. Linh bất trước ma, đắc chánh tri kiến. Ngã kim độ nhữ dĩ xuất sanh tử. Nhữ tuân Phật ngữ, danh báo Phật ân.

Việt dịch:

A-nan, ông nay chưa nên vội vào niết-bàn, dù ông đã đạt được quả vị vô học. Hãy lưu giữ lời nguyện đi vào cõi đời mạt pháp kia, phát lòng đại bi cứu độ các chúng sanh có lòng tin chân chánh sâu xa, khiến cho họ không mắc vào tà ma, giúp cho họ có được chánh tri kiến. Nay Như Lai đã giúp ông thoát ra khỏi sinh tử. Nay ông vâng lời Phật dạy, đó gọi là báo ơn Phật.

Giải:

A-nan, ông nay chưa nên vội vào niết-bàn, chưa nên nhập niết-bàn sớm. Hãy thay Như Lai, ở lại cõi ta-bà này mà giáo hóa chúng sanh.

Mặc dù ông đã đạt được quả vị vô học.¹ Hãy

¹ Vô học 無學: Trong 4 quả vị của hàng Thanh văn, ba quả vị đầu còn gọi là Hữu học, đến quả vị thứ tư tức chứng a-la-hán rồi mới được gọi là Vô học. Nghĩa là việc tu học đạo đã hoàn toàn viên mãn.

lưu giữ lời nguyện đi vào cõi đời mạt pháp kia. Dù nay ông đã đạt được quả vị *vô học* (Lúc ấy A-nan đã chứng được quả vị thứ nhì của hàng a-la-hán, chưa chính thức đạt được quả vị *vô học*. Tuy vậy, con đường công phu tu tập dẫn đến việc chứng ngộ của A-nan rất sáng sủa, thế nên ngài được xem như người đã đạt được quả vị ấy).

Đức Phật dạy: Ông nên nhớ lấy lời nguyện đại từ bi, khi thời kỳ *chánh pháp* đã qua, thời *tượng pháp* không còn nữa, thời *mạt pháp* sẽ đến. Lúc ấy hãy **phát lòng đại từ bi cứu độ các chúng sanh có lòng tin chân chánh sâu xa.** A-nan, ông hãy phát tâm đại từ đại bi cứu độ tất cả chúng sanh có lòng tin chân chánh ở trong thời mạt pháp.

Khiến họ không mắc vào tà ma. Hãy cứu độ chúng sanh, khiến họ phát khởi niềm tin vào nơi ông, để họ khỏi bị mê hoặc bởi ma vương, khiến họ không theo ma vương, dùng phương tiện của ma nhiều hại chúng sanh nữa.

Giúp họ, những chúng sanh trong thời mạt pháp **có được chánh tri kiến.** Có nghĩa là ông và tôi, và những chúng sanh ngay bây giờ chớ không ai khác. Quý vị nên nhắc nhở thức tỉnh lấy mình, tự mình phải có chánh tri kiến.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại dạy:

Này A-nan, Như Lai đã giúp ông ra khỏi sanh tử. Ông đã chấm dứt được sanh tử luân hồi, ông đã chứng được quả vị thứ hai của hàng a-la-hán, và ông đã biết

được con đường đi đến quả vị thứ tư. Vì thế qua kết quả công phu tu hành của ông, có thể nói rằng ông sẽ vượt qua sanh tử.

Nay ông vâng lời Phật dạy, đó gọi là báo ơn Phật.

Bây giờ quý vị hãy lắng nghe lời Phật dạy, hãy thực hành những gì Phật dạy và đừng quên. Bằng cách tôn trọng và vâng lời Phật dạy, thì quý vị mới có thể đền đáp ân sâu của chư Phật.

Báo đáp ân Phật nghĩa là gì? Nếu chúng ta tôn trọng thực hành lời Phật dạy, thì đó là báo ân Phật. Nếu chúng ta muốn đền đáp ân Phật, ta phải vâng lời đức Phật đã dạy. A-nan muốn báo ơn Phật ngài cũng phải theo lời dạy của Đức Phật. Chúng ta nên vâng làm theo lời Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cũng như các vị pháp sư đã dạy ta học tập kinh điển và đạo lý. Đó là lý do từ đầu tôi yêu cầu quý vị phải tin thuận làm theo lời Phật dạy. Tôi không phải là Đức Phật, nên tôi cũng vâng lời Đức Phật dạy. Bất cứ việc gì chúng ta cũng không nên quên lời Đức Phật dạy.

Kinh văn:

阿難如是，十種禪那現境，皆是想陰，用心交互，故現斯事。

A-nan như thị, thập chủng thiền na hiện cảnh, giai thị tưởng âm, dụng tâm giao hỗ, cố hiện tư sự.

Việt dịch:

A-nan, mười cảnh giới hiện ra trong thiền định như thế, đều do tưởng âm và tâm dụng công giao xen.

Giảng:

A-nan, mười cảnh giới được giải thích nó chỉ **hiện ra** trong khi hành giả tu tập **thiền định**. Khi nỗ lực hết sức, dụng công để đạt đến mục tiêu. Những cảnh giới này hiện ra từ đâu? Nó xảy ra **đều do tướng ám và tâm dụng công giao xen**, do dụng tâm tu quán phối hợp tạo nên.

Đó là những sự biến đổi xảy ra trong lúc tiêu trừ tướng ám, như là kết quả của sự nỗ lực dụng công đến cực điểm. Khi quý vị dụng công tu tập đến mức tối đa, trạng thái như thế này sẽ phát sinh. Nhưng khi nó phát khởi, thì đừng đại nhận giặc làm con, đừng bị mê lầm bởi những cảnh giới này. Khi các ông ngồi thiền, sự nỗ lực dụng công quán chiếu giao xen với tướng ám, tạo nên một bãi chiến trường, như trong một cuộc chiến tranh. Nếu định lực của ông mạnh hơn, thì tướng ám sẽ bị chinh phục. Nhưng nếu tướng ám thắng, công phu định lực của ông yếu hơn và thất tán, thì hành giả sẽ bị rơi vào cảnh giới của ma, và mười cảnh giới này sẽ xuất hiện.

Kinh văn:

眾生頑迷，不自忖量，逢此因緣，迷不自識，謂言登聖，大妄語成墮無間獄。

Chúng sanh ngoan mê, bất tự thốn lượng, phùng thử nhân duyên, mê bất tự thức, vị ngôn đăng thánh, đại vọng ngữ thành, đọa vô gián ngục.

Viết dịch:

Chúng sinh ngu mê, không biết lượng sức mình, gặp nhân duyên đó, mê không tự biết, còn nói đã chứng thánh, thành tội đại vọng ngữ, phải đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng:

Chúng sinh ngu mê, không biết tự lượng sức mình. Chúng sinh thường có tâm chấp trước. Họ rất ngoan cố, không biết uyển chuyển, nhu nhuyễn mà lại ngu si, thiếu trí huệ, không tự mình suy tính được việc gì chân chánh cả.

Gặp nhân duyên đó, mê không tự biết. Khi gặp ma cảnh như thế, không đủ sức sáng suốt thẩm định. Điều quan trọng nhất là nếu các ông thẩm định được trạng thái đang xảy ra, thì các ông không bị ma chuyển. Nếu các ông sáng suốt nhận thức rõ ràng về nó, thì các ông sẽ không bị nhầm lẫn. Nếu các ông không nhận ra, thì sẽ bị mê lầm. Mê lầm là do không nhận thức minh bạch. Và điều gì sẽ xảy ra khi hành giả không hiểu rõ cảnh giới này.

Nói đã chứng thánh. Nó nói những lời như: “Các ông có biết tôi không? Tôi đã thành Phật rồi, và tôi sẽ kể cho các ông nghe. Đối với tôi thành Phật quá dễ, còn rẻ hơn cả một tấm đậu phụ.”

Thật là quá dễ phải không? Dễ nên những người như thế thường nói rằng họ đã thành Phật, họ đã chứng đạo, họ đã giác ngộ, họ đã tham được thoại đầu và hiểu được những thoại đầu ấy.

Chẳng hạn như có người Mỹ vừa đến đây vào hôm nay, anh ta là một loại như “Lục Tổ của nước Mỹ” đã đến cách đây vài hôm. Anh ta không lạy Phật, không nghe pháp. Chỉ ăn trưa rồi đi. Lý do anh ta đi là vì ma kéo đi. Trong người anh ta có quá nhiều ma khí đến nỗi anh ta cảm thấy bất tiện khi phải lưu lại đây dù chỉ thêm một phút sau khi ăn trưa. Quý vị nên có nhận định rõ ràng, tổng quát về người bị ma giá. Phong cách của nó biểu hiện qua suy nghĩ nó đã thành Phật, nên chẳng cần lạy Phật nữa.

Thành tội đại vọng ngữ, sẽ rơi vào địa ngục vô gián.

Trong tương lai, chắc chắn nó sẽ rơi vào địa ngục vô gián. Đừng có trông mong một khoảnh khắc tạm thời ngưng nghỉ. Ít nhất cũng là chín đời, dài nhất là một trăm thế. Không nghe theo Phật Pháp là vì ma lực đã chiếm đoạt no rồi. Dù nó muốn nghe, thì thân tâm nó vẫn thấy rất khó chịu, khiến nó không thể ngồi yên.

Trước đây tôi đã kể cho quý vị nghe chuyện này, quý vị nên hết sức lưu tâm. Khi quý vị đến chùa hoặc Niệm Phật Đường nào, quý vị cũng phải tuân theo Thiên môn quy củ nơi đạo tràng ấy. Hãy làm theo những gì mọi người đang làm. Đừng đứng khi mọi người đang lạy Phật. Những người hành xử như thế sẽ không bao giờ học được Phật Pháp. Khi học Phật pháp, quý vị phải hết sức khiêm tốn, cung kính và chân thành.

Kinh văn:

汝等必須，將如來語，於我滅後，傳示末法，遍令眾生開悟斯義。無令天魔得其方便。保持覆護，成無上道。

Nhữ đấng tất tu, tương Như Lai ngữ, u ngã diệt hậu, truyền thị mật pháp, biến linh chúng sanh, khai ngộ tư nghĩa. Vô linh thiên ma đắc kì phương tiện. Bảo trì phúc hộ, thành vô thượng đạo.

Việt dịch:

Vào thời mật pháp, sau khi Như Lai nhập niết-bàn, các ông cần phải đem lời dạy của Như Lai chỉ bày cho chúng sinh, khiến cho họ được tỏ ngộ nghĩa đó. Đừng để cho thiên ma có dịp quấy phá. Phải giữ gìn, che chở cho chúng sinh thành đạo vô thượng.

Giảng:

Vào thời mật pháp, sau khi Như Lai nhập niết-bàn, các ông cần phải đem lời dạy của Như Lai chỉ bày cho chúng sanh.

Các ông, là A-nan và các vị Đại bồ-tát, các vị Đại tỷ-khưu trong hội chúng cùng các vị Đại Trưởng lão. Đây là lời khuyên tấn của Đức Phật. “Các ông phải truyền dạy giáo pháp của Như Lai liên tục cho đến thời mật pháp. **Khiến cho họ được tỏ ngộ nghĩa đó.** Dạy cho họ hiểu được Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Dạy cho họ về Năm mươi loại âm ma. Về từng tướng trạng ma

trong *Sắc ám*, *Thọ ám*, *Tướng ám*, *Hành ám*, *Thức ám* mà tôi đã giảng giải cho ông. Hãy hết lòng truyền bá giáo lý này cho chúng sanh được hiểu.

Đừng để cho thiên ma có dịp quấy phá. Nếu các ông cứ để cho ma muốn làm gì tùy ý thì các ông sẽ bị phiền nhiễu.

Giữ gìn che chở, hộ trì Phật pháp, giúp cho chúng sanh được thành đạo vô thượng.

(Hết quyển 9 theo bản Hán)

HÀNH ÁM

A. TRẠNG THÁI TÂM LÝ TRƯỚC KHI VÀO CẢNH GIỚI HÀNH ÁM

Kinh văn:

阿難彼善男子，修三摩提，想陰盡者，是人平常，夢想銷滅，寤寐恒一。覺明虛靜，猶如晴空，無復麤重，前塵影事。觀諸世間，大地河山，如鏡鑑明，來無所粘，過無蹤跡，虛受照應，了罔陳習，唯一精真。

A-nan bi thiện nam tử, tu tam-ma-đề, tưởng âm tận giả, thị nhân bình thường, mộng tưởng tiêu diệt, ngộ mị hằng nhất. Giác minh hư tĩnh, do như tình không, vô phục thô trọng, tiền trần ảnh sự. Quán chư thế gian, đại địa hà sơn, như cảnh giám minh, lai vô sở niêm, quá vô tung tích, hư thọ chiếu ứng, liễu vông trần tập, duy nhất tinh chân.

Việt dịch:

A-nan, thiện nam tử kia, tu pháp tam-ma-đề, tưởng âm đã tiêu dung, mộng tưởng bình thường cũng hết hẳn, ngũ thức đồng một thể. Tính giác minh rỗng lặng như hư không, không còn những tướng tiền trần thô trọng. Xem mọi hiện tượng

trong thế gian như sông núi đất liền, như lòng gương sáng, ảnh hiện không dính mắc, đi không lưu lại dấu vết, thông dong phản chiếu sự vật, sạch hết tập khí cũ, thuần nhất chân tánh tinh anh.

Giảng:

A-nan, thiện nam tử kia, tu pháp tam-ma-đê.

Thiện nam tử nào đề cập ở đây? Chính là người đang nỗ lực trong công phu “hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình – *phản văn văn tự tánh*,” là người đang tu tập *Thủ-lăng-nghiêm đại định*, và chính xác ai là người này? Đơn giản là bất kỳ người nào đang tu tập chánh định. Thiện nam tử ở đây là không chỉ đề cập đến một cá nhân riêng biệt nào, cũng không phải là một danh xưng độc nhất. Nếu quý vị là người đang tu hành, thì tên gọi đó là dành cho quý vị. Nếu tôi là người đang tu hành thì danh hiệu đó dành cho tôi. Nếu cô ấy, ông ấy đang tu tập, thì nó dành cho cô ấy, bà ấy. Mọi người đều có thể nhận lấy tên gọi ấy. Đó là, các ông đều có tên gọi đó nếu tự xét mình là người có công phu tu tập. Còn nếu không tu tập thì ngược lại. Việc đó hoàn toàn hợp lý. Đó là người đang tu pháp tam-ma-đê.

Tu có nghĩa là siêng năng tọa thiền, không ăn nhiều bữa trong ngày, chủ yếu là tọa thiền, nghe giảng kinh, học Phật pháp. Tu tập điều gì? Đó là tu tập định lực. Tu tập định lực là sao? Chủ yếu là ở tọa thiền. Định lực phát sanh do việc trì giới, khi chúng ta đã thọ giới rồi, thì phải giữ giới cho tinh nghiêm, đừng bao

giờ vướng vào việc dâm dục. Nam giới phải theo quy củ phép tắc của nam. Nữ phải giữ phép tắc quy củ của nữ. Như Quan Công, một danh tướng thời Tam Quốc. Ông ta trung thành với vợ mình suốt đời, ông ta không bao giờ đến gần người đàn bà khác. Các ông có thấy khuôn mặt đỏ của ông ta không? Nó chứng tỏ chất chính khí, hào hiệp nơi ông. Bây giờ quý vị đã thọ giới, tôi muốn nói với quý vị là phải giữ lòng trung thành với ý trung nhân của mình. Đừng có vướng mắc vào sự ham muốn nhiều vợ, nhiều chồng rồi tìm kiếm bạn tình khắp nơi. Đừng nên hủy phạm giới luật, nên tuân thủ mọi quy củ, hành xử một cách quang minh chính đại, chỉ có cách ấy mới đạt được định lực. Sau khi thọ giới quý vị mới nên tu định, tu định rồi sẽ đạt được định lực, có định lực thì có được năng lực trí huệ.

Tại sao người ta bị ma gá? Nếu định lực của quý vị yếu và năng lực trí huệ không sung mãn, thì quý vị sẽ gặp ma chướng. Nếu công phu thiền định của quý vị chín muồi, quý vị sẽ chinh phục được ma quỷ. (32)

Tướng ám đã tiêu dung.

Trong số năm ám: sắc, thọ, tướng, hành, thức. Tướng ám đã bị tiêu trừ. Hành giả dụng tâm muốn giao hảo với tướng ám mà anh ta vừa chinh phục nó, khi đã vượt qua được tướng ám.

Mộng tướng bình thường cũng hết hẳn.

Trong trạng thái này, hành giả vẫn ngủ, vẫn ăn nhưng không còn mơ nữa.

Không Tử có lần nói:

“Than ôi! Ta suy yếu rồi! Từ lâu ta không còn mộng thấy Chu Công.”

Chu Công¹ là người bảo hộ cho Thành Vương² vào đời nhà Chu.³ Tại sao Khổng Tử không còn mộng nữa? Có lẽ đến lúc ấy Khổng Tử đã một phần vượt qua tướng ám rồi, tuy nhiên, do ông ta không biết được điều này, nên ông ta ngạc nhiên.

“Này, sao ta không còn mộng nữa? Ồ, ta đã già rồi!”

Khổng Tử đã có chút ít trong công phu tu tập, có thể ông ta đã tiêu trừ được tướng ám, mà không hề biết gì về việc ấy. Ông ta không hiểu nên ông ta đoán rằng do ông ta đã già yếu nên không còn mộng nữa. Một khi tướng ám tiêu dung thì ngũ không còn mộng nữa.

Ngủ thức đồng một thể.

Nếu quý vị có đọc văn học cổ điển Trung Hoa, quý vị có thể liên hệ đến câu chuyện nhan đề “*Trịnh Bá Khắc đoạn vu Yên.*”⁴ Xưa Trịnh Vũ Công cưới vợ là Thân Vu Giáp, gọi là Vũ Khương. Sinh ra được hai

¹ Chu Công: Chu Công Đán làm phụ chính cho các triều vua nhà Chu. Năm 1113 trước Công Nguyên (Mậu Tí): Chu Công Đán dẹp được Vũ Canh làm phản. Năm 1104 trước Công Nguyên (Bính Thân): Chu Công Đán mất.

² Thành Vương 成王: Tên Tụng 誦 con của Vũ Vương, tại vị 37 năm. Từ năm 1115 trước Công Nguyên (Bính Tuất): Thành Vương nguyên niên.

³ Nhà Chu 周, trị vì 867 năm (1122-256 trước CN).

⁴ 鄭伯克段於鄆; e: The Warlord Defeats Duan at Yan.

người con: Trang Công và Cung Thúc Đoạn. Trang Công được sinh ra khi mẹ là bà Vũ Khương đang ngủ. Khi bà mẹ thức dậy, đã sinh Trang Công xong rồi. Trang Công được gọi là “*Ngụ sinh*.”¹

Trạng thái thức ngủ như nhau có nghĩa là: Khi ngủ cũng như thể là thức. Hành giả lúc thức cũng tỉnh táo vì anh ta không điên đảo, và ngủ cũng không có mộng. Khi các ông vượt qua được tướng âm, các ông có thể xa rời được những điên đảo, xa rời mộng tưởng và đạt được cảnh giới niết-bàn. Nếu các ông chưa tiêu dung được tướng âm, thì cái điên đảo này khó mà tiêu trừ được. Các ông nên lưu tâm đến điều này.

Trong việc học Phật pháp của chúng ta, *ngũ âm* được đề cập trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm rất là quan trọng. Hơn thế nữa, các ông nên học cách mở sáu nút.² Nếu các ông không biết những nút này, thì không bao giờ mở được và không bao giờ được tự tại. Nếu mở được sẽ có tự do.

Tính giác minh rỗng lặng như hư không, không còn những tướng tiền trần thô trọng.

Đến điểm này hành giả có thể ngủ hay thức tùy ý, nhưng theo anh ta, hai trạng thái ấy hoàn toàn giống nhau. Loại trạng thái ấy là gì? Hành giả thực sự ngủ rất ít, anh ta chỉ cần phục hồi sinh lực bằng cách chớp mắt một lát. Không như những người ngủ từ sáng đến tối

¹ 寤生; e: Born upon waking.

² 六結 lục kết.

và ngủ từ tối đến sáng. Lý do họ ngủ không bao giờ thấy đủ, là vì họ chưa vượt qua được *tướng ám*. Anh ta thường hay ngủ lơ mơ một chút, khi anh ta vượt qua *tướng ám* được rồi, anh ta trở nên rất lanh lợi và sáng suốt, thức và ngủ trở nên là một đối với anh ta. Điều này không có gì xa lạ, nếu quý vị nói chuyện khi anh ta đang ngủ, anh ta cũng nghe được hết. Đó là một trạng thái vi diệu, đừng cho rằng có thể mạt ly anh ta khi đang ngủ, vì anh ta biết được những gì các ông đang nói. Anh ta chỉ không để cho quý vị biết được những gì anh ta biết. Thật là cảnh giới kỳ diệu, một số chư thiên không ăn cũng không ngủ mà luôn thấy lanh lợi và tỉnh táo.

Tâm giác ngộ sáng suốt rộng lặng như hư không. Như lời trong bài kệ:

“*Vạn lý vô vân vạn lý thiên*”

(Muôn dặm không mây, muôn dặm trời).

Trên bầu trời trong vắt, ánh sáng mặt trời tỏa lan đến cả ngàn dặm chung quanh. Trong trạng thái này tâm hành giả không còn những bóng dáng của tiền trần thô trọng. Tất cả bóng dáng bên ngoài của tiền trần đều bị tiêu mất.

Xem mọi hiện tượng trong thế gian như sông núi đất liền, như lòng gương sáng, ảnh hiện không dính mắc, đi không lưu lại dấu vết,

Cảm nhận về mọi hiện tượng trong thế gian này như là tấm gương sáng. Trong đó phản chiếu tất cả sự vật, gương trở lại tướng không khi ảnh không chiếu soi nữa, nó không để lại dấu vết gì cả. Bất luận cảnh giới

gì hiện ra, hành giả cũng không dính mắc vào nó, khi cảnh giới ấy đi qua thì chẳng còn dấu vết gì lưu lại. Khi ra đi nó đi một cách đơn giản, nên trong Kinh Kim Cương nói:

“Quá khứ tâm bất khả đắc. Hiện tại tâm bất khả đắc. Vị lai tâm bất khả đắc.”

Tâm quá khứ không thể nắm bắt được. Tâm hiện tại không thể nắm bắt được. Tâm vị lai không thể nắm bắt được. Ba cảnh giới ấy đều không thể nắm bắt được. Đó là lý do tại sao khi cảnh đến chẳng có gì dính mắc, khi đi chẳng lưu lại dấu vết gì.

Thông dong phản chiếu sự vật, sạch hết tập khí cũ. Hành giả sạch hết tập khí cũ như xấu xa, ác độc phá hoại. Hãy quan sát tập khí xấu của một số người. Có người chỉ thích nói về những chuyện xấu xa, điên rồ. Đó là tập khí hôi thối (xú tập khí). Có người chỉ thích nói những chuyện hèn hạ, bỉ ổi. Đó là tập khí phá hoại. Có người thường rất cống cao ngã mạn. Tóm lại, chúng ta có rất nhiều tập khí xấu, nhưng hành giả ấy đã từ bỏ tất cả những tập khí cũ ấy.

Thuần nhất chân tánh tinh anh.

Chỉ còn lại tánh chân thật tinh anh. Đó là thức thứ tám. Đến đây sáu thức trước và thức thứ bảy đã tiêu mất, bây giờ chỉ còn thức thứ tám, và nó sẽ chuyển thành Đại viên cảnh trí như chư Phật. Bây giờ hành giả đã đạt được mức độ này rồi (thức thứ tám) chớ chưa chuyển qua Đại viên cảnh trí được. Đó là ý nghĩa chỉ còn lại thuần nhất chân tánh tinh anh.

B. PHẠM VI HÀNH ÁM

Kinh văn:

生滅根元，從此披露，見諸十方，十二眾生，畢殫其類。雖未通其，各命由緒，見同生基，猶如野馬，熠熠清擾，為浮根塵，究竟樞穴。此則名為，行陰區宇。

Sanh diệt căn nguyên, tông thử phi lộ, kiến chư thập phương, thập nhị chúng sanh, tất đàn kì loại. Tuy vị thông kì, các mệnh do tự, kiến đồng sanh cơ, do như dã mã, tập tập thanh nhiễu, vi phù căn trần, cứu cánh xu huyệt. Thử tắc danh vi, hành âm khu vũ.

Việt dịch:

Căn nguyên của sinh diệt từ đó lộ ra, thấy được mười hai loại chúng sanh trong khắp mười phương, rõ hết các loài. Dù chưa thông suốt manh mối của mỗi loại, nhưng đã thấy chúng có chung một cơ sở sinh diệt, giống như sóng nắng chớp nhoáng bập bênh, làm điểm then chốt để phát sinh các phù căn trần. Đây gọi là phạm vi của hành âm.

Giảng:

Căn nguyên của sinh diệt từ đó lộ ra. Từ đây lộ bày rõ ra nguồn gốc của sự sinh diệt.

Điều này liên quan đến nguồn gốc của sự sinh ra và chết đi. Nó nằm trong loại động tướng vi tế của thức thứ bảy và thức thứ sáu. Lúc này, tướng âm đã tiêu

dung, hành giả đạt đến hành ám. Do vậy, nguồn gốc của sự sanh diệt mới được hiển lộ.

Hành giả thấy được toàn thể mười hai loại chúng sanh trong khắp mười phương.

Hiểu được một cách tường tận mỗi thứ trong mười hai loại chúng sanh, bao gồm các loài sinh từ trứng (noãn sinh) cho đến loài phi vô tướng.

Dù chưa thông suốt manh mối, nguồn gốc riêng của mỗi loại, nhưng đã thấy chúng có chung một cơ sở sinh diệt, giống như sóng nắng chớp nhoáng bập bênh.

Hành giả chưa hoàn toàn biết rõ nguồn gốc riêng của từng loại chúng sanh, nhưng đã nhận rõ nguồn gốc của mười hai loại chúng sanh. Căn nguyên này giống như sóng nắng (*dã mã*). Đôi khi vào mùa xuân, quý vị có thể nhìn thấy có thứ gì đó giống như nước từ đằng xa, nhưng khi đến nơi thì chẳng có nước. Trang Tử gọi ảo giác này là *dã mã*.¹ Đó là thị vi hóa về hình ảnh một đám mây bị cuộn lên theo sau đám ngựa phi nhanh. Trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm, theo văn kinh gọi đó là “*ương diễm*”² – *sóng nắng*.” Có nghĩa là hơi nước bốc lên từ mặt đất vào mùa xuân, tạo thành một cảnh tượng hư ảo. Người ta cho rằng ở nơi đâu có hiện tượng này thì nơi ấy phong thủy địa lý rất tốt. Do vậy dù trong

¹ 野馬; e: wild horse.

² 陽焰; e: solar flames.

kinh Phật gọi đó là *duyơng diệm* hay *dã mã* cũng đều có nghĩa là ảo tưởng.

“**Chớp nhoáng – tập tập.**” Có nghĩa là có chút ít ánh sáng, lúc có lúc không, không sáng rõ.

“**Bập bành – thanh nhiễu**” Nghĩa là: Trạng thái nhiễu loạn dao động nhẹ nhàng.

Làm điểm then chốt để phát sanh các phù căn trần.

Sáu *phù căn trần* là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tất cả các thứ ấy đều không thực, chỉ là huyền tượng. Trong tiếng Trung Hoa, chữ *then chốt* được biểu tượng bằng cái chốt cửa mà người Trung Hoa dùng để đóng hay mở cửa. Ngày nay chúng ta dùng hai miếng bản lề bằng kim loại. Nhưng vào thời xưa, ở Trung Hoa cái cửa được quay nhanh một cái trục gọi là *then* và *chốt* vào lỗ để đóng lại.

Đây gọi là phạm vi của hành ám.

C. CỘI GỐC CỦA HÀNH ÁM

Kinh văn:

若此清擾，熠熠元性，性入元澄，一澄元習，如波瀾滅，化為澄水。名行陰盡。是人則能超眾生濁。觀其所由，幽隱妄想以為其本。

Nhược thử thanh nhiễu, tập tập nguyên tánh, tánh tập nguyên tròng, nhất tròng nguyên tập. Như ba lan diệt, hóa vi tròng thủy. Danh hành ám tận. Thị nhân

tắc năng siêu chúng sanh trực. Quán kì sở do, u ản vọng tướng dĩ vi kì bản.

Việt dịch:

Nếu cội gốc của tánh bập bênh chớp nhoáng ấy nhập vào bản chất trong lặng vốn sẵn có xưa nay, thì tập khí của hành giả sẽ lóng lạng, như sóng lặng nước yên. Đây gọi là hành âm tiêu dung. Người ấy có thể vượt qua được chúng sanh trực. Quán xét nguyên do cội gốc của hành âm, chính là u ản vọng tướng.

Giảng:

Nếu cội gốc của tánh bập bênh chớp nhoáng ấy nhập vào bản chất trong lặng vốn sẵn có xưa nay, thì tập khí của hành giả sẽ lóng lạng. Như sóng lặng nước yên.

Bản chất của ánh sáng chớp nhoáng bập bênh này là như thế, sau một thời gian dài nó sẽ trở về với thể tánh rỗng lặng trong suốt vốn sẵn có xưa nay. Một khi nó đã lắng xuống và trở nên trong trẻo, thì bản tánh thanh tịnh hiển bày, khi bản tánh hiển lộ thì những tập khí sẽ tiêu tan như sóng lặng xuống.

Tướng âm, như một dòng nước chảy xiết (*bạo lưu*). Trong kinh vẫn ở đoạn trước đã có sự so sánh ấy rồi. Bây giờ dùng sóng để ví dụ. Giống như một dòng nước chảy xiết, rất nhanh và dữ dội.

Đây gọi là hành âm tiêu dung.

Tướng âm như dòng nước phun vọt ra, còn hành âm như sóng gợn lăn tăn trên mặt nước. Đến khi chỉ

còn *thức âm*, thì mới hết sóng, nước lắng yên và trong veo. Đây gọi là *hành âm* tiêu dung.

Hành giả có thể vượt qua được chúng sanh trước, đó là sự hỗn độn, mờ đục của thế giới chúng sanh. **Quán xét nguyên do cội gốc của hành âm, chính là u ẩn vọng tưởng.**

Khi quý vị tu tập đạt đến mức độ này rồi, quý vị vẫn còn có vọng tưởng, nhưng không quá lộ liễu, nó bị che khuất trong khoảng tối tăm mù mịt, không dễ dàng quán xét để biết rõ ràng tường tận thứ vọng tưởng ấy được. Loại vọng tưởng cực kỳ vi tế này là nguồn gốc của hành âm.

D. 10 CẢNH GIỚI CỦA HÀNH ÂM

1. HAI LOẠI TÀ KIẾN VÔ NHÂN

Kinh văn:

阿難當知，是得正知，奢摩他中，諸善男子，凝明正心，十類天魔不得其便。方得精研窮生類本，於本類中，生元露者，觀彼幽清，圓擾動元，於圓元中起計度者，是人墜入二無因論。

A-nan đương tri, thị đắc chánh tri, xa ma tha trung, chư thiện nam tử, ngưng minh chánh tâm, thập loại thiên ma, bất đắc kì tiện. Phương đắc tinh nghiên, cùng sanh loại bản, u bản loại trung, sanh nguyên lộ

giả, quán bi u thanh, viên nhiều động nguyên, u viên nguyên trung khởi kế độ giả. Thị nhân đọa nhập nhị vô nhân luận.

Việt dịch:

A-nan, nên biết, các thiện nam tử ấy đã được sự nhận biết chân chính trong khi tu xa-ma-tha, chánh tâm ngưng lặng, sáng suốt, không bị quấy phá bởi mười loại thiên ma. Trong lúc nghiên cứu tinh vi cùng tột gốc của các loại chúng sanh, khi thấy manh mối sinh diệt của các loại hiện ra, quán xét cội gốc thường chuyển động lăng xăng cùng khắp uẩn kia, trong đó lại khởi tâm so đo chấp là tính viên nguyên, thì liền rơi vào hai thứ luận vô nhân.

Giảng:

A-nan, nên biết, các thiện nam tử ấy đã được sự nhận biết chân chính trong khi tu xa-ma-tha (chỉ), còn gọi là tịch tĩnh.

Chánh tâm ngưng lặng, sáng suốt, không bị quấy phá bởi mười loại thiên ma.

Tâm đã được điều phục ngưng lặng, sáng suốt. Trong định, tâm hành giả trở nên sáng suốt ngưng lặng. Không bị quấy phá bởi mười loại thiên ma. Thiên ma không có cơ hội để quấy phá hành giả.

Trong lúc nghiên cứu tinh vi cùng tột gốc của các loại chúng sanh. Bây giờ hành giả có thể có được cơ hội nghiên cứu tinh vi cùng tột cội gốc sinh diệt của mười hai loại chúng sanh.

Khi thấy manh mối sinh diệt của các loài hiện ra.

Khi hành giả vạch ra được manh mối sinh diệt của mỗi loài chúng sanh. Hành giả có thể **quán sát cội gốc thường chuyển động lăng xăng trùm khắp uẩn kia.**

Hành giả quán sát trạng thái lăng xăng mờ mịt rất khó nhận ra ấy. Trạng thái bập bênh tỏa khắp này là một sự dao động rất vi tế thuộc phạm vi thức thứ bảy.

Trong đó lại khởi tâm so đo chấp là tính viên nguyên, thì liền rơi vào hai thứ luận vô nhân.

Nhưng nếu hành giả đột nhiên bắt đầu có một sự thay đổi và bắt đầu khởi tâm so đo chấp trước vào cội nguồn trùm khắp ấy, là tự tánh xưa nay vốn tròn đầy thì liền rơi vào hai thứ luận vô nhân.

Kinh văn:

一者是人見本無因。何以故？是人既得，生機全破。乘于眼根八百功德，見八萬劫所有眾生，業流灣環，死此生彼。祇見眾生，輪迴其處，八萬劫外，冥無所觀。

Nhất giả thị nhân kiến bản vô nhân. Hà dĩ cố? Thị nhân kí đắc, sanh cơ toàn phá. Thừa vu nhãn căn, bát bách công đức, kiến bát vạn kiếp, sở hữu chúng sanh, nghiệp lưu loan hoàn, tử thử sanh bỉ. Kỳ kiến chúng sanh luân hồi kỳ xứ. Bát vạn kiếp ngoại, minh vô sở quán.

Viết dịch:

Một là, người ấy thấy cái gốc không có nhân. Vì sao? Vì người ấy đã hoàn toàn chuyển hóa cơ chế

của sự sinh ra. Nhờ tám trăm công đức của nhãn căn, thấy được toàn bộ chúng sanh theo vòng nghiệp báo mà xoay vần trong tám vạn kiếp, chết nơi này sanh nơi kia. Thấy chúng sanh luân hồi trong đó, nhưng ngoài tám mươi ngàn kiếp thì không biết được gì.

Giảng:

Luận điểm trước tiên của thuyết vô nhân là: Hành giả thấy được nguồn gốc của sự sống vốn không có nhân.

Một là, người ấy thấy cái gốc không có nhân.

Hành giả thấy rằng: Nơi nguồn gốc của toàn thể vạn vật chẳng có một nguyên nhân nào khiến một người thành người.

Vì sao? Vì người ấy đã hoàn toàn chuyển hóa cơ chế của sự sinh ra.

Nghĩa là: Anh ta đã cắt đứt được tướng âm, còn hành âm thì như sóng gợn lăn tăn trên mặt nước. Sau khi hành giả tiêu dung được tướng âm rồi, là đã chuyển hóa được toàn bộ cơ chế của sinh diệt. Có nghĩa là: cơ chế sinh khởi vọng tưởng đã được chuyển hóa, và hành giả không còn vọng tưởng nữa. Trong đoạn kinh văn trước đã nhắc đến người sẽ không còn mộng nữa khi tiêu dung được tướng âm, vì đã chuyển hóa được cơ chế sinh khởi vọng tưởng.

Nhờ tám trăm công đức của nhãn căn, thấy được toàn bộ chúng sanh theo vòng nghiệp báo mà xoay vần trong tám vạn kiếp, chết nơi này sanh nơi kia.

Mặc dù mỗi căn có khả năng một ngàn hai trăm công đức, riêng cái dụng của nhãn căn không có năng lực toàn diện nên chỉ có tám trăm công đức. Một khi hành giả vượt qua được tướng âm, anh ta có thể nhìn thấy những sự kiện xảy ra trong phạm vi tám vạn kiếp. Anh ta có thể thấy chúng sinh, chết nơi này sanh ở nơi kia, thấy chúng sanh luân hồi trong đó.

Dòng nghiệp tạo nên bởi chúng sanh trong thế gian này có thể ví như dòng nước hoặc như mặt biển. Anh ta có thể thấy được toàn bộ chúng sanh xoay vần trong dòng chảy đó trong thời gian tám vạn đại kiếp, chết nơi này sinh nơi kia, đời này kế tiếp đời sau.

Thấy chúng sanh luân hồi trong đó, nhưng ngoài tám mươi ngàn kiếp thì không biết gì.

Nhưng ngoài tám vạn kiếp, những biến cố sự kiện xảy ra trong khoảng ấy thì không biết được gì.

Kinh văn:

便作是解，此等世間十方眾生，八萬劫來，無因自有。

Tiện tác thị giải, thử đẳng thế gian thập phương chúng sinh, bát vạn kiếp lai, vô nhân tự hữu.

Việt dịch:

Do vậy hành giả có kiến giải rằng, những loại chúng sanh trong mười phương thế giới này từ tám vạn kiếp trở lại, hiện hữu mà không có nguyên nhân.

Giảng:

Do vậy, vì hành giả không nhìn thấy được những sự kiện xảy ra trong hơn tám vạn đại kiếp trở lại, nên có kiến giải những loại chúng sanh trong mười phương thế giới này từ tám vạn kiếp trở lại, thành chúng sanh mà không có nguyên nhân.

Tự nó làm chúng sanh, không có nhân duyên nào cả, tất cả đều tình cờ ngẫu nhiên mà sanh ra.

Kinh văn:

由此計度，亡正遍知，墮落外道，惑菩提性。

Do thử kế độ, vong chánh biến tri, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh.

Việt dịch:

Do sự suy đoán này, nên mất chánh biến tri, bị lạc vào ngoại đạo, trở nên mê lầm tánh bồ-đề.

Giảng:

Do sự suy đoán này. Sự phỏng đoán ấy đã lạc đường, là hướng ra bên ngoài mà suy lường. Nên hành giả đánh mất chánh biến tri, lạc vào hàng ngoại đạo, theo hàng ngoại đạo tà giáo. Trở nên mê lầm tánh bồ-đề... là tánh giác ngộ sáng suốt từ bản tâm.

Kinh văn:

二者是人見末無因。何以故？是人於生，既見其根。知人生人，悟鳥生鳥。鳥從來黑，鵠從來白。人天本豎，畜生

本橫。白非洗成，黑非染造。從八萬劫，無復改移。

Nhị giả thị nhân kiến mạng vô nhân. Hà dĩ cố? Thị nhân ư sanh, kí kiến kỉ căn. Tri nhân sanh nhân, ngộ điều sanh điều. Ô tông lai hắc, hộc tông lai bạch. Nhân thiên bản thụ, súc sanh bản hoành. Bạch phi tẩy thành, hắc phi nhiễm tạo. Tông bát vạn kiếp, vô phục cải di.

Việt dịch:

Thứ hai là người ấy thấy cái ngọn là không có nguyên nhân. Tại sao? Vì đã nhận ra cội gốc sinh diệt. Biết loài người luôn luôn sanh ra người, chim luôn luôn sanh ra chim. Quạ vốn xưa nay là đen, chim hộc vốn xưa nay là trắng. Loài người, loài trời luôn luôn đứng thẳng, loài vật luôn luôn có thân nằm ngang. Sắc trắng không do rửa mà thành, màu đen không do nhuộm mà có. Suốt tám vạn kiếp việc ấy không hề thay đổi.

Giảng:

Thứ hai là người ấy thấy cái ngọn là không có nguyên nhân.

L luận điểm thứ hai là gì? Hành giả thấy chỗ tận cùng của sự sống là không có nguyên nhân.

L luận điểm thứ nhất là thấy sự sinh khởi không có nguyên nhân. Bây giờ là quan niệm về sự biến diệt, sự chấm dứt cuộc sống không có nguyên nhân.

Vì sao? Vì hành giả đã nhận ra được cội gốc của sự sinh diệt là sự khởi thủy của toàn bộ chúng

sanh. **Biết người luôn luôn sinh ra người, chim luôn luôn sanh ra chim.** Hành giả nhận thấy rằng mình đã giác ngộ, đạt được trí huệ vĩ đại, anh ta nghĩ rằng mình biết được mọi điều. Anh ta cho rằng mình biết được điều gì? Anh ta nói: “Người rốt cục lại sanh ra người, chim rồi lại sanh làm chim.” (33)

Chim **qua vốn xưa nay là màu đen.** Qua có màu đen từ khởi thủy, nó chẳng phải do nhuộm mà có màu đen, và **chim học** (ngỗng trời) **vốn xưa nay là màu trắng,** nó mang màu trắng từ khi mới sanh ra.

Loài người, loài trời luôn luôn đứng thẳng. Loài người và chư thiên thì đi thẳng, đi bằng hai chân.

Loài vật luôn có thân nằm ngang. Súc sinh đi ngang bằng bốn chân trên mặt đất. Điều này là chính xác từ xưa nay rồi.

Sắc trắng không phải do rửa mà thành, màu đen không phải do nhuộm mà có. Chẳng hạn như qua có màu đen, nhưng chẳng do nhuộm mà thành đen. Cũng thế ngỗng trời có màu trắng, chẳng phải do tẩy rửa mà thành trắng.

Suốt trong tám vạn kiếp, việc ấy không hề thay đổi.

Kinh văn:

今盡此形，亦復如是。而我本來，不見菩提，云何更有成菩提事？當知今日一切物象，皆本無因。

Kim tận thử hình, diệc phục như thị. Nhi ngã bản lai, bất kiến bồ-đề, vân hà cánh hữu, thành bồ-đề sự? Đương tri kim nhật nhất thiết vật tượng, giai bản vô nhân.

Việt dịch:

Cho đến hết đời này cũng như vậy. Mà ta từ xưa nay, chưa từng thấy có gì là bồ-đề, thì làm sao có chuyện thành tựu bồ-đề? Các ông ngày nay nên biết, các vật tượng hiện hữu đều không có nguyên nhân.

Giảng:

Cho đến hết đời này cũng như vậy.

Người ấy có thể thấy được những hiện tượng xảy ra trong phạm vi tám vạn đại kiếp, nên nói: “Nay tôi xem xét đến cùng tận cõi đời này là cuộc sống của thân vật chất, cũng thấy như vậy, cũng giống như mọi loài chúng sanh mà nó thấy được trong tám vạn đại kiếp ấy.

Mà ta từ xưa nay, chưa từng thấy có gì là bồ-đề, thì làm sao có chuyện thành tựu bồ-đề? Thân nó cũng không có nguồn gốc sanh khởi. Nó nói: “Thực vậy từ xưa đến nay, ta chưa từng thấy có gì là bồ-đề. Ta chưa từng thấy bồ-đề như thế nào? Làm sao lại có việc thành đạo bồ-đề?

Ta đã nhìn qua tám vạn đại kiếp, chưa từng thấy được bồ-đề, thế nên làm sao ta có thể tin là có người chứng được đạo bồ-đề.

Các ông ngày nay nên biết các vật tượng hiện hữu đều không có nguyên nhân.

Các hiện tượng ấy hiện hữu chẳng do bất kỳ nguyên nhân nào mà. Thực ra, anh ta chỉ có thể thấy được các hiện tượng trong phạm vi tám vạn đại kiếp. Còn những hiện tượng xảy ra ngoài thời gian đó, thì anh ta hoàn toàn không biết.

Khi Đức Phật còn tại thế, có một lão già đến tinh xá gặp Phật xin được xuất gia. Gặp khi Đức Phật đang trên đường du hóa, không có ở tinh xá. Các vị A-la-hán ở đó đều nhìn lão già. Đó là một người khoảng ngoài tám mươi tuổi, da nhăn, tóc bạc, dáng đi lụm cụp run rẩy. Bất kỳ lúc nào có người đến tinh xá xin xuất gia, các vị A-la-hán đều quán sát những nhân duyên người ấy đã gieo trồng từ nhiều kiếp trước và quả báo mà người ấy sẽ gặt và đời sau. Nay chư vị A-la-hán quán sát những nghiệp nhân người già ấy đã gieo và thấy được trong tám vạn kiếp trước, lão già ấy không gieo trồng chút thiện căn nào cả.

Vị đại A-la-hán bảo: “Vì ông không trồng căn lành, nên không thể xuất gia được. Ông chớ nên nghĩ rằng xuất gia là dễ. Để được làm người xuất gia, các ông phải gieo trồng nhiều hạt giống bồ-đề trong đời này và những đời sau. Mặc dù ông muốn xuất gia ngay đời này, nhưng do vì ông đã không gieo nhân lành nên chúng tôi không thể nhận ông vào trong đoàn thể những người xuất gia. Tốt hơn là ông nên về nhà đi.”

Lão già nghe vậy bèn bật khóc. Ông khóc khi nghĩ về số phận kém may mắn của mình. Cũng như trong một lần trước, ông đã từng ước nguyện được xuất gia

và cũng bị từ chối bởi các vị A-la-hán đệ tử Phật. Ông lão vừa đi vừa khóc, suy nghĩ: “Tốt nhất là ta nên tự tử chết cho rồi, ta nên treo cổ hoặc trảm mình chết dưới sông. Ta chẳng muốn sống để làm gì nữa!”

Vậy mà một niệm chân thành của ông đã cảm ứng đến chư Phật. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền đến gặp ông và hỏi: “Tại sao ông khóc?”

Ông trả lời: “Con muốn sống đời xuất gia, nhưng Thế tôn không có ở tinh xá, các đệ tử của ngài không chấp nhận con vào Tăng đoàn. Họ nói con không gieo trồng căn lành và chẳng làm được việc gì tốt trong tám vạn kiếp vừa qua hết thảy. Nên con suy nghĩ thà chết còn hay hơn. Chẳng còn mục đích gì để sống cả.”

Đức Phật nói:

- Đừng khóc nữa! Ta sẽ giúp ông. Ta sẽ đồng ý cho ông xuất gia. Hãy theo ta về tinh xá.”

Lão già theo Đức Phật trở về tinh xá. Và được Đức Phật cho xuất gia. Tất cả những vị A-la-hán đều lấy làm khó hiểu. Họ suy nghĩ:

- Lạ thật! Đức Phật xưa nay chỉ nhận toàn những người đã gieo trồng nhiều căn lành. Tại sao ngày nay lại nhận lão già chẳng gieo trồng chút căn lành nào cả?

Đức Phật biết vậy mới bảo với họ rằng:

- Các ông là hàng A-la-hán, chỉ mới có thể biết được những việc xảy ra trong vòng tám vạn đại kiếp. Còn ngoài khoảng thời gian ấy, các ông hoàn toàn không biết được. Cách đây hơn tám vạn đại kiếp, lão già này là tiêu phu đốn củi trong rừng. Một hôm ông ấy

gặp phải cọp và leo lên cây để tránh. Con cọp bắt đầu gặm gốc cây, chực muốn ăn sống nuột tươi người tiều phu. Người ấy quá hoảng hốt kêu lên “*Nam-mô Phật.*” Con cọp liền bỏ đi, khi cọp đã đi xa rồi, ông tiều phu mới trở về nhà, thoát khỏi nạn cọp vồ.

Chỉ niệm một câu “*Nam-mô Phật,*” là ông ta đã gieo trồng một thiện căn trong hơn tám vạn đại kiếp trước. Đến bây giờ là lúc hạt giống ấy nảy mầm và kết trái. Đó là lý do ông lão được nhận cho xuất gia.

Đức Phật giải thích sự sợ hãi của các đệ tử A-la-hán như vậy.

Người ấy cho rằng các sự vật hiện hữu đều không có nguyên nhân là vì anh ta không thể biết được những hiện tượng xảy ra trong khoảng thời gian ngoài tám vạn đại kiếp ấy.

Kinh văn:

由此計度，亡正遍知，墮落外道，惑菩提性。

Do thử kế độ, vong chánh biến tri, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh.

Việt dịch:

Do sự suy đoán như vậy, người ấy đánh mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo trở nên mê mờ tánh bồ-đề.

Giải:

Do sự suy đoán như vậy, người ấy đánh mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, trở nên mê mờ tánh bồ-đề.

Anh ta chẳng hiểu được tánh bò-đề.

Kinh văn:

是則名為，第一外道，立無因論。

Thị tắc danh vi, đệ nhất ngoại đạo, lập vô nhân luận.

Việt dịch:

Đây gọi là ngoại đạo thứ nhất, lập nên luận thuyết vô nhân.

Giải:

Ma lập nên luận thuyết, cho rằng mọi hiện tượng đều không có nguồn gốc, hoặc không có nguyên nhân tạo ra.

2. TÀ KIẾN CHÁP THƯỜNG

Kinh văn:

阿難，是三摩中，諸善男子，凝明正心，魔不得便。窮生類本，觀彼幽清常擾動元。於圓常中起計度者，是人墜入四遍常論。

A-nan, thị tam ma trung, chư thiện nam tử, ngưng minh chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên. Ư viên thường trung, khởi kế độ giả, thị nhân trụy nhập tứ biến thường luận.

Việt dịch:

A-nan, các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có

ơ hội quấy phá. Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc sự phát sinh của muôn loài, xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng vi tế kia. Trong đó, nếu khởi tâm chấp trước là tánh *viên thường*, thì sẽ rơi vào bốn luận thuyết biến thường.

Giảng:

A-nan, các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề chánh tâm đứng lặng sáng suốt. Hành giả trong lúc thiền quán, chánh tâm đứng lặng, sáng trong. Chánh tâm của hành giả có được trí tuệ từ năng lực của thiền định. Nên thiên ma không có cơ hội quấy phá. Bây giờ, thiên ma không còn có thể dùng ma thuật để nhiễu loạn hành giả được nữa. Nhưng thỉnh thoảng từ trong hành ám lại hiện ra một loại biến hóa, khiến cho hành giả khởi vọng niệm, tà ý. Đây gọi là: “Ma sinh từ trong tâm.” Là một loại ma sinh khởi từ trong tâm của chính hành giả.

Trong khi quán sát sâu xa nguồn gốc phát sinh của muôn loài, hành giả xét cái cội gốc thường chuyển động lăng xăng uẩn kia.

Anh ta quán sát tánh chất của manh mối cực kỳ uẩn của tất cả mọi loài chúng sanh. Nơi ấy anh ta thấy được một sự lăng xăng nhiễu động thường xuyên rất vi tế.

Trong đó, nếu khởi tâm chấp đó là tánh *viên thường*, thì sẽ rơi vào bốn luận thuyết biến thường.

Anh ta có thể sẽ phát khởi một thứ tà kiến, một loại suy lường sai lạc. Nên rơi vào bốn quan niệm biến thường. Bốn thứ luận *biến thường* là gì?

Kinh văn:

一者是人，窮心境性，二處無因。修習能知，二萬劫中，十方眾生，所有生滅。咸皆循環，不曾散失，計以為常。

Nhất giả thị nhân, cùng tâm cảnh tính, nhị xứ vô nhân. Tu tập năng tri, nhị vạn kiếp trung, thập phương chúng sanh, sở hữu sanh diệt, hàm giai tuần hoàn, bất tăng tán thất, kế dĩ vi thường.

Việt dịch:

Một là, người ấy nghiên cứu tột cùng tâm cảnh, cả hai đều không có nhân. Tu tập biết được trong hai muôn kiếp, chúng sanh trong mười phương trải qua xoay vần sanh diệt mà không mất hẳn, nên chấp là thường.

Giảng:

Một là, người ấy nghiên cứu tột cùng tâm cảnh. Hành giả nghiên cứu tột cùng bản tánh của tâm và cảnh. Anh ta phát khởi một suy nghĩ sai lạc và kết luận rằng cả hai tâm và cảnh đều không có nhân. Điều không có cội gốc, nơi mà chúng sinh khởi.

Tu tập biết được trong hai muôn kiếp, chúng sanh trong mười phương trải qua xoay vần sanh diệt mà không mất hẳn

Nhờ có công phu tu tập, anh ta có thể biết được trong hai muôn kiếp những chúng sanh trong mười phương trải qua vòng sanh diệt vô cùng vô tận mà không dứt hẳn.

Do tu tập mà có định lực nên biết được sự sinh ra và chết đi của toàn thể các loại chúng sanh ở mười phương trong vòng hai vạn kiếp. Thấy được chúng sanh trải qua những vòng luân hồi bất tận, sanh ra rồi chết đi liên tục mãi mãi mà không bao giờ tan mất hẳn. **Nên chấp là thường.** Do vậy hành giả chấp tâm cảnh ấy là thường. Không bao giờ cải biến thay đổi cả.

Kinh văn:

二者是人窮四大元，四性常住。修習能知四萬劫中，十方眾生所有生滅，咸皆體恒，不曾散失，計以為常。

Nhị giả thị nhân, cùng tứ đại nguyên, tứ tánh thường trụ. Tu tập năng tri, tứ vạn kiếp trung, thập phương chúng sanh, sở hữu sanh diệt, hàm giai thể hằng, bất tăng tán thất, kế dĩ vi thường.

Việt dịch:

Hai là người ấy nghiên cứu tột cùng cội gốc của tứ đại, cho rằng tánh của nó là thường trụ. Tu tập biết được trong bốn muôn kiếp, chúng sanh trong mười phương tuy có trải qua sống chết, nhưng bản thể là thường hằng, không bao giờ tan mất, nên chấp đó là thường.

Giảng:

Luận điểm thứ hai là gì? Là người ấy nghiên cứu tột cùng cội gốc của tứ đại, cho rằng tánh của nó là thường trụ. Hành giả nghiên cứu tột cùng cội gốc của

tứ đại đất nước, lửa gió, kết luận tánh của nó là thường trụ.

Anh ta tuyên bố rằng: “Bản thể của đất nước gió lửa là thường còn, không thể biến hoại.” Thực ra đất nước gió lửa có được là do vọng tưởng của chúng sanh và hoàn toàn không có thể tánh. Không có thể tánh làm sao nó lại thường được? Đây là một quan niệm sai lầm.

Qua công phu tu tập, biết được trong bốn muôn kiếp, chúng sanh trong mười phương tuy có trải qua sống chết, nhưng bản thể của chúng sanh lại thường hằng, không bao giờ tan mất. Do vậy, nên hành giả chấp trạng thái ấy là thường.

Anh ta cho rằng bản chất của sanh diệt là thường hằng không biến đổi, nó không bao giờ gián đoạn. Đó là luận điểm thứ hai.

Kinh văn:

三者是人窮盡六根，末那執受，心意識中，本元由處，性常恒故。修習能知八萬劫中，一切眾生，循環不失，本來常住。窮不失性，計以為常。

Tam giả thị nhân, cùng tận lục căn, mạn-na chấp thọ, tâm ý thức trung, bản nguyên do xứ, tánh thường hằng cố. Tu tập năng tri bát vạn kiếp trung, nhất thiết chúng sanh tuần hoàn bất thất, bản lai thường trụ. Cùng bất thất tánh, kế dĩ vi thường.

Việt dịch:

Ba là, người ấy nghiên cứu cùng tột nguyên do bản lai của *lục căn*¹, của sự chấp thủ ở thức mạt-na và của tâm ý thức, thấy bản tánh của nó vốn thường hằng. Tu tập biết được trong tám vạn kiếp, tất cả chúng sanh xoay vần không mất, xưa nay vốn thường trụ. Nghiên cứu cùng tột tánh không mất ấy, chấp cho là thường.

Giảng:

Ba là, người ấy nghiên cứu cùng tột nguyên do bản lai của *lục căn*

Người ấy nghiên cứu cùng tột nguyên do bản lai của thức thứ sáu. Thức thứ sáu còn gọi là ý thức. Mạt-na thức còn gọi là nhiễm ô thức.

Của sự chấp thủ ở thức Mạt-na, và của tâm ý thức, tức là của thức thứ sáu và thức thứ bảy.

Thấy bản tánh của nó vốn thường hằng. Qua công phu tu tập. Dùng công phu: “*phán văn văn tự tánh.*” Biết được trong tám vạn kiếp, tất cả chúng sanh trong mười phương xoay vần luân chuyển trong luân hồi không hề tan mất và không hề thay đổi, vốn xưa nay vốn thường trụ. Nghiên cứu cùng tột tánh không tan mất ấy chấp cho là thường. Không bị chi phối bởi sự thay đổi.

¹ 六根 lục căn. Nguyên văn trong bản Anh ngữ: *The sixth sense faculty—the sixth (mind) consciousness*: thức thứ 6.

Kinh văn:

四者是人，既盡想元。生理更無，流止運轉，生滅想心，今已永滅。理中自然成不生滅。因心所度，計以為常。

Tứ giả thị nhân, kí tận tưởng nguyên. Sinh lí cánh vô, lưu chỉ vận chuyển, sanh diệt tưởng tâm, kim dĩ vĩnh diệt. Lí trung tự nhiên thành bất sanh diệt. Nhân tâm sở độ kế dĩ vi thường.

Việt dịch:

Thứ tư là người ấy đã tiêu dung được căn nguyên tưởng ám. Lý sanh khởi không còn nữa, trạng thái lưu chuyển đứng lặng xoay vần, tâm tưởng sanh diệt, nay vĩnh viễn không còn. Trong lý tự nhiên, thành không sanh diệt. Do tâm niệm suy lường như thế, mà chấp cho là thường.

Giải:

Thứ tư là người ấy đã tiêu dung được căn nguyên tưởng ám.

Thứ tư là do hành giả đã tiêu dung được căn gốc của tưởng ám.

Lý sanh khởi không còn nữa.

Một khi đã vượt qua được tưởng ám, thì cội nguồn của sự sanh khởi vọng tưởng cũng không còn nữa. Hành giả có được định lực, hóa giải hết những vọng tưởng từ tâm thức. Với tâm ngưng lặng sáng suốt, hành giả không còn cơ hội nuôi dưỡng vọng tưởng nữa.

Trạng thái lưu chuyển đứng lặng xoay vần của hành ám, **tâm tưởng**—vốn là nguyên nhân của **sanh**

diệt, nay vĩnh viễn không còn nữa.

Hành giả không còn vọng tưởng nữa.

Trong lý tự nhiên, thành không sanh diệt.

Thế nên tự nhiên nghĩ rằng: Đây là trạng thái không sanh diệt. **Do tâm niệm suy lường như thế, hành giả chấp cho là thường.**

Kinh văn:

由此計常，亡正遍知，墮落外道，惑菩提性。是則名為，第二外道，立圓常論。

Do thử kế thường, vong chánh biến tri, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bỏ-đề tánh. Thị tắc danh vi, đệ nhị ngoại đạo, lập viên thường luận.

Việt dịch:

Do suy luận chấp thường ấy, quên mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê mờ tánh bỏ-đề. Đây là loại ngoại đạo thứ hai, lập ra thuyết viên thường.

Giải:

Do suy luận chấp thường ấy.

Do suy luận về bốn luận thuyết chấp viên thường ấy, **quên mất chánh biến tri**, hành giả bỏ mất trí huệ có được từ chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê mờ tánh bỏ-đề.

Một khi đã rơi vào tà thuyết ngoại đạo, người ấy không thể nhận ra được tánh bỏ-đề.

Đây là loại ngoại đạo thứ hai lập ra thuyết viên thường.

3. TÀ KIẾN VỪA CHẤP THƯỜNG VỪA CHẤP ĐOẠN

Kinh văn:

又三摩中，諸善男子，堅凝正心，魔不得便。窮生類本。觀彼幽清常擾動元，於自他中，起計度者。是人墜入，四顛倒見，一分無常，一分常論。

Hưu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, u tự tha trung, khởi kế độ giả. Thị nhân truy nhập, tứ điên đảo kiến, nhất phần vô thường, nhất phần thường luận.

Việt dịch:

A-nan, các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề chánh tâm đứng lặng sáng suốt. Thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc sự phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lẫn xằng kia, khởi tâm suy lường giữa mình và cái khác. Người ấy sẽ rơi vào bốn kiến chấp điên đảo của luận thuyết *một phần vô thường, một phần thường*.

Giảng:

A-nan, các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề chánh tâm đứng lặng sáng suốt. Thiên ma không có cơ hội quấy phá.

Khi hành giả công phu đến mức đạt được định lực kiên cố có được chính tâm. Nên tà ma ngoại đạo không

có cơ hội gây chướng ngại hành giả nữa. Tuy nhiên, một loại tà ma có thể sanh khởi ngay trong tự tâm của mình.

Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc sự phát sinh của muôn loài, quán xét manh mối thường chuyển động lăng xăng u ẩn kia. Xuất hiện trong hành âm ngay tại giai đoạn công phu này.

Nếu móng khởi tâm suy lường giữa mình và cái khác, thì hành giả sẽ rơi vào bốn kiến chấp điên đảo của luận thuyết một phần vô thường, một phần thường.

Say mê thích thú trong sự suy lường về giữa mình và người khác. Hành giả tạo nên một thứ ma ngay trong tâm mình và rơi vào bốn thứ kiến chấp điên đảo. Nó nói rằng: “Các pháp là thường lẫn vô thường, là sinh lẫn diệt, là động lẫn tịnh, là ô nhiễm lẫn trong sạch, là sống lẫn chết.” Nó bào chữa biện hộ cho cả hai phía. Không quyết đoán ở một phía nào cả. Nó nói: “Bên này đúng và bên kia cũng đúng.” Nó nói vạn pháp là vô thường nhưng cũng nói vạn pháp là thường. Đó là điên đảo, thiếu tính nhất quán, làm rối loạn tâm người.

Kinh văn:

一者是人，觀妙明心，遍十方界。湛然以為究竟神我。從是則計，我遍十方，凝明不動。一切眾生，於我心中，自生自死。則我心性，名之為常，彼生滅者，真無常性。

Nhất giả thị nhân, quán diệu minh tâm, biến thập phương giới. Trạng nhiên dĩ vi, cứu cánh thần ngã. Tông thị tắc kế, ngã biến thập phương, ngưng minh bất động. Nhất thiết chúng sanh, ư ngã tâm trung, tự sanh tự tử. Tắc ngã tâm tánh, danh chi vi thường, bỉ sanh diệt giả, chân vô thường tánh.

Việt dịch:

Một là, người ấy quán xét tâm tánh sáng suốt vi diệu khắp cùng mười phương. Cho trạng thái lặng lẽ sâu kín ấy là thần ngã rốt ráo. Nên hành giả chấp cái ngã của mình thì trong lặng sáng suốt, bất động, trùm khắp mười phương. Còn các loài chúng sanh đều lưu xuất từ tâm ta, chúng tự sinh tự diệt. Vậy nên tâm tánh của ta là thường, trong khi các loài kia phải trải qua sanh diệt, nên chúng thực sự là vô thường.”

Giải:

Hành giả nói gì trong luận điểm thứ nhất này?

Một là, người ấy quán xét tâm tánh sáng suốt vi diệu khắp cùng mười phương.

Trước tiên hành giả, người đang tu đạo, quán sát tâm tánh sáng suốt, vi diệu khắp cùng mười phương. Cho rằng trạng thái lặng lẽ sâu kín và thanh tịnh ấy là thần ngã rốt ráo. Nên hành giả chấp “cái ngã” của mình thì trong lặng sáng suốt, bất động trùm khắp mười phương.

Tâm ta là một cảnh giới như như bất động, sung mãn định lực, đầy đủ trí huệ sáng suốt và bất động.

Nó nói: “Do vì tâm ta trùm khắp mười phương nên tất cả các loài chúng sanh đều lưu xuất từ tâm ta, chúng nó tự sinh tự diệt mãi không ngừng. Do vậy tâm tánh của ta là thường, không phải chịu sanh tử trong khi các loài kia phải trải qua sanh diệt, nên chúng thực sự là vô thường.”

Chúng sanh lưu xuất từ tâm ra vẫn liên tục chịu sự sanh diệt. Do vậy bản chất chúng nó phải là vô thường. Còn tâm tánh ta trùm khắp mười phương, thường hằng không biến đổi. Nhưng các loài chúng sanh trong đó phải trải qua sanh diệt, nên chẳng phải là vô thường.

Kinh văn:

二者是人，不觀其心，遍觀十方，恒沙國土。見劫壞處，名為究竟，無常種性。劫不壞處，名究竟常。

Nhị giả thị nhân, bất quán tâm, biến quán thập phương, hằng sa quốc độ. Kiến kiếp hoại xứ, danh vi cứu cánh, vô thường chủng tánh. Kiếp bất hoại xứ, danh cứu cánh thường.

Việt dịch:

Thứ hai là, người ấy không quán xét tâm mình, lại quán xét mười phương cõi nước nhiều như cát sông Hằng. Thấy có nơi đang trong kiếp hoại, cho nơi đó có tính rất ráo vô thường. Còn những nơi rất ráo thường hằng là không ở trong kiếp hoại.

Giảng:

Thứ hai là, người ấy không quán xét tâm mình, lại quán xét mười phương cõi nước nhiều như cát sông Hằng.

Hành giả không quán xét nơi tâm mình, mà trên hết lại thấy tâm mình trùm khắp mười phương. Hơn nữa, hành giả nhìn ra ngoài cõi nước mười phương nhiều như cát sông Hằng.

Thấy có nơi đang trong kiếp hoại, cho nơi đó có tính rất ráo vô thường. Còn những nơi tốt ráo thường hằng là không ở trong kiếp hoại.

Anh ta thấy một thế giới nào đó đã đến kiếp hoại trong vòng biến chuyển thành, trụ, hoại, không. Anh ta tuyên bố rằng: “Nơi ấy có tánh vô thường một cách tuyệt đối.” Còn thấy những nơi chưa đến kiếp hoại thì anh ta cho rằng nơi ấy rất ráo thường hằng. Đó là cả hai thứ quan niệm thường và vô thường.

Kinh văn:

三者是人，別觀我心，精細微密，猶如微塵，流轉十方，性無移改，能令此身即生即滅。其不壞性，名我性常。一切死生，從我流出，名無常性。

Tam giả thị nhân, biệt quán ngã tâm, tinh tế vi mật, do như vi trần, lưu chuyển thập phương, tánh vô di cải, năng linh tử thân tức sanh tức diệt. Kỳ bất hoại tánh, danh ngã tánh thường. Nhất thiết tử sanh, tông ngã lưu xuất, danh vô thường tánh.

Việt dịch:

Thứ ba, người ấy quán sát chỉ riêng tâm mình, thấy nó rất màu nhiệm, vi tế, giống như vi trần lưu chuyển khắp mười phương mà tánh chất không dời đổi, khiến cho thân này sinh rồi lại diệt. Nên chấp tánh không biến diệt ấy là tánh thường của mình. Còn tất cả sự sanh diệt lưu xuất từ tâm mình là tánh vô thường.

Giảng:

Thứ ba, người ấy quán sát chỉ riêng tâm mình. Trong luận thuyết điên đảo thứ ba, Hành giả quán sát chỉ riêng tâm mình, **thấy nó rất màu nhiệm vi tế.** Hành giả nghiên cứu kỹ lưỡng tâm mình trong lãnh vực vi tế, tinh mật nhất. Nhưng lãnh vực này quá vi diệu đến nỗi rất khó nhận ra. Đó là tính chất của hành âm. Trạng thái này giống như những loại sóng gợn lăn tăn trên mặt nước, hoặc là **giống như vi trần lưu chuyển khắp mười phương.** Liên tục trôi chảy không hề dừng nghỉ, mà **tánh chất không dời đổi,** trong khi thân này sinh rồi lại diệt. Điều ấy **khiến cho thân mạng phải trải qua vô số lần sanh tử.**

Nên chấp tánh không biến diệt trong dòng lưu chuyển liên tục ấy là tánh thường của mình.

Anh ta nói: “Đây là tánh thường hằng của tự tánh tôi.”

Còn tất cả các hiện tượng phải trải qua sanh diệt, lưu xuất từ tâm mình là tánh vô thường.

Anh ta nói: “Tất cả chúng sanh đều trôi trong vòng sóng chết vô tận, đều lưu xuất từ bản tánh vô

thường ở trong tâm ta. Nên hết thấy chúng sanh ấy đều được gọi là vô thường.

Kinh văn:

四者是人，知想陰盡，見行陰流。行陰常流，計為常性。色受想等，今已滅盡，名為無常。

Tứ giả thị nhân, tri tưởng âm tận, kiến hành âm lưu. Hành âm thường lưu, kế vi thường tánh. Sắc thọ tướng đặng, kim dĩ diệt tận, danh vi vô thường.

Việt dịch:

Thứ tư, người ấy biết rằng tướng âm đã tiêu dung, thấy hành âm đang lưu chuyển. Chấp sự lưu chuyển liên tục của hành âm là thường. Còn sắc âm, thọ âm, tướng âm đã được tiêu dung rồi là vô thường.

Giảng:

Thứ tư, người ấy biết rằng tướng âm đã tiêu dung, hành giả biết tướng âm đã không còn, thấy hành âm đang lưu chuyển một cách vi tế như gợn sóng lăn tăn trên mặt nước. Trong công phu quán chiếu, hành giả chấp sự lưu chuyển liên tục của hành âm là thường. Thấy sự lưu chuyển ấy liên tục không có gì thay đổi, nên kết luận: “Ồ! Tánh chất của nó chắc là thường hằng.”

Còn sắc âm, thọ âm, tướng âm đã được tiêu dung rồi là vô thường.

Do vì thọ âm, tướng âm không còn nữa nên anh ta nghĩ chúng phải là vô thường.

Kinh văn:

由此計度，一分無常，一分常故，墮落外道，惑菩提性。是則名為第三外道，一分常論。

Do thử kế độ, nhất phần vô thường, nhất phần thường cố, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi, đệ tam ngoại đạo, nhất phần thường luận.

Việt dịch:

Do những chấp trước về một phần thường và một phần vô thường này nên người ấy rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là thuyết ngoại đạo thứ ba chủ trương luận thuyết một phần thường.

Giải:

Do những luận thuyết sai lầm căn cứ vào chấp trước về một phần thường và một phần vô thường này nên hành giả sẽ đánh mất chánh biến tri, rơi vào ngoại đạo, thành ra mê mờ tánh Bồ-đề.

Anh ta nói: “Hiện tượng này là thường, và hiện tượng kia là vô thường.” Vì anh ta đã mang quan điểm điên đảo này rồi, và chẳng hiểu được những điều sâu kín trong lý luận ấy, nên anh ta bị lạc vào tà thuyết của ngoại đạo, và trở nên mê mờ tánh bồ-đề.

Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ ba, chủ trương luận thuyết một phần thường, đó là luận thuyết điên đảo thứ ba mà hàng ngoại đạo chủ trương, xác quyết rằng mọi vật là một phần thường, một phần vô thường.

4. TÀ KIẾN CHÁP CÓ

Kinh văn:

又三摩中，諸善男子，堅凝正心，魔不得便。窮生類本，觀彼幽清，常擾動元，於分位中，生計度者。是人墜入，四有邊論。

Hữu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bi u thanh thường nhiều động nguyên, u phần vị trung, sanh kế độ giả. Thị nhân trụ nhập, tứ hữu biên luận.

Việt dịch:

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia, khởi tâm suy lường về phận vị. Người ấy rơi vào bốn thứ luận hữu biên.

Giải:

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm ngưng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá.

Hành giả trong lúc thiên quán, chánh tâm ngưng lặng sáng suốt, thiên ma không khuấy phá được nữa.

Điều này liên quan đến những người tu tập pháp môn *phản văn văn tự tánh*, đã đạt được sự viên thông của nhĩ căn. Khi hành giả vượt qua được ba ám: sắc ám, thọ ám, tưởng ám; là đã có được định lực kiên cố

và chánh tâm. Do đó thiên ma ngoại đạo không thể nhiễu loạn tâm tánh hành giả được nữa. Trong khi sắc ấm, thọ ấm chưa tiêu dung. Thiên ma có thể nhiễu loạn hành giả một cách trực tiếp. Nhưng khi hành giả đang tiêu trừ tướng ấm, thiên ma không thể nhiễu hại bằng cách trực tiếp nữa, mà phải thông qua tướng ấm, việc gá vào một người khác mới có thể phá hủy được định lực của hành giả. Bây giờ, tại giai đoạn chuyển hóa hành ấm, Thiên ma không còn phá hủy định lực của hành giả, cho dù nó có gá vào người khác đi nữa. Đó là ý nghĩa của *chánh tâm ngưng lặng sáng suốt*. Thiên ma không có dịp thuận tiện khuấy phá được nữa.

Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc phát sinh của muôn loài, hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội nguồn của các mười hai loại chúng sanh, thấy được manh mối thường chuyển động vi tế kia.

Hành giả quán sát được tính chất tạm bợ thoáng chốc, và ẩn mật sâu kín của các loại chúng sanh ở trong sự chuyển động vi tế nhỏ nhiệm của hành ấm này.

Khởi tâm suy lường về phận vị. Người ấy rơi vào bốn thứ luận hữu biên.

Nhưng nếu hành giả khởi niệm suy lường, lập nên sự phân biệt... Trầm tư suy xét, lập nên bốn loại phân biệt mà ta sẽ thảo luận sau đây. Liên rơi vào bốn thứ luận hữu biên. Sự suy lường ấy làm sinh khởi trong tâm hành giả một thứ vọng chấp về hữu biên. Đó là vọng chấp về bốn loại luận hữu biên, đó một tà thuyết của ngoại đạo.

Kinh văn:

一者是人，心計生元，流用不息，計過未者名為有邊，計相續心，名為無邊。

Nhất giả thị nhân, tam kế sanh nguyên, lưu dụng bất tức, kế quá vị giả, danh vi hữu biên, kế tương tục tâm, danh vi vô biên.

Một là người ấy suy luận về cội gốc sanh diệt trôi chảy biến dịch không ngừng, xét đoán quá khứ tương lai là hữu biên, còn chấp sự tương tục của tâm là vô biên.

Giải:

Luận điểm đầu tiên về bốn thứ phân biệt có quan hệ đến thời gian: quá khứ, hiện tại, vị lai. Nên có câu:

“Tam tế cầu tâm, tâm bất hữu.”

Nghĩa là, dù có bỏ hết cả ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai mà cầu thấy tâm, rốt ráo không thể được.

“Hiện tại tâm bất khả đắc, quá khứ tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc¹.”

Tại sao vậy? Hãy nhìn vào quá khứ. Cái gì là quá khứ? Cái quá khứ đã đi mất rồi. Thế nên cái tâm quá khứ không thể nắm bắt được. Cũng như hiện tại nó không hề dừng. Ngay bây giờ, nếu quý vị nói đây là hiện tại, thì nó cũng đã đi trôi qua rồi! Hiện tại không bao giờ ở yên cố định cả. Vậy thì tâm hiện tại của quý

¹ Kinh Kim Cương.

vị nay ở nơi đâu? Còn tâm vị lai thì sao? Tương lai chưa đến. Vì nó chưa đến, nên nó không hiện hữu. Do vậy.

Tam tế cầu tâm, tâm bất hữu

Tâm bất hữu xứ, vọng nguyên vô.

Tâm đã rớt ráo không rồi, thì vọng tưởng do đâu mà có? Nếu quý vị hiểu được đạo lý này. Quý vị sẽ nhận ra vạn pháp xưa nay vốn là không, đều lưu xuất từ tánh Như Lai tạng.

Tuy nhiên hành giả đã móng khởi một niệm chấp trước, chấp trước điều gì? Đó là quan niệm hữu biên và vô biên. Anh ta nói rằng vạn vật vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Lập nên cái gọi là “luận thuyết” về hữu biên và vô biên của vạn vật.

Một là người ấy suy luận về cội gốc sanh diệt trôi chảy biến dịch không ngừng,

Trong trạng thái chuyên hóa hành âm, hành giả phỏng đoán rằng cội gốc của mười hai loại chúng sanh trôi nổi sống chết không cùng tận. Dòng biến dịch trôi chảy không ngừng ấy là một sự biểu thị cho hành âm vậy.

Lúc ấy hành giả **xét đoán quá khứ tương lai là hữu biên.** Anh ta nói rằng “quá khứ và vị lai cả hai đều có giới hạn cả” thật là vô lý. Quá khứ, vị lai làm sao mà đặt giới hạn cho nó được? Căn cứ vào suy luận sai lạc, và suy chấp này. Anh ta cho rằng quá khứ vị lai là hữu biên. Nhưng thực ra quá khứ, vị lai thì vô biên.

Trong quá trình tu tập do vì thiếu trí huệ nên hành giả đã bị lạc đường, nên vừa tiêu dung được tướng âm,

anh ta bị lạc mất chính lộ khi đang chuyển hóa hành âm. Đó là lý do tại sao hành giả sanh khởi kiến chấp hữu biên vô biên.

còn chấp sự tương tục của tâm là vô biên.

Anh ta nói: “Sự tương tục không dừng nghỉ của tâm niệm trong hiện tại thì không có ngăn mé và giới hạn nên nói là vô biên.”

Kinh văn:

二者是人，觀八萬劫，則見眾生。八萬劫前寂無聞見。無聞見處，名為無邊，有眾生處名為有邊。

Nhị giả thị nhân, quán bát vạn kiếp, tắc kiến chúng sanh. Bát vạn kiếp tiền, tịch vô văn kiến. Vô văn kiến xứ, danh vi vô biên, hữu chúng sanh xứ, danh vi hữu biên.

Việt dịch:

Hai là người ấy quán sát trong tám vạn kiếp, thấy có chúng sanh. Còn ngoài tám vạn kiếp thì vắng bặt, không thấy không nghe được gì cả. Cho rằng nơi không thấy không nghe được gì là vô biên, còn nơi có chúng sanh là hữu biên.

Giảng:

Loại phân biệt thứ hai là gì? Đó phân biệt về những gì anh ta nghe thấy được, và những gì anh ta không nghe thấy được. Anh ta sắp xếp những gì anh ta nghe thấy được về một phía và những gì không nghe

thấy được về một phía khác. Vì thế anh ta lại rơi vào thế nhị biên một lần nữa. Chưa đạt được nghĩa *trung đạo*.

Hai là người ấy quán sát trong tám vạn kiếp, thấy có chúng sanh.

Khi hành giả ngồi thiền, năng lực của định giúp cho hành giả có thể thấy được những hiện tượng trong tám vạn đại kiếp, và có thể thấy được mười hai loại chúng sanh trong phạm vi ấy.

Còn ngoài tám vạn kiếp thì vắng bặt, không thấy không nghe được gì cả. Anh ta có thể thấy được rất rõ ràng những sự kiện trong khoảng tám vạn kiếp. Anh ta có thể thấy được các loại chúng sanh phải chịu trải qua vô số lần sinh tử. Nhưng anh ta không thể nghe hoặc thấy những hiện tượng xảy ra bên ngoài khoảng thời gian ấy.

Hành giả cho rằng nơi không thấy không nghe được gì cả là vô biên, không có giới hạn. Và nơi có chúng sanh là hữu biên. Hành giả lại rơi vào nhị biên lần nữa. Thành ra chấp có và chấp không. Có nghĩa dính chặt vào quan niệm mọi hiện tượng đều là ngoan không. Chấp có nghĩa là dính mắc với sắc. Cả hai đều chẳng khế hợp với *trung đạo*. Do vậy Đức Phật phê phán hạng người này là theo tà giáo ngoại đạo.

Kinh văn:

三者是人，計我遍知，得無邊性，彼一切人，現我知中，我曾不知，彼之知性。名彼不得，無邊之心，但有邊性。

Tam giả thị nhân, kế ngã biến tri, đắc vô biên tánh, bỉ nhất thiết nhân, hiện ngã tri trung, ngã tăng bất tri, bỉ chi tri tánh. Danh bi bất đắc, vô biên chi tâm, đăn hữu biên tánh.

Việt dịch:

Ba là người ấy chấp rằng mình biết cùng khắp, là được tánh vô biên, còn các người kia đều hiện ra trong cái biết của mình, mà mình chưa từng biết họ nhận ra được tánh biết. Cho rằng những người kia không đạt được tâm tánh vô biên mà chỉ đạt được tâm tánh hữu biên.

Giảng:

Ba là người ấy chấp rằng mình biết cùng khắp, là được *tánh vô biên*. Hành giả chấp rằng cái biết cùng khắp của mình là tánh vô biên. Loại phân biệt thứ ba là phân biệt giữa cái *ta* của hành giả và *cái khác*. *Cái khác* ở đây liên quan đến tất cả chúng sanh, và *ngã* liên quan đến chính hành giả. Anh ta tạo nên một vọng chấp nữa và trở nên dính mắc với nó. Anh ta nói: “Tôi cảm thấy tôi có một loại trí tuệ biết trùm khắp tất cả.” Nghĩa là sao? Biết khắp tất cả có nghĩa là không có gì mà chẳng biết. Do vậy nó có khả năng đạt đến một loại *tánh vô biên*.

Còn các người kia, các loại chúng sanh đều hiện ra trong cái biết của mình tất cả đều được bao quát trong trí tuệ của hành giả. Mà mình chưa từng biết họ nhận ra được tánh biết. Hành giả cho rằng những

người kia không đạt được tâm tánh vô biên, mà chỉ đạt được tâm tánh hữu biên.

Chúng sanh chưa đạt được tâm vô biên, nhưng chính hành giả lại có. Do vì anh ta không biết được tánh biết của họ nên cho rằng họ không đạt được tâm vô biên và không có trí tuệ hiểu biết vô biên, mà chỉ có một trí tuệ hạn cuộc. Đó là sự phân biệt giữa tự ngã và cái khác.

Kinh văn:

四者是人，窮行陰空。以其所見，心路籌度，一切眾生，一身之中，計其咸皆，半生半滅。明其世界，一切所有，一半有邊，一半無邊。

Tứ giả thị nhân, cùng hành âm không. Dĩ kì sở kiến, tâm lộ trừ độ, nhất thiết chúng sanh, nhất thân chi trung, kế kì hàm giai, bán sanh bán diệt. Minh kì thế giới, nhất thiết sở hữu. Nhất bán hữu biên, nhất bán vô biên.

Bốn là người ấy khi nghiên cứu tột cùng hành âm đến chỗ rớt ráo không. Do những điều thấy được, suy luận rằng tất cả chúng sanh trong mỗi thân phần, gồm có nửa phần sanh, nửa phần diệt. Cho rằng rõ ràng mọi thứ trong đời một nửa là hữu biên, một nửa là vô biên.

Giảng:

Bốn là người ấy khi nghiên cứu tột cùng hành âm đến chỗ rớt ráo không. Hành giả nghiên cứu cùng

tốt hành âm đến chỗ rốt ráo không. Loại phân biệt thứ tư là gì? Đó là sự sanh và diệt. Hành giả nghiên cứu hành âm đến mức tốt cùng đến khi nó biến thành *không*.

Do những điều thấy được. Căn cứ vào những điều thấy được, và hiểu được từ nghiên cứu, **suy luận rằng tất cả chúng sanh, trong mỗi thân phần, gồm có nửa phần sanh, nửa phần diệt.**

Đây là một vọng chấp khác. Hành giả thấy trong trọn phần thân thể của mỗi chúng sanh, đều có một phần sanh, một phần diệt. Vì tất cả chúng sanh đều như thế. Hành giả đi đến kết luận như thế và toàn thể pháp giới.

Từ đây, **kết luận rằng tất cả vạn vật trong đời đều có một nửa là hữu biên, một nửa là vô biên.**

Sự sanh ra là một mặt của hữu biên. Sự hoại diệt là mặt khác của vô biên. Đó là sự suy lường của hành giả. Mới thấy anh ta càng lúc càng đi xa mục tiêu.

Kinh văn:

由此¹計度，有邊無邊，墮落外道，惑菩提性。是則名為，第四外道，立有邊論。

Do thử kế độ, hữu biên vô biên, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bờ-đề tánh. Thị tắc danh vi, đệ tứ ngoại đạo, lập hữu biên luận.

¹ Bản VPTT chép 此. Bản Taishō chép 此. Bản Minh chép chữ 是.

Việt dịch:

Do những chấp trước hữu biên, vô biên như thế, nên người ấy rơi vào ngoại đạo, mê lầm tánh bờ-đề. Đây là luận hữu biên, thuyết thứ tư của hàng ngoại đạo.

Giảng:

Do những chấp trước hữu biên, vô biên như thế, nên người ấy rơi vào ngoại đạo, mê lầm tánh bờ-đề. Theo bốn thứ suy luận về hữu biên và vô biên, anh ta phỏng đoán những gì? Nếu nó không hữu biên, thì nó vô biên. Nếu nó không vô biên thì nó hữu biên. Anh ta cứ lý luận lẫn lộn như vậy. Nói tóm lại hành giả không thể đạt được lý *trung đạo*. Hoặc là anh ta đi đã quá xa, hoặc là anh ta đi chưa đủ xa. Hoặc là anh ta chạy đã quá đà, hoặc là chưa đi được. Dù chỉ một bước chân. Do vậy nên hành giả đánh mất chánh kiến tri và rơi vào ngoại đạo.

Tà thuyết của ngoại đạo là: khi thì thái quá, khi thì bất cập. Không thái quá, chẳng bất cập mới được gọi là *trung đạo*. Chúng ta nên tu tập theo lý *trung đạo*. Đức Phật giảng dạy chân lý Tối thượng về *trung đạo* là chẳng chấp và không, cũng chẳng rơi vào có. Nếu chúng ta trệ vào phía hữu biên hoặc nghiêng vào phía vô biên, có nghĩa là đã rơi vào nhị biên, và như thế là mê lầm tánh bờ-đề chân thật, là không nhận thức rõ được chân tánh bờ-đề.

Đây là luận hữu biên, thuyết thứ tư của hàng ngoại đạo.

5. TÀ KIẾN VỀ BỐN THỨ LUẬN THUYẾT ĐIÊN ĐẢO

Kinh văn:

又三摩中，諸善男子，堅凝正心，魔不得便。窮生類本，觀彼幽清，常擾動元，於知見中，生計度者。是人墜入，四種顛倒。不死矯亂，遍計虛論。

Hư tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, u tri kiến trung, tánh kế độ giả. Thệ nhân trụ nhập, tứ chủng điên đảo, bất tử kiêu loạn, biến kế hư luận.

Việt dịch:

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, khởi tâm suy lường về những gì mình thấy và biết. Người ấy rơi vào bốn thứ luận điên đảo, hư vọng suy lường chấp trước, nguy hiểm về bất tử.

Giải:

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Hành giả trong khi thiền quán, chánh tâm ngưng lặng vững chắc. Thiên ma không khuấy phá được nữa.

Điều này liên quan đến hết thảy các vị đang công phu tu tập và an trú trong chánh định. Chánh định này ai tu cũng được, không dành riêng cho một người nào. Vì hành giả phải có tâm kiên cố, giữ cho *định* và *huệ* đều quân bình. Thì chẳng có một khe hở nào để ma lọt vào. Nhưng dù ngoại ma chẳng xâm nhập được vào hành giả để khuấy phá, thì nội ma lại xuất hiện. Nội ma là một loại ma sanh khởi từ sự chuyển biến tâm thức của hành giả.

Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia. Hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội nguồn của các loài chúng sanh, thấy được manh mối thường chuyển động vi tế kia.

Hành giả xem xét kỹ nguồn gốc của mười hai loài chúng sanh, quán sát bản tánh thanh tịnh tối sơ của các loài, thấy sự nhiều động thường hằng rất là vi tế ấy xuất hiện ở trong hành ám.

Khởi tâm suy lường về những gì mình thấy và biết. Nhưng nếu hành giả khởi niệm suy lường về những gì mình thấy biết.

Khi chưa khởi niệm suy lường ấy, thì chẳng có vấn đề gì. Nhưng ngay khi những niệm này sanh khởi liền có rắc rối xảy ra. Cho nên nói:

“Khai khẩu tiện thố, cử niệm tức quai.”

Nghĩa là: Mở miệng liền sai lầm, khởi niệm là sai ngay. Ngay khi vừa khởi vọng niệm, vấn đề rắc rối liền nảy sanh. (34)

Người ấy rơi vào bốn thứ luận điên đảo, hư vọng suy lường chấp trước, ngộ biện về bát tử.

Chấp trước, suy lường là tánh biến kế chấp mà tôi đã giảng ở trước. Nó là một loại vọng chấp, hành giả trở nên chấp trước với những việc không chân chánh. Đó gọi là tánh biến kế chấp.

Kinh văn:

一者是人，觀變化元，見遷流處，名之為變。見相續處，名之為恒。見所見處，名之為生。不見見處，名之為滅。相續之因，性不斷處，名之為增。正相續中，中所離處，名之為減。各各生處，名之為有。互互亡處，名之為無。以理都觀，用心別見。有求法人，來問其義，答言我今，亦生亦滅，亦有亦無，亦增亦減。於一切時，皆亂其語，令彼前人，遺失章句。

Nhất giả thị nhân, quán biến hóa nguyên, kiến thiên lưu xứ, danh chi vi biến, kiến tương tục xứ, danh chi vi hằng. Kiến sở kiến xứ, danh chi vi sanh. Bất kiến kiến xứ, danh chi vi diệt. Tương tục chi nhân, tánh bát đoạn xứ, danh chi vi tăng. Chánh tương tục trung, trung sở li xứ, danh chi vi giảm. Các các sanh xứ, danh chi vi hữu. Hổ hổ vong xứ, danh chi vi vô. Dĩ lí đô

quán, dụng tâm biệt kiến. Hữu câu pháp nhân, lai vấn kì nghĩa, đáp ngôn ngã kim, diệt sanh diệt diệt, diệt hữu diệt vô, diệt tăng diệt giảm. Ư nhất thiết thời, giai loạn kì ngữ, linh bỉ tiền nhân, di thất chương cú.

Viết dịch:

Một là người ấy quán sát cội gốc của sự biến hóa, thấy chỗ đổi dời, nên gọi là biến. Thấy chỗ tương tục, gọi là thường hằng. Thấy chỗ thấy được, gọi đó là sanh. Chỗ không thấy được, thì gọi là diệt. Chỗ các nhân tương tục, tánh không dứt đoạn, thì gọi là tăng. Chính trong tương tục, không xa lìa nhau, thì gọi là giảm. Chỗ mỗi mỗi sinh ra, thì gọi là có. Chỗ nương nhau hư hoại, thì gọi là không. Dùng lý quán sát, thấy đều do dụng tâm mà dẫn đến những kiến chấp sai biệt. Nếu có người đến cầu pháp, hỏi về nghĩa ấy thì đáp rằng ta cũng sinh, cũng diệt, cũng có, cũng không, cũng tăng, cũng giảm. Luôn luôn giải thích một cách càn loạn, khiến người nghe không thể hiểu được.

Giảng:

Một là người ấy quán sát cội gốc của sự biến hóa, thấy chỗ đổi dời, nên gọi là biến. Hành giả, người sắp sửa đi vào con đường mê loạn, quán sát cội gốc của sự biến hóa ở trong hành ám thấy chỗ biến dịch trôi chảy nên gọi là biến. Anh ta quan sát sự trôi chảy của hành ám và nói rằng nó đang trải qua sự biến đổi.

Thấy chỗ tương tục, gọi là thường hằng. Nhận thấy hành ám tương tục, không hề dừng nghỉ, hành giả

gọi là thường hằng. *Thường* nghĩa là không biến đổi. Biến đổi hàm ý *vô thường*. Trong khi không biến đổi hàm ý là thường.

Thấy chỗ thấy được, gọi đó là sanh. Thấy nơi có thể thấy được gọi đó là sanh. Khi quán sát hành âm, hành giả có thể thấy được một số vùng. Thấy được sự nhiễu động vi tế và mô tả nơi ấy là *sinh*.

Chỗ không thấy được, gọi đó là diệt, hành giả không thể dò thấu những nhiễu động uẩn của hành âm, nên gọi đó là *diệt*.

Nói cách khác, hành giả có thể hiểu rõ được những hiện tượng trong phạm vi tám vạn đại kiếp rồi cho đó là sinh. Anh ta không thể thấy được những gì ngoài phạm vi tám vạn đại kiếp, nên gọi đó là diệt. Điều này tương tự như trường hợp trước.

Hành giả cho rằng, **chỗ các nhân tương tục, tánh không dứt đoạn, thì gọi là tăng.**

Khi cái nhân tương tục, không bị gián đoạn. Anh ta gọi đó là thêm. Đó là một trạng thái khác của hành âm mà anh ta cảm nhận được.

Chính trong tương tục, không xa lìa nhau, thì gọi là giảm

Trong phạm vi tương tục, mà có sự tạm dừng, hành giả gọi là bớt. Chẳng hạn như khi hai mươi lăm vị thánh trình bày về pháp tu viên thông của mình. Một trong các vị ấy trình bày về sự ngưng lại giữa hơi thở ra và hơi thở vào. Đó cũng là chỗ *dừng*. Các ngài gọi sự dừng nghỉ trong phạm vi tương tục là *giảm*. Nhưng

quý vị đừng có theo lý thuyết này, vì đó chỉ là thuật ngữ, là những khái niệm do các ngài lập ra. Nên nó hoàn toàn không thực. Đừng có truy tìm những nguyên do trong các lý thuyết trên. Đó là lý do tại sao những lý thuyết này được ngoại đạo vận dụng để mê hoặc. Chẳng có nguyên do nào xác đáng ở trong những lý thuyết ấy cả.

Chỗ mỗi mỗi sinh ra, thì gọi là có.

Cho rằng sự sinh khởi của tất cả vạn pháp là *có*, hành giả quán sát vạn pháp sinh khởi trong phạm vi hành âm, rồi gọi là nó có sự hiện hữu.

Chỗ nương nhau hư hoại, thì gọi là không.

Sự hư hoại của vạn vật là *không*. Anh ta gọi nơi mà vạn vật hoại diệt và không còn hiện hữu nữa là *không*. Đây là bốn thứ lý luận điên đảo.

Dùng lý quán sát, thấy đều do dụng tâm mà dẫn đến những kiến chấp sai biệt.

Do sự dụng tâm của hành giả mà đưa đến những mâu thuẫn. Nếu quý vị dùng lý để quán sát, quý vị sẽ thấy những lý luận trên hoàn sai. Hành giả đã dụng tâm hoàn toàn sai lầm.

Vào lúc ấy nếu có người đến cầu pháp, thỉnh câu chỉ dạy về pháp yếu của đạo Phật, hỏi về nghĩa ấy, đáp rằng ta cũng sinh, cũng diệt, cũng có, cũng không, cũng tăng, cũng giảm.

Anh ta trả lời: “Nay ta cũng sinh cũng diệt, cũng có cũng không, cũng tăng cũng giảm.”

Luôn luôn giải thích một cách càn loạn.

Anh ta luôn luôn biện hộ bào chữa cho hai cực đoan này. Nếu anh ta không nói về *có*, thì anh ta kết luận nó là *không*. Nếu anh ta tránh bàn luận về *không* thì anh ta nói đến *sắc*, vì anh ta đề cập đến cả hai khía cạnh, nên không thể đạt đến lý *trung đạo*.

Khiến người nghe không thể nào hiểu được. Gây cho người tìm hiểu Phật pháp đối diện với lối giải thích càn loạn. Người hỏi hoàn toàn quên mất những vấn đề mình đang cần tìm hiểu và không thể nhớ là mình đến đây để xin chỉ dạy điều gì nữa. Các ông nên gọi đó là loại giáo dục gì? Khi người ta đến xin chỉ dạy, nhưng hành giả làm cho họ bị rối loạn đầu óc cho đến khi họ đánh mất toàn bộ nhận thức chân chính. Không những họ bị đánh mất những tri thức có được do học hỏi, mà còn bị mê mờ luôn cả trí tuệ thanh tịnh vốn hằng có xưa nay. Người này đã bị mê lầm và còn tiếp tục làm cho nhiều người khác bị mê lầm.

Kinh văn:

二者是人，諦觀其心，互互無處。因無得證。有人來問，唯答一字，但言其無。除無之餘，無所言說。

Nhị giả thị nhân, đế quán kì tâm, hữ hữ vô xứ. Nhân vô đắc chứng. Hữu nhân lai vấn, duy đáp nhất tự, dã ngôn kì vô. Trừ vô chi dư, vô sở ngôn thuyết.

Việt dịch:

Hai là người ấy quán sát chân xác tâm mình, thấy hết thấy mọi thứ đều là không. Nhân nơi cái

không mà có chứng đắc. Nên khi có người đến hỏi chỉ đáp một chữ **không**. Ngoài chữ **không** ra, không nói điều gì.

Giảng:

Hành giả chỉ biết về **không**, nên nói một cách điên loạn như vậy. Anh ta chối bỏ sự hiện hữu của mọi vật. Bất luận quý vị có hỏi anh ta điều gì. Anh ta đều đáp: **không**. Đó là lời đáp duy nhất của anh ta.

Hai là người ấy quán sát chân xác tâm mình, thấy hết thấy mọi thứ đều là không. Trong mười hai loại chúng sanh, hành giả thấy khi tâm mình đã tiêu dung được hành âm, thì nó cùng với mình đều là không hiện hữu.

Nhân nơi cái không mà có chứng đắc. Hành giả thấy có sự chứng đắc nhân nơi nhận thức về cái không này. Anh ta cho rằng mình đã giác ngộ được nhận nơi nhận thức về **không** ấy rồi. Thực ra, anh ta chẳng hiểu gì cả. Anh ta đã đi quá xa với đạo lý chân chính. Nhận thức của anh ta hoàn toàn sai lạc. Anh ta phát khởi một kiến chấp vào **không** và cho đó là điều giác ngộ. Anh ta giác ngộ cái gì? Giác ngộ chữ **không**.

Vì thế, nên khi có người đến hỏi chỉ đáp một chữ **không**. Anh ta chỉ đáp một chữ. Mọi người đều nghĩ rằng anh ta là người tu hành dày dặn. Vì anh ta luôn luôn nhắm mắt lại để dưỡng thần. Suốt ngày không nói một chữ nào. Anh ta chỉ ăn vài trái chuối trong ngày. Mọi người cho rằng anh là thánh, nên đến

câu xin giảng pháp. Khi họ hỏi, anh ta chỉ biết giả dạng mô phạm bằng cách chỉ đáp một chữ. Chiến thuật này được gọi là *Thiền một chữ*.¹ Người ta gọi thế là vì họ không hiểu anh ta nói gì. Bất kỳ quý vị hỏi anh ta về điều gì.

Anh ta chỉ đáp: *không*.

Nếu quý vị có hỏi:

- Tôi nên tu hành như thế nào?

Anh ta đáp: *không*.

- Tôi nên niệm Phật như thế nào? *không*.

- Thọ giới, giữ gìn luật nghi, việc ấy ông nghĩ tốt chăng?

- *Không*.

Anh ta liên tục đáp không khiến quý vị hoang mang và quên hết những gì định hỏi. Quý vị thắc mắc không hiểu ông ta nói *không* là không cái gì? Quý vị không thể tự giải đáp nổi. Cuối cùng nó đánh mạnh vào tâm thức quý vị “Ồ! Thực ra là chẳng có cái gì cả. Đúng là chẳng có cái gì hết.”

Ngoài chữ *không* ra, ngoài những chữ *không*, không nói điều gì, anh ta chẳng nói gì cả.

Quý vị có thể hỏi anh ta một đến 100, 1.000, vạn câu hỏi. Nhưng anh ta sẽ luôn luôn trả lời *không*. Thế là quý vị nghĩ rằng: “Lý thiền ông ta nói quá cao xa. Chúng ta không thể nào với tới được.”

¹ Nhất tự thiên.

Kinh văn:

三者是人，諦觀其心，各各有處。因有得證。有人來問，唯答一字，但言其是。除是之餘，無所言說。

Tam giả thị nhân, để quán kì tâm, các các hữu xứ. Nhân hữu đắc chứng. Hữu nhân lai vấn, duy đáp nhất tự, dã ngôn kì thị. Trì thị chi dư, vô sở ngôn thuyết.

Việt dịch:

Ba là người ấy quán sát chân xác tâm mình, thấy hết thấy mọi thứ đều hiện hữu (có). Nhân nơi cái có mà chứng đắc. Nên khi người đến hỏi chỉ đáp một chữ có. Ngoài chữ có ra, không nói gì khác.

Giải:

Trong loại lý luận điên đảo càn loạn thứ ba này.

Ba là người ấy quán sát chân xác tâm mình, thấy hết thấy mọi thứ đều hiện hữu (có).

Anh ta tự quán sát vào sâu trong tâm mình và thấy mười hai loại chúng sinh đều trải qua chỗ có sự sinh tử này. **Nhân nơi cái có mà chứng đắc.** Nghĩ rằng mình có sự chứng đắc từ nhận thức về có. Thực vậy, anh ta chẳng chứng được quả vị gì cả. Trong kinh chỉ nói để mô tả sự nhầm lẫn của anh ta mà thôi. Hành giả quán sát các loại chúng sanh rồi nói: “À! Toàn là có cả.” Thấy được điều này anh ta nghĩ là mình đã giác ngộ và chứng được quả vị.

Nên khi có người đến hỏi. Chỉ đáp một chữ có.

Bất luận người ta hỏi về pháp gì? Anh ta cũng chỉ đáp một chữ *có*.

Quý vị hỏi:

Tôi muốn rời gia đình xuất gia làm một vị Tăng. Việc ấy nên chăng?

Anh ta sẽ đáp: *Có*.

- Tôi muốn thọ trì năm giới được chăng?

- *Có!*

Bây giờ, tốt nhất là tôi nên làm điều gì?

- *Có!*

Ngoài chữ *có* ra, anh ta không nói gì khác.

Anh ta không nói điều gì khác ngoài chữ *có*. Nên quý vị sẽ nghĩ rằng: “Ồ! Đây thực sự là *thiên một chữ*. Ông ta chắc là một vị cao Tăng. Pháp mà ông ta nói quá hay đến nỗi ta không thể nào hiểu được.”

Nó hay chỉ vì quý vị hoàn toàn không hiểu được nó. Chẳng hạn như bây giờ nếu quý vị hiểu được những gì trong Kinh mà tôi đang giảng cho quý vị nghe, thì điều đó chẳng hay tí nào cả! Quý vị có thể nói:

“Nói lui nói tới hoài mà tôi chẳng hiểu Pháp sư này giảng những gì nữa?” Trường hợp như vậy, thì thật đáng mừng cho quý vị. Đơn giản chỉ vì quý vị không hiểu. Đó là điều rất tốt. Một khi quý vị hiểu được, thì nó không còn hay ho gì nữa. Tại sao vậy. Vì đã hiểu được. Bất luận thứ gì khi mà chưa hiểu thì đều hay đều đẹp. Do vậy, nếu quý vị muốn được điều kỳ diệu, thì chẳng nên học Phật pháp (theo kiểu ấy).

Nếu quý vị không học, thì quý vị chẳng biết được đạo lý, nên thấy mọi việc đều lạ và hay cả.

Bất luận khi có người hỏi điều gì. Nó đều đáp: *có*. Sao vậy? Anh ta nghĩ rằng mình đã giác ngộ từ cái *có*, vì thế anh ta truyền pháp *có* ấy cho quý vị.

Kinh văn:

四者是人，有無俱見。其境枝故，其心亦亂。有人來問，答言亦有，即是亦無；亦無之中，不是亦有。一切矯亂，無容窮詰。

Tứ giả thị nhân, hữu vô câu kiến. Kỳ cảnh chi cố, kì tâm diệc loạn. Hữu nhân lai vấn, đáp ngôn diệc hữu, tức thị diệc vô; diệc vô chi trung, bất thị diệc hữu. Nhất thiết kiêu loạn, vô dung cùng cật.

Việt dịch:

Bốn là người ấy chấp cả *có* và *không*. Do cảnh phân tán, tâm cũng tán loạn. Khi có người đến hỏi, thì đáp *cũng có* tức là *cũng không*; trong cái *cũng không*, chẳng phải là *cũng có*. Tất cả hoàn toàn càn loạn, khi suy xét kỹ lưỡng, thấy không thể nói hết được.

Giải:

Bốn lý luận càn loạn này là sự hỗn loạn của lý thuyết “*hữu*” hay “*vô*.” Lý thuyết này là gì? Hành giả đề cập cả hai vấn đề *có* và *không*. Nhưng anh ta nói rằng những vật không hiện hữu thì không thể *cũng có*,

và những vật hiện hữu thì không thể cũng không. Anh ta chẳng biết vạn vật hiện hữu như thế nào nữa. Nói một cách điên dại như người say rượu.

Bốn là người ấy chấp cả có và không.

Trong phạm vi hành âm, anh ta nhận thấy hành âm giống như sóng gợn lăn tăn trên mặt nước, không hề dừng nghỉ. Nên anh ta cho rằng có. Anh ta cho rằng sự tạm dừng trong khi sóng ngưng lặng là không.

Do cảnh phân tán, tâm cũng tán loạn.

Tâm hành giả sinh khởi một niệm phân tích chia chẻ. Giống như những cành nhánh trên một thân cây. Thế nên anh ta tuyên bố rằng vạn pháp vừa có vừa không. Tâm hành giả rối loạn vì không có trí huệ chân chánh, hay định lực. Do định lực và trí huệ không quân bình.

Lúc này, hành giả trở nên chấp trước và không thể nào tìm được lối thoát ra khỏi mớ hỗn độn. Anh ta gặp một con đường tà kiến và chẳng biết con đường nào là chánh đạo.

Khi có người đến hỏi, thì đáp cũng có tức là cũng không, trong cái cũng không, chẳng phải là cũng có.

Khi có người đến hỏi, thỉnh cầu chỉ dạy Phật pháp thì đáp rằng: *cũng có tức là cũng không*. Vật hiện hữu thì cũng giống như không hiện hữu. Nhưng *trong cái cũng không, chẳng phải là cũng có*.” Nhưng những vật không hiện hữu rồi thì không thể nào trở thành có được.”

Những vật nào đã hiện hữu rồi cũng tức là không hiện hữu. Nhưng những vật không hiện hữu thì không tồn tại. Rốt cục, lý luận này là loại gì?

Là thứ hoàn toàn cần loạn. Đó là một thứ lý luận lằng lạng. Anh ta chẳng biết mình nói gì nữa. Đó là lý do tại sao tôi cho rằng anh ta nói như người say rượu.

Khi suy xét kỹ lưỡng, thấy không thể dung hợp được. Không có cách nào để chấp nhận lý lẽ của anh ta. Thế lúc ấy, các ông nên làm gì? Chỉ nên áp dụng một phương pháp. Đó là vả vào mồm xem thử anh ta còn nói có, không được nữa chẳng? Nếu quý vị vả vào mồm anh ta. Anh ta sẽ nói: “Tại sao lại đánh ta?”

Nhưng ông không hiện hữu, ông có nhớ không? Vậy nên tôi đánh ông cũng như không đánh!

Hoặc có một cách khác nữa, quý vị cầm một con dao và nói: “Nè! Tôi đến để giết ông,” và xem hỏi anh ta có tồn tại hay không? Quý vị chẳng cần lý sự với anh ta làm gì. Những gì anh ta nói đều không thể nào chấp nhận được khi soi xét bằng đạo lý. Quý vị không nên hỏi đạo nơi những người như thế.

Kinh văn:

由此計度，矯亂虛無，墮落外道惑菩提性。是則名為第五外道，四顛倒性，不死矯亂，遍計虛論。

Do thử kế độ, kiêu loạn hư vô, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bỏ-để tánh. Thị tắc danh vi đệ ngũ ngoại đạo, tứ diên đảo tánh, bất tử kiêu loạn, biến kế hư luận.

Viết dịch:

Do chấp trước càn loạn rộng không này, người ấy rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bờ-đề. Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ năm, lập bốn luận thuyết hư vọng, điên đảo biến kế, càn loạn bất tử.

Giải:

Do chấp trước vào bốn lý thuyết càn loạn rộng không này. Lý thuyết của anh ta không thể nào tương tượng nổi. Những điều anh ta nói là không thể nào có được. Đều là một thứ lý thuyết vô lý. Do đó, người ấy rơi vào ngoại đạo.

Tại sao lại gọi là tà thuyết ngoại đạo? Vì đạo lý không chân chính. Tri kiến của anh ta đều làm lạc, nên những nguyên lý anh ta đưa ra không được chính xác, không đạt được chỗ rốt ráo của hiện tượng. **Mê mờ tánh bờ-đề.** Anh ta hoàn toàn không biết con đường dẫn đến giác ngộ. Anh ta không được ánh sáng giác ngộ chân chính soi sáng.

Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ năm, lập bốn luận thuyết hư vọng, điên đảo biến kế, càn loạn bất tử.

Trong lý luận thứ nhất, anh ta nói mình vừa sống vừa chết, cả có cả không; cả tăng cả giảm.

Trong lý thuyết thứ hai, anh ta trả lời các câu hỏi chỉ bằng một chữ “không.” Nói “không, không, không” suốt ngày và không nói một chữ nào khác. Bất luận người ta hỏi điều gì, anh ta chỉ đáp một chữ “không.” Nếu quý vị có hỏi trăm ngàn câu, chỉ nhận được rất nhiều lời đáp “không.”

Trong trường hợp thứ ba, anh ta chỉ đáp một tiếng “có.” Nếu như quý vị hỏi “Tôi làm giặc được không.” Anh ta liền đáp: “có.”

Hỏi: “Tôi thọ giới được không?”

Đáp: Có.

Hỏi: Ăn phân người được không?

Đáp: Có.

Hỏi: Uống nước tiểu được chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Ông có chết không?

Đáp: Có.

Hỏi: Ông có còn tiếp tục sống trên thế gian này không?

Đáp: Có.

Bất luận các ông hỏi điều gì, anh ta đều đáp “có,” dù ngàn vạn lần hỏi, cũng chẳng có lời đáp nào khác ngoài chữ “có.” Chữ “có” của anh ta biểu thị cho sự tồn tại. Mọi vật đều hiện hữu, đều là “có.”

Trong trường hợp thứ tư, là trường hợp đang đề cập hôm nay. Anh ta nói rằng cái “có” bao hàm cái “không,” nhưng cái “không” lại không bao hàm cái “có.” Rốt cục đó là loại lý luận gì? Đó là loại lý thuyết mà anh ta đã giải bày. Bốn loại lý luận căn cứ vào sự cần loạn bất tử. Đó là lý luận không mạch lạc và chẳng sáng suốt tí nào.

Đó hoàn toàn là những suy loạn hư vọng, không thực. Trước đây tôi đã giảng về tam tánh:

Tánh biến kế chấp.

Tánh y tha khởi.

Tánh viên thành thật.

Không biết quý vị đã hiểu rõ ý nghĩa của ba tánh này chưa?

Tánh biến kế chấp là gì? Giả sử như các ông thấy một sợi dây thừng nằm trên đường vào một đêm không có trăng, quý vị có thể nghĩ “Ồ! Có lẽ là rắn.” Đó là *biến kế chấp*. Đó chỉ là một sợi dây thừng, mà quý vị khởi lên một nhận định sai lạc đó là con rắn. Giả như khi quý vị thấy bóng cây trong đêm trăng, quý vị sẽ nghĩ “Ồ! có lẽ là ma” rồi phát sợ.

Có khi trong đêm quý vị thấy một con chó và nghĩ: “Ồ! đó là chó sói hay cọp.” Đó là sự sinh khởi của tánh *biến kế chấp*, khi quý vị nhìn kỹ, thấy nó chỉ là con chó, chẳng phải là sói, chẳng phải là cọp. Đây gọi là tánh “Y tha khởi.”

Nương vào con chó. Tánh *biến kế chấp* của quý vị sinh khởi và hoạt động. Nó thực sự chỉ là con chó. Con chó là gì? Là một súc vật. Bởi vì quý vị có sẵn tánh *biến kế chấp*, nên làm chó với chó sói, với cọp, hay làm một sinh vật nào khác. Hoàn toàn tương tự như khi ban đêm quý vị nhìn một bóng cây dưới trăng. Quý vị tưởng rằng sợi dây thừng kia là con rắn. Nhưng khi quý vị nhìn kỹ, thì nó chỉ là sợi dây thừng. Sợi dây được gọi là tánh *y tha khởi*. Tánh *y tha khởi* là gì? Sợi dây thừng làm bằng gì? Nó làm bằng sợi gai. Sợi gai

được gọi là tánh viên thành thật, sợi gai có thể làm thành dây thừng, đó là *y tha khởi*. Nương nơi tánh viên thành thật, mà tánh *y tha khởi* phát sinh. Nên khi quý vị không quán sát hiện tượng một cách kỹ lưỡng, thì tánh *biến kế chấp* sinh khởi. Tà thuyết ngoại đạo cũng tương tự như vậy.

Những gì họ nói không phải là những gì thực sự biểu hiện của vạn vật. Họ phát khởi những tà thuyết này là hoàn toàn dựa vào *biến kế chấp*.

6. TÀ KIẾN VỀ HỮU TƯỚNG

Kinh văn:

又三摩中，諸善男子，堅凝正心，魔不得便。窮生類本，觀彼幽清，常擾動元，於無盡流生計度者，是人墜入，死後有相，發心顛倒。

Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, u vô tận lưu sanh kế độ giả, thị nhân trụy nhập, tử hậu hữu tướng, phát tâm điên đảo.

Việt dịch:

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đê, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động

lãng xăng kia, khởi tâm chấp đó là dòng sinh diệt vô tận, thì người ấy rơi vào tư tưởng điên đảo, cho rằng sau khi chết còn có tướng.

Giảng:

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội khuấy phá.

Trong khi thiền quán, chánh tâm ngưng lặng, vững chắc thiên ma không khuấy phá được nữa.

Điều này liên quan đến những hành giả khi tu tập đã đạt được chánh định kiên cố, bởi vì anh ta có được định lực kiên cố và chánh tâm, nên thiên ma không có cách nào khuấy nhiễu được. Ma thuật hoàn toàn hết hiệu nghiệm. Mặc dù ma lực không thể dụng được đến hành giả, nhưng thiên ma lại sinh khởi ngay trong tâm hành giả. Loại ma từ tự tâm sinh khởi rất khó hàng phục.

Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lãng xăng kia. Hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội gốc của các loài chúng sanh. Đó là manh mối, nguồn gốc của mọi loài chúng sanh.

Quán xét cội gốc thường nhiễu động lãng xăng kia. Thấy được manh mối thường chuyển động vi tế kia. Hành giả quán sát được nguồn cội bản chất của cái nhiễu động nhẹ nhàng, lăn tăn vi tế u ẩn của mười hai loài chúng sanh. Cội gốc của tánh chất ấy chính là *hành ám*, được biểu hiện qua tướng nhiễu động rất vi tế kia.

Nhưng nếu hành giả khởi tâm chấp đó là dòng sinh diệt vô tận, thì người ấy rơi vào tư tưởng điên đảo, cho rằng sau khi chết còn có tướng.

Nhưng nếu hành giả khởi niệm suy lường chấp đó là dòng sanh diệt vô tận, thì người ấy rơi vào tư tưởng điên đảo, cho rằng sau khi chết còn có tướng.

Tướng nhiều động vi tế kia giống như sự tương tục của sóng lăn tăn gợn trên mặt nước, nếu chấp như vậy, thì hành giả sẽ bị rơi vào tư tưởng mê lầm điên đảo, cho rằng sau khi chết vẫn còn sắc tướng. Do chấp rằng vẫn còn hiện hữu sau khi chết, nên tâm người ấy trở nên mê loạn.

Kinh văn:

或自固身，云色是我。或見我圓，含遍國土，云我有色。或彼前緣，隨我迴復，云色屬我。或復我依，行中相續，云我在色。

Hoặc tự cố thân, vân sắc thị ngã. Hoặc kiến ngã viên, hàm biến quốc độ, vân ngã hữu sắc. Hoặc bi tiền duyên, tùy ngã hồi hậu, vân sắc thuộc ngã. Hoặc hậu ngã y, hành trung tương tục, vân ngã tại sắc.

Việt dịch:

Hoặc tự củng cố thân mình, cho rằng sắc là ta. Hoặc thấy cái ta bao trùm khắp các cõi nước, cho rằng ta có sắc. Hoặc thấy các tiền trần kia, đều theo ta quay về, nên cho rằng sắc thuộc về ta. Hoặc cho

rằng cái ta nương theo hành ám mà tương tục, nên cho rằng ta ở trong sắc.

Giảng:

Hoặc tự củng cố thân mình, cho rằng sắc là ta.

Hoặc hành giả tự chấp cứng lấy thân mình, cho rằng sắc chính là ngã.

Người phát khởi loại vọng chấp này, là mong muốn thân xác mình được lâu dài và kiên cố. Anh ta tuyên bố rằng sắc là một yếu tố trong tứ đại, đơn giản chính là ngã.

Hoặc thấy cái ta bao trùm khắp các cõi nước, cho rằng ta có sắc.

Hoặc thấy mình bao trùm khắp các cõi nước, cho rằng trong ngã có sắc, chấp rằng tự tánh của mình viên dung vô ngại, bao hàm khắp các cõi nước trong mười phương. Do đó, anh ta cho rằng Ngã chứa đựng cả sắc. Đó là loại sắc gì? Anh ta nói: “Ta có cái sắc vĩ đại vô cùng.”

Hoặc thấy các tiên trần kia, đều theo ta quay về, nên cho rằng sắc thuộc về ta.

Hoặc thấy các tiên trần kia đều quay về bên cái Ta, nên cho rằng sắc thuộc về ngã. Hoặc anh ta cho rằng các tiên trần kia đều theo anh ta đi khắp mọi nơi và sắc trong tứ đại hoàn toàn thuộc về ngã.

Hoặc cho rằng cái ta nương theo hành ám mà tương tục, nên cho rằng ta ở trong sắc. Cho rằng ngã nương nơi hành ám mà tương tục, nên cho rằng ngã ở trong sắc.

Kinh văn:

皆計度言，死後有相。如是循環，有十六相。

Giai kế độ ngôn, tử hậu hữu tương. Như thị tuần hoàn, hữu thập lục tướng.

Việt dịch:

Từ tất cả kiến chấp này, đều cho rằng sau khi chết còn có tướng. Xoay vần như thế có 16 tướng.

Giảng:

Từ tất cả kiến chấp này, đều cho rằng sau khi chết còn có tướng. Từ tất cả kiến chấp này, hành giả cho rằng sắc còn tồn tại sau khi chết.

Trước đây khi giảng về sắc và triền trần, tôi có nói về bốn lý luận của hành giả:

1. Sắc trong tứ đại thuộc về ta.
2. Sắc trong tứ đại chính là ta.
3. Sắc ở trong ta, thế nên ta lớn và sắc thì nhỏ.
4. Tách rời khỏi ta, chẳng có sắc.

Tóm lại: lý luận của anh ta đều vô nghĩa. Chẳng có chút gì hợp lý. Qua bốn lý thuyết này, anh ta chấp rằng có sự hiện hữu sau khi chết.

Xoay vần như thế có 16 tướng.

Theo kiến chấp ấy, hành giả rơi vào mười sáu trường hợp hiện hữu của sắc tướng.

Anh ta lấy bốn lý thuyết trên và liên hệ chúng với bốn thứ: Sắc âm, thọ âm, tưởng âm và hành âm. Như vậy thành ra 16 trường hợp hiện hữu của sắc, thọ,

tướng hành và tứ đại: đất, nước, gió, lửa. Thật là vô ích khi hỏi tại sao lại đặt ra những lý luận này. Vì căn bản là bất hợp lý, trong đó chẳng có ý nghĩa gì cả. Tôi chẳng hiểu gì về bốn lý thuyết đó. Vì trước hết là chúng chẳng có gì rõ ràng minh bạch cả.

Kinh văn:

從此¹惑計，畢竟煩惱，畢竟菩提。兩性並驅，各不相觸。

Tòng thử hoặc kế, tất cánh phiền não, tất cánh bồ-đề, lưỡng tánh tịnh khu, các bất tương xúc.

Việt dịch:

Từ đó, chấp rằng rốt ráo phiền não, tột cùng bồ-đề, hai tánh ấy đều khu biệt, không mâu thuẫn nhau.

Giải:

Bốn lần bốn làm thành mười sáu cách mà sắc có thể hiện hữu. Hành giả thấy rằng bốn lý thuyết ấy có thể liên hệ với mỗi thứ trong bốn âm: sắc âm, thọ âm, tưởng âm, hành âm; hoặc với tứ đại: đất nước, gió, lửa.

Từ đó, chấp rằng rốt ráo phiền não, tột cùng bồ-đề, hai tánh ấy đều khu biệt.

Cho rằng phiền não luôn luôn là phiền não, bồ-đề luôn luôn là bồ-đề.

Anh ta cho rằng phiền não mãi mãi là phiền não, bồ-đề vĩnh viễn là bồ-đề. Như vậy nên câu: *phiền não tức bồ-đề* là sai.

¹ Bản VPTT chép 此. Bản Taishō chép 此. Bản Minh chép chữ 是.

Không mâu thuẫn nhau.

Hai tánh chất này cùng tồn tại song song, không mâu thuẫn nhau.

Anh ta tuyên bố hai chức năng này tồn tại song song nhau, không phá vỡ nhau. Nhưng chúng tương tác với nhau. Nhưng quan điểm này hoàn toàn sai lạc. Căn bản là điều ấy không thể có được. Tại sao anh ta nói như thế? Vì mê mờ tánh bờ-đề.

Kinh văn:

由此計度，死後有故，墮落外道，惑菩提性。是則名為第六外道，立五陰中，死後有相，心顛倒論。

Do thử kế độ, tử hậu hữu cố, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bờ-đề tánh. Thệ tặc danh vi đệ lục ngoại đạo, lập ngũ âm trung, tử hậu hữu tướng, tâm điên đảo luận.

Việt dịch:

Do chấp sau khi chết vẫn còn hiện hữu, nên rơi vào ngoại đạo và trở nên mê mờ tánh bờ-đề. Đây là ngoại đạo thứ sáu, lập nên lý thuyết điên đảo, cho rằng trong ngũ âm, sau khi chết có tướng.

Giải:

Do chấp sau khi chết vẫn còn hiện hữu, nên rơi vào ngoại đạo và trở nên mê mờ tánh bờ-đề.

Bốn loại sắc âm, thọ âm, tướng âm, hành âm, nhân với bốn, làm thành mười sáu loại tồn tại của sắc. Hành giả nói rằng: Sắc tướng còn hiện hữu sau khi chết. Do vì chấp rằng sau khi chết vẫn còn hiện hữu.

Hành giả rơi vào ngoại đạo và trở nên mê mờ tánh Bồ-đề là chân tánh vốn có từ xưa của anh ta.

Đây là ngoại đạo thứ sáu, lập nên lý thuyết điên đảo, cho rằng trong ngũ âm, sau khi chết có tướng.

Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ 6, lập nên lý thuyết điên đảo về sự hiện hữu của sắc tướng sau khi chết trong phạm vi ngũ âm.

Ngũ âm ở đây chỉ liên quan đến bốn thứ, đó là: sắc âm, thọ âm, tưởng âm, hành âm. Không liên quan đến thức âm. Anh ta nói rằng con người sau khi chết rồi, họ vẫn tiếp tục còn có hình tướng. Khi tâm ý anh ta bị rối loạn, mất phương hướng. Anh ta đưa ra loại lý thuyết này.

7. TÀ KIẾN SAU KHI CHẾT KHÔNG CÒN SẮC TƯỚNG

Kinh văn:

又三摩中，諸善男子，堅凝正心，魔不得便。窮生類本，觀彼幽清，常擾動元，於先除滅，色受想中，生計度者，是人墜入，死後無相，發心顛倒。

Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, u tiên trừ diệt, sắc thọ tưởng trung, sanh kế độ giả. Thị nhân trụ nhập, tử hậu vô tướng, phát tâm điên đảo.

Việt dịch:

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội khuấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia, khởi tâm suy lường về sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm đã được trừ diệt rồi, thì người ấy sẽ rơi vào tư tưởng điên đảo, cho rằng sau khi chết, không còn có tướng.

Giảng:

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội khuấy phá.

Trong khi thiên quán, chánh tâm ngưng lặng vững chắc. Đây nói đến người tu tập định lực. Người ấy đã đạt được định lực kiên cố và trí tuệ. Thiên ma không còn khuấy phá được nữa.

Dù trí tuệ chưa đạt đến mức cứu cánh và chân chánh trí tuệ, nhưng ma vương không làm gì được anh ta. Tuy nhiên, anh ta chưa hàng phục được ma ở trong tâm của anh ta.

Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia. Hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội gốc của các loại chúng sanh, thấy được manh mối của cái thường nhiều động vi tế kia.

Anh ta nhìn thấy được căn tánh khinh thanh, u ần

của tất cả các loại chúng sanh, biểu hiện qua sự nhiễu động vi tế thường xuyên ấy.

Khởi tâm suy lường về sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm đã được trừ diệt rồi. Nhưng nếu hành giả khởi niệm suy lường về ba loại sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm đã trừ diệt xong rồi, thì hành giả sẽ bị rơi vào ý tưởng mê lầm điên đảo; cho rằng sau khi chết, không còn sắc tướng.

Anh ta nói rằng chẳng có gì tồn tại sau khi chết. Đó là loại lý luận điên đảo mà anh ta nghĩ ra.

Kinh văn:

見其色滅，形無所因。觀其想滅，心無所。知其受滅，無復連綴。陰性銷散，縱有生理，而無受想，與草木同。

Kiến kì sắc diệt, hình vô sở nhân. Quán kì tưởng diệt, tâm vô sở hệ. Tri kì thọ diệt, vô phục liên xuyết. Âm tánh tiêu tán, tưng hữu sanh lí, nhi vô thọ tướng, dĩ thảo mộc đồng.

Việt dịch:

Thấy sắc ấm đã diệt, thân không còn chỗ y cứ. Quán sát tưởng ấm đã tiêu dung, thấy tâm không ràng buộc. Biết thọ ấm đã tiêu trừ, chẳng còn dính dáng vào đâu. Các ấm này đã tiêu tán, dù còn có lý

¹ Bản VPTT chép 復. Bản Taishō chép 後. Bản Nguyên bản Minh chép chữ 復.

sinh khởi, nhưng **thọ âm, tướng âm** không còn nữa, nên hành giả cho rằng mình như cây cỏ.

Giảng:

Thấy sắc âm đã diệt, thân không còn chỗ y cứ.

Sắc âm đã diệt, không rõ nguyên nhân nào mà thân xác còn hiện hữu. Hình hài không còn nơi nương gá nữa. Như đã cho mất đi rồi.

Quán sát tướng âm đã tiêu dung, thấy tâm không ràng buộc.

Thấy tướng âm đã tiêu dung, thấy tâm như không bị ràng buộc. Hành giả đã vượt qua được tướng âm. Tướng âm đã tiêu dung rồi. Không còn nơi chôn cho tâm nương gá vào nữa, không còn nơi để sinh khởi vọng tướng nữa.

Biết thọ âm đã tiêu trừ, chẳng còn dính dáng vào đâu.

Biết thọ âm đã tiêu trừ, chẳng còn liên hệ gì nữa. Thọ âm của mình đã tiêu dung rồi, không còn liên hệ với ngoại duyên nữa. Các âm này đã tiêu tán. Ba loại: Sắc âm, thọ âm, tướng âm đã tiêu dung.

Dù còn lý sinh khởi, dù những hiện tượng rất nhỏ, vết tích của hành âm còn tồn tại.

Nhưng thọ âm và tướng âm không còn nữa, khiến hành giả cho rằng mình giống như cây cỏ. Do đã hết sạch thọ âm và sắc âm. Anh ta xem mình đồng với cây cỏ.

Kinh văn:

此質現前，猶不可得，死後云何，更有諸相？因之勘校，死後相無。如是循環，有八無相。

Thủ chất hiện tiền, do bất khả đắc, tử hậu vân hà, cánh hữu chư tướng? Nhân chi khám hiệu, tử hậu tướng vô. Như thị tuần hoàn, hữu bát vô tướng.

Việt dịch:

Rồi nghĩ rằng, hiện tiền thể chất này còn không nắm bắt được, làm sao sau khi chết lại còn sắc tướng? Do nghiệm xét như thế, nên cho rằng sau khi chết không còn sắc tướng. Xoay vần như vậy, có tám thứ luận vô tướng.

Giảng:

Rồi nghĩ rằng, hiện tiền thể chất này còn không nắm bắt được.

Thể chất này nay chẳng tồn tại, không chỉ là sắc tướng không tồn tại mà tâm cũng thế. Anh ta cho rằng phương diện vật chất của sắc và tâm bây giờ đã tiêu tán. Điều này liên quan đến bốn thứ: sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm. Nhớ rằng hành giả cho thân mình đồng như cây cỏ. Đó có nghĩa là anh ta không có tri giác. Dù anh ta còn sống, nhưng chẳng có được gì cả.

Làm sao sau khi chết lại còn sắc tướng? Nếu hành giả không thể tìm thấy được dấu tích nào của sự hiện hữu, bất kỳ cái gì thực sự là hình và tướng, ngay

bây giờ trong lúc còn sống, thì làm sao mà có được chút sắc tướng tồn tại sau khi chết?

Do vì nghiệm xét như thế nên cho rằng sau khi chết không còn sắc tướng.

Anh ta nghiền ngẫm ý tưởng này, xem xét nó qua nhiều khía cạnh. “Nếu ngay đời này chẳng có sắc tướng, làm sao sau khi chết lại có được? Nên sau khi chết cũng chẳng có sắc tướng.”

Nếu không có bằng chứng cho sự hiện hữu của sắc âm, thọ âm, tướng âm, hành âm trong khi sống, thì chắc chắn cũng chẳng có bằng cứ nào cho sự hiện hữu của chúng sau khi chết.

Xoay vần như vậy, có tám thứ luận vô tướng.

Phát triển ý tưởng như vậy, nên hành giả rơi vào tám thứ luận vô tướng.

Đó là bốn trường hợp không hiện hữu của sắc âm, thọ âm, tướng âm, hành âm trong khi còn sống, và bốn trường hợp không hiện hữu của bốn thứ ấy sau khi chết. Tất cả đều biến mất.

Kinh văn:

從此或¹計，涅槃因果，一切皆空，徒有名字，究竟斷滅。

Tòng thử hoặc kế, niết-bàn nhân quả, nhất thiết giai không. Đồ hữu danh tự, cứu cánh đoạn diệt.

¹ Bản VPTT chép 或. Bản Taishō chép 或. Bản Tổng chép chữ 惑.

Việt dịch:

Do đây, cho rằng niết-bàn nhân quả tất cả đều là không, chỉ có tên gọi, rốt ráo đều là đoạn diệt.

Giảng:

Do đây, vì lý luận của anh ta là bốn uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành) đều không tồn tại. Căn cứ vào tám thứ luận vô tướng. Cho rằng niết-bàn nhân quả tất cả đều là không. Hành giả chấp rằng niết-bàn, nhân quả đều là không. Hành giả cho rằng không có niết-bàn, và phủ nhận nhân quả. Nếu thực sự như vậy, thì chẳng có lý do gì để mọi người có thể tu tập thành Phật. Tại sao vậy? Theo lý luận của anh ta thì chẳng có gì tồn tại hết thảy.

Anh ta nghĩ: chỉ có tên gọi, rốt ráo đều là đoạn diệt. Các pháp chẳng là gì cả, chỉ là danh tự. Thực sự chẳng có gì tồn tại. Đó là những gì anh ta quan niệm.

Kinh văn:

由此計度，死後無故，墮落外道，惑菩提性。是則名為第七外道，立五陰中，死後無相，心顛倒論。

Do thứ kế độ, tử hậu vô cố, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bỏ-đề tánh. Thị tắc danh vi, đệ thất ngoại đạo, lập ngũ âm trung, tử hậu vô tướng, tâm điên đảo luận.

Việt dịch:

Do chấp sau khi chết không còn có tướng như vậy, nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bỏ-đề. Đây gọi là ngoại đạo thứ bảy, lập nên những thứ luận

điên đảo, chấp trong ngũ âm, sau khi chết không còn có tướng.

Giảng:

Do chấp sau khi chết không còn có tướng như vậy. Anh ta cho rằng sau khi chết chẳng còn gì cả. Mọi vật đều là không.

Do chấp rằng sau khi chết không còn sắc tướng. Nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh Bồ-đề. Hành giả rơi vào một thứ ngoại đạo, mê mờ tánh Bồ-đề. Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ bảy, lập nên những thứ luận điên đảo, chấp trong ngũ âm, sau khi chết không còn có tướng.

Anh ta cho rằng sau khi chết chẳng còn gì tồn tại trong phạm vi của ngũ âm. Do đó thứ lý luận điên đảo từ tâm anh ta lập nên.

8. TÀ KIẾN PHỦ NHẬN CÁ CÓ VÀ KHÔNG CÓ TƯỚNG SAU KHI CHẾT

Kinh văn:

又三摩中，諸善男子，堅凝正心，魔不得便窮生類本，觀彼幽清，常擾動元，於行存中兼受想滅，雙計有無，自體相破。是人墜入，死後俱，非起顛倒論。

Hựu tam ma trung chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, u hành tồn trung kiêm thọ tướng diệt, song kế hữu vô, tự thể tương

phá. Thị nhân trụ nhập, tử hậu câu phi, khởi điên đảo luận.

Việt dịch:

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đê, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia, trong trạng thái *hành âm* chưa tiêu dung, nhưng *thọ âm* và *tướng âm* đã tiêu trừ, nếu khởi tâm chấp trước cả hai cái có và không, thì tự thể phá nhau. Người ấy rơi vào luận thuyết điên đảo, phủ nhận cả có, cả không còn gì tồn tại sau khi chết.

Giảng:

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đê, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá.

Hành giả trong khi thiền quán, chánh tâm ngưng lặng, vững chắc, thiên ma không khuấy phá được nữa.

Điều này đề cập đến người tu tập chánh định, có được định lực mạnh mẽ và kiên cố, mặc dù ngoại ma không thể đến khuấy rối anh ta được nữa, nhưng mà từ trong tâm thì rất khó hàng phục.

Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia. Hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội gốc của mười hai loại chúng sanh, thấy được manh mối của trạng thái thường nhiều động vi tế kia. Anh ta quán sát được trạng thái khinh thanh u ẩn trong tâm. Vào lúc ấy,

tình trạng đó là tướng thường nhiễu động vi tế của hành âm.

Trong trạng thái hành âm chưa được tiêu dung, nhưng thọ âm, tướng âm đã được diệt trừ. Nếu hành giả khởi tâm chấp cả có và không, thì tự thể phá nhau.

“Bản ngã” riêng của anh ta đã bị xóa sạch, nó không còn tồn tại nữa. Nên nó mâu thuẫn trong tâm. Nếu cho rằng mọi vật đều tồn tại, thì anh ta cũng tồn tại. Nếu nói rằng mọi vật không còn tồn tại, thì anh ta cũng không tồn tại. Khi anh ta tự mâu thuẫn với chính mình, thì anh ta cũng bị hủy hoại lấy mình, anh ta tự nhận lý thuyết của chính mình.

Người ấy rơi vào luận thuyết điên đảo, phủ nhận cả có, cả không còn gì tồn tại sau khi chết.

Anh ta cho rằng sau khi anh ta chết, chẳng có gì tồn tại lẫn không tồn tại. Thế thì đó là cái gì? Có phải cái “chẳng tồn tại cũng chẳng không tồn tại” là *trung đạo* chẳng? - Không. Anh ta chẳng quan tâm đến *trung đạo*, cũng chẳng quan tâm đến việc mình có chứng được *trung đạo* hay không? Đây là điểm anh ta sai lầm và trở nên mê hoặc.

Kinh văn:

色受想中，見有非有。行遷流內，觀無不無。

Sắc thọ tưởng trung, kiến hữu phi hữu. Hành thiên lưu nội, quán vô bất vô.

Việt dịch:

Thấy sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm có mà chẳng phải có. Xét trong dòng chuyển biến của hành ấm, thấy cái không chẳng phải là không.

Giảng:

Thấy sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm có mà chẳng phải có. Chú ý vào *sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm*, ba *ấm* mà hành giả đã tiêu trừ và vượt qua được, thấy sự hiện hữu đó không thực là hiện hữu. Hành giả nhận biết một trạng thái hiện hữu, nhưng nó không thực sự hiện hữu.

Xét trong dòng chuyển biến của hành ấm, hành giả thấy rằng cái không hiện hữu không thực sự là không, **thấy cái không chẳng phải là không.**

Trong sự nhiễu động vi tế của hành ấm, hành giả thấy rằng những gì không hiện hữu, dường như cũng có sự hiện hữu. Do đó, chẳng có sự tồn tại và cũng chẳng có cái không tồn tại. Nên anh ta kiến lập lý thuyết này.

Kinh văn:

如是循環，窮盡陰界，八俱非相。隨得一緣，皆言死後，有相無相。

Như thị tuần hoàn, cùng tận âm giới, bát câu phi tướng. Tùy đắc nhất duyên, giai ngôn tử hậu, hữu tướng vô tướng.

Việt dịch:

Xoay vần như thế, cùng tận các ấm, lập thành tám tướng “chẳng phải có, chẳng phải không.” Gặp

duyên gì cũng đều nói rằng sau khi chết là có tướng, không tướng.

Giảng:

Xoay vần như thế, cùng tột các âm, lập thành tám tướng “chẳng phải có, chẳng phải không.”

Trước đây hành giả thấy một trạng thái, trong đó, sự hiện hữu từ trước kia của các sắc âm, thọ âm, tưởng âm, hành âm trở nên bị tiêu dung không còn nữa, và dòng chuyển động trôi chảy lăn tăn của hành âm lẽ ra sau đó sẽ không còn hiện hữu nữa, mà nay vẫn còn tồn tại.

Quán xét cùng tột trước sau các âm này. Hành giả khảo sát tuần tự từng món, cố gắng khám phá nguyên lý cơ bản. Anh ta nghiên cứu kỹ lưỡng bốn món sắc âm, thọ âm, tưởng âm, hành âm, quán xét chúng từ tất cả mọi khía cạnh. Lập thành tám tướng hoàn toàn phủ định sự hiện hữu. Có tám trường hợp, đều phủ nhận sự hiện hữu của sắc tướng.

Gặp duyên gì cũng đều nói rằng sau khi chết là có tướng, không tướng.

Bất luận khi đề cập đến âm nào, anh ta chỉ có một câu trả lời. Hành giả đều nói rằng sau khi chết, chẳng có sự không hiện hữu (có), cũng chẳng có sự hiện hữu (vô).

Kinh văn:

又計諸行，性遷訛故，心發通悟，有無俱非，虛實失措。

Hữu kế chư hành, tánh thiên ngoa cố, tâm phát thông ngộ, hữu vô câu phi, hư thực thất tán.

Việt dịch:

Lại thấy hành âm thay đổi liên tục, tâm phát thông ngộ, chấp tất cả đều chẳng phải có, chẳng phải không.

Giảng:

Lại nữa, thấy các hành âm thay đổi liên tục, hành giả nghiên cứu kỹ lưỡng hơn về bản chất của hành âm, vì hành âm có sự thường nhiều động lãng xăng rất nhỏ nhiệm, nó luôn luôn trôi chảy và biến dạng.

Tâm phát thông ngộ, tâm phát ra một sự hiểu biết sáng suốt, khiến phủ nhận cả có lẫn không hiện hữu.

Chấp tất cả đều chẳng phải có, chẳng phải không. Một sự hiểu biết sáng suốt nhằm lẫn (tà ngộ) xảy ra trong tâm ý hành giả, và anh ta quyết đoán rằng cả có lẫn không hiện hữu, cả hai đều không có căn cứ. Phải chăng đây là *trung đạo* ? Không. Anh ta không hiểu được nghĩa rốt ráo của *trung đạo*. Đó là lý do tại sao anh ta chẳng quan tâm đến *trung đạo*. Anh ta chỉ quan tâm đến hiện hữu (có) và (không) hiện hữu.

Nên anh ta không thể quyết đoán được điều gì là thực, điều gì là hư.

Hư thực lộn lạo. Vạn vật chẳng hư chẳng thật. Quý vị nói vạn vật là thực, anh ta lại chối từ điều đó. Quý vị nói vạn vật là hư, anh ta cũng phủ nhận điều ấy.

Vì anh ta chủ trương rằng chẳng thực cũng chẳng hư, nên anh ta đã bị tán loạn.

Kinh văn:

由此計度，死後俱非，後際昏瞶，無可道故。墮落外道，惑菩提性。是則名為第八外道，立五陰中，死後俱非，心顛倒論。

Do thử kế độ, tử hậu câu phi, hậu tế hôn mông, vô khả đạo cố. Đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi đệ bát ngoại đạo, lập ngũ âm trung, tử hậu câu phi, tâm điên đảo luận.

Việt dịch:

Do những kiến chấp sau khi chết “*chẳng phải có, chẳng phải không*” như thế mà đường sau mờ mịt, không còn lối đi. Nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ tám, lập luận điên đảo, chấp trong ngũ âm, sau khi chết, *chẳng phải có, chẳng phải không*.

Giải:

Do những kiến chấp sau khi chết “*chẳng phải có, chẳng phải không*” như thế mà đường sau mờ mịt, không còn lối đi.

Do những thứ kiến chấp mà anh ta đã lập từ trước này, nên phủ nhận cả sự tồn tại lẫn không tồn tại sau khi chết. Đối với hành giả, tương lai mờ mịt, không thể nói được điều gì về điều ấy cả.

Anh ta nói rằng sau khi chết, còn có cả sự hiện hữu lẫn không hiện hữu. Hoàn toàn không biết được nơi sẽ kết thúc của hành ám. Vì không thể biết gì về điều ấy cả, nên không có thể bàn luận, không có gì để nói về điều ấy cả.

Do vậy, nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bờ-đề. Hành giả rơi lạc vào ngoại đạo, vì lạc vào tà thuyết ngoại đạo, nên mê lầm tánh bờ-đề.

Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ tám, lập nên lý luận điên đảo, chấp trong ngũ ám, sau khi chết, chẳng phải có, chẳng phải không. Phủ nhận cả sự hiện hữu lẫn không hiện hữu, trong phạm vi ngũ ám sau khi chết.

Anh ta nói rằng sau khi chết còn có sự hiện hữu, cũng như còn có sự không hiện hữu trong phạm vi của ngũ ám. Vì tâm thức hành giả trở nên mê loạn, nên phát ra loại lý luận điên đảo này.

9. TÀ KIẾN VỀ ĐOẠN DIỆT

Kinh văn:

又三摩中，諸善男子，堅凝正心，魔不得便。窮生類本，觀彼幽清，常擾動元，於後後無，生計度者，是人墜入，七斷滅論。

Hưu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, u hậu hậu vô, sanh kế độ giả. Thị nhân trụy nhập thất đoạn diệt luận.

Việt dịch:

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia, sinh tâm kế chấp sau này là không, người ấy rơi vào mê lầm với bảy luận thuyết đoạn diệt.

Giảng:

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Hành giả trong khi thiền quán, chánh tâm ngưng lặng, vững chắc. Thiên ma không khuấy phá được nữa.

Hành giả, người tu thiền quán đã phát triển được định lực đến mức kiên cố và chánh tâm. Vậy nên thiên ma không còn cách nào quấy nhiễu được. Hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội gốc của mười hai loài chúng sinh, thấy được manh mối trạng thái thường nhiều động vi tế kia. Hành giả quán sát bản chất bí ẩn, hư ảo trong sáng nhẹ nhàng. Đến lúc này trong hành ám có sự nhiễu động rất vi tế. Nhưng nếu, anh ta không biết được trạng thái khi vượt qua hành ám, sinh tâm kế chấp sau khi chết không còn sự hiện hữu, người ấy rơi vào mê lầm với bảy luận thuyết đoạn diệt. Người ấy sẽ tin vào bảy thứ luận đoạn diệt.

Kinh văn:

或計身滅，或欲盡滅，或苦盡滅。或極樂滅，或極捨滅。

Hoặc kể thân diệt, hoặc dục tận diệt, hoặc khổ tận diệt, hoặc cực lạc diệt, hoặc cực xả diệt.

Việt dịch:

Hoặc chấp hết thân này là diệt, hoặc chấp hết ngũ dục là diệt, hoặc chấp hết khổ là diệt, hoặc chấp tột vui là diệt, hoặc chấp cực điểm của xả bỏ là diệt.

Giảng:

Hoặc chấp hết thân này là diệt.

Hành giả quán xét thấy rằng loài chúng sinh có thân xác ở khắp mọi nơi, thân xác ấy cuối cùng sẽ hủy hoại. Những nơi này là bốn châu lớn trong thiên hạ: Nam Diêm-phù-đề, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngu Hó Hóa Châu, Bắc Câu Lô Châu, và ngay cả nơi cõi trời Lục dục.

Hoặc chấp hết ngũ dục là diệt. Hoặc phỏng đoán khi tham muốn ngũ dục đã hết. Khi vượt qua được Dục giới ở cõi trời Sơ thiên còn gọi là *Ly sinh hỷ lạc địa* đó là đoạn diệt. Ở cõi trời Sơ thiên, quý vị thoát khỏi sự cấu nhiễm của chúng sinh và hưởng được nhiều niềm vui.

Hoặc chấp hết khổ là diệt. Hoặc chấp sau khi khổ chấm dứt, trong cõi trời thứ hai, gọi là *Định sanh hỷ lạc địa* đó là đoạn diệt. Đến đây, thấy vui vì đã đạt được định lực.

Hoặc chấp tột vui là diệt. Hoặc chấp niềm vui khi đạt đến tột đỉnh đó là đoạn diệt. Hành giả cho rằng trạng thái cực lạc ở cõi trời thứ ba (*Ly hỷ diệu lạc địa*) cũng sẽ chấm dứt. Vì khi đã trải qua được niềm vui tột

cùng vi diệu, hành giả ước đoán rằng cõi Thiên thứ ba cũng sẽ đoạn diệt.

Hoặc chấp cực điểm của xả bỏ là diệt. Hoặc chấp sự xả bỏ khi đến cực điểm là đoạn diệt. Hành giả phỏng đoán cõi trời thiên thứ tư (*Xả niệm thanh tịnh địa*) cũng sẽ đoạn diệt. Anh ta suy đoán cõi trời Tứ không, nơi không còn chướng ngại của sắc chất cũng sẽ đoạn diệt.

Thời gian trôi qua rất nhanh, chỉ trong chớp nháy mắt mùa hạ đã trôi qua rồi. Ở Trung Hoa, Không Tử ví cuộc đời như dòng nước trôi qua không ngừng nghỉ. Thời gian trôi qua không bao giờ trở lại. Có câu ngôn ngữ:

*“Nhất thốn quang âm nhất thốn kim
Thốn kim nan mại thốn quang âm.”*

Nghĩa là: “Một khoảnh khắc thời gian đáng giá cả lượng vàng. Nhưng lượng vàng khó mua nổi một khoảnh khắc thời gian.” Một khoảnh khắc thời gian giá trị bằng cả lượng vàng. Nếu quý vị mất vàng, quý vị có thể sắm lại được. Nhưng một khi thời gian mất đi thì chẳng có cách nào lấy lại được. Do vậy thời gian còn quý hơn cả vàng. Nên trong đạo Phật nói rằng: “Một khoảnh khắc thời gian cũng như một cõi đời người.” Khi thời gian rút ngắn lại, đời sống con người lại càng ngắn hơn. Chúng ta phải nên quý trọng thời gian đừng để nó tùy tiện trôi qua trong sự vô ích.

Suốt mùa hạ này, chúng ta đã bắt đầu thời khóa tụng kinh, ngồi thiền vào lúc sáu giờ sáng mỗi ngày.

Từ sáng sớm cho đến 9 giờ tối. Mọi người đã đem hết tâm lực để dụng công tu tập. Tôi tin rằng thời gian này chắc hẳn là quý hơn vàng, giá trị hơn kim cương. Nay mọi người hãy cùng nhau hết lòng lắng nghe, thấm nhuần những điều đã được học, phát tâm tu tập. Đây là khoảnh khắc thời gian quý giá nhất trong đời. Thật đáng tiếc khi thời gian trôi qua chỉ trong chớp mắt. Cho dù thời khắc gần như đã đi qua, Phật pháp mà chúng ta vừa học được cũng như hạt giống kim cương trong tâm thức ta gieo vào mảnh đất là thức thứ tám (A-lại-da thức). Trong tương lai chắc chắn sẽ sinh ra quả kim cương bất hoại. Đó cũng là Phật quả, nghĩa là chúng ta sẽ được thành Phật.

Khi nào thì chúng ta sẽ thành Phật? Tùy thuộc vào cách chúng ta siêng năng canh tác, tưới tẩm các hạt giống một khi nó đã được gieo vào lòng đất rồi. Cũng như người nông dân, chúng ta phải tưới nước, nhổ cỏ dại, xới đất cho tơi xốp để hạt giống có thể nảy mầm. Thế nào gọi là nhổ cỏ dại? Cỏ dại có nghĩa là vào mọi lúc, ta phải đề phòng sự phát triển rất vi tế của tạp niệm và trừ bỏ những vọng tưởng ấy đi.

Hằng ngày ta phải nỗ lực công phu theo cách này như người nông dân chăm sóc và tưới tẩm ruộng vườn của họ. Tưới nước và nhổ cỏ dại hằng ngày, hạt giống kim cương mà quý vị đã gieo vào lòng đất sẽ nảy chồi bò-đề, dần dần chồi non bò-đề ấy sẽ lớn thành cây bò-đề; rồi nó sẽ kết thành quả bò-đề. Nhưng quý vị phải chăm sóc bảo vệ chồi non Bò-đề ấy, nếu quý vị xao

lãng việc tưới nước và vun xới cho nó, thì nó sẽ tàn lụi đi.

Tưới nước nghĩa là gì? Nếu quý vị học Phật pháp hằng ngày, có nghĩa là quý vị đang tưới cho mầm bồ-đề bằng nước của Pháp. Đúng lúc quả kim cang sẽ chín muồi. Nếu quý vị không tiếp tục chăm sóc hạt giống kim cang sau kỳ pháp hội này, thì không dễ gì hạt kim cang sẽ nảy chồi. Quý vị phải chăm sóc hạt giống thật chu đáo. Đừng nên theo thói quen thích làm những việc mình ưa thích. Hãy tuân thủ theo giới luật và cư xử cho hòa hợp, đừng bừa bãi, khinh suất trong khi hành xử. Nếu quý vị giữ đúng giới luật, nghĩa là quý vị hòa hợp với Phật pháp. Nếu không tuân thủ giới luật, thì chưa hiểu Phật pháp. Quý vị nhất định phải nên tuân thủ theo giới luật, đừng quá phóng túng và không tự kiêu chê mình được. Đây là điều tôi hy vọng ở quý vị.

Trong pháp hội giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm vào mùa hạ này, nhất định sẽ giống như trong trường hợp:

“Nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo tràng”

Nghĩa là: “Ngay khi nghe được ý chỉ của kinh này rồi, vĩnh viễn nơi tâm thức của quý vị đã là đạo tràng, là mảnh đất tâm đã được gieo hạt giống bồ-đề.”

Kinh văn:

如是循環窮盡七際，現前銷滅，滅已無復。由此計度，死後斷滅。墮落外道，惑菩提性。是則名為第九外道，立五陰中，死後斷滅，心顛倒論。

Như thị tuần hoàn, cùng tận thất tế, hiện tiền tiêu diệt, diệt dĩ vô phục. Do thử kế độ, tử hậu đoạn diệt. Đoạn lạc ngoại đạo hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi đệ cửu ngoại đạo. Lập ngũ ám trung tử hậu đoạn diệt. tâm điên đảo luận.

Việt dịch:

Xoay vần như thế, cùng tột đến bảy quan niệm chấp trước hiện tiền là tiêu diệt, đã diệt rồi thì không hồi phục lại nữa. Do chấp sau khi chết là đoạn diệt như thế, nên rơi vào ngoại đạo, làm mất tánh bồ-đề. Đây là ngoại đạo thứ 9, lập nên những thứ luận điên đảo, chấp trong ngũ ám, sau khi chết là đoạn diệt hẳn.

Giảng:

Xoay vần như thế, cùng tột đến bảy quan niệm chấp trước hiện tiền là tiêu diệt, đã diệt rồi thì không hồi phục lại nữa.

Vì những kẻ chấp đoạn diệt sau khi chết. Hành giả vẫn duy trì tư tưởng cho rằng sau khi chết, chẳng còn bất cứ thứ gì tồn tại. Mọi vật đều tiêu diệt. **Nên rơi vào ngoại đạo, làm mất tánh bồ-đề.** Hành giả sẽ rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề, mê mờ về tánh giác ngộ chân chánh. **Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ chín, lập nên những thứ luận điên đảo. Chấp trong ngũ ám, sau khi chết là đoạn diệt hẳn.**

Cho rằng sau khi chết trong phạm vi ngũ ám là đoạn diệt hẳn. Với tâm mê muội, hành giả nghĩ rằng sự

đoạn diệt sau khi chết là ở trong phạm vi của sắc âm, thọ âm, tướng âm và hành âm.

10. TÀ KIẾN VỀ NIẾT BÀN

Kinh văn:

又三摩中，諸善男子，堅凝正心，魔不得便。窮生類本，觀彼幽清，常擾動元，於後後有，生計度者。是人墜入五涅槃論。

Hữu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, u hậu hậu hữu, sanh kế độ giả. Thị nhân truy nhập ngũ niết-bàn luận.

Việt dịch:

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, sinh tâm kế chấp sau này là có. Người ấy rơi vào năm thứ luận về niết-bàn.

Giải:

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá.

Trong khi tu tập thiền quán, chánh tâm ngưng lặng vững chắc. Thiên ma không khuấy phá được nữa. Vì hành giả đã được định lực vững chắc và chính tâm

thuần hòa, thanh tịnh. Thiên ma không có cơ hội quấy phá, thiên ma chẳng có ảnh hưởng gì đến hành giả được nữa.

Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiều động lăng xăng kia, sinh tâm kế chấp sau này là có.

Hành giả nghiên cứu cùng tột cội gốc của các loài chúng sinh, thấy được manh mối trạng thái thường nhiều động vi tế kia. Khảo sát tâm thức của các loài chúng sinh kia, vốn u ẩn, khinh thanh trong dòng nhiều động rất vi tế.

Người ấy rơi vào năm thứ luận về niết-bàn.

Nhưng nếu hành giả sinh tâm kế chấp về sự hiện hữu sau khi chết, sẽ rơi vào năm thứ luận sai lạc về niết-bàn.

Vượt qua hành âm, hành giả lại nhận thấy có sự hiện hữu. Căn cứ vào sự thường hằng của từng niệm, từng niệm trôi chảy không ngừng trong phạm vi hành âm. Anh ta có kiến chấp sai lầm về sự hiện hữu và tin vào năm thứ luận về Niết Bàn.

KINH VĂN:

或以欲界，為正轉依，觀見圓明，生愛慕故。或以初禪性無憂故。或以二禪心無苦故。或以三禪極悅隨故。或以四禪苦樂二亡，不受輪迴，生滅性故。

Hoặc dĩ dục giới, vi chánh chuyển y, quán kiến viên minh, sinh ái mộ cố. Hoặc dĩ sơ thiên tánh vô ưu

cố. Hoặc dĩ nhị thiên, tâm vô khổ cố. Hoặc dĩ tam thiên, cực duyệt tùy cố. Hoặc dĩ tứ thiên, khổ lạc nhị vọng, bất thọ luân hồi, sanh diệt tánh cố.

Việt dịch:

Hoặc xem Dục giới là chuyển y chân chánh,¹ do thấy sáng suốt cùng khắp nên sanh tâm yêu thích. Hoặc nhận cõi Sơ thiên là nơi chuyển y chân chánh, do tâm không còn lo buồn. Hoặc nhận cõi Nhị thiên là chuyển y chân chánh, do tâm không khổ lụy nữa. Hoặc nhận Tam thiên, vì rất vui đẹp. Hoặc nhận Tứ thiên vì cả vui khổ thực sự tiêu vong, không còn chịu sinh diệt trong luân hồi nữa.

Giảng:

Hoặc xem Dục giới là chuyển y chân chánh. Đó là nơi mà anh ta sẽ đi đến, anh ta thấy cõi trời Dục giới là nơi *chuyển y chân chánh*. Tại sao?

Do vì hành giả thấy sáng suốt cùng khắp và sanh tâm yêu thích nơi ấy. Cõi trời Dục giới hiện ra rất hoàn mãn và sáng rực, nên anh ta phát khởi tâm luyến mộ và ước ao sinh về nơi đó. Anh ta nhận nơi đó như một nơi chốn để quay về, như là một cảnh giới niết-bàn. Anh ta nghĩ rằng Dục giới là một cõi niết-bàn chân thực.

Hoặc nhận cõi Sơ thiên là nơi chuyển y chân chánh, do tâm không còn lo buồn. Anh ta nghĩ rằng chúng sinh trong cõi trời Sơ thiên (*Ly sinh hỷ lạc*) đã bỏ lại hết đằng sau những âu lo, phiền não rồi, đồng

¹ Chánh chuyển y: chuyển sanh tử thành niết-bàn.

thời sinh khởi một cảm giác hoan hỷ. Do vậy nên hành giả ao ước được sanh về nơi đó.

Hoặc nhận cõi Nhị thiên là chuyển y chân chánh, do tâm không khổ lụy nữa. Trong khi thiên quá, hành giả có thể đạt đến cõi trời Nhị thiên, nơi tâm không còn khổ nữa, vì hành giả đã phát triển được định lực. Cõi trời này gọi là *Định sanh hỷ lạc*.

Hoặc nhận Tam thiên, vì rất vui đẹp, vì rất ham thích niềm vui tột bậc ở đó. Anh ta nghĩ rằng mình sẽ đạt được bất kỳ điều gì mình muốn ở đó, vì thế anh ta cho rằng đây là cõi trời kia là cảnh giới niết-bàn.

Hoặc nhận Tứ thiên vì cả vui khổ thực sự tiêu vong, không còn chịu sinh diệt trong luân hồi nữa.

Hành giả cho rằng mình không còn trải qua sự luân hồi sanh tử nữa. Hành giả cho rằng trong cõi trời Tứ thiên, gọi là *Xả niệm thanh tịnh địa*, nơi khổ vui đều tiêu dung và không còn tái sinh trong tam giới nữa. Do vì cảnh giới này rất thanh tịnh, nên hành giả xem đó là cảnh giới niết-bàn, muốn quay về an trụ nơi đó.

Kinh văn:

迷有漏天，作無為解，五處安隱，為
勝淨依。如是循環，五處究竟。

Mê hữu lậu thiên, tác vô vi giải, ngũ xứ an ổn, vi thắng tịnh y. Như thị tuần hoàn, ngũ xứ cứu cánh.

Việt dịch:

Mê chấp các cõi trời hữu lậu, phát khởi kiến giải vô vi, lầm sự an ổn năm chỗ ấy là nơi nương

tạ thẳng tịnh. Tuần hoàn rớt ráo trong năm chỗ như vậy.

Giảng:

Mê chấp các cõi trời hữu lậu, phát khởi kiến giải vô vi.

Những cõi trời này còn trong vòng hữu lậu, nhưng hành giả mê lầm “Nhận giặc làm con” khởi nên kiến giải vô vi, và xem năm trạng thái này là nơi nương tựa thù thắng. **Lầm sự an ổn năm chỗ ấy là nơi nương tựa thẳng tịnh.** Anh ta cảm thấy rằng năm trạng thái này là an ổn và bảo đảm, đó là nơi tuyệt đối thanh tịnh, thù thắng để quay về an trụ.

Tuần hoàn rớt ráo trong năm chỗ như vậy.

Cứu xét kỹ lưỡng theo cách ấy, nên quyết đoán có năm chỗ rớt ráo. Anh ta nghĩ các cảnh giới ấy là trạng thái tốt cùng nơi anh ta có thể nhập niết-bàn. Anh ta không nhận ra những cõi trời này vẫn còn trong vòng hữu lậu.

Kinh văn:

由此計度，五現涅槃，墮落外道，惑菩提性。是則名為第十外道，立五陰中，五現涅槃，心顛倒論。

Do thử kế độ, ngũ hiện niết-bàn, đọa lạc ngoại đạo hoặc bỏ-đề tánh. Thị tắc danh vi, đệ thập ngoại đạo. Lập ngũ âm trung, ngũ hiện niết-bàn, tâm điên đảo luận.

Việt dịch:

Do kẻ chấp năm thứ niết-bàn hiện có như vậy, nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là ngoại đạo thứ mười, lập nên những luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, có năm thứ niết-bàn hiện có.

Giảng:

Do kẻ chấp năm thứ niết-bàn hiện có như vậy, nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đánh mất trực giác về bản tánh giác ngộ sáng suốt. Đây là ngoại đạo thứ mười, lập nên những luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, có năm thứ niết-bàn hiện có.

Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ mười, lập nên những luận thuyết sai lầm về năm loại niết-bàn hiện có, trong phạm vi của ngũ ấm. Những luận thuyết ấy là hoàn toàn sai lạc và điên đảo.

E. LỜI KHUYÊN TỔNG KẾT CỦA ĐỨC THẾ TÔN VỀ CÁC TÀ KIẾN

Kinh văn:

阿難，如是十種，禪那狂解，皆是行陰，用心交互，故現斯悟。

A-nan, như thị thập chủng, thiền-na cuồng giải, giai thị hành âm, dụng tâm giao hỗ, cố hiện tư ngộ.

Việt dịch:

A-nan, tất cả mười thứ tri giải cuồng loạn trong thiền-na như thế, đều do tâm dụng công giao xen với hành âm nên phát ra ngộ giải này.

Giảng:

A-nan, tất cả mười thứ tri giải cuồng loạn trong thiên-na như thế, tất cả mười thứ tri giải cuồng loạn sai lầm như thế được nói ở trên xảy ra trong thiên định. đều do tâm dụng công giao xen với hành ám nên phát ra ngộ giải này. Chính là do tâm nỗ lực công phu thiên quán giao xen với hành ám.

Vấn đề gì sẽ xảy ra ở đây? Vì hành giả vừa vượt qua hành ám. Nếu chánh tri, chánh kiến của hành giả thắng lướt, thì anh ta có thể nhảy vượt qua rào cản này. Nếu hành ám thắng thì anh ta sẽ bị ma gá vào. Nên phát ra ngộ giải này.

Kinh văn:

眾生頑迷，不自忖量。逢此現前，以迷為解，自言登聖。大妄語成，墮無間獄。

Chúng sanh ngoan mê bất tự thốn lượng. Phùng thử hiện tiền, dĩ mê vi giải, tự ngôn đăng thánh. Đại vọng ngữ thành, đọa vô gián ngục.

Việt dịch:

Chúng sinh ngu mê, không tự suy xét được. Gặp phải cảnh ấy, nhận mê làm ngộ, nói rằng mình đã chứng thánh. Thành tội đại vọng ngữ, sẽ đọa vào ngục vô gián.

Giảng:

Chúng sinh ngu mê, không tự suy xét được.

Chúng sinh thường bướng bỉnh, si mê và vô ý thức, không có một niệm phản tỉnh tự hỏi mình là ai và căn tánh của mình là gì?

Gặp phải cảnh ấy khi trạng thái này xảy ra, liền bị bối rối hoảng loạn, nhưng vì không gặp được vị thiện tri thức sáng mắt chỉ điểm cho.

Nhận mê làm ngộ, nói rằng mình đã chứng thánh. Anh ta tuyên bố đã giác ngộ và đã thành Phật. **Thành tội đại vọng ngữ** vì anh ta đã phạm tội đại vọng ngữ như vậy, nên sẽ đọa vào ngục vô gián.

Kinh văn:

汝等必須，將如來心，於我滅後，傳示末法，遍令眾生，覺了斯義。無令心魔，自起深孽。保持覆護，消息邪見。

Nhữ đặng tất tu, tương Như Lai tâm, ư ngã diệt hậu, truyền thị mạt pháp, biến linh chúng sanh, giác liễu tư nghĩa. Vô linh tâm ma, tự khởi thâm nghiệt. Bảo trì phúc hộ, tiêu tức tà kiến.

Việt dịch:

Sau khi Như Lai nhập diệt, các ông nên đem lời dạy của Như Lai truyền bá trong đời mạt pháp, khiến cho tất cả chúng sinh hiểu rõ nghĩa này. Đừng để cho tâm ma tự gây những tội chướng sâu nặng. Giữ gìn che chở cho chúng sanh tiêu trừ tà kiến.

Giảng:

Sau khi Như Lai nhập diệt, các ông nên đem

lời dạy của Như Lai truyền bá trong đời mạt pháp, khiến cho tất cả chúng sinh hiểu rõ nghĩa này.

Sau khi Như Lai nhập niết-bàn. Trong tương lai A-nan và quý vị trong Tăng đoàn nên truyền bá lời dạy này của Như Lai. Những lời Như Lai đã giảng nói. Chỉ bày và giáo hóa cho chúng sinh trong đời mạt pháp được hiểu rõ nghĩa chân thực này. Quý vị nên chỉ bày cho toàn thể chúng sinh hiểu được những đạo lý này.

Đừng để cho tâm ma tự gây những tội chướng sâu nặng. Giữ gìn che chở cho chúng sanh tiêu trừ tà kiến.

Đừng để cho tà ma sinh khởi trong tâm, gây nên những tội chướng sâu nặng. Đừng để cho mọi loài chúng sinh tạo nên nghiệp xấu. Bảo hộ che chở cho chúng sanh tiêu trừ tà kiến. Hộ trì Phật pháp, tiêu trừ tà kiến.

Kinh văn:

教其身心，開覺真義。於無上道，不遭枝岐。勿令心祈，得少為足。作大覺王，清淨標指。

Giáo kì thân tâm, khai giác chân nghĩa. Ư vô thượng đạo, bất tạo chi kì. Vật linh tâm kì, đắc thiểu vi túc. Tác đại giác vương, thanh tịnh tiêu chỉ.

Việt dịch:

Dạy cho họ giác ngộ đạo nghĩa chân thật. Nơi đạo vô thượng, không lạc vào đường tẻ. Đừng để cho chúng sinh hài lòng với chút ít hiểu biết rồi tự

cho là đủ. Phải làm mẫu mực thanh tịnh của bậc Đại giác vương.

Giảng:

Dạy cho họ giác ngộ đạo nghĩa chân thật.

Dạy cho chúng sinh giác ngộ nghĩa sâu rộng chân thật của đạo Vô Thượng, giúp cho thân và tâm chúng sinh trong đời mạng pháp hiểu được giáo lý chân thật tối thượng.

Nơi đạo vô thượng, không lạc vào đường tẻ.

Giúp cho chúng sinh không lạc vào đường tẻ. Đừng để cho chúng sinh đuổi theo các giáo pháp nông cạn thô thiển, mà không ham thích giáo pháp căn bản. Đừng để cho chúng sinh khi gặp phải những con đường tẻ thì hoang mang không biết đi đường nào.

Đừng để cho chúng sinh hài lòng với chút ít hiểu biết rồi tự cho là đủ.

Đừng để cho chúng sinh khao khát đạo giác ngộ Vô thượng mà trở thành tự mãn, hài lòng với chút ít sở đắc trong công phu.

Làm mẫu mực thanh tịnh của bậc Đại giác vương.

Các ông nên tự biến mình thành bậc Đại giác vương, làm mẫu mực khuôn phép cho giáo nghĩa thanh tịnh. Tức thời biến mình thành bậc chúa tể trong đạo giải thoát, làm vị lãnh tụ mẫu mực, mô phạm thanh tịnh, không chấp nhận được chút ít sở đắc trong công phu tu tập là đủ. Một bề hướng thượng tinh tấn tu tập.

THỨC ÁM

A. TRẠNG THÁI TÂM LÝ TRƯỚC KHI VÀO THỨC ÁM

Kinh văn:

阿難，彼善男子，修三摩提，行陰盡者，諸世間性幽清擾動，同分生機，倏然墮裂。沈細綱紐，補特伽羅，酬業深脈，感應懸絕。

A-nan, bĩ thiện nam tử, tu tam-ma-đề, hành âm tận giả, chư thế gian tánh, u thanh nhiều động, đồng phận sanh cơ, thúc nhiên huy liệt. Trầm tế cương nữu, bổ-đặc-già-la, thù nghiệp thâm mạch cảm ứng huyền tuyệt.

Việt dịch:

A-nan, thiện nam tử kia tu pháp tam-ma-đề, khi hành âm hết rồi, cái then chốt nhiều động u ẩn, nơi phát sinh chung các loài trong thế gian, bỗng nhiên được xóa sạch. Giềng mối vi tế, quan hệ sâu xa, gây nghiệp thọ báo của *bổ-đặc-già-la* nơi mỗi chúng sinh cũng được chấm dứt.

Giảng:

A-nan, thiện nam tử kia tu pháp tam-ma-đề, khi hành âm hết rồi. Khi hành giả, người đang tu tập trong phạm vi hành âm, tu pháp tam-ma-đề đến mức tiêu dung được *hành âm*. Cái then chốt nhiều động u ẩn, nơi phát sinh chung các loài trong thế gian,

bồng nhiên được xóa sạch. Then chót nhiều động vi tế nơi chón thâm u của nội tâm, là nơi phát sinh chung của các loài trên thế gian, bỗng nhiên được xóa sạch.

Sự nhiều động vi tế, không thể nhận thấy, này biểu thị đặc điểm của tất cả mười hai loại chúng sinh trong thế gian, và đó cũng là nguồn gốc sinh khởi chung của các loài ấy; bỗng dưng được tiêu hủy sạch.

Ở Trung Hoa chữ *cuong nữu* 綱紐—*giềng mối*, có nghĩa: sợi dây thừng lớn giăng quanh mạng lưới gọi là “*cuong – giềng*.” Còn trên cổ áo có các nút để buộc áo lại gọi là *nữu – mối*. Cũng giống như trục chính của chiếc xe gọi là *khu nữu* 驅紐 vậy.

Bồ-đặc-già-la, tiếng Phạn là *pudgala*, dịch nghĩa là: “thường chấp giữ, duy trì sự tái sinh.” Đó là cái sinh rồi lại sinh, tương tục mãi mãi. Nó cũng được gọi là “trung hữu thân” hay “hữu tình.” Mọi chúng sinh trong loài hữu tình đều phải trải qua giai đoạn “*trung hữu thân*” này. Khi ta chết, chúng ta sẽ qua một giai đoạn gọi là “*trung ám thân*.”

Giềng mối vi tế, quan hệ sâu xa, gây nghiệp thọ báo của bồ-đặc-già-la nơi mỗi chúng sinh cũng được chấm dứt.

Giềng mối vi tế quan hệ sâu xa gây nên nghiệp báo của bồ-đặc-già-la, là *thân trung hữu* nơi mỗi chúng sinh cũng được chấm dứt.

Trong sự tương quan thù báo lẫn nhau. Sự giao lưu của nghiệp quả diễn biến rất sâu màu, nhân quả nói

tiếp nhau không bao giờ dứt. Vì hành âm đã tiêu dung, dòng sinh tử cũng đã chấm dứt. Nhân quả cũng đã dừng hẳn. Đây là mô tả trạng thái tiêu dung của hành âm và sự khởi đầu của thức âm.

B. PHẠM VI THỨC ÂM

Kinh văn:

於涅槃天，將大明悟，如鷄後鳴，瞻顧東方，已有精色。六根虛靜，無復馳逸。內外湛明，入無所入。深達十方十二種類，受命元由。觀由執元，諸類不召。於十方界，已獲其同。精色不沈，發現幽祕。此則名為識陰區宇。

Ư niết-bàn thiên, tương đại minh ngộ, như kê hậu鸣,瞻顧東方, 已有精色。六根虛靜, 無復馳逸。內外湛明, 入無所入。深達十方十二種類, 受命元由。觀由執元, 諸類不召。於十方界, 已獲其同。精色不沈, 發現幽祕。此則名為識陰區宇。

Việt dịch:

Bầu trời niết-bàn sắp tỏa sáng rực rỡ, như sau khi gà gáy sáng, có ánh bình minh lộ dạng ở phương Đông. Sáu căn rỗng rang thanh tịnh, không

còn giống ruồi nữa. Trong ngoài đều phát ra ánh sáng sâu màu, vào được tính *vô sở nhập*. Thấu suốt được nguyên do thọ mạng của mười hai loại chúng sinh trong suốt mười phương. Xét rõ nguồn gốc do chấp trước gây ra, nên các loài không thu hút được. Nhận được tính đồng nhất với mười phương thế giới. Tinh minh không tiêu trầm, những gì ẩn mật từ trước nay đều hiển bày. Đây gọi là phạm vi của *thức ám*.

Giảng:

Bầu trời niết-bàn sắp tỏa sáng rực rỡ.

Bầu trời của niết-bàn sắp được tỏa sáng rực rỡ. Đó là bầu trời của tự tánh niết-bàn. Hành giả đã ở ngay bờ mé của sự khai ngộ. Hành giả sắp đạt được đại giải thoát, so sánh cảnh giới đó như sau khi gà gáy sáng, có ánh bình minh lộ dạng ở phương Đông. Khi gà gáy lần thứ nhất, rồi lần thứ hai báo hiệu trời sáng, lúc ấy vẫn chưa có ánh sáng ở phương Đông, bầu trời vẫn còn tối đen. Nếu ta hướng về phương Đông nhìn lâu sẽ thấy ánh sáng bình minh le lói khi gà gáy xong lần thứ ba và cũng là lần cuối cùng.

Sáu căn rộng rang thanh tịnh.

Thọ ám đã tiêu dung rồi, nên sáu căn không còn có cảm giác nữa. Nó hoàn toàn rộng lặng. *Tướng ám* đã tiêu dung rồi, nên không còn vọng tưởng nữa. Do vậy, nên tướng ám cũng hoàn toàn tịch lặng. Lúc này, không còn cảm thọ và vọng tưởng tác động khiến tâm thức lang thang dao động nữa.

Không còn giống ruồi nữa.

Điều này có nghĩa là sự biến hóa, trôi chảy nhiều động lảng xảng của hành âm cũng đã chấm dứt. Sự nhiều động lảng xảng, thiên lưu biến hóa của hành âm tựa như những đợt sóng tương tục nhau mãi không dừng, nhưng nay nó đã chìm lắng xuống hẳn, không còn rong duỗi nữa.

Trong ngoài đều phát ra ánh sáng sâu màu.

Đến lúc này, khi chỉ còn thức âm chưa được tiêu trừ, hành giả thấy có một luồng ánh sáng rất sâu màu phát ra từ bên trong lẫn bên ngoài.

Vào được tính vô sở nhập. Hành giả đã vào được nơi xưa nay vốn không thể vào được.

Do vì các căn, các trần đều đã tiêu dung. Sáu căn, sáu trần đã hòa nhập làm một. Căn trần không còn đi sóng đôi với nhau nữa. Đã thành bất nhị. Không còn sự phân biệt giữa sáu căn, sáu trần nữa. Do vậy, nên không còn chỗ gọi là “nhập” cho hành giả đi vào nữa.

Thấu suốt được nguyên do thọ mạng của mười loại chúng sinh trong suốt mười phương. Xét rõ nguồn gốc do chấp trước gây ra, nên các loài không thu hút được.

Thấy rõ nguồn gốc ấy mà không bị thu hút.

Hành giả thâm nhập vào nơi nguồn gốc sinh mệnh tối sơ của các loại chúng sinh. Quán chiếu rõ ràng căn do của mười hai loại chúng sinh ấy, mà không bị thu hút hấp dẫn vào bất kỳ tánh chất của một loại nào. Không có loại nào tác động được hành giả, anh ta

không còn một quan hệ nào nữa với mười hai loại chúng sanh ấy nữa cả.

Nhận được tính đồng nhất với mười phương thế giới. Tinh minh không tiêu trầm, những gì ẩn mật từ trước nay đều hiển bày. Đây gọi là phạm vi của thức ám.

Hành giả trở nên đồng nhất với mười phương thế giới. Anh ta có cảm giác đồng nhất thể tánh với khắp pháp giới. Ánh sáng ấy không bị chìm mất, ánh sáng lưu xuất từ trí tuệ này không biến mất. Những gì ẩn mật từ trước nay được hiển bày. Những trạng thái bí ẩn nhất và khó hiểu, khó giải bày nhất từ trước đến nay được phơi bày một cách hiển nhiên, rõ ràng.

Trạng thái này gọi là phạm vi của thức ám, hành giả đang đi vào trong phạm vi thức ám.

C. CỘI GỐC CỦA THỨC ÁM

Kinh văn:

若於群召，已獲同中，銷磨六門，合開成就。見聞通隣，互用清淨。十方世界，及與身心。如吠瑠璃，內外明徹，名識陰盡。是人則能，超越命濁。觀其所由，罔象虛無，顛倒妄想，以為其本。

Nhược ư quần triệu, dĩ hoạch đồng trung, tiêu ma lục môn, hợp khai thành tựu. Kiến văn thông lân, hỗ dụng thanh tịnh. Thập phương thế giới cập dĩ thân

tâm, như phệ lưu li, nội ngoại minh triệt, danh thức âm tận. Thị nhân tắc năng, siêu việt mệnh trọc. Quán kì sở do, võng tượng hư vô, điên đảo vọng tưởng, dĩ vi kì bản.

Việt dịch:

Như trong tính đồng của các loài đã chứng được, tiêu dung luôn sáu căn, Khiến việc khai hợp sáu căn đều thành tựu. Cái thấy, cái nghe dung thông với nhau một cách thanh tịnh. Mười phương thế giới và trong ngoài thân tâm trong suốt như lưu ly. Đây là sự chấm dứt của thức âm. Người ấy có thể vượt qua mạng trọc. Xét lại nguyên do của *thức âm*, mới thấy cội gốc là vọng tưởng điên đảo, huyền hóa rỗng không.

Giảng:

Như trong tính đồng của các loài đã chứng được.

Nếu hành giả trở nên đồng nhất với các loài, mà không bị các loài chiêu dẫn. Vì có sự tương quan mật thiết nhân quả với mười hai loại chúng sanh, hành giả trở nên đồng nhất với chúng. Tuy nhiên hành giả không bị ảnh hưởng bởi chúng. Vì hành giả đã đoạn trừ tất cả mối tương quan với chúng, không còn tái sinh trong đó nữa.

Tiêu dung luôn sáu căn.

Nên có thể tiêu dung luôn sự đồng nhất của sáu căn. Đến điểm này, lối vào của sáu căn không còn hoạt dụng được nữa. Nó hoàn toàn bị tiêu ma. Bằng cách nào mà nó không hoạt dụng được nữa? Đây không có

nghĩa là mắt không còn thấy, tai không còn nghe, mũi không còn ngửi, lưỡi không nếm được mùi vị, mà còn hơn thế nữa. Điều gì xảy ra khi sáu căn hồ dụng? Nếu khi quý vị vượt qua được thức ám, thì quý vị sẽ trải qua trạng thái này. Nghĩa là, mắt có thể nhìn thấy và nó cũng có thể ăn và nói. Tai vốn xưa chỉ dùng để nghe, nay có thể thấy được. Quý vị có thể thấy bằng mũi và lưỡi. Mỗi căn (giác quan) có đủ sáu chức năng. Đó là ý nghĩa tiêu dung sự đồng nhất của sáu căn. Những tướng trạng của tiền trần nay đều đã biến mất.

Khiến việc khai hợp sáu căn đều thành tựu

Thành tựu việc dung hợp hay tách rời sáu căn ấy. “Khai” là khi sáu căn trở thành một, “hợp” là khi mỗi căn đảm nhiệm chức năng của cả sáu căn.

Cái thấy, cái nghe dung thông với nhau một cách thanh tịnh. Mười phương thế giới và trong ngoài thân tâm trong suốt như lưu ly.

Có một sự dung thông, hỗ tương giữa sáu căn ấy. Giống như bà con láng giềng quan tâm giúp đỡ lẫn nhau vậy. Chức năng của sáu căn đã liên kết với nhau. Thấy có kỳ diệu không? Trạng thái này thật là vi diệu.

Mười phương thế giới và trong ngoài thân tâm hành giả trong suốt như ngọc lưu ly. Giống như sắc xanh của ngọc lưu ly trong suốt. Đây là sự chấm dứt của thức ám. Khi quý vị đạt đến trạng thái này. **Đây là sự chấm dứt của thức ám.** Như thế cả năm ám đều được chuyển hóa. Nhưng trước khi đến được, mức độ này thì thức ám vẫn chưa được tiêu vong.

Người ấy có thể vượt qua mạng trước. Xét lại nguyên do của *thức âm*, mới thấy cội gốc là vọng tưởng điên đảo, huyền hóa rộng không.

Xét lại nguyên do của thức âm, mới thấy sự phủ nhận hiện hữu và cũng như phủ nhận cái không hiện hữu đều là hư vọng, và vọng tưởng điên đảo là nguồn gốc của nó.

Vấn đề hiện hữu hay không hiện hữu, đều là hư vọng và mơ hồ. Vọng tưởng điên đảo ấy là cội gốc của cảnh giới mà hành giả vừa trải qua.

Kinh văn:

阿難當知，是善男子，窮諸行空，於識還元，已滅生滅，而於寂滅，精妙未圓。

A-nan đương tri, thị thiện nam tử, cùng chư hành không, ư thức hoàn nguyên, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch:

A-nan nên biết, thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các *hành*, nên trở lại bản tính của thức, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giải:

A-nan nên biết, thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các *hành*.

Hành giả, người tu tập thiền định đã quán sát tường tận *hành âm*¹ là không. Dù hành giả có gặp

¹ Bản Anh ngữ: Formations skandha.

những ma cảnh, dù bị quấy nhiễu bởi thiên ma, hoặc ma khởi từ tâm mình, hoặc bất kỳ các loại ma nào khác, chúng nó vẫn không tác động đến định lực của hành giả được nữa. Hoặc ma có thể xuất hiện khi hành giả tu thiền định, nhưng hành giả không phải mắc cảnh giới của ma. Hoặc hành giả có thể gặp cảnh giới ma, nhưng nhận ra ngay, không bị chúng mê hoặc nhiều loạn. Một khi hành giả phá trừ được sự mê lầm thì hành ám lại bị trừ diệt.

Nay hành giả đang bắt đầu chuyển hóa thức ám. Anh ta đã vượt qua hành ám và thấy nó là “không.”

Nên trở lại bản tính của thức. Bây giờ hành giả đang trong giai đoạn phá trừ thức ám. Khi công phu tu tập đến giai đoạn này, hành giả phải quay trở về nguồn cội, đó là Như Lai tạng.

Đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Sự sinh diệt đã chấm dứt hẳn rồi, nhưng chưa viên mãn đạt đến sự tịch diệt tinh thần, vi diệu. Hành giả chưa đạt được tánh tịch diệt vi diệu viên mãn.

Kinh văn:

能令己身，根隔合開，亦與十方諸類通覺。覺知通泐，能入圓元。若於所歸，立真常因，生勝解者，是人則墮，因所因執。娑毘迦羅，所歸冥諦，成其伴侶，迷佛菩提，亡失知見。

Năng linh ki thân, căn cách hợp khai, diệt dữ thập phương chư loại thông giác. Giác tri thông hốt, năng nhập viên nguyên. Nhược ư sở quy, lập chân thường nhân, sanh thẳng giải giả, thị nhân tắc đọa, nhân sở nhân chấp. Sa-tì-ca-la, sở quy minh đế, thành kì bạn lữ, mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Viết dịch:

Người đó có thể khiến nơi thân mình, các căn khi hợp, khi chia lìa, còn thông suốt với sự hay biết các loài chúng sinh trong mười phương. Tánh hay biết đó thông suốt, nên có thể nhập vào tánh nguyên viên. Nếu xem chỗ quay về, lập nên nhân chân thường, cho là đúng đắn tuyệt đối, thì người ấy rơi vào cái chấp *nhân sở nhân*. Trở thành bè bạn với Sa-tì-ca-la, chấp vào *minh đế*; mê mờ tánh bồ-đề của Phật, bỏ mất chánh tri kiến.

Giảng:

Người đó có thể khiến nơi thân mình, các căn khi hợp, khi chia lìa.

Có thể khiến các căn của mình, khi hợp, khi chia. Bây giờ nơi thức âm, hành giả sinh khởi một vọng chấp. Đó là tưởng rằng mình đã ở nơi tuy chưa đạt được sự tịch diệt tinh thuần vi diệu, nhưng có thể khiến sáu căn hỗ dụng cho nhau. Mỗi căn có chức năng của sáu căn kia. Mắt có thể nói và nghe. Tai có thể ăn và ngửi. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều có thể sử dụng chức năng hỗ tương với nhau, để thấy, nghe, ngửi, nếm và xúc chạm.

Quý vị nghĩ rằng tai thì không thể dùng để ăn. Nhưng khi một người đã đạt được sáu căn hỗ dụng, thì có thể làm được điều ấy. Quý vị ngạc nhiên hỏi: “Thế thì răng của họ ở đâu?” Hỏi tai của quý vị. Họ không ăn theo cách mà chúng ta thường ăn. Khi họ muốn ăn, thì răng tự nhiên mọc ra. Răng ấy cũng sẽ không rụng đi. Có khi họ không cần dùng răng. Hoặc là có khi răng sẽ mọc khi họ cần ăn. Đây là loại năng lực chân thực của khoa học. Mỗi căn đều có đủ chức năng của mỗi căn khác.

“Hợp” là khi sáu căn kết hợp lại với nhau thành một căn. “Khai” là khi một căn trải ra để có đủ chức năng của cả sáu căn. Quý vị cho đây là thần thông hay khoa học? Bất luận bao nhiêu khám phá mà các nhà khoa học đã tìm được. Ngay dù họ có ghép được tim, gan, hoặc các bộ phận khác của cơ thể con người, họ vẫn không có khả năng làm cho mỗi căn có đủ chức năng của tất cả sáu căn. Đó là điều mà khoa học không thể nào với tới được. Bất luận khoa học có tiến bộ đến đâu, tôi nghĩ nó cũng không thể đạt được trình độ ấy. Nhưng nếu quý vị phát triển khoa học từ trong tự tánh của mình, thì quý vị có thể đạt được năng lực ấy.

Còn thông suốt với sự hay biết các loài chúng sinh trong mười phương. Biết khắp các loài chúng sinh trong mười phương. Không những hành giả người có khả năng “khai,” “hợp” sáu căn để có năng lực hỗ dụng, mà còn có thể biết được mười hai loại chúng sinh sẽ đi về đâu, trong khắp mười phương. Hành giả

và các loài chúng sinh đều có cùng tánh giác tri dung thông với nhau.

Tánh hay biết đó thông suốt, nên có thể nhập vào tánh nguyên viên. Do tánh giác tri của hành giả thông suốt. Hành giả có thể biết được căn tánh của toàn thể chúng sinh khắp mười phương. Nên có thể nhập vào “*tánh nguyên viên.*” Đó là căn nguyên viên mãn của bốn tánh.

Nếu xem chỗ quay về, lập nên nhân chân thường, cho là đúng đắn tuyệt đối, thì người ấy rơi vào cái chấp *nhân sở nhân.*

Giả sử như hành giả vọng chấp nơi quay về của mình. Chấp điều gì? Cho rằng nơi ấy là chân thường và cho điều ấy là đúng đắn tuyệt đối. Vì anh ta tin nơi quay về ấy là chơn thường. Xem kiến giải này như một lý thuyết tuyệt đỉnh, một sự hiểu biết tối thượng, không có gì hơn thế nữa. Nếu như hành giả không rơi vào kiến chấp này thì không có gì sai trái, nhưng ngay khi khởi kiến chấp này thì hành giả sẽ mắc phải sai lầm, do chấp làm cái nhân chân thường ấy. Hành giả cho tính chân thường là nhân, nhưng điều này hoàn toàn sai lầm. Anh ta nghĩ rằng chỗ ấy phải được mô tả như là tính chơn thường. Thực ra hành giả vẫn còn trong phạm vi thức ám, chưa phải là chân thường. Anh ta trở nên chấp vào một nguyên nhân và chấp vào những gì nguyên nhân ấy có tác động tương quan. Thực ra, đây không phải là nhân, nhưng hành giả xem đó như là nhân. Do chấp vào điều ấy, nên hành giả rơi lạc vào

ngoại đạo. Anh ta hùn hạp làm ăn với chúng, đầu tư vốn liếng vào và cùng chúng lập thành công ty. Tà thuyết ngoại đạo nào mà hành giả mắc vào? Là trở thành bè bạn với ngoại đạo Ta-tì-ca-la,¹ chấp *minh đế* là nơi trở về.

Ta-tì-ca-la lập nên “*phái ngoại đạo tóc vàng*” mà trước đây tôi có giảng về sự phụ của Ma-đăng-già đã dùng chú thuật của ngoại đạo Ta-tì-ca-la. Đó là một loại thần chú của Phạm thiên.

Minh đế là thuyết chủ trương rằng không có gì hết thảy, đều là từ trong cảnh giới biến hóa hiện tại của A-lại-da thức (ālayavijñāna) mà xuất sinh ra. Ngoại đạo này xiển dương lý thuyết cho rằng vạn vật đều xuất sinh từ *minh đế*. Một khi hành giả trở nên chấp trước cái nhân này, anh ta trở thành quyến thuộc của “*ngoại đạo tóc vàng*.” Anh ta hạp tác với chúng, không biết khi nào công ty này mới kết liễu. Chẳng biết công ty ấy hữu hạn hay vô hạn nữa?

Mê làm tánh bờ-đề của Phật, con đường giác ngộ, bỏ mất chánh tri kiến. Anh ta nhận cái chẳng phải là nhân làm nhân. Lẽ ra anh ta không nên điên đảo khi nhận cái nhân này, nhưng anh ta đã chấp lầm. Vì anh ta đã lập nên một cách phi lý các năng nhân và sở nhân

¹ S: Kapila (Kiếp-tì-la 劫毘羅). Là Số luận sư thuộc ngoại đạo. Trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm quyển 1 có ghi: “Ta-tì-ca-la, tiên phạm thiên chủ 娑毘羅迦, 先梵天咒”, Số giải của Trường Thủy viết: Ta-tì-ca-la, cũng gọi là Kiếp-tì-la, còn gọi là Kim đầu 金頭, còn gọi Hoàng phát 黃髮.

ấy. Nên anh ta đã không còn trí tuệ chân chính nữa. Anh ta đã đánh mất trí tuệ đó rồi. Anh ta sẽ về đâu? Nếu quý vị muốn giúp anh ta tìm thấy nơi ấy, quý vị cũng sẽ đánh mất trí tuệ của mình luôn.

D. CẢNH GIỚI CỦA THỨC ÂM

1. CHẤP CÓ NGUYÊN NHÂN CHÂN THƯỜNG

Kinh văn:

是名第一，立所得心，成所歸果，達
遠圓通，背涅槃城，生外道種。

Thị danh đệ nhất, lập sở đắc tâm, thành sở quy quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sanh ngoại đạo chủng.

Việt dịch:

Đây là dạng thứ nhất, lập nên tâm sở đắc, thành cái quả sở quy, nên trái xa tính viên thông, ngược hướng niết-bàn, sinh ra hạt giống ngoại đạo.

Giải:

Đây là dạng thứ nhất, lập nên tâm sở đắc

Đây là dạng thứ nhất, cho rằng có một nơi để trở về, do căn cứ trên ý tưởng có điều để chứng đắc.

Tông chỉ đó hoàn toàn sai lầm. Sai điểm nào? Là hành giả **nên trái xa tính viên thông**, vĩnh viễn xa rời tính viên thông. Những gì hành giả quan niệm đều hoàn toàn trái ngược với việc tu tập “*nhĩ căn viên thông*” qua công phu “*phản văn văn tự tánh*” và “*nhập lưu vong sở*.” Tại sao? Vì anh ta đã phát khởi sự vọng

chấp. **Ngược hướng niết-bàn.** Nên anh ta đi ngược hướng với thành niết-bàn. Bốn thành phố lớn nhất của niết-bàn là gì? Đó là nơi có đầy đủ bốn đức của niết-bàn: *thường-lạc-ngã-tịnh*.

Sinh ra hạt giống ngoại đạo.

Do lập nên cái nhân chẳng phải là nhân, hành giả đã dính mắc với tà thuyết ngoại đạo. Do vì thuyết lập ra giống như thuyết Minh Đế của ngoại đạo Ta-tì-ca-la, nên anh ta thành quyền thuộc của chúng.

2. TƯ CHẤP CÓ NĂNG LỰC NHƯNG THẬT SỰ KHÔNG PHẢI NĂNG LỰC

Kinh văn:

阿難，又善男子，窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅，精妙未圓。

A-nan, hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch:

Lại nữa A-nan, thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các *hành*, nên trở lại bản tính của thức, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng:

Lại nữa A-nan, thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các *hành*.

Lại nữa A-nan, hành giả người đang tu tập chánh định quán xét cùng tột tánh không của *hành ấm*. Hành giả đã quán sát đến mức cùng tột và đạt đến tánh không

của hành âm. Hành âm hoàn toàn là không đối với hành giả.

Nên trở lại bản tính của thức, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Đã diệt hẳn ý niệm cảnh giới sinh diệt, nhưng chưa được tính tịnh diệu viên mãn của sự tịch diệt. Anh ta chưa đạt được niềm vui tịch diệt, do vì thức âm chưa được tiêu dung.

“Thức” và “chân như” có khác nhau tí chút. “Thức” là chủ thể còn có sinh và diệt. Còn “chân như” thì không còn sinh diệt nữa. Ngay bây giờ thức thứ tám vẫn còn tướng sinh diệt nhỏ nhiệm, hòa hợp với chân như vốn không sinh diệt, trở thành “*hòa hợp thức*.” Là vì cái thức sinh diệt ấy cùng với chân như bất sinh diệt rất gần gũi nhau, cả hai cùng hòa hợp nương nhau mà sinh khởi. Gọi là “*hòa hợp thức*.” Vì nó chưa đạt được hoàn toàn tính diệu.

Kinh văn:

若於所歸，覽為自體，盡虛空界，十二類內所有眾生，皆我身中，一類流出，生勝解者，是人則墮，能非能執，摩醯首羅，現無邊身，成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。

Nhược ư sở quy, lãm vi tự thể, tận hư không giới, thập nhị loại nội, sở hữu chúng sanh, giai ngã thân

trung, nhất loại lưu xuất, sanh thắng giải giả, thị nhân tác đọa, năng phi năng chấp. Ma-hê thủ-la hiện vô biên thân, thành kì bợn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch:

Nếu xem nơi trở về chân thật là tự thể của riêng mình, xem mười hai loại chúng sinh cùng khắp cả pháp giới hư không đều từ trong thân mình sinh ra, quyết định cho kiến giải này là đúng, thì người ấy rơi vào cái chấp *năng phi năng*, thành bè đảng với Ma-hê-thủ-la, thường hiện ra vô biên thân. Do mê muội tánh bồ-đề của chư Phật, nên bỏ mất chánh tri kiến.

Giảng:

Hành giả xem nơi trở về chân thật là tự thể riêng của mình.

Nơi thân mà hành giả quay hướng về cũng còn nằm trong vòng sanh diệt của thức thứ tám. Đó chưa phải là tự thể chân thật của mình. Nhưng hành giả cho là như vậy, nên rơi vào một vọng chấp khác đó là xem mười hai loại chúng sinh cùng khắp cả pháp giới hư không, từ loài *noãn sinh* cho đến loài *phi vô tướng* cùng khắp cả pháp giới hư không đều từ trong thân mình sinh ra.

Xem mười hai loại chúng sinh cùng khắp cả pháp giới hư không đều từ trong thân mình sinh ra.

Các ông có biết chúng sinh từ đâu mà có không? Hành giả hỏi: Rồi tự trả lời: “Hoàn toàn từ thân tôi mà ra. Tôi sinh ra tất cả các loài chúng sinh ấy.”

Giống như trước đây có một hành giả đã nói: “Các loài chúng sinh đều là con đẻ của ta cả. Ngay cả chư Phật, chư Bồ-tát, các vị A-la-hán. Ta đều sinh ra những vị ấy, ta có thể sinh ra các vị Bồ-tát và A-la-hán.” Hãy xem kỹ cái thói ngã chấp điên đảo của người này.

Quyết định cho kiến giải này là đúng.

Nếu hành giả quyết định cho kiến giải này là đúng. Anh ta cho kiến giải ấy là thù thắng, nhưng thực ra chẳng phải như vậy. Kiến giải này hoàn toàn căn cứ vào tà kiến nên không thể gọi là thù thắng được. Nếu nó thực sự thù thắng, nó sẽ phù hợp với Phật pháp. Thế nên khi quý vị công phu và đọc kinh Phật, cốt yếu là phải hiểu thật rõ ràng ý kinh.

Thì người ấy rơi vào cái chấp năng phi năng, thành bè đảng với Ma-hê-thủ-la.

Rơi vào chấp trước sai lầm cho rằng mình đạt được một năng lực mà không thực có. Anh ta nói rằng có thể sinh ra tất cả mười hai loài chúng sinh, nhưng thực ra anh ta hoàn toàn không có khả năng như thế. Đó chỉ là sự ước đoán do anh ta tạo ra từ vọng thức của chính mình. Anh ta thực sự không có khả năng ấy, nhưng anh ta trở nên chấp trước vào ý tưởng rằng mình có năng lực ấy. Quý vị ở đây ai có loại vọng chấp này không? **Thành bè đảng với Ma-hê-thủ-la.**¹

¹ Ma-hê-thủ-la thiên (S. Maheśvara), hay Đại Tự tại thiên, tên gọi khác của Śiva (Thần Thấp-bà), Thượng đế, hay Thần sáng tạo thế giới vạn vật; một chi phái tín ngưỡng thuộc Ấn Độ giáo.

Ma-hê-thủ-la là vua cõi trời Đại tị tại, là cõi trời cao nhất thuộc Sắc giới, Ma-hê-thủ-la còn gọi là Đại tị tại, vị ấy sinh ra đã có ba con mắt.

Vị này có tám cánh tay, bốn bên phải và bốn bên trái. Những cánh tay phía trước rất thuận lợi để cầm nắm đồ vật. Những cánh tay đằng sau để cầm những vật lấy cấp được. Vì một tay chưa đủ, hai tay vẫn không đủ để lấy và cất giữ vật dụng lấy được, nên ông ta có đến tám tay. Ông ta có thể cầm nắm rất nhiều thứ. Nếu ông đi ra vào công ty bách hóa, tôi chắc là nhân viên bảo vệ canh chừng người ăn cắp hàng hóa sẽ rất khó khăn khi canh chừng vị này, vì ông ta có quá nhiều tay.

Vị này thường cỡi trên trâu trắng, tay cầm phát trần màu trắng. Ông ta dạo chơi khắp nơi rất tị tại. Ông ta nói: “Hãy nhìn xem ta hoàn toàn tị do. Các ông chẳng được như ta, ta đã có được tị tại tuyệt đối.” Đó là lý do tại sao gọi vị này là Đại tị tại.

Thường hiện ra vô biên thân.

Đại tị tại Thiên vương thường hiện ra vô số thân. Vị vua trời này chấp rằng ông ta có thể hiện ra vô số thân, nên ông ta tuyên bố rằng tất cả các loài chúng sinh đều sinh khởi từ ông ta. Nay hành giả cũng đang tu tập pháp môn này. Anh ta cũng có chấp trước như thế. Anh ta cho rằng tất cả mọi loài chúng sinh đều sinh ra từ anh ta. Quý vị hãy nghĩ xem! Làm sao người khi chưa thành Phật mà có khả năng xuất sinh các loại hữu tình? Đây là một loại vọng chấp, anh ta nghĩ là

mình có khả năng ấy, trong khi không thực có. Anh ta đã kết duyên thuộc với Đại tự tại Thiên vương và rơi vào cõi trời Đại tự tại.

Do mê muội tánh bồ-đề của chư Phật, nên bỏ mất chánh tri kiến. Mê muội tánh bồ-đề của chư Phật, hành giả đánh mất chánh tri kiến.

Hành giả không nhận ra được sự giác ngộ chân chính, cũng không có trí tuệ chân chính. Thế nên anh ta đọa lạc vào thiên ma ngoại đạo.

Kinh văn:

是名第二，立能為心，成能事果，違遠圓通，背涅槃城，生大慢天，我遍圓種。

Thị danh đệ nhị, lập năng vi tâm, thành năng sự quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sanh đại mạn thiên, ngã biến viên chủng.

Viết dịch:

Đây là dạng thứ hai, lập nên cái tâm *năng vi*, thành cái quả *năng sự*, trái xa với tính viên thông, ngược với đạo niết-bàn, sinh ra giống Đại mạn thiên, chấp cái ta trùm khắp.

Giải:

Đây là dạng thứ hai, lập nên cái tâm *năng vi*, thành cái quả *năng sự*.

Đây là dạng thứ hai lập nên luận về quả vị có thể chứng đắc căn cứ vào ý tưởng mình có một năng lực. Dựa vào ý tưởng mình có năng lực khiến làm xuất sinh

các loại chúng sinh, nên nghĩ rằng mình đạt được quả vị dường như trùm khắp viên mãn.

Nên trái xa với tính viên thông.

Những suy nghĩ và việc làm của hành giả đều trái nghịch với pháp môn *nhĩ căn viên thông*, hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của chính mình (*phản văn văn tự tánh*). Trái ngược với đạo niết-bàn. Hành giả cũng đi ngược với đạo lý bất sinh bất diệt.

Ngược với đạo niết-bàn, sinh ra giống Đại mạn thiên, chấp cái ta trùm khắp.

Sinh ra hạt giống Đại mạn thiên, chấp cái ta trùm khắp viên mãn. Rốt cùng, hành giả sẽ bị thọ sinh trong cõi trời Đại mạn. Đó là cõi của đại Tự tại thiên. Đại mạn có nghĩa là xem thường tất cả mọi người và mọi loài, vị này luôn luôn cõi trâu trắng, có ba mắt, tám cánh tay. Nghĩ rằng mình rất là ưu việt. Cưỡi trâu trắng đi lại một cách tự do, rất tự mãn. Vì vị ấy nghĩ rằng cuộc sống của mình rất là phi thường, nên sinh ra ngã mạn cống cao. Vị ấy tuyên bố: “Ta hoàn toàn trùm khắp cả pháp giới, ta có khả năng thành tựu tất cả mọi việc.”

3. TÀ KIẾN VỀ CÁI KHÔNG PHẢI THƯỜNG MÀ CHO LÀ THƯỜNG

Kinh văn:

又善男子，窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅，精妙未圓。

Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các *hành*, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các *hành*, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Lại nữa, hành giả người đang tu tập định lực, đã phá trừ được hành ám.

Quán sát cùng tột tánh không của hành ám. Đã chấm dứt hẳn ý niệm niệm tướng sinh diệt. Nhưng chưa được tính tịnh diệu, viên mãn của sự tịch diệt. Anh ta chưa hoàn toàn đạt được niềm vui tịch diệt.

Kinh văn:

若於所歸，有所歸依，自疑身心，從彼流出，十方虛空咸其生起。即於都起，所宣流地，作真常身，無生滅解，在生滅中，早計常住。既惑不生，亦迷生滅。安住沈迷，生勝解者，是人則墮常非常執，計自在天，成其伴侶。迷佛菩提亡失知見。

Nhược ư sở quy, hữu sở quy y, tự nghi thân tâm, tông bỉ lưu xuất, thập phương hư không, hàm kì sanh khởi. Tức ư đô khởi, sở tuyên lưu địa, tác chân thường

thân vô sanh diệt giải, tại sanh diệt trung, tạo kế thường trụ. Kế hoặc bất sanh, diệt mê sanh diệt. An trụ trầm mê, sanh thắng giải giả, thị nhân tắc đọa thường phi thường chấp, kế Tự tại thiên, thành kỳ bạn lũ. Mê Phật bò-đề, vong thất tri kiến.

Viết dịch:

Nếu lúc quay về, thấy có chỗ *sở quy*, tự nghi thân tâm mình từ nơi ấy sinh ra, mười phương hư không cũng từ đó sinh khởi. Ngay nơi chỗ sinh ra tất cả đó, cho là cái thể chân thường không sinh diệt, ở trong sinh diệt, vội chấp là thường trụ. Chẳng những mê lầm tánh bất sinh, mà còn mê lầm tánh sinh diệt. Chìm đắm trong mê lầm, mà sanh kiến giải thù thắng, người ấy rơi vào kiến chấp *thường phi thường*, thành ra bè đảng với Tự tại thiên. Mê lầm tánh bò-đề của chư Phật, lạc mất chánh tri kiến.

Giảng:

Nếu lúc quay về, thấy có chỗ *sở quy*, tự nghi thân tâm mình từ nơi ấy sinh ra.

Nếu hành giả xem việc quay về của mình như là có một nơi chốn để nương tựa, có một mối nghi ngờ phát sinh trong tâm hành giả, thì hành giả sẽ nghi thân tâm mình từ nơi ấy mà sinh ra, vọng chấp ở trước là chính mình đã sinh ra tất cả các loài chúng sinh. Bây giờ, hành giả nghĩ rằng mình lưu xuất từ nơi mà mình quay về nương tựa.

Mười phương hư không cũng từ đó sinh khởi.

Mười phương hư không cũng từ đó mà sinh khởi. Hành giả có kiến giải rằng nơi sinh ra tất cả là cái thân chân thường, không sinh không diệt.

Nơi đó là nơi nương tựa mà hành giả quay về. Anh ta tuyên bố rằng chẳng còn có gì can dự trong sanh tử. Tại sao anh ta nói như thế? Vì anh ta đã bị nhầm lẫn trong kiến giải cố chấp sai lầm của anh ta.

Ngay nơi chỗ sinh ra tất cả đó, cho là cái thể chân thường không sinh diệt, ở trong sinh diệt, vội chấp là thường trụ.

Trong khi vẫn còn thức là đối tượng trong sinh diệt, mà vội chấp là thường trụ. Hành giả suy đoán rằng thức ấy là vĩnh cửu bất biến.

Chẳng những mê lầm tánh bất sinh, mà còn mê lầm tánh sinh diệt.

Chẳng những hành giả mê lầm tánh bất sinh, mà còn mê lầm cả tánh sinh diệt nữa. Vì hành giả không hiểu được đạo lý bất sinh, nên cũng không được thông suốt đạo lý sinh diệt.

Chìm đắm trong mê lầm. Trở nên chấp trước vào cảnh giới này không rời ra khỏi được. Dụng công tu tập ngay nơi điểm này nên thực sự chìm sâu vào trong mê lầm.

Chìm đắm trong mê lầm, mà sanh kiến giải thù thắng, người ấy rơi vào kiến chấp thường phi thường.

Nếu cho rằng đây là một loại kiến giải thù thắng là rơi vào kiến chấp “cái không thường hằng trở nên

thường hằng.” Nếu hành giả cho kiến chấp ấy là đúng đắn, có nghĩa là trên sự chấp trước còn gán thêm một niệm chấp trước nữa. Trở nên chấp rằng tất cả đều là thường hằng, trong khi nó chẳng phải là chân thường.

Thành ra bè đảng với Tự tại thiên. Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, lạc mất chánh tri kiến. Không còn trí tuệ chân chánh nữa.

Kinh văn:

是名第三，立因依心，成妄計果，違遠圓通，背涅槃城，生倒圓種。

Thị danh đệ tam lập nhân y tâm, thành vọng kế quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sanh đảo viên chủng.

Việt dịch:

Đây là dạng thứ ba, lập nên cái tâm nhân y, thành cái quả vọng kế, trái xa với viên thông, ngược với đạo niết-bàn, sinh ra giống đảo viên.

Giải:

Đây là dạng thứ ba, lập nên cái tâm nhân y.

Dạng thứ ba của ngoại đạo lập nên suy luận sai lầm căn cứ vào ý tưởng cho rằng có nơi để nương tựa.

Thành cái quả vọng kế.

Hành giả lập nên quan niệm có một nơi để nương vào, nên lập thành một thứ vọng chấp về quả.

Trái xa với viên thông, ngược với đạo niết-bàn, sinh ra giống đảo viên.

Nên trái ngược hẳn với đạo niết-bàn, làm sinh khởi quan niệm điên đảo về sự viên mãn (đảo viên).

Anh ta đi ngược với đạo lý viên thông rất xa, trở nên cố chấp vào một quan niệm sai lầm điên đảo về sự viên mãn.

4. TÀ KIẾN VỀ VẬT CÓ TRI GIÁC VÀ KHÔNG CÓ TRI GIÁC

Kinh văn:

又善男子，窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅，精妙未圓。

Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các *hành*, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các *hành*, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Lại nữa, hành giả quán sát cùng tột tánh không của hành âm. Đã chấm dứt hẳn ý niệm sinh diệt. Đã chuyển hóa được bản chất, nơi sinh khởi những niệm sinh diệt. Nhưng chưa đạt được tính vi diệu viên mãn của sự tịch diệt.

Kinh văn:

若於所知，知遍圓故，因知立解，十方草木，皆稱有情，與人無異，草木為

人，人死還成，十方草樹。無擇遍知，生勝解者，是人則墮，知無知執。婆吒霰尼，執一切覺，成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。

Nhược u sở tri, tri biến viên cố, nhân tri lập giải, thập phương thảo mộc, giai xưng hữu tình, dĩ nhân vô dị, thảo mộc vi nhân, nhân tử hoàn thành, thập phương thảo thụ. Vô trạch biến tri, sanh thắng giải giả, thị nhân tác đạo, tri vô tri chấp. Bà-trá, Tiển-ni, chấp nhất thiết giác, thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Viết dịch:

Nếu nơi chỗ hay biết, nhân cái hay biết cùng khắp mà cho rằng tất cả thảo mộc trong khắp mười phương đều gọi là hữu tình, không khác gì người, cây cỏ làm người, người chết trở thành cây cỏ mười phương. Không quyết trạch rõ ràng cái biết cùng khắp này, cho là thắng giải, người ấy rơi vào kiến chấp tri vô tri. Trở thành bè đảng với Bà-tra, Tiển-ni, chấp tất cả đều có tánh biết. Do đó nên mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, lạc mất chánh tri kiến.

Giảng:

Nếu nơi chỗ hay biết, nhân cái hay biết cùng khắp mà cho rằng tất cả thảo mộc trong khắp mười phương đều gọi là hữu tình, không khác gì người, cây cỏ làm người, người chết trở thành cây cỏ mười phương.

Căn cứ trên ý tưởng có các biết cùng khắp, hành giả lập nên luận thuyết. Hành giả suy luận từ những điều đã biết được, là có tánh biết cùng khắp, và lập nên kiến giải về điều này. Kiến giải gì? Quý vị cũng như tôi không thể nào tưởng tượng ra nổi. Anh ta cho rằng tất cả thảo mộc trong khắp mười phương đều là loài hữu tình.

Người Trung Hoa có câu:

“Nhân phi thảo mộc, thực năng vô tình.”

Nghĩa là: “Người chẳng phải là cây cỏ, ai lại vô tình.” Câu này ý nói thảo mộc là loài vô tình. Nhưng ở đây hành giả quyết đoán rằng tất cả các loài thảo mộc đều là hữu tình.

Không khác gì người. Thảo mộc cũng giống như người, nên nó có sự sống.

Thảo mộc có thể trở thành người, khi người chết lại trở thành thảo mộc trong khắp mười phương. Sau khi chết, người trở lại thành thảo mộc.

Không quyết trạch rõ ràng cái biết cùng khắp này, cho là thắng giải, người ấy rơi vào kiến chấp tri vô tri.

Nếu hành giả không quyết trạch rõ ràng tri giải này, vẫn cho là đúng. Anh ta không có trí tuệ chân chính để tuyên trạch lý thuyết về tánh biết cùng khắp này. Anh ta đang tự nỗ lực làm cho kiến giải sai lầm của mình thành một pháp môn kỳ đặc, quái dị.

Thì sẽ rơi vào kiến chấp “tri vô tri.” Anh ta tuyên bố là hiểu được đạo lý này, nhưng thực ra anh ta hoàn

toàn vô minh. Anh ta chẳng hiểu biết gì hết, nhưng cứ khăng khăng cho mình hiểu. Anh ta giống như hai đê tử của ngoại đạo.

Trở thành bè đảng với Bà-tra, Tiên-ni.

Bà-tra¹ tên tiếng Phạn nghĩa là *tránh đến gần*. Tại sao ông ta có cái tên như thế. Vì ông ta nguyên làm mục đồng. Một hôm vị Hoàng tử con vị vua trị vì thành Tỳ-xá-ly đi dạo chơi ngoài thành, gặp cậu bé chăn cừu. Hoàng tử nằm trên mình cậu bé mục đồng, xem đó như một chiếc giường và ngủ một giấc ngon lành. Việc này làm cho cậu bé chăn cừu rất phấn khích. Trở về nhà báo với mẹ rằng: “Hoàng tử thành Tỳ-xá-ly đã nằm ngủ trên mình con như nằm trên một chiếc giường.” Bà mẹ biết rằng vị Hoàng tử sẽ lên ngôi vua, sẽ có rất nhiều quyền lực. Nên bà mẹ bảo chú mục đồng: “Ngay từ bây giờ, con phải tránh xa Hoàng tử ấy, đừng đến gần ông ta nữa.” Tên Bà Tra có nghĩa là như vậy.

Tiên Ni² cũng là tên tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là “Hữu Quân” có nghĩa là người thích làm lính tráng và có khí phách của người lính.

¹ S: Vasiṣṭha (婆私吒 Bà-tư-trá). Hán dịch Tới Thắng 最勝. Là vị tiên nhân thời Phệ-đà Ấn Độ, đại biểu cho các vị tiên thuộc chủng tộc Bà-la-môn. Chắp rằng niết-bàn là vô thường, cây cỏ thảo mộc vốn cũng có tên.

² s: senika (先尼外道 Tiên-ni). Hán dịch Hữu Quân 有軍, Thắng Quân 勝軍. Chỉ tin vào Thần ngã, tôn thờ quan niệm ‘tâm thường, tướng diệt’ của ngoại đạo.

Chấp tất cả đều có tánh biết. Hai người này họ tin tưởng rằng mình biết được rất nhiều điều, bây giờ trở thành bạn đồng hành với hành giả này.

Do đó nên mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, lạc mất chánh tri kiến.

Kinh văn:

是名第四，計圓知心，成虛謬果，違遠圓通，背涅槃城，生倒知種。

Thị danh đệ tứ, kế viên tri tâm, thành hư mậu quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sanh đảo tri chủng.

Việt dịch:

Đây là dạng thứ tư, chấp cái tâm viên tri, thành hư mậu quả, trái xa với tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi hạt giống đảo tri.

Giải:

Đây là dạng thứ tư, chấp cái tâm viên tri, thành hư mậu quả,

Đây là dạng thứ tư có kế chấp sai lầm căn cứ vào ý tưởng có tánh biết cùng khắp. Trong loại kiến chấp thứ tư này hành giả tuyên bố rằng anh ta biết tất cả mọi thứ và nghĩ rằng không có thứ gì mà mình không biết. Tuy vậy đó chỉ là kiến chấp của hành giả. Thực sự anh ta chẳng biết cái gì cả. Anh ta nhận một kết quả sai lầm. Sai lầm có nghĩa là không có những sự việc như thế.

Trái xa với tánh viên thông, Nên hành giả hoàn toàn trái xa với tánh viên thông. Hành giả hoàn toàn đi ngược với pháp môn tu tập “nhĩ căn viên thông.”

Ngược với đạo niết-bàn. Nghịch hướng với đạo Niết Bàn, với đạo lý bất sinh bất diệt.

Làm sinh khởi hạt giống *đạo tri*.

Làm sinh khởi hạt giống “*cái biết điên đảo*” là một loại tri kiến điên đảo, như thảo mộc. Chẳng có ai xem đó là loài hữu tình, nhưng hành giả lại cho như thế. Cho rằng con người cũng chỉ như cây cỏ; thế nên cây cỏ cũng có thể trở thành người.

Có người nói: “Nhưng có những cây cỏ thụ có linh hồn, phải chăng nó cũng có tánh biết?” Không, trong trường hợp đó, có một loại tinh linh gá vào thân cây cỏ thụ. Chớ chẳng phải tự nó có tánh biết như loài hữu tình.

5. TÀ CHẤP VỀ CÁI KHÔNG SANH MÀ CHO LÀ SANH

Kinh văn:

又善男子，窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅，精妙未圓。

Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Viết dịch:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các *hành*, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các *hành*, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Lại nữa, hành giả. Người đang tu tập chánh định, tập trung nghiên cứu đến mức quán sát cùng tột tánh không của hành âm. Đã chấm dứt hẳn ý niệm sanh diệt. Nhưng chưa được tính tinh diệu, viên mãn của sự tịch diệt. Hành giả vẫn còn mang trong tâm thức những hạt giống sinh diệt rất nhỏ nhiệm, vi tế.

Kinh văn:

若於圓融，根互用中，已得隨順，便於圓化一切發生，求火光明，樂水清淨，愛風周流，觀塵成就，各各崇事。以此群塵，發作本因，立常住解。是人則墮，生無生執。諸迦葉波，并婆羅門，勤心役身，事火崇水，求出生死，成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。

Nhược ư viên dung, căn hỗ dụng trung, dĩ đắc tùy thuận. Tiệm ư viên hóa, nhất thiết phát sanh, cầu hóa quang minh, lạc thủy thanh tịnh, ái phong châu lưu, quán trần thành tựu, các các sùng sự. Dĩ thử quần trần, phát tác bản nhân, lập thường trụ giải. Thị nhân tắc đọa, sanh vô sanh chấp. Chư Ca-diếp-ba, tính bà-la-môn, cần tâm dịch thân, sự hỏa sùng thủy, cầu xuất sanh tử, thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch:

Nếu trong lúc đã đạt được sự tùy thuận viên dung hỗ tương của các căn, lại nơi tính viên dung biến hóa hết thấy đều phát sinh, mong cầu ánh sáng của lửa, thích tính trong lặng của nước, ưa sự châu lưu của gió, nhìn ngắm xem xét sự thành tựu của đất, trân trọng mọi loài. Nhận tứ đại ấy làm *bản thân*, nhận đó là tánh thường trụ. Người ấy rơi vào kiến chấp *sanh vô sinh*, trở thành bè đảng với ngoại đạo Ca-diếp-ba và bà-la-môn thờ lửa và nước để cầu vượt thoát sinh tử. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giảng:

Nếu trong lúc đã đạt được sự tùy thuận viên dung hỗ tương của các căn, lại nơi tính viên dung biến hóa hết thấy đều phát sinh.

Nếu hành giả đã đạt được sự linh hoạt trong trạng thái sự dung nhiếp trọn vẹn. Và sự dung thông chức năng của sáu căn với nhau. Nếu hành giả có thể tùy thuận theo ý nguyện của mình, làm được bất kỳ điều gì mình mong muốn.

Mong cầu ánh sáng của lửa, thích tính trong lặng của nước, ưa sự châu lưu của gió, nhìn ngắm xem xét sự thành tựu của đất.

Hành giả cho rằng tất cả mọi vật đều sinh khởi từ sự biến hóa viên mãn này. Hành giả trở nên chấp vào tính biến hóa viên mãn nơi mà từ đó các vật lưu xuất ra. Nên hành giả mong cầu ánh sáng của lửa, và thờ lửa

với lòng nhiệt thành cao độ. Cũng ưa thích tính trong lặng của nước sùng bái một cách phi thường tính chất trong lặng của nước, ưa sự châu lưu của gió, yêu mến tính chất chuyển động khắp nơi không dừng nghỉ của gió và xem xét sự thành tựu của đất. Hành giả đều trân trọng mỗi loại, từng yếu tố đất, nước, gió, lửa. Anh ta lạy lửa, cúi mình đánh lễ nước, thờ phượng gió và khấu đầu trước đất.

Trân trọng mọi loài. Anh ta nói: “Thật là bất khả tư nghì” làm sao mà lửa lại phát ra ánh sáng. Nước lại rất thanh tịnh. Ta phải thờ phụng các thứ ấy.” Từ sáng đến tối anh ta cứ lạy đất, nước, gió, lửa và thờ phụng bốn yếu tố này. Anh ta sùng bái và cúng dường tứ đại. Mỗi yếu tố có một vị thần. Anh ta đều cung kính thờ phụng các vị thần lửa, thần gió, thần nước, thần đất như tô tiên ông bà của mình.

Nhận tứ đại ấy làm bản thân, nhận đó là tánh thường trụ.

Ma-ha Ca-diếp¹ là đệ tử của Đức Phật. Nguyên trước kia là thành viên của nhóm ngoại đạo thờ lửa, thường hương về lửa mà lễ bái. Nhận những tứ đại đất, nước, lửa, gió làm thân căn bản của chính hành giả và xem nó là tánh hiểu biết thường trụ. Anh ta cho rằng tứ đại này thường trụ mãi mãi. Đúng vậy. Đất, nước, gió, lửa chỉ là tánh Như Lai tạng. Tuy nhiên, anh phải nên cung kính tánh Như Lai tạng chớ không nên sùng bái

¹ S: Mahākāśyapa; p: Mahākassapa.

đất, nước, gió, lửa. Nếu làm như thế có nghĩa là gán thêm một cái đầu trên cái đầu của mình. Thay vì ngay nơi bản tâm mà dụng công phu tu tập, thay vì cung kính tánh Như Lai tạng và chư Phật, mà lại đi lại thờ phụng những thứ siêu hình.

Nên hành giả rơi vào kiến chấp sai lầm, nhận cái không sinh làm sinh. Anh ta muốn chấm dứt sinh tử, nhưng không có khả năng làm được việc ấy, nên lập ra kiến chấp như vậy.

Người ấy rơi vào kiến chấp *sinh vô sinh*, trở thành bè đảng với bọn ngoại đạo Ca-diếp-ba và Bà-la-môn thờ lửa và nước để cầu vượt thoát sinh tử. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến

Ca-diếp-ba¹ thuộc dòng họ Đại Quy, cùng với các Phạm chí,² Bà-la-môn tu tập hạnh thanh tịnh. Họ bắt ép thân tâm mình tuân theo những việc khổ nhọc vô ích. Họ thờ phụng lửa và lễ bái nước. Cầu mong qua việc thờ phụng tứ đại mà có thể vượt thoát sinh tử. Hành giả thành bè bạn với loại ngoại đạo này.

Mê làm tánh bồ-đề của chư Phật đánh mất chánh tri kiến. Đánh mất trí tuệ chân chính.

¹ S: kāsyaṃpa.

² Phạm chí 梵志; s: brāhmaṇa. Phiên âm là Bà-la-môn 婆羅門. Ý dịch Tịnh hạnh 淨行, Tịnh duệ 淨齋. Còn gọi Tịnh hạnh giả 淨行者, Tịnh hạnh phạm chí 淨行梵志. Chỉ cho những người thuộc dòng dõi Bà-la-môn, thông thạo các bộ kinh Vệ-đà.

Kinh văn:

是名第五，計著崇事，迷心從物，立妄求因，求妄冀果，違遠圓通，背涅槃城，生顛化種。

Thị danh đệ ngũ, kế trước sùng sự, mê tâm từng vật, lập vọng cầu nhân, cầu vọng kí quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sanh điên hóa chủng.

Việt dịch:

Đây là dạng thứ năm, chấp trước việc sùng bái sự vật, tâm mê theo vật, lập nhân hư vọng, để cầu quả hư vọng, nên xa rời tính viên thông, trái ngược đạo niết-bàn, làm sinh khởi hạt giống điên hóa.

Giải:

Đây là dạng thứ năm, mê lầm chấp trước vào việc sùng bái sự vật. Lập nên cái nhân hư vọng, khiến tâm chấp trước vào việc thờ phụng tứ đại.

Tâm mê theo vật, lập nhân hư vọng, để cầu quả hư vọng.

Đây là luận thuyết điên đảo thứ năm. Quan niệm điên đảo đã đưa hành giả đến việc thờ phụng, cúng dường tứ đại. Anh ta trở nên mê mờ chân tâm thường trụ, Như Lai Tạng tánh của chính mình. Lại đuổi theo sự vật bên ngoài. Anh ta dựng lên cho riêng mình một kiến giải sai lầm cho vấn đề giải thoát sanh tử. Đây chính là “cái nhân sai lầm.” Với nhân mê lầm này anh ta hoàn toàn đánh mất hi vọng vượt thoát sanh tử.

Xa rời tính viên thông, trái ngược đạo niết-bàn, làm sinh khởi hạt giống điên hóa.

Hành giả trở nên xa hẳn với tính viên thông, trái ngược với đạo niết-bàn, làm sanh khởi hạt giống “*biến hóa điên đảo.*”

6. TÀ CHẤP CHỖ TRỞ VỀ, MÀ KỲ THẬT KHÔNG PHẢI LÀ CHỖ TRỞ VỀ

Kinh văn:

又善男子，窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅，精妙未圓。

Hưu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi u tịch diệtn tinh diệu vị viên.

Việt dịch:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giải:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành..

Hành giả người đang tu tập pháp môn “*nhĩ căn viên thông*” hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình.

Quán sát cùng tột tánh không của hành ám. Anh ta đã nghiên cứu cùng tận hành ám, thấy nó hoàn toàn không và đã vượt qua được hành ám.

Đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Đã chấm dứt được hẳn ý niệm con đường sinh diệt. Nhưng chưa được tính tinh diệu, viên mãn của sự tịch diệt.

Kinh văn:

若於圓明，計明中虛，非滅群化，以永滅依，為所歸依，生勝解者，是人則墮歸無歸執，無想¹天中，諸舜若多成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。

Nhược ư viên minh, kế minh trung hư, phi diệt quần hóa, dĩ vĩnh diệt y, vi sở quy y, sinh thắng giải giả, thị nhân tắc đọa quy vô quy chấp, vô tướng thiên trung, chư thuận-nhã-đa thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch:

Nếu nơi cảnh viên minh, chấp cái rỗng không trong tánh viên minh, chối bỏ tiêu diệt mọi sự biến hóa, nhận sự tịch diệt hẳn làm nơi nương về, rồi xem đây là kiến giải đúng đắn, thì người ấy sẽ rơi vào cái chấp *quy vô quy*, thành bè bạn của nhóm thuận-nhã-đa ở cõi trời Vô tướng. Mê làm tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giải:

Nếu nơi cảnh viên minh, chấp cái rỗng không

¹ Bản VPTT chép 想. Bản Taishō chép 相. Bản Tống, Nguyên, Minh chép chữ 想.

trong tánh viên minh, chối bỏ tiêu diệt mọi sự biến hóa, nhận sự tịch diệt hẳn làm nơi nương về.

Hành giả chấp có cái rỗng không trong tánh viên minh. Do đó chối bỏ mọi sự biến hóa. Nhận sự tịch diệt làm nơi nương về.

Anh ta suy đoán có cái rỗng không ở trong tánh sáng suốt tròn đầy. Nhưng đó không phải là thực tại. Đó phải chăng là chối bỏ sự hiện hữu của hết thảy chúng hữu tình hay sao? Do vậy đó không phải là chỗ tịch diệt để nương về. Thế mà hành giả vẫn quy hướng về nơi tịch diệt ấy.

Rồi xem đây là kiến giải đúng đắn. Nếu hành giả xem đây là kiến giải đúng đắn.

Nếu anh ta khởi lên sự hiểu biết điên đảo này thì sẽ rơi vào sai lầm, **thì người ấy sẽ rơi vào cái chấp quy vô quy**, Anh ta muốn có một nơi để quay về nương náu, nhưng chưa tìm thấy. Nơi ấy chẳng phải vĩnh viễn sinh hoặc vĩnh viễn diệt. Nên đó không thể là nơi nương nhờ được. Đó là nơi mà hành giả muốn quay về nương tựa. Nên đó chẳng phải là nơi chân thực để quay về.

Thành bè bạn của nhóm thuận-nhã-đa ở cõi trời Vô tướng. Kiến chấp của hành giả chẳng phải là ở cõi trời Vô tướng trong cõi trời Tứ thiên, mà là ở cõi trời Phi tướng phi phi tướng. Thần Hư không¹ (thuận-nhã-đa) ở đây trở thành bạn bè với hành giả.

¹ Sūnyatā: phiên âm 舜若多 Thuận-nhã-đa.

Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Kinh văn:

是名第六，圓虛無心，成空亡果，違
遠圓通，背涅槃城，生斷滅種。

*Thị danh đệ lục, viên hư vô tâm, thành không
vong quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sinh
đoạn diệt chủng.*

Việt dịch:

Đây là loại thứ sáu, viên thành cái tâm hư vô, lập nên cái quả không mất, trái xa tính viên thông, nghịch với đạo niết-bàn, làm sanh khởi giống đoạn diệt.

Giải:

Đây là loại thứ sáu, viên thành cái tâm hư vô, lập nên cái quả không mất.

Đây là loại thứ sáu của kiến giải điên đảo, nhận cái ngoan không, và căn cứ vào ý tưởng về cái không ở trong tánh viên minh. Cảnh giới hành giả đạt được là không có thực.

Hành giả trái xa đạo viên thông. Công phu tu tập hoàn toàn trái xa với pháp môn “*Nhĩ căn viên thông.*” Nghịch hẳn với đạo niết-bàn. Những công hạnh anh ta tu tập đều ngược với hướng đến quả vị vi diệu của niết-bàn.

Làm sanh khởi giống đoạn diệt.

7. TÀ CHẤP VỀ SỰ THAM ĐẮM CÁI KHÔNG THỂ THAM ĐẮM

Kinh văn:

又善男子，窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅，精妙未圓。

Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi u tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giải:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Hành giả người đang tu tập định lực quán sát cùng tột tánh không của hành ám. Đối với hành giả đã đạt đến cái không của hành ám rồi. Đã chấm dứt hẳn ý niệm sinh diệt, nhưng chưa được tính tịnh diệu, viên mãn của sự tịch diệt. Chưa đạt được niềm vui vi diệu viên mãn của sự tịch diệt.

Kinh văn:

若於圓常，固身常住，同于精圓，長不傾逝，生勝解者。是人則墮貪非貪執。諸阿斯陀，求長命者，成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。

Nhược u viên thường, cố thân thường trụ, đồng vu tinh viên, trường bất khuynh thế, sinh thắng giải giả. Thị nhân tắc đọa tham phi tham chấp. Chư A-tư-đà, cầu trường mệnh giả, thành kì bạn lũ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch:

Nếu nơi tính viên thường, củng cố cái thân cho thường trụ như tính ấy, mãi mãi không suy mất, rồi cho đó là thù thắng, thì sẽ mắc vào cái chấp *tham phi tham*. Nên người ấy thành bè đảng với A-tư-đà, mong cầu trường sanh. Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giảng:

Nếu nơi tính viên thường, củng cố cái thân cho thường trụ như tính ấy, mãi mãi không suy mất.

Trong trạng thái dường như thường trụ viên mãn, hành giả có thể bảo trì cái thân, cầu mong được sống lâu trong cảnh giới vi diệu viên mãn ấy, mà không chết.

Anh ta nỗ lực hết sức làm cho thân mình kiên cố bền chắc, ước mong được sống mãi mãi trên thế gian. Anh ta tìm cầu sự bất tử, một đời sống tinh thuần, trong sáng và viên mãn.

Rồi cho đó là thù thắng, nếu hành giả chấp đây là cảnh giới thù thắng. Nếu như anh ta có tri giải điên loạn này thì sẽ rơi vào sai lầm, vì anh ta tham cầu bất tử nhưng không thể nào đạt được điều ấy. Với chấp tham đắm điều không thể đạt được (*tham phi tham*).

Nên người ấy thành bè đảng với A-tư-đà, mong cầu trường sanh.

A-tư-đà¹ là phiên âm từ tiếng Phạn, nghĩa là “*không so sánh được*.” Có nghĩa là không có ai có thể sánh với ông ta. Ông và các đệ tử là một nhóm ngoại đạo sống ở cõi trời, tham cầu sự bất tử, hành giả đã kết thành quyến thuộc với nhóm ngoại đạo này.

Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Kinh văn:

是名第七，執著命元，立固妄因，趣長勞果，違遠圓通，背涅槃城，生妄延種。

Thị danh đệ thất, chấp trước mệnh nguyên, lập cố vọng nhân, thú trường lao quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sinh vọng diên chủng.

Việt dịch:

Đây là dạng thứ bảy, chấp trước cái mạng căn, lập cái nhân cố hư vọng, dẫn đến quả báo khổ nhọc lâu dài, trái xa tính viên thông, ngược với đạo niết-bàn, gieo giống sai lầm ưa kéo dài mạng sống.

¹ A-tư-đà 阿私陀仙 (s: Asita). Tên một vị tiên ở nước Ca-tì-la-vệ. Lúc Thái tử Tất-đạt-đa đản sanh, ông xem tướng và đoán trước Ngài sẽ thành Phật. Theo *Phật bản hạnh tập kinh*, vị tiên này có 5 phép thần thông, thường ra vào nơi tập hội của chư thiên 33 cõi trời một cách tự tại. Sau tiên A-tư-đà dạy thị giả mình là Na-la-ka (s: Nālaka) xuất gia để đợi Thái tử thành đạo.

Giảng:

Đây là dạng thứ bảy, chấp trước cái mạng căn.

Đây là dạng thứ bảy, lập nên cái nhân sai lầm bảo trì và ưa thích thường trụ trên thế gian. Căn cứ vào kiến chấp về mạng nguyên.

Lập cái nhân củng cố hư vọng, dẫn đến quả báo khổ nhọc lâu dài

Chấp bám vào cội nguồn của mạng căn của mình, làm kiên cố cái nguyên nhân hư vọng ấy, mong cầu được trường sinh bất tử.

Hành giả trái xa với tính viên thông, ngược hẳn với công phu tu tập pháp môn “*Nhĩ căn viên thông*” hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình.

Ngược với đạo niết-bàn, gieo giống sai lầm ưa kéo dài mạng sống

Ngược hướng với đạo niết-bàn, gieo trồng hạt giống sai lầm kéo dài mạng sống.

8. TÀ CHẤP VỀ CÁI CHÂN THẬT MÀ THẬT SỰ KHÔNG PHẢI CHÂN THẬT

Kinh văn:

又善男子，窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅，精妙未圓。

Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Viết dịch:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận

tính không của các *hành*, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các *hành*, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Lại nữa, hành giả người đang tu tập chánh định quán sát cùng tột tánh không của hành âm. Anh ta đã vượt qua đước hành âm.

Đã chấm dứt hẳn ý niệm sinh diệt. Nhưng chưa đước tính tịnh diệu, niềm vui vi diệu của sự tịch diệt.

Kinh văn:

觀命互通，却留塵勞，恐其銷盡，便於此際，坐蓮華宮，廣化七珍，多增寶媛，縱恣其心生勝解者，是人則墮真無真執，吒拏迦羅，成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。

Quán mệnh hỗ thông, khước lưu trần lao, khủng kì tiêu tận. Tiện ư thử tế, tọa liên hoa cung. quảng hóa thất trần, đa tăng bảo viện, tủng tứ kì tâm, sinh thắng giải giả, thị nhân tắc đọa chân vô chân chấp, Tra-chỉ-ca-la thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch:

Quán sát căn mệnh và trần cảnh dung thông nhau, nên muốn lưu giữ các trần lao, sợ nó bị tiêu mất. Liên ngay lúc ấy ngồi cung hoa sen, hóa ra rất

nhieu bầy thú trần báu, cùng nhiều gái đẹp, buông lung tâm ý mình, rồi cho đây là thù thắng, người ấy rơi vào cái chấp *chân vô chân*, thành bè bạn của ngoại đạo Tra-chỉ-ca-la. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giảng:

Quán sát căn mệnh và trần cảnh dung thông nhau, nên muốn lưu giữ các trần lao, sợ nó bị tiêu mất.

Khi hành giả quán sát sự quan hệ dung thông với nhau giữa các sinh mạng. Hành giả thấy mạng sống của mình có quan hệ tương giao với các loài chúng sanh khác. Nên muốn bám vào các trần lao, sợ nó bị tiêu mất. Anh ta sợ rằng các trần lao này tiêu tán mất, trong khi anh ta chẳng muốn như vậy.

Liên ngay lúc ấy ngồi cung hoa sen, hóa ra rất nhiều bầy thú trần báu, cùng nhiều gái đẹp, buông lung tâm ý mình.

Chấp giữ ý tưởng này, do năng lực biến hóa, hành giả ngồi trên cung điện hoa sen, biến ra bầy thú báu, cùng nhiều gái đẹp buông lung tâm ý mình. Ở trong cung điện hoa sen, anh ta biến hiện ra vô số trần bảo và rất nhiều gái đẹp và nàng hầu. Buông mình vào việc hưởng thụ dục lạc.

Rồi cho đây là thù thắng, người ấy rơi vào cái chấp *chân vô chân*.

Nếu hành giả chấp đây là cảnh giới thù thắng sẽ rơi vào sai lầm. Chấp cái chẳng phải chân thật, cho là chân thật.

Đến mức độ này, anh ta lại cho cảnh giới này là tuyệt diệu. Nghĩ rằng mình đã chứng đắc được chân lý rồi. Nhưng đó không phải là chân, đó chỉ là vọng chấp của anh ta mà thôi.

Thành bè bạn của ngoại đạo Tra-chỉ-ca-la.

*Tra-chỉ-ca-la*¹ là phiên âm từ tiếng Phạn. “*Tra-chỉ*” dịch là “*trói buộc*.” Có nghĩa là trói buộc chúng sanh bằng sợi dây thừng. “*Ca-la*” nghĩa là “*những việc tôi làm*.” Có nghĩa là: “Kiếp sống của tất cả các loài chúng sanh đều bị trói buộc không được tự do.” Đều là những việc do tôi làm mà ra cả. Vì tôi mà các loài chúng sanh ấy không được tự do. Đó là cách suy nghĩ của hai ngoại đạo này, hành giả kết thành quyến thuộc với chúng.

Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Anh ta chỉ còn mang trong người một thứ tà tri, tà kiến.

Kinh văn:

是名第八，發邪思因，立熾塵果，違遠圓通，背涅槃城，生天魔種。

Thị danh đệ bát, phát tà tư nhân, lập xí trần quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sinh thiên ma chủng.

Việt dịch:

Đây là dạng thứ tám, lập cái nhân tà tư, thành

¹ s: Vignakara 吒枳迦羅.

cái quả trần lao xí thạnh, nghịch xa với tánh viên thông, quay lưng với đạo niết-bàn, làm nảy sinh giống thiên ma.

Giảng:

Đây là dạng thứ tám, lập cái nhân tà tư.

Đây là dạng thứ tám, chủ định đắm mình trong dục lạc trần lao, do căn cứ vào cái nhân tà kiến.

Thành quả trần lao xí thạnh. Bởi cái nhân sai lầm, anh ta phát sinh một loại tham dục mạnh như lửa. **Nghịch xa với tánh viên thông, quay lưng với đạo niết-bàn, làm nảy sinh giống thiên ma.** Hành giả trái xa với tính viên thông. Tu tập ngược hướng với pháp môn *nhĩ căn viên thông*. Quay lưng với đạo niết-bàn, và những đạo lý mà biểu hiện đạo niết-bàn, nên làm nảy sinh giống *thiên ma*. Anh ta sẽ tái sinh trong những cõi trời của loài thiên ma.

9. ĐỊNH TÁNH THANH VĂN

Kinh văn:

又善男子，窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅，精妙未圓。

Hưu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Lại nữa, hành giả người đang tu tập quán chiếu đã quán sát cùng tột tánh không của hành âm. Đã chấm dứt bản chất phát khởi ý niệm sinh diệt. Nhưng chưa hoàn toàn được tính tịnh diệu, viên mãn của sự tịch diệt.

Kinh văn:

於命明中，分別精麁，疏決真偽，因果相酬，唯求感應，背清淨道；所謂見苦，斷集證滅，修道居滅已休，更不前進，生勝解者，是人則墮定性聲聞。諸無聞僧，增上慢者，成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。

Ở mệnh minh trung, phân biệt tinh thô, sơ quyết chân vi, nhân quả tương thù, duy cầu cảm ứng, bội thanh tịnh đạo; sở vị kiến khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, cư diệt dĩ hưu, cánh bất tiên tiến, sinh thắng giải giả, thị nhân tắc đọa định tính thanh văn, chư Vô Văn tăng, tăng thượng mạn giả, thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch:

Nơi căn mạng sáng tỏ, phân biệt cái tinh thô, quyết đoán cái chân ngụy, sự báo đáp lẫn nhau của

nhân quả, chỉ cầu cảm ứng, ngược với đạo thanh tịnh; nghĩa là chỉ thấy khổ đế, dứt trừ tập đế, chứng được diệt đế, tu đạo đế, nơi diệt đế đã yên, không tiến thêm nữa, rồi cho đây là thù thắng, thì người ấy sẽ rơi vào hàng định tánh Thanh văn, thành bè bạn của hàng Vô Văn tăng thượng mạn. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giảng:

Nơi căn mạng sáng tỏ, phân biệt cái tinh thô, quyết đoán cái chân ngụy, sự báo đáp lẫn nhau của nhân quả, chỉ cầu cảm ứng, ngược với đạo thanh tịnh.

Trong sự hiểu biết hảo huyền về sinh mạng, hành giả phân biệt cái tinh thô, anh ta phân biệt rất kỹ giữa cái tinh anh và thô ráp, xác định cái chân ngụy. Anh ta quyết đoán cái gì chân xác, cái gì giả ngụy. Nhưng chỉ để tìm cầu sự cảm ứng báo đáp lẫn nhau giữa nhân và quả. Anh ta chỉ tìm cầu sự thù đáp lẫn nhau của nhân quả. Cầu mong sự cảm ứng sẽ có được từ nhân quả. Nên hành giả đi ngược với đạo thanh tịnh.

Nghĩa là chỉ thấy khổ đế, dứt trừ tập đế, chứng được diệt đế, tu đạo đế, nơi diệt đế đã yên, không tiến thêm nữa.

Thấy khổ đế, có nghĩa là hiểu rõ về cái khổ. Khổ đế gồm có ba thứ khổ, tám thứ khổ và vô lượng thứ khổ. Tập đế là nói đến tất cả mọi thứ phiền não. Diệt đế liên quan đến việc tu đạo. Chứng được diệt đế có

nghĩa là đạt được quả vị diệu lạc của Niết bàn. Đạo đế là con đường, phương pháp tu tập. Đó là ý nghĩa của biết khổ, diệt tập, chứng diệt và tu đạo, thì hành giả dừng nghỉ hẳn nơi diệt đế, không tiến thêm nữa. Khi đã đạt đến diệt đế, anh ta dừng lại không chịu tiến tới nữa.

Rồi cho đây là thù thắng, thì người ấy sẽ rơi vào hàng định tánh Thanh văn, thành bè bạn của hàng Vô Văn¹ tăng thượng mạn.

Nếu hành giả cho đây là nơi thù thắng. Nếu anh ta sinh khởi một loại kiến giải điên cuồng và duy lý và cho đó là thù thắng, thì sẽ rơi vào hàng định tánh Thanh văn².

Định tánh Thanh văn là gì? Chúng ta đã nghe giảng từ trước rồi. Đó là người không chịu hồi hướng quả vị nhỏ về quả vị lớn. Anh ta trở nên sớm hài lòng một cách vội vàng và không muốn tiến thêm nữa.

Thành bè bạn của hàng Vô Văn tăng thượng mạn. Anh ta cũng mê muội như tỷ-khuru Vô Văn, lầm tưởng Tứ thiên là quả vị thứ tư của hàng a-la-hán. Anh ta thành bè bạn với những người như thế.

Mê mờ tánh Bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

¹ s: Assutavā-bhikkhu; 無聞比丘. Vị tỷ-khuru phạm phu thiếu trí huệ. Tự ức đoán về lời dạy của Đức Phật, kết quả tu tập không như điều mình nghĩ, nên phi báng Phật pháp. Vô Văn tỷ-khuru chỉ cho người có tà kiến này.

² Śrāvaka: Thanh văn.

Kinh văn:

是名第九，圓精應心，成趣寂果，違
遠圓通，背涅槃城，生纏空種。

Thị danh đệ cửu, viên tinh ứng tâm, thành thú tịch quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sinh triền không chủng.

Việt dịch:

Đây là dạng thứ chín, viên mãn tâm tinh ứng, thành cái quả thú tịch, trái xa tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi giống triền không.

Giải:

Đây là dạng thứ chín, viên mãn tâm tinh ứng, thành cái quả thú tịch.

Dạng thứ chín là tâm thích hướng về quả tịch diệt, do căn cứ vào cái tâm viên mãn, mong cầu cảm ứng.

Trái xa tánh viên thông. Nên hành giả trái xa với pháp môn “*nhĩ căn viên thông*” quay lưng với đạo Niết bàn, nên làm sinh khởi hạt giống *triền không*.

Ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi giống triền không.

Anh ta mắc kẹt trong cái không, chìm đắm trong sự tịch lặng, không có mong muốn tiến vượt lên và cũng không mong muốn rút lui Cái không là nhu cầu tối quan trọng trong sinh hoạt của anh ta, anh ta trở nên bị vây bọc trong cái không. Thực ra cái “*không*” nghĩa là xưa nay vốn không có gì. Nhưng anh ta phát minh

một cái không trên một cái không khác rồi trở nên chấp dính vào chúng.

10. ĐỊNH TÁNH DUYÊN GIÁC

Kinh văn:

又善男子，窮諸行空，已滅生滅，而於寂滅，精妙未圓。

Hựu thiện nam tử cùng chư hành không dĩ diệt sinh diệt. Nhi ư tịch diệt tinh diệu vị viên.

Việt dịch:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các *hành*, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng:

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các *hành*, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Lại nữa, hành giả đã quán sát cùng tột tánh không của hành âm. Anh ta đã nghiên cứu đến tận cùng các cảnh giới của hành âm. Nó hoàn toàn là không đối với hành giả. Đã chấm dứt hẳn ý niệm cảnh giới sinh diệt. Nhưng chưa được tính tinh diệu, viên mãn của sự tịch diệt.

Kinh văn:

若於圓融清淨覺明，發研深妙，即立涅槃，而不前進，生勝解者，是人則墮

定性辟支。諸緣獨倫，不迴心者，成其伴侶。迷佛菩提，亡失知見。

Nhược u viên dung thanh tịnh giác minh, phát nghiên thâm diệu, tức lập niết-bàn, nhi bất tiên tiến, sinh thắng giải giả, thị nhân tắc đọa định tính tích chi. Chư duyên độc luân, bất hồi tâm giả, thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch:

Nếu ở trong tánh giác minh thanh tịnh viên dung, phát minh tánh thâm diệu, liền nhận đó là niết-bàn mà không tiến lên, rồi cho đây là cảnh giới thù thắng, thì người ấy rơi vào hàng định tánh Bích chi. Thành bè bạn với các vị Duyên giác, Độc giác, không hồi tâm hướng về Đại thừa. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giải:

Nếu ở trong tánh giác minh thanh tịnh viên dung, phát minh tánh thâm diệu, liền nhận đó là niết-bàn mà không tiến lên. Ở trong cảnh giới của tánh giác minh thanh tịnh viên dung, khi phát minh được tánh viên diệu, hành giả có thể nhận lầm đó là niết-bàn và không tiến lên nữa.

Rồi cho đây là cảnh giới thù thắng.

Trong công phu tu tập, ngay cả khi chưa vượt qua được thức ám. Nếu hành giả cho kiến giải cuồng đại và sai lầm này là cảnh giới thù thắng, thì người ấy rơi vào hàng định tánh Bích chi, là những vị không

muốn rời bỏ quả vị nhỏ để hướng đến công hạnh tu tập lớn hơn. Thành bè bạn với những vị **Duyên giác** và **Độc giác**, không hồi tâm hướng về **Đại thừa**. Hành giả trở thành quyến thuộc với những vị này. **Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật**, con đường dẫn đến giác ngộ, **đánh mất chánh tri kiến**.

Kinh văn:

是名第十，圓覺叻心，成湛明果，違遠圓通，背涅槃城，生覺圓明，不化圓種。

Thị danh đệ thập, viên giác vẫn tâm, thành trạm minh quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sinh giác viên minh, bất hóa viên chủng.

Việt dịch:

Đây là dạng thứ mười, viên thành giác tâm vắng lặng, lập thành cái quả trạm minh, trái xa tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi giống giác ngộ viên minh, nhưng không không hóa giải được kiến chấp về tánh giác viên minh.

Giảng:

Đây là dạng thứ mười, là cánh cửa sau cùng trong quá trình chuyển hóa thức ám. Nếu quý vị qua được cửa này, thì chẳng còn gì phải bận tâm nữa cả. Chẳng có điều gì ngu hiểm nữa cả. Đáng tiếc là chặng cuối cùng lại không phải là việc dễ dàng. Tại điểm này, chỗ sai biệt nhau rất là vi tế. Nên có câu:

“Sai chi ty hào, mậu chi thiên lý.”

Nghĩa là: lúc ban đầu, chỉ cần sai lạc bằng một mảy tơ, sẽ dẫn đến sự nhầm lẫn bằng vạn dặm về sau. Nếu quý vị chỉ cần sai lạc tí xíu lúc khởi đầu tu tập, quý vị sẽ đánh mất quả vị giác ngộ về sau. Trạng thái này là một cảnh giới mà hành giả đã:

Viên thành giác tâm vắng lặng, lập thành cái quả trạm minh.

Nhận lầm tánh trạm diệu, do mê chấp vào cái tâm giác minh viên mãn. Vào điểm này, giáo lý giác ngộ viên mãn gần như hòa trộn lẫn với chân tâm thường trụ, và anh ta đã đạt được sự thanh tịnh sáng suốt.

Trái xa tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn.

Tuy nhiên, anh ta chưa tương hợp với pháp môn “*nhĩ căn viên thông*” vì anh ta còn nhiều chấp trước.

Ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi giống giác ngộ viên minh, nhưng không không hóa giải được kiến chấp về tánh giác viên minh.

Ngược với bảo thành niết-bàn, đi ngược với diệu quả niết-bàn. Nên làm sinh khởi hạt giống mê chấp, không hóa giải được kiến chấp về tánh giác viên minh. Anh ta không vượt qua được chấp trước về cảnh giới giác viên ấy. Vẫn còn chút ít mê mờ khi thức ám chưa được phá trừ. Nếu vào lúc này, hành giả vượt qua được *thức ám* mà không phải bị đầu hàng trước kiến giải điên đảo này, thì anh ta sẽ vượt qua được cả *năm ám*. Khi *năm ám* đã được chuyển hóa toàn triệt rồi, anh ta sẽ đạt đến quả vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập

hồi hương và Thập địa. Đến đây có thể bảo đảm chắc chắn hành giả sẽ thành tựu quả vị Phật.

KINH VĂN:

阿難，如是十種禪那，中途成狂，因依迷惑，於未足中，生滿足證。皆是識陰，用心交互，故生斯位。

A-nan, như thị thập chủng thiền-na, trung đồ thành cuồng, nhân y mê hoặc, ư vị túc trung, sinh mãn túc chứng. Giai thị thức âm, dụng tâm giao hõ, cố sinh tư vị.

VIỆT DỊCH:

A-nan, mười loại thiền-na như thế, giữa chừng hóa điên, nhân nơi mê lầm, khi chưa đầy đủ, khởi tâm chứng đắc hoàn toàn. Tất cả đều do thức âm và tâm dụng công giao xen.

GIẢNG:

A-nan, mười loại thiền-na như thế, giữa chừng hóa điên, nhân nơi mê lầm,

A-nan, ông nên đặc biệt chú ý và hiểu thật rõ giai đoạn này. Ông nên nhận thức cho được ma cảnh hiện ra trong mười loại thiền định như thế. Mười loại cảnh giới trong lúc công phu tu tập thiền định. Mười cảnh giới này sẽ xuất hiện trong khi tu thiền, bởi do kiến giải mê cuồng trong khi tu tập, nương vào đó hành giả tuyên bố đã chứng đắc hoàn toàn khi chưa được như vậy.

Khi chưa đầy đủ, khởi tâm chứng đắc hoàn toàn.

Đến lúc này, mặc dù chưa chứng đạo và đạt được quả vị, mà hành giả đã tự tuyên bố. “Ta đã chứng quả.” Chưa chứng được dù chỉ sơ quả, mà nói đã được. Chưa chứng được nhị quả, tam quả, tứ quả (a-la-hán) mà tuyên bố đã chứng được. Chưa thành Phật, mà nói đã thành. Nếu có ai hỏi tại sao anh ta được thành Phật, anh ta hoàn toàn không biết. Một vị Phật mà không biết bằng cách nào mình thành Phật thì thật là hồ đồ. Nhưng chư Phật đều có trí hiểu biết viên mãn, không có vị Phật nào hồ đồ cả. Còn nếu đó là người hồ đồ, thì đó chỉ là yêu, ma, quỷ, quái, những loại không hiểu được đạo lý chân chính là gì.

Tất cả đều do thức ám và tâm dụng công giao xen.

Tất cả các trạng thái này đều do kết quả giao xen của thức ám và nỗ lực khi dụng tâm tu tập.

Đây là trò tác quái của thức ám. Khi quý vị nỗ lực công phu, thì thức ám đấu tranh chống lại công phu của quý vị. Nếu quý vị có một tâm niệm tham dục, vọng tưởng dù rất vi tế, thì quý vị sẽ rơi vào ma cảnh, bị ma gá vào (35, 36, 37). Quý vị sẽ sinh khởi nhiều lý thuyết điên đảo. Một khi lý luận điên đảo ấy đã hình thành, thì rất khó mà phá trừ nó nổi. Cho dù có thiện tri thức đến chỉ bày sự điên đảo ấy, giúp cho họ phá trừ. Họ vẫn không tin, mà còn cãi lại: “Các ông biết gì nào? Dù sao, tôi cũng đã thành Phật rồi! Nhưng gì các ông nói đều sai lầm cả.” Dù quý thiện tri thức đã chỉ bày, họ vẫn không chịu tin. Đó là lý do tại sao trạng thái này xuất hiện.

Kinh văn:

眾生頑迷，不自忖量。逢此現前，各以所愛，先習迷心，而自休息，將為畢竟，所歸寧地。自言滿足無上菩提。大妄語成，外道邪魔，所感業終，墮無間獄。聲聞緣覺，不成增進。

Chúng sinh ngoan mê, bất tự thốn lượng. Phùng thử hiện tiền, các dĩ sở ái, tiên tập mê tâm nhi tự hưu tức. Tương vi tất cánh, sở quy ninh địa. Tự ngôn mãn túc vô thượng bồ-đề. Đại vọng ngữ thành, ngoại đạo tà ma, sở cảm nghiệp chung, đọa vô gián ngục. Thanh văn duyên giác, bất thành tăng tiến.

Việt dịch:

Chúng sanh mê mờ, không biết tự xét. Gặp tình huống này, đều đem tâm mê làm, ưa thích những tập quán cũ, mà tự dừng nghĩ, cho đó là chỗ quay về rốt ráo. Tự tuyên bố đã đạt được quả vị Vô thượng bồ-đề viên mãn. Thành tội đại vọng ngữ. Ngoại đạo tà ma sau khi chiêu cảm nghiệp báo chấm dứt, sẽ rơi vào địa ngục vô gián. Các hàng Thanh văn, Duyên giác không thể tiến lên hơn nữa.

Giảng:

Chúng sanh mê mờ, không biết tự xét.

Chúng sanh ngoan cố, khó chuyển hóa được mê lầm của chính mình. Họ không chịu dừng lại những vọng tưởng dù chỉ để quán xét thử mình là ai. Họ chưa

thoát khỏi lớp da heo, lột chó mà tự tuyên bố mình là Phật. Họ đã tự đánh giá mình quá cao.

Gặp tình huống này, đều đem tâm mê lầm, ưa thích những tập quán cũ,

Gặp cảnh giới này hiện tiền, tâm bị mê mờ, ưa thích những tập quán cũ, ưa thích tham luyến những thứ ái dục, khiến tâm mình u mê dần dần, hết đời này sang đời khác.

Mà tự dừng nghĩ, cho đó là chỗ quay về rốt ráo.

Nên thích dừng nghĩ nơi tự cho là chỗ quay về rốt ráo. Anh ta cho rằng mình đã tới nơi bảo sở, nhưng thực ra anh ta chỉ mới đến được nơi hóa thành. Hóa thành ấy chưa phải là bảo sở. Người này rất mong muốn đến bảo sở, nhưng chỉ mới đi được nửa đường, họ đã thấy mệt mỏi và muốn dừng lại hẳn. Đến lúc này, người có thần thông sẽ hóa hiện ra một hóa thành và nói với họ: “Bảo sở ở ngay phía trước chúng ta, chúng ta nên đến đó để nhận lấy kho báu, chúng ta có thể mang về mọi thứ vàng bạc, trân bảo.” Mục đích là để họ đến thành áp đó để nghỉ ngơi, rồi tiếp tục lên đường. Nhưng tất cả mọi người khi đến hóa thành rồi, cứ cho rằng đây là bảo sở, họ dừng nghĩ ở đó và không muốn đi xa hơn nữa. Họ cho rằng đây là nơi quay về nương tựa rốt ráo. Nơi mà họ muốn đến từ lâu.

Tự tuyên bố đã đạt được quả vị viên mãn Vô thượng bồ-đề. Tự tuyên bố đã chứng được Vô thượng bồ-đề và đã thành Phật rồi. Thành tội đại vọng ngữ. Họ

chưa chứng được Phật quả nhưng nói rằng đã chứng. Những người thông minh có nói những lời ngu muội như vậy không? Nói mình đã đạt được quả vị mà mình chưa đạt được, chỉ có những kẻ ngu si mới làm như thế. Trong quốc gia dân chủ, ta có thể nói rằng mọi người đều có thể trở thành Tổng thống cả. Đúng vậy, mọi người đều có khả năng để trở nên một vị Tổng thống. Nhưng điều ấy không có nghĩa mọi người “là” Tổng thống. Phải qua cuộc tuyển cử mới thực sự trở thành Tổng thống. Không thể nói suông rằng mọi người đều là Tổng thống. Thế thì ai là Tổng thống, ai là Phó Tổng thống? Giống như điều đang nói ở đây. Nếu quý vị không bao giờ đi học, không biết cả chữ ký của mình thì làm sao quý vị thành Tổng thống được? Cũng giống như việc thành Phật. Nếu quý vị không tu tập không trải qua sáu năm tu tập khổ hạnh ở núi Tuyết, hoặc bốn mươi chín ngày thiền định dưới cội cây bồ-đề. Nếu quý vị không có một ngày với nỗ lực công phu tu tập như thế, làm sao mà thành Phật được? Tưởng điều ấy quá dễ. Đó thật là một thứ vọng tưởng điên cuồng.

Thành tội đại vọng ngữ. Ngoại đạo tà ma sau khi chiêu cảm nghiệp báo chấm dứt, sẽ rơi vào địa ngục vô gián. Sau khi chiêu cảm nghiệp báo ngoại đạo, tà ma chấm dứt. Sau khi ma nghiệp do anh ta chiêu cảm lấy quả báo đã hết. Sẽ rơi vào địa ngục vô gián. Mạng sống của loài thiên ma cũng sẽ đến lúc kết thúc. Đến lúc ấy, anh ta sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Các hàng Thanh văn, Duyên giác không thể tiến lên được nữa. Khi hàng định tánh Thanh văn hay định tánh Duyên giác làm chấp về tánh giác.¹ tuy họ sẽ không bị đọa vào địa ngục, nhưng họ sẽ không thể nào tiến xa được nữa trên đường tu đạo. Họ không thể tiến bộ hơn được nữa.

Kinh văn:

汝等存心，秉如來道，將此法門，於我滅後，傳示末世。普令眾生覺了斯義。無令見魔，自作沈孽。保綏哀救，消息邪緣。令其身心入佛知見。從始成就，不遭岐路。

Nhữ đẳng tồn tâm, bỉnh Như Lai đạo, tương thủ pháp môn, ư ngã diệt hậu, truyền thị mạt thế. Phổ linh chúng sinh giác liễu tư nghĩa. Vô linh kiến ma, tỵ tác trảm nghiệt. Bảo tụy ai cứu, tiêu tức tà duyên. Linh kì thân tâm nhập Phật tri kiến. Tông thủy thành tựu, bất tạo kì lộ.

Việt dịch:

Các ông nên chú tâm giữ gìn đạo Như Lai, sau khi Như Lai nhập diệt, hãy đem pháp môn này

¹ Nguyên văn: “Phát ra lời đại vọng ngữ”. Định tánh Thanh văn, Duyên giác có thể làm chấp về tánh giác chứ không còn phát ra lời đại vọng ngữ.

truyền dạy trong đời mạt pháp, khiến cho tất cả chúng sanh hiểu rõ nghĩa ấy. Đừng để ma tà kiến tự gây ra chướng nạn. Giữ gìn và từ bi cứu giúp, tiêu trừ hết các tà duyên kiến. Khiến thân tâm được vào tri kiến Phật. Từ khi bắt đầu cho đến thành tựu, không bị lạc vào đường tẻ.

Giảng:

Các ông nên chú tâm giữ gìn đạo Như Lai.

Các ông, A-nan, các vị Đại bồ-tát, Đại a-la-hán, Đại tử-khưu, các vị Đại trưởng lão và những vị khác trong hội chúng nên chú tâm giữ gìn đạo của Như Lai. Các ông nên trân trọng, thừa sự những lời Như Lai đã truyền dạy.

Sau khi Như Lai nhập diệt, hãy đem pháp môn này truyền dạy trong đời mạt pháp.

Hãy truyền dạy pháp môn trong kinh Thủ-lăng-nghiêm này, đó là pháp môn “*nhĩ căn viên thông*” hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình, cho đến khi tự tánh hòa nhập vô thượng đạo, truyền dạy pháp môn viên thông cho chúng sanh trong đời mạt pháp. Vào thời mạt pháp, các ông phải truyền dạy pháp môn này cho chúng sanh hằng ngày **khiến cho tất cả chúng sanh hiểu rõ nghĩa này**. Dạy cho chúng sinh hiểu được một cách rõ ràng pháp tu này. **Đừng để ma tà kiến tự gây ra chướng nạn**. Đừng để cho tự chính mình gây ra chướng nạn tà kiến của thiên ma ngoại đạo nơi mình.

Ma có hai loại: *kiến ma* và *kiến ái ma*.

Kiến ma, là khi hành giả gặp cảnh, liền bị xoay chuyển bởi cảnh giới. Còn khi hành giả gặp cảnh, sinh tâm yêu thích, ham muốn cảnh ấy. Đó gọi là *kiến ái ma*.

Quý vị đừng để cho chúng sanh bị rơi vào các chướng nạn bởi hai loại ma cảnh này.

Giữ gìn và từ bi cứu giúp, tiêu trừ hết các tà duyên kiến.

Giúp chúng sanh giữ gìn và từ bi cứu giúp, tiêu trừ hết các nhân duyên tà kiến ấy.

Hàng phục cho được tâm điên đảo và tâm cuồng si. Giúp họ đoạn trừ tà tri, tà kiến ấy. **Khiến cho thân tâm chúng sanh nhập vào tri kiến Phật.** Từ khi bắt đầu tu tập ch đến khi thành tựu, không bị lạc vào đường tẻ. Đừng để cho họ bị lạc vào những con đường tẻ khi đi trên con đường tu đạo chân chính.

Kinh văn:

如是法門，先過去世，恒沙劫中，微塵如來，乘此心開，得無上道。

Như thị pháp môn, tiên quá khứ thế, hằng sa kiếp trung, vi trần Như Lai, thừa thử tâm khai, đắc vô thượng đạo.

Việt dịch:

Pháp môn như thế, các đức Như Lai nhiều như số vi trần trong hằng sa kiếp từ quá khứ, đều vận dụng mà khai ngộ bản tâm, chứng được đạo vô thượng.

Giảng:

Pháp môn như thế, các đức Như Lai nhiều như số vi trần trong hằng sa kiếp từ quá khứ, đều vận dụng mà khai ngộ bản tâm, chứng được đạo vô thượng.

Nương vào pháp môn như thế trong kinh Thủ-lăng-nghiêm mà các đức Như Lai nhiều như số vi trần trong hằng sa kiếp từ quá khứ được khai ngộ bản tâm, chứng được đạo vô thượng.

Khi tu tập theo pháp môn này trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, tâm được khai ngộ và chứng được đạo quả vô thượng. Đây là lộ trình người tu tập phải trải qua. Nay chúng ta cũng muốn nghiên cứu pháp môn này. Chỉ có cách tu tập pháp môn này một cách viên mãn mới mong thành Phật được. Chẳng dễ dàng thành tựu quả vị Phật nếu không thực hành ngay từ bước đầu tiên.

Không riêng gì quả vị Phật, mà ngay trong thế gian cũng thế, người ta cần phải gắng bao công sức để đạt được mảnh bằng Thạc sĩ, Bác sĩ, Tiến sĩ? Còn quý vị cần phải trải qua bao nhiêu thời gian công phu tích cực mới thành tựu Phật đạo? Nếu quý vị tuyên bố thành Phật mà không trải qua bước đầu tiên, thì chuyện đó khó tưởng tượng còn hơn cả giấc mơ. Ngay cả trong mơ, quý vị cũng không thể nói được chuyện kỳ quặc như vậy. Thành Phật không phải là một chuyện đơn giản.

Kinh văn:

識陰若盡，則汝現前，諸根互用。從互用中，能入菩薩金剛乾慧。圓明精心，於中發化。

Thức âm nhược tận, tắc nhữ hiện tiền, chư căn hồ dụng. Tông hồ dụng trung, năng nhập Bồ-tát Kim cương càn huệ. Viên minh tinh tâm, u trung phát hóa.

Việt dịch:

Khi thức âm tiêu dung rồi, thì các căn hiện tiền của ông đều được dùng thay nhau. Từ chỗ hồ dụng đó, ông có thể nhập vào bậc Kim cương càn huệ Bồ-tát. Tâm tinh diệu viên minh phát hóa trong ấy.

Giải:

Khi thức âm tiêu dung rồi.

Khi hành âm đã tiêu trừ, quý vị ở trong phạm vi thức âm. Nếu quý vị thể nhập được vào thức thứ tám, quý vị có thể thấy được mười phương thế giới trong suốt như pha lê. Chẳng có gì ngăn ngại được cái nhìn của quý vị.

Tuy nhiên trước khi thức âm hoàn toàn chuyển thành thức thứ tám, những niệm sinh diệt rất vi tế vẫn còn diễn biến ở trong thức thứ bảy. Một khi những niệm lẫn lẫn vi tế trong thức thứ bảy ấy đã tiêu tán và chỉ còn lại thức thứ tám, quý vị sẽ nhìn thấy vạn vật trong vũ trụ này trong suốt như thủy tinh.

Lúc này, thức thứ tám chuyển thành *Đại viên cảnh trí* như chư Phật. Trước khi quý vị tiêu trừ sạch

thức thứ bảy thì trạng thái này vẫn chưa đạt được. Đó là ý nghĩ của việc chấm dứt được thức ám. Khi những niệm lăng tãng vi tế của thức thứ bảy đã tiêu tan, thì các căn hiện tiền của ông đều được dùng thay nhau, các căn hiện tiền có khả năng dung thông với nhau.

Việc sử dụng hỗ tương nhau của các căn đã được giảng từ trước rồi, mỗi căn có được năng lực của cả sáu căn, như mắt vốn chỉ có thể thấy được vật phía trước nay có thể nghe được, nếm được, ngửi được, xúc chạm và suy nghĩ được. Hành giả có thể khai, hợp các căn nên có thể sử dụng hỗ tương với nhau.

Từ chỗ hỗ dụng đó, ông có thể nhập vào bậc Kim cang càn huệ Bồ-tát.

Kim cang có nghĩa là bất hoại, không có gì phá vỡ nó được, cũng có nghĩa là bất thối. Quý vị sẽ đạt được ba loại bất thối: Quả vị bất thối, niệm bất thối và hành bất thối.

Càn huệ nghĩa là Càn huệ địa.¹

Tâm tinh diệu viên minh phát hóa trong ấy. Từ trong bản tâm sáng suốt viên mãn phát khởi ra sự biến hóa.

¹ 乾慧地 S: Śukla-vidarśanā-bhūmi: Còn gọi Quá diệt tịnh địa 過滅淨地, Tịch nhiên tạp kiến hiện nhập địa 寂然雜見現入地, Siêu tịnh quán địa 超淨觀地. Giai vị tu tập của những hành giả có Huệ mà không có Định. Địa thứ nhất trong Tam thừa cộng thập địa. Theo Kinh Thủ-lăng-nghiêm, phối hợp Thập địa với 53 giai vị thì Càn huệ địa thuộc Thập tín.

Kinh văn:

如淨琉璃，內含寶月。如是乃超，十信十住，十行十迴向，四加行心。菩薩所行，金剛十地。

Như tịnh lưu li, nhập hàm bảo nguyệt. Như thị nãi siêu, thập tín thập trụ, thập hạnh thập hồi hướng, tứ gia hạnh tâm. Bồ-tát sở hành, kim cương thập địa.

Việt dịch:

Như ngọc lưu ly trong suốt, hàm chứa mặt trăng báu ở trong. Như thế mà vượt lên giai vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh tâm và sở hành của Bồ-tát Kim cương Thập địa.

Giảng:

Sự biến hóa ấy giống như cái gì? Như ngọc lưu ly trong suốt, không dính một mảy bụi trần hàm chứa mặt trăng báu bên trong. Như thế theo đó mà vượt lên giai vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh tâm mà chúng ta đã được nghe giảng từ trước. Tứ gia hạnh tâm là: Noãn, Đánh, Nhẫn và Thế đệ nhất. Quý vị cũng sẽ vượt qua trạng thái và trình độ công phu ở cảnh giới sở hành của Bồ-tát Kim cương Thập địa.

Kinh văn:

等覺圓明，入於如來，妙莊嚴海。圓滿菩提，歸無所得。

Đẳng giác viên minh, nhập u Như Lai, diệu trang nghiêm hải. Viên mãn bồ-đề, quy vô sở đắc.

Đẳng giác tròn sáng, vào biển Diệu trang nghiêm của Như Lai. Viên mãn đạo Bồ-đề, về nơi vô sở đắc.

Giảng:

Đẳng giác tròn sáng, vào biển Diệu trang nghiêm của Như Lai.

Đến trạng thái này, các ông sẽ nhập vào biển diệu trang nghiêm của Như Lai, **viên mãn đạo bồ-đề, trở về nơi vô sở đắc.**

Rốt ráo là chẳng có gì để chứng đắc cả. Tại sao vậy? Vì tánh giác vốn tự có sẵn trong mỗi người, không phải do nhờ bên ngoài mới có. Tánh Như Lai tạng cũng chẳng phải là cái có được từ bên ngoài, mà nó vốn có sẵn trong quý vị. Nên nói “trở về lại nơi vô sở đắc” là vậy.

Kinh văn:

此是過去，先佛世尊，奢摩他中，毘婆舍那，覺明分析微細魔事。

Thử thị quá khứ, tiên Phật Thế tôn, xa-ma-tha trung, tỉ-bà xá-na, giác minh phân tích vi tế ma sự.

Việt dịch:

Đây là những ma sự vi tế, mà các Đức Phật Thế tôn từ đời quá khứ trước đã giác ngộ nghiệm xét và phân tích trong khi tu chỉ quán.

Giảng:

Đây là những ma sự vi tế. Mười trạng thái nói trên, xảy ra trong quá trình tu tập để chuyển hóa thức ám. Mà các Đức Phật Thế tôn từ đời quá khứ trước đã giác ngộ nghiệm xét và phân tích trong khi tu chỉ quán.

Chỉ (samatha) là một loại định, trong trường hợp này là Lăng Nghiêm diệu định. (38)

Quán (*vipasyana*) là công phu quán chiếu, đây là một dạng quán chiếu rất vi mật. Nhờ sự giác ngộ sáng suốt, mà hành giả có thể phân tích được các ma sự, vốn rất vi tế nhỏ nhiệm khó mà khám phá ra được.

Kinh văn:

魔境現前汝能諳識，心垢洗除，不落邪見。

Ma cảnh hiện tiền nhữ năng am thức, tâm cấu tẩy trừ, bất lạc tà kiến.

Việt dịch:

Nếu ông nhận biết được ma cảnh hiện tiền, thì tẩy trừ được cấu nhiễm, không bị rơi vào tà kiến.

Giảng:

Nếu ông nhận biết được ma cảnh hiện tiền. Nếu các ông nhận được ngay những ma cảnh khi nó hiện ra trước quý vị và biết được đó là hay Phật, thì tẩy trừ được cấu nhiễm, không bị rơi vào tà kiến. Tâm cấu nhiễm được rửa sạch ngay và khỏi bị rơi vào tà kiến.

Một vài cảnh giới của tà ma ngoại đạo từ bên ngoài đến với quý vị và một số cảnh xuất hiện do trong tâm niệm của quý vị. Ngoại ma thì rất dễ hàng phục, còn nội ma ở trong tâm thì rất khó trừ. Vì mỗi khi quý vị phát khởi tà tri, tà kiến thì rất khó giải trừ khỏi những thứ tà kiến ấy. Ngay sau khi quý vị nhận ra ngoại ma, quý vị phải tây trừ ngay những thứ cấu nhiễm ấy trong tâm mình. Điều gì là cấu nhiễm? Loại nhiễm ô quan trọng nhất trong tâm là tham. Chúng ta sẽ nói về vấn đề này rất thường xuyên. Tham sẽ trở nên rất nghiêm trọng khi kết hợp với dục. Nếu quý vị không có một niệm dâm dục, thì quý vị đã rửa sạch tâm mình khỏi bị ô nhiễm, tâm quý vị sẽ không sinh khởi tà kiến được nữa.

Nếu quý vị không thanh tịnh hóa tâm mình thoát ra khỏi niệm tưởng dục, thì có rất nhiều chương nạn sẽ đến với quý vị. Tất cả vấn đề ấy sinh khởi vì tâm tham. Các thứ phiền não vô minh từ đó đều sinh khởi. Quý vị bị vướng vào tà kiến ngay liền. Nếu quý vị có năng lực rửa sạch liền những vọng tưởng này, mới thoát khỏi được tà kiến.

Kinh văn:

陰魔銷滅，天魔摧碎，大力鬼神，褫魄逃逝，魑魅魍魎，無復出生。

Ấm ma tiêu diệt, thiên ma thôi toái, đại lực quỷ thần, chỉ phách đào thệ, li mị võng lượng, vô phục xuất sinh.

Việt dịch:

Các âm ma đều tiêu diệt, thiên ma bị phá tan, Đại lực quỷ thần hoảng hốt chạy trốn, các loài li mị võng lượng không hiện tướng ra nữa.

Giảng:

Các âm ma đều tiêu diệt. Các âm ma, những thứ ma sinh khởi từ ngũ âm mà chúng ta đã thảo luận đều bị tiêu diệt. **Thiên ma bị phá tan,** nếu quý vị có trí huệ chân chính và không bị dính mắc trong tà kiến thì thiên ma sẽ bị phá sạch. Quý vị sẽ khiến cho tâm chúng khiếp sợ. **Đại lực quỷ thần hoảng hốt chạy trốn.** Các loài này rất mạnh, chúng có thể nâng cả núi tu-di bằng một bàn tay. Nhưng nếu quý vị có trí huệ chân chính và có Đại định Thủ-lăng-nghiêm thì loài Đại lực quỷ này mỗi khi nhìn thấy quý vị liền chạy trốn vì hoảng sợ.

Các loài li mị võng lượng không hiện tướng ra nữa.

Li mị võng lượng là loại ma mà chúng ta đã nghe giảng trước đây. Nó cũng sẽ không dám xuất hiện nữa.

Kinh văn:

直至菩提，無諸少乏。下劣增進，於大涅槃，心不迷悶。

Trực chí bồ-đề, vô chư thiếu phạp. Hạ liệt tăng tiến, ư đại niết-bàn, tâm bất mê muộn.

Thẳng đến bồ-đề, không chút thiếu sót. Hàng căn cơ hạ liệt cũng được tăng tiến, đối với Đại niết-bàn, tâm không mê lầm.

Giảng:

Thăng đến bồ-đề, không chút thiếu sót. Các ông sẽ thăng đến nơi giác ngộ. Đạt được cảnh giới của chư Phật, không chút thiếu sót. Quý vị sẽ không gặp những chướng nạn hoặc phiền não. **Hàng căn cơ hạ liệt cũng được tăng tiến, đối với Đại niết-bàn, tâm không mê lầm.** Ngay cả với những người có căn tánh thấp kém cũng sẽ được tiến bộ. Quý vị sẽ hướng thăng đến diệu quả niết-bàn và tâm quý vị không còn kinh qua những dạng mê mờ, phiền não như trước nữa.

Kinh văn:

若諸末世，愚鈍眾生，未識禪那，不知說法。樂修三昧，汝恐同邪，一心勸令，持我佛頂，陀羅尼咒。若未能誦，寫於禪堂，或帶身上。一切諸魔，所不能動。

Nhược chư mạt thế, ngu độn chúng sinh, vị thức thiền-na, bất tri thuyết pháp, nhạo tu tam muội, nhữ khùng đồng tà, nhất tâm khuyến linh, trì ngã Phật đánh đà-la-ni chú. Nhược vị năng tụng, tả ư thiền đường, hoặc đới thân thượng. Nhất thiết chư ma, sở bất năng động.

Việt dịch:

Nếu có chúng sinh mê độn trong đời mạt pháp, chưa hiểu thiền-na, chưa nghe pháp yếu, ưa tu tam muội, nhưng căn tánh chậm lụt, sợ họ bị lạc vào tà kiến, thì các ông nhất tâm khuyến họ trì tụng chú

Phật đánh ðà-la-ni. Nếu chưa tụng thuộc thì viết trên thiên ðường hay mang trong thân. Thế nên các loài ma không thể nào quấy phá họ ðược.

Giảng:

Nếu có chúng sinh mê ðộn trong ðời mạt pháp, chưa hiểu thiên-na.

Nếu có các chúng sinh trong ðời mạt pháp, ưa thích tu tập chánh ðịnh, nhưng căn tánh chậm lụt. Bất kể quý vị dạy cho họ bao nhiêu ðiều hay lẽ phải, họ vẫn khăng khăng ði vào con ðường xấu ác. Dù các ông không dạy họ ði vào con ðường hư hoại, mà họ vẫn tự ði vào con ðường ấy. Học làm ðiều tốt lành cũng khó như lên trời. Học ðể làm ðiều xấu ác cũng ðễ như trượt xuống dốc vậy. Tại sao? Tập khí của chúng sanh rất mạnh. Họ có quá nhiều tham dục. Những tập khí, chúng tử lâu ðời, những nghiệp chướng và nợ nần từ ðời trước quá nhiều ðã kéo ngược lại, trong khi người tu muốn hướng thượng. Học làm ðiều thiện cũng khó như lên trời, nhưng học làm ðiều ác lại ðễ như trượt xuống dốc. Tại sao? Vì chúng sanh không có ðược trí tuệ và ðều là những người mê muội.

Họ là những người chưa nhận biết sự quan trọng của thiên-na. Họ không nhận ra ðược sự quan trọng cần thiết của việc tu ðạo, chưa nhận ra ðược sự cần yếu của pháp tu tập thiên ðịnh.

Chưa nghe pháp yếu, ưa tu tam muội. Hoặc chưa từng ðược nghe pháp yếu. Họ không hiểu biết gì về chánh pháp. Dù họ chưa từng nghe giảng những ðiều cốt tuỷ của Phật pháp, hoặc chưa biết cách công

phu tọa thiền, tập định. Nhưng họ rất ưa thích tu tập chánh định. Những người ưa thích tu tập chánh định thì phải hiểu biết về *đạo* và rõ ràng về *pháp*.

Sợ họ bị lạc vào tà kiến. Các ông nên quan tâm giúp họ khỏi bị lạc vào tà kiến. Nếu quý vị lo cho những người này rơi vào tà tri, tà kiến thì quý vị phải báo trước cho họ.

Thì các ông nhất tâm khuyên họ trì tụng chú Phật đánh đà-la-ni. Các ông nên hết lòng khuyến khích họ trì tụng chú *Phật đánh đà-la-ni*. Khuyến khích họ trì tụng thần chú Thủ-lăng-nghiêm.

Nếu chưa tụng thuộc thì viết trên thiền đường hay mang trong thân. Thế nên các loài ma không thể nào quấy phá họ được.

Nếu họ không thể tụng thuộc được thì họ có thể viết ra trên thiền đường. Nếu khi họ tụng chú mà không thuộc lòng, phải nhìn trong kinh, quý vị có thể bảo họ viết ra rồi lên vách tường nơi thiền đường. Đó là vì: “Nơi nào có kinh chú, nơi ấy có Phật.” Huống gì thần chú Đại Phật đánh này. Bất kỳ nơi đâu có thần chú này, thì nơi ấy có Kim cang tạng Bồ-tát và quyền thuộc cùng các vị Hộ pháp thiện thần.

Thế nên các loài ma không thể nào quấy phá họ được.

Hay quý vị bảo những người này mang trong thân, nhờ thế các loài ma không còn quấy phá họ được. Nếu quý vị mang thần chú trên người, ma không thể nào gá vào quý vị được. (39)

Kinh văn:

汝當恭欽，十方如來，究竟修進，最後垂範。

Nhữ đương cung khâm, thập phương Như Lai, cứu cánh tu tiến, tối hậu thùỳ phạm.

Ông nên kính vâng lời dạy bảo cuối cùng về phép tu tiến rốt ráo của mười phương Như Lai.

Giảng:

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni với tâm từ bi chí thiết, Ngài có lời phó chúc sau cùng cho ngài A-nan:

Ông nên kính vâng lời dạy bảo cuối cùng về phép tu tiến rốt ráo của mười phương Như Lai.

Các ông nên kính trọng và trân quý Thủ-lăng-nghiêm diệu định, pháp môn “*nhĩ căn viên thông-hướng tánh nghe trở vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình,*” và cũng là pháp môn thần chú Thủ-lăng-nghiêm, thần chú Phật đánh đà-la-ni.¹ Là gom vào (*tổng*) hết thảy các pháp, và nắm giữ (*trì*) vô lượng nghĩa. Đây là tâm, là tánh của các Đức Phật Như Lai trong khắp mười phương. Đó là mẹ của các Đức Như Lai. Chú này là tột đỉnh cứu cánh, vô cùng rốt ráo, và là pháp môn tối thắng vi diệu để tu tập tiến bộ. Đó là khuôn mẫu tu chứng tối hậu của mười phương Như

¹ S: Dhāraṇī (陀羅尼 đà-la-ni). Hán dịch: tổng trì 總持, tác trì 作持, năng trì năng già 能持能遮.

Lai, là pháp môn quan trọng nhất, được Đức Phật giảng dạy vào thời kỳ sau cùng. Đó là mô phạm tối yếu; là phương thức, là lời khai thị cho lộ trình mà quý vị phải theo sát để tu chứng *tri kiến Phật*.

Kinh văn:

阿難即從坐起，聞佛示誨，頂禮欽奉，憶持無失。於大眾中，重復白佛：如佛所言，五陰相中，五種虛妄，為本想心，我等平常，未蒙如來微細開示。

A-nan tức từng tòa khởi, vãn Phật thị hối, đảnh lễ khâm phụng, ức trì vô thất. Ư đại chúng trung, trùng phục bạch Phật. Như Phật sở ngôn, ngũ âm tướng trung, ngũ chủng hư vọng, vi bản tướng tâm, ngã đẳng bình thường, vị môn Như Lai, vị tế khai thị.

Việt dịch:

A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nghe lời dạy của Đức Phật, đảnh lễ kính vâng, ghi nhớ không sót. Ở trong đại chúng lại bạch Phật rằng: “Như Đức Phật dạy, trong tướng ngũ âm có năm thứ hư vọng, vốn có cội gốc là tâm vọng tưởng. Chúng con bình thường chưa từng được được nghe lời khai thị vi diệu của Như Lai.

Giảng:

A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nghe lời dạy của Đức Phật, đảnh lễ kính vâng, ghi nhớ không sót.

A-nan khi nghe lời chỉ dạy của Đức Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính đánh lễ ghi nhớ từng lời dạy không sót chữ nào.

Nghe được lời khai thị của Đức Thế Tôn, Ngài A-nan liền đánh lễ Đức Phật, nhưng lần này không khóc. Ngài đã từng khóc nhiều lần rồi, nhưng lần này không khóc là vì Ngài đã ăn no rồi. A-nan cũng giống như đứa bé khát sữa, khi uống no rồi, nên không còn khóc nữa. Lại nữa, ngài như đứa bé đòi kẹo, một khi nó đã xin được nhiều kẹo, nó không còn khóc nữa. Ngài A-nan cũng đã có được một ít kẹo để ăn, nên không còn khóc nữa.

Ngài đánh lễ và phụng trì pháp môn Thủ-lăng-nghiêm đại định rất cung kính. Ngài đã tụng thuộc thân chú Thủ-lăng-nghiêm không sai sót một chữ nào, mỗi câu, mỗi chữ rất rõ ràng. Khi ngài tụng thân chú này bằng lời thì tâm ngài tập trung chuyên nhất không và không khởi ác nghiệp nơi thân. Nên ba nghiệp nơi thân, khẩu, ý hoàn toàn thanh tịnh khi tụng thân chú Lăng Nghiêm này.

Ở trong đại chúng lại bạch Phật rằng:

Một lần nữa ở trong đại chúng, A-nan lại bạch Đức Phật.

Quý vị không nên hiểu sai ý nghĩa này. Khi ngài A-nan từ trong đại chúng, lại thưa hỏi một lần nữa, đó chắc chắn không phải là một dạng khoe khoang, không phải là ngài A-nan muốn đại chúng chú ý đến mình. Thế A-nan làm vì mục đích gì? Ngài thay mặt cho toàn

chúng sinh mà cầu thỉnh Đức Phật chỉ dạy giáo pháp. Ngài làm việc đó không chỉ riêng cho ngài, mà cho toàn thể quý vị và tôi, cho tất cả những người thiết tha tu đạo trong đời này. Ngài nghĩ rằng: “Ồ! Trong tương lai, sẽ có một pháp hội giảng kinh ở nước Mỹ. Có người sẽ giảng Kinh Thủ-lăng-nghiêm và có người sẽ không hiểu được toàn thể ý chỉ của Kinh này, nên ta phải vì họ mà cầu thỉnh Thế tôn chỉ dạy rõ ràng điểm này.” Chúng ta nên hết sức tri ân ngài A-nan.

Ngài A-nan nói: **“Nhu Đức Phật đã dạy, trong tướng của ngũ âm: sắc âm, thọ âm, tưởng âm, hành âm và thức âm có năm thứ hư vọng, vốn có cội gốc là tâm vọng tưởng của chính mình. Mỗi một thứ trong năm âm lại chia thành mười loại ma cảnh. Chúng con trước đây chưa từng được may mắn nghe lời khai thị vi diệu của Như Lai như vậy.**

Tất cả những người trong đại chúng từ trước đến nay, trong cuộc sống bình thường hằng ngày, chưa từng nghe được Đức Phật giảng dạy những điều vi diệu như thế.

Chúng con bình thường chưa từng được được nghe lời khai thị vi diệu của Như Lai.

Chúng con thực sự đạt được những điều chưa từng có. Thân tâm chúng con vô cùng thư thái và an nhiên.

Kinh văn:

又此五陰，為併銷除，為次第盡。如是五重，詣何為界？

*Hựu thử ngũ âm, vi tính tiêu trừ, vi thứ đệ tận.
Nhu thị ngũ trùng, nghệ hà vi giới?*

Việt dịch:

Lại nữa, năm thứ âm này được tiêu trừ một lần hay lần lượt theo từng thứ lớp. Giới hạn của năm lớp ấy là gì?

Giảng:

Lại nữa, năm thứ âm này. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức âm được tiêu trừ một lần. Liệu chúng ta có thể phá trừ năm thứ ấy cùng một lúc hay lần lượt theo từng thứ lớp. Nó chuyển hóa dần dần, theo một thứ tự nhất định từng lớp từng lớp một hay sao? Giới hạn của năm lớp ấy là gì? Cái gì là giới hạn của năm lớp ấy.

Kinh văn:

惟願如來，發宣大慈，為此大眾，清
明心目，以為末世一切眾生，作將來眼。

*Duy nguyện Như-lai, phát tuyên đại từ, vi thử đại
chúng, thanh minh tâm mục, dĩ vi mạng thế nhất thiết
chúng sinh, tác tương lai nhãn.*

Xin nguyện Như Lai, mở lòng đại từ, làm cho tâm và mắt của đại chúng đây được trong sáng, để làm đạo nhãn tương lai cho hết thảy chúng sinh trong đời mạng pháp.

Giảng:

Xin nguyện Như Lai, mở lòng đại từ. Cúi mong Như Lai, mở lòng đại từ giảng nói nghĩa này, ước nguyện duy nhất của chúng con là mong Như Lai mở

rộng tâm đại từ, giảng nói nghĩa này cho chúng con. **Làm cho tâm và mắt của đại chúng đây được thanh tịnh và sáng suốt.** Nếu tâm quý vị chưa có được sự hiểu biết chân chánh, thì rất khó tu tập. Nếu mắt quý vị bị ô nhiễm bởi trần cấu, thì khó thấy được sự vi diệu của vạn pháp.

Thế nên, A-nan thưa hỏi để được chỉ bày cho tâm và mắt của đại chúng được thanh tịnh, không những Ngài chỉ muốn cho tâm và mắt của đại chúng được thanh tịnh, mà còn muốn cho tâm và mắt của hết thảy chúng sanh cũng được thanh tịnh. Ngài cũng cầu thỉnh Đức Phật chỉ dạy. Để làm con mắt sáng của hết thảy chúng sinh trong đời vị lai. Nghĩa là làm con mắt đạo cho quý vị, cho tôi và cho tất cả chúng sanh trong hiện tại. Chúng ta đều được xác định trong số chúng sanh ấy. Dù quý vị có muốn loại trừ mình ra khỏi cũng không được. Nếu quý vị nói: “Đừng kể tôi vào đó, tôi không phải là thành viên trong số chúng sanh mà các ông đề cập đến.” Thế tôi hỏi quý vị. Quý vị là ai? Nói nhanh! Cho dù quý vị không muốn như thế, quý vị cũng không thể nào tránh khỏi. Dù quý vị có mọc thêm cánh, cũng không thể bay thoát được. Dù có lên cung trăng, quý vị cũng vẫn là chúng sinh, mà chẳng là loại gì khác. Thế nên, tốt hơn là hãy chấp nhận mình là thành viên trong số chúng sanh này, đừng trốn chạy. Tốt nhất là quý vị không nên phát khởi tập khí sân hận, hành xử thô tháo. Quý vị đừng nên có cảm giác mình như là chiếc bánh rán nóng hổi trong chảo dầu. Điều đó trông rất chướng.

Để làm đạo nhãn tương lai cho hết thấy chúng sinh trong đời mạt pháp.

A-nan nói: “Làm con mắt cho chúng con và cho chúng sanh trong đời vị lai.” Sứ mệnh chưa chấm dứt ở nơi đây: “Con mắt cho tương lai” có nghĩa là tiếp tục cho đến đời vị lai. Xác định đó là một thời gian chưa đến.

Khi quý vị nghe điều này, có nghĩ rằng nó kỳ diệu không? Nó có ý nghĩa gì không? Khi quý vị cười, mọi người không hiểu tiếng Trung Hoa đều cảm thấy lúng túng, không hiểu quý vị cười chuyện gì? Vậy nên, phải phiên dịch điều đó ngay!

Kinh văn:

佛告阿難，精真妙明，本覺圓淨，非留死生，及諸塵垢，乃至虛空，皆因妄想之所生起。

Phật cáo A-nan, tính chân diệu minh, bản giác viên tịnh. phi lưu tử sinh, cập chư trần cấu, nãi chí hư không, giai nhân vọng tưởng chi sở sinh khởi.

Việt dịch:

Đức Phật bảo A-nan, tính tinh chân là diệu minh, tính bản giác là viên tịnh, không lưu lại sinh tử và các trần cấu, cho đến cả hư không, đều nhân vọng tưởng mà sinh khởi ra.

Giảng:

Đức Phật bảo A-nan, tính tinh chân là diệu minh, tính bản giác là viên tịnh, không lưu lại sinh tử và các trần cấu.

Trạng thái này ra sao? Nó chính là cảnh giới của bản giác diệu minh, tinh thuần chân thật và thanh tịnh viên mãn. Sinh tử không tồn tại trong cảnh giới này và các cấu nhiễm cho đến cả hư không.

Đó chính là Như Lai tạng tánh. Là bản thể của chân như, là Phật tánh mà mỗi chúng ta đều có sẵn. Cái đó chẳng phải là quý vị có mà tôi không, chẳng phải mà quý vị không có mà tôi lại có. Tất cả chúng ta đều thừa hưởng được bản giác diệu minh tinh thuần, chân thật, thanh tịnh, viên mãn này. Trong đó không nhiễm một mảy bụi trần. Trong đó không một pháp có thể lập được. Chẳng có gì trong đó. Nếu quý vị trở về được nơi bản nguyên của mình, thì quý vị sẽ thoát khỏi vô minh, phiền não, tham dục, mê muội, vọng tưởng. Quý vị hoàn toàn tự tại đối với những thứ ấy. Đó là cảnh giới hoàn toàn tuyệt đối thanh tịnh. Đó là mục tiêu của người tu đạo, tất cả là để trở về tự tánh vốn có của chính mình. Nếu quả thực nơi này không tồn tại, thì người ta đâu cần tu hành làm gì?

Cho đến cả hư không, đều nhân vọng tưởng mà sinh khởi ra.

Chúng ta ai cũng đều thấy hư không. Nhưng quý vị có biết hư không từ đâu tới chẳng? Các thứ ấy đều sinh khởi từ vọng tưởng. Hư không sinh khởi từ vọng tưởng của chúng ta. Do những vọng tưởng này mà có ngũ âm, ngũ trược, lục kết. Vọng tưởng gây nên biết bao thứ phiền não. Điều này giống như người lãng xăng muốn làm một việc gì đó trong khi chẳng có gì

cần phải làm cả. Tại sao như vậy? Vì quý vị chẳng có việc gì cần phải làm cả, nhưng lại muốn kiếm việc để làm. Nếu như quý vị nhận được phần thưởng khi làm việc thì còn có thể được. Nhưng đáng tiếc là quý vị càng làm bao nhiêu, càng mất bấy nhiêu. Nếu quý vị làm công cho người khác, quý vị càng làm, càng thấy thiếu tiền. Cũng như khi điều hành việc thương mại. Càng buôn bán lâu, lỗ vốn càng nhiều. Quý vị sẽ bị thua thiệt như thế mãi cho đến khi *tánh Như Lai tạng* bị đè bẹp dưới chân ngọn núi của ngũ uẩn. Khi điều này xảy ra, giặc cướp từ sáu căn, sáu trần chiếm giữ ngọn núi, năm uẩn làm nơi sào huyệt kẻ ẩn náu. Mà đi khắp nơi để cướp bóc. Hãy xem thử tại sao suốt từ hồi nào đến giờ, quý vị lại chiêu tập và cho kẻ cướp trú ngụ nơi mình?

Ban đầu quý vị buôn bán kinh doanh nhưng rồi vốn liếng mất dần và bây giờ nó làm tán thân mất mạng luôn. Kẻ cướp đi khắp nơi phá nhà cướp của, giết hại chúng sinh. Vậy mà tự tánh của quý vị lại bị nén ép dưới chân năm ngọn núi ngũ âm. Sáu căn và sáu trần là những tên giặc cướp đi khắp nơi để phá nhà cướp của. Quý vị có biết chuyện ấy chẳng? Nếu biết được nghĩa lý này, thì tôi khỏi phải phí công giảng kinh nữa. Nếu quý vị chưa hiểu, thì phải học thêm.

Kinh văn:

斯元本覺，妙明真精，妄以發生諸器
世間，如演若蓬多，迷頭認影。

Tư nguyên bản giác, diệu minh chân tinh, vọng dĩ phát sinh chư khí thể gian, như Diễn-nhã-đạt-đa, mê đầu nhận ảnh.

Việt dịch:

Tất cả cái ấy, gốc nơi bản giác diệu minh chân tinh, do vọng tưởng mà phát sinh khí thể gian, như Diễn-nhã-đạt-đa mê đầu mà nhận bóng.

Giảng:

Tất cả cái ấy, gốc nơi bản giác diệu minh chân tinh.

Cội gốc của bản giác trong ấy không một pháp nào được lập. Tính chất của bản giác vốn sáng suốt vi diệu, tinh thuần chơn thật. **Do vọng tưởng mà phát sinh khí thể gian.** Do vọng tưởng mà phát sinh các vật tượng thể gian.

Vọng nương nơi chân mà sinh khởi. Vọng sinh khởi trong Như Lai Tạng tánh.

“Hữu tình thể gian” là hết thảy các loại sinh vật có tình thức và “khí thể gian” là các vật tượng trong đời đất như sông núi nhà cửa đất đai...

Như Diễn-nhã-đạt-đa mê đầu mà nhận bóng.

Như chàng Diễn-nhã-đạt-đa¹ làm tướng mình mắt đầu khi nhìn thấy bóng của mình trong gương. Diễn-nhã-đạt-đa một sáng thức dậy, soi mình trong gương, thấy người trong gương có đủ mắt, tai, miệng, mũi, và

¹ Yajñadatta. Còn có âm là Diên-nhã-đạt-đa 延若達多, Da-nhã-đạt-đa 耶若達多. Hán dịch là Từ tiếp 祠授.

anh ta la lên: “Tại sao ta không có cái đầu như vậy? Người trong gương có đầu, tại sao ta lại không?” Thế là anh ta chạy đi khắp nơi để kiếm cái đầu. Quý vị có nghĩ rằng đầu anh ta có thật sự biến mất như thế không? Nếu không hãy tự mình suy nghĩ lại.

Loại người nào giống như Diễn-nhã-đạt-đa? Anh ta là người thông minh hay ngu si? Anh ta là người có đầu hay không có đầu? Nếu quý vị cho rằng anh ta không có đầu, liệu quý vị cho rằng anh ta là yêu quái khi thấy anh ta không? Hãy nghĩ kỹ về điều ấy.

Hôm nay là ngày bắt đầu một cuộc đời mới của mọi người đang có mặt tại đây. Vậy nên chúng ta cần nên rửa sạch thân tâm buôngbỏ hết tất cả những gì không thanh tịnh mà mình đã vướng vào trong quá khứ. Hãy dứt khoát rằng kể từ nay tất cả những việc mình làm đều là thanh tịnh. Nói “thanh tịnh” nghĩa là thoát khỏi ngũ độn sử: tham, sân, si, mạn, nghi.

Lễ truyền giới hôm nay là buổi lễ đầu tiên được tổ chức ở Mỹ. Quý vị là những người Phật tử đầu tiên ở Mỹ. Quý vị không nên nghĩ rằng sẽ có nhiều khó khăn, bất tiện trong việc tu tập đối với đối với hàng sơ tâm. Quý vị sẽ phải dấn thân vào khổ nhọc. Vì không có một dạng thức nào để mô phỏng theo cả. Không có những tiền lệ, nên quý vị sẽ không biết tu như thế nào, và làm việc gì?

Có khi quý vị thấy mất phương hướng, quý vị sẽ gây ra lỗi lầm mà không biết đó là sai phạm. Tại sao

vậy? Chỉ vì cơ bản là quý vị không biết mình đang làm gì và không biết học ở đâu.

Mặc dù Phật giáo Nhật Bản đã truyền đến Mỹ quốc trong thời gian khá lâu. Đó là một loại Phật Pháp như chất hóa học tổng hợp. Nói thế có nghĩa là nó có khuynh hướng trừu tượng, thiếu thực chất căn bản. Quý vị có thể gọi những gì họ làm là Phật pháp. Nhưng thật sự đó chẳng giống Phật pháp chân chính tí nào cả. Nhưng nếu quý vị cho đó là thế gian pháp. Thì họ sẽ bảo rằng: Đó là Phật pháp. Không dễ dàng để nói thật sự nó là gì. Vì không có một khuôn mẫu nhất định.

Do đâu mà không có? Vì nó không có một nền tảng chân thật. Chẳng hạn như có vị Hòa thượng người Cao Ly tuyên bố mình là người thuộc phái Thiền Tào Khê. Thật khó hiểu nổi dòng Thiền Tào Khê đã truyền bá đến Cao Ly như thế nào. Đây thật là trường hợp “treo đầu dê bán thịt chó.” Nhưng những thứ ông ta bán là đất bùn của xứ Cao Ly. Trong khi ông ta treo lên bảng “giọt nước của Tào Khê,” nhưng thật ra chẳng có giọt nước nào ở đó cả thì làm sao có thể gọi là Tào Khê được?

Thực ra tôi chẳng thích nói như thế này, nhưng tôi thấy những dạng người này thật đáng thương. Đó là trường hợp của người dui dẫn đường cho kẻ mù. Ông ta tuyên bố là người thuộc dòng thiền Tào Khê, và một số trí thức người Mỹ theo ông ta rồi cũng trở thành môn đồ của Tào Khê luôn. Nhưng khi hỏi nguồn gốc chính xác của Thiền Tào Khê thì họ không thể trả lời

được Tào Khê ở nơi nào? Nơi đó trông ra sao? Họ chẳng biết. Đây thật là sự giả mạo lộ bịch.

Nay quý vị đã thọ nhận giới luật từ một tông phái Phật giáo chân chính. Đây là Phật pháp chân chính, hoàn toàn khác hẳn với các giáo phái là đạo, lấy danh nghĩa Đạo để lừa lọc tài sản của mọi người. Chẳng hạn có nơi đã rao: “Trả cho tôi sáu mươi lăm đô la tôi sẽ truyền pháp cho bạn.” Ở đây không phải như vậy. Nay quý vị đã nhận giới y. Tiền mà quý vị cúng dường không phải cho tôi, mà để may sắm giới y này. Từ nay bất kỳ lúc nào tham dự pháp hội, quý vị cũng đều nên mang giới y. Đó là biểu lộ lòng tôn kính Phật Pháp Tăng.

Pháp hội này sẽ kết thúc vào ngày mai. Từ đây trở đi khi ở trong pháp hội người mang pháp y sẽ đứng trước, người mang thường phục đứng sau. Cũng vậy người thọ giới trước thì đứng trước, những người thọ giới sau thì đứng sau. Đây là thứ tự trong đạo Phật.

Hôm nay tôi xin chúc mừng tất cả quý vị đã trải qua suốt ba tháng tập trung tâm ý để học Kinh. Dù việc học chấm dứt, nhưng việc thực hành công phu thì mới bắt đầu. Thực hành điều gì? Quý vị phải giúp toàn thể chúng sanh trên thế gian này chấm dứt được khổ đau. Nỗi khổ của chúng sanh ấy chỉ được chấm dứt nếu mọi người đều góp sức vào. Nỗi khổ của kiếp người không hạn cuộc ở một quốc gia nào, con người bị khổ đau trên khắp cả thế giới, cho nên mới cần sự có mặt của các vị đại trí huệ để thức tỉnh, nhắc nhở đến sự khổ đau của nhân loại. Nhờ thế con người mới biết cách tìm cầu sự an lạc chân thực.

Nỗi khổ lớn nhất là gì? Nguồn gốc lớn nhất của khổ đau là tâm tham, Tham lam là một trong những phiền não lớn nhất. Tâm sân hận cũng là một trong những phiền não lớn, và si mê cũng là một trong những phiền não lớn, nên ba thứ tham, sân, si được gọi là ba món độc. Thế nhưng loài người lại thấy ba thứ này là ba người bạn thân thiết nhất. Thế nên từ nay bạn phải miễn cưỡng khi chia tay với các người bạn ấy.

Do thiếu hiểu biết, con người không từ bỏ được ba thứ độc này, nếu họ hiểu biết được điều này, sự khổ đau của con người sẽ được chấm dứt ngay.

Pháp hội Thủ-lăng-nghiêm lần này, chúng ta bắt đầu từ ngày 16 tháng 7. Chúng ta đã liên tục nghiên cứu cùng với công phu tu tập suốt từ sáu giờ sáng đến chín giờ tối mỗi ngày. Thời gian ba tháng này thật là giá trị vô cùng, bây giờ thời gian quý báu này đã trôi qua, quý vị phải chiêm nghiệm về những kiến thức quý báu này và ứng dụng vào việc tu tập ngay nơi thân tâm mình. Quý vị phải truyền đạt lại cho toàn thể nhân loại trên thế gian này về Phật Pháp mà quý vị đã học được. Để cho mọi người biết cách chuyển hóa khổ đau, biết cách đạt được niềm vui, biết cách đạt được trí tuệ, đừng nên làm những việc xuẩn ngốc hoặc làm những việc chẳng đem lại lợi lạc cho chúng sinh.

Pháp hội này được xem là một hình thức truyền bá Phật học đầu tiên trên toàn thế giới. Trước đây hoàn toàn chưa có, mặc dù có rất nhiều nơi giảng kinh pháp, nhưng ở đó không học từ sáng đến tối mà chẳng nghĩ

như chúng ta vừa học. Nay quý vị nên mang những điều mình đã được học ra cứu giúp cho toàn thể chúng sinh trên toàn thế giới đang phiêu dạt trong biển khổ, giúp họ thoát khổ, thấy được niềm an lạc và nhanh chóng đạt được đạo giác ngộ. Đó là hoài bão của tôi.

Kinh văn:

妄元無因，於妄想中，立因緣性，迷因緣者，稱為自然。彼虛空性，猶實幻生，因緣自然，皆是眾生妄心計度。

Vọng nguyên vô nhân, ở vọng tưởng trung lập nhân duyên tính, mê nhân duyên giả, xưng vì tự nhiên. Bĩ hư không tánh, do thực huyễn sinh, nhân duyên tự nhiên, giai thị chúng sinh vọng tâm kế độ.

Việt dịch:

Vọng vốn không có nhân, ở trong vọng tưởng mà lập ra tánh nhân duyên, mê tánh nhân duyên thì gọi đó là tự nhiên. Cả tánh hư không kia cũng sinh ra từ huyễn hóa, nên nhân duyên, tự nhiên đều là suy lường từ vọng tâm chúng sanh.

Giải:

Đoạn kinh này, nói về nhân duyên của vọng niệm, “nhân duyên” nghĩa là sao? Khi người ta không hiểu về lý nhân duyên, từ trong sự mê lầm này họ sẽ cho đó là tự nhiên, nên bị lạc vào tà kiến của ngoại đạo. Nên kinh văn nói:

Vọng vốn không có nhân, ở trong vọng tưởng mà lập ra tánh nhân duyên.

Vọng tưởng vốn không có nhân, từ trong vọng tưởng mà lập ra tánh nhân duyên.

Trong vọng tưởng của quý vị, vốn không có thực thể, nhưng quý vị cho rằng trong ấy có nhân và duyên, nhưng những người mê tánh nhân duyên gọi đó là tự nhiên.

Mê tánh nhân duyên thì gọi đó là tự nhiên.

Nếu quý vị hiểu rõ lý nhân duyên thì chẳng có vấn đề gì. Nhưng nếu có người mê mờ về lý nhân duyên thì chẳng hiểu rõ được chút nào lý này.

Quý vị có thể hỏi:

Bạch Hòa thượng: Rốt ráo nghĩa nhân duyên mà Ngài nói là gì?

Lí nhân duyên đã được giảng giải rất rõ trong phần trước. Đó là pháp đề bài xích tà thuyết ngoại đạo, tà kiến của Tiểu thừa, nên pháp ấy chẳng phải là giáo lý thân diệu. Cơ bản giáo lý ấy cho rằng: Bất luân nhân như thế nào thì duyên sẽ như thế ấy. Những người không hiểu được lý nhân duyên sẽ gọi đó là tự nhiên.

Đó là trường hợp nuốt luôn cả trái chà là.¹ Nghĩa câu đó là sao? Có thể quý vị chưa biết trái chà-là. Nhưng quý vị có thể hiểu như khi ăn trái táo mà không cần cắn từng miếng, mà nuốt luôn nguyên cả trái vậy. Mùi vị trái táo ra sao, cũng chẳng cần biết nữa. Đây là

¹ Nguyên văn Anh ngữ: *Swallowing the date whole (jumping to conclusions)*. Hán: Hốt luân 囫圇, 囫圇吞棗 Nuốt tròng quả táo. Có nghĩa là tiếp thu một cách bừa bãi.

ví như những người mê lầm lý nhân duyên mà chẳng hiểu gì về nó cả, nên gọi đó là tự nhiên, Đó là một tà thuyết của ngoại đạo.

Cả tánh hư không kia cũng sinh ra từ huyễn hóa, nên nhân duyên, tự nhiên đều là suy lường từ vọng tâm chúng sanh.

Nay chẳng nói đến nhân duyên, chẳng nói đến tự nhiên, mà đề cập đến hư không. Hư không là gì? Nó theo vọng tưởng của quý vị mà sanh khởi ra, như bài kệ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã nói trong đoạn trước:

Không sanh đại giác trung

Như hải nhất âu phát.

Nghĩa là: Hư không sanh trong biển đại giác, cũng như hòn bọt nhỏ trong lòng đại dương. Hư không ở trong bản tánh giác ngộ lớn chỉ như là bọt nước trong biển mênh mông, nên nói nó xuất sanh từ vọng tưởng.

Kinh văn:

阿難，知妄所起，說妄因緣。若妄元無，說妄因緣，元無所有。何況不知，推自然者？

A-nan, tri vọng sở khởi, thuyết vọng nhân duyên. Nhược vọng nguyên vô, thuyết vọng nhân duyên, nguyên vô sở hữu. Hà hướng bất tri, suy tự nhiên giả?

Kinh văn:

A-nan, đã biết do vọng sanh khởi ra, mà nói nhân duyên vọng. Nếu vọng vốn không thì nhân

duyên vọng đó vốn là chẳng có. Huống gì những người không biết, cho đó là tự nhiên.

Giảng:

A-nan, đã biết do vọng sanh khởi ra, mà nói nhân duyên vọng.

A-nan, nếu ông biết nơi sanh khởi của vọng tưởng thì ông có thể nói về nhân duyên của vọng tưởng ấy.

Quý vị có biết vọng tưởng hiện hữu như thế nào không? Nếu quý vị biết nơi vọng tưởng sanh khởi, thì quý vị có thể nói về nhân duyên.

Nếu vọng vốn không thì nhân duyên vọng đó vốn là chẳng có.

Nhưng nếu vọng tưởng không có nhân thì ông có thể nói rằng nhân duyên của vọng tưởng vốn là không vậy.

Vốn xưa nay chưa từng có vọng tưởng, vậy ông căn cứ vào đâu để nói về nhân duyên của vọng tưởng. Vì vọng tưởng vốn không thể tánh, nó chẳng có gốc. Vọng tưởng ấy chẳng phải có thực. Tất cả các pháp đều không có tướng nhất định.

Huống gì những người không biết, cho đó là tự nhiên

Những người không biết lại biện bác cho đó là tự nhiên.

Nếu quý vị còn không biết lý nhân duyên mà lại biện bác cho lý tự nhiên thì quý vị sẽ rơi vào hàng ngoại đạo. Điều ấy hoàn toàn không nên.

Kinh văn:

是故如來，與汝發明，五陰本因，同是妄想。

Thị cố Như Lai, dĩ nhữ phát minh, ngũ âm bản nhân, đồng thị vọng tưởng.

Thế nên Như Lai giải bày cho các ông rõ bản nhân của ngũ âm đều là vọng tưởng.

Giảng:

Thế nên Như Lai giải bày cho các ông rõ bản nhân của ngũ âm đều là vọng tưởng.

Do lý nhân duyên đã được giảng ở phần trước Như Lai giải bày cho các ông rõ bản nhân của ngũ âm đều là vọng tưởng.

Cái gì là bản nhân của ngũ âm? Đó là vọng tưởng. Nếu quý vị quán chiếu thật sâu vào vọng tưởng quý vị sẽ thấy nó không có thực thể riêng biệt. Thực ra mẹ của vọng tưởng là năm uẩn. Từ năm uẩn mà có vọng tưởng. Nương nơi chơn mà vọng sanh khởi.

Trước đây tôi chẳng nói rồi đó sao? Ngọn núi ngũ uẩn đang đè bẹp quý vị. Lại có sáu tên giặc cướp trên núi đang chiêu tập lực lượng, binh mã, lương thực rồi đi khắp nơi phá nhà cướp của, chúng nó không chờa một việc gì mà không làm. Năm ngọn núi ngũ uẩn ấy che phủ tánh Như Lai tạng, nên tánh Như Lai tạng không hiển lộ ra được. Chỉ với năm ngọn núi ngũ uẩn che mờ chân tánh đã quá khổ rồi mà lại còn thêm sáu tên giặc cướp kết bè đảng rồi mặc sức đi phá nhà cướp

của nữa. Tánh Như Lai tạng hoàn toàn bị che khuất dưới lũ cướp này. Nếu quý vị có thể hàng phục được sáu tên giặc cướp và ngũ âm thì tánh Như Lai tạng của quý vị sẽ tự nhiên hiển bày. (40)

Kinh văn:

汝體先因，父母想生。汝心非想，則不能來，想中傳命。

Nhữ thể tiên nhân, phụ mẫu tưởng sinh. Nhữ tâm phi tưởng, tắc bất năng lai, tưởng trung truyền mệnh.

Việt dịch:

Thân thể của ông, trước là nhân cái tướng của cha mẹ mà sanh ra. Tâm ông nếu không có một niệm tưởng nào, thì ông chẳng đến gá mạng vào nơi tướng.

Giảng:

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói với A-nan.

Thân thể của ông, trước là nhân cái tướng của cha mẹ mà sanh ra.

Nguyên nhân ban đầu của thân thể ông là do cái tướng của cha mẹ sanh ra. Bằng cách nào mà ông có được cái thân hiện tiền? Cái thân ấy do đâu mà có? Có là do mọi thứ tướng nơi cha mẹ ông. Trong kinh gọi là tướng nhưng thực ra chính là tình. Nói rõ ràng hơn là một thứ xúc cảm. Vì loài noãn sanh do tướng sanh ra, loài thai sanh do tình sanh ra. Ngài A-nan vốn được sanh từ bào thai, chẳng phải noãn sanh. Nên trong trường hợp này cái tướng làm nhân để Ngài sanh ra

chính là tình. Nói tóm lại. Tất cả những cái ấy đều là vọng tưởng. Nói ở mức độ sâu hơn, cái nhân ấy là tưởng và chi tiết hơn nữa thì gọi cái ấy là tình. Cái nhân ban đầu là tình của cha mẹ, nên họ cùng nhau thỏa mãn tình dục. Kết quả là đưa trẻ con được sanh ra, thế nên chẳng phải trẻ em được sanh ra từ tình hay sao?

Tâm ông nếu không có một niệm tưởng nào, thì ông chẳng đến gá mạng vào nơi tưởng.

Vì cha mẹ đã khởi cả tình lẫn tưởng nên mới có chuyện nam nữ. Tuy nhiên khi ông đang ở trong dạng thân trung ấm, nếu ông không khởi nên cái tình yêu mến mẹ và ghét cha, hoặc ghét mẹ và yêu thương cha, thì thân ông không thể hiện hữu được. Chính ông cũng vậy, mới ngay trong giai đoạn thân trung ấm thôi, mà ông đã có niệm tưởng về tình rồi.

Vì niệm tưởng về tình ấy, nên thân trung ấm của ông nhập vào thai người mẹ. Nếu ông không có niệm tưởng về tình ấy, thì ông không thể nhập thai và ông không thể có thân này. Đây là sự thực quá hiển nhiên, ông chẳng thể nào phủ nhận được điều ấy. Kinh văn xác định rằng, nếu ông không có tình tưởng, thì thân tuyệt đối không thể nào hiện hữu. Làm sao mà có thể ra đời được.

Sinh mạng của ông có được là do nơi tưởng.

Niệm tình tưởng ấy đã truyền sự sống đến cho quý vị. Nguyên nhân để quý vị có mạng sống là do các tình tưởng tương giao với nhau mà thành. Sinh mạng của ông có được là do nơi tưởng. Nghĩa là cái tưởng của

ông khiến cho sanh mạng của ông được tương tục. Nếu ông không có niệm tưởng nào thì sự sinh tử sẽ chấm dứt. Khi tưởng ám tiêu dung thì quý vị sẽ rời xa tất cả điên đảo mộng tưởng. Khi mọi vọng tưởng đều tiêu trừ rồi thì việc sanh tử nơi quý vị cũng chấm dứt luôn. Tại sao quý vị phải chịu trải qua sanh tử? Đơn giản là chỉ vì quý vị có quá nhiều vọng tưởng. Khi một niệm vọng tưởng dừng, thì niệm khác lại dấy lên giống như sóng, vọng tưởng sinh khởi kế tiếp nhau vô cùng tận, và nó khiến cho sanh mạng tương tục.

Kinh văn:

如我先言，心想醋味，口中诞生，心想登高，足心酸起，悬崖不有，醋物未来。汝體必非，虛妄通倫。口水如何因談醋出？

Như ngã tiên ngôn, tâm tưởng thố vị, khẩu trung diên¹ sinh, tâm tưởng đặng cao, túc tâm toan khởi, huyền nhai bất hữu, thố vật vị lai, như thể tất phi, hư vọng thông luân. Khẩu thủy như hà, nhân đàm thố xuất?

Việt dịch:

Như trước đây Như Lai đã nói, khi tâm tưởng đến vị chua, thì trong miệng tiết ra nước bọt, khi tâm tưởng đang leo cao thì lòng bàn chân cảm thấy

¹ 涎 Một âm là Tiên.

ròn rợn, mà độc cao chẳng có, vị chua cũng không thấy, thân thể của ông chẳng phải cùng loại với hư vọng, tại sao khi nghe nói đến vị chua thì nước bọt trong miệng tiết ra?

Giảng:

Triết lý được giảng giải trong kinh Thủ-lăng-nghiêm là vô cùng triệt để. Đó là điểm cao nhất của tất cả mọi thứ triết học, là chân lý tối thượng. Nhưng dĩ nhiên, chân lý tối thượng rốt ráo cũng chỉ là vọng tưởng. Kinh Thủ-lăng-nghiêm này chân thật khi mô tả mọi hiện tượng một cách thực tế như vậy. Nhưng nguồn cội của hiện tượng ấy là đâu ? Là vọng tưởng. Nguyên lý về sự xuất phát của mọi hiện tượng lạ lùng, nhưng nguồn gốc của những nguyên lý ấy cũng từ vọng tưởng. Nếu vọng tưởng sinh khởi thì nguyên lý ấy hiện hữu. Nếu không vọng tưởng thì nguyên lý ấy cũng không tồn tại.

A-Nan, như tôi đã nói trước. Ông có còn nhớ trước đây tôi đã nói với ông chuyện gì xẽ xảy ra khi tâm ông tưởng đến vị chua. Ông nghĩ: Ô! dấm ấy thật là chua! Ô! Quả mận này thật là chua chỉ cần cắn một miếng là tê cả răng! Ngay khi quý vị nghĩ về chuyện ấy, thì trong miệng tiết ra nước bọt. Miệng tiết ra nước bọt để tiêu hóa thức ăn. Lúc này không phải là đói mà quý vị nghĩ đến vị chua. Người Trung Hoa có thành ngữ “Uống dấm” là để cho những người hay ghen tức đố kỵ người khác làm tiết ra vị chua trong miệng quý vị.

Khi ông tưởng mình đang leo lên dốc cao, trong lòng bàn chân cảm thấy ròn rợn và trở lên yếu ớt. Quý vị có thể bị mất cân bằng và rơi từ bờ đá tới hẻm núi cả ngàn feet (1 foot = 0,3048 m). Quá nguy hiểm phải không.

Mà dốc cao cũng chẳng có, vị chua cũng không, núi cao thật ra không có ở đó, quý vị chỉ tưởng tượng đến nó mà thôi. Nhưng chỉ mới tưởng tượng thôi, mà bàn chân đã thấy ròn rợn lên rồi. Trên đã nói miệng tiết ra nước bọt khi nghĩ đến mận chua. Còn bây giờ chân căng đã có cảm giác ròn rợn khi nghĩ đến bờ dốc đá cao. Thế nào là lòng bàn chân quý vị có cảm giác ròn rợn ? Tôi sẽ kể cho quý vị nghe. Đến đây có người sẽ nói: Hòa Thượng tôi cần phải giải thích điều này, con đã hiểu được rồi, con đã ngộ được đạo lý này rồi. Trước đây Hòa Thượng đã giảng về sự hỗ dụng của các giác quan. Trường hợp này chắc chắn bàn chân cảm thấy chua vì nó có thể ăn được.”

Phải chăng sự thực là như thế hay sao ? Tôi không tin vào sự ngộ giải của ông như trên. Chẳng có một đạo lý nào như thế. Tôi không chấp nhận đạo lý như vậy, vì nó chỉ là vọng tưởng. Bàn chân chẳng thể nào ăn được. Trong sáu căn hỗ dụng là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Hoàn toàn không có bàn chân. Đó là lý do tại sao tôi tuyệt đối không thừa nhận kiến giải của ông, mà ông gọi là khai ngộ ấy.

Không có bờ đá dốc cao nào, cũng chẳng có trái mận chua nào, nước bọt và bàn chân ròn rợn và yếu đi

chính là do vọng tưởng. Nếu thân thể của quý vị không ra đời từ vọng tưởng hư dối, nếu thân xác ấy không kết bạn, không đồng loại với vọng tưởng thì tại sao nước trong miệng lại tiết ra khi nói đến vị chua? Nếu thân thể ấy không phải ra đời do vọng tưởng tình tưởng, thể tại sao dịch vị lại tiết ra trong miệng khi tôi nói đến vị chua? Vị chua chỉ là sự kiện được đề cập đến chứ nó không có thực. Nó chỉ là giả thuyết, tại sao lại tạo nên vị chua trong miệng ông? Có lẽ nào ông vẫn biện hộ rằng vị chua trong miệng ông và cảm giác ròn rợn ấy chẳng do từ vọng tưởng mà có chăng? Không! Vì nó hoàn toàn do vọng tưởng mà có.

Kinh văn:

是故當知，汝現色身，名為堅固第一妄想。

Thị cố đương tri, nhữ hiện sắc thân, danh vi kiên cố đệ nhất vọng tưởng.

Viết dịch:

Vậy ông nên biết, sắc thân hiện nay của ông, được gọi là vọng tưởng kiên cố thứ nhất.

Giải:

Vậy do những đạo lý được giảng ở trên ông nên biết, sắc thân hiện nay của ông, được gọi là vọng tưởng kiên cố thứ nhất.

Gọi là kiên cố cũng chỉ là cái tên. Thực ra cái tên ấy được tạo ra nhờ vào loại vọng tưởng thứ nhất đó là sắc ám.

Kinh văn:

即此所說，臨高想心，能令汝形，真受酸澁。

Túc thử sở thuyết, lâm cao tưởng tâm, năng linh nhữ hình, chân thọ toan sáp.

Việt dịch:

Như Lai đã nói trước đây, khi tâm ông tưởng đến một nơi cao là thân có cảm giác ròn rợn.

Giải:

Như Lai đã nói trước đây, khi tâm ông tưởng đến một nơi cao là thân có cảm giác ròn rợn.

Ở chương vừa rồi đã có nói, chỉ cần nghĩ về một nơi cao là chân có cảm giác ròn rợn và tê nhức.

Hãy tưởng tượng chính mình đang đứng trên bờ dốc cao dựng đứng; chỉ cần nói và nghĩ về điều ấy thôi cũng đủ làm cho lòng bàn chân quý vị thấy ròn rợn và tê nhức rồi. Quý vị cảm thấy rất khó chịu như thể cẳng chân không nâng đỡ nổi cái thân và có cảm giác muốn té. Nếu quý vị đi trên bờ đá cao và nhìn xuống dưới vực sâu không đáy, thì lòng bàn chân của mình sẽ có cảm giác như tê cứng lại. Mặc dù quý vị không có nguy cơ bị té mà quý vị cũng có cảm giác như thể mình sắp bị rơi vậy. Cảm giác này sở dĩ xuất hiện trong mình là do vọng tưởng. Chẳng hạn như quý vị có thể đi bộ hàng vạn dặm trên đất bằng mà bàn chân không hề có cảm giác tê rần, ròn rợn do vọng tưởng. Nhưng nếu quý vị

phải đi qua một cây cầu độc mộc bắc qua dòng sông nước chảy xiết ở phía dưới, thì quý vị sẽ bắt đầu suy nghĩ: “Ồ, nếu như ta bị rơi xuống đây thì coi như xong đời, ta sẽ chết đuối là chắc chắn.”

Mọi việc đều tốt đẹp cho đến khi trong tâm quý vị khởi lên cái tưởng như thế. Bây giờ bất thình lình bàn chân quý vị trở nên tê cứng không nhấc nổi bư một bước, kết quả là bị rơi. Chuyện đó chắc chắn sẽ xảy ra, vì quý vị đã phát khởi tưởng như vậy. Nếu trong tâm quý vị không khởi dậy tưởng tượng mà chỉ đi với đôi mắt nhắm nghiền, không cần biết đến điều gì hết khi bước qua chiếc cầu độc mộc, thì chẳng có điều gì xảy ra cả. Nên hãy dứt khoát lần sau sẽ cố gắng đi qua cầu với đôi mắt nhắm. Nhưng rồi quý vị cũng sẽ bị té như lần trước, vì quý vị không thấy đường đi. Nếu quý vị đi qua cầu với đôi mắt mở, quý vị sẽ khởi vọng tưởng về dòng nước cuộn cuộn phía dưới khiến mình sợ hãi. Nếu quý vị nhắm mắt đi qua cầu, chắc chắn là bị trượt và rơi xuống sông.

Cho nên mở mắt mà không vọng tưởng và đừng nhắm mắt để cố giết chết vọng tưởng theo cách ấy là hoàn toàn không có hiệu quả. Đây thật là vấn đề tiến thoái lưỡng nan. Nếu quý vị khởi vọng tưởng thì lòng bàn chân sẽ trở nên tê rợn. Nếu nhắm mắt quý vị sẽ rơi xuống vực sâu. Nhắm mắt không giải quyết được vấn đề. Do vậy, điều tối quan trọng là ở nơi đây, tốt nhất là không khởi vọng tưởng thì chẳng có việc gì xảy ra cả.

Kinh văn:

由因受生，能動色體。汝今現前，順益違損，二現驅馳。名為虛明第二妄想。

Do nhân thọ sinh, năng động sắc thể. Nhữ kim hiện tiền, thuận ích vi tổn, nhị hiện khu trì. Danh vi hư minh đệ nhị vọng tưởng.

Việt dịch:

Do các thứ cảm thọ sanh khởi, nó tác động đến sắc thân. Nên hiện nay, hai thứ cảm *thuận ích* và *vi tổn* đang thúc bách thân ông. Đó là là vọng tưởng hư minh thứ hai.

Giảng:

Do các thứ cảm thọ sanh khởi, nó tác động đến sắc thân.

Do đó mà các thứ cảm thọ sanh khởi và tác động đến thân ông. Khi sinh ra quý vị cảm thụ được sắc thân có hình và thể. Nên hiện tại ông theo đuổi những cảm thọ dễ chịu và khước từ những cảm giác khó chịu.

Nên hiện nay, hai thứ cảm *thuận ích* và *vi tổn* đang thúc bách thân ông.

Các ông thích những thứ thuận lợi cho mình (*thuận ích*) và không ưa những gì tổn hại cho mình (*vi tổn*).

Đó là là vọng tưởng hư minh thứ hai. Hai thứ cảm thọ, hai thứ vọng tưởng ấy thúc bách nơi thân ông, là lớp vọng tưởng thứ nhì. Đặc điểm của nó là hư minh.

Hư nghĩa là không có thực, nên loại ánh sáng này không có thực. Đây là loại vọng tưởng thứ nhì.

Kinh văn:

由汝念慮，使汝色身，身非念倫，汝身何因，隨念所使，種種取像，心生形取，與念相應？

Do nhữ niệm lự, sử nhữ sắc thân, thân phi niệm luân, nhữ thân hà nhân, tùy niệm sở sử, chủng chủng thủ tượng, tâm sinh hình thủ, dĩ niệm tương ưng?

Việt dịch:

Do những ý nghĩ sai sử thân ông, nếu thân ông không cùng dạng với niệm tưởng, sao lại theo vọng tưởng nắm bắt mọi thứ hình tượng, sanh tâm chấp giữ, cùng niệm tưởng tương ưng?

Giải:

Do những ý nghĩ sai sử thân ông.

Khi niệm tưởng sinh khởi, nó có thể sai sử thân ông. Những vọng tưởng này có thể điều khiển thân ông, nhưng thân ông thì không phải là tưởng. **Nếu thân ông không cùng dạng với niệm tưởng.** Nếu thân và tâm là hai vật thể khác biệt, thì làm sao mà nó lại biết lẫn nhau được?

Tại sao thân ông lại theo vọng tưởng và nắm bắt mọi thứ hình tượng?

Tại sao quý vị vừa khởi niệm thân liền theo niệm tưởng ấy mà hành động một cách tương ứng ngay liền?

Sanh tâm chấp giữ, cùng niệm tưởng tương ứng?

Một niệm sanh khởi thân liền tương ứng với hình tượng mà tâm vừa tưởng ra.

Tại sao thân của quý vị lại theo sự sai khiến của niệm tưởng. Ngay khi vừa khởi niệm thân ông liền muốn tương ứng ngay với vật tượng mà ông vừa tưởng ra. Tại sao hành động của thân lại hợp nhất với niệm tưởng? Tưởng là gì? Quý vị có thể có một niệm tưởng, hai niệm tưởng cho đến mười niệm tưởng, nhưng ở đây ý Kinh đề cập đến một niệm tưởng.

Trong *Kinh Nhân vương hộ quốc Bát-nhã*¹ nói có chín mươi sát-na² chỉ trong một niệm. Một sát-na là một thời gian cực kỳ ngắn, thế mà trong sát-na có chín trăm lần sanh tử, hay là chín trăm lần sinh diệt. Nên nói:

“*Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện
Lục căn hốt động bị vân già.*”

Nghĩa là: Một niệm không sanh khởi, thể tánh toàn chân hiển bày. Sáu căn vừa động, chân tánh liền bị mây mờ che phủ. Nếu quý vị giữ cho mình được nhất tâm, thì thể tánh chân thật sẽ hiển bày. Cái dụng lớn vô biên của chân tánh là Như Lai tạng. Đó là của báu vốn có trong nhà của quý vị. Đó là quê hương xán lạn rộng khắp, là mặt mũi từ khi cha mẹ chưa sanh ra, khi sáu

¹ E: *The Prajñā Sutra of the Humane King Who Protects His Country.*

² S: Kṣana 刹那, sát-na). Theo *Thám huyền ký* 探玄記, trong một khoảnh khắc gảy móng tay, có 60 sát-na (*U đàn chỉ khoảnh, hữu lục thập sát-na* 於彈指頃, 有六十刹那).

căn chỉ vừa dậy khỏi một niệm rất vi tế, thì thân tâm liền bị vây phủ bởi mây mù.

Nếu hành giả tu tập đạt đến mức không còn một niệm tướng nhỏ nhứt nào nữa, thì quý thần không thể nào đến gần người ấy được nữa. Nếu như một niệm không sinh, thì chẳng có niệm diệt đi. Nếu quý vị không thể ngăn ngừa đừng cho niệm sanh khởi, thì quý vị không thể nào ngăn cản được niệm ấy diệt đi. Đây là điểm rất quan trọng. Nếu quý vị hiểu được quy luật này, thì trong tâm quý vị không còn vọng tưởng, thể tánh toàn chân hiển bày. Nhưng khi sáu căn vừa động, tâm quý vị liền bị vây phủ bởi mây mù ngay.

Kinh văn:

寤即想心，寐為諸夢，則汝想念，搖動妄情。名為融通第三妄想。

Ngộ tức tưởng tâm,寐 vi chư mộng, tắc như tưởng niệm, dao động vọng tình. Danh vi dung thông đệ tam vọng tưởng.

Việt dịch:

Khi thức là tưởng tâm, khi ngủ là chiêm bao, nên niệm tưởng lay động vọng tình của ông. Đó gọi là dung thông vọng tưởng thứ ba.

Giải:

Khi thức là tưởng tâm.

Khi thức, thì tâm ông suy nghĩ.

Cách đây vài hôm, tôi đã giảng về Trang Công, người được sanh ra khi mẹ ông đang ngủ. Do đó mẹ

ông không bằng lòng về ông và thương quý người con thứ hai là Cung Thúc Đoạn hơn, bà mẹ muốn người con thứ này lên ngôi kế vị vua cha. Nên bà ta nhiều lần xin vua Vũ truyền ngôi cho con thứ thay vì truyền cho con trưởng. Nhưng vua Vũ không chịu, nên Trang Công được kế vị cha. Khi Trang Công lên ngôi, bà mẹ xúi Cung Thúc Đoạn âm mưu một cuộc tạo phản, nhưng vẫn thất bại. Đó là chuyện Trang Công. Khi quý vị thức, thì tướng âm điều khiển.

Khi ngủ là chiêm bao. Khi quý vị ngủ thì chiêm bao. *Tướng âm* tạo nên chiêm bao. Trước đây chúng ta đã nghe nói đến cách *tướng âm* tạo nên nhận thức về sự vật sai lệch trong chiêm bao. Chẳng hạn khi quý vị đang ngủ, có người đang giặt áo quần hay giã gạo bên bên, quý vị nghe như có tiếng chuông trống đang hòa nhau.

Nên vọng tướng lay động vọng tình của ông. Khi ông chiêm bao, tướng âm đã khiến ông nhận lầm chuông trống đang hòa nhau.

Đó gọi là dung thông vọng tướng thứ ba.

Đây là lớp vọng tướng thứ ba, tính chất của nó là dung thông.

Dung thông có nghĩa là cùng tác động lẫn nhau. Tướng âm vẫn hoạt động dù quý vị ngủ hay thức nên gọi tướng âm là “*dung thông*.” Có nghĩa hợp tác hỗ tương với nhau. Đây là vọng tướng thứ ba và nó có liên quan với *tướng âm*.

Kinh văn:

化理不住，運運密移。甲長髮生，氣銷容皺。日夜相代，曾無覺悟。

Hóa lí bất trụ, vận vận mật di. Giáp trường phát sinh, khí tiêu dung trứu. Nhật dạ tương đại, tăng vô giác ngộ.

Chuyển hóa không ngừng, xoay vần âm thầm dòi dỏi. Móng tay và tóc dài ra, khí lực suy tàn, da mặt nhăn nheo. Thay đổi ngày đêm, thế mà ông không hề thức tỉnh.

Giải:

Tiến trình chuyển hóa không ngừng.

Ngày đêm tương tục với nhau. Đó là hành âm, trôi chảy không ngừng như sóng gợn lăn tăn trên mặt nước. Khi niệm trước dừng, niệm sau liền sanh khởi. Khi niệm ấy qua đi, niệm kia liền đến. Nó sanh rồi diệt liên tục nhau.

Quá trình trao đổi và chuyển hóa này không bao giờ chấm dứt. Nó vận hành liên tục, không hề ngừng nghỉ.

Xoay vần âm thầm dòi dỏi. Âm thầm dòi dỏi rất vi tế.

Quý vị không thể nhận ra sự chuyển hóa ấy vì nó xảy ra rất là vi tế và rất âm thầm. Ngôi nhà đã được dọn đi mà quý vị không hề biết. Trông có vẻ khác lạ. Đó là sự chuyển hóa âm thầm.

Móng tay và tóc dài ra.

Trong hai ngày nếu quý vị không cắt móng tay. Sẽ thấy nó dài ra, một chút, sau ba ngày, nó dài hơn, sau bốn ngày dài hơn nữa. Mỗi ngày nó dài hơn ngày trước một chút. Nhưng quý vị có biết mỗi chút, mỗi giây nó dài ra bao nhiêu không?

Nếu trong một tháng quý vị không cắt tóc, nó sẽ dài ra chừng nửa inch.¹

Nhưng một ngày tóc dài ra bao nhiêu phân?

Quý vị chẳng biết. Quý vị nói “Được rồi, tôi sẽ đo.” Nhưng liệu có chính xác không? Quý vị có thể dùng computer để đo rồi xem thử computer có biết được chẳng?

Khí lực suy tàn.

Khí lực suy giảm hàng ngày, con người ai cũng sung mãn chân khí tiên thiên. Tuy nhiên về khi già, sinh lực ấy giảm dần, dù nó không mất hẳn nhưng trên đà xuống dốc.

Da mặt nhăn nheo.

Da quý vị trở nên bị nếp gấp như da gà, tóc trắng như lông hạc. Nét mặt của quý vị trở nên già cỗi, không thể nào trở lại thời thanh xuân được nữa. Thảm mỹ hoàn toàn bất lực để có thể chuyển một ông lão tám mươi thành người hai mươi tuổi.

Thay đổi liên tục ngày đêm.

Sự chuyển biến liên tục ngày đêm, móng tay dài ra, tóc bạc, khí lực suy giảm, da nhăn. Nó còn chính

¹ 1 inch = 2,54cm.

xác hơn cả đồng hồ. Nếu quý vị không lên giây đồng hồ thì đồng hồ nó sẽ đứng máy. Nhưng nếu quý vị không lên giây” tiến trình chuyển hóa vật chất” ấy nó vẫn hoạt động như thường, trừ phi quý vị chết đi. Khi quý vị chết, tiến trình ấy mới dừng hẳn.

Thế mà ông không hề thức tỉnh.

Nó theo đuổi quý vị suốt ngày đêm. Từ khi thiếu niên đến tráng niên, cho đến tuổi già cả đến lúc chết. Chết rồi lại tái sinh, rồi lại phải chết quý vị trải qua vô số lần sanh tử như vậy mà không hề biết rõ được nguyên lý này, vẫn cứ bước đi một cách rất hồ đồ đến suốt đời suốt kiếp. Mê mờ lúc sinh ra cho đến luôn cả lúc ra đi. Đó là những chi tiết về loại vọng tưởng từ hành âm phát sanh.

Kinh văn:

阿難，此若非汝，云何體遷？如必是真，汝何無覺？

A-nan, thử nhược phi nhữ, vân hà thể thiên. Như tất thị chân, nhữ hà vô giác?

Việt dịch:

A-nan, nếu những thứ này chẳng phải là ông, tại sao thân ông lại biến đổi? Nếu chắc thật là ông, sao ông không biết?

Giải:

A-nan nếu những thứ này chẳng phải là ông, thì tại sao thân ông lại biến đổi?

Thân thể quý vị đều trải qua các dạng biến chuyển này. Tóc móng dài ra, khí lực tổn giảm, da mặt nhăn nheo. Quý vị nói rằng móng tay chẳng phải là của mình. Thế tại sao nó vẫn tiếp tục dài ra? Quý vị nói tóc không phải là của mình. Thì tại sao nó vẫn tiếp tục dài ra trên đầu mình? Quý vị nói khí lực không phải là của mình. Tạo sao đôi khi quý vị thấy yếu khi khí lực không đầy đủ? Nếu khuôn mặt không phải là quý vị thì làm sao nó lại trở nên nhăn nheo? Nếu quý vị cho rằng sự nhăn nheo ấy chẳng liên quan gì đến mình cả, thì tại sao da mặt của quý vị lại trở nên nhăn nheo? Tại sao những sự chuyển biến lại xảy ra trên người của quý vị? Nếu những sự chuyển biến này chẳng phải là nơi quý vị, thì làm sao thân thể của quý vị lại chịu sự thay đổi. Từ tuổi thành niên chuyển sang tuổi trung niên. Từ tuổi trung niên chuyển sang già lão. Từ già lão chuyển đến cái chết. Quý vị chẳng thể nào nói rằng những cái ấy chẳng phải là ta. Nếu nó không phải là mình thì quý vị chẳng có thực.

Nếu vọng tưởng chắc thật là ông, sao ông không biết?

Nếu cứ khẳng khẳng cho rằng vọng tưởng chắc thật là ông, sao ông không biết.

Tại sao quý vị không biết được nó? Tóc, móng mọc dài ra, nhưng quý vị không biết được điều đang xảy ra. Khí lực suy giảm, mà quý vị vẫn không nhận biết. Da mặt trở nên nhăn nheo, nhưng quý vị cũng không phát hiện được. Quý vị cũng chẳng biết được sự chuyển biến ấy diễn ra khi nào.

Đây là một phản luận hai đầu. Nếu quý vị nói rằng sự chuyên biến ấy thuộc về mình thì sai, nhưng nếu quý vị nói nó chẳng thuộc về mình cũng sai luôn. Thế thì nó là gì? Nó là vọng tưởng! Đó là căn gốc. Vọng tưởng đã tạo nên mọi sự chuyên biến.

Kinh văn:

則汝諸行，念念不停。名為幽隱第四妄想。

Tắc nhữ chư hành, niệm niệm bất đình. Danh vi uẩn đệ tứ vọng tưởng.

Việt dịch:

Ắt là hành âm của ông tương tục không dừng trong mỗi niệm. Đó là vọng tưởng thứ tư, tính chất là vi tế và ẩn mật.

Giảng:

Ắt là hành âm của ông tương tục không dừng trong mỗi niệm. Đó là vọng tưởng thứ tư, tính chất là vi tế và ẩn mật.

Hành âm hoạt động liên tục, nhưng sự nhiễu động vi tế ấy không dễ gì nhận ra. Nó bí ẩn mà mờ mịt, quý vị khó nhận ra được. Đây là loại vọng tưởng thứ tư liên quan với hành âm.

Kinh văn:

又汝精明，湛不搖處，名恒常者，於身不出，見聞覺知。若實精真，不容習妄。

Hữu nhữ tinh minh, trạm bất dao xú, danh hằng thường giả, ư thân bất xuất, kiến văn giác tri. Nhược thực tinh chân, bất dung tập vọng.

Việt dịch:

Lại chỗ tinh minh lóng lạng, không dao động của ông, gọi là là thường còn, thì nơi thân ông, chẳng ra ngoài sự thấy nghe, hiểu biết. Nếu nó thật sự là tính chân, thì đã không dung chứa tập khí vọng tưởng.

Giảng:

Lại chỗ tinh minh lóng lạng, không dao động của ông, gọi là là thường còn, thì nơi thân ông, chẳng ra ngoài sự thấy nghe, hiểu biết.

Cuối cùng nơi chỗ sáng suốt tinh thuần lạng yên không dao động ấy là thường, thì thân ông chẳng thoát ra khỏi sự thấy nghe, hiểu biết.

Lúc này, quý vị sẽ cảm thấy sáng suốt, tinh thuần, trong lạng, không diêu động. Nếu quý vị cho đây là trạng thái thường hằng, thì những việc thấy nghe hiểu biết lẽ ra có trong thân quý vị.

Nếu nó thật sự là tính chân, thì đã không dung chứa tập khí vọng tưởng.

Nếu nó thật sự tinh thuần, chân thật, thì nó đã không có các tập khí và vọng tưởng.

Tập khí và vọng tưởng lẽ ra đã không sanh khởi.

Kinh văn:

何因汝等，曾於昔年，覩一奇物，經歷年歲，憶忘俱無；於後忽然，覆覩前

異，記憶宛然曾不遺失？則此精了，湛不搖中，念念受熏，有何籌算？

Hà nhân nhữ đấng, tàng u tích niên, đồ nhất kì vật, kinh lịch niên tuế, ức vọng câu vô; u hậu hốt nhiên, phúc đồ tiền di, kí ức uyển nhiên, tàng bất di thất? Tắc thử tinh liễu, trạm bất dao trung, niệm niệm thọ huân, hữu hà trừ toán?

Việt dịch:

Do đâu mà các ông, trong những năm trước đã từng thấy vật lạ, trải qua nhiều năm, chẳng để ý đến; rồi sau bỗng dưng, thấy lại vật lạ đó, liền nhớ rõ ràng, không hề thiếu sót? Vậy trong tính tình mình đứng lặng, trọn không dao động ấy, đã chịu sự huân tập trong từng niệm, đâu có trừ tính gì?

Giảng:

Do đâu mà các ông, trong những năm trước đã từng thấy vật lạ, trải qua nhiều năm, chẳng để ý đến;

Nhân đâu mà nó xảy ra, do ông từ trong quá khứ đã từng thấy vật lạ. Lâu rồi bỗng quên đi. Chẳng quên chẳng nhớ đến vật đó nữa.

Nguyên nhân của việc này là gì? Quý vị có thể thấy một vật kỳ quái, nhưng sau nhiều năm, quý vị chẳng nhớ chẳng quên gì đến vật ấy nữa cả. Nếu quý vị nói rằng mình đã quên việc ấy, có nghĩa là quý vị vẫn còn một vài hồi ức về sự kiện đã xảy ra. Nhưng mà ở đây chẳng có việc nhớ quên gì về sự việc đó nữa cả.

Rồi sau bỗng dưng, thấy lại vật lạ đó, liền nhớ rõ ràng, không hề thiếu sót. Nhưng rồi sau đó bỗng nhiên thấy lại vật lạ ấy, ông liền nhớ lại vật ấy một cách rõ ràng không sót một chi tiết nào cả.

Nếu quý vị bỗng dưng thấy lại vật ấy lần nữa, thì quý vị sẽ hỏi tưởng lại làm sao mình biết được vật ấy, mình đã gặp vật này trong quá khứ và làm sao nó xuất hiện. Quý vị sẽ chẳng quên một chi tiết nào cả.

Làm sao mà ông có thể theo dõi được sự huân tập của từng niệm từng niệm ở trong tánh chất tinh thuần, sáng suốt không điều động ấy.

Vậy trong tính tinh minh đứng lặng, trọn không dao động ấy, đã chịu sự huân tập trong từng niệm, đâu có trừ tính gì?

Ở trong trạng thái trong suốt không điều động ấy, có sự huân tập tiếp diễn liên tục trong từng niệm từng niệm, làm sao theo dõi được việc ấy? Làm sao người ta có thể hỏi tưởng lại được mọi sự kiện? Giải thích như thế nào khi đã gạt bỏ hoàn toàn mọi vật ra khỏi tâm trí lại còn nhớ khi thấy lại nó? Trước khi thấy lại vật ấy, quý vị không gọi lại nó, nhưng một khi quý vị đã gặp nó, quý vị tự động nhớ đến nó liền. Làm sao mà chuyện ấy được tính toán kỹ lưỡng như vậy? Ai có thể lưu trữ điều này một cách chính xác? Ai theo dõi việc này? Điều này chứng tỏ cho dù quý vị có tạm thời quên nó, nhưng thức thứ tám vẫn nhớ. Đó là lý do tại sao khi quý vị thấy vật ấy lại, quý vị liền nhớ ngay. Đó chẳng phải

là có người đã theo dõi mọi sự việc hay sao? Nó đã được lưu giữ trong thức thứ tám một cách tự nhiên.

Kinh văn:

阿難當知，此湛非真，如急流水，望如恬靜，流急不見，非是無流。若非想元，寧受想習？

A-nan đương tri, thủ trạm phi chân, như cấp lưu thủy, vọng như điềm tĩnh, lưu cấp bất kiến, phi thị vô lưu. Nhược phi tướng nguyên, ninh thọ tướng tập.

Việt dịch:

A-nan nên biết trạng thái trong lặng ấy là không thực, như dòng nước chảy nhanh, xa trông như đứng lặng, do chảy nhanh mà không thấy được, chứ không phải là nước không chảy. Nếu đây không phải là cội gốc của vọng tưởng, có sao lại bị huân tập bởi tập khí hư vọng?

Giải:

A-nan nên biết trạng thái trong lặng ấy không thực.

Trạng thái yên tĩnh trong lặng, không diêu động đã được miêu tả ở trên không thực sự hoàn toàn tĩnh lặng. Tại sao không?

Như dòng nước chảy nhanh, xa trông như đứng lặng, do chảy nhanh mà không thấy được, chứ không phải là nước không chảy.

Như dòng nước chảy quá nhanh nên ở trên bề mặt thấy như yên lặng. Khi nhìn kỹ vào đó như thể không

có sóng và nước chảy. Vì nước chảy quá nhanh nên không thấy được, chứ không phải là nước không chảy.

Vì không có sóng nên quý vị không thể thấy được nước đang trôi. Nhưng như thế không có nghĩa là không có sự trôi chảy. Nước vẫn chảy, nhưng quý vị không thấy vì không có sóng. Trước đây chúng ta đã học qua hành âm. Nay chúng ta sẽ học về thức âm.

Nếu đây không phải là cội gốc của vọng tưởng thì làm sao người ta bị huân tập bởi những tập khí hư vọng?

Nếu không có vọng tưởng trong thức âm, thì sẽ chẳng có ai bị ảnh hưởng và huân tập bởi vọng tưởng và tập khí.

Kinh văn:

非汝六根，互用合開，此之妄想，無時得滅。

Phi nhữ lục căn, hỗ dụng hợp khai, thử chi vọng tưởng, vô thời đắc diệt.

Việt dịch:

Nếu sáu căn của ông chưa được khai hợp, dùng thay lẫn nhau, thì cái vọng tưởng ấy không khi nào diệt trừ được.

Giải:

Nếu sáu căn của ông chưa được khai hợp, dùng thay lẫn nhau.

Nếu ông chưa chứng đạt được trình độ công phu đến khả năng lục căn hỗ dụng thì sáu căn của ông chưa

được khai hợp, dùng thay lẫn nhau, thì cái vọng tưởng ấy không khi nào diệt trừ được.

Trừ phi quý vị đạt đến mức sáu căn có thể hỗ dụng lẫn nhau, thì các vọng tưởng này sẽ được tiêu diệt.

Kinh văn:

故汝現在，見聞覺知，中串習幾。則湛了內，罔象虛無，第五顛倒，細微精想。

Có như hiện tại, kiến văn giác tri, trung quán tập cơ. Tác trạm liễu nội, vãng tượng hư vô, đệ ngũ điên đảo, vi tế tinh tưởng.

Việt dịch:

Cho nên hiện nay, cái thấy nghe hiểu biết của ông đã xâu kết trong tập khí hư vọng. Ất trong tính rỗng lặng trong suốt ấy, là cái vọng tưởng điên đảo vi tế, rỗng không huyền hóa thứ năm

Giải:

Cho nên hiện nay, cái thấy nghe hiểu biết của ông đã xâu kết trong tập khí hư vọng. Cho nên những khả năng thấy nghe hiểu biết của ông hiện nay đã xâu kết biết bao nhiêu tập khí hư vọng

Ất trong tính rỗng lặng trong suốt ấy, là cái vọng tưởng điên đảo vi tế, rỗng không huyền hóa thứ năm.

Sự hoạt động của sáu loại tánh biết: thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, giác đều kết lại với nhau qua những tập

khí rất vi tế, như một râu chuỗi hạt. Những tập khí này rất nhỏ nhiệm và khó phát hiện ra.

Kinh văn:

阿難，是五受陰，五妄想成。

A-nan, thị ngũ thọ âm, ngũ vọng tưởng thành.

Việt dịch:

A-nan, năm loại âm này là do năm vọng tưởng tạo thành.

Giảng:

A-nan, năm loại âm này: sắc âm, thọ âm, tưởng âm, hành âm, thức âm là do năm vọng tưởng tạo thành. Do đó nên năm thứ vọng tưởng này cũng phát sanh.

Kinh văn:

汝今欲知，因界淺深，唯色與空，是色邊際，唯觸及離是受邊際，唯記與忘是想邊際，唯滅與生是行邊際，湛入合湛歸識邊際。

Nhữ kim dục tri, nhân giới thiển thâm, duy sắc dĩ không, thị sắc biên tế, duy xúc cập ly thị thọ biên tế, duy kí dĩ vong thị tưởng biên tế, duy diệt dĩ sinh thị hành biên tế, trạm nhập hiệp trạm quy thức biên tế.

Việt dịch:

Nay ông muốn biết giới hạn sâu cạn, chỉ có sắc và không là biên giới của sắc âm, xúc và ly là biên giới của thọ âm, nhớ và quên là biên giới của tưởng

âm, diệt và sinh là biên giới của *hành âm*, đứng lặng và hiệp với đứng lặng thuộc về biên giới của *thức âm*.

Giảng:

Nay ông muốn biết giới hạn sâu cạn.

Ông nay muốn biết tầm mức sâu cạn từng lĩnh vực của năm âm.

Quý vị cần phải biết phạm vi của từng âm sâu hay cạn, nó giống như cái gì? Ở đâu là giới hạn của chúng? Tôi sẽ nói cho quý vị nghe bây giờ.

Chỉ có sắc và không là biên giới của sắc âm

Sắc và không có quan hệ với nhau, và nơi đây là giới hạn của sắc âm.

Xúc và ly là biên giới của thọ âm.

Xúc và ly với đối tượng của sự xúc chạm là giới hạn của thọ âm.

Nhớ và quên là biên giới của tưởng âm.

Diệt và sinh là biên giới của *hành âm*, đứng lặng và hiệp với đứng lặng (với minh giác) thuộc về biên giới của *thức âm*. Từ đó lập nên giới hạn của thức thứ tám.

Kinh văn:

此五陰元，重疊生起。生，因識有。
滅從色除

Thủ ngũ âm nguyên, trùng điệp sinh khởi. Sinh, nhân thức hữu. Diệt, tông sắc trừ.

Việt dịch:

Năm ám này vốn sinh khởi trùng điệp. Sinh, do thức ám mà có. Diệt, từ sắc ám mà trừ.

Giảng:

Năm ám này vốn sinh khởi trùng điệp.

Cội nguồn của năm ám này sinh khởi trùng điệp. Ngũ ám sanh khởi từng lớp hỗ tương tuần hoàn với nhau, cùng hỗ trợ cho nhau.

Sinh, do thức ám mà có. Diệt, từ sắc ám mà trừ.

Sự sinh khởi hoại diệt hoại diệt xảy ra như thế nào? Một khi sắc chất biến mất, thì ám trở thành không, nó sinh khởi từ thức, và sự hoại diệt bắt nguồn từ khi hình sắc tiêu trừ.

Kinh văn:

理則頓悟，乘悟併銷。事非頓除，因次第盡。

Lí tắc đốn ngộ, thừa ngộ tính tiêu. Sự phi đốn trừ, nhân thứ đệ tận.

Việt dịch:

Lý tức ngộ liền, nhân ngộ mà tiêu trừ sạch. Sự thì chẳng phải trừ được ngay, mà phải theo thứ lớp mới dứt được.

Giảng:

Lý tức ngộ liền, nhân ngộ mà tiêu trừ sạch.

Ông có thể đốn ngộ ngay phần lý. Khi ấy tất cả đều tiêu trừ cùng một lúc.

Quý vị đã hiểu được quy luật này rõ ràng rồi. Khi quý vị đã ngộ đạo rồi thì phương pháp tu tập mà quý vị

đã áp dụng xưa nay đều được ngưng lại. Cả ý niệm về ngộ cũng tiêu mất luôn. Nếu quý vị hiểu được nguyên lý này, thì ngay cả khái niệm liên quan đến Ngộ cũng tiêu dung.

Sự thì chẳng phải trừ được ngay, mà phải theo thứ lớp mới dứt được.

Còn phần sự tướng thì chẳng thể trừ được ngay, mà phải theo từng thứ lớp.

Về mặt lý tánh (phương diện bản thể) thì quý đã được giác ngộ. Nhưng về mặt sự tướng (phương diện hiện tượng), việc chuyển hóa phải được thực hành lần lượt theo thứ tự. Nó cũng như việc thay áo quần, quý vị phải thay từng thứ lớp. Lớp thứ nhất, lớp thứ hai lớp thứ ba lớp thứ tư, rồi lớp thứ năm (41).

Về mặt sự tướng, quý vị phải chuyển hóa chúng dần dần theo từng thứ lớp. Hiểu được nguyên tắc này, quý vị vẫn phải cần công phu tu tập như ở giai đoạn thực hành, chỉ có công phu tu tập thực sự quý vị mới có thể vượt qua năm ám.

Kinh văn:

我已示汝劫波巾結。何所不明，再此詢問？

Ngã dĩ thị nhữ kiếp ba cân kết. Hà sở bất minh, tái thử tuân vấn?

Việt dịch:

Như Lai đã chỉ cho ông về những gút nơi khăn kiếp-ba-la. Có điều gì chưa hiểu rõ khiến ông lại hỏi?

Giảng:

Như Lai đã chỉ cho ông về những gút nơi khăn kiếp-ba-la¹, Như Lai đã buộc sáu nút nơi tấm khăn, có điều gì chưa hiểu rõ khiến ông lại hỏi? Tại sao ông vẫn chưa hiểu được điều ấy? Tại sao ông lại hỏi tôi chuyện ấy lần nữa?

Kinh văn:

汝應將此，妄想根元，心得開通，傳示將來，末法之中，諸修行者，令識虛妄，深厭自生，知有涅槃，不戀三界。

Nhữ ưng tương thử, vọng tưởng căn nguyên, tâm đắc khai thông, truyền thị tương lai, mật pháp chi trung, chư tu hành giả, linh thức hư vọng, thâm yếm tự sinh, tri hữu niết-bàn, bất luyến tam giới.

Viết dịch:

Ông nên đem sự thông hiểu cội nguồn của vọng tưởng này, truyền dạy cho người tu hành đời sau trong thời mật pháp, khiến cho họ nhận ra được hư vọng, tự thấy nhàm chán, biết có niết-bàn, để không luyến tiếc ba cõi.

¹ S: karpāsa; p: kappāsa. Còn gọi Kiếp bối thọ 劫貝樹. Tên khoa học Gossypium hebecum. Một loại cây bông vải, bông dùng dệt vải may áo, hạt để ép dầu.

Giảng:

A-nan, Ông nên đem sự thông hiểu cội nguồn của vọng tưởng này, truyền dạy cho người tu hành đời sau trong thời mạt pháp,

Ông cần phải tìm cầu và đạt được sự thông hiểu về cội gốc của vọng tưởng này, khiến cho toàn thể chúng sinh hiểu được tường tận nguyên lý này, giúp cho họ nhận ra được sự hư vọng mà tự thấy nhầm chán. **Khiến cho họ nhận ra được hư vọng, tự thấy nhầm chán**, làm cho tất cả người tu hành nhận rõ sự hư vọng đều tự sanh ra trong chính mình. Dạy cho họ căn nguyên cùng mô dạng của nó, khiến cho chúng sanh trở nên chán ghét sự hư vọng ấy.

Biết có niết-bàn, để không luyện tiếc ba cõi. Dạy cho họ biết rõ niết-bàn để không còn luyện tiếc ba cõi. Khi chúng sanh nhận thức được rằng: Mình có khả năng chứng được niết-bàn, thì họ sẽ không còn chán chừ trong ba cõi này nữa. Họ sẽ không thấy muốn nán lại nơi ngôi nhà lửa nơi Tam giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới nữa.

“Tam giới vô an, du như hỏa trạch.”

Nghĩa là: ba cõi không nơi đâu là yên ổn, giống như ở trong nhà lửa.

Liên Trì Đại Sư là một Pháp sư lỗi lạc của Trung Hoa đã nói như vậy. Sau khi ngài xuất gia rồi, Ngài luôn luôn mong mỏi được về nhà để thăm vợ, và Ngài đã trở về nhà để thăm người vợ của mình.

Vợ của ngài là người rất thông minh, thế nên bà ta đã nghĩ cách giúp chồng tu tập: “Chồng mình đã xuất gia, nhưng không chịu tu tập vẫn còn lưu luyến chuyện tình ái mà không thể buông bỏ được.”

Chẳng còn cách nào tốt hơn, bà ta đào một cái hầm thật lớn ngay trước cửa nhà, rồi phủ lên đó một tấm thảm, trong hầm bà ta đốt lửa lên. Lần đó Đại Sư Liên Trì về nhà, ngài bước lên tấm thảm và rơi xuống hầm lửa đang cháy. Ngài la lên: “Bà làm gì mà làm hầm lửa ngay trước nhà như vậy?”

Người vợ đáp: “Nếu ông biết đó là hầm lửa sao ông vẫn muốn quay về?”

Nghe xong lời đó, ngài trở nên thức tỉnh, không bao giờ về nhà nữa. Điều ấy minh họa cho câu “*Tam giới vô an, du như hỏa trạch.*” Dục giới, sắc giới và Vô sắc giới không phải là nơi an lạc, nó giống như ngôi nhà lửa.

Kinh văn:¹

阿難，若復有人，遍滿十方，所有虛空，盈滿七寶，持以奉上，微塵諸佛，承事供養，心無虛度。於意云何，是人以此，施佛因緣，得福多不？

A-nan, nhược phục hữu nhân, biến mãn thập phương, sở hữu hư không, doanh mãn thất bảo, trì dĩ phụng thượng, vi trần chư Phật, thừa sự cúng dường,

¹ Từ đây là Phần Lưu Thông của toàn bộ Kinh Thủ Lăng Nghiêm.

tâm vô hư độ. Ư ý vân hà, thị nhân dĩ thử, thí Phật nhân duyên, đắc phước đa phủ?

Việt dịch:

A-nan, ví như có người mang bảy thứ báu đầy trong hư không khắp cả mười phương, dâng lên chư Phật nhiều như số vi trần, với tâm cung kính cúng dường không hề xao lãng. Ý ông nghĩ sao, người này do nhân duyên cúng dường chư Phật như thế, được nhiều phước đức hay không?

Giảng:

A-nan, ví như có người mang bảy thứ báu đầy trong hư không khắp cả mười phương, dâng lên chư Phật nhiều như số vi trần, với tâm cung kính cúng dường không hề xao lãng.

Bảy thứ báu là vàng bạc, kim ngân, lưu ly, xa cừ, xích châu mã não ở khắp mọi nơi. Rồi người ấy rất cung kính dâng lên vô lượng chư Phật khắp mười phương và lễ bái cúng dường không lúc nào xao lãng.

Ý ông nghĩ sao, người này do nhân duyên cúng dường chư Phật như thế, được nhiều phước đức hay không?

Ông nghĩ sao? Người này đã đem bảy thứ châu báu với một số lượng không lờ cúng dường chư Phật. Bởi nhân duyên này, người ấy có được phước báu rộng lớn chăng?

Kinh văn:

阿難答言：虛空無盡，珍寶無邊，昔有眾生施佛七錢，捨身猶獲轉輪王位。

況復現前，虛空既窮。佛土充遍，皆施珍寶。窮劫思議，尚不能及。是福云何，更有邊際？

A-nan đáp ngôn hư không vô tận, trân bảo vô biên, tích hữu chúng sinh thí Phật thất tiền, xả thân do hoạch chuyển luân vương vị. Huống phục hiện tiền, hư không kí cùng, Phật độ sung biến, giai thí trân bảo. Cùng kiếp tư nghị, thượng bất năng cập. Thị phúc vân hà, cánh hữu biên tế?

Việt dịch:

A-nan đáp rằng, hư không chẳng có giới hạn, trân bảo cũng vô hạn, xưa có người cúng dường Phật bảy đồng tiền, đến khi xả thân, còn được vị Chuyển luân Thánh vương. Huống gì hiện tiền, hư không cùng tận, cõi Phật đã đầy khắp bảy thứ trân bảo cúng dường. Dù có suy nghĩ cùng tận đến vô số kiếp còn không thể biết được. Phước đức ấy làm sao có ngần mé?

Giảng:

A-nan thưa: Hư không chẳng có giới hạn, trân bảo cũng vô hạn. xưa có người cúng dường Phật bảy đồng tiền, đến khi xả thân, còn được vị Chuyển luân Thánh vương.

Thuở xưa có người cúng dường Đức Phật bảy đồng tiền, nhờ vậy nên khi mạng chung, tái sinh được làm Chuyển Luân Thánh Vương.

Một vị Chuyển Luân Thánh Vương có một ngàn người con trai. Chẳng biết ông ta có bao nhiêu vợ. Chuyển Luân Thánh Vương có oai đức rất lớn. Ông ta có một cỗ xe có thể đưa ông ta đi khắp Bốn đại bộ châu¹ chỉ trong vài giờ. Cỗ xe ấy có lẽ còn đi nhanh hơn cả tên lửa trong thời hiện đại. Đó là một thứ bảo vật của ông ta.

Còn người này hiện đem bảy thứ báu đầy cả hư không cúng dường khắp vô số cõi Phật. Dù có suy nghĩ cùng tận đến vô số kiếp còn không thể biết được. Phước đức ấy làm sao còn có ngần mé.

Huống gì hiện tiền, hư không cùng tận, cõi Phật đã đầy khắp bảy thứ trân bảo cúng dường. Dù có suy nghĩ cùng tận đến vô số kiếp còn không thể biết được. Phước đức ấy làm sao có ngần mé.

Người dâng cúng cho Đức Phật bảy đồng tiền được hưởng quả báo làm Chuyển Luân Thánh Vương. Nay người đem dâng cúng không chỉ bảy đồng tiền mà gồm bảy thứ trân báu đầy khắp hư không pháp giới. Ngay dù trải qua cùng tận bất tư nghì hư không kiếp số, cũng không bao giờ tính đếm được phước đức của người ấy. Làm sao có thể nói được ngần mé của phước đức ấy. Nó không có giới hạn.

¹ Tứ châu thiên hạ: Bốn đại lục nằm trong những đại dương bao quanh núi Tu-di. Đó là Nam Diêm-phù-đề (s: Jambu-dvīpa), Đông thắng thân châu (s: Pūrva-videha), Tây ngưu hóa châu (s: Aparagodānīya), và Bắc câu-lư châu (s: Uttara-kuru). Diêm-phù-đề là châu chúng ta đang sinh sống. Thuật ngữ này cũng có nghĩa là “mọi thế giới”.

Kinh văn:

佛告阿難，諸佛如來，語無虛妄。若復有人。身具四重，十波羅夷，瞬息即經，此方他方，阿鼻地獄，乃至窮盡十方無間，靡不經歷。

Phật cáo A-nan, chư Phật Như Lai, ngữ vô hư vọng. Nhược phục hữu nhân, thân cụ tứ chủng, thập ba-la-di, thuấn tức tức kinh, thử phương tha phương, a-tì địa ngục, nãi chí cùng tận, thập phương vô gián, mĩ bất kinh lịch.

Việt dịch:

Đức Phật bảo A-nan, chư Phật Như Lai không nói lời hư vọng. Ví như có người phạm bốn tội lớn, mười tội ba-la-di, giây lát phải trải qua địa ngục A-tì ở phương này rồi phương khác, cho đến cùng tột vô số các địa ngục vô gián trong mười phương mà không nơi nào chẳng phải trải qua.

Giảng:

Đức Phật bảo A-nan, chư Phật Như Lai không nói lời hư vọng.

Ví như có người phạm bốn tội lớn, mười tội ba-la-di.

Bốn tội nặng là: giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối. Trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm gọi là: “Tứ Chủng Thanh Tịnh Minh Hối” (Bốn điều chỉ dạy về pháp thanh tịnh sáng suốt) mà quý vị đã được nghe từ trước.

Mười tội ba-la-di¹ là mười giới trọng của giới Bồ-tát. Tội ba-la-di nghĩa là “*Khí - vút bỏ*” nghĩa là người phạm tội này xem như bị trôi ra khỏi biển Phật pháp. Mười tội này không thể chỉ sám hối mà thông được. Quý vị có thể nghiên cứu mười giới đầu tiên trong Bồ-tát giới.

Giây lát phải trải qua địa ngục A-tì ở phương này rồi phương khác, cho đến cùng tột vô số các địa ngục vô gián trong mười phương mà không nơi nào chẳng phải trải qua.

Thế nên chỉ trong nháy mắt lẽ ra phải trải qua địa ngục A-tì, ở phương này rồi phương khác. Trải qua cho hết cùng tột vô số các địa ngục vô gián trong suốt khắp thế giới, trong mười phương. Lẽ ra phải trải qua đau khổ vì tội chướng đã tạo trong mỗi địa ngục mà không sót một nơi nào cả.

Kinh văn:

能以一念，將此法門。於末劫中。開示未學，是人罪障，應念銷滅。變其所受地獄苦因，成安樂國。

Năng dĩ nhất niệm, tương thử pháp môn, ư mạt kiếp trung, khai thị vị học, thị nhân tội chướng, ưng

¹ Pārājika (波羅夷 ba-la-di). Còn gọi là Tha thắng 他勝, Cực ác 極惡, khí 棄. Là Giới căn bản mà các tỷ-khuru, tỷ-khuru ni phải giữ sau khi thọ cụ túc giới.

niệm tiêu diệt. Biến kì sở thọ địa ngục khổ nhân, thành an lạc quốc.

Việt dịch:

Nếu người này, dùng một niệm, đem pháp môn này khai thị cho người chưa học trong đời mạt pháp, thì những tội chướng của người ấy liền được tiêu diệt. Biến cái nhân phải chịu khổ địa ngục thành cõi nước an lạc.

Giảng:

Nếu người này, dùng một niệm, đem pháp môn này khai thị cho người chưa học trong đời mạt pháp. Nhưng nếu người này có thể chỉ trong một niệm đem pháp môn này Đại định Thủ-lãng-nghiêm truyền dạy cho những người chưa học trong đời mạt pháp, thì những tội chướng của người ấy liền được tiêu diệt, nhờ cảm ứng với niệm trên.

Nếu trong đời mạt pháp chỉ đem một niệm, trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, truyền dạy pháp môn Thủ-lãng-nghiêm Đại Định cho những người chưa được học hỏi Phật Pháp, thì những tội chướng của người ấy liền được tiêu diệt một cách nhanh chóng.

Biến cái nhân phải chịu khổ địa ngục thành cõi nước an lạc.

Tất cả địa ngục lẽ ra người ấy phải chịu khổ thì đều biến thành cõi nước an lạc.

Tất cả các khổ nạn đứng ra anh ta phải chịu trong đủ các loại địa ngục sẽ biến thành nơi bình an vui thích. Anh ta không còn chịu món khổ nào nữa cả.

Kinh văn:

得福超越，前之施人，百倍千倍，千萬億倍。如是乃至，算數譬喻，所不能及。

Đắc phước siêu việt, tiền chi thí nhân, bá bội thiên bội, thiên vạn ức bội. Như thị nãi chí, toán số thí dụ, sở bất năng cập.

Việt dịch:

Được phước đức vượt hơn người ấy thí cúng trước kia gấp trăm, ngàn, triệu, ức lần. Như thế cho đến toán số thí dụ cũng không thể diễn tả hết được.

Giảng:

Được phước đức vượt hơn người ấy thí cúng trước kia gấp trăm, ngàn, triệu, ức lần. Phước đức người ấy được hưởng vượt trội hơn hẳn phước đức của người bố thí cúng dường trước kia.

Phước đức của người giảng nói Kinh Thủ-lăng-nghiêm vượt trội hơn phước đức có được do bố thí, cúng dường bảy thứ báu đầy cõi hư không, khắp cả pháp giới lên chư Phật Như Lai nhiều như vi trần. Nếu quý vị có thể giảng nói Kinh Thủ-lăng-nghiêm cho những người chưa hiểu được Phật Pháp, thì phước đức ấy vượt trội hơn hẳn phước đức của người bố thí cúng dường gấp trăm, ngàn, triệu, ức lần. Như thế cho đến dùng tính toán thí dụ cũng không thể nào diễn tả cho được. Quý vị sẽ hưởng được phước báu nhiều hơn

người kia, không có cách nào để diễn tả được phước ấy lớn đến chừng nào.

Kinh văn:

阿難，若有眾生，能誦此經，能持此呪，如我廣說，窮劫不盡。依我教言，如教行道，直成菩提，無復魔業。

A-nan nhược hữu chúng sinh, năng tụng thử kinh, năng trì thử chú, như ngã quảng thuyết, cùng kiếp bất tận. Y ngã giáo ngôn, như giáo hành đạo, trực thành bồ-đề, vô phục ma nghiệp.

Việt dịch:

A-nan, nếu có chúng sanh biết tụng kinh, biết trì niệm thần chú này, dù Như Lai có nói đến cùng tận số kiếp cũng không hết được. Nếu theo lời chỉ dạy của Như Lai, y theo lời dạy mà tu hành, thì thẳng đến đạo bồ-đề, không bị các ma nghiệp.

Giảng:

A-nan, nếu có chúng sanh biết tụng kinh, biết trì niệm thần chú này.

Nếu có chúng sanh trong đời tương lai biết tụng kinh, trì niệm thần chú này, dù Như Lai có nói đến cùng tận số kiếp cũng không hết được lợi lạc to lớn của người ấy.

Nếu tôi nói thật chi tiết về phước báu của người trì tụng Kinh Thủ-lăng-nghiêm và người trì chú Thủ-lăng-nghiêm. Dù trải qua bao nhiêu đại kiếp vẫn không nói xong hết được phước báu ấy.

Nếu theo lời chỉ dạy của Như Lai, y theo lời dạy mà tu hành, thì thẳng đến đạo bồ-đề, không bị các ma nghiệp.

Y theo lời chỉ dạy của Như Lai, tùy thuận tu tập giáo lý ấy sẽ thành tựu sự giác ngộ, không còn bị các ma nghiệp.

Theo phương pháp này mà tu hành, quý vị sẽ thành tựu quả vị bồ-đề ngay, không còn vướng phải ma nghiệp nào nữa (42).

Kinh văn:

佛說此經已，比丘比丘尼，優婆塞優婆夷，一切世間，天人阿修羅，及諸他方，菩薩二乘，聖仙童子，并初發心大力鬼神，皆大歡喜，作禮而去。

Phật thuyết thử kinh dĩ, tỉ-khuru, tỉ-khuru-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nhất thiết thế gian, thiên nhân a-tu-la, cập chư tha phương bồ-tát nhị thừa, thánh tiên chủng tử, tính sơ phát tâm đại lực quý thân, giai đại hoan hỷ, tác lễ nhi khứ.

Việt dịch:

Khi Đức Phật nói kinh này rồi, các vị tỷ-khuru, tỷ-khuru-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, các loài trời, người, a-tu-la trong thế gian. Cùng các vị Bồ-tát, hàng Nhị thừa, Thánh, Tiên, Đồng tử ở các cõi khác, cùng với loại Đại lực quý thân mới phát tâm, tất cả đều hoan hỷ đánh lễ rồi lui ra.

Giảng:

Khi Đức Phật nói kinh này rồi, các vị tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, ưu-bà-tắc. Ưu-bà-tắc¹ là tiếng Phạn, nghĩa tiếng Hán là “*cận sự nam*.” Có nghĩa là người cư sĩ thân cận với Đức Phật.

Ưu-bà-di, các loài trời, người, a-tu-la trong thế gian.

Bây giờ quý vị đều đã hiểu được a-tu-la là gì rồi. Họ rất nóng tính và rất thích đánh nhau. Một vị đệ tử của tôi nói rằng: Con chó của ông ta là a-tu-la. Có thể chính ngay ông ta là a-tu-la cũng nên? Nhưng tôi tin rằng sau khi quý vị đã nghe Kinh Thủ-lăng-nghiêm rồi, quý vị sẽ trở thành Bồ-tát, không còn tập khí nóng nảy của a-tu-la nữa.

Cùng các vị Bồ-tát, hàng Nhị thừa và Duyên giác, Thánh, Tiên, Đông tử (Đông tử là các vị đồng chơn nhập đạo) ở các cõi khác. Cùng với loại Đại lực quý thần mới phát tâm. Tất cả đều hoan hỷ đánh lễ rồi lui ra.



¹ S: Upāsaka, Upāsikā.



Nay chúng ta đã nghe giảng xong Kinh Thủ-lăng-nghiêm, bất luận quý vị là ai, là hàng Trời, người, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, Súc sanh, đều nên phải phát tâm bồ-đề. Đều phải nên phát tâm thực hành đạo Bồ-tát, chúng ta đều phải thành Bồ-tát. Đừng nên tiếp tục tạo những nhân khác để rồi tiếp tục thành chúng sanh khác. Chúng ta phải gieo nhân để trở thành Bồ-tát và Phật. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã thọ ký cho chúng ta từ lâu rồi. Ngài nói:

“Nếu có người chỉ cần niệm Nam-mô Phật dù chỉ một lần cũng sẽ thành tựu Phật quả.”

Không cần phải niệm nhiều lần, nếu chúng ta chỉ cần niệm Nam-mô Phật một lần thôi thì trong tương lai nhất định sẽ thành Phật, cho dù ta không biết đến điều ấy.

Sau khi nghe giảng bộ Kinh Thủ-lăng-nghiêm này rồi, chúng ta trở nên hiểu được Phật pháp rõ ràng hơn, có được vô lượng công đức bất khả tư nghì. Đó là lý do tại sao trong kinh nói rằng đem bảy thứ châu báu đầy cả hư không khắp mười phương cúng dường chư Phật cũng không lớn bằng giảng giải Kinh Thủ-lăng-nghiêm.

Bây giờ chúng ta đã nghe giảng xong Kinh Thủ-lăng-nghiêm, khổ nhọc của quý vị đã tiêu tan và sự lo lắng của tôi cũng vừa hết. Sao vậy? Vì chúng ta không còn phải chịu khổ nhọc nữa. Trong tương lai khi quý vị thực hành đạo Bồ-tát, quý vị cũng sẽ chịu rất nhiều khổ nhọc, nhưng quý vị sẽ nhận chịu một cách hoan hỷ bởi do tự nguyện lãnh chịu những khổ nhọc ấy, chứ không phải do áp lực của người khác.

Sau khi pháp hội này chấm dứt, chúng ta sẽ nghỉ hai tuần để lạy sám. Tôi sẽ tiếp tục giảng *Phẩm Phổ môn* để kỷ niệm ngày sinh của Bồ-tát Quán Thế Âm, nhằm ngày 19 tháng 9 âm lịch. Hôm nay là 1 tháng 8 âm lịch, còn một tháng 19 ngày nữa là đến ngày kỷ niệm. Lúc đó tôi sẽ giảng *Phẩm Phổ môn*, là chương thứ hai mươi bốn trong Kinh Pháp Hoa, bản tiếng Anh, và là chương thứ hai mươi lăm trong bản tiếng Hán. Đó là vì có một chương chưa dịch xong.

Sau khi giảng *Phẩm Phổ môn* xong, nếu quý vị thành tâm khát ngưỡng, tôi sẽ giảng Kinh Pháp Hoa, nếu quý vị muốn đến Phật giáo Giảng đường để nghiên cứu Phật pháp thì vẫn cứ đến. Hiện nay thầy Quả Tiên đang ở đó, quý vị có thể cùng Thầy nghiên cứu Phật pháp. Mọi người muốn nghiên cứu Phật pháp đều có thể đến đó bất cứ lúc nào. Nhưng tôi bận phải coi sóc một số việc khác. Tôi cũng đã dự tính mời thầy Quả Địa chịu khó hướng dẫn đại chúng nghiên cứu Phật pháp nhưng tôi chưa sắp xếp chương trình.

Thầy Quả Phác cũng phát tâm bồ-tát hướng dẫn đại chúng tham cứu sâu hơn Kinh Thủ-lăng-nghiêm, vì Thầy Quả Phác biết tiếng Hán và hiểu sâu được lý kinh. Do thầy biết tiếng Hán, Thầy sẽ dịch kinh sang tiếng Anh. Việc này vừa rất khó, vừa rất dễ. Nhờ thầy thông hiểu nên nó dễ, nếu thầy không thông hiểu thì sẽ rất khó.

Do vậy, chúng ta nên phát tâm bồ-tát và thực hành đạo bồ-tát. Tôi hy vọng mọi người đã nghe giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm rồi đều sẽ phát tâm bồ-tát. Tôi nói lại một lần nữa: Bất kể quý vị là người, trời, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì quý vị đều phải phát tâm cầu giác ngộ. Đừng nên mê mờ nữa. Đức Phật là người đã giác ngộ. Bây giờ chúng ta đều nên hy vọng không bao lâu nữa chúng ta sẽ trở thành người giác ngộ.



PHẦN CHÚ THÍCH KHAI THỊ và THAM VẤN

Hòa thượng TUYÊN HÓA giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm này vào năm 1968. Vài năm sau, ngài khai thêm pháp hội tham cứu về Năm mươi hiện tượng ám ma trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm tại Vạn Phật Thánh Thành và Kim Luân Thánh Tự. Trong suốt thời gian pháp hội, tứ chúng đều được tham dự. Hòa thượng giảng giải từng phần của Năm mươi hiện tượng ám ma đồng thời chỉ dẫn từng chi tiết phương pháp để tu tập. Phần chú thích dưới đây được trích từ phần tham hỏi của các đệ tử và lời khai thị của Hòa thượng.

1. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG NĂM 1983

Tất cả mọi người đều thích tiền, họ nghĩ rằng:

“*Thiên mệnh chi vị tiền, suất tánh chi vị tiền, tiền giả dã bất khả tu du li dã, khả ly phi tiền dã.*¹”

(Thiên mệnh gọi là tiền, thuận theo tánh gọi là tiền. Tiền không thể rời xa chỉ trong khoảnh khắc. Có thể rời được chẳng phải là tiền).

¹ Theo Trung Dung của Khổng Tử: “*Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo. Đạo giả dã, bất khả tu du ly dã, khả ly phi đạo dã*”.

Phàm phu trong thế gian thường mắc phải vấn đề này, họ chẳng phóng xả được. Chẳng có gì tệ hại nếu chỉ một mình quý vị là người bị tiền đầu độc. Nhưng quý vị muốn đầu độc con và cháu mình, thế nên quý vị đã dành dụm tiền bạc lại cho con trai, con gái mình. Con của quý vị lại để dành tài sản lại cho con của nó, rồi lớp đó truyền gia sản lại cho con cái của họ nữa. Trao truyền tiền bạc lại cho con cháu trước sau như vậy cũng như bị đầu độc bởi một thứ không khí mà người ta không thể thở nổi. Điều này thật đáng sợ. Do vậy nên ở đây tôi nói với quý vị rằng tiền bạc có chứa chất độc ở trong ấy. Vậy mà quý vị vẫn chưa tin, vẫn muốn luôn có được nhiều tiền. Quý vị chưa bị nó làm hại nhưng sự độc hại đó sẽ ảnh hưởng đến con cháu nhiều đời sau.

Trước đây tôi đã nói rất nhiều lần. Người ta cho rằng dành dụm tiền bạc là việc tốt nhưng những người đang tu đạo không cần thiết phải giữ tiền, không cần phải để dành tiền bạc. Chúng ta không nên suy nghĩ: “*Tiền bất khả tu du ly dã*” mà phải nói lại câu đó là:

“*Thiên mệnh chi vị pháp, suất tánh chi vị pháp. Pháp giả dã bất khả tu du ly dã, khả ly phi pháp dã.*”

Pháp nghĩa là gì? Quý vị trả lời “Tôi biết rồi đó là *pháp* của Phật của *pháp* và của Tăng.” Thực ra quý vị chưa hiểu gì nhiều, nếu quý vị thực sự hiểu được, quý vị đã không đánh mất *pháp* của chính mình.

Rốt cục *pháp* là gì? *pháp* là khí chất sinh động của chúng ta. Trên nó thông cả thiên đường, dưới nó thấu

cả địa ngục. Đến mức chư Phật Bồ-tát cũng đồng một thể ấy với chúng ta, vì khí chất sinh động ấy của chúng ta quán thôn tất cả. Khí này như hơi thở. Quán sát kỹ ta có thể nhận biết được nó. Bao trùm và điều động được khí ấy gọi là *pháp*.

Do vậy, chúng ta dứt khoát cần phải nuôi dưỡng khí chất này. Chúng ta không nên để thất tán mà phải tu tập nuôi dưỡng khí này. Nên nói:

*“Tài bồi tâm thương địa,
Hàm dưỡng tánh trung thiên.”*

Nghĩa là: Vun trồng mảnh đất tâm, nuôi dưỡng chân tánh trong sáng như bầu trời.

Đây là nghĩa nuôi dưỡng khí chất của mình. Nếu quý vị muốn nuôi dưỡng khí chất của mình, thì đừng có rời *pháp* của mình. Tôi sẽ giảng cho quý vị nghe nhiều điều cần thiết và quan trọng của pháp môn để tu tập. Nếu quý vị lắng nghe thì rất tốt. Nếu quý vị không muốn nghe cũng tốt. Dù sao tôi vẫn cứ nói. Đó là gì? Nếu quý vị muốn nuôi dưỡng khí chất của mình thì đừng nói nhiều.

Đừng nên nói chuyện nhiều trong nhà bếp. Hôm nay quý vị nói ít hơn, chứ hai hôm trước, khi tôi đến nhà bếp và trai đường, nghe quý vị nói chuyện như trong chợ. Mọi người đều nói năng rất lớn tiếng, người thì bán cà rốt, người bán bắp cải, người bán khoai tây, người bán củ đậu. Họ nghĩ gì khi đang la hét lớn tiếng như vậy? Họ đã hoàn toàn quên Phật, Pháp, Tăng.

Không cần thiết phải gây lên cảnh huyên não trong nhà bếp. Đó là bổn phận của người tu hành nên tuân theo.

Sau đó tôi thấy phòng ngủ cũng như cái chợ vậy. Mọi người đang cãi nhau, đùa giỡn âm ỉ khắp nơi. Chẳng ai biết họ đang nói gì nữa. Người mà không biết tự hạn chế lời nói của mình thì khó có khả năng tu tập. Nếu quý vị không hàm dưỡng tánh khí của mình thì quý vị sẽ không có pháp. Do vậy “*Pháp bất khả tu du ly dã*” (pháp không thể rời xa, dù chỉ trong chốc lát).

Quý vị rất dễ dãi và bất cẩn khi phạm pháp này và nói chuyện suốt ngày. Tôi không thích dính líu vào chuyện của người khác, nhưng chuyện này lại quá phổ biến. Nếu chuyện này tiếp diễn thì những người tranh cãi suốt ngày sẽ là người phạm tội nơi Vạn Phật Thành này.

Chẳng ngạc nhiên khi chư Phật chẳng còn muốn lưu lại nơi cõi này nữa, và chư vị Bồ-tát cũng tránh xa. Họ không muốn nghe những người này nói chuyện tầm phào và bàn tán chuyện thị phi. Tôi nói thế không có nghĩa là mọi người không được nói chuyện với nhau trong Vạn Phật Thành. Mọi người nên thảo luận về một đề tài quan trọng nào đó, nhưng không nên nói chuyện vắn vơ suốt ngày.

Quý vị nói: “Ồ! Chẳng có chuyện gì ở đây cả tịch mịch lặng lẽ quá ta phải kiếm người tán chuyện chơi.”

Điều đó có thể hợp lý, nhưng sau khi quý vị tán phét với nhau, dù sao đi nữa, quý vị cũng đã đánh mất pháp đi rồi! Nếu quý vị mất pháp thì làm sao mà tu đạo?

2. HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG NĂM 1983

Ám ma không chỉ giới hạn trong năm mươi thứ, nó có thể là 500, 5000, hay cả 500.000 loại. Mỗi loại có thể chia thành mười thứ. Nếu phân tích chi tiết, thì có thể đến hàng ngàn, hàng vạn loại. Nói tóm lại, *ám ma* là gì? Căn bản chẳng gì khác hơn là một lượng âm khí xuất phát từ *niệm tưởng âm* của con người. *Niệm tưởng âm* là niệm tham sân si, niệm ấy làm sinh khởi các *ám*: *sắc ám*, *thọ ám tưởng*, *ám*, *hành ám* và *thức ám*. Từ trong mỗi niệm này các loại *hiện tượng âm* được sinh khởi. Các *hiện tượng âm* này tự nhiên xuất hiện khi công phu tu tập của quý vị đạt đến tầm mức nào đó. Nếu công phu của quý vị chưa đạt đến tầm mức ấy, thì quý vị sẽ không gặp những thứ *ám ma* này, cho dù quý vị có muốn gặp đi nữa.

Ám ma chỉ xuất hiện khi nỗ lực công phu của mình đạt đến mức độ ấy. Đừng bận tâm khi nó xuất hiện. Chẳng cần phải lo sợ bị ma gá vào.

Khi những *hiện tượng âm* xuất hiện, quý vị nên giữ tâm yên tĩnh, như thể những hiện tượng ấy không tồn tại vậy. Xem nó như là không thấy, nghe như không nghe, ngửi mà không biết mùi vị của nó. Nếu quý vị không tự ràng buộc mình vào sắc, thanh, hương, vị xúc, pháp thì *ám ma* chẳng làm gì được quý vị. Nếu quý vị không tham, sân, si thì quý vị sẽ hàng phục được *ám ma*. Nếu quý vị không mắc phải những sai lầm như

tự tư, tự lợi, mong cầu, tham luyện, tranh dành... thì chẳng có ma nào hại được quý vị cả.

Nay chúng ta đang nghiên cứu về *âm ma*. Chúng ta không sợ nó, chẳng có gì phải sợ cả. Lượng khí âm này như thế nào? Đây là một thí dụ thô thiển: khi nước sôi thì bốc lên hơi nước. Sự bốc hơi này biểu thị rằng nước đang sôi. Các loại ma mà quý vị sẽ gặp trong công phu chính là sự biến hóa hư huyền sinh khởi từ âm khí và âm tượng trong tự tánh của quý vị.

Nếu quý vị giữ được sự an nhiên bất động trong quá trình biến hóa hư giả này, thì chẳng có vấn đề gì cả. Ví dụ: Chẳng có gì lạ lùng khi nước sôi khiến bốc lên hơi nước cả. Sau khi bốc hơi xong là nước có thể dùng được.

Khi một người có biểu hiện ra ma khí, cũng giống như khi đem vàng ròng nung chảy, tất cả các kim loại sẽ bị chảy tan hết, chỉ nguyên vàng ròng còn lại. Tu đạo cũng như nung vàng vậy. Nên có câu nói: “Vàng ròng chẳng sợ gì lò sưởi.” Quý vị phải nung chất vàng ròng trong người và rèn cái thân Kim Cang bất hoại của quý vị.

Đề đạt được thân *kim cang bất hoại*, trong từng niệm, từng niệm phải nỗ lực dụng công tu hành. Bất luận đạt được trình độ nào trong công phu tu tập cũng không được trở nên vui mừng hay sợ hãi. Đây là cách thức cơ bản, thiết yếu nhất cho người tu tập để giải trừ ma chướng.

3. HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA GIẢNG NGÀY 2 THÁNG 12 NĂM 1993.

Đệ tử (hỏi): Khi *ngũ âm* đến lúc tiêu trừ, hành giả đã vượt qua được kiếp trước rồi. Quán sát cội gốc của sắc âm, hành giả thấy vọng tưởng kiên cố là cội gốc của sắc âm?

Hòa thượng: Hành giả vẫn còn nhiều vọng tưởng. Nó “*kiên cố*” là vì hành giả đã chấp trước quá sâu vào cảnh giới này.

Đệ tử: Có phải tất cả những vọng tưởng kiên cố đều là cội gốc của sắc âm?

Hòa thượng: Là do khi hành giả đạt đến cảnh giới ấy có những hiện tượng ra sao? Nó có phải là cội gốc của sắc âm hay không chẳng phải là vấn đề. Chẳng có cách nào để xác định được cội gốc của nó. Điều đó là hư vọng. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều y như vậy.

“*Ngũ âm phù vân vô khứ lai.*”

*Tam độc thủy bào hư xuất một.*¹”

Năm âm như mây nổi, chẳng có chỗ đến đi. Ba món độc (tham sân si) như bọt nước, mất còn như hư không. Nó đều không thực. Mọi cảnh giới đều là hư huyền.

Đệ tử: Nó giống như giấc mộng, trong ấy chẳng có ý nghĩa gì cả?

Hòa thượng: Đúng vậy:

“*Mộng lý minh minh hữu lục thú*

Giác hậu không không vô đại thiên.”

¹ Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia Huyền Giác.

Nghĩa là:

*(Trong mơ rõ ràng qua sáu nẻo
Ngộ rồi mọi vật thấy đều không).¹*

4. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO NGÀY 2 - 12 - 1993

Đệ tử: Bạch Hòa thượng “Cảnh giới này gọi là tinh minh hòa lẫn vào tiền cảnh.” Câu này nên hiểu như thế nào?

Hòa thượng: Nghĩa là hành giả ấy quá lanh lợi. Anh ta có trí thông minh hư giả và trí thế gian. Đơn giản là anh ta quá thông minh lanh lẹ.

Đệ tử: Bạch Hòa thượng. “Tiền cảnh” nghĩa như thế nào?

Hòa thượng: Nó liên quan đến cảnh giới đã được đề cập ở trước.

Đệ tử: Thưa, có phải cảnh giới này xuất hiện khi hành giả dụng công tu tập không?

Hòa thượng: Đó chính là cảnh giới mà hành giả đã đạt đến trước đây.

5. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO NGÀY 2 THÁNG 12 NĂM 1993

Hòa thượng: Ba hồn bảy phách (vía) của chúng ta giống như đứa trẻ con vậy. Nhưng mỗi thứ chỉ có một căn chớ không có nhiều. Do nó điều khiển thân thể ta, nên ta có thể nói năng hành động được. Nó được kết

¹ Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia Huyền Giác.

hợp lại với nhau, nên khi công phu tu tập của quý vị thành tựu rồi, thì nó trở thành cái được gọi là “Phật” (nghĩa là giác ngộ) trong đạo Phật, hoặc được gọi là *Tiên* trong đạo Lão. Có người chỉ có mắt và có người chỉ có tai, thế nên họ giúp đỡ lẫn nhau. Đứa bé có tai để nghe sẽ giúp cho người chẳng có tai. Các giác quan của họ dung thông với nhau. Thế nên khi thành tựu được lục căn hỗ dụng, thì tai của quý vị có thể ăn và nói chuyện được. Có rất nhiều cảnh giới như thế này mà quý vị không thể tưởng tượng đến được.

Đệ tử: Bạch Hòa thượng. Hòa thượng đã kể rằng, có một người đệ tử đã từng lên trời chơi và bị ma vương bắt giữ. Anh ta la lên “Ta phải làm gì bây giờ? Ta không trở về được nữa” có phải hồn và phách của người ấy lên đó chẳng?

Hòa thượng: Trong số ba hồn bảy vía có thể một, hai, ba hoặc bốn phách đã đi. Điều đó không chắc. Một khi nó đi đến đó, nó tập hợp lại với nhau, nó chẳng phải là bảy hay ba thực thể riêng biệt. Một khi nó đi, nó kết hợp lại thành một. Đó là điều rất kỳ diệu, nó là một khối linh khí.

Đệ tử: Có phải do trình độ công phu tu tập khác nhau mà người ta có thể xuất hồn nhiều hay ít.

Hòa thượng: Tốt nhất là không nên xuất hồn. Nếu cứ xuất hồn đi du ngoạn hoài, quý vị sẽ có nguy cơ bị ma gá vào. Khi hồn vía bị ma bắt giữ, người ta sẽ bị câm. Người chậm phát triển trí huệ và như thực vật là những dạng như đang đê cập ở trên, vì hồn vía của họ

đã bị ma bắt giữ. Lúc đó đối với người ấy hồn là ma. Đối với người có tu tập, trở thành *thần*, đó là nhờ tánh dương. Còn nếu tu luyện nhiều hơn tí nữa, thì trở thành *tiên*. Nếu tu tập đến nơi rất ráo thì sẽ thành Phật. Tất cả các cảnh giới của tu chứng này đều thành tựu được là nhờ sự đồng nhất của hồn và vía.

Đệ tử: Nếu một người “*thực vật*”¹ hay người bị hôn mê, người ấy đã bị mất một trong ba hồn bảy vía. Mặc dù thân thể còn nguyên vẹn, liệu hồn và vía ấy có rời anh ta để trở thành người khác không?

Hòa thượng: Nó không thể trở thành người khác được. Nó chỉ bị ma bắt (đi với ma). Nên người ấy có khi rất tỉnh táo, thông minh nhưng có khí rất mê độn.

Đệ tử: Điều gì sẽ xảy ra khi có người xuất hồn phách của mình để gặp chư Phật và chư Bồ-tát?

Hòa thượng: Nếu một người tu hành chân chính sẽ có các vị Hộ pháp vô hình âm thầm giúp đỡ quanh mình. Tôi vừa gặp khá nhiều hạng người kỳ quái này, họ rất thích xuất hồn khỏi xác. Do quý vị không gặp cảnh giới này, nên không thể nhận thức được, hoặc hiểu rõ được chúng. Chẳng hạn như những kinh nghiệm của những người đã từng làm xác đồng (medium) ở Đài Loan đã trải qua, đều là tác dụng của *Năm mươi hiện tượng âm ma*.

Đệ tử: Họ có đạt đến trình độ tu tập đó chẳng?

¹ Nguyên văn: 一個植物人. Anh ngữ: A person in a “vegetable” state.

Hòa thượng: Họ đã tiến bộ trong tu tập và có được chút phước đức, cũng như mọi người khác. Một số học tập để trở thành người tốt và một số học tập rồi thành người ác, những người này đã học để trở thành kẻ ác, để làm quyền thuộc của Ma Vương.

6. HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG NĂM 1983

Hòa thượng: Trong khi chúng ta nghiên cứu *Năm mươi hiện tượng ám ma*, mọi người đều được hoan nghênh khi phát biểu ý kiến. Chúng tôi muốn dùng trí tuệ của mọi người để nghiên cứu đạo lý này. Vào thời mạt pháp, mọi người tu tập đều rất muốn nhanh chóng có được kết quả.

Họ nghĩ rằng mình có thể đạt được một dịp may, giống như người đánh bạc mong thắng được ngay trong lần đặt cược đầu tiên. Thế nên có người đã chạy quanh đến rất nhiều nơi, họ học những phương pháp thực hành bí truyền, và nhiều pháp môn kỳ lạ khác. Họ nghe nơi này có điều gì hay, thì liền tìm đến. Họ nghe nơi kia có điều gì lạ, họ cũng chạy tới. Chạy đây đó khắp nơi, phí phạm thời giờ trên đường. Nhưng rốt cuộc, họ chẳng hiểu được gì cả. Chúng ta nên nhận thức rõ tình trạng này. Nếu không chúng ta dễ dàng rơi vào đường tẻ.

Cũng như trường hợp dùng chất độc tố kích thích. Đây là một vấn đề nghiêm trọng ở xã hội phương Tây

hiện nay. Có thể nói rằng chất *Hallucinogenic*¹ là một loại hóa thân khác của ma vương. Ma xuất hiện với những hình thức mới lạ, qua độc tố kích thích khiến cho nhiều người nghiện ngập nó. Dù cho người ta không muốn dùng chất thuốc kích thích đó, nhưng ma lực kết hợp cùng với thói xấu của họ đã khiến họ bị câu thúc vào vòng nghiện ngập sa đọa. Hiện nay có rất nhiều tà sư (*ác tri thức*) đã dùng sự trợ lực của các độc dược này khiến họ thấy được hào quang và những hiện tượng kỳ quái khác. Các cảnh giới này xuất hiện là do chất độc được kích thích trong thân thể người ấy phát huy tác dụng.

7. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG 1983

Chúng ta cần phải rất cẩn trọng trong mọi phương diện. Như câu nói:

“*Sai chi ti hào, mậu chí thiên lý*²”

Chỉ sai trong đường tơ kẽ tóc, sẽ làm đến ngàn dặm.

Chúng ta đang tiếp tục học Phật pháp. Được học nhưng kết cục là vẫn bị đọa vào địa ngục. Sao vậy? Vì chúng ta không thực sự thực hành theo giáo lý đã được học. Chúng ta không tự kiểm chế mình khỏi việc nói

¹ Nguyên văn Hán: 迷幻藥 *mê huyễn dược*.

² 差之絲毫, 謬之千理.

đôi, trộm cắp, tà dâm, dùng chất độc tố gây nghiện và sát hại. Nếu quý vị không thể giữ được năm giới này thì làm sao mà nghĩ đến việc thành Phật.

Trước hết quý vị phải nhất định từ bỏ việc sát hại. Điều ấy không chỉ có nghĩa là ăn chay thôi.

Quý vị có thể nói:

“Tôi ăn nhưng không tự tay mình giết hại các sinh vật mà!”

Điều ấy không có nghĩa là quý vị không phạm giới sát. Giữ giới sát còn có nghĩa là không áp ủ những oán hận người khác trong lòng mình. Điều này không phải dễ. Như tôi đã nói từ trước:

“Tôi cũng có một sự thúc giục mạnh mẽ phải sát hại, nhưng tôi muốn dừng lại. Tôi muốn phóng sinh hơn là giết hại sinh vật. Nếu tôi muốn sát hại sinh vật, tất cả những sợi lông trên thân thể tôi sẽ biến thành phi tiễn, dao nhọn, thương giáo, xiên nhọn đâm vào mọi người cho đến chết, những sợi lông của tôi độc ác biết bao! Động lực giết hại sinh vật đến như thế nên tôi nhận thức rằng sát hại chúng sanh cũng giống như giết các vị Bồ-tát, A-la-hán, phá hòa hợp Tăng và làm thân Phật chảy máu. Đó là lý do mà tôi không bao giờ sát hại chúng sanh.”

Giới không trộm cắp là khi lấy một vật gì bằng cách không chính đáng, hoặc lấy vật của người khác, không thuộc của mình, không biết chủ nhân là ai, đều được xem như trộm cắp. Nếu quý vị lấy một vật từ một nơi nào đó mà không ai biết là quý vị đã ăn cắp. Nhân,

duyên, phương pháp và nghiệp của trộm cắp được giảng giải rất kỹ trong kinh Phạm Võng. Nhân duyên, phương pháp và nghiệp của việc sát hại cũng được giảng giải rất kỹ trong kinh này.

Không tà dâm cũng giống như vậy. Bao gồm luôn cả việc không có một niệm tưởng dâm dục nào ở trong tâm và trọng tự tánh của mình.

Để giữ giới vọng ngữ, quý vị không được nói dối trong bất kỳ tình huống nào.

Không được dùng những chất độc tố gây nghiện. Chất kích thích từ rượu khiến cho quý vị không thể hoạt động một cách bình thường, nó cũng gây cho quý vị đánh mất trí tuệ. Một khi có sự việc gì xảy ra, quý vị xử sự như kẻ ngu si.

Đây là năm giới: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không sử dụng chất độc tố gây nghiện. Người Phật tử nên chú tâm giữ gìn năm giới này, và tránh sự vi phạm dù chỉ những lỗi nhỏ nhất. Chỉ như vậy, quý vị mới đủ tư cách được gọi là Phật tử. Một số trong quý vị đôi khi cũng có tư tưởng sát hại, trộm cắp, tà dâm, lừa gạt người và thỉnh thoảng cũng dùng chất kích thích. Quý vị tham đắm vào rất nhiều thứ. Tham ăn cũng tương tự dùng thuốc kích thích. Nếu quý vị tham ăn uống, ăn đến mập phì ra, thì cũng giống như quý vị đã dùng chất kích thích. Chúng ta là những người học Phật nên thường xuyên tự mình quán xét điểm này. Chúng ta phải rất chú tâm, không nên phạm một sai lầm dù rất nhỏ.

Mặt khác, chúng ta không nên quá cứng nhắc. Chúng ta nên áp dụng giới luật một cách rất linh động.

Quý vị thường nói: “Thế là ta có được chỗ để phương tiện rồi. Ta có thể sát hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối và dùng chất kích thích.”

Đó chẳng phải là nghĩa linh động. Nghĩa là chúng ta không nên tự trói mình trong năm giới quá chặt đến nỗi ta không còn cựa quậy đâu được nữa cả. Khi ta thọ năm giới, ta phải quán xét kỹ lưỡng điều này. Có người ở Canada đã dùng tên tôi để lừa bịp đệ tử của họ. Nói dối rằng tôi đã ấn chứng cho họ. Người tạo tội đại vọng ngữ như vậy chắc chắn sẽ rơi vào địa ngục *bạt thiết*.¹

8. HÒA THƯỢNG GIẢNG NGÀY 2 THÁNG 12 NĂM 1993

Trước đây chuyện Lưu Kim Đồng bị ma gá là biểu hiện sự tác quái của một trong *Năm mươi hiện tượng ám ma*. Nay có thêm hai người bị ma gá nữa. Một trong số đó rất nguy hại, vì cô ta biết pháp nhiếp hồn. Một phụ nữ từ San José đã quy y với tôi, về sau đến học với cô ta và trở về lại thì bị mắc bệnh ung thư (*cancer*). Đó là việc lấy người khác làm trò đùa của cô ta. Về sau người phụ nữ ở San José tìm gặp tôi, tôi chẳng còn để ý đến việc đó nữa. Mặc dù tôi sẽ giúp cho cô ta chữa lành bệnh, nhưng sẽ không để cho mọi người biết cô ta mắc bệnh ung thư.

¹ Địa ngục bạt thiết: Nơi đó tội nhân bị hình phạt trâu cày lưỡi.

9. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG NĂM 1983

“Khi thọ ẩm trở nên rộng suốt hư diệu, hành giả không còn vướng mắc với trạng thái tà lộ.”

Đến lúc này, *thọ ẩm* đã hết, hành giả đang ở trong *tướng ẩm*, nó vốn rất vi tế và nhỏ nhiệm. Vi tế là khi ông không còn vọng tưởng, thì ông sẽ không còn bị quấy nhiễu bởi tạp niệm, bởi trạng thái tà lộ. Đó là do cảm giác bất an và sợ hãi. Bất an và sợ hãi điều gì? Giống như có người nước Kỳ¹ cứ lo sợ không biết lúc nào thì trời xanh kia sẽ sập xuống. Đó là ông ta đã ở trong trạng thái tà lộ. Nay hành giả không còn bị vướng trong trạng thái là lộ ấy nữa, không còn tình trạng đó trong ông ta nữa.

Tuy nhiên anh ta không đủ sức để chống lại với phiền não đến từ bên ngoài, do vì tham ái và mong cầu vẫn còn hiện hữu trong tâm trí anh ta. Vì tư tưởng tự tư và tự lợi vẫn còn ẩn dấu bên trong, nên hành giả sẽ bị tấn công bởi môi trường bên ngoài.

“Tà lộ” không những liên quan đến vọng tưởng mà còn liên hệ đến sự bất an và sợ hãi nữa. Khi bạn thấy sợ hãi một điều gì, nghĩa là bạn có tà lộ, khi người khác áp chế bạn, bạn sợ phải nói đến điều ấy, thì đó cũng là một trạng thái tà lộ.

¹ 杞. E: the man of Qi.

10. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG 1983

Trong khi ta đang khảo sát các hiện tượng trong *Năm mươi ám ma*, có thể có 500 loại *ám ma* hiện đến, thế nên các ông nên mở rộng cửa để mời nó đến quấy phá mình. Dù là ma nó cũng hỗ trợ cho công phu của mình trong chiều hướng nghịch. Nó sẽ khảo nghiệm xem thử chí nguyện ông có kiên định hay không? Nếu đạo tâm ông thật sự kiên cố thì dù có cả ngàn loại thiên ma cũng không thể nào làm cho ông xao động, vạn loại thiên ma cũng không làm cho ông thối thất, ông sẽ không còn sợ hãi điều gì hết, vì ông không mong cầu điều gì cả.

Nên có câu: “*Đáo vô cầu xứ tiện vô ưu.*”

Nghĩa là: Tâm đạt đến chỗ không mong cầu thì chẳng còn phải lo ngại điều gì nữa cả.

Do ông không mong cầu điều gì nữa, nên ông không sợ hãi điều gì cả. Thông thường người ta sợ hãi điều gì? Một số người sợ ma vì những hình thù quái dị của nó. Họ biết rằng một số người hóa thành ma sau khi chết đi, chẳng có ai sợ hãi các vị Thần, mặc dù có những vị như Thần Kim Cang có hình thù rất dữ dằn. Không Tử từng nói: “*Kính quý thần nhi viễn chi.*” Các ông nên hết sức kính trọng quý thần, nhưng đừng tiếp cận với họ, các ông chẳng nên sợ hãi cả quý lẫn thần.

Cũng chẳng nên sợ ma. Nó chỉ là một loại đến để khảo nghiệm ông trong công phu tu tập thôi. Nếu ông sợ nó, thì nó sẽ đến dù ông không mong mỏi. Bí quyết

là ở chỗ không sợ. Nếu ông không sợ, thì ông là người chân chánh, và ông có thể hàng phục tất cả. Ma quỷ đều sợ những người chân chánh. Nếu ông được như vậy, thì ma sẽ dần dần bị chinh phục, và rồi sẽ khấu đầu đánh lễ ông.

11. HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA GIẢNG NGÀY 21 THÁNG 5 NĂM 1989.

Hòa thượng: Thiện xảo ở đây hoàn toàn không phải là phương tiện thông thường, thiết thực. Phương tiện thiết thực là một phương pháp thông dụng. Phương tiện thiện xảo mà hành giả có ở đây rất tài tình, vi diệu và không thể dò tìm ra dấu vết được, vì hành giả đã vận dụng nó một cách rất tuyệt diệu. Ông không thể cho rằng những điều ông đã nghe chỉ đơn thuần là phương tiện.

Đệ tử: Phải chăng hành giả mong cầu phương tiện thiện xảo là để giáo hóa chúng sanh?

Hòa thượng: Không chỉ trong việc giáo hóa, mà trong tất cả mọi phương diện khác, hành giả đều có trí huệ thiện xảo này. Những phương pháp thông thường thiết thực nhất đều có thể được mọi người nhận ra. Nhưng loại phương tiện thiện xảo đề cập ở đây không dễ gì được nhận ra ngay bởi người khác, vì hành giả đề cập tới nó một cách rất hợp lý và tài tình. Ông không thể nào tìm ra thấy chút lỗi lầm nơi lời nói của họ.

12. HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA GIẢNG THÁNG GIÊNG NĂM 1983

“Ma được dịp thuận tiện.” Đó là nó nắm được cơ hội do hành giả mở cửa khi móng khởi tâm mong cầu. Chẳng phải dễ gì hiểu được ý thú của kinh, các ông có thể làm lạc chút xíu ngay trong kiến giải của riêng mình.

13. HÒA THƯỢNG GIẢNG NGÀY 21 THÁNG 5 NĂM 1989

“Cho tinh thần gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp.”

Có hai cách để giải thích ý này: Có thể hiểu là ma chiếm đoạt thân xác người khác, rồi giảng pháp cho người mà nó đã chiếm đoạt nghe. Cũng có thể hiểu là ma chiếm đoạt định lực của hành giả, ngay cả những kiến giải của hành giả. Có hai cách hiểu như vậy.

Khi hành giả ở trong trạng thái *tướng ám*. Thiên ma không thể chiếm đoạt và nhiễu loạn tâm hành giả một cách trực tiếp được. Ví dụ như hành giả vô ý múa thái cực quyền và la hét lớn lên, anh ta biết rõ những gì đang xảy ra và biết đó là sai lầm, thì ma không thể nào quấy phá anh ta được. Mặt khác nếu một người không tu tập gì cả, anh ta sẽ không biết ma nhập ra sao và sự việc diễn biến như thế nào cả? Hầu hết mọi người không có công phu đều rơi vào trường hợp này. Ma nhập vào người và nói thông qua miệng, lưỡi của người đó. Sau khi ma đi khỏi rồi, ông thử hỏi người ấy điều gì sẽ xảy ra thì họ không thể nào biết được. Là vì

tâm của người ấy hoàn toàn mê muội. Những người không mê muội bởi ma thì sẽ giữ được bản tâm trong sáng.

Có rất nhiều cách hiểu, không đơn thuần chỉ có một. Nếu ông hiểu trong lời kinh nói, chỉ có ma nhập vào một người khác, thì kiến giải của ông chưa hoàn toàn chính xác, có rất nhiều khả năng, và mỗi tình huống lại phát triển theo nhiều chiều hướng khác nhau, vì thế nó không nhất định.

Trong khi kinh văn có thể được giải thích bằng mọi cách cho có ý nghĩa thì việc phiên dịch kinh không nên hạn cuộc vào một lối giải thích cá biệt. Kinh ví như biển, lời dịch ví như sông, sông có thể chảy về biển bằng nhiều dòng, vậy nên các ông không nên lấy một con sông cá biệt nhỏ nhoi để đại diện cho biển cả mênh mông.

14. HÒA THƯỢNG GIẢNG NGÀY 2 - 12 - 1993

Đừng trở nên dính mắc vào lời kinh, kinh cho chúng ta một ý nghĩa tổng quát về những gì có thể diễn ra, nhưng mỗi tình huống cá biệt đều khác nhau. Không những chỉ có năm mươi, mà có thể sẽ có 500, 5000 hoặc ngay cả 50.000 hiện tượng ma. Có rất nhiều hiện tượng đến nỗi chúng ta sẽ không bao giờ thôi nói về chúng. Năm mươi hiện tượng âm ma này chỉ là một tập hợp tổng quát. Quý vị đừng nên nghĩ rằng Năm mươi hiện tượng âm ma này như một thứ gì cao thâm, áo diệu lắm.

Hãy xem những điều này như được nói ra bởi một người bình thường, đừng nên chẻ sợi tóc ra làm hư.

Cách tôi giảng kinh gọi là *thiên thích*, tôi không giải thích sâu xa. Khi tôi giảng kinh, mục đích duy nhất là để cho mọi người đều hiểu được những gì tôi muốn nói, và đối với tôi là hiểu được những gì mọi người muốn nói. Đừng nên nghĩ quá sâu, bất kỳ ai suy nghĩ quá sâu xa sẽ không bao giờ thỏa mãn được sự tìm tòi giải thích, đừng nên đập đầu vào tường khi cố gắng tìm hiểu chính xác những gì người ta nói. Tóm lại kinh này là lời dịch, không đến nỗi cứng nhắc cố định để các ông chẳng thể thêm bớt đi một lời nào cả. Kinh này không tương ứng một cách chính xác với bản gốc Sanskrit, nên tôi chỉ cố gắng chuyển ngữ một cách tổng quát. Đừng nên phí quá nhiều thời gian truy tìm những chi tiết văn chương hoa mỹ khi dịch thuật.

Đệ tử: Ở mức độ trong phạm vi *tướng ám*, thiên ma không còn quấy nhiễu hành giả một cách trực tiếp được nữa. Ma phải chiếm đoạt một người khác mới có thể quấy phá định lực của hành giả hay sao?

Hòa thượng: Ví dụ như một hành giả có thể thường gặp người đã bị thiên ma nhập rồi, người ấy giảng pháp cho hành giả nghe, hay (ma) đến thách thức, khảo lượng hành giả xem công phu ai cao thấp?

Tại Vạn Phật Thành có một sinh viên trường Đại học California thuộc bang California thường thấy có rất nhiều rắn đi theo anh ta, mà các ông không thể nào thấy được. Nhưng Quả Chân lại thấy những con rắn

này đến chùa Kim Sơn để đầu pháp với tôi. Nó rất hung dữ. Sự có mặt của anh sinh viên nơi đây lại khiến cho những con rắn có dịp chống lại tôi. Chúng nó đã chống lại tôi suốt hơn mười năm. Sau đó, anh ta dần dần trở nên tốt hơn. Nhưng ngay khi anh ta trở lại trường ở Berkeley thì anh ta lại trở bệnh. Anh ta nhận ra có rất nhiều rắn bên mình. Anh ta đã giết những con rắn này trong quá khứ, bây giờ nó tìm anh để báo thù. Tôi đã dùng Phật pháp để hóa giải chúng. Đó là lý do tại sao tôi đối xử với chúng như vậy mà bất luận chúng có lưu ý đến hay không. Đây là một tiến trình lâu dài. Hơn mười năm qua, rất nhiều con rắn đã rời khỏi anh ta, nhưng vẫn còn nhiều con ở lại. Thông thường, có cả bầy rắn theo anh ta. Đây là một trường hợp tương tự như trong kinh mô tả.

Đệ tử: Khi người ấy đến Vạn Phật Thành có phải những sinh vật ấy không dám đến tìm anh ta hay sao?

Hòa thượng: Không! Nó vẫn đến, khi những con rắn này đến để thách thức Phật pháp với tôi, chúng nó rất hung dữ. Đầu tiên người sinh viên bị ma cắn chiếm đoạt thân xác quỳ xuống trước mặt tôi, khi anh ta đứng dậy, vung tay nhìn vào tôi, thì hơi thở trở nên nặng nhọc hơn tiếng rít của loài mèo nữa.

Đệ tử: Rồi Hòa thượng đã làm gì cho nó? Hòa thượng có cho nó những lời quở trách tốt lành không?

Hòa thượng: Không tôi chỉ giả vờ xem như không có gì xảy ra cả. Mọi người thấy tôi hành xử như thể không có việc gì xảy ra, nhưng thực ra tôi đã chuyển

hóa được nó. Nó đã chống đối lại tôi, nhưng tôi không chống lại nó. Tôi thường dùng pháp hàng phục, nhưng chẳng lâu. Bây giờ tôi dùng pháp tiêu tai.

Đệ tử: Khi sắc ám đã hết, tà ma không còn nhập vào thân xác của người tu đạo để quấy phá được nữa. Nó phải nhập vào người khác. Nhưng có pháp nào đề cập việc thiên ma có thể trực tiếp nhập vào hành giả đang tu tập không?

Hòa thượng: Có vô số khả năng xảy ra. Thiên ma có thể nhập vào ngay cả một con mèo, tất cả là tùy thuộc việc ông có nhận thức được rõ hay là không. Ma cũng có thể nhập vào những loài vật khác, không có nguyên tắc nhất định.

Đệ tử: Có thể nào nhập vào chính người tu?

Hòa thượng: Không, nó không thể đến được người tu hành.

Đệ tử: Nhưng trước đây, thì Hòa thượng giảng về Năm mươi hiện tượng ám ma, Hòa thượng có nói rằng nó có thể nhập vào chính người tu hành.

Hòa thượng: Như tôi đã nói không có gì cố định, lời kinh cho ta một ví dụ nhưng đó không phải chỉ là cách xảy ra, có rất nhiều biến tướng. Mỗi trường hợp phân thành nhiều khả năng.

Đệ tử: Nhưng không phải chính Hòa thượng vừa nói là thiên ma không thể nhập vào người tu đó sao?

Hòa thượng: Nếu thực sự chân chính là người tu, thì thiên ma không thể nào nhập vào được, vì có Hộ pháp hộ trì cho người đó rồi.

Đệ tử: Còn nếu hành giả khởi lên vọng tưởng thì...

Hòa thượng: Thiên ma liền nhập vào người ấy ngay.

Đệ tử: Cũng giống như khi sống trong Vạn Phật Thánh Thành, nếu chúng con tuân theo quy củ do Hòa thượng lập ra, thì chẳng có gì quấy phá được. Còn nếu chúng con không tuân thủ đúng theo giới luật, thì chúng nó sẽ đến phá.

Hòa thượng: Những người đến đây đều có mang theo nhiều dạng tà ma ngoại đạo, yêu ma quái quỷ và những linh hồn vất vưởng theo họ. Nhưng chư vị Bồ-tát, Hộ pháp già-lam¹ không nỡ xua đuổi họ đi. Ở đây chúng ta đều thực hành lòng từ bi, cho nên chúng ta không củng cố trụ xứ của mình hay đề phòng chống lại.

Đệ tử: Nếu mọi người thực sự chân chánh tu hành, thì ma không thể nhập vào họ được. Nhưng nếu không chân chánh tu hành và khởi tâm tham đắm, vọng tưởng, thì ma liền nhập hay sao?

Hòa thượng: Đúng vậy, đó là trường hợp tà dẫn đường cho tà đi.

Đệ tử: Nếu tà ma không thể nhập vào người tu hành ngay bây giờ, không có nghĩa là nó không bao giờ có thể nhập được. Ví dụ như khi Quốc sư Ngô Đạt² vừa khởi một niệm công cao thì...

¹ Gọi tắt của chữ Saṃghārāma (僧伽藍摩 Tăng-già-lam-ma).

² Trong Từ bi Thủy sám pháp.

Hòa thượng: Đúng vậy, đó là một ví dụ rõ ràng.

Đệ tử: Ma không thể nhập vào người tu suốt trong mười đời, nhưng chỉ vì một niệm riêng tư, nó liền có cơ hội nhập vào ngay.

Hòa thượng: Nó đến để đòi mạng sống.

Đệ tử: Nên Hòa thượng nói rằng ma có nhập vào người tu được hay không là không nhất định. Nếu ai thực sự chân chính tu hành, thì ma không thể đến gần người ấy được, nhưng nếu không tu tập được như vậy, thì nó liền đến?

Hòa thượng: Đúng thế, không nhất định. Bất cứ điều gì có thể diễn đạt bằng lời đều mất đi ý nghĩa chân xác của nó. Một khi ông đã hiểu được đạo lý này rồi, ông không nên truy tìm những chi tiết một cách vô ích nữa. Như tôi vừa nói, có vô số sự biến tướng và khả năng bất định. *Năm mươi hiện tượng ám ma* này có thể biến thành 500, 5000 hay 50.000 hiện tượng. Đừng phí mất thời giờ vào những mô phỏng này. Ông nên hiểu rằng có rất nhiều biến dạng khác nhau từ nơi đây lưu xuất mà thành.

Tóm lại, bất cứ điều gì nói lên được đều thiếu ý nghĩa chân xác. Ông có thể nói rằng tất cả kinh điển đều là giả, nhưng ông phải tìm đạo lý chân thực ngay nơi cái giả này. Có những bộ kinh có ý nghĩa rất chân xác, có thể tin vào đó để tu tập. Nếu kinh không có ý nghĩa các ông chẳng nên tin.

15. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG NĂM 1983

Ngày hôm qua mọi người đã biết có một người đang niệm danh hiệu Phật rồi bỗng dưng nhảy quanh, như thể đang khiêu vũ. Anh ta đã bị một loại ma gá vào, anh ta không biết những gì đang xảy ra, và anh ta nghĩ: “Ồ, ta vừa nhập định xong.” Anh ta giống như đứa trẻ huyên não, anh ta nhảy quanh như một con thỏ.

16. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG 1983

Thiên ma rất thông minh. Nó thấy được những gì ông đang tham cầu và liền dùng cái đó để thử thách ông. Do vậy người tu hành không nên chỉ tụng niệm một bài chú đặc biệt nào hay thực hành một pháp môn riêng biệt nào cả.

17. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG 1983

Nếu ta không tham dục, ta sẽ không có phiền não. Nếu ông có tham dục thì mọi sự tình sẽ phát sinh. Vạn sự, vạn vật, vạn loài trên đời này đều được sinh ra từ lòng tham dục. Nên nói:

“Nhất niệm bất sinh toàn thể hiện.”

Khi không còn một vọng niệm nào sinh khởi nữa, thì thể tánh toàn chân sẽ hiển bày. Nếu không còn một niệm tham dục nào nữa, thì Phật tánh hiển lộ.

“Lục căn hốt động bị vân già.”

Khi sáu căn vừa dậy khởi, chân tâm liền bị mây che khuất.

Một khi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý trở nên dính mắc với trần cảnh, sẽ giống như mây phủ bầu trời khiến mặt trời không thể chiếu soi được. Điều gì làm căn bản khiến cho sáu căn sinh khởi, dao động? Đó là tham và dục.

Vì các ông không thể dùng hẳn tham và dục, nên sáu căn biến thành lục tặc (sáu kẻ cướp) và sáu thức xuất hiện. Nếu các ông không khởi tham dục, thì kẻ cướp, sáu căn không cướp phá gì được, còn sáu thức không còn là thức phân biệt nữa. Mọi việc đều trở về cội nguồn của nó và mọi phiền não sẽ tiêu vong. Các ông nên chú ý vào chi tiết này. Tất cả là tùy thuộc ở điểm ông có tham dục hay không. Nếu ông còn có tham dục thì ông chưa tách rời chính mình ra khỏi ma sự. Nếu ông không còn tham dục, thế là ông đã cùng chư Phật chung phân.

18. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG 1983

Đây là thời gian để học tập nghiên cứu, chúng ta phải nghiên cứu kỹ từng *hiện tượng ngũ ấm ma*, cho đến khi ta học hết *năm mươi hiện tượng*. Mọi người phải nghiên cứu kỹ để hiểu sâu hơn. Nay chúng ta chỉ vừa mới bắt đầu học, có một số người hiểu được, có số người thì chưa.

Có một số trong quý vị, từ trước đến nay không có ở đây để tham hỏi về các vấn đề, mà chỉ biết nghiên

cứu học hỏi về những gì đã được thấy và hiểu cùng với mọi người khác. Người mà chúng ta đề cập ở đây đã có một kiến giải chính xác: Khi *sắc ấm* đã bị tiêu trừ rồi, thì ngã tướng trở thành không. Không còn ý niệm về ngã nữa. Tất cả hình sắc vật chất đều là hư giả. Nếu các ông không hiểu rõ điều này, phải đọc kỹ lại kinh nhiều lần, rồi tự nhiên các ông sẽ hiểu.

Tất cả mọi tôn giáo đều vận dụng ngay trên lĩnh vực ngũ ấm này. Trước đây khi giảng kinh, tôi đã nói về việc cả thầy trò đều mắc vào lưới pháp luật. Từ “thầy trò” ngụ ý rằng ở đây đang đề cập đến niềm tin tôn giáo, khi thỏa mãn với chút ít thành quả công phu, họ lập nên một tín ngưỡng riêng và tuyên bố rằng đó là tín ngưỡng chân chính. Chẳng cần nêu tên những tín ngưỡng ấy ra, các ông cũng biết tôi nói gì rồi. Nếu các ông muốn biết *ấm* nào mà các tín ngưỡng kia chịu sự ảnh hưởng, và đã chịu ảnh hưởng đến mức độ nào rồi, thì các ông phải nên có một hiểu biết thông suốt về *Năm mươi hiện tượng âm ma*.

Thay vì chỉ đặt vấn đề, các ông nên quan sát các trạng thái ma sự ấy ngay trong chính các ông. Chúng ta đang cùng học tập lẫn nhau, một người trả lời mọi câu hỏi của những người khác thì chẳng nên tí nào cả, vì trí huệ chúng ta đều bình đẳng. Trong việc nghiên cứu của chúng ta, nếu mọi người đều đồng ý với nhau một điều là cái gì là đạo lý, thì chúng ta phải xem đó là chân xác. Chúng ta đang thu thập tất cả ý kiến của mọi người, và khi chúng ta ấn tống bản giảng giải *hiện tượng ngũ ấm*

ma từ trong kinh Thủ-lăng-nghiêm ra, thì ý kiến của mọi người đều được đề cập trong đó. Đây là một công trình nghiên cứu hợp tác, không phải chỉ có một người trả lời mọi câu hỏi của những người khác, mà mọi người đều có thể phát biểu ý kiến của mình.

Vì sao ta chỉ có hai người đọc lớn bản kinh? Vì hai người này biết khá tốt Anh văn. Nếu những lời giảng giải cũng chưa được hoàn chỉnh, thì mọi người có thể nêu ra ý kiến của riêng mình. Mọi người không nên chỉ đơn thuần ra câu hỏi. Lần này không như lúc tôi giảng kinh Phạm Võng, pháp hội lần này có tánh chất nghiên cứu, nên không có nhu yếu *thỉnh pháp* (hỏi pháp). Mọi người đến đây là để cùng nhau nghiên cứu học tập, không nên biện luận với người khác và mọi người đều có thể phát biểu ý kiến. Các ông có cho rằng đây là một phương pháp tốt hay không?

19. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG 1983

Đệ tử: Xin Hòa thượng nói rõ thêm trong kinh văn giảng rằng các đệ tử và thầy đều đọa vào địa ngục

Hòa thượng: Đúng vậy, điều ấy liên quan đến người tu.

Đệ tử: Có phải người tu đạo là chỉ cho số đồ đệ kia.

Hòa thượng: Không nhất thiết. Sư phụ cũng cùng một thứ ấy thôi. Ông ta cũng là người tu đạo. (Một ví dụ cho trường hợp này đó là các tín đồ). Các ông có thể căn cứ vào người ấy có phạm dâm dục hay không? Nếu người ấy còn có dâm dục, người ấy là ma. Nếu người

ấy không có dâm dục, đó là người chân chính và là Phật. Đó là chỗ khác nhau giữa lời nói dối gạt và lời chân chính. Nếu không cắt đứt hẳn dâm dục, thì không thể hàng phục được tâm. Ông có thể tĩnh tọa rồi nhập định, nhưng khi ở trong định ông vẫn còn tham và “ngâm ngằm lén lút làm chuyện dâm dục.” Đó là cách mà các ông có thể phát hiện ra ma cảnh.

20. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG 1983

Không có sự khác biệt lớn lao giữa cái gọi là chân lý và cái không phải là chân lý. Đó là một sự khác biệt rất vi tế. Vì thế không dễ dàng cho chúng ta khi có được *trạch pháp nhãn* để phân biệt giữa chánh pháp và tà pháp, thiện và ác. Nếu một người chân chính thì những gì họ làm đều là quang minh chính đại. Nếu người ấy là tà, họ sẽ tận lực vùi vàng vào cái lợi một cách không chân chính. Họ làm những việc ô nhục đáng hổ thẹn. Người chân chính thường làm lợi ích cho mọi người, người không chân chính thường nã hại người khác. Một khi chúng ta nhận ra được điểm này là chúng ta sẽ có được một kiến giải chân chính.

21. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG 5 - 1983

Cư sĩ: Đánh lễ Hòa thượng, chư vị Pháp sư và quý thiện tri thức. Con xin chia xẻ một số điều có liên quan đến công phu tu tập của một số người.

Khi *thọ ấm* đến chỗ tiêu dung, hành giả có khuynh hướng nôn nóng mong cầu có được phương tiện thiện xảo, hành giả muốn khế hợp với nguyên lý của vũ trụ, để rồi mong sớm giáo hóa chúng sanh. Sau khi họ phát khởi loại tâm nôn nóng này, thì có vài hiện tượng sẽ xảy ra. Ví dụ: Có người trước đây chưa từng đọc kinh, nhưng khi bị ma gá vào, họ có thể giảng nói được rất nhiều kinh điển. Có rất nhiều “hành giả” ở Đài Loan rất ít đọc kinh, và thường hủy phạm giới luật Phật chế mà họ đã thọ nhận. Nhưng họ lại mong đạt được phương tiện thiện xảo. Khi họ thấy người khác giảng kinh và thu nhận rất đông đệ tử, họ hy vọng nhanh chóng đạt được trí huệ để có thể giảng kinh cho nhiều người nghe. Phát khởi tư tưởng như thế, họ trở nên bị ma gá vào lúc tu tập thiền định.

Nhiều người thấy giảng kinh có vẻ rất hay nhưng thực ra là bị ma gá. Dĩ nhiên nếu hành giả nghiêm trì giới luật, trì chú, tụng kinh, công phu nghiêm túc, thì họ không thể nào bị ma gá vào được. Tuy nhiên, có một số người rất tùy hứng trong việc giữ giới và không hề tụng kinh, lạy Phật, Thế mà khi họ vừa đăng đàn “bế mục dưỡng thần,” chỉ sau hai hoặc ba ngày, không chỉ riêng họ, mà toàn thể thính giả nào đã khởi phát tâm mong cầu có thể giảng kinh rất hay dù trước đây chẳng hề học tập.

Con không nghĩ là điều này sẽ xảy ra nơi đạo tràng của Hòa thượng. Còn nếu các huynh đệ đến những đạo tràng khác, thiếu sự hộ niệm tích cực của các vị Hộ pháp, và khi các huynh đệ phát khởi niệm vọng cầu và

tham trước thì liền rơi vào tình trạng này, đặc biệt nếu bạn thích thiền định. Người không tập thiền thường ít bị tình trạng này hơn. Có một bà lão người Đài Loan vốn không biết chữ, nhưng sau khoảng ba đến năm ngày, bà ta có thể viết thư pháp chữ Hán đẹp hơn cả cư sĩ Lưu.

Tôi đã thấy rất nhiều trường hợp như thế này, nơi mà người ta bỗng dung thành Phật sau vài hôm. Người phụ nữ trước đó không hề biết giảng kinh, nhưng chỉ sau ba ngày bà ta giảng kinh rất hay. Chuyện kỳ quái này thực sự đã xảy ra. Đó là lý do tại sao mọi người đều muốn học các tà pháp và không muốn học chánh pháp. Nếu giảng giải Phật pháp cho họ, họ không muốn nghe. Các huynh đệ ở đây có lẽ hiểu rất rõ về hiện tượng này. Nhưng trường hợp này có lẽ sẽ không diễn ra ở đạo tràng này, nhưng các huynh đệ nên phải rất thận trọng khi đi đến những nơi khác.

Hòa thượng: Đây là những trạng thái của người bị gá bởi một loài hồ ly tinh. Điều này có nghĩa là phóng tinh thần đến gá vào người khác.

22. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG 1983

Đệ tử: Con để ý đến các cảnh giới của *tướng âm* đều bắt đầu với đoạn kinh:

“Trong cảnh giới vi diệu rộng suốt sau khi thọ âm tiêu dung, (hành giả) không còn tà lự nữa.”

Nghĩa của câu “*không còn tà lự nữa*” là gì? Có phải nghĩa là hành giả không còn một niệm bất chính

nữa hay chẳng? Hay có nghĩa là hành giả không có chánh niệm? Khi nào thì hành giả đạt đến trình độ này? Trạng thái này tương tự như thế nào?

Hòa thượng: “**Trong cảnh giới vi diệu rộng suốt sau khi thọ ẩm tiêu dung**” nhờ có được sự sáng suốt dung thông nên nó vi diệu, và nó phải vi diệu nên nó mới có được sự rộng suốt dung thông. Khi hành giả đạt được cảnh giới này của ngũ âm, hành giả thấy rất là tự tại. (Hành giả) “không còn tà lự nữa.” Có nghĩa là không gặp tình trạng cũ nữa. Hành giả đã có được một vài công phu trong lãnh vực *thọ ẩm*, vốn xưa nay không gặp tà lự. Mà nay không rõ vì nguyên cớ gì, lại gặp trạng thái tà lự này, không rõ là kẻ cướp, là tà ma, quỷ quái từ bên ngoài tới? Thông thường lẽ ra hành giả không gặp những cảnh giới này, nhưng do hành giả khởi vọng tưởng tham ái, mong cầu, tự tư, tự lợi. Trở lại với những vọng tưởng xưa cũ này, hành giả lại gặp những loài này. Nếu hành giả không khởi những tạp niệm ấy, thì sẽ tiếp tục đạt được sự tiến bộ.

Nếu ông hiểu rằng khi tất cả mọi cảnh giới xảy đến mà ông không lay động, thì ông sẽ không bị quấy nhiễu bởi tà lự. Ngay khi ông bị xoay chuyển bởi cảnh giới, dù cách gì đi nữa, nó vẫn có thể quấy nhiễu ông. Căn bản là giả sử ông ta không bị tà lự, mà bị cảnh xoay chuyển có mâu thuẫn không? Không, đó là khi một niệm tham dục khởi lên là tâm đã mở cửa cho kẻ cướp vào. Nó lén lút hành thâm dục, dối gạt mọi người

chung quanh cùng làm việc vô đạo đức, không giữ gìn giới luật đã thọ. Nó nói: “Giới luật có quan hệ gì?” Và tuyên bố đã giác ngộ.

Còn tôi thì không dám vi phạm giới luật, vì tôi là người chưa giác ngộ.

23. HÒA THUỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG 1983

Cô ta làm bất cứ việc gì ma bảo cô ta làm. Chẳng những việc đơn giản như cung cấp các thứ thực phẩm, áo quần, phòng ở và thuốc men không thôi, mà còn dâng hiến cả thể xác, tư tưởng và cả cuộc đời mình cho nó, cho nó thỏa mãn dâm dục. Sự sai biệt ở chỗ nó đắm mình trong dâm dục. Nếu một người có dâm dục, thì mọi việc làm của nó đều là sai lệch (tà). Nếu người nào đã sạch lòng dâm dục, đó là người chân chính.

Các ông đừng bao giờ nghe những lời như thế này: “Khi đã giác ngộ rồi, bạn có thể làm bất cứ điều gì bạn thích, kể cả việc thỏa mãn dâm dục.” Đây là những lời của một thứ đại ma vương.

Trước khi các ông được giác ngộ, các ông có thể vi phạm giới luật vì các ông chẳng hiểu biết gì nhiều. Nhưng nếu các ông tự cho rằng mình đã là người giác ngộ rồi, thì ông là người có hiểu biết, và khi ông cố tình hủy phạm giới luật, thì những điều mà ông gọi là giác ngộ được là thứ gì? Điều này hoàn toàn trái ngược lại những gì ông nói.

Các ông ngày nay không chịu nghiên cứu đạo lý một cách kỹ lưỡng, mà chỉ thích tìm câu sự giác ngộ. Họ nghe mọi người nói rằng sau khi giác ngộ rồi, khỏi cần phải tuân thủ giới luật gì nữa, thế là họ lập lại lời này: “Ồ, ông ta chẳng cần trì giữ giới luật gì nữa cả, vì ông ta đã giác ngộ, nên ông ấy có thể uống rượu, hút thuốc gần gũi vui chơi với phụ nữ và thích làm việc gì tùy ý.”

Giới quan trọng nhất là dâm dục. Nếu ông còn lòng dâm và đắm mình trong hạnh bất tịnh ấy suốt ngày, thì ông là ma. Còn nếu ông chẳng tham lam tiền bạc, không tham đắm dâm dục, thì ông là người chân chính.

Trong trường hợp này, nó tuyên bố với mọi người mà nó gặp: “Trong kiếp trước (bà) là vợ của tôi,” hay là “bà là Hoàng hậu,” hay là “bà là gì đó, người thân của tôi khi tôi là Hoàng đế,” và cứ như thế, nó đưa những lời này ra để khơi dậy lòng tham muốn dâm dục nơi người khác. Bằng cách thực hiện lời nói, việc làm này một cách công khai, nó hy vọng sẽ đánh lừa và lợi dụng được người nghe.

24. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG 1983

Đây chính là hành giả, chứ không phải là người nào khác. Hành giả đã bị ma gá dựa, nhưng không biết điều ấy. Anh ta nghĩ rằng đã thành chánh quả. Anh ta nghĩ: “Nay ta mới đạt được một năng lực lớn làm sao!” Anh ta hoàn toàn không biết mình đã phạm sai lầm...

“Nó khiến cho mọi người đến nghe.”

Câu này nói đến những người khác đến để học hỏi giáo pháp. Họ muốn nghe nó thuyết pháp, vì họ biết nó có thần thông. Khi họ đến, nó trải tòa rồi ngồi giảng pháp cho họ nghe.

Bây giờ, chúng ta hãy tập hợp hết tất cả ý kiến của mọi người lại để nghiên cứu. Chúng ta chẳng cần phải bàn cãi ý kiến người này đúng, ý kiến kẻ kia sai. Chúng ta đang học đạo, chánh pháp chân thật chính là vàng ròng. Bất luận điều gì không phù hợp với chánh pháp thì đó gọi là “tà.”

Tại sao tôi tuyên bố Kinh Thủ-lăng-nghiêm là chân thực. Bởi vì kinh đã giảng giải chánh pháp quá rõ ràng và chân thực, khiến cho bọn thiên ma ngoại đạo phải lộ rõ nguyên hình, và khiến cho bọn thiện tri thức giả mạo bị phơi bày bộ mặt giả dối của nó. Nên nó không còn cách nào hơn tuyên bố Kinh Thủ-lăng-nghiêm là ngụy tạo. Nó cố ý đánh tráo mắt cá làm hạt châu. Họ cố quây nước cho đục để thừa dịp thả câu.

25. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG 1983

Trong trường hợp này những người từ nơi khác đến và cầu thỉnh ma giảng pháp. Ma không đến tìm họ trước: “Người ta đến gặp thiên ma kia.” Có nghĩa là người từ khắp nơi đến thân cận với hành giả tham cầu tịch tĩnh. Họ cầu thỉnh người này đi giảng kinh, thuyết pháp, và anh ta nhận lời đi giảng.

Quý vị có biết không? Tuyệt đối không ai được tự ý sửa đổi kinh văn cả. Kinh chỉ có một ý nghĩa chính xác, ngoài ra không có một cách giảng giải nào khác nữa cả. Bất luận những lời giảng giải nào khác đều không phù hợp, đều là sự giải thích gượng ép và giả tạo.

26. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG 1983

Có những Tôn giáo có truyền thống lâu đời và cũng có những tôn giáo thời trang. Có ít người đặt hết niềm tin vào tôn giáo được xem là có truyền thống lâu đời. Nhưng lại có nhiều người đuổi theo một cách điên cuồng những hiện tượng tôn giáo thời trang. Trong tất cả giáo pháp mà Đức Phật đã giảng, điều quan trọng nhất là giới luật. Ngày nay một số người xem đạo Phật là lỗi thời xưa cũ, và họ muốn tìm kiếm một tôn giáo có vẻ thời thượng hơn. Cuộc tìm kiếm của họ đã đưa họ đến ngay hang ổ của ma vương. Không có một giáo phái nào thuộc bàng môn tả đạo mà thoát khỏi được tham dục. Lòng tham vô độ không biết nhàm chán. Lòng tham lợi dưỡng làm tổn hại kẻ khác để mưu lợi cho riêng mình.

Tôi không dám nói rằng chúng tôi ở Vạn Phật Thánh Thành là tuyệt đối tuân thủ theo chánh pháp.

Tôi xin hỏi quý vị đã theo học với tôi suốt mấy năm nay. Có bao giờ tôi yêu cầu quý vị cung cấp tài sản riêng của quý vị cho nhà chùa không? Tại sao tôi không làm như vậy? Bởi vì tôi là một người quá lỗi thời, chủ yếu là tôi muốn tôn trọng và giữ gìn giới luật. Giới luật đã dạy chúng tôi phải biết ban tặng cho mọi

người, chớ không yêu cầu mọi người phải cung cấp tài sản cho chúng tôi, trong khi chúng tôi chẳng có gì để đem cung cấp cho họ hết cả.

Tại Vạn Phật Thánh Thành, chúng tôi sinh hoạt một cách rất tự nhiên. Chúng tôi không lạm dụng quyền góp tiền bạc quá mức. Chúng tôi không dùng thủ đoạn để quyền góp. Chỉ nhận tiền bạc vừa đủ để chi dùng. Nếu chúng tôi có tâm lợi dụng tiền bạc nơi mọi người, thì chúng tôi khác gì thiên ma ngoại đạo? Những người khuyên kẻ khác đem hiến tặng tài sản cá nhân hoặc tài sản gia đình, và sinh mạng của riêng họ hay đời sống của toàn gia đình vào cho đạo tràng, đó hoàn toàn là do sự xúi giục của hạng người tà kiến. Tôi không đồng ý với việc làm đó. Tôi hoàn toàn không muốn tài sản, cũng như nữ sắc. Tôi chẳng muốn nổi danh hay khen tặng. Thực vậy, tôi mang toàn tiếng xấu, chẳng được mang tiếng tốt. Người nào để ý đến tên tôi chỉ tăng thêm nhức đầu, đặc biệt là loài yêu ma quỷ quái.

27. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG 5 - 1989

Đệ tử: Kinh xin Hòa thượng giảng rõ “**Khi nó đến gặp hành giả (người) đang tham cầu hiểu biết, nó trải tòa ngồi thuyết pháp.**”

Hòa thượng: Đây có nghĩa là ma. Nó đến nơi mọi người đang mong cầu biết được túc mệnh (đời sống trong những kiếp trước).

Đệ tử: “**Hành giả ngồi nghe giảng pháp, thấy mình như được viên ngọc to lớn. Tỉnh thoảng ma**

hóa thân làm súc vật...” Có phải đây là loài ma khác?

Hòa thượng: Không phải, chính là con ma ấy.

Đệ tử: Có phải người bị ma gá và đã hóa thân làm súc vật?

Hòa thượng: Đúng vậy, trước mọi người, nó hóa thành súc vật, rồi đóng nhiều vai rất kỳ dị. “Trước tiên đến trao cho hành giả, rồi sau mới gá và thân thể họ.” “Hành giả” là người đang mong cầu được túc mệnh.

Đệ tử: Phải chăng người tham cầu biết được túc mệnh đã bị gá vào bởi một loại ma đã bị hóa thành súc vật, và con ma đó cũng ngậm hạt châu và những vật quý khác trong miệng?

Hòa thượng: Ma nó đưa những thứ ấy cho những người đang nghe pháp xem thấy. Không chỉ riêng một người. Có khi ma nó chọn một trong số những người đang nghe ở đó. Đây hoàn toàn là giả thuyết, không nhất thiết phải xảy ra theo cách như vậy. Đừng nên nghĩ rằng mọi việc đều xảy ra y hệt như cách đó. Bởi vì trong kinh, Đức Phật đã nói như vậy. Đó chỉ là một thí dụ, nên các ông cần phải vận dụng cái hiểu biết của mình trong những tình huống tương quan. Đừng nên hiểu một cách cứng nhắc. Nên uyển chuyển, linh động trong cách hiểu, để đến khi khác, có một tình huống như thế xảy ra, các ông liền biết: “Ồ! Việc này tương tự như ví dụ mà Đức Phật đã dạy trong kinh.” Ở đây, ma hóa thành súc vật, nhưng trong một tình huống khác, có thể nó sẽ biến thành Phật.

Phật tử: “Sau mới gá vào thân thể của họ” là sao? Ai là người bị ma gá?

Hòa thượng: Ma nó gá vào tất cả mọi người (đang đến nghe pháp).

Phật tử: Phải chăng có thêm những loài ma khác đến gá vào mọi người?

Hòa thượng: Không, cũng con ma ấy thôi, nó có thể biến vô số thân. Nó có thể gá vào hành giả, cùng một lúc gá vào tất cả mọi người khác.

Phật tử: Thế nó nhảy quanh từ người này đến người khác hay sao?

Hòa thượng: Nó chẳng cần nhảy, nó chẳng phải chỉ có một thân. Nó có thể biến thành rất nhiều thân.

Phật tử: Ồ, thế thì nó có thể gá vào thầy rồi còn có thể gá vào mọi người khác nữa. Con chưa từng biết ma có năng lực như thế.

Hòa thượng: Năng lực của ma gần như bằng năng lực của chư Phật. Chỉ khác là một bên tà một bên chánh. Những gì ma thi thố ra đều là tà và những gì chư Phật làm đều là chánh. Đó là sự khác nhau. Có một người ở Đài Loan đã trải qua kinh nghiệm này, chúng ta có thể hỏi ông ta về việc ấy.

(*Hòa thượng hướng về cư sĩ*): Xin ông hãy nói cho đại chúng nghe về chuyện ma đã truyền tâm pháp cho ông ra sao?

Cư sĩ: Kính bạch Hòa thượng và các vị Pháp sư cùng các vị Thiện tri thức. Con xin kể lại một sự việc mà con đã trải qua với một nhóm ngoại đạo. Những gì con đã chứng kiến mà không hiểu nổi. Có thể những gì con cảm nhận hoàn toàn không giống những trạng thái

do Thiên ma gây ra như Đức Phật đã giảng trong kinh.

Thiên ma có khả năng thiên biến vạn hóa, những gì con thấy được chỉ là một trong muôn hình vạn trạng mà thôi. Nên khi con chia sẻ kinh nghiệm này. Xin quý vị nhớ cho rằng đây không phải là toàn bộ cảnh giới nhất định. Thiên ma hiển bày qua rất nhiều phương tiện, nó có thể cần hoặc không cần một xác đồng (medium) vẫn có thể biểu hiện được. Nếu quý vị tu tập với tà tâm trong một pháp môn ngoại đạo, Thiên ma liền đến với quý vị qua thân tướng của một con người ngay, không cần xác đồng nào cả.

Đoạn kinh này nói: “*Trong pháp hội, bỗng dung hành giả như có được viên ngọc to lớn.*” Do trong kinh nói “trong pháp hội,” nên con nghĩ rằng ở đó có ba thành phần: xác đồng, người nghe pháp (thính chúng) và người giảng pháp. Hòa thượng đã dịch chữ “người ấy” là nói đến người bị ma ám. Đó là một cách dịch. Tuy nhiên, theo sự hiểu biết của con và qua những sự hiểu biết khác mà con được đọc, thì con nghĩ chữ “*người ấy*” liên quan đến những ai chưa bị ma gá vào. Tại sao vậy? Vì Đức Phật giảng trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm đề cảnh giác những người chưa bị ma gá, nhưng tâm họ đã bị tà lệch chút xíu rồi. Nếu những người ấy không thận trọng, thức tỉnh, sẽ bị ma gá vào ngay. Đức Phật muốn giúp họ cảnh giác khi *sắc ám, thọ ám, tướng ám* chấm dứt, quý vị càng nên đặc biệt lưu tâm, vì quý vị sẽ trải qua vô số cảnh giới như thế này, và quý vị cần phải biết cách đối phó với nó.

Cách đây hai năm, tôi đến nhà một vị cư sĩ đã cạo tóc như một người xuất gia. Ông ta bảo rằng khi ngồi thiền, có loài thiên ma gá vào ông và nói: “Đê rồi tôi sẽ tặng ông một pho *Vô tự thiên thư*¹ (sách trời không chữ) hoặc một bộ kinh gì đó.” Người ta gặp hiện tượng đó vì họ nôn nóng muốn có một con đường giác ngộ nhanh chóng.

Ở đạo tràng đó, họ dùng tất cả mọi phương pháp. Tôi cũng có lần đã nghe họ nói về từng hiện tượng trong *ba mươi hiện tượng ma ám* đầu tiên. Chẳng hạn như tôi đã từng thấy những thẻ tre, trân bảo, đạo phù, bùa chú. Tôi cũng đã chứng kiến có người ăn một bữa chỉ một hạt mè, hoặc một hạt lúa mạch.

Còn như trường hợp “được viên ngọc minh châu vô cùng to lớn,” là khi quý vị ngồi thiền, có người đến nói: “Tôi tặng ông viên ngọc này nhé.” Nếu tâm quý vị dao động, ao ước có được ngọc, thì thông qua xác đồng quý vị sẽ xòe bàn tay ra nhận lấy viên ngọc. Một khi quý vị đã nhận lấy ngọc, mọi vấn đề rắc rối sẽ sinh khởi theo ngay.

Tôi xin nói về một kinh nghiệm cá nhân, cách đây hai năm khi tôi đến một đạo tràng. Một cư sĩ nói với tôi: “Tôi sẽ tặng cho ông một pho *Vô tự thiên thư*, nếu ông thực hành theo đó suốt ba năm ròng, ông sẽ đạt được thần thông lớn. Hôm sau tâm tôi càng trở nên dao

¹ Nguyên văn: 無字天書 *Vô tự thiên thư*; e: *A wordless book from heaven.*

động. Tôi nghĩ: “Ông muốn tặng tôi *Sách trời không chữ*, tốt lắm!” Người ấy liền nói: “Muốn nhận sách, hãy đưa hai tay ra, tôi sẽ trao cho ông ngay.” Sau khi nhận sách, tôi trở về nhà. Hôm sau tôi đọc những điều mà hoàn toàn không hiểu gì cả. Nghe như tiếng Nhật, tiếng Thái, lại giống như tôi đang hát những bài hành khúc trong thời Minh Trị Thiên Hoàng của Nhật Bản, những bài hát tôi chưa từng nghe, chưa từng hát trước đây bao giờ. Dù giọng của tôi thường là rất dở, thế mà khi tôi hát những bài quân hành này, tôi có thể đưa giọng lên có khi rất cao, có khi rất trầm, nghe còn hay hơn ca sĩ hát trên truyền hình. Tôi nghĩ *Sách trời không chữ* là thứ “*giản sách*¹—thẻ tre” được đề cập đến trong kinh văn.

Có hai tình huống có thể xảy ra tại nơi ma đến thuyết pháp. Một là nếu ông không bị ma gá thì ông không biết được chuyện gì xảy ra cả. Nếu ông chưa sạch được *sắc ám*, cũng không thể thấy được điều gì cả. Mặt khác khi ông ở trong thiền định, người bị ma gá có thể thấy được ông và ông cũng thế.

Còn trường hợp thứ hai là cả ông và người bị ma gá vào đều ở trong thiền định và ông có thể thấy biết được mọi thứ mà nó muốn cho ông thấy. Ông cũng có thể thấy được những cảnh giới siêu việt, nhưng đó chỉ là những huyền cảnh do ma hóa hiện ra. Mặt khác, ông không thấy gì cả, nhưng tâm ông dao động. Người kia

¹ 簡策; e: *The tallies*.

hỏi: “Tôi cho ông vật này nhé?.” Nếu ông trả lời “Vâng!”, thì tình huống sẽ thay đổi. Còn nếu ông trả lời: “Tôi chẳng cần” thì thiên ma chẳng thể nào gá vào ông được, vì nó cũng phải tuân theo quy luật của chính nó. Theo tôi được biết, tất cả các tà phái ngoại đạo ở Đài Loan đều bị rơi vào trong *ba mươi loại âm ma* đầu tiên trước khi họ đạt đến tiêu trừ *hành âm* và *thức âm*.

Sự giải thích hôm nay của tôi có khác tí chút so với những tình tiết chính xác mà tôi muốn đề cập đến. Thiên ma có thể hiện ra theo nhiều cách để hãm hại quý vị và ngăn trở trên bước đường tu đạo. Do vì mọi người có nhiều khác biệt nhau trong khả năng tu tập, nên ma sẽ hiện bày bằng vô số hình tướng khác nhau. Tôi chỉ xin trình bày công hiến để quý vị tiện tham khảo.

A-di-đà Phật.

28. HÒA THƯỢNG GIẢNG GIẢI VÀO THÁNG GIÊNG NĂM 1983

Hành giả vẫn còn dễ bị ma làm hại ngay cả sau khi đã tiêu trừ *thọ âm*. Tiêu dung được hết thấy các âm: sắc, thọ, tướng, hành, thức là một việc làm rất bình thường. Đó không có nghĩa là hành giả thực sự có định lực và sẽ không bị ma làm hại nữa. Công phu của hành giả đã ở mức độ cao rồi, nhưng ngay cả khi công phu ở tầm mức cao như vậy, vẫn có thể bị ma quấy phá. Tại sao? Vì vẫn còn nuôi dưỡng tâm tham ái, vẫn còn tham có kiến thức, tham có thần thông, tham có sự cảm ứng. Tâm niệm tham lam đã mở cửa (cho ma vào). Hành giả

không thể nào có được sự tự tại, thoát khỏi sự quấy phá của ma khi còn niệm tham ái.

29. HÒA THƯỢNG GIẢNG GIẢI VÀO THÁNG GIÊNG NĂM 1983

Hòa thượng: Các ông phải dùng *trạch pháp nhãn* và *Diệu quán sát trí* để quán sát trạng thái này. Khi tập trung tâm ý để quán xét, đừng khởi tâm niệm chấp trước: “Tôi đang quán sát.”

Diệu quán sát trí giống như một tấm gương lớn. Cũng như *Đại viên cảnh trí*. Tuy nhiên, trong khi *Đại viên cảnh trí* hiển bày toàn thể thật tướng của các pháp một cách dễ dàng, thì *Diệu quán sát trí* đòi hỏi một năng lực tập trung quán chiếu mới có thể nhận biết được tường tận. Nếu các ông tự mình duy trì được một quan điểm khách quan, thì sẽ không bị rơi vào một loại thiên kiến như vậy. Nếu các ông nhận thức được loại cảnh giới này rõ ràng, các ông sẽ không bị nó xoay chuyển được nữa.

Phật tử: Con có một câu hỏi: Tôn Ngộ Không, nhân vật trong cuốn *Tây du ký*, nó được sinh ra từ trong đá. Tại sao mà đá lại sinh ra khi? Có thể nào hiện tượng này xảy ra sau khi tảng đá đã hấp thụ tinh khí của mặt trời mặt trăng trong suốt hàng vạn năm? Trường hợp Tôn Ngộ Không được sinh ra có giống như trường hợp được đề cập trong đoạn kinh này không? Đó là có một loại tinh khí sinh ra khi có nhật thực nguyệt thực, tinh khí ấy được hấp thụ bởi các loại như: vàng ngọc, nấm lạ, kỳ lân, phụng hoàng, rùa,

hạc... nên biến thành quý. Từ khi đọc truyện ấy, con cứ nghĩ rằng Tôn Ngộ Không có được chút căn lành, hiểu được rằng sự luân hồi dẫn đến nhiều khổ đau... cho nên sau tám trăm năm, ông ta mới bắt đầu đi cầu đạo. Ông ta thông thạo rất nhiều thứ pháp thuật, sau cùng đã trở thành một vị hộ pháp trong Phật giáo.

Tôn Ngộ Không là ví dụ cho một nhân vật tốt, nhưng trong kinh vẫn lại nói về các loại tinh linh, yêu quái biến thành ma khi nó sống lâu. Vậy với những điều kiện, nhân duyên nào khiến nó trở thành Quý khi nó sống nhiều năm? Đường như loài Quý cũng giống như kẻ cướp vì chuyên làm điều ác, có trường hợp nào biến thành Quý, và có số tinh linh nào không biến thành Quý khi sống nhiều năm không, vì có loài thì thiện, loài thì ác?

Hòa thượng: Tôn Ngộ Không cũng chỉ là một loài Quý và những trường hợp khác cũng tương tự như thế. Tôn Ngộ Không có lẽ đã mắc phải sai lầm khi tu tập đến mức độ phá *tướng âm*. Kết quả là biến thành khí, đại não thiên cung, xuống địa ngục tra cứu sổ bộ của Diêm vương. Nó hoàn toàn giống như trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm gọi là “một đại biểu của loài quý.”

Cũng giống như những loài quý khác, khi chán kiếp quý rồi, dĩ nhiên nó cũng muốn quy y Tam bảo. Chỉ với một niệm hồi quang phản chiếu tức liền giác ngộ, trở thành đệ tử của Phật.

Trước khi được giác ngộ, nó vẫn là quý. Quý càng già, thần thông càng lớn. Loài quý còn trẻ thì sức chưa

được mạnh và thần lực chưa được lớn. Loài quỷ già sẽ có năng lực thần thông bất khả tư nghì, do vậy nên nó mới được gọi là quỷ. Quỷ thì có nhiều thần lực hơn ma. Trung Hoa có từ “*ma quỷ*” vì ma có khi biến thành quỷ.

Các ông đã nghe về chuyện “*Như ý ma nữ*” chưa? Đó là một con quỷ cái sống thời nhà Chu. Vì nó không tuân theo quy củ, nên bị trời đánh bằng sấm sét. Tuy nhiên, sấm sét không tiêu diệt được nó hẳn. Nó tụ tinh khí, thu thần lực lại, nỗ lực tu luyện, lại thành một loài quỷ thường đi khắp nơi, thích cướp lấy sinh mạng loài người. Chỉ vì nó muốn gia tăng thể lực của nó và đám quyến thuộc. Mỗi lần nó giết một sinh mạng, loài quỷ khác liền đến chúc mừng: “Ngài thật là phi thường!” Cũng tương tự như các vị sĩ quan chúc mừng một sĩ quan vừa mới được thăng chức vậy. Thể lực của quỷ tăng dần theo mạng người nó giết, đến cả loài ma cũng phải đến thần phục nó. Sau đó, khi “*Như ý ma nữ*” gặp tôi, nó xin quy y Tam bảo. Đó là chuyện một con quỷ cái đã quy y Phật.

Mọi sự việc trong pháp giới này đều rất vi diệu không thể nghĩ bàn. Trong kinh này chỉ mô tả một phần rất nhỏ. Nếu chúng ta bàn đến chi tiết, thì mỗi *ám* (*skandha*) như vậy phải có vô số tướng trạng ma khác nhau. kinh này chỉ nêu lên một dạng của ma sự để cung cấp cho người tu một ý niệm tổng quát, để họ có thể thoát khỏi tâm niệm mong cầu, tham ái. Nếu các ông không có tâm niệm tham dục, ông không cần phải sợ

bất kỳ loại ma quỷ nào cả. Nếu ông thoát khỏi tham dục, chẳng có ma nào quấy nhiễu được ông cả. Ma quỷ chỉ đến khi nó thấy các ông vừa mở cửa ra rước nó vào. Nếu các ông luôn luôn đóng cửa kín mít, nó chẳng thể nào đến được. Ma quỷ sinh ở cõi trời vì nó đã tu phước rất nhiều. Trong kinh thường nói về thiên ma, nhưng các ông không nên nghĩ rằng nó chỉ có ở trên trời. Nó có thể đến cõi trời, nhưng nó không thường xuyên ở đó. Ma quỷ trong cõi người có được thần thông cũng có thể được xem như thiên ma. Nếu thiên ma cần chúng đến cõi trời để cõ vũ cho nó trong khi đánh nhau hoặc tăng cường thể lực cho nó, thì ma quỷ ở cõi người đến ngay lập tức. Cho dù nó sinh ở cõi trời, nhưng vẫn còn tham dục, vẫn còn có những cơn thịnh nộ dữ dội và tính khí rất cang cường, bướng bỉnh. Chỉ vì tính hiếu chiến như thế nên nó trở thành quỷ. Nếu nó không hung hãn và nóng nảy, thì nó sẽ trở nên đệ tử của Phật. Những tập khí xấu và vô minh sâu dày ấy đã dẫn chúng đến với quyền thuộc nhà ma.

Rồi nó sẽ nhận quả báo gì trong tương lai, thật là một vấn đề quá xa xôi, khó có thể trả lời chính xác. Nếu nó gặp được người có thần thông lớn hơn nó và có khả năng giáo hóa, thì nó có thể được hàng phục và chuyển hóa thành hư không. Còn như nếu nó không được thu phục, nếu vẫn còn tiếp tục làm những việc ác không chịu hối cải, tâm tính mê muội, bội giác hiệp trần, đương nhiên chúng sẽ nhận lấy quả báo vô cùng đau khổ trong tương lai. Nó có thể đọa vào súc sinh, là

loài chồn loài cáo. Đó là do tinh linh của quỷ khiến cho chúng biến thành loài súc sinh này. Chúng có thể biến thành rắn hoặc chuột, hoặc những loài vật kỳ lạ khác. Những sự biến hóa này là do ma lực của quỷ. Những loài ác thú như cọp beo thì rất mạnh và hung dữ vì nó có thêm được ma lực gá vào.

30. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG NĂM 1983

Khi tôi còn trẻ, tôi rất thích thi đấu pháp thuật với ma quỷ. Tôi đấu với bọn chúng cho đến khi toàn bộ quân ma ở khắp nơi họp thành bè lũ đến để đánh với tôi. Tôi gần như nhiều lần bị mất mạng với bọn nó. Vì vậy, sau này dù tôi có quá thích đánh nhau với chúng mấy đi nữa, tôi cũng không dám dùng pháp thuật để đấu với nó nữa. Có rất nhiều loại ma quỷ đến ức hiếp, bắt nạt tôi, nhưng tôi luôn luôn thực hành hạnh kiên nhẫn, chịu đựng, không biểu hiện sự đối trị nào. Tôi chỉ phôi nó chỉ bằng lòng từ bi, cảm hóa nó thay vì hàng phục nó bằng Pháp Hàng Phục.

Tôi nhớ một hôm tại Hội Đạo Đức ở Mãn Châu. Chủ nhiệm khoa giảng dạy là Từ Quế Lan. Có từ năm mươi đến sáu mươi học sinh trong Hội Đạo Đức này và một trong số đó bị ma gá. Cô Từ Quế Lan nghĩ rằng với thẩm quyền của một vị Chủ nhiệm Khoa giảng dạy, cô có thể trừ dẹp được tà ma. Cô phun một ngụm nước lạnh vào cô bé bị ma gá, nhưng ma không đi. Ma nói: “Được rồi, cô muốn trừ dẹp tôi, thế thì tôi sẽ gá cô thay

thế. Xem cô làm gì được tôi nào!” Cô bé bị gá liền khỏi bệnh và Từ Quế Lan liền bị ma gá vào.

Trước đó, Quả Hồng nói rằng ông ta đã dùng phương pháp trì chú vào trong nước rồi phun vào người bị ma gá, người ấy được khỏi bệnh. Có lẽ loài ma quỷ gá vào người ấy thế lực chưa được mạnh lắm, nên nó thả ra. Nhưng loài quỷ đang gá vào Từ Quế Lan thì không sợ bị phun bởi nước lạnh, nó chẳng ngán tí nào cả. Từ đó, Từ Quế Lan bắt đầu phát ra ma khí. Vậy nên cô ta không thể làm việc ở Hội Đạo Đức nữa, phải trở về nhà. Ma lại theo quấy nhiễu cô ta đến tận nhà, ném tung gia đình cô ta vào cơn hỗn độn. Nó là loại ma gì vậy? Đó là một loại vượn tinh rất lớn. Khi nó đến, nó giao hợp với Từ Quế Lan. Nó chiếm đoạt thân xác và hành hạ cô ta. Đôi khi nó mê hoặc cô đến mức cô biểu lộ ra lời nói yêu đương say đắm với nó. Thế nhưng chỉ là tình dục mà thôi. Sau khi nó đã chán, Từ Quế Lan bị xuất huyết ở mắt, tai, mũi, miệng. Con vượn tinh đã hút hết tinh lực của cô rồi bỏ mặc cô bị tê liệt cho đến chết.

Hội Đạo Đức phái người đến Tu viện để gặp Thầy Trụ trì, là vị mà xứ Mãn Châu đều biết với danh hiệu “Vương Hiếu Tử” (người con có hiệu họ Vương). Ai cũng đều biết Hòa thượng trụ trì chùa Tam Duyên là người có đạo đức cao tột, có thể nhiếp phục loài ma này, nên họ tìm đến ngài. Tuy vậy, ngài luôn luôn yêu cầu tôi đến xem xét mọi sự tình ra sao. Ngài không bao giờ tự mình giải quyết vấn đề với họ, mà luôn luôn

phái tôi đi giải quyết bất kỳ tình huống nào xảy ra nơi ấy. Việc này vẫn thường xảy ra. Chẳng hạn như khi gia đình Cao Đức Phước ở làng Đại Nam Câu bị quấy nhiễu mà ai cũng biết. Lần này Hòa thượng Trụ trì cũng phái tôi đi, và tôi lên đường. Khi họ báo cho con vượn tinh biết có tôi tới, quý vị thử đoán nó nói gì?

“À! Các ông phí công vô ích, chẳng làm gì được tôi đâu! Cho dù các ông có đưa được Tể Công (một vị Phật sống) đến đây, cũng chẳng làm tôi sợ!”

Nó chẳng sợ gì cả. Khi tôi đến đó, thì con vượn tinh cũng đến. Tôi cùng nó thực sự đấu pháp. Sau hai ngày không ngừng nghỉ, cuối cùng tôi thu phục được nó. Người phụ nữ được hồi phục.

Tôi đã trải qua quá nhiều tình huống như thế. Tôi chẳng muốn dính vào chuyện thế gian nhiều. Chẳng hạn như tôi thấy một người phụ nữ bị một con đại bàng tinh đang gá vào cô ta, khiến đầu cô cứ bị lúc lắc hoài. Tôi không có dự tính sẽ làm gì về chuyện ấy cả. Vì sao? Vì tôi đang tu tập hạnh nhẫn nhục. Ngay cả dù có ai đại tiện trên đầu tôi, tôi cũng sẽ nhận chịu mà không hề nóng giận. Phương châm của tôi lúc này là không tranh đấu với một ai cả.

Quả Hồng, tốt hơn hết là ông nên cẩn trọng, đừng dính mắc với những rắc rối trong tương lai. Ít nhất là ông phải có chút ít thiện căn, còn không thì con quỷ tinh ấy sẽ dễ dàng gá vào ông. Đây chẳng phải là chuyện đùa.

31. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG 1983

Chứng Đạo Ca của ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói
rất rõ:

*Ta! mạt pháp, ác thời thế
Chúng sinh vô phước nan điều chế¹
Khứ thánh viễn hê, tà kiến thâm
Ma cường pháp nhược đa oán hại
Văn thuyết Như Lai đốn giáo môn
Hận bất diệt trừ linh ngỗ toái.*

Tạm dịch:

*Than ôi! Mạt pháp, thời thế ác
Chúng sinh phước mỏng khó điều phục
Xa cách Hiền Thánh, tà kiến sâu
Ma mạnh, pháp yếu, nhiều ác tệ,
Nghe Như Lai truyền pháp đốn tu
Tiếc chẳng nghiên tan như gói bẻ.*

Than ôi! là lời bày tỏ qua tiếng thờ dài tiếc nuối cho thời mạt pháp. Thời đại ác xấu có nghĩa là thời này có rất nhiều ma quỷ và sự đồi bại, rất nhiều loài quỷ quái đều xuất hiện khắp nơi.

Computer là một loại yêu quái lớn nhất. Máy truyền hình là loài yêu quái nhỏ. Loài yêu quái nhỏ phụ trợ thêm cho loài yêu quái lớn. Và loài yêu quái lớn chực nuốt tất cả mọi người. Nó muốn giành hết công

¹ Có bản chép: *Chúng sanh phước bạc nan điều chế.*

việc của mọi người. Đây là thời đại rất ác liệt. Chúng sinh thật là vô phước. Đầu óc họ bị khấn trương, căng thẳng suốt từ sáng đến tối. Số người bị đau khổ vì các bệnh tim, gan, phổi, lá lách và thận, những căn bệnh này tấn công vào con người vì họ bị nhiễm độc bởi tà khí. Họ đã bị ngộ độc quá sâu nặng.

Quý vị cứ nghĩ rằng xem truyền hình, nói chuyện qua điện thoại, nghe radio và chơi bằng computer là tốt, nhưng quý vị không nhận ra sự tổn hại từ tim, gan, phổi, lá lách, thận do những thứ này gây ra. Nó khiến cho con người sống không ra người, ma chẳng ra ma. Đó là dấu hiệu thế giới bắt đầu trở nên tệ hại. Chúng ta sinh ra trong một thời đại mà chúng sinh thiếu phước báu và khó giáo hóa. Quý vị có thể khuyên họ đừng xem truyền hình, đừng nghe radio, nhưng họ cứ nài nỉ được làm những chuyện ấy. Bảo họ đừng nghe nhạc, nhưng họ chỉ giả vờ vâng lời. Thật không dễ giáo hóa những chúng sinh điên đảo trong thời đại khủng khiếp này.

Xa cách Thánh Hiền: Chúng sinh đời này không gần gũi được với chư Phật, chư Hiền Thánh.

Tà kiến sâu: Mọi người đều mắc phải tà tri, tà kiến. Không ai có được chánh tri kiến, mà tà kiến thì quá sâu dày.

Ma mạnh, pháp yếu: Thời đại này thế lực ma quỷ thì thịnh vượng, còn chánh pháp thì rất yếu.

Nhiều ác tặc: Ông hại tôi, tôi hại lại ông, họ làm hại lẫn nhau không dừng nghỉ.

Nghe Như Lai truyền pháp đốn tu: Nếu họ có nghe nói đến *Chánh pháp nhân tạng* của Đức Phật, hoặc pháp môn đốn giáo, họ:

Tiếc chẳng nghiên tan như ngói vỡ: Họ chán ghét Phật pháp dữ dội như thế. Chúng ta hiện nay đang ở trong tình hình như thế vậy đó.

Cho nên Tăng ni ở Vạn Phật Thành không sắm radio, truyền hình, hay cassette ở phòng riêng. Chúng ta nên từ bỏ những thứ ấy. Dù chúng ta có bận rộn đến mấy đi nữa, chúng ta nên tham dự thời khóa tụng kinh sáng và tối, chúng ta không nên vắng mặt trong những khóa lễ này. Nếu quý vị là cư sĩ, không thực hiện buổi lễ ở chùa, thì quý vị lễ Phật, tụng kinh, sám hối và tham cứu Phật pháp ở nhà mình. Đừng nên phí thời gian xem truyền hình, nghe radio, khiến chúng ta chẳng khác gì người thế tục bên ngoài.

Sinh hoạt ở Vạn Phật Thành khác với thế giới bên ngoài. Chúng ta không nên để cho dòng thế tục chuyên hóa mình. Quý vị ở Vạn Phật Thành nên chí tâm hết lòng cầu học Phật pháp, đọc tụng tham cứu và hành trì những đạo lý trong kinh Phật. Nếu quý vị thuộc được Kinh Thủ-lăng-nghiêm, điều ấy làm cho tôi rất hoan hỷ.

Ngay khi ở nhà, các vị cư sĩ nên đọc tụng kinh Thủ-lăng-nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm. Mục đích quý vị là gì? Nếu đến Vạn Phật Thành mà không hiểu được Phật pháp chút nào cả, thật là vô ích! Nếu quý vị không hiểu được gì cả và không có ý kiến cả khi nghe người ta thảo luận, thì thật là đáng tiếc khi quý vị đến đây!

32. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG 1983

Vừa rồi, Quả Địa (Guo Di) hoàn toàn đúng khi nói rằng muốn đạt được chánh định, người tu phải trì giới. Nếu quý vị muốn có được chánh định, thì trì giới chắc chắn là điều kiện tiên quyết. Giữ giới là tạo dựng nền tảng, khi ta đã có nền tảng vững chắc, ta sẽ dựng cột trên đó. Những cây cột này biểu tượng cho chánh định. Móng (nền tảng) biểu tượng cho giới. Chúng ta nên nghiêm túc hành trì giới luật. Điều này rất quan trọng. Nếu quý vị không thiết lập một nền tảng vững chắc, thì những cây cột không thể đứng thẳng được, và Định mà quý vị có được sẽ gọi là tà định.

Còn “Huệ” nghĩa là gì? Một khi các cột đã được dựng thẳng lên và tường đã được xây lên, đó là căn nhà đã được làm xong. Căn nhà dùng vào việc gì? Có thể là để người ta thờ Phật, lễ Phật và nghe giảng kinh, thuyết pháp. Chúng ta sẽ giáo hóa mọi người sửa đổi thói hư tật xấu, tự cải hóa chính mình. Đó là cái dụng của trí tuệ.

Giới luật là *thể*, định là *tướng*, tuệ là *dụng*. Chúng ta phải nên hiểu rõ nguyên lý này. Nếu quý vị thiếu năng lực trì giới, quý vị sẽ có ít định lực. Thiếu định lực, trí tuệ sẽ không phát sinh. Cũng vậy, nếu quý vị không thiết lập nền móng vững chắc, những cột trụ dựng lên không bền vững, thì tường sẽ bị sập, tòa nhà sẽ sụp đổ thành vô dụng. Do vậy, ba môn học vô lậu: giới, định, tuệ hoàn toàn không thể thiếu được. Chúng ta phải hết sức lưu tâm đến ba môn học này.

33. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG 1983

Đệ tử: Khi một người có thể thấy được những hiện tượng xảy ra trong phạm vi hai vạn, bốn vạn và ngay đến tám vạn đại kiếp, tại sao họ lại không thể thấy được loài người tái sinh trong lục đạo khi chịu luân hồi?

Hòa thượng: Đây thực là một vấn đề lý thú. Các ông nên nhớ kỹ trong kinh vẫn nói rằng hành giả có thể thấy mọi hiện tượng trong hai ngàn đại kiếp, thực sự ra hành giả vẫn còn bị ảnh hưởng của cảnh giới hư vọng. Một niệm là vô lượng kiếp, vô lượng kiếp chỉ trong một niệm. Hành giả có cảm giác biết được mọi hiện tượng trong hai mươi ngàn đại kiếp, kỳ thực không nhất định ở thời gian đều như vậy, do vì hành giả vẫn còn bị xoay chuyển trong cảnh giới hư vọng. Bị chi phối bởi vọng tưởng ấy, hành giả trong suốt hai vạn đại kiếp hoàn toàn có cái thấy hư vọng, nên mới thấy trong hai vạn đại kiếp heo vẫn làm heo, bò vẫn là bò. Dù hành giả cảm thấy được như thế, thì cái thấy ấy vẫn không chính xác. Nếu thực sự trải qua hai vạn đại kiếp, thì chắc chắn là heo sẽ chịu luân hồi và sẽ không còn là heo trong suốt ngàn ấy thời gian nữa. Những gì anh ta chứng minh cho cái thấy của anh ta là hoàn toàn giả mạo. Dù anh ta nói có thể thấy được mọi hiện tượng trong vòng hai vạn đại kiếp, đó không nhất thiết là một thời gian dài. Đó chỉ là do cảm giác như có được của riêng anh ta mà thôi.

Chẳng hạn ông Ngô ở Đài Loan nói: “Ồ, tôi có cảm giác như mình đang cùng với người ấy, người kia trong pháp hội mà Lục Tổ đang giảng kinh vào đời Đường.”

Đó đúng là trạng thái mà chúng ta đang bàn đến. Điều rất chắc chắn rằng anh ta cảm thấy ở đây là trường hợp biểu thị, hết thấy mọi sự việc đều không thực. Nếu nó thực, chắc hẳn sẽ có vài chứng cứ. Anh ta chẳng nên đi khắp nơi tự tuyên truyền cho chính mình. Nếu những gì anh ta nói là thực, làm sao mà anh ta lại chịu chia tay ngay sau khi gặp phải người kia (ở pháp hội Lục Tổ). Anh ta đã buông bỏ điều gì chẳng? Tại sao anh ta lại trở về Đài Loan để lo chuyện kinh doanh? Anh ta tự tuyên bố những lời ấy chỉ là để mê hoặc người ta. Những người mà không thể phân biệt được tà chính, đúng sai, liền vội vàng tán thán: “Thật khó tưởng tượng nổi! Chắc là anh ta rất linh nghiệm. Anh ta biết anh ta đã gặp người ấy từ đời Đường.”

Như thế có nghĩa là gì? Nếu các ông biết nhưng không công phu tu tập, thì các ông sẽ vẫn đọa lạc và trở thành ma.

Do vậy, các ông phải nhận thức thật sáng suốt. Cần phải có trí huệ chân chính để hiểu được tại sao khi người ta nói theo cách như thế. Ông Ngô thấy rằng nhân vật như vậy, như vậy có ảnh hưởng rất lớn ở Vạn Phật Thành và Kim Sơn Thánh Tự, nên ông ta nghĩ rằng sẽ rất có lợi khi tuyên bố mình đã từng quen biết với người ấy. Nếu người ấy im lặng có nghĩa là mặc nhiên công

nhận: “Đúng vậy. Thực là ông ta và tôi đã cùng nghe giảng kinh trong Pháp hội của Lục Tổ Đại Sư.”

Quý vị hãy chú ý câu chuyện này, vô hình trung thật giống với tình trạng khi có người đến Vạn Phật Thành, họ khoe rằng được chúng ta giúp đỡ họ. Trường hợp này cũng tương tự như trên, chỉ có khác đi chút ít. Họ đều dùng những phương pháp khác nhau để lừa gạt mọi người.

Hãy đặc biệt chú ý đến điểm này. Như tôi đã nói từ trước, cái giả lót đường cho cái chân thật đi. Trước tiên là giả, hư vọng, khiến cho mọi người đều bị mê hoặc. Sau đó có nhiều người chân chính tìm kiếm để bổ sung cho sự học hỏi giáo pháp chân chính. Khi người ta bị đẩy đến chỗ đường cùng (vô lộ khả tẩu) rồi, họ mới truy cầu chánh pháp. Do đó:

*Phản giả đạo chi động
Cùng giả đạo chi dụng
Thanh giả trược chi nguyên
Động giả tĩnh chi tắc.¹*

Tạm dịch là:

*Quay trở lại là cái động của đạo
Cùng cực là cái dụng của đạo
Trong sạch là nguồn gốc của sự vẫn đục
Động là sự ngưng đọng của tĩnh lặng.*

¹ 反者道之動，窮者道之用，清者濁之源，動者靜之塞
(Lão Tử Đạo đức kinh).

Đạo thường bao gồm sự tương phản, nên khi chúng ta học Phật pháp, chúng ta phải có *trạch pháp nhãn* để chúng ta có thể phân biệt pháp chính pháp tà, pháp đen pháp trắng. Nếu quý vị nhận thức được rõ ràng các pháp thì rất tốt. Nếu các ông bị mê mờ không nhận ra được pháp nào chân, pháp nào giả, nếu các ông vội vàng kết luận mà không chịu phân tích mọi vấn đề một cách kỹ lưỡng, thế là các ông bị rơi ngay vào phiền não.

Do đó, quý vị nên thường xuyên nghiên cứu Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Quý vị thấy câu đối ở trước cổng chính của đạo tràng này là:

*“Hoa Nghiêm pháp hội
Lăng-nghiêm đàn tràng.”*

Vì chúng ta đang ở trong đàn tràng Thủ-lăng-nghiêm, nên chúng ta nghiên cứu *Năm mươi hiện tượng ám ma*, rồi sau đó chúng ta sẽ học đến 25 pháp viên thông của 25 vị thánh. Rồi chúng ta sẽ nghiên cứu về bốn loại “Thanh Tịnh Minh Hối,” dần dần chúng ta sẽ nghiên cứu Kinh Thủ-lăng-nghiêm từng đoạn, từng phần, cho đến khi quý vị hiểu được kinh một cách rõ ràng, tường tận.

Ngày nay, quyền thuộc của loài yêu ma quỷ quái tuyên bố rằng Kinh Thủ-lăng-nghiêm là ngụy tạo. Do vậy nên Phật tử đánh mất tín tâm và nói: “Ồ, Kinh Thủ-lăng-nghiêm là ngụy tạo, dù các ông có nói gì đi nữa, nó vẫn là giả.”

Làm sao mà chúng ta có thể phân biệt được cái chân thật từ cái giả, cái đen từ cái trắng? Đừng có

nhầm lẫn cho rằng ta kiến là chân chánh và chánh kiến là tà vạy. Nhận thức như thế là điên đảo nghiêm trọng trong việc nhận định tà chánh, chẳng khác gì người mù không nhìn thấy được gì, chỉ vì do mình không thể phân biệt rõ ràng trắng đen.

Những người mắc phải là tri tà kiến như vậy, đời sau sẽ chịu quả báo không có mắt, vì đã làm mê hoặc người khác, đưa người ta vào con đường lầm lạc. Hãy chú tâm đến điểm này. Luật nhân quả xưa nay rất chính xác, chẳng sai chệch mảy may. Kinh nghiệm của tôi là không gieo một hạt giống xấu ác nào cả, dù rất nhỏ. Vì nếu ta gieo, thì ta sẽ gặt lấy quả báo ấy ngay trong tương lai.

34. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG NĂM 1983

Khi tham câu thoại đầu “*Niệm Phật là ai?*” Như tôi đã từng giảng đi giảng lại nhiều lần, cần yếu là phải chuyên nhất. Nên có câu kệ:

*Chuyên nhất tắc linh
Phân trì tắc tế.¹*

Nghĩa là: Tập trung tâm ý đến mức chuyên nhất thì được linh nghiệm. Còn rong ruổi phân biệt ắt bị che mờ.

Tâm chuyên nhất được ví như đục một lỗ thủng với cái đục hoặc dùng mũi kim cương để khoan thép.

¹ 專一則靈，分馳則蔽。

Khi mũi khoan được thủng đến bên kia tấm thép ví như là sự chứng ngộ. Đó là kết quả của việc tham thiền.

Ai là người niệm Phật?

Niệm ấy là niệm ở trong tâm của ông.

“Tham” có nghĩa là “quán xét,” khác hẳn với nghĩa “tính toán, suy lường.”

Tham có nghĩa là tập trung tâm ý vào một nơi, tìm xem cái “ai.” Như vậy “tham” có nghĩa là quán xét thật kỹ đạo lý. Trong khi tính toán suy lường không phải là một niệm đơn giản, niệm ấy liên quan đến những điều thị phi, tạo nên sự so sánh phân biệt. Tính toán suy lường có nghĩa là còn quá nhiều vọng tưởng. Trong khi “tham” thì gom lại để chỉ còn một vọng tưởng. Một người khi tính toán suy lường về vài việc thì không thể nào có đủ sáng suốt để quyết định được. Anh ta nghĩ chuyện trên trời rồi tự hỏi không biết ông trời mặc áo gì, đội mũ gì, mắt ông to cỡ nào, tai ông dài bao nhiêu? Mũi ông rộng ra sao? Anh ta cố gắng suy nghĩ về kích cỡ từng phần của ông trời, anh ta cố gắng đo lường từng bộ phận ấy bằng *inch* (2,54cm) và *foot* (30,48cm). Nhưng rất cục, ông trời có giống như sự tưởng tượng của anh ta chẳng? Anh ta chẳng bao giờ thấy được ông trời, vậy nên sự tính toán đo lường về ông trời chắc chắn là không đúng.

Anh ta cũng suy nghĩ về đất. Suy nghĩ về lực hút của lòng đất, trung tâm trái đất lớn bao nhiêu? Mặt đất rộng bao nhiêu? Có bao nhiêu hạt vi trần trên mặt đất?

Anh ta suy nghĩ rằng có vào khoảng 100 triệu lần của tám vạn bốn ngàn hạt vi trần gom lại thành trái đất này. Anh ta chỉ ước đoán và tính toán riêng một mình chớ ngay cả máy tính điện tử cũng không thể tính nổi đến con số ấy. Anh ta tự biến mình thành máy tính, chớ không thể nào chạm đến cái đầu hoặc là đuôi của câu thoại đầu. Nên anh ta cho rằng câu thoại đầu thật là một con quái vật.

Do vậy, “tham thiền” không rơi vào phạm vi *hành ám*, cũng chẳng rơi vào *sắc thọ, tướng, hành, thức ám*.

“Niệm” nghĩa là niệm trong tâm, đó là niệm chuyên nhất.

Chẳng hạn khi quý vị niệm Nam-mô A-di-đà Phật, và chỉ có độc nhất danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật trong tâm, không còn những tạp niệm khác nữa. Đây gọi là lấy độc đề trị độc. Nếu ông có quá nhiều vọng tưởng, nghĩa là có quá nhiều chất độc trong người, thì chắc chắn sẽ phải ngộ độc mà chết.

35. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG NĂM 1983

Vừa rồi Thầy Quả Địa (Gou Di) đã khuyên chúng ta phải xem việc phá trừ *ngũ ám* là rất quan trọng. Thầy nói rất đúng. Bát-nhã Tâm Kinh nói:

“Khi Bồ-tát Quán Tự Tại thực hành quán chiếu sâu vào năm *uẩn*, ngài thấy năm *uẩn* đều là không, nên vượt qua được tất cả khổ nạn..”

Quán Tự Tại¹ (quán sát, nghe thấy mọi hiện tượng trên thế gian một cách tự tại). Trong khi thực hành thiền tọa, từng bước tiến sâu vào thiền định. Trí huệ được khai mở dần theo từng giai đoạn.

Ngài nhận rõ năm uẩn đều là không. Khi một người thấy được sắc, thọ, tưởng, hành, thức là không, thì anh ta không còn bị chướng ngại bởi chúng nữa. Vì năm uẩn không còn bao phủ che mờ anh ta nữa nên trí huệ được khai mở.

Lúc này không phải người ấy chứng được quả vị gì, hoặc được thoát khỏi tam giới đầu! Anh ta chỉ đạt được trí huệ, nhờ trí huệ đó anh ta thoát khỏi khổ nạn và có được niềm vui giải thoát. Nhưng anh ta chưa thực sự thoát khỏi khổ lụy và chưa chứng đạt niềm vui tịch diệt. Anh ta vẫn còn một lộ trình phải đi nữa, anh ta còn phải “*thâm nhập kinh tạng để có được trí huệ như biển,*” và không bị xoay chuyển bởi hoàn cảnh.

¹ Avalokitesvara, Dịch âm là A-bà lô-kiết đế thước bát-ra-da, A-phược-lô-chi-đê-thấp-phạt-la 阿縛盧枳低濕伐羅. Vị Bồ-tát lấy tâm từ bi cứu độ chúng sinh làm bốn nguyện. Còn gọi là Quang Thế Âm Bồ-tát 光世音菩薩, Quán Tự Tại Bồ-tát 觀自在菩薩, Quán Thế Tự Tại Bồ-tát 觀世自在菩薩, Quán Thế Âm Tự Tại Bồ-tát 觀世音自在菩薩.

Còn một tên gọi khác là Āryāvalokitesvara. Dịch âm là A-ry-da-bà lô-kiết đế thước bát-ra-da, A-ry-da-bạt-lô-chi-đế-thước-phiệt-ra 阿唎耶跋盧枳鞞釁筏囉, Nghĩa là vị Thánh quán sát âm thanh của chúng sinh đau khổ mà cứu độ một cách tự tại. Lại do ngài quán sát thông đạt tự tại, đối với sự lý viên dung vô ngại nên gọi là Quán Tự Tại Bồ-tát.

Còn bây giờ hành giả vẫn bị xoay chuyển bởi các cảnh giới trong ngũ uân. Không những anh ta chưa chứng được quả vị thứ tư (của hàng A-la-hán) mà còn chưa chứng được quả vị đầu tiên. Một vị a-la-hán chứng được sơ quả có thể đi mà chân không chạm đất, chân của vị a-la-hán ấy cách mặt đất nửa phân, thế nên vị ấy không bao giờ để lại dấu vết bất kỳ nơi đâu ngài đến. Đó là nhờ ngài đã đoạn trừ sạch 88 phần kiến hoặc.

Kiến hoặc là khi đối cảnh, tâm khởi dậy tham ái. Khi hành giả chứng quả rồi thì:

*Nhãn quán hình sắc nội vô hữu,
Nhĩ thính trần sự tâm bất tri.*

Nghĩa là:

*Mắt thấy hình sắc lòng không động,
Tai nghe việc đời lòng dừng đứng.*

Người mà thấy mọi việc đều là không thì lòng không còn chấp trước. Thế mới biết tại sao hành giả bị “tẩu hỏa nhập ma.” Thật ra thì chẳng có ma nào nhập vào và chẳng có lửa nào bén được.

Tư hoặc có nghĩa là tâm mê mờ đạo lý, khởi niệm phân biệt. Các vị Thánh khi chứng được quả vị thứ hai, thứ ba mới đoạn trừ được *tư hoặc*.

Nếu có người đoạn trừ được *tư hoặc* trong khi tu tập phá trừ *ngũ ám*, liệu có còn vọng tưởng tính toán suy lường nữa không? Liệu anh ta có còn các niệm phân biệt khi tham cứu đạo lý nữa hay không? Hoàn toàn không. Lúc ấy, hành giả có thể tiếp nhận vài vấn đề và giải quyết dứt khoát ngay. Khi cần phải phân biệt

tính toán về sự việc, thì tất cả vọng tưởng đều đến từ *thức*. *Thức* của người ấy thường khởi phân biệt dù chỉ là chi tiết rất vi tế.

Không những anh ta chưa chứng được quả mà còn chưa lên được cõi trời *Phi phi tưởng* nữa. Sao vậy? Vì anh ta chưa thấy suốt được thân thể mình và chưa buông xả được thân ấy. Anh ta vẫn còn đi quanh quẩn trong vòng luân hồi, dụng hết năng lực để công phu trong cái túi da tòi tệ ấy.

Quý vị có nghĩ rằng hành giả phá được *ngũ ám* rồi thì sẽ chứng được quả vị gì chăng?

Phá được *ngũ ám* là đoạn đường phải đi qua, và hành giả đang đi trên lộ trình ấy. Tất cả quý vị nên nhận thức rõ ràng việc này. Đừng có như Vô Văn tử-khuru, nhận lầm quả vị thứ tư của hàng A-la-hán là cõi trời Tứ thiên. Một hành giả khi đã phá vỡ được *ngũ ám* rồi thì chỉ đang ở mức độ Sơ thiên hoặc Nhị thiên. Anh ta vẫn chỉ đang ở mức khởi đầu của việc tu hành. Anh ta chỉ vừa mới khởi hành mà thôi.

Quý vị không nên nhận lầm học sinh lớp một với sinh viên đã tốt nghiệp cao đẳng. Những thần đồng có những tiến bộ rất nhanh trong tu tập không phải là nhiều. Thực vậy, trường hợp ấy rất hiếm. Quý vị phải hiểu rất minh bạch về giáo pháp. Tôi không muốn nói vấn đề này sớm vì muốn xem trí tuệ của quý vị phát triển đến đâu. Nếu một người không đoạn trừ được *kiến hoặc* và *tư hoặc*, làm sao họ chứng quả được. Điều ấy không thể nào có.

36. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG NĂM 1983

Hành giả chưa chứng được quả vị gì cả, các cảnh giới hiện ra đó chỉ là vọng tưởng. Dù anh ta đã vượt qua được *sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm* rồi, anh ta vẫn chưa chứng được đạo. Chỉ mới đặt bước chân đầu tiên trên lộ trình công phu tu đạo. Tất cả chỉ là như vậy. Đến đây hành giả chỉ có thể chứng được bất thối chuyển.

Làm sao mà ma có thể gá vào anh ta được? Ngay một người dù chỉ mới chứng được Sơ quả, thì ma cũng không thể gá vào người ấy rồi!

37. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG BA NĂM 1983

Bát-nhã Tâm Kinh nói:

“Khi Bồ-tát Quán Tự Tại thực hành quán chiếu sâu vào năm uẩn, Ngài thấy năm uẩn đều là không, nên vượt qua được tất cả khổ nạn.”

Một khi người vượt qua được *năm uẩn* thì người ấy chỉ nhận ra được *tánh không*¹ của vạn pháp. Anh ta chắc chắn là chưa chấm dứt được sanh tử và chứng được quả vị gì cả. Anh ta vẫn còn trên lộ trình công phu, chưa đến được bờ bên kia (đáo bỉ ngạn). Thế nên không thể nói hành giả đã chấm dứt được hẳn sự sanh diệt. Anh ta chỉ mới nhận rõ được *tánh không*. Đó mới chỉ là một phần nhỏ.

¹ S: Sūnyatā; e: principle of emptiness.

Đến đây, hành giả không còn cảm thấy khổ hay vui nữa. Nếu hành giả dừng trụ hẳn ở đây, thì sẽ bị rơi vào tà kiến ngoại đạo. Nếu hành giả tiếp tục tinh tấn công phu, việc khai ngộ sẽ đến và cũng có thể bị chướng đạo, nhưng hành giả phải hết sức tinh tấn mới được như vậy.

Cho nên trong công phu, bất luận quý vị đạt đến trình độ nào đi nữa, nếu mình tự hài lòng với chút ít, và thấy mình đủ rồi thì quý vị tự hại mình và sẽ bị rơi ngay giữa đường. Khi quý vị hiểu rõ điều này, quý vị sẽ nỗ lực tinh tấn hơn nữa trong công phu tu tập của mình.

38. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO NGÀY 2 THÁNG 12 NĂM 1992

Phật tử hỏi: Bạch Hòa thượng, Lăng-nghiêm diệu định ở đây là một loại định, nhưng ở trước nó lại liên quan với tam chí, tam quán,¹ như thế nào?

Hòa thượng: Tam chí, tam quán chỉ là những thí dụ. Còn về nguyên lý thì chẳng có gì khác nhau.

Đệ tử: Nhưng nó vẫn không phải là Lăng-nghiêm diệu định hay sao?

Hòa thượng: Về sau hành giả có thể chứng nhập Lăng-nghiêm diệu định. Điều này tôi giải thích có phần khác nhau tùy theo mỗi Pháp hội. Có thể nơi đây tôi sẽ giảng giải sâu hơn.

¹ Tam chí, tam quán: theo giáo lý của Tông Thiên Thai, do ngài Trí Khải Đại sư đề xướng.

Như khi một chú bé lớn lên, nó đã từng làm nhiều việc khác nhau, dù nó vẫn mang tên ấy, và vẫn là con người ấy. Có nhiều sự việc thay đổi, nhưng con người vẫn không khác. Điều ấy có thể giảng giải như thế này ở nơi đây và nơi kia thì giảng nói bằng một cách khác. Nếu quý vị cứ khăng khăng bám vào một cách nhất định, thì khó hiểu được đạo.

Phật tử: Nhưng chỉ với một dạng căn cơ trí huệ nào đó, Hòa thượng mới dùng phương pháp như vậy?

Hòa thượng: Xin trích dẫn bài kệ:

“*Không thủ bả sừ đầu,
Bộ hành kỳ thủy ngư,
Nhân tại kiêu thượng quá,
Kiêu lưu thủy bất lưu.*”

Nghĩa là: Tay không cầm lưỡi cày, đi bộ lưng trâu ngồi, người ở cầu đi qua, cầu trôi nước chẳng trôi.

Xin hỏi ông bài kệ thiên này có ý nghĩa ra sao? Chẳng có gì kỳ đặc cả. Dĩ nhiên là tay ông phải rảnh rang mới cầm cày được. Nếu tay ông cầm vật gì rồi, thì không thể cầm cày được nữa. Nhiều người hỏi: Làm sao cầm cày với tay không? Họ không hiểu vì họ không chịu quay đầu lại. Đó là một dạng thiên ngữ.

Phật tử: Các vị thiền sư thường nói bằng một cách kỳ quái như vậy, nên ngay khi các vị ấy nói về một vấn đề rất hợp lý, người ta vẫn không hiểu nổi những gì các vị ấy nói.

Hòa thượng: Các vị thiền sư khi nói một điều gì, là thích hợp cho một căn cơ riêng biệt nào đó. Nếu nay

các ông bàn về những điều ấy, cũng chẳng khác gì vẽ lại một con vật mà nó thay đổi thường xuyên, nó sẽ không giống tí nào cả. Các vị thiền sư có chủ ý khi nói bằng lối kỳ quặc như vậy, chủ yếu là để quý vị không hiểu được cái gì cả.

Phật tử: Những lời ấy là nhắm vào một người hay sự kiện cụ thể nào đó, chẳng phải dành chung cho mọi người?

Hòa thượng: Khi con cháu đời sau trích dẫn lời này, họ đơn giản chỉ biết “nói về thức ăn mà bụng vẫn đói, đếm tiền cho thiên hạ mà mình vẫn nghèo” chẳng có được lợi ích gì cả.

Phật tử: Như khi người đang gần đến lúc khai ngộ. Các thiền sư có thể đánh để giúp cho anh ta ngộ. Nên nếu người sau đánh người một cách tùy tiện, vẫn không được kết quả gì là sao?

Hòa thượng: Khi các ông đánh họ, chỉ khiến họ nổi nóng lên thôi. Còn khi công phu của các ông đã đến lúc chín muồi rồi, chỉ cần các ông va vào hoặc đụng vào một vật gì đó là liền được khai ngộ. Chuyện ấy ít khi xảy ra lắm. Vì các ông càng mong muốn, càng khó được khai ngộ, vì sự mong muốn ấy chính là vọng tưởng. Các ông không nhận ra đó là vọng tưởng và chấp dính vào trong cái tưởng thường tình của con người. Quý vị tưởng tượng ra cả ngày tận thế mà chẳng giải quyết được việc gì cả.

39. HÒA THƯỢNG GIẢNG VÀO THÁNG GIÊNG NĂM 1983

Nếu người bị ma gá tụng chú Lăng-nghiêm. Ma có rời người ấy không? Nếu các ông trì tụng chú Lăng-nghiêm, thì bất kỳ loài ma nào đang gá trong ông đều phải bỏ đi, với điều kiện là ông đạt đến trạng thái nhất tâm khi tụng chú. Nếu quý vị tụng chú với tâm chuyên nhất, không một niệm vọng tưởng nào hoặc một niệm tham ái nào dấy khởi thì ma phải tránh xa.

Chỉ e ngại rằng quý vị chỉ tụng chú một phần, còn phần kia thì rong ruổi theo vọng tưởng, chẳng có thể từ bỏ tâm niệm: sát, đạo, dâm, vọng và dùng chất gây nghiện. Trong trường hợp như trên thì chẳng có chú nào trì tụng mà được hiệu nghiệm cả.

40. HÒA THƯỢNG GIẢNG THÁNG GIÊNG NĂM 1983

Hàng ngày chúng ta đến đây để nghiên cứu Phật pháp. Chúng ta nên áp dụng những điều học hỏi được vào chính cuộc sống của mình suốt từ sáng đến tối. Làm sao cho cuộc sống được khế hợp với đạo. Nếu chỉ cần một ngày ta không thực hành điều ấy, thì ta đã bỏ lỡ một dịp may. Chỉ trong khoảnh khắc khởi niệm, mình không tiếp tục công phu được nữa là quý vị đã đánh mất nhiều điều lợi lạc. Cũng như khi mèo rình chuột, nó đã ngồi đó chờ suốt mấy ngày, rồi lại bỏ đi. Nó không có đủ tính kiên nhẫn. Ngay khi nó vừa bỏ đi, chuột xuất hiện và mèo không bắt được, điều kỳ lạ là ở

đó. Cũng như người đi câu cá, thả câu suốt mấy ngày rồi mà vẫn không câu được con nào.

Bởi vì những con cá nhỏ thì bị cá lớn nuốt hết rồi, còn cá lớn thì đã no bụng nhờ ăn lũ cá nhỏ, nên không còn muốn ăn gì khác nữa. Chúng chỉ còn muốn ngủ, chẳng còn muốn ăn gì cả trong suốt vài ba ngày. Nhưng khi chúng bắt đầu đói bụng, thì người câu cá cạn hết sức kiên nhẫn và bỏ đi, nên chẳng câu được con cá nào cả.

Cả hai việc câu cá và bắt chuột vốn là việc sát sinh, người tu hành chúng ta cũng tuyên chiến với nghiệp sát ấy. Mục tiêu của chúng ta là sáu tên giặc: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, chúng ta canh chừng sáu tên giặc này rất kỹ lưỡng trong vài hôm, thế là chúng không có được cơ hội hoạt động, nhưng khi chúng ta trở nên lơ là, thì sáu tên cướp lại tác quái, làm loạn. Thật là tai hại. Đó là lý do tại sao chúng ta phải an trú trong chánh niệm, chúng ta không nên xao nhãng dù chỉ trong giây phút, nếu không thì ma sẽ gá vào ngay. Ma đã từng quấy nhiễu người tu hành khi Phật còn tại thế, thế nên chư Tăng thời ấy cũng rất thận trọng và thường công phu tinh tấn.

Khi Đức Phật còn tại thế, có sự kiện gì chứng minh ma quấy phá người tu? Đó là khi kiết tập kinh điển lần đầu tiên sau khi Phật nhập diệt, Ngài A-nan bước lên pháp tòa và ngồi vào vị trí chủ tọa của pháp hội. Lúc ấy dung mạo của Ngài trở lên đơan nghiêm

viên mãn không thể nghĩ bàn. Các vị a-la-hán trong hội chúng đều tự hỏi không biết việc gì sắp xảy ra?

- Điều gì vậy? A-nan thành Phật rồi hay sao?

Lại có vị hỏi:

- Không phải Đức Phật đã nhập diệt rồi hay sao?

Có vị A-la-hán lại nói:

- Đây là ma chăng?

Quả thực nếu vào thời Phật còn tại thế, không có ma xuất hiện, tại sao các vị A-la-hán vẫn còn mỗi nghi ngờ như thế ngay sau khi Đức Phật nhập niết-bàn? Ma chắc hẳn là thường xuyên xuất hiện ngay khi Phật còn tại thế. Quý vị nên quan sát kỹ điều này, khi chúng ta dụng công vào việc tu hành, chúng ta không nên lơ là dù chỉ trong khoảnh khắc. Vào mọi lúc cần phải nhận thức rõ ràng rằng mình đang đứng chân trên mặt đất chân thực và hết sức chú tâm vào việc tu tập. Chúng ta đang thể nhập vào chân lý, chỉ cần xao lãng công phu trong phút giây, thì nghiệp chướng của chúng ta sẽ xuất hiện ngay.

41. HÒA THƯỢNG GIẢNG THÁNG GIÊNG NĂM 1983

Trước đây có người phê bình rằng dùng năm lớp quần áo để ví với ngũ uẩn là thiếu hợp lý vì Bát-nhã Tâm Kinh nói: “Bồ-tát Quán Tự Tại quán chiếu năm uẩn và thấy nó đều không, nên Ngài vượt qua tất cả các khổ nạn.”

Nếu ngũ uẩn giống như năm lớp quần áo, thì khi quần áo được cởi ra rồi con người sẽ bị trần trụi.

Vậy nên Thầy Quả Chu nhận xét ví dụ này dễ khiến cho người ta sinh khởi vọng tưởng, đúng thực là như vậy.

Trước khi năm uân được tiêu dung, người ta vẫn còn bị bao phủ bởi năm lớp quần áo, và con người không có nhiều vọng tưởng như thế. Một khi vọng tưởng bị phá trừ, và người ta trở thành trần truồng.

Cho nên pháp so sánh này có một chút vấn đề nhỏ. Sự rằng nó khiến cho người ta khởi lên vọng tưởng. Trong trường hợp này Thầy giải thích như thế nào? Năm lớp quần áo là thứ hữu hình trong khi *ngũ uân* là vô hình. Hữu hình hoàn toàn khác với vô hình.

Ngũ uân là một loại âm khí, và nó cũng có thể biến thành dương khí. Ma âm cũng có thể trở thành ma dương. Nó hoàn toàn phụ thuộc vào quý vị có biết cách vận hành nó hay không, nếu biết thì quý vị không bị nó chuyển, đó là trường hợp không đến nỗi xấu. Nhưng nếu quý vị ham muốn thân thông, tham cảnh giới thù thắng, tham lợi, thì bị nó sai sử.

Ngũ ám cũng được gọi là *ngũ uân*. *Ngũ ám* là năm loại âm khí. Vì *ngũ ám* mà ông mới bị ma gá. Dương khí làm cho một người có thể tu tập trở thành Bồ-tát. Tuy nhiên vấn đề chính là đừng nên chấp trước, khi không chấp trước thì:

“*Chung nhật xuyên y, vị xuyên nhất lỗ sa
Chung nhật ngật phạn, vị ngật nhất lạp mễ.*”

Nghĩa là: “Suốt ngày mặc áo, mà chẳng dính một sợi vải, ăn cơm suốt ngày mà chẳng dính một hạt gạo.

Ông không dính mắc gì cho dù ông có mặc áo quần hay không. Những người tu hành chân chính không dính mắc với những chuyện như thế, chẳng có gì quan trọng ở ví dụ cởi năm lớp áo, bởi vì quý vị sẽ làm gì khi không mặc gì hết? Đây đơn giản chỉ là ví dụ, vì tôi lo rằng quý vị sẽ không hiểu được khi nghe giảng kinh.

Kỳ thực *ngũ âm* căn bản chỉ là một lượng khí tác quái mà thôi. Khí này có thể chánh có thể tà. Tà khí gọi là âm khí, chánh khí gọi là dương khí. Nếu các ông không biết cách sử dụng nó, thì nó trở thành ma âm. Nếu ông biết cách chuyển hóa nó, thì nó thành ma dương. Vào lúc này ông nên đừng nghĩ đến cả hai chuyện tốt và xấu, đừng ham muốn cảnh giới tốt đẹp và sợ cảnh xấu. Khi gặp một cảnh giới nào, chỉ sử sự như thể nó không hiện hữu, đừng vướng mắc với nó. Tôi hiểu Quả Chu không muốn cởi năm lớp áo ra vì anh ta cảm thấy xấu hổ khi làm vậy. Nên hôm nay tôi đưa đề tài này ra thảo luận.

42. HÒA THƯỢNG GIẢNG THÁNG GIÊNG NĂM 1983

Đạo Phật xem Kinh Thủ-lăng-nghiêm như là một cái kính chiếu yêu. Tất cả loài thiên ma, ngoại đạo, li mị, vãng lượng lượng đều phải hiện nguyên hình khi nghe kinh Thủ-lăng-nghiêm. Chúng nó không còn nơi nào để ẩn náu hay trốn thoát cả. Nên trước đây khi Trí Giả Đại Sư nghe đến kinh này, liền hướng về Ấn Độ lễ bái suốt mười tám năm. Ngài đem hết sự thành tâm

khẩn thiết cầu nguyện cho kinh Thủ-lăng-nghiêm sớm được truyền đến Trung Hoa.

Tất cả các vị Đại đức cao tăng trong quá khứ, cùng tất cả các vị Cao tăng có trí tuệ, không một vị nào là không tán thán Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Thế nên, miễn là kinh Thủ-lăng-nghiêm còn lưu hành, thì Phật pháp còn hiện hữu. Nếu Kinh Lăng-nghiêm bị hủy hoại thì Phật pháp cũng đến thời hoại diệt.

Như thế nào gọi là thời diệt pháp? Đó là lúc Kinh Thủ-lăng-nghiêm bị hủy diệt trước tiên. Ai phá hủy? Thiên ma và ngoại đạo sẽ phá hủy Kinh này. Họ thấy Kinh Thủ-lăng-nghiêm giống như cái đinh trong mắt họ, như cái gai trong da thịt họ. Họ ngồi đờng không yên được. Họ bị bắt buộc phải đưa ra một là thuyết cho rằng Kinh Thủ-lăng-nghiêm là ngụy tạo.

Là Phật tử, chúng ta nên nhận thức chân lý này ngay. Mọi lời trong kinh Thủ-lăng-nghiêm đều tuyệt đối chân xác. Chẳng có lời nào mà không hiển bày chân nghĩa. Thế nên nay chúng ta đang học về *Năm mươi hiện tượng ám ma*, chúng ta càng phải nhận thức tầm quan trọng của kinh Thủ-lăng-nghiêm đến đâu. Kinh Thủ-lăng-nghiêm là kinh mà ma quỷ sợ nhất.

Hòa thượng Hư Vân đã sống qua 120 tuổi. Trong suốt cuộc đời, Ngài không chú giải một bộ kinh nào ngoài bộ kinh Thủ-lăng-nghiêm. Ngài rất cẩn thận giữ gìn bản chú giải Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Ngài giữ gìn nó đã được vài chục năm. Nhưng sau biến cố ở chùa Vân Môn thì bị cháy mất. Đây là điều đáng tiếc nhất trong đời

của Ngài. Ngài chủ trương rằng: Đã là người xuất gia, chúng ta phải nên nghiên cứu Kinh Thủ-lăng-nghiêm đến mức độ có thể tụng thuộc lòng kinh này từ đầu đến cuối, rồi tụng ngược lại. Đó là chủ trương của Hư Vân Lão Hòa thượng. Tôi cho rằng suốt cuộc đời, Ngài xem Kinh Thủ-lăng-nghiêm là đặc biệt quan trọng nhất.

Khi Hư Vân Lão Hòa thượng được biết người ta gán cho Kinh Thủ-lăng-nghiêm là ngụy tạo, Ngài giải thích rằng thời mạt pháp sẽ đến khi người ta lộng giả thành chơn, lấy mắt cá cho là hạt châu. Họ tung hỏa mù khiến cho mọi người không phân biệt được đâu là Phật pháp. Họ đem cái giả cho là cái chơn, lấy cái chơn cho là giả. Hãy xem xét kỹ những người này. Người này viết một cuốn sách, rồi mọi người đều đọc cuốn sách ấy. Rồi người kia viết cuốn sách khác. Mọi người cũng được cuốn ấy. Còn cuốn kinh chân thật do Đức Phật giảng nói thì họ để trong ngăn kệ, nơi mà chẳng có người nào đọc. Từ đó, chúng ta có thể thấy được rằng nghiệp chướng của chúng ta rất sâu nặng. Nếu chúng sanh nghe đến tà tri tà kiến thì liền tin ngay, còn nếu quý vị giảng nói chánh Pháp, căn cứ trên chánh tri, chánh kiến thì họ chẳng chịu nghe. Quý vị có chịu khó nói lại lần nữa, họ vẫn không muốn tin. Tại sao vậy? Vì họ không có đủ thiện căn. Đó là lý do họ nghi ngờ chánh Pháp. Họ mang đầy lòng hồ nghi và tâm bất tín.

Nay nơi Vạn Phật Thành này, chúng ta có thành lập đạo tràng Thủ-lăng-nghiêm, sẽ rất lý tưởng nếu có người phát tâm tụng trì Kinh Thủ-lăng-nghiêm một

hoặc hai giờ trong một ngày. Quý vị học hàng ngày như khi mình học ở trường vậy, và nên học thuộc lòng để có thể tụng được. Nếu quý vị có thể tụng Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm thì rất tốt. Nếu mọi người tụng thuộc Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Thủ-lăng-nghiêm, có nghĩa hiện nay vẫn thời kỳ chánh pháp đang còn tồn tại ở thế gian. Thế nên ở mọi nơi tốt lành như Vạn Phật Thành, quý vị nên phát tâm đại Bồ-đề, để tụng đọc và học thuộc những bộ kinh này. Điều ấy không có nghĩa là ta đua tranh với người khác để được nổi tiếng, để được nổi bật trong đại chúng mà làm việc đó.

Trong quá khứ tôi có một tâm nguyện, là tụng thuộc lòng hai bộ kinh Pháp Hoa và Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Hồi ở Hồng Kông có người đệ tử tên là Quả Nhất (Hằng Định) có thể tụng thuộc lòng Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Tôi dạy thầy ấy học Kinh Pháp Hoa, nhưng về sau có lẽ thầy ấy không nhớ nổi được nữa. Thật là đáng tiếc.

Ở những đạo tràng tốt đẹp như nơi đây, quý vị nên dũng mãnh để học Kinh và Giới Luật của Phật. Kinh Thủ-lăng-nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Tứ Phần Luật, Kinh Phạm Võng... Học cho đến khi quý vị tụng thuộc lòng được. Đó là điều tốt nhất. Làm được vậy mới chắc chắn là thời chánh pháp còn lưu hành ở thế gian lâu dài.

HẾT

Việt dịch: *Thích Nhuận Châu*
Tịnh Thất Từ Nghiêm-Đại Tòng Lâm

SÁCH DẪN

A

A-la-hán, 14, 19, 24, 30, 31, 32, 45,
116, 147, 192, 237, 269, 270, 271,
371, 504, 555, 556, 563
A-lại-da thức, 340, 366
ālayavijñāna, 366
Aparagodānīya, 481
Asaṃkhyā, 92
Asaṃkhyeya, 92
Asita, 396
Assutavā-bhikkhu, 20, 404
a-tăng-kỳ, 91, 92
A-tư-đà 阿私陀仙, 396
a-tu-la, 487, 488, 489, 491
Avalokiteśvara, 554
Avīci., 22

B

Bắc Câu Lô Châu, 338
ba-la-di, 482, 483
Bà-tra, 380, 382
biển dịch sanh tử, 225
biển kế chấp, 300, 314, 315
Bồ-đặc-già-la, 354
brāhmaṇa, 388
buddha-caṅkṣus, 31

C

Cao Đức Phước, 542
chamunda, 231
Chánh chuyên y, 345
Chu Công, 252
Chu Công Đán, 252
Chứng Đạo Ca, 498, 499, 543
Chứng sinh trực, 50
Chuyên Luân Thánh Vương, 480, 481
Cực hỷ địa 極喜地, 114
Cung Thúc Đoạn, 253, 460
cương nữu 綱紐, 354

Cưu-bàn-trà, 86, 87, 178

Cưu-ma-la-thập, 51

D

dã mã, 256, 257
Đại Quang Minh, 185, 186
Đại tự tại, 372
Đại viên cảnh trí, 21, 255, 419, 536
dần việt, 118, 119, 126, 127, 128
dāna, 119
Đẳng trì, 84
đào viên, 378
Đề thích, 145, 146, 148, 155, 165
Dhāraṇi, 429
dharma-caṅkṣus, 31
Diêm-phù-đàn, 62
Diệu giác, 139, 140
Định sanh hỷ lạc, 338, 346
Đông Thắng Thần Châu, 338
đồng thể đại bi, 90
Đồng tử, 487, 488
dương diệm, 257

G

giàn sách, 202, 203, 534
Giá-văn-trà, 231
Gossypium hebecum, 476

H

Hallucinogenic, 165, 503
hành âm, 256, 257, 258, 259, 260,
263, 273, 278, 281, 285, 286, 289,
291, 292, 295, 299, 301, 302, 303,
305, 310, 316, 318, 319, 320, 321,
322, 325, 326, 327, 330, 331, 332,
333, 334, 336, 337, 343, 344, 348,
349, 353, 355, 357, 361, 362, 368,
375, 379, 385, 390, 394, 398, 402,
406, 419, 432, 461, 463, 465, 470,
472, 473, 496, 535, 553, 557

Hoàng phát 黃髮, 366
 Hư Vân Lão Hòa thượng, 567
 Hữu Quân, 382
huyền giác hoàn, 165
 Huyền Trang, 39, 51
huyền úng, 179, 180, 182

J

Jambu-dvīpa, 481

K

Kapila (Kiếp-ti-la) 劫毘羅, 366
 karpāsa, 476
 kāśyapa, 388
 Không Tử, 251, 252, 339, 492, 508
 Kiến trực, 50
 Kiếp bối thọ 劫貝樹, 476
 Kiếp trực, 50
 Kim đầu 金頭, 366
Kim Luân Thánh Tử, 492
Kinh Hoa Nghiêm, 36, 139, 545, 568
 Kinh Phạm Võng, 568
 Kinh Pháp Hoa, 490, 545, 568
 Kṣana, 458
 Kumbhāṇḍa, 178

L

Lỗ-nại-la 嚩捺羅, 232
 Lô-xá-na, 101, 102
 Lục chủng chấn động, 36
 Lục đục, 144, 338
 Lưu Kim Đồng, 90, 131, 185, 506
Ly sinh hỷ lạc, 338, 345
lysergic acid diethylamide, 79

M

Ma-ha Ca-diếp, 387
 Mahākāśyapa, 387
 Maheśvara, 232, 371

Ma-hê-thù-la thiên, 371
 Mạng trước, 50
 mara, 9
 Minh Đế, 368
 Minh Trị Thiên Hoàng, 534

N

Na-la-diên, 232
 Na-la-ka, 396
 Nam Diêm-phù-đề, 338, 481
 Ngũ trước, 50
 Nhập lưu, 21
Nhĩ căn viên thông, 393, 397
 Như Lai tạng, 19, 26, 32, 291, 362,
 387, 422, 436, 437, 447, 458
 nhục nhãn 肉眼 (māṃsa-caḥṣus), 31
 noãn sinh, 257, 370
Nyshyanda Buddha, 102

P

pañca caḥṣuṃṣi, 31
 Pārājika, 483
pati, 119
 Phạm chí 梵志, 388
Phẩm Phổ môn, 490
phản đoạn sanh tử, 224, 225
phản văn văn tự tánh, 16, 32, 47, 84,
 250, 277, 288, 367, 374
Phật bản hạnh tập kinh, 396
Phật danh đà-la-ni, 426, 427, 428, 429
 phi hữu tướng, 25
 Phi tướng phi phi tướng, 392
 phi vô tướng, 25, 143, 257, 370
 Phiền não trước, 50
Phù độc, 203
 piśāca, 231
 prajña-caḥṣus, 31
 pramuditā, 114
pudgala, 354

Q

Quả Địa, 490, 546, 553
 Quả diệt tịnh địa 過滅淨地, 420
 Quả Nhất (Hàng Định), 568
 Quả Tiên, 490
quán, 15, 16, 21, 51, 59, 65, 68, 73
 Quốc sư Ngô Đạt, 515

R

Rudra, 232

S

Sa Ma Lâu Tát, 159
Sắc âm, 48, 49, 248, 319, 325
samādhi, 84
 Śamatha, 15, 85
 Saṃghārama, 515
 senika, 382
 Skandha, 10, 51
 Sơ thiền, 338, 345, 556
 Śrāvaka, 404
 Srota-āpana, 21
 Śukla-vidarśanā-bhūmi, 420
 Sūnyatā, 392, 557

T

Tám nạn, 149
Tam-ma-địa, 170, 188, 199, 208, 216, 224
 Tào Khê, 440
tập tập, 256, 258
 Tathāgatagarbha, 19
 Tây Ngưu Hóa Châu, 338
Thám huyền ký, 458
 Thần ngã, 382
thần trung hữu, 354
 Thần Vu Giáp, 252
 Thắng Quân 勝軍, 382
thanh nhiều, 256, 258, 353
 Thành sở tác trí, 21

Thanh Tịnh Minh Hối, 482, 550
Thanh văn, 13, 14, 115, 116, 241, 403, 404, 412, 415
 Thành Vương, 252
 Thập địa, 114, 139, 410, 420, 421
 Thập nhị bộ kinh, 95
 Thập phạm hạnh, 139
 Thất lai, 21
 thiên nhãn天眼 (divya-cakṣus), 31
thọ âm, 85, 86, 87, 91, 93, 97, 99, 101, 105, 106, 112, 115, 117, 120, 121, 124, 125, 130, 135, 136, 138, 139, 143, 144, 145, 153, 162, 170, 171, 179, 188, 189, 199, 200, 208, 209, 216, 217, 224, 286, 288, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 330, 331, 332, 333, 343, 432, 472, 473, 496, 507, 522, 523, 524, 532, 535, 557
 thuận-nhã-đa, 391, 392
thực âm, 260, 322, 355, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 365, 369, 407, 408, 409, 410, 411, 419, 420, 423, 432, 433, 470, 472, 473, 474, 496, 535, 553, 557
 Thường Nhân Đại Sư, 109
 Thường Trí Đại Sư, 110, 111
thường-lạc-ngã-tĩnh, 368
 Thương-yết-la (Śaṅkara), 232
tì-bà-xá-na, 15
 Tịch nhiên tạp kiến hiện nhập địa 寂然雜見現入地, 420
Tiền cảnh, 499
 Tiền Ni, 382
 Tiên Phạm thiên, 45
 Tịnh duệ 淨齋, 388
 Tịnh hạnh phạm chí 淨行梵志, 388
 Tì-xá-già, 231
 Trang Công, 253, 459
 Trang Tử, 257
 Trì Quốc Thiên vương, 231
Trịnh Bá Khắc, 252
 Trụ thế tự tại thiên, 230, 231, 232

trung đạo, 92, 147, 293, 297, 304,
331, 334
Trung Dung, 492
Tứ Phần Luật, 568
Tứ Quế Lan, 540, 541
Tứ thiện, 20, 34, 345, 346, 392, 404,
556
Tứ thiện căn, 139
Tứ tiếp 祠授, 438
tương âm, 140, 141, 142, 143, 145,
236, 243, 244, 249, 251, 252, 253,
254, 256, 263, 264, 278, 286, 288,
291, 319, 320, 321, 322, 323, 324,
325, 326, 327, 330, 331, 332, 333,
343, 356, 432, 450, 460, 472, 473,
507, 510, 512, 523, 532, 537, 557
Tỳ-lô-giã-na, 62, 63, 64

U

Upāsaka, 488
Upāsikā, 488
Uttara-kuru, 150, 481
ùng hình quỷ 甕形鬼, 178

V

Vairocana, 63
Vạn Phật Thánh Thành, 13, 492, 515,
528, 529
Vasiṣṭha, 382
viên thành thật, 314, 315
Vignakara, 400
Vĩnh Gia Huyền Giác, 498, 499, 543
Vipaśyana, 16
Vô thượng bồ-đề, 13, 14, 412, 413
Vô tự thiên thư, 533
Vô Văn, 19, 20, 21, 22, 23, 122, 123,
402, 403, 404, 556
Vương Hiếu Tử, 109, 110, 111, 541
Vương Nhị Gia, 110

X

Xá niệm thanh tịnh địa, 339, 346
xa-ma-tha, 15, 84, 85, 261, 422
xích tử, 88

Y

y tha khởi, 314
Yajñadatta, 438
Y-xá-na (Īśāna), 232

MỤC LỤC



- Khai kinh kệ	05
- Tám quy luật của người phiên dịch kinh điển.....	07
- Lời giới thiệu	09
PHẦN CHÁNH VĂN VÀ GIẢNG GIẢI	13
* Sắc âm	47
* Thọ âm	84
* Tướng âm	138
* Hành âm	249
* Thức âm	353
PHẦN CHÚ THÍCH, KHAI THỊ VÀ THAM VẤN ...	492
SÁCH DẪN	569
MỤC LỤC	575



■ THỦ LĂNG NGHIÊM

Chịu trách nhiệm xuất bản: Quang Thắng

Biên tập nội dung: Xuân Lưu

Sửa bản in: Phương Hiến

Bìa: Mai Quê Vũ

In 1.000 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm

tại Công Ty In Văn Hóa Sài Gòn

754 Hàm Tử, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Số đăng ký kế hoạch xuất bản:

143-2009/CXB/54-22/PĐ

Cục xuất bản ký ngày 19 tháng 02 năm 2009

In xong và nộp lưu chiểu tháng 06 năm 2009